

Ngộ Không Phí Ngọc Hùng



Một Chút Dối Già

Tập Bốn

Tủ Sách T. Văn & Bạn Hữu
2019

Một Chút Dối Già tập bốn



**Ngô Không
Phi Ngọc Hùng**

Sàng chữ sây câu đổ vào bỏ chữ, thế là ngộ chữ tôi có...*Một chút dối già.*

Bỗng dưng bạn đọc hoảng hốt rằng “giỏi già” chứ chẳng phải...dối già. Lý sự này ngộ chữ tôi lựng bụng theo cụ Trần Dần: “Chữ là nghĩa”. Ngộ chữ tôi...ngộ ra chữ cột với nghĩa. Mà nghĩa thì giới ạ, mông lung, bất định. Lầm khi chữ một đàng nghĩa một nẻo chả biết đâu mà lầm.

Bèn lần mò ăn mày chữ nghĩa trong *Chữ nghĩa làng văn* của cụ Ngô Không. Cứ theo cụ một sách một chữ thì *giỏi*, biến thể ngữ âm của *trối*...Mà "trối già" là làm việc gì được coi là lần cuối trong đời. Còn "dối già" là làm việc gì để nhân sinh quý thích chí trong tuổi già.

Ngô Không Phí Ngọc Hùng

Một Chút

Dối Già

Tập Bốn



Ấn Bản Điện Tử

do

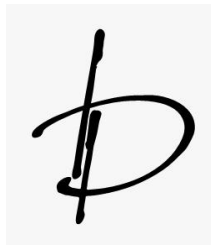
Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu

Thực hiện 2019

Hình Bìa: Ngô Không Phí Ngọc Hùng

Trình Bày: T.Vấn

Tập Bốn



Ngô Không Phí Ngọc Hùng
Thạch trúc gia trang

Mục Lục

- Đôi Lời bộc bạch 01
- Cám cảnh tuổi già 10
- Đêm tàn nguyệt tận 35
- Gậy trúc khua cưa 59
- Sư cụ chùa làng và bà lái đò 80
- Hành phương nam 105
- Chuồn chuồn ngô cắn rốn 137
- Mỗi năm hoa đào nở 163
- Những vết chim di 188
- Thằng em cán gáo 222
- Ngôi ở quán nghĩa địa 244
- Khoả thân ngòi 272

Gã quản giáo bạn tôi **298**
Ngồi ở quán với ly cà phê giấy **327**
Bồ Tùng Linh Tân Biên Liệt Truyện – I **354**
Phi Lạc đi...Tây **382**
Bồ Tùng Linh Tân Biên Liệt Truyện – II **409**
Ngồi ở quán nhậu **438**
Bức tranh Tết dưới chân cầu thang **464**
Cái nợ đồng lần **492**
Chẳng đặt đưng **518**
Vòng tử sinh **544**
Quan san **569**
Mảnh đất trồng cỏ trứng ếch hoa đỏ **603**

Đôi lời bộc bạch

Đùng một cái 75 dứt phim, đu tàu Mỹ qua đây “ngụ cư”, trong khi ngô chữ tôi đánh vật với cơm áo gạo tiền thì thiên hạ sự tiêu pha chữ nghĩa cùng *Những trận chiến cũ. Những mát mát đau thương. Những đất khách bơ vơ, Những hình bóng xưa, v.v...*Họ là những nhà văn lưu vong góp nhóp với “Tại sao viết? Viết cho ai?” qua mỗi ngữ cảnh, mỗi cảm khái khác nhau...

(...) Tôi là nhà văn sống và viết. Tôi tìm chất liệu ở con người thật của tôi. Khi tôi ở trong quân đội, tôi viết về người lính, khi tôi đào ngũ, tôi viết về kẻ đào ngũ, khi tôi trở lại đơn vị bị giáng lon, thì viết về tâm trạng của người lao công chiến trường... Khi tôi ở trong trại cải tạo, tôi viết về sự thật cảnh tôi vô chụp lấy thau cơm của bạn tù vì quá đói. (...)
- (Trần Hoài Thư)

Qua người cầm bút đứng bên lề cuộc chiến....

(...) Diên sàu có lẽ là động cơ để viết. Viết cho giết hết mọi hoang liêu? Mới đầu hăm hờ viết. Trút tâm sự nhớ nước nhớ nhà vào trang giấy! Thấy đơ

2 | Một Chút Đối Già IV

đỡ... buồn. Bèn viết nữa. Ngày nọ qua tháng kia, nỗi buồn vẫn còn nguyên đó. Đọc lại văn, càng thêm ngao ngán. Bởi vì văn chương không chỉ là nỗi nhớ nhà. Tuy nhiên, điều cuối cùng vẫn là ý hướng muốn sống và muốn viết. Tôi tự hỏi "Sống để làm gì?". Câu hỏi ấy bám lấy tôi cho đến một hôm bật ra tiếng trả lời: "Sống để viết". Có lẽ, với tôi, bây giờ là câu tôi vừa ý nhất. (...) - (Tường Vũ Anh Thi)

Cùng chuyện người chuyện ta...

Thêm một cái “đoàng” nữa nhè vào một ngày...ngày qua tháng lại, nắng trưa mưa tối, ngộ chữ tôi tôi quáng quàng chuyện viết lách ở cái tuổi hơi trẻ nãi. Vào lúc người khác đã bẻ bút, thông dong cùng ngày trời tháng Bụt thì ngộ chữ tôi lực đực với cái bàn gõ và gõ lóc cóc. Thoạt đầu trộm nghĩ chả phải là nhà văn, nên chả cùm nạm cùm nự với câu hỏi “Tại sao viết? Viết cho ai?”. Thú thực, ngộ chữ tôi cảm thấy thích viết vậy thôi. Như đã thua thốt ngộ chữ tôi viết thư tình rồi quen tay và viết cho bạn cũ trường xưa riết róng thành cái nghiệp.

Đề thai ghen và đang bụng mang dạ chứa bài tạp bút *Vương nghiệp* này đây.

Nếu như bạn đọc ngất ngư con lạc đà và hỏi thật không? Nói cho ngay, ngộ chữ tôi lấy cái thật để làm cái giả, với chữ là nghĩa *hiện thực giả hư cấu thật*. Như gặp bạn bè trong lúc tửu lạc vong bản, rồi gộp nhặt sỏi đá qua chuyện kể lể, hiểu chả là *như thị*

3 | Ngô Không Phí Ngọc Hùng

ngã văn. Lại nữa, có một đạo ngô chữ tôi cỏ hoa lạc lồi dẫm lên con lộ chữ nghĩa của những người đi trước, và i xì như cái đèn cù xoay quanh những trận chiến cũ (bạn bè kể lại), những mất mát đau thương (vợ mất), những đất khách bơ vơ (gà trống nuôi con), những hình bóng xưa (đang ở Sài Gòn).

Như bạn cũ trường xưa đã hóm hóm *những bài viết về cuộc chiến đã phai tàn*, ngô chữ tôi đục chữ đẽo câu dựa hơi thằng bạn lính ở ngoài trận địa (ngô chữ tôi ở trong...thành phố):

(...) Người mặc áo có gắn phù hiệu của tiểu đoàn 5 không bị thằng Việt Cộng này bắn nhưng bị thằng Việt Cộng khác bắn. Người mặc áo có gắn phù hiệu tiểu đoàn 3 bị bắn bởi thằng Việt Cộng không bắn người mặc áo của tiểu đoàn 4. Chúng tôi lột hết bảng tên và phù hiệu tiểu đoàn. Cuộc bắn giết thừa dần rồi chấm dứt. Để rồi chấm dứt như trong *Vài mẩu chuyện* mà thằng gã súng đã buông bút. Vì: Chiến tranh đã hết rồi mà. (,,)

Với những mất mát đau thương thì gọt chữ đẽo câu về quê nhà (về Sài Gòn lấy vợ...trẻ):

(,,) Một nhẽ khác nữa là trào lưu văn học hôm nay, có hội chứng cho rằng người viết ngoài nước như bật ra khỏi cái gốc, cái rễ của cây đa bến cũ, con đò xưa, nên đánh mất bản sắc, chữ nghĩa đầy rẫy những tha hóa vong thân. Vì vậy tôi đành khăn gói gió đưa về quê nhà, nghe tận tai, nhìn tận mắt, hiểu theo nghĩa là mục sở thị chứ chẳng phải là dẹt chuyện”. (,,)

4 | Một Chút Đối Già IV

Hoặc giả với biên khảo,...biên chép, chạy trời không khỏi nắng câu kết bao giờ cũng chẻ câu vót chữ cho nhọn hoắt (ngại bạn đọc chửi cho rõ mặt):

(...) Người sưu tầm sàng chữ ra câu, sây câu ra chữ để có bài sưu khảo này. Nhưng cái sây nẩy cái ung là sàng lúa ra thóc, lại sây thóc ra trấu với những nguồn trích lục cứ “học hặc” nhau mà người sưu tầm thiên bắt đáo, địa bắt chi. Thế nên trăm sự nhờ bạn đọc thông thiên địa nhân viết nhỏ, thượng thông thiên văn, hạ thức *địa lý*, trung trí *nhân sự* trông giở bỏ thóc dùm. Xin ghi lòng tác dạ với muôn vãn cảm tạ - Nay cần thư. (...)

Sàng chữ sây câu đổ vào bồ chữ, thế là ngộ chữ tôi có...*Một chút đối già*.

Bỗng dưng bạn đọc hoảng huyết rằng “giới già” chứ chẳng phải...đối già. Lý sự này ngộ chữ tôi lụng bụng theo cụ Trần Dân: “Chữ là nghĩa”. Ngộ chữ tôi...ngộ ra chữ cột với nghĩa. Mà nghĩa thì giới ạ, mông lung, bất định. Lắm khi chữ một đàng nghĩa một nẻo chả biết đâu mà lần. Bèn lần mò ăn mày chữ nghĩa trong *Chữ nghĩa làng văn* của cụ Ngộ Không. Cứ theo cụ một sách một chữ thì *giới*, biên thể ngữ âm của *trối*. Mà “trối già” là làm việc gì được coi như là lần cuối trong đời. Còn “đối già” là làm việc gì để nhân sinh quý thích chí trong tuổi già.

Vậy mà bạn đọc già như quả cà chả chịu hỏi bút danh của ta đây gì sất, bèn đón chuyện muốn có bút danh ngon cơm: Ta đây phải theo người thơ Nghiêu Minh lặn lội vào chùa hỏi sư, hỏi Phật *Vào chùa ta*

5 | Ngộ Không Phí Ngọc Hùng

hỏi Phật - Phật nhắm mắt lặng thinh. Cho đến một ngày thiên địa từ mù...

Ta lang thang vào tiệm
Gọi chai bia ngồi đồng
Chợt nhìn ông thổ địa
Cười nhìn ta: *Ngộ Không*

Nhưng không ngon như ăn óc chó vì bút danh đây mơ rề má đến cái tuổi thân chết tiệt với Tôn Ngộ Không. Theo Ôta Tatsuo, chữ “Không” trong Ngộ Không lấy từ câu “Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc” của Bát Nhã Tâm Kinh để giới răn đê tính...háo sắc. Nghe không...xong!

Đành bám víu vào Isobe Akira cho biết trên thực tế có ông sư hiệu Ngộ Không, người đời Huyền Tông đi lấy kinh ở Tây Phương cực lạc, cực khổ khác gì con khỉ Tôn Hành Giả. Bởi nhẽ đó từ ông sư hiệu Ngộ Không. Ngộ chữ tôi...ngộ chứng ra mình là...thiền sư. Quá đã!

Ôi thôi gì mà óc ách từ thiền thật đến thiền giả nên bạn bè hỏi bút danh nghĩa lý gì đành bí rị: Ngộ Không là...không ngộ. (ra ý ngộ đây tiếng Bắc là...hâm hâm, tiếng Nam là...mát mát).

Bút danh được hăm hụi chữ thư pháp trên bia sách để in ấn *Một chút dối già*. Vì không là hàn nho mãi tự nên gửi bạn bè như một món qua chữ nghĩa. Đùng đoàng thế quái nào một bạn văn đưa lên mạng lưới bài văn thuộc dạng ngự sử văn đàn với tựa đề: *Từ chàng in sách*.

6 | Một Chút Dối Già IV

(Về người bạn văn này với trường phái “Văn chương ai điều”, xem *Một chút dối già – Tập 5*)

Ý đồ bạn văn là khộm rồi,...ra mắt với đời đi chứ trước khi về với ông bà. Nghe phát khiếp! Vì ra mắt sách như ra mắt cô dâu với khăn đóng áo dài, nẩy sinh tập tục áo thụng vái nhau cộp cộp như con bửa củi. Bởi nhẽ ấy, phán quan Đặng Trần Huân phang ngang bửa củi:

(...) Việc “ra mắt sách” đưa đẩy người viết xa rời thực tế. Trường hợp điển hình là nhà văn Hồ Trường An khi viết tựa cho tác phẩm của một nhà văn nữ, ca tụng tác phẩm chưa đủ, ông còn ca tụng cả nhan sắc của tác giả mặc dù ông chưa gặp mà chỉ nhìn qua ảnh. Ông viết:

“Ồ bìa sau quyển sách có in tấm ảnh màu của chị...Có lẽ đem thơ của cụ Nguyễn Du khi mô tả Thúy Vân: “Vân xem trang trọng khác vời - Khuôn trắng đầy đặn nét ngài nở nang”. Thì đúng diện mạo chị...ngay. Khuôn mặt chị tròn nét mày hơi dày và đậm nhưng tia gọt thanh nhã. Thúy Vân có thêm *Hoa cười ngọc thốt đoan trang*. Trên tấm ảnh kia, nụ cười của tác giả...tươi ơi là tươi, phô bày đôi hàm răng ngọc trai khít khao và đều đặn: *Đoá hoa cười*”. (...)

Cười không nổi, bèn lẩn dẫn chuyện ra mắt thơ ở thành phố Hút-tân.

Ông nhà thơ Hút-tân đăng đàn giới thiệu thơ và người thơ ngục tù Nguyễn Chí Thiện thì ít mà ông

nói vãng mạng về thơ và “cái tôi” của ông thì nhiều. Chuyện một ngày như mọi bữa tập tục ra mắt sách do nhà văn Duy Lam kể lại: Lần đầu tiên ông tham dự giới thiệu sách của bạn văn ông. Sau khi MC giới thiệu “thân thể sự nghiệp” bạn ông, ông ngỡ ngàng vì bạn ông trở nên...một người xa lạ. Từ đó, ông cách đến già không bén mảng đến...ra mắt sách nữa.

Gần đây có “hội chứng” mấy ông chủ trì hội thoại trên TV, đài phát thanh nhẩy bổ vào văn đàn ra mắt sách làm MC. Khở nổi lại giống chuyện người viết tựa dùm không đọc tác phẩm của tác giả. Thế nên họ lang thang lếch thếch với văn hoá ra mắt sách một hồi với nhà không số phố không tên rồi...lạc đường vào văn hoá phố, văn hóa phường hồi nào không hay.

Bèn hình dung đến một ngày không có mây sao có mưa, một MC “trân trọng” giới thiệu tác giả là “một tôi” xong. Xong xuôi rồi xin một tràng pháo tay thật to, “một tôi” mặt đực ra như ngỗng đực chả biết “một tôi” là ai. Và hoang tưởng tiếp đến phần tiệc trà, gặp “quan khách” ai nấy đều chào hỏi “một tôi” là: *Nhà văn*. Ấy là không tưởng thôi, thảng như có thật, ngô chữ tôi lại ngỡ mình là nhà văn thật thì bỏ bu. Và chắc như gạch nung sau đây mắc chứng hoang tưởng văn mình vợ người (sau đó không đọc văn của ai khác). Thêm bệnh giời bò,...bò đi đâu gặp ai đó chỉ đợi hỏi có “tác phẩm” mới nào chưa? Đề nỏ bậy, nỏ như kho đạn Gò Vấp. Vì đâu phải có

một hai tác phẩm là...nhà văn, nhà thơ. Thế mới rõ khi. Thế nên ai đây đã bòn vót...

(...) Một tác giả có nhiều tác phẩm xuất bản chưa chắc là tác giả nổi tiếng. Ngược lại, một tác giả không có tác phẩm xuất bản cũng chưa chắc là tác giả tầm thường. Một ví dụ là thơ Vũ Hữu Định. Ai lại không nhớ những câu thơ như *Em Pleiku má đỏ môi hồng*...(…)

Tác giả và tác phẩm bòn gio đãi sạn xong, ngộ chữ tôi lang thang như thành hoàng làng khó để rình rình...lang thang qua trường phái “Văn chương ai điều”. Với ai điều chết kèn trống, sóng dầu đèn thì ra mắt sách cũng có kèn trống đầy đủ lễ bộ nên tốn kém cũng bộn. Mọi nhẽ chỉ thiên hạ sự mua danh ba vạn bán “văn” ba đồng vì cái danh: Nhà văn.

Bởi vì con người ta sống trên đời, vô danh thì dễ, thừa bạn đọc.

Nghe vậy bạn đọc giục giặc “Nhà văn là ai? Họ viết cho ai?”. Nói cho ngay, ngộ chữ tôi ăn mày chữ nghĩa của ai đó ...

(...) Những nhà văn, sở dĩ là nhà văn, bởi vì họ biết cách trình bày thế nào để những điều hết sức dễ hiểu thành...khó hiểu. (...)

Còn nhà văn viết cho ai ư? Theo ngộ chữ tôi đùm đậu:có nhà văn viết cho nhân sinh hôm nay. Thì có nhà văn viết cho mai hậu (khi rày người đọc một thước hai thước hết rồi), viết cho đám hậu bối (hậu sinh không rành tiếng Việt). Nói cho lắm tầm

9 | Ngộ Không Phí Ngọc Hùng

cởi trường hay là hãy vay mượn nhời nhẽ của người
ngự sử văn đàn Saint Beuve đã nhận dạng: *Họ viết
cho...cái tên của họ.*

Bạn đọc lại chết kèn trống, sống dầu đèn với:
Nhà văn là ai? Vì bạn đọc tịt mịt rằng muốn là nhà
văn thành danh phải...chết trước đã. Với chết chóc
thì: Nhà văn là...thượng đế!

Vì nếu bạn đọc là “nhân vật” trong tác phẩm của
nhà văn. Sống nhà. Nhưng vì nhà văn là thượng đế
nên buồn tình cho bạn đọc (nhân vật chính) chết tức
trởi ngay ở...chương đầu.

Bạn đọc sợ chưa! Vì vậy mới có trường phái
văn chương ai điếu, thừa bạn đọc.

Thạch trúc gia trang



Ngộ Không Phí Ngọc Hùng

(Xem trường phái “Văn chương ai điếu” ở *Một
chút đời già – Tập 5*)

Cám cảnh tuổi già

Mới sáng bảnh mắt ra đã có tiếng chuông “kính coong...kính coong...” dồn dập ba hồi hai nhịp, chạy trời không khỏi nắng, cụ Nhài biếu ngay không ai ngoài cụ Đại “thầy cúng”. Sáng thứ bảy, chủ nhật nào cũng vậy, cứ bảy, tám giờ sáng cụ ấy đã có mặt, tay ly cà phê, tay điều thuốc lá. Khiếp, chưa thấy người đã nghe thấy tiếng, đúng là người nào tên này, giọng oang oang như lệnh võ. Nói cho ngay, cụ Nhài nhiều bận cũng bực với cụ này lắm, nhưng cụ là con mòng đóng tiền nước, tiền điện cho cụ bảy lâu nay. Lại nữa, không có cụ ấy gọi người này, kêu người kia, canh mặt chược lại thiếu chân. Nhiều khi dư tay, nhà bé bằng mắt muối nên ồn ào như cái chợ. Nhưng cụ cũng khuấy khỏa được hai ngày cuối tuần, không có bà Chi, cụ Cường thì lại nhớ mấy cụ bạn già.

Gừng càng già càng cay, không biết đúng không, nhưng cụ phải công nhận các cụ cũng bát nháo lắm, vừa ngang vừa chướng. Chẳng bù với các cụ ta xưa qua những ngày còn con gái ở quê nhà, gặp mấy ông chú, ông bác như cụ non. Ông chú bốn mươi đã làm lễ tứ tuần đại khánh. Ông bác năm

mươi âm ừ như trời trăn với ngũ thập tri thiên mệnh. Giỗ tết mấy cụ trịnh trọng khăn đóng áo dài, miệng bảm cụ với kính cụ, cụ nào cụ nấy mặt mũi khó đăm đăm như hom hem lăm, câu trước câu sau nói như thở hắt ra: “Cũng gần đất xa trời rồi, sắp chóng gậy về với ông bà”. Gặp con cháu từng ấy điệu bộ, phải tăng hăng trước cái đã, nheo nheo đôi mắt, từ từ như ông Từ vào đèn và cũng từng ấy chuyện bao giờ cũng: “Ngày xưa...”.

Nay thì chính cụ và các bạn già cũng đang khập khiễng bước vào tuổi già. Cụ nào cụ nấy so đo tuổi từng canh, từng giáp, mặc dù đã bảy mươi, tám mươi chứ ít ỏi gì. Khổ nỗi các cụ ông còn đốc chúng, nói hớ ra một câu là bắt bẻ, mấy cụ bà vạch lá tìm sâu, sợi tóc chẻ làm tư thì đã đành. Mấy cụ ông chỉ khư khư cho mình là đúng, cứ như thánh sống, chắc như cua gạch, còn ai khác chỉ ăn quàng nói xiên, ngữ ấy “i-tờ-rít”. Chán mớ đời là mấy cụ đây cùng câu bốn cột ấy, tuần trước không sao, tuần này mặt sụ xuống một đồng, như bánh đa gặp nước, chả biết đâu mà lặn. Ngồi xoa mặt chườm, các cụ cãi nhau như mổ bò, vặc nhau như vật thịt, nói cho cùng, các cụ có già thật nhưng vẫn tính nào nết ấy. Có cụ già không nét, chẳng cần biết có mấy cụ bà ngồi đây, cứ nói văng mạng “già thì già tóc già tai, già răng già lợi, đồ chơi không già”. Trái khóay nhất là bữa cơm, mỗi cụ đòi một bát nước mắm có chét người không cơ chứ, cụ này không có ớt thì nói lấy, cụ kia không có chanh lại đổi. Đông dài vậy chứ

cũng lắm chuyện bật cười, như hai vợ chồng cụ Phú chẳng hạn. Cụ Phú bà thành thói ngồi xoa, cụ Phú ông ngồi châu rìa. Hỏi sao cụ không đánh, cụ nói xưa đi săn bắn, nay thấy nhà cụ treo mấy bức tranh con cọp, con nai nên cụ...”kiêng”. Có kiêng có lành đâu không thấy, một hôm cụ Phú bà có chuyện gì đó, cụ Phú ông ngồi vào thế chân, lại làm cái, cụ sút hoa, nhà con địa ù, từ đó cụ Phú bà cấm tiệt không cho mó vào quân bài mặt chược nữa.

Bắt chợt cụ thờ dài, mà không tin không được, như các cụ ta vẫn dạy: “49 chưa qua, 53 đã tới”. Cách đây mười năm, ông chồng cụ mới bước qua tuổi 53, sau một trận thập tử nhất sinh, hết bệnh lại như bị chứng dở người. Suốt ngày nằm trong phòng nhìn mông lung, quá lắm là ra vườn, hái rau, nhặt cỏ dại, như người mất hồn. Đi xem bói thầy dạy mộ cụ tứ đại đầu bị gốc rễ quán, nghe vậy chẳng biết sao. Nói cho ngay, tại số cả, vì thầy cụ, vì môn đăng hộ đối mà lúc này cụ bị cái nợ đồng lân. Rước ông chồng nhà giàu về rồi, ông cứ lười chầy thây ra, suốt ngày cụ cơm bưng nước rót, chẳng bù với cụ Phú bà, được cụ Phú ông nâng như nâng trứng, hưng như hứng hoa.

Vườn nhà cụ cũng có dăm luống rau thơm, khóm ớt, khóm dong...chỉ thua ông bà hàng xóm dàn bầu, dàn bí. Nhưng riêng, lá mơ thì không thể thiếu với ông chồng khó tính khó chiều của cụ. Ông khó như giữ đóm đêm mưa, như hồi ông chưa bị dở người, khoản ăn uống như gói cá sống, phải đầy đủ

một đĩa đầy ắp lá sung, lá bứa, lá ổi, lá muỗm...ông cứ tấm tắc khen ngon và bao giờ cũng gặt gù, chêm một câu như nhắc khéo bà: “Gỏi cá sông phải có lá sung mới là...người Hà Nội”.

Mới đây cô Tầm Xuân nào đó viết trên báo: “Một thanh gỏi cuốn thiếu lá hẹ, lẫu chua không rau om, thì mất đi bao nhiêu hương vị đấng chất của món ăn”. Cô vun chuyện đàn ông như ông Võ Phiến cũng góp chuyện: “Thiếu mộc cái lá húng, một lát riêng là đĩa thịt cày không còn ra đĩa thịt cày nữa, thiếu chút lá chanh là hồng con gà xé phay”. Mà ở cái xứ này thịt cá ê hề, cứ cơm nóng canh sốt là mát da mát ruột, cô Tầm Xuân lại cảm thấy trống vắng hơn khi một lần ngồi bên cái lẫu mắm kho của miền Nam mưa nắng hai mùa, để mưa thương nắng nhớ: “Đâu rồi bông điên điển, kèo nèo, rau dứa nước? Đâu rồi rau ngô, hẹ nước, rau lách, hoa lục bình? Mùa này ở đây, hoa chuối, rau lang, tần ô không nói làm gì, rau má, càng cua xem chừng khó kiếm”. Mòng toi lại càng chẳng dễ dàng gì, cô Tầm Xuân này còn ví von, bó mòng toi lá rộng như tai dơi, lại còn thơ thẩn *nếu đừng có giậu mòng toi, hế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng*.

Cụ thì bầu dục chấm mắm cáy, nhưng nghe cũng nao nao, lại càng nhớ chôn bỏ đi, lại càng thương những giậu mòng toi quang năm xanh lá, cùng rặng tre cuối vườn.

Nhà cụ ở quê hình chữ môn, cụ chẳng biết chữ môn méo tròn ra sao, chỉ biết nhà cụ là nhà gạch mái ngói. Chỉ riêng hai dãy nhà ngang trải dài và rộng rãi, một bên làm bếp thổi nấu, cối xay cối giã, xay lúa giã gạo, bồ thóc. Một bên là buồng kho, chậ ních với bừa, cuốc, cào, cạnh là chuồng trâu, chuồng lợn. Gần hàng rào là ao cá, vườn sau um tùm với bưởi, bông, sung, ổi. Gặp ngày mưa dầm thối đất thui trời, cụ nhặt nhanh ít cây cỏ sau vườn để co bát canh bí buồn như canh bí chiều đang ấy mà, vẫn theo ai đi đến cuối cuộc đời và bắt giác cụ lại thờ dài không đâu... Nhưng ấy là chuyện sau.

Chả là không phải lúc nào cụ cũng tần mẩn với cái ăn thức uống, cây nhà lá vườn. Ngay cả các cụ ta xưa cũng đã nặng lòng với ngọn rau ngọn cỏ...

Rau thơm, rau húng, rau mùi
Thìa là, cải cúc, đu mù hành hoa
Mồng toi, mướp đắng, ớt, cà
Bí đao, đậu ván, vườn nhà trồng nên

Bông không cụ lấy dây tới câu ca dao “mình nhớ ta như cà nhớ muối”... Để cụ lần mò ra đến bờ ao “tương tư chẳng ốm cũng sầu, con ruồi đậu mép chẳng đau cũng buồn”, để rồi thần thờ đến các cụ ta xưa lại nhè anh chị rau muống ra làm tình làm tội:

Muống than thân muống
Bứt đọt nấu canh
Anh than thân anh
Vợ con chưa có

Bảo cụ nhiều chuyện cũng tội cho cho cụ, nhưng cứ nghĩ mà tức anh ách... Chuyện là mấy bạn già dậy khôn cụ thời buổi bây giờ, muốn cho cây cao lớn phải “sì sầm” với nó. Chuyện xưa như trái đất vì thời thầy để cụ ở quê nhà đã có tục “Khảo cây”, cho chóng ra hoa ra quả vào ngày tết Đoan Ngọ, mừng năm tháng năm. Cánh đàn bà vén váy leo lên cành giả vờ làm cây, cánh đàn ông đứng dưới gốc cầm cái gậy, vừa gõ vào cây vừa đối đáp, gọi dạ bảo vâng, cứ như phường chèo vậy, trẻ con như cụ được phen vỗ tay thỏa thích. Ấy thế mà hay, yêu cho roi cho vọt, chẳng phải “sì sầm” gì sắt cả.

Trở về chuyện vườn tược, có lẽ gắn bó với cụ là ao rau muống cạnh hàng giậu thưa, có những buổi chiều, hồi còn con gái, cụ vẫn lẫn thân ra ngắm những bè rau muống lững lờ cùng những bông hoa tím nhạt. Mà có điều lạ là rau muống còn gọi là rau tần, dựa vào hai câu thơ của ông thi sĩ nào đó đi hát cô đầu ở Khâm Thiên nhìn ra cánh đồng thấy đầy những ao rau muống nên nảy ra thơ...

Mưa bay trắng lá rau tần

Thuyền ai bốc khói xa dần bên mưa

Cụ cứ chân quê theo các cụ ta xưa thì không gì ngọt ngào hơn câu “còn ai còn đó còn đây, còn ao rau muống thì còn chum tương”. Mưa nắng gì thì cũng chỉ có hai loại rau muống, cây trên nước cạn quanh bờ ao, lá xanh mỏng và cọng mềm trắng, nên gọi là rau muống trắng. Còn rau nổi trên mặt nước thành từng bè, cọng dài lá to, là rau muống đỏ. Khác

nhau là cách nấu nướng, như thầy cụ chỉ thích gọi rau muống, còn gọi là nham rau muống, mà cũng chỉ riêng để cụ mới làm vừa ý thầy cụ thôi.

Đề cụ cắt ngắn từng hai đốt ngón tay, luộc rau cho tái, trộn với khế thái mỏng, bỏ vào mấy con tép, xong rắc mè rang, phủ dăm ba lá húng chũm, kinh giới. Khoản ăn uống thì thầy cụ khó tính như cụ gì ấy làm thợ, cụ này tới nhà bạn ăn tiết canh vịt, thấy thiếu rau thơm, cụ lò mò ra sân gạch nhà bạn, bóc lên mấy viên gạch để trồng rau thơm cho kỳ tới...Mà đề cụ cũng khó khăn chẳng kém, lá tía tô phải đi với bún riêu, và không thể thiếu rau muống chẻ. Đề cụ chẻ từng sợi một, bỏ vào nước, sợi rau sẽ cuộn tròn lại từng khúc và đặt nằm lót dưới bát chiết yêu. Cụ thì sao cũng được, đói thì ăn rau muống rau má, đừng ăn quấy ăn quá mà chết, nên cái bụng hơi còn cào một chút là cụ làm rau muống sống, món này vừa nhanh vừa gọn, chỉ vặt bớt lá đi, để một nắm rau trên thớt, lấy chày đập một hai cái, cắt ngắn, cho vào chậu ngâm một lát rồi bỏ lên đĩa, cho ít dấm chua pha với nước lã, đường, muối, ớt, tiêu, loãng một cái là xong.

Ngòai ra rau muống xanh còn dùng để xào tỏi, xào thịt bò, canh khoai sọ, nhưng theo cụ, ngon nhất vẫn là canh rau muống luộc đánh dấm tỏi. Riêng rau muống đỏ cũng dùng để xào và luộc, nhưng thường thì để muối dưa chua. Năm nào giời đỡ chứng, gặp trận mưa sập sùi, mấy ngày mấy đêm, tuần sau lại nắng nóng, nắng hanh nữa thì ôi thôi, cái giống này ngấp đất, ngấp vườn, chỉ béo cho đàn lợn sề, lợn in.

Áy, chuyện ao chuôm, vườn tược kể lẽ không bao giờ hết chuyện, thù người ra một lát, cụ lại lan man đến cô Tầm Xuân, cô này văn vẻ có duyên đáo để, cô dẫn giải câu *trèo lên cây bưởi hái hoa, bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân*, thế nên cô lấy Tầm Xuân là tên hiệu, ngỡ cô viết nụ tầm xuân này nọ, cô lại viết...muối cà:

“...Đã là người Việt thì ai mà không xiêu lòng với miếng cà muối chua chua, nhai cứ giòn xòn xột, thêm lá ớt đỏ tươi cay xé lưỡi. Hôm nào có bát canh rau đay, canh mồng tơi, thế nào cũng phải có được dăm quả cà muối quen thuộc như như ca dao, như hạt muối mỗi đời ta”. Tiếp, cô viết về tương Cự Đà, xong cô sấm nếm: “Buổi chiều đi làm về, ngồi bàn thần nhìn mâm cơm, nhớ nhung những ngày tháng mầu tím hoa cà, miên man hoài niệm dai dẳng về người tình vừa bỏ ta đi...như những dòng sông nhỏ”.

Ôi chao, làng nước ọ, khôn khỏ cái nhà cô này, hết thơ đến nhạc, cứ vẫn vương lấp lửng làm cụ cũng “vương vẫn” theo và đến đó là ngưng, có chết người ta không cơ chứ. Nhưng được như cô ấy cũng quý hóa lắm rồi, ai như lũ con cụ, trứng đòi khôn hơn rận, không biết học lóm ở đâu, cứ như ngỗng đực ra: Cà bát là cà Nghệ. Rõ thật chán. Mà nào có gì đâu, cà phải gọt sạch nuốm, ngâm vào vại, mà vại cà nào chẳng có nước, có dấm, nêm chút muối, chút đường. Chỉ khác một nhẽ cà muối sổi thường là cà

pháo, nếu là cà bát thì cắt ra từng miếng, cho thêm mấy nhánh tỏi đã đập để cho cà trắng, cụ vẫn nói cà phải trắng phau, ròn tan mới ngon mắt, sướng mồm. Rồi đập bằng cái vỉ tre, hai ba tuần mới lấy ra ăn. Còn cà nén thường là cà bát, đừng quên cho thêm vài củ riềng giã nhỏ để có mùi thơm, rồi dùng cối đá nén khoảng hơn một tháng để trái cà đẹp lép, vì vậy các cụ xưa ta vẫn thường ví von là: “cà riềng, cà tỏi” là vậy.

Nhắm khi cụ ngao ngán chẳng biết lúc xuôi tay nhắm mắt, mấy món của ông bà mai này cũng sẽ mai một. Các cụ nhớ nhà, nhớ quê, nên mang cả vườn tược qua đây, ngò thơm, húng quế cũng theo chân các cụ, chọn mảnh đất này làm quê hương thứ hai. Đất lạ quê người, các cụ có thể đổi cách ăn mặc, đổi tính đổi nét, nhưng món nào thức nấy, không thể bỏ và cũng chẳng đổi thay, như đã đeo đẳng các cụ từ đời này qua đời kia, như ăn trầu phải quết tí vôi cho đậm đà, cay lưỡi đỏ môi. Nên lúc nào rảnh rỗi cụ ba điều bốn chuyện với các con cụ: Cũng là cà nén, nhưng được ướp với tương, không cần nén nữa, mà dùng cái vỉ đè lên cho cà chìm xuống, chùng dầm bữa, nửa tháng mang ra, mà đừng có nhanh nhẩu đoang, phải rửa sạch, nặn hết hột, vắt ráo nước, thái từng miếng, ngâm với tỏi, ớt, đường...Đến lúc này, tụi nó mới xuyết xoa, còn nhái lại cụ nữa *anh đi anh nhớ quê nhà, nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương....*

Bỗng không cụ chợt nghĩ đến cụ Đại, tết này từ quê nhà về, nếu cụ có có mang qua được ít cà trái thì hay cà Nghệ thì thế nào cụ cũng làm cà muối sôi cho cụ ấy sôi, chỉ ba bốn bữa là xong tất. Hai giống cà này cùi dày, ít hạt, chấm với mắm tôm chanh, ớt tươi, thêm vài lá kinh giới, nếu có được nồi cơm ré hoa đỏ, chắc mắm cụ ấy sẽ phục cụ sát đất. Gái làng Trạo Hà, huyện Đông Triều chứ đâu có thua ai, dầu sao cụ chẳng có một thời, ngát thơm hoa sói hoa nhài, chẳng thanh lịch cũng con người Tràng An. Ấy đấy, cụ với cụ Đại, thỉnh thoảng vẫn chằm chọc nhau vậy, nhiều khi còn quan anh, quan bác, cứ như quan họ Bắc Ninh không bằng. Cụ tùm tùm cười vì cụ Đại có lúc ma mãnh như trẻ con, cụ chúa ghét khuôn mặt ủ dột của ông chồng cụ, bấy ngày chỉ thấy trời mưa...

Ấy mà cụ chả hiểu cụ Đại mấy lúc gần đây, cứ nhong nhóng cười hạc về quê, đi như đi chợ. Mới năm ngoái thăm người tình cũ, từ Hà Nội về mặt mày méo sẹo, than thà đừng về thì hay hơn, vì còn giữ những hình ảnh đẹp. Bây giờ lại thậm thụt ở Sài Gòn, nghe các cụ kháo nhau, chuyện này tậu bò lại được cả bê. Thế là cụ cơm niêu nước lọ: “Ồi giao, trò đòi đàn ông như cái nôm, chòm chộp úp xuống cầu may ấy mà”. Các cụ ông cãi văng chẳng ăn chẳng chơi, nửa đòi cũng ra ma, chết hai tay cặp đít. Nên cụ cảm như thóc ngâm, nhưng bụng rửa thậm ăn cỗ nhờ môi rồi, mèo mả gà đồng, ông nào chẳng

có. Cá mè một lứa cả, cái ngữ ấy trước sau gì cũng được chim bẻ ná, được cá quăng nôm ấy thôi. Cụ lại ám úc, nào ai biết ma ăn cỗ, có mà giời lần...

Chả phải soi mói gì, có lần cụ được cụ Đại cho xem cái hình đen trắng đã ó màu vàng khè. “Cô nàng” răng đen hạt na, người vừa gầy vừa khô, cái điệu này, các cụ xưa ta vẫn dậy khô chân, gân mặt, đất tiền cũng mua. Cụ chắc lưỡi, các cụ ta gả vợ lấy chồng cứ như là mua trâu mua lợn ấy. Xem đến cái hình thứ hai, cụ bấm bụng không dám cười, ai lại người đứng thẳng đuồn như con trạch phơi nắng, đầu quấn khăn vành giầy, mặc áo tứ thân, bụng đeo lưng lẳng cái xà tích bằng bạc của các cụ ăn trầu. Mà giời đất ạ, tay thay vì cầm cái nón quai thao, thì “cô ả” cầm cái...quạt mo, thế có chết người không chứ. Có một cái Tết, cụ Đại dẫn vợ lại mừng tuổi. Nói chuyện một hồi lâu cụ thấy cũng không đến nỗi nào, cũng biết đầu biết đuôi. Không phải tọng chém to kho mặn hay rán sành ra mỡ, còn hơn chán vụn mấy bà em chồng của bà, lúc nào cũng cho đơn đòi kếp, bóc ngăn cản dài. Cụ hỏi dò vợ chồng cụ Đại chả có chuyện đá thúng búng nĩa, mà cụ Đại cũng chả khó khăn cho mấy, bề hành bề tởi gì cho lắm như ông chồng cụ, nên cứ sồn sồn năm một. Nghĩ cho ngay vợ chồng cụ Đại cũng hay, chẳng khác gì: “Vợ chồng như đôi chim cu, chồng đi trước vợ gật gù theo sau”. Để rồi cụ lại lan man đến thân phận cộc cạch như đôi đũa lệch của mình “Tiếc thay hột gạo tám xoan, thổi nồi đồng điều lại chan nước cà”.

Bỗng dung cụ tiếc nuối đến ngẩn ngơ. Hay là cái tên nó vận vào người vì nhài trong Nam gọi là lài, hoa lài lại giây mơ rề má đến thài lài cứt chó.

Khi không cụ thậm thọt sao bây giờ cụ Đại lại dở chứng éch vờ hoa mướp thế này, thế kia. Hay là cụ ấy có duyên ngầm, cái này thì cụ không biết. Nhưng cụ phải công nhận một điều, mặc dù ăn to nói lớn nhưng cụ nói chuyện đâu ra đó, có vận có điệu, nhất là khi cụ kể chuyện Tàu, điển tích điển cố vanh vách, lâu lâu còn chêm vào hai ba câu thơ Đường. Và cụ chịu chết, mặt ngây ra không hiểu ắt giáp gì cả, cứ như chúa Tàu nghe kèn, nhưng nghe mãi rồi cụ cũng thấy hay hay.

Qua giêng, thêm một năm mới, dạo này cụ chán chả thiết đến ngày tháng, ăn chả thấy ngon, nhiều sáng dậy, cả người cứ ê ẩm, lừ đừ như người ố giả vờ ấy. Ấy nhưng hôm nay, tự dung cụ cảm thấy nhẹ mình nhẹ mảy, cũng có thể vì nắng ấm, chim chóc lại về nhiều, ríu ra ríu rít với nhau cả một góc vườn và cụ cũng vui lây.

Vào xuân cả non tháng rồi, mà trời vẫn còn gây gây lạnh, theo vườn của người chủ trước, cái thác nước lù lù một đồng như mả Đạm Tiên, cụ dẹp quách nó đi cho đỡ chướng mắt, còn cái hồ, cụ đổi bếng ra cái “ao” rau muống cho gọn nhà gọn cửa. Mới sau cơn mưa đầu mùa kéo dài cả tuần lễ, lại gặp nắng hanh, những cọng rau to bằng ngón tay út, lá bằng ngón chân cái, dài như lá tre ngoi dài ra khỏi bờ và bò lổm ngổm trên mặt cỏ, cứ như rau muống

đỏ vậy, chả là nắng tốt dưa, mưa tốt lúa ấy mà. Hay là muối cho cụ Đại một hũ dưa chua, cũng chẳng mất công gì nhiều, thêm chút rau cần là xong ngay ấy mà. Nhưng cụ biết cụ Đại thích làm theo kiểu người Nam, cũng dễ thôi, thêm ít giá sống với rau răm và hẹ. Thường thì ở quê cụ, vẫn muối rau muống với rau ngổ trâu vì hai cái giống này, lạ một cái là hay mọc chung với rau ở ao nhà.

Còn luống cà góc vườn, mới cuối đông, tháng giêng là tháng ăn chơi, tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà. Cụ lấy hột cà phơi khô từ năm ngoái, ủ vôi ủ vàng bằng cỏ khô để ươm, có lẽ tưới bằng nước vo gạo nên nay đã có hoa tím lơ thợt, đúng là màu tím hoa cà, trông đến mát mắt. Vừa tản mần làm vừa nhớ lại ở quê nhà, để cụ lấy mấy trái cà to, già và vàng, buộc giấy vào cuống, treo lên cột cạnh nơi xó bếp. Tới cuối đông, để cụ lấy xuống và bỏ ra, lượm hột, giằm đất, rắc hạt cà xuống, ủ trên một lớp rác thật mỏng. Khoảng một, hai tuần cà bắt đầu mọc, khi mọc được mấy lá thì đào lên và cấy cách nhau khoảng ba, bốn gang tay và tháng sau là cà ra hoa. Khôn khổ nhất là cụ, hồi nhỏ, cứ phải canh mấy ả gà mái ghe béo nung núc dẫn con đi kiếm giun, kiếm dế, đào xới cứ vung vãi cả lên. Thêm mợ ngan mỏ đỏ nằm ổ, bì bạch kéo lê đào sỏi nữa, thì lạy chúa tôi, nhiều khi tan hoang cả một khóm cà. Nhưng được cái là cà vươn lên vùn vụt, xum xuê, sai trái hơn cà bát, cà trái thị, cà trái găng

sọc xanh, mấy giống này chỉ được cái to xác, mỗi cây ba, bốn trái là nhiều.

Cụ vừa nhặt rau vừa vắn vợ về khóm cau, khóm chuối quê nhà...Bất chợt, đặng “ao” rau muống, có tiếng kêu òm ộp của con cóc ở một hóc hẻm nào đó cất lên ròi rạc, được một lát có tiếng kêu của một con khác đáp lại ở góc vườn. Cụ lắng tai nghe hình như một con đực, một con cái, ngừng một lát như thăm dò, rồi chúng lại thúc giục gọi nhau, rồi lại dứt quãng. Tiếng con đặng góc vườn thanh và ngắn hơn, theo cụ nghĩ thì e dè hơn, cụ đoán chừng là con cái. Còn con đực thì ve gái như già chầy già cối, lúc khoan thai, lúc dồn dập như thổi thúc, mời gọi. Hay là trời sắp có cơn giông, “ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước” ấy mà...Mà cũng lạ, không hiểu sao chúng cứ nhè gọi nhau vào lúc trời sắp mây mù mưa gió, giống vật cứ như người vậy, nào ai biết, nhất là bây giờ lại lác đác có mưa xuân để mây mưa.

Phải gió phải giây thế nào chả biết nữa, bỗng không cụ nhớ lại vợ chồng cụ Đại lù khù như vợ chồng như đôi chim cu, chồng đi trước vợ gật gù theo sau. Từ đôi chim cu đất, cụ chợt nhớ đến truyện đôi chim bồ câu của bà giáo Bồng.

Chuyện là đi chợ cụ vẫn thường nhặt nhanh báo chợ, báo chùa để đọc cho qua những ngày vắng gió đầu hiu với ông chồng như con gà rù. Một ngày cụ

đọc được “Chim bồ câu ngoại tình” này, suốt đêm cụ thao thức, cứ lừng lợ lợ....

“...Chung thủy như chim bồ câu, từ tấm bé, chúng tôi được ông bà, cha mẹ bảo thế, lớn lên đọc sách cũng nghe nói như vậy, rồi sau này là nhà giáo, dạy học trò (bà giáo Bông), dạy con cái cũng không ra ngoài cái khuôn thước ấy. Cho đến một buổi trưa năm 1978, vào thời gian sống trong chung cư, tôi mới ngó người ra. Điều được nhìn thấy rõ ràng, vì nó trái ngược quá, nên tôi phải mời một bạn hàng xóm là giáo sư Nguyễn Xuân Hiền, ra sân sau cùng quan sát. Đầu đuôi thế này:

Gia đình chúng tôi có một chuồng nuôi chim bồ câu hai ngăn. Sau khi nuôi được một đôi xám, chúng tôi nuôi thêm một đôi nữa màu trắng, không may con chim mái màu trắng chết. Ông nhà tôi nhiều lần phải nhắc mua ngay một con mái khác để ghép đôi, cho con góa khỏi bay mất. Nhưng vì bận quá, tôi cứ chần chừ mãi, cũng may con góa vẫn lủi thủi sống một mình.

Buổi trưa hôm đó, tình cờ tôi ra sân sau, nhìn vào chuồng con góa thì thấy không phải một mà là hai con, đang quần quýt, hươ mỏ tỏ tình với nhau: “Chắc là con mái nhà ai lạc vào”, tôi nghĩ như thế và định lại gần để xua nó đi. Tôi chưa kịp nhắc chân thì từ ngăn chuồng ấy, một con chim màu xám đi ra: Đúng là chị chim cái lông màu xám nhà mình, lúc này anh chồng nó đang vắng mặt. Tôi sững sờ và nghĩ mình trông lầm, để kiểm chứng, tôi quay vào

nhà lấy một nắm đậu tương mà chúng rất thích, và cho vào cái máng ăn chung đặt trước hai cửa chuồng. Anh góa nhòai ra cùng ăn với chị chim mái, vui vẻ lắm, chẳng có chuyện ai giành ai, bỗng anh chồng quay về, cũng sục vào ăn.

Lạ chưa, chị vợ bỗng nhiên nhảy bổ vào anh góa, mổ lia lia vào đầu vào cổ “Có thể chứ, đúng là mình nhìn lầm” và hình tượng chung thủy của họ nhà chim bồ câu, lại trở về ngự trị trong đầu óc, tôi thở phào nhẹ nhõm.

Ăn xong, anh chồng lại bay đi, anh góa toan quay vào thì chị xám tới gần chàng và lần này thì việc tỏ tình, diễn ra giữa thanh thiên bạch nhật, chẳng cần giấu giếm. Tôi bèn kêu ông bạn giáo sư hàng xóm qua cùng chứng kiến. Chúng tôi vừa quay ra sân thì thấy đôi chim đã đưa nhau vào “tổ ấm” của anh góa. Bạn tôi lè lưỡi: “Ôi, chim chóc cũng hiện đại quá nhỉ”. Tôi không hé răng, mân mê một nắm đậu tương nữa, chờ anh chồng quay về và anh chồng vỗ cánh phành phạch bay về thật, nhưng trước đó mấy giây, chị vợ đã có mặt ở trước cửa để đón.

Và cảnh chị vợ mổ anh góa tới tấp lại diễn ra, chuyện này có phần hăng hơn. Đến khi anh chồng bay đi thì việc tình tứ lại tiếp tục như không có gì xảy ra.

Sáng hôm sau, tôi lên chợ Bắc Qua mua một con chim mái để ghép đôi cho anh chim góa, nhưng lý do vì hấp tấp và lơ đãng, tôi mua phải chị già mầu

nâu và tẻ hại hơn nữa là mỗi bàn chân chỉ còn có hai ngón, bước đi cứ khập khiễng. Tôi bỏ chung vào chuồng anh chim góa rồi lấy các thanh nửa ken cửa lại, chắc lắm chỉ vài hôm sau, chuyện sẽ ổn, không ngờ anh góa mổ con nâu rất dữ, buộc tôi phải mở cửa ra từng lúc để giữ nó trên tay, chờ cho anh góa nguôi nguôi mới lại thả vào.

Ngỡ chuyện ghép đôi của chim là đơn giản, chỉ cần ghép trống với mái là xong, ai dè! Anh góa không chịu sự có mặt của con mái nâu trong “lều tranh” của nó, ban đêm, con mái nâu phải ngủ trên thanh gỗ đầu hồi, một đêm rét quá, nó chết rơi xuống đất

Một thời gian sau, cô xám sang hẳn bên “tổ ấm” của anh góa, ngày cũng như đêm, còn anh xám, ngày ngày đi kiếm ăn xa, tối về nằm chèo queo một mình”.

Cụ nhớ rõ như in đọc xong chuyện này, cụ thấy cái tựa đề với hai chữ “ngoại tình” có vẻ quá quái lắm. Cụ cũng “sững sờ” như bà giáo vì chim chóc gì mà quái quỷ thế. Đến chuỗi sau cau trước này cụ cho là chỉ có con người ta thôi...Tiếp đến, chả biết nghiệp ngã thế nào cụ cứ như người đi trên mây, mặc dù đang ở vườn nhà, nhưng cụ thoáng nghe đâu đây có kẻo kẹt của cái võng, tiếng ru à oi sau rặng chuỗi bên hè....

Chồng chị là ai
Chị nào có biết

Đợi đến ngày mai
Dòm sang kẻ liếp

Cụ lặng lờ với...dòm sang kẻ liếp rồi vội xua đuổi ngay ý nghĩ...chim bồ câu ấy đi. Qua hình ảnh dạy học của ông giáo Hiền và “bà giáo”, qua bà giáo Bồng, bỗng dung cụ Nhàn cảm thấy gần gũi và gần như quen thuộc qua những tiếc nuôi vu vơ.

Hái mớ rau muống, rửa sạch, cắt thái và ngâm xong hũ dưa chua cho cụ Đại, cụ ngồi thờ người không biết đong đầy chuyện gì nữa đây. Mà cụ Đại này như muốn trên người cụ sao ấy, giờ vẫn chưa vác mặt tới, tuần trước chôn chui trốn nhủi ở xó xỉnh nào rồi, người gì cứ ẩn hiện như ma. Cụ vừa định gọi điện thoại rẻo thì có tiếng chuông ba hồi hai nhịp, cứ như ma xó ấy, chưa thấy người đã thấy tiếng.

Chả biết chuyện này cụ Đại thừa đâu được cái điều cay, cụ Nhài chả lấy làm lạ! Ồi dào, trước sau cũng chỉ là ống tre bánh tẻ, một đầu có mẩu để đựng nước, đáy có khoét lỗ để gắn cái nõ điếu. Vậy mà cụ Đại cũng hí hoáy tháo cái nõ điếu hình cái phễu, chỉ chỗ cuối ống phễu tõe ngang như chiếc guốc, miệng hít hà, hút kêu giòn hay không ở cái guốc điếu. Làm như cụ không biết gì về cái điếu cay, cụ vê vê một chét thuốc nhỏ bằng hột ngô để vào miệng nõ điếu, lấy ngón tay ấn nhẹ cho chặt, rồi châm lửa hít mạnh, cái điếu kêu nghin nghít như người hen tắc cổ, như

lợn enh éc kêu. Xong, ngẩng đầu lên trần nhà, phun khói mù mịt như rồng phun mây.

Nhìn thấy cái điều cày và ngửi mùi thuốc, cụ Nhài ngộp thở chóng váng...

Cụ nghĩ trong đầu, lát nữa cụ sẽ kéo cụ Đại ra vườn, không phải để nói chuyện hút thuốc trong nhà hôi inh cả lên. Mà cụ muốn kể cho cụ nghe một chuyện khác...

Chuyện dây cà ra dây muông...

“...Thằng còi cun cú chạy qua nhà cái gái để xin lửa hun bếp, rồi lại ba chân bốn cẳng chạy về, vừa chạy vừa thổi phù phù con cúi rom, tia lửa tóe ra, khói bay từng sợi. Lắm khi vừa bước vào đến bếp, sắp sửa bén qua bố bụi nhùi thì mồi lửa tắt ngúm, mặt thằng còi thuôn ra. Nếu vì nhúm lửa mà phải lội qua ba cánh đồng, nó cũng không ngại, mà ngại nhất là chạm mặt thầy của cái gái.

Làng trên xóm dưới gọi thầy cái gái là ông Quán Tây, nghe nói xưa kia ông là lính thợ, đi tàu thủy qua tận bên Tây. Về làng, mỗi lần có lễ mà tiếng Tây tiếng u gọ là “cắt tóc phi dê” gì gì ấy, trên đồn Tây treo cờ tam tài mới hơn ngày thường, kèn đồng thổi tồ te tí te vọng xuống làng mạc. Thì y như rằng là ở dưới này, ông Quán Tây diện óach một bộ đồ dạ mầu đất sét từ chân tới đầu, quần dạ, áo dạ, đính cúc đồng, mũ chào mào, đội lệch qua một bên. Trời nóng cũng như lạnh, bao giờ cũng khóac ngoài cái áo “ba-đờ-xuy” mầu cứt ngựa, tay chống “ba-tong”, chân đi giày “săng-đá” gỗ cồm cộp.

Nhờ có tiền Tây, ông mua ruộng ruộng sâu bát ngát giữa đồng, nhà gạch mái ngói bê thế, trong nhà sập gụ chân quỳ, trái chiếu hoa cạp điều, dưới hai chái nhà rậm rịch lợn đàn trâu nái. Hàng xóm láng giềng được thể lời ong tiếng ve mọc mũi sủi tăm ấy mà, Tây với Ta, đũa chống trời, để rồi cứ chống mắt lên mà xem. Lại nữa, nghe nói ông có vợ đầm xòe ở “Mạc-Sây” ở bên Tàu bên Tây gì đó, xóm giềng láng tởi lại được một phen nói kháy, cái thứ mặt mày thô vụng ấy ai mà dám lấy. Già kén kẹn hom mãi ít lâu sau, ông Quản mới lấy bu cái gái. Ông ở nhà suốt và chỉ chơi thân với ông bá hộ.

Ngược lại bố con thằng còi nhão nhào như: “com tẻ, mẹ ruột, bán vợ, đợ con, com đồ, nhà gác, nước vác, lợn thui, ngày lui, tháng tới... “. Ngày lui tháng tới của bố con nó tùy theo mùa, bố nó làm thuê cho làng, mùa thì bè ao, lợn nhà... rồi mùa cày mùa cấy. Bố nó ai cũng biết là khéo tay khéo chân, đen chui chũi, lúc nào cũng khăn quần đầu rìu, quần sắn móng lợn. Còn nó thì còi cọc, gầy đét như con mấm, lại vụng về, cái nôm sộc sà sộc sệch, nó loay thể nào cũng lợn lành hóa lợn què.

Đến vụ mùa cấy mạ, gặt lúa, nó khoái tở nhất theo bố nó qua nhà cái gái đập lúa, hai đũa cứ tung tăng lấy rỏ, rá chụp muôm muôm, cào cào, châu châu. Với nó thì cào cào rang, bụi và béo ngậy như ngô nướng vùi trong trấu đỏ hồng. Sướng tở nhất là những ngày giáp Tết, sang nhà cái gái xem bố nó

dụng cây nêu, treo cặp bánh chưng xanh, chuỗi pháo đại đỏ hồng, câu đối và cái phướn lông lộn bay trong gió như rồng bay rắn lượn. Lại nữa, cái gái mặc áo mới, quần trắng ngắn cũn cỡn, tóc bím, cổ đeo kiềng vàng chóa, nó nhìn không chán mắt. Tết nhất, bố nó vừa đặt cái cánh cửa ở bờ ao để mở trâu thì nó đã chực ở đó rồi, để vớ cái đuôi trâu, ít nữa phơi khô, đập ruồi thì phải biết, cứ lẩn quay như rạ. Thọc tiết lợn, lợn nái, lợn sề, lợn độc, nó thuộc lâu lâu, nhớ vanh vách vì ba cái bong bóng lợn. Bố nó tắt bật quanh năm, cũng ngày hai bữa, bếp đỏ hai lần. Muốn bếp đỏ thì cứ phải chạy qua nhà cái gái xin lửa, mà cái con ranh con này, quỷ tha ma bắt, cứ bắt nạt nó như nhện bắt ruồi vậy. Mà nó lại thích mới lạ và sau này bỏ làng, bỏ nước mà đi... Nó mới thắm.

Đâu đó được dăm mùa gặt, nó không nhớ. Cá chằm đằm vì con, bố nó nhấc bá nó từ Hải Phòng về đón nó để đi học. Bá nó bán hàng xén, đi học về phải bé em, gớm cái con này béo nung núc nó bé vẹo cả xương sườn. Thằng còi lại nhớ đến cái gái, thể nào cũng nó cũng vôi bá nó cho bằng được cái gương tròn, sau lưng bọc thiếc, có hình cô đầm môi son đỏ chót ở trong gánh hàng xén của bá nó.

Với chuyện đi học, nó quen với thằng con ông bá hộ người cùng làng, giàu nứt đất đổ vách. Sau này lớn lên nó mới biết “bá hộ” là chức phẩm hàm, như cửu phẩm văn giai, ai có tiền mua để lấy danh, để họp làng ngồi chiếu trên. Cuối cùng thầy da tróc

vậy mãi, nó và thằng con ông bá hộ giàu nhất làng cũng cuỗm được cái bằng tiểu học. Vì nhớ nhà, thằng còi muốn trở lại với đồng ruộng vì ở đây có bố nó, có cái gái, vả lại bây giờ nhớn rồi, nó cũng có những khoảnh khắc ngong ngóng, nhớ nhớ. Về đến quê, sau mấy năm cũng nhiều đổi thay, chính nó cũng đã thay đổi. Ngày về qua chào thầy bu cái gái, nó diện keng, túi khăn mùi soa, lược sừng có cán giắt quần, nó không còn lọ như ngày nào nữa. Mà cái gái cũng khác lạ, hàm răng hoa cau, dáng cá trắm, nở nang chắc đậm. Thêm một điều lạ nữa là bu cái gái, áo nhung quần lĩnh để ra đón nó, cứ như đi chảy hội đầu năm, cũng coi trầu, khay nước, cứ y như là nó đi coi mắt cái gái vậy, chuyện trò như pháo rang, lại ân cần gọi nó là: Anh Giáo, làm nó sượng tê.

Chuyện thằng còi với cái gái chỉ có vậy, chẳng có gì hay ho, nó cũng chẳng biết mầy mò gì hơn. Còn cái gái cũng không hơn gì nó, chỉ được cái dấm dúi cho nó khi bát canh bí chiều đông, lúc hũ cà nén to đùng. Thằng còi chỉ nhớ, gần gũi nhau thì ít, hai đứa hờn dỗi nhau thì nhiều. Mà cái gái thì mau nước mắt, mỗi lần như vậy và lần nào cũng thế, nó lại dơ tay thề thốt, chỉ đọc một câu thuộc nằm lòng “Trèo lên cây ớt, rút xuống bụi hành. Ai chẳng lòng thành, hành đâm lũng ruột” hoặc ám ớ: “Đứa nào nói dối, ông Táo đội nồi cơm”. Được cái bụng để ngoài da, nói sau quên trước nên cái gái lại quên ngay, không hờn với nó nữa. Nhưng có một chuyện, nó nhớ mãi, một lần nó đứng sau hè, nghe lóm được hai mẹ con

nhỏ to trong bếp: “Chịu khó tập bếp núc đi là vừa, sắp làm...cô giáo rồi đấy...”. Và người nó nhẹ như bông như bác, đến cả mấy ngày.

Nhưng niềm vui chẳng trọn vẹn và chẳng kéo dài bao lâu thì một tối, bố nó ngủ và chẳng bao giờ dậy nữa. Gia tài bố nó để lại, không ngoài vật bất ly thân, sáng cũng như chiều, nắng cũng như mưa, lúc nào bố nó cũng dất ở cặp quần. Đó là: Cái điều cày.

Sau khi bố nó mất cả năm, mỗi buổi chiều nắng tắt, thằng còi thường lơ đãng nhìn qua bên kia hàng giậu dưới, là ao rau muống nhà cái gái. Nó vẫn vè một viên thuốc, từ từ nhả nhẹ vào cái điều cày. Rút cái nan của bức phen liếp bên cạnh, nó chậm rãi châm lửa, thuốc bén, và hít một hơi thật dài. Có tiếng kêu tròn vo, như có tiếng nói lao xao không phải của bố nó mà là của cái gái. Và như quen thuộc, nó ngửa cổ phà nhẹ lên khoảng không, như có...khói vàng bay lên cây, như khói bếp thờ trầm ngậm trên mái rạ, cũng bên kia hàng giậu.

Chuyện gì đến phải đến. Vào một đêm có trăng, có gió...

Chiều đi dậy trường làng về, ghé thăm thằng con ông bá hộ nhưng không gặp. Về đến nhà trời chưa tối đèn đã có tiếng bác thợ đập lúa ới ới gọi vọng sang:

- Anh giáo...Anh giáo...Cụ Quản nhắn tối nay, anh qua hầu chuyện cụ.

Gớm ghiếc, ông bố vợ phải đấm tương lai của “anh giáo” cũng quan cách khiếp, hầu chuyện mới chẳng hầu chuyện, và nó lờ đi vì nó dội mấy gáo nước, tắm tấp qua loa rồi lững thững qua nhà cái gái. Qua gặp ông Quản, chợt nó thấy cái điều cày bằng gốc tre gộc dựng ở chân cột. Nó đang ngờ ngợ cả làng chỉ con ông bá hộ có được điều cày cổ quái này, đang đoán già đoán non thì ông Quản đi ra, miệng phì phèo cái tẩu thuốc Tây. Sau khi nhả khói mù mịt xông đầu vào đây rồi, ngửa mặt lên trời âm ừ... Thằng còi chóang người như muốn ngã người ra, giống in hệt như ngày nào còn bé tí, nó đuổi nhau với cái gái ngòai sân gạch, trời mưa, trượt chân, nó ngã bổ chửng ra đau điếng.

Ông Quản hết ngửa mặt lên trời, dên nhìn ra cái ao và âm ừ từng tiếng một...

Con cóc năm góc bờ ao

Lăm le lại muốn đớp sao trên trời

Và nó chóang người thật... Từ đầu đến chân, người nó khô ran như cục đất nung.

Ngòai kia, gió thổi vu vơ trên những lùm tre như vàng xác, càng khiến cái sân trống vắng đến ngẩn ngơ và mặt trăng từ từ ẩn nấp sau đám mây. Trời như tối sầm lại.

Đêm về khuya, thao thức và trần trọc, thằng còi cứ chập chờn và bên kia hàng giậu, cái chày cứ nhón nha nện từng nhát một ”thịch...thịch”. Nghe buồn bã rã rời, như cái cối đang ngủ gà ngủ gật. Và bất chợt, nó thở ra như bò thở:

Một mình già gạo giữa trời
Cám bay phảng phất, thương người đấng xa

Gần đây, trong một canh mạt chược, cụ Đại kể chuyện trước 54 có ông bạn sang tận bên Tân thế Giới. Ông bạn có hỏi làm hiệu trưởng một trường tiểu học ở bên ấy.

Một công đôi chuyện, cụ Nhàn muốn nói cho cụ Đại hay biết:

- “Anh giáo” của cụ cũng đang ở bên Tân thế Giới.

Tối hôm đó, thoáng thiệp đi một lát, cụ như người đi trong mơ, thấy mình lững lơ ra vườn sau, cụ không trèo lên cây búi hái hoa, bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân...Lững lơ ra cái ao trước nhà, cụ chẳng đi tìm bè rau muống cọng mềm trắng, lá xanh mỏng. Cụ chỉ thấy đôi chim bồ câu, một con xám, một con trắng, đang ẩn hiện sau hàng gậu duối. Niềm mơ ước của cụ bây giờ là nhặt được lá...lá diêu bông có thật.

Trúc gia trang
Lập xuân, Giáp Thân 2004

Đêm tàn nguyệt tận

Một ngày như mọi ngày, sáng tinh mơ, tay cà phê, tay thuốc lá, lão ngồi cù rữ đặng góc vườn. Lão ngồi trong bóng tối đợi nắng lên, nắng lan man leo lên đụn cây, nắng lặng lờ bò xuống thảm cỏ để rồi lão có thêm một ngày. Chiều đến, cũng ở chỗ ngồi ấy, tay điều thuốc, tay ly rượu, lão đợi thời gian đến với lão. Cho đến bóng ngả đường chiều phủ lên vườn nhà, và bóng tối chụp xuống lão...

Thế là xong một ngày.

Từ ngày cáo lão về hưu, lão vẫn giữ cho mình thói quen làm một tách cà phê vào buổi sáng sớm và bắt một ly rượu vào buổi chiều tà. Điều thuốc lá mỗi sáng báo cho lão biết một ngày mới bắt đầu và điều

thuốc lá ban chiều nhắc cho lão biết một ngày theo khói bay đi. Với mẫu thuốc lá sắp tắt, lão nhẹ dần theo mây khói với năm tháng, lão không còn biết mình đang ngồi đó hay là mây bay trên trời cao hay là ánh nắng chiều vàng vọt. Vào cuối ngày tàn với nắng quái chiều hôm, lão chỉ là chiếc bóng lấm lũi đi về căn nhà quen thuộc ở sau lưng.

Và đợi...

Với ngày mai của một ngày nào đó, lão sửa soạn khăn gói gió đưa cho một chuyến đi xa để thăm bạn già từ cái thuở láo ngáo. Đã mười lần bạn già giục già, lão cứ khất lần mãi. Lão nghĩ quần, già rồi cũng cần có bạn trong những lúc trái nắng trở trời, vả lại bạn lão càng ngày roi rụng dần...Cứ dây dưa mãi nên đành túng thì phải tính, rằng sang xuân này lão sẽ tay sách sách mang làm một chuyến đi...dối già.

Gặp bạn già để bù khú là cái nhẽ đương nhiên của đất trời, mà bạn tận miền bắc tí tê là...là mới tậu được cặp cu đất. Lão ngớ ra, thế này thì bỏ bu, già không nên nét, ai lại đóc chứng làm bạn với cái giống chim thô kệch, chỉ “gù gù” nhau rồi để như...cu đất. Bạn già âm ỉ ở bên này buồn như trấu cấn, nay được nghe chim cu gáy còn buồn hơn canh bí chiều đông nữa. Lão cho rằng bạn già đang cần bạn như lão vậy thôi...Thôi thì như các cụ ta xưa đã dạy, *thóc ở đâu, bồ câu đó dẫu trời sập* lão cũng phải bồ đi.

Lão lóng ngóng đợi đến ngày ra bến xe. Mấy tối nay, tối nào lão cũng mừng tượng đến bạn già lão đang làm bạn với mấy con chim, như để gặm nhấm đau thương làm cái thú giải sầu. Lão cũng chẳng hơn gì, ngẫm chuyện nhân sinh, đất khách quê người lại nằm ở cái tuổi lá rụng về cội, có nhiều cụ không có thì giờ lắm cảm cho quá khứ, cất kỹ xuống đáy rương làm kỷ niệm. Dạ quan hoài với vong gia thất thổ, riêng lão lộm khộm chống gậy đi tìm dĩ vãng thấp thoáng qua lũy tre xanh, bờ mương ao cá...Lão hình dung đến sau tuần trà, trong một ngày nhạt nắng...Cả hai ngồi ở ngoài vườn, thế nào lão cũng sẽ rủ rê bạn già đi tìm những tia nắng muộn màng, lục lợi ngăn kéo trí nhớ, thả thơ về những ngày nào năm nọ. Lão nghĩ, bạn vong niên gặp nhau cũng chỉ từng ấy chuyện, cũng cù rù, cù rù như hai con cu đất là...là hết đất.

Bỗng dung không đâu, lão cứ thần tha, thần thờ đến...con chim cu.

Lại thêm chuyện *Đế mèn phiêu lưu ký*, chuyện là để lấp đầy con đường dài hun hút, lão đảo qua tiệp sách tìm quyển gì đọc cho khuây khỏa. Vừa thấy quyển *O chuột* là nhóm nhỏ ngay để lão lần thần với những ký ức cũ sì cũ mốc nơi đất quê. Hình như lão..."chớm" già rồi cũng nên, có những chuyện mới đây lão bí đao, bí đặc. Nhưng có những mẩu chuyện bé bằng cái đầu tăm, mắt muỗi, nhất là

vào cái tuổi thiếu thời, lão nhớ như in: Như chuyện cả nhà đi vắng, lão chẳng biết chơi với ai, con mược, con mướp đi hoang tận đầu đầu đầu. Lão đành lui thủi sau vườn đi tìm gặp những lũ bạn bè nhỏ bé hàng ngày. Như mọi lần, lão lân la đuổi bắt với mấy chàng đế com, chú đế chũi sỏn xác trong đám cỏ non, lão thoáng bắt gặp mấy chị muôm muôm, anh cào cào xanh mầu mạ, nhây rào rào qua vạt cỏ và biến mất vào rặng cà pháo bên cạnh. Mỗi lần hồi tưởng lại những kỷ ức ấy, tuổi thơ thêm một lần bám cứng lấy lão, gắn bó không rời qua ông Tô Hoài. Vì vậy ông ấy cùng với lão leo lên chiếc xe buýt của dĩ vãng và đong đưa với ngày tháng qua mau...Lão nhìn ra ngoài, bây giờ là cuối đông, cây cỏ tàn tạ, lão cảm thấy trống vắng, hụt hẫng, như vượt mất một cái gì chẳng bao giờ tìm lại được, từ mục gà mái, gã mè mướp, chàng ngỗng đực, chẳng con nào sâu đậm với lão. Ngược dòng thời gian, từ bé tới nhớn, nghĩ lại thì chỉ có...lũ chuột là gắn bó với lão!

Tại sao là “Chuột” ...Lão vặn óc chịu chết nghĩ không ra?

Gấp quyển sách lại, lão xa vắng, vắng xa...

Xảy đàn tan ghé, lão qua đây cũng con đàn cháu đống cả đấy, nhưng tên “cúng com” tiếng Tây tiếng u của chúng lão ừ hơi đọc không ra, đâm ra ông cháu từ đây cứ...xa cách mãi. Thừa được bà vợ mười rằm cũng ừ, mười tư cũng gặt, con ruồi đậu trên mép bà chẳng buồn đuổi cho. Cả ngày bà chả

buồn há mồm, ra cái điều chả ai rồi hơi nói chuyện với...lão, ảm như thà nói chuyện với đầu gối sưng hơn. Mà cái chân là “khúc ruột nối dài” với cái đầu gối nên nó chán, chán quá thì nó súi lão nói với đám con...ra ở riêng. Lão lại đang ở cái tuổi xác như vờ, xơ như nhộng, thường được cái tiền già, nghĩ chòen chọet là cứ ăn no phích, nên lão đổ dồn vào tủ sách, cái kệ mỗi ngày mỗi cao, phòng mỗi ngày mỗi hẹp, lần quần trong nhà lão đi vòng vòng như cái đèn cù, mà phải đi thật chậm để kéo thời gian dài ra cho qua ngày đoạn tháng. Ai chẳng có lúc vui đầy, cảm hoài vắn vương cùng ngày đi tháng lại, vì vậy lão ngồi rì mọ viết lách lẳng nhặng, rảnh rang đọc lại, lão cũng cảm thấy băng khuâng cùng những dấu ấn của một thời đã qua...Nói cho ngay cái nhà cũng có hơi ọp ẹp như lão vậy, cái cửa tủ đồ ăn khô có chỗ vỡ bằng cái nắm tay, nhưng lão chẳng ngó ngang gì đến ba cái vật vãnh ấy. Không ngoài ba thùng mì gói với dăm vỉ trứng.

Cuộc sống lão chẳng có gì để ủ ê, để thành chuyện...giẻ rách. Cho tới mùa đông năm đầu tiên dọn về cái nhà thổ tả này: Giời đất ạ, cơ ngơi nhà lão có chuột. Thế là bỏ bu! Vậy là bương bả đi mua cái bẫy chuột, chữ Tây chữ Tàu bóí không ra một chữ, mùa may một hồi lão cũng xách về được một cái bẫy to bằng bàn tay. Lão bật cười khan, Đông Tây gặp nhau ở khoản này đây, cũng mảnh gỗ bé con con, cái khung sắt, hai cái lò so và que sắt móc mồi và cuối cùng là...cái móc giết người. Nghe mách

chuột Tây ăn...“phó mát”, thế là lão cặm cụi gài miếng “phó mát” vào cái que móc môi, đặt vào đúng chỗ con đường mòn Hồ Chí Minh, nơi chúng xâm nhập nhà lão. Sáng hôm sau thăm thú tình hình chiến sự thì miếng “phó mát” vẫn còn nguyên, không mất...một sợi tóc. Lão đực mặt ra tư duy, hóa ra mấy chú chuột nhắt này là mấy chú du kích, trốn nhui trốn nhủi trong rừng, ắt hẳn là thềm thịt để bồi dưỡng, còn miếng “phó mát” mấy thằng cán bộ ắt hẳn ngỡ là xà bông Trung Quốc nhẽo nhèo. Vậy là lão phải nướng một miếng thịt cho thơm râu, và đặt cái bẫy ở ngay đầu địa đạo Củ Chi, đó cũng chính là cửa ngõ vào tú đề khô nhà lão. Lão chắc mẩm với chiến lược dụ địch về thành phố này: Vớ này thế nào lão tó dăm chực. Rồi gán cho hai chữ tử sĩ là êm.

Hôm sau cái bẫy chuột vẫn...êm ả, miếng thịt không cánh mà bay. Lão chưa kịp điều nghiên trận địa tiếp thì cũng vừa hết một mùa đông, đám chuột biến mất. Mùa đông năm sau chưa kịp tới, nhưng đất trời vẫn ngôn ngớt, máy lạnh đang chạy âm ỉ. Bồng nước từ trên trần nhà nhiều xuống và cái máy lạnh không rên ư hử nữa. “Người” sửa máy lạnh trèo lên, trèo xuống, báo cáo anh, báo cáo chị...với lão: “Nhà cụ có chuột!”. Rõ dớ dẩn, sự thế này lão biết từ đời tám hóanh nào rồi. Cũng rõ chán mớ đời người này mù hay sao ấy mà nhẽ lão gọi bằng...“cụ” và người tiếp: “Chuột con ngứa răng gặm mấy cái ống nước của máy lạnh, cụ phải mua thuốc giết chuột”.

Thế là lão thành...cụ, và cụ có việc làm, việc đầu tiên là quáng quàng đi mua thuốc giết chuột,

việc kế tiếp là lui cui “chôn” mấy hộp “mìn” trong tủ đồ khô. Chớm đông, nệm ấm chăn êm, lão ngủ thẳng cẳng. Hôm sau, mở tủ ra lão thấy mấy cái xác khô, nằm chết bình thường, nằm chết như...mơ, mình không manh áo. Những năm kế tiếp, năm nào cũng vậy, lão lại ru ta ngậm ngùi, đi nhật xác người...anh em bên kia cánh đồng, trên nóc nhà thánh phố, trên những đường quanh co. Hai mươi năm hận thù đã qua...

Mới đây, xuân thu nhị kỳ cứ ngủ dậy lão cứ bị đau chỗ này, nhức chỗ kia, tê chân, buốt đầu gối và lẽ dĩ nhiên là đi không được là...cái cẳng. Nằm bẹp trên giường, nhều nhão cả hai, ba ngày, khổ nhất là ê vai, trẹo hông. Nhất là đi thăm lãng Bác: *Đứng lên, ngồi xuống là phải từ tốn và nghiêm túc, phải vận vẹo cái tay, cái chân cho đúng thế. Ấy là chưa kể đến cái phần hậu sự, ngoặt cái tay ra đằng sau để lau chùi cũng không xong, thế mới phiền.* Nhiều khi...ho cũng nói lên một cái đến thôn người, thế mới...đau. Hỏi thăm quan đốc, quan dân giải rất chuyên ngành: *Rằng con người ta có bao nhiêu đốt xương sống, bao nhiêu giây thần kinh là bấy nhiêu trái mìn nổ chậm và từng ấy cái giây điện mìn Claymor.* Quan đốc còn trấn an lão, chắc như đinh đóng cột là hãy sửa soạn sống với...người bạn đời chung tình nhất của các cụ là...bệnh già.

Năm rồi, lão nằm chết bầm, chết dí hơn một tuần, người cứ rói ra: *Số là ngủ dậy thì lạy Chúa tôi,*

lão như con gà chọi bị bệnh giây, cái cổ cứ đuồn đuồn đuột ra như gà mắc thóc. Xoay đầu qua bên trái, cái bả vai buốt tẹo xương sườn, xoay qua bên phải, nắm đầu ngón tay...giật giật như bị động kinh. Tay không làm nhưng hàm phải nhai: Ngồi ăn, cái cổ cứng ngắc như sinh viên sĩ quan Thủ Đức ở thể nghiệm trình diện huynh trưởng. Tay trái cầm bát, tay phải cầm đũa, khủy tay song song với mặt bàn, cùi chỏ giữ góc thước thợ 45 độ, lưng giữ thẳng đứng như sinh viên sĩ quan Võ bị Đà Lạt. Rồi chậm rãi, từ tốn đưa cái bát lên, và...và côm vào miệng, mỗi lần lão nuốt một miếng là nhói lên một cái, đành nuốt nhẹ, mòn mỗi đợt cái nhói kế tiếp.

Ngủ cũng dễ...thương thôi: Nằm ngay tán tàn như nằm trong...nhà Chung sự ở nghĩa trang quân đội Biên Hoà tối om om đến...lạnh người. Cứ như vậy, đêm về, lão nằm trên giường nghe cóc nhái kêu òm ọp, muốn nằm sấp, nằm ngửa cũng chẳng xong. Lâu lâu lại cắn lên một cái, đành cắn răng muốn ứa nước mắt, thuôn người ra đợt cái đau kéo dài như ...đi vào cõi vô cùng, mãi một lúc lâu sau, lâu lắm, mới thậm thụt đi vào cõi...êm ả. Buồn tình suy nghĩ vu vơ, chuyện này lão vừa dẫm phải..."mìn" nổ chậm, vừa chạm phải giây điện..."Claymor", chưa "ùynh" một phát là phúc bẫy mười đời. Ngủ không được, lão lần mò ra ghé "sa-lông" đọc sách. Từ đây, lão có một không gian riêng với cái đèn lúc nào cũng sáng trưng, vì lão chỉ có hơi ngái ngái bóng tối một chút đáy thôi. Thực tình...ma thì ai chẳng sợ, sợ vãi đái là cái chắc.

Nửa đêm lão chợt tỉnh giấc, có tiếng lịch kịch trong tủ đồ khô. Hay nhà có ma? Ngừng một lúc, có tiếng cào cào “cạch cạch” như có ai gõ cửa nhà lão giữa nửa khuya nghe đến rợn người. Lắng tai nghe cho kỹ, hóa ra không phải...ma, mà là mấy chú chuột ngoài kia đi trốn một mùa đông lạnh lẽo, như mấy con chim trốn tuyết. Thế là lão yên chí nhón, thặng cái đũa. Nhưng khổ một nỗi là hai vợ chồng gã chuột này đủ đờn làm trò mèò mả gà đồng hay sao ấy, sao mà ồn ào quá sức. Như muốn trêu người lão, làm lão chập chờn mấy đêm liền, trong bóng đêm, giữa người và vật như có giao hòa thì không hẳn là đúng, cuộc chiến đã tàn và đã đi vào thóang đãng...Nhưng cái lũ chuột khôn khổ, khôn nạn ấy cứ nhè nhà lão, tự nhiên như người Hà Nội, bê cái này, vác cái kia. Bớ ai mà chịu nổi, lão là người chứ đâu có phải là...là ngọm đâu.

Đất sinh cỏ già sinh tật, ít lâu nay lão độc chứng mắc tật đi tiểu giắt, mỗi đêm lục đục vật lộn với nhà cầu cả bốn, năm lần là ít, súng nước thì của khôn người khó, đếm từng giọt, giắt cái cần nước chảy xối xả như ba dòng thác...cách mạng, tháng tháng tiền nước lại nhích thêm một tí. Một tối, bò về đên cái ghé, đặt cái lưng xuống muốn trọ người, chưa kịp thở, bỗng lão nồ đom đóm mắt và lão không tin ở mắt mình nữa...

Đúng là giờ đi vắng, thật là quá quắt lắm rồi, giờ ọ, ai đòi chình ình giữa nhà hai vợ chồng thặng chuột chẳng mời mà rủ nhau tới...thăm lão. Không

chủ không khách, chẳng đứng chẳng ngồi: Mụ vợ thân nhiên nằm ngửa tênh hênh lên trời, bốn chân ôm sát sạt quả trứng gà to hơn cả người ả, che cả cái bụng, chỉ lòi cái mõm tí tẹo và hai con mắt trong veo. Còn thằng chồng, mõm ngậm đuôi vợ, cong lưng vừa lúi vừa hì hục kéo. Đứng lúc lão vừa ngã lưng nên gây tiếng động, thằng chồng ngừng lại nghe ngóng thăm chừng. Cái mõm với mấy sợi râu ngắn cùn cùn rung rung, mắt nhìn lão lơ láo như thể muốn hỏi han, nhưng mặt mũi thì vẫn tỉnh queo. Còn ả vợ vẫn nằm kèn ra đấy, làm như không phải chuyện của ả và vẫn khư khư ôm quả trứng... của lão.

Người và vật ngó nhau một lát, thằng chồng lại khom người, cong đít, ngậm đuôi vợ, không kéo phẳng phẳng mà kéo rất ư từ tốn, như sợ mụ vợ đau lưng... như lão. Như sợ quả trứng mà lăn tòm xuống thì gã ốm đòn với mụ, cái đuôi dài thò lò của nó ngoe nguẩy như đánh nhịp. Lôi được một khúc ngắn, ngừng lại để lấy sức, thằng chồng đứng thẳng lên bằng hai chân sau, hai chân trước quậy quậy ba, bốn cái ra cái điều mệt quá thể, mệt hốc người ra chứ đâu có bỡn. Cái đuôi mụ được nhả ra, bây giờ ngoe nguẩy như thúc giục, thằng chồng như hiểu ý, nằm mọp xuống và lại hì hục kéo tiếp...

Bỗng dừng trong tâm tư lão chừng xuống quay quả về những ngày tháng của...”cái buổi ban đầu” ấy. Ấy là lão chứng ngộ ra một nhẽ, có những

chuyện nằm chôn vùi trong tâm khảm cả chục năm dài, chẳng có dịp đào xới lên và nghĩ đã mờ yên mà đẹp. Một ngày có cọ xát nào đó, như chất xúc tác là ở *đôi vợ chồng chuột* trên đây...

Như vào cái tuổi gái thập tam, trai thập lục: Cả nhà gọi lào là...”thằng còi”.

Thằng còi dong dỏng ăn chơi từ tấm bé, mà ăn thì không ngoài cơm nắm muối vừng với nhăm quả cà muối nên cứ còi cọc, còm róm như mèo đi kiết ấy. Bu còi riếc: “Có mà ăn gan giời trúng trâu cũng chả nhón được” nên bị tổng cổ xuống nhà bà bá nuôi báo cô vào những ngày cuối tuần. Nhờ đó thằng còi được biết món tép đồng kho tương, trộn lẫn với bún và đậu rán vàng ròn, mà cái giống này ăn từng tấc mới ngon, quắt hai chập là no căng rốn. Từ đây sáng chủ nhật nào còi cũng xuống trại “ri cư” Tân Chí Linh đi lễ nhà thờ, mong giữ một chỗ trên thiên đàng cho mai hậu và cũng để được ăn ngon hơn. Thế nhưng lớn lên một chút, thằng còi vỡ lẽ ra một nhẽ là muốn lên thiên đàng thì phải...chết trước đã. Ai mà dại.

Trời đất sui khiến làm sao ấy, một ngày còi đuổi bắt con chuồn chuồn gần cái hồ có mấy cái cầu gỗ cheo leo vắt vương đề...đi cầu của trại “ri cư” thì đâm sầm vào “gái thập tam” là...con bé hàng xóm ngoại đạo. Thế là quen...để thành chuyện. Thế là từ đây còi không tin có Chúa ở trên trời nữa, để rồi càng ngày càng boi trong biển tình với mấy...con cá

tra. Con bé hàng xóm ấy là cái Sửu. Cô em gái Bắc Kỳ của thằng còi thân hình như con cá trắm, da bánh mật, lông mày đậm, môi dày cong cớn dẫu lên như con cộp cộp. Con gái gì mà nghịch ngợm như con trai, chỉ thích vật nhau với thằng còi ở trên cái chõng tre và còi nhớ mòn một... Một lần hai đứa đang nghịch nhau, cắn nhau, véo nhau, cái nan tre ọp ẹp, rung rung kêu “cọt...cọt...”. Rồi hai đứa đè lên nhau giống hai cái thìa úp, lăn qua lăn lại, đến độ cái chiếu hoa xộc xệch gần như cũng muốn rơi tuột tuột xuống đất. Cúc áo thì có tuột thật... và nói dối phải tội chứ lần đầu tiên trong đời, thằng còi mới thấy thế nào là cái của nợ của cái Sửu cồm cộm cứng như mo nang, như chọc vào mắt còi, trắng hếu, trắng như ếch lột. Còi nhìn lỗ mắt với “cảm giác” thế nào là nhể nhại, nhể nhại như lưng còi đang lấm tẩm mồ hôi vì tim đập thịch thịch, thùng thùng như trống báo võ đê khi bắt chợt nhìn thấy trái cấm lần đầu. Nhưng còi thề, không phải thề kiểu cá trê chui ống, mà với “đức Chúa giời có ba ngôi” là: Không có chuyện tòm tem của người lớn, mà nếu có muốn thì thằng còi cũng chẳng biết tí tóay ra Isao nữa. Mà nói thật đấy, vì cái trò ma mãnh này chỉ có cái thứ... “đĩ như đom đóm đực” là quen thói thôi, nên thằng còi cứ... đực ra như ngỗng đực.

Và rồi hai đứa vẫn hồn nhiên vẫn nhau, cắn nhau một hồi và đang cười nắc nẻ như không có chuyện gì xảy ra trên cõi đời “vô ưu”, vô tội này thì đột nhiên... Cô hàng xóm Bắc Kỳ nhòm dậy, mặt mày xanh như tàu lá chuối, tay run lẩy bẩy, chân dẫy

dành đạch như đĩa phải vôi và gào bãi hải như cha chết mẹ chết. Đồng thời chỉ xuống cái nền đất thô lồi lõm, cả hai đều nhòm thấy: Hai con chuột ăn cắp trứng đang kéo đuôi nhau. Và hai vợ chồng chuột đang mãi mê khuân trứng về...tổ chuột, bỗng nghe tiếng gào lên như lợn bị chọc tiết, thế là te tái ù té chạy bán sống bán chết, bỏ lại quả trứng nằm lẫn tên hênh giữa nhà. Giê-su-ma lạ Chúa tôi! Người ngợm thẳng còi từ trên xuống dưới thì cứ...cứng đơ như bùi giời. Mà chuyện chỉ có vậy! Và...không hơn.

Xong cái tù tài nó trở mã hơn nhưng thẳng còi vẫn còi. Một bữa, thềm ăn tép đồng kho tương, bèn ghé trại “ri cu” thăm bà bá nhà quê đặc và được nghe bà kể chuyện cái Sửu bỏ học đi lấy chồng. Bà tung tẩy: “Chồng nó đóng quan một cơ đấy, mày ạ”. Vừa lúc nó nhúng nhúng cái chõng tre xem còn “cọt...cọt...” nữa không, thế là bị bắt được quả tang. Bà bác nhìn nó lắc đầu, chép miệng: Nhất chặt tre nhì ve gái, tao ngỡ hồi đó mày...*nằm* nó tương phèn...*nên* ấy chứ”. Nó cắm đầu xuống cái chiếu hoa, bà tung tẩy vào chuyện: “Nói đại chứ, gái một con trông mòn con mắt, dạo này người ngợm nó cứ nhẩy ra”. Nó bấu cuống chiếu, nuốt nước bọt ừng ực. Bỗng không đâu, bà chửi té tát: “Mẹ cha con Sửu chết tiết ấy, ấy vậy mà số khổ như...*trâu*”. Bà phẩy tay: “Gái góa rồi mày ơi, rõ *nà* căm hấp”. Nó chung hứng, nhưng cũng chẳng thể thiếu văng ngậm ngùi cho cái tên vận vào người. Rằng trâu thì chân

giẫm nước, dầm mình trong ao hồ thế nên đa cảm, đa mang những khắc khoải, lênh láng phủ lên muện phiền, chuốc vạ vào thân, lặn khổ trong người. Đang ủ ê...”Người đi qua đời tôi”, thì bà vén môi: “Này, mày có ăn tép đồng kho tương không thì bảo”. Nào còn ăn uống gì được nữa, chưa kịp đứng lên bà đã nói đồng, nói như hát: “Đẹp như cái tép kho tương, kho đi kho...*nại* khéo tương phênh phênh”. Vẫn chưa tha, bà bật cười khanh khách và mắng nó xa xả: “Mẹ bố mày, bà dầy khôn mà mày cứ ngu như...*nơn* ấy”. Ấy đấy, bà bác nó tuyềnh tòng thế đấy, nhưng nghe lào thào qua bà và dấu ẩn sâu đậm nhất trong đầu nó lất lây chút sàu, chờ sàu với nỗi buồn không tên, mồm miệng nó chẳng hé rạn lên một niềm vui với cái Sừu bây giờ là *thứ nhất gái đơan tang, thứ nhì gà mái ghe* này kia, kia nọ...

Thì như đã bảo, nó đang là...”người nhón” mà.

Cho đến một ngày *người nhón* trở thành...”gã”.

Mây vẫn bay ngày vẫn trôi đi qua một kiếp phù sinh. Một ngày gã đọc được một truyện ngắn của một người viết nữ viết về khoảng thời gian sống ở trại di cư, về thân phận người vợ trẻ trong thời chiến cố chồng là lính chết trận. Người vợ trẻ có những dằn vặt cùng những khát khao vào cái lúc nửa đêm về sáng...tôi nhìn tôi trên vách.

Đọc xong bài viết, gã ra ngẩn vào ngơ với cả một chuỗi quá vãng ơi ới gọi nhau kéo về lũ lượt. Sau đây gã thập thò bên mảnh vườn to bằng cái

chiều manh tròng dăm nhánh húng, nhánh ngò cùng nhớ với mong, đợi với chờ và chả biết trâu đi tìm cọc hay cọc đi tìm trâu đây. Vào nhà, trong gã đầy ắp những quan hòai, quan san, gã căng óc nặn chữ vá câu và bật ra một bài tản mạn về miền Nam sáng nắng chiều mưa, chữ nghĩa cứ rối rít cả lên gửi gắm với đường xưa lối cũ chẳng vấn về gì cho lắm về cái hồ nuôi... cá tra và gửi đến tờ báo có bài viết của người viết tên... Trần thị Sửu. Gã nhủ thầm, tên gì mà quê mùa, chẳng có cái bút hiệu cho ra hồn. Nên gã tẩm chương trích cú cho mình một cái bút danh ẩn tàng *hào hùng, hào khí*, và ngật *thâm căn cố đế*.

Chẳng chóng thì chày gã được hồi âm bằng vào một truyện ngắn khác nữa với Sài Gòn sáng mưa chiều nắng, với trại di cư ở ngã ba Ông Tạ. Chữ nghĩa đánh thức gã dậy, gã lao đao trong nắng hanh vàng giữa hai căn nhà cách nhau một lối đi nhỏ và căn nhà bên kia có một hàng dậu, chẳng hẳn là rặng mỏng tơ xanh rờn với con bướm trắng về bên ấy rồi... Mà là một khoảng không gian mênh mang trên là trời dưới là nước, giữa là những thanh gỗ bắc ngang được khoan liếp quây thành... nhà cầu. Trong cái tĩnh mịch của lá rơi tường bắc là bay sang, chầm phá bằng vào những cục phân to bằng cái cán dao phay rơi lồm bồm xuống mặt nước... hồ thu. Gã vẫn vơ thả hồn đi hoang trong đầu ra chữ, vậy mà cái tình chữ nghĩa qua thư, sách báo cũng kéo dài hơn hai mươi năm chứ ít ỏi gì. Trong xe “búyt”, gã lan man với hoài cố nhân, hoài đồng vọng rằng bây

giờ quá nửa đời người, gã mừng tượng lát nữa đây sẽ sắp gặp lại người xưa...

Còn ai trồng khoai đất này là...là...“bạn già” với...”con cu đất” ở trên.

Trong chuyến rong ruổi này, gã mông lung về một chuyện mới đây.

Ngày tháng qua mau, gã thành “lão” lúc nào cũng chẳng hay và nhằm vào một ngày lặng gió, vợ lão đúng là số ruồi, khi không bỏ lão về với thiên cổ. Ấy vậy mà cái ngày bà vợ cảm như thóc ngâm của lão được Chúa hoan hỉ đón về với nước Chúa, bà gắng gượng dậy, nhúm lấy tóc lão kéo xuống rồi rặn ra câu: “Ồi giờ ơi, ông ở lại nuôi con cho...vuông tròn nhá. Hẹn ông...ở kiếp sau nhá”. Trong cái lúc nhá nhem đầy tang thương ngẫu lục ấy, lão nhủ thầm lũ con nuôi báo cô lão thì có. Còn nghe đến câu hẹn nhau ở kiếp sau thì bố mẹ ơi, mới nghe trời chặn xong là lão đã thấy chết nửa đời người và hãi quá thể. Thế nhưng chưa kịp hẹn hò với bà ở kiếp vãng lai thì nhằm vào cái tuổi trời chiều tà tà bóng ngả về tây, lão gặp lại người cũ. Sau những tháng năm hụi hảng với lá úa tiền người đi, lão cũng nguôi ngoai và lão đang có mặt trên chuyến xe hò hẹn với người xưa trong cái buổi chợ chiều vắng khách bằng vào hôm nay. .

Thời gian ăn đập bã trâu thì xe đã vào đến thành phố...Lòng dạ lão bát nháo, cái đầu lão mụn có

ngộ nguyệt ba mớ chữ nho chùm còn rơi rớt lại như bản lai diện mục, diễn nghĩa theo mấy ông Tàu là không thấy mặt thì bụng dạ chẳng biết yêu thương để đâu cho hết. Lão cố hình dung “Cái Sừu, người ngợm như con cá trắm” bây giờ ra sao, lão chỉ thấy những nét nhòe nhoẹt qua bức tranh vân cầu. Lãng đãng với trước ngày đi ngồi ngoài vườn, lão ngửa cổ làm một cái hồ trường, hít một hơi thuốc lá, rồi khật khừ ngâm nga...thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt, còn hơn le lói suốt trăm năm. Thế nhưng trăm năm đang hờ hững như...ông đồ vẫn ngồi đấy, qua đường không ai hay ở đằng kia. Vì rằng từ xa lão đã nom ròm thấy “bạn già” của lão nhập nhòa qua mái tóc đã điểm sương, ngồi củ rử như con cò ốm trên cái băng dựa giống ghé đá công viên. Cái xe kèn càng ghé bên, nhòm kỹ hơn. Giời ạ, dường như...Thóang như đến nước non này...bà...Giời ạ, ông giời có mắt xuống đây mà xem...bà đang phe phẩy cái nón lá. Với...giấy đồ buồn không thắm, mực đọng trong nghiên sâu, vật vã với chữ nghĩa thì không có giấy bút nào hơn là trông bà chân chất như gái quê, dưới tàng cây vàng bay mấy lá năm già nữa. Vậy mà lão mộng dưới hoa qua...em vín lấy cành dâu, che dấu mộng ban đầu. Lòng dạ lão đang xôn xang, rộn rãng thơ thần, đầu óc lão đang rối loạn tiền đình với...nói ra sợ mất lòng em, van em, em hãy giữ nguyên quê mùa.

Xe ngừng, bà ngược mắt lên, đôi mắt uơn ướn trông như phủ viên vải tây điều và đứng đây chậm chạp bước về phía đám đông đang xuống xe. Cùng

bao năm vật đổi sao rời, vẫn cái thói hài cổ cố hữu của người Bắc mình là cái áo chùng thâm như mấy bà cố đi lễ nhà thờ. Cũng đã bấy lâu nay lão ngụp lặn trong thương người thương cả đường đi lối về: Qua những cái thư, truyện ngắn trải dài của người tình cũ qua con đường sống trâu ven quê, lão quan hoài từ cụm hoa nhài, bụi cỏ bông. Lúc này, lão nhòm đầu cũng ra hồn thơ với mây và gió, thế nên lão đang đuổi hoa bắt bướm. Lão hài cố nhân với đập cổ kính ra tìm lấy bóng qua những hình ảnh phẳng phát một thoáng hương xưa. Thế là lão cỏ hoa lạc lối, thế nên bụng dạ lão nặng nhịch với chum thơ dân dã...nào đâu cái yếm lụa sồi, cái dây lưng đùi nhuộm hồi sang xuân....

Cùng những vầng chiều ấy, trong đám người kẻ đón người đưa, mắt bà hấp ha hấp háy ánh chùng đang tìm kiếm...người muôn năm cũ. Như một đoạn phim quay chậm, gần hơn một chút nữa, bà nhón nhác dòm thấy lão. Còn lão thì nhòm ra bà, thấy người về từ trăm năm. Lão thấy bà hom hem cười tủm, cái cười hơi thiếu vắng với hàm răng chộn rộn. Lão ngẫm lại, hàng ngày soi gương, lão thấy lão vẫn vậy, chẳng đổi thay. Nay mới bắt gặp hình ảnh của chính mình qua bà sau gần nửa thế kỷ không gặp lại, để thấy cả hai đang tàn tạ trong những ngày nhạt nắng. Bỗng hai mắt bà ăm ắp nước, tuôn rơi lả chả như những hạt mưa thu, cứ như thể lão tay bắt chuồn chuồn sắp về với tổ tiên đến nơi không bằng...

Và bà thẳng thốt bật ra một câu đầy bi ai: “Trời cao đất dày ơi ! Ông đây hở”.

Vừa chu chéo lên xong, bà như bị xúc động nên chập chạng ngã chúi người vào lão như ếch vồ hoa mướp. Làm như lão vừa ngã vào hàng bánh đa nướng không bằng, hai tay bà túm chặt lấy áo lão như sợ bị vượt mất thì có nước đi tuốt. Giữa thanh thiên bạch nhật, lão chóang người, sợ thấy ông bà ông vải, lão cập rập...máng yêu: “Hượm tí! Bà làm gì rồi tinh lên vậy hử”. Lão định mở mồm nói dăm chữ yêu thương, nhưng lại quên bu nó mất...

Lão nói như...quát lên: “Khỉ ạ...Hùng...g...i...à...đây“.

Ngờ lão ngồi trên xe buýt chưa ăn gì! Bà ngo ngác: “Ừ nhảy! Tép đồng kho tương hở? Thiếu giống! Cứ ới ra đây”. Thế là lão biết bà...điếc đặc. Biết để bụng, được thể lão ôm bà gọn lỏn trong vòng tay gầy guộc của lão. Trong một thoáng phù vân, lão muốn gửi gắm bà một nụ hôn cuối đời sau năm mươi năm nghìn trùng xa cách, nhưng lão chợt nhớ ra răng cở lão...cái còn cái mất. Vậy mà nhòm bà, bà cũng chẳng khâm khá hơn gì lão, răng lợi cũng...cái mất cái còn. Thế nên lão đành niệm Bụt ăn chay, đành ôm suông bà để gửi gió cho mây ngàn bay. Đề rồi hồn ma bóng quế của chuyện ngày xưa ngày xưa lại nhân tản hiện về, chuyện là cái ngày ấy ở trại “ri cu”, trên cái chõng tre ọp ẹp, thẳng còi đề cái Sứu và...lui cui cúi xuống hôn. Nụ hôn đầu đời

cùng một quên hai nhớ là cái Sứu nhắm tịt mắt lại nhưng lại...há mồm. Thế là răng thẳng còi đụng răng cái Sứu một cái..."cốp". Mẹ ơi, đau như bị...đau răng. Cũng kể từ dạo ấy, trong những cuộc tình hoang dại đi qua mảnh đời lão, lão chẳng dám...hôn ai nữa! Khỉ thật!

Đêm đã về khuya, lão nhòm bà nằm một đống như cái đụn rơm phình ra ở ngay cái giường to bằng cái đình này...Và cả hai ngược mặt lên trần nhà, nhìn con thằn lằn đục đuôi con thằn lằn cái trong xa vắng để chẳng có gì mà nói. Nói cho ngay lão cũng chẳng có nhiều chuyện để mà hàn huyên, tất cả như gió đưa cây cải về trời...Riêng với bà, bà đang thao thức chuyện mới đây, sau những mùa đông cô quả quạnh hiu, lòng dạ bà như bị xát muối, bà cô quạnh nằm một mình ôm cái gối như ôm con lợn con mới đẻ của cái tuổi xuân thì. Rồi thì năm thì bầy lượm, bà nhớ rang nhớ rức đến cái nhà lão này bên kia bên vắng và bà ôm cái gối bông như ôm lão cùng những nỗi nhớ, để thấy cái gối như mềm hẳn ra và...ôm êm.

Còn lão, lão cũng đang thao thức trần trọc, không phải vì lạ nhà lạ cửa, mà lão như thấy thiếu vắng một cái gì thân quen. Bỗng dưng lão nhớ khôn tả đến quả trứng trắng no tròn nằm trên bụng con chuột. Đến cô bé Bắc kỳ nhỏ nhỏ môi dày cong cón dẩu lên như con cộp cộp. Qua cả một thời gian dài chẳng biết lưu lạc ở phương nao, nay nằm thu lu ở

bên cạnh...Như ở đâu đây, lão thóang nghe thấy tiếng con chim cu đất “gù gù” xa vắng vời vợi, hòa lẫn tiếng ho ròi rạc của bà, tiếng ho húng hắng dứt quãng của lão, để rồi cùng một lúá bên trời lặn đặng, cuối cùng thì đường mưa ướt đất, lão cũng đã gặp lại bà trong...đêm tàn nguyệt tận.

Trong cái im ắng của nửa đêm về sáng, tay lão mò mẫm đi tìm tay bà. Bà thần thờ để yên không rứt lại. Đêm khuya khoát, đất sinh cỏ già sinh tậ, vẫn chúng nào tậ ấy, lão lại lợm khợm chống gậy trở về vớ dĩ vãng...Lão tũm tũm cười một mình về những ngày tháng ngây dại của cái tuổi khờ khạo, rồi lão rạt rào vớ tình cũ không hẹn mà tới, người lão như lằng lằng bay bổng. Dường như bà đang thiu thiu thiu đi vào giấc nồng thì phải, lão đoán thâm là như thế. Thế nên lão như người cười gió chui vào mây về một thời, một thờ vớ những chuyện tình trong mộng tưởng, chỉ thấy mây bay chẳng thấy...người. Hoặ giả, quá lắm thì cũng...không tưởng như...*tay anh em hãy tựa đầu, cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi*. Thóang tiếng ngáy nghe như rì rào của sóng biển, gió nồng và trái sầu rụng rơi đã chín cây, lão chỉ đợi cái lúc này. Lão đợi lâu lắm rồi, như đợi nhau từ kiếp trước. Sợ bà biết thấu tâm can, lão đợi thêm một chút nữa. Lão nghĩ cũng đến lúc, lão rón rén thò tay xuống...phía dưới.

Thật nhẹ nhàng, sâu hơn một chút nữa, tìm kiếm.

Trong đêm tàn nguyệt tận, lão...đút tay vào...túi quần, sờ soạn và lão cứng như con bừa củi vì chẳng thấy ...”nó” đâu. Bỏ bu! Lão nín thở mấy mò. Thật từ từ, rất chậm rãi, lão đưa tay vào sâu mà vân vê, mà nắn bóp...Súyt nữa lão bật reo lên như siêu nước sôi: “Nó đây rồi...”. Lão đã thấy...nó. Lão sờ mó nó, nó nhăn thín, nhăn chơn như da thịt. Lão mân mê nó, lạnh tanh, lạnh ngắt như đồng thau...Thật chậm rãi, rất từ từ.

Lão nhón nhén rút ra...một cái nhẫn một chỉ bằng vàng tây.

Trong yêu thương xốn xang, lão lóng ngóng đeo vào tay bà, ngón tay khô queo, khô quắt. Trong lão ngập tràn những cỏ xót xa đưa, cỏ xót xa người cùng những cảm xúc chan hòa. Tự hỏi cảm xúc như thế nào, lão chỉ thấy bồi hồi với những xúc cảm đến nghệt mặt ra. Và lão ngần ngợ ngắm nghía bà, ấy vậy mà bà chẳng mấy may cục cựa, nằm duỗi ra như con cá rô đực. Bà nằm duỗi ra đo giường, đo chiếu thật đầy, thật tình thì lúc đầu bà không biết lão này dở trò ma tịt gì đây, nào ai biết ma ăn cỗ. Nhưng bà cũng xốn xang chờ đợi, để thấy sự thể là như thế...Thế rồi bà có khoản khắc bông bênh, lãng đãng mà đã tự lâu rồi bà đã đánh mất, tưởng rằng chẳng bao giờ tìm lại được trong những ngày vắng gió đìu hiu. Nếu có, chẳng qua là nhờ cái...cái...Bà nhớ đến cái gói bông như con lợn con mới đẻ và bà quay sang ôm lão như ôm...một bộ xương đang ngái ngủ. Lão cũng ôm cứng lấy bà. Bà lững lờ nhìn lão.

Lão lặng lẽ nhìn bà. Trong một thoáng giây động não động tình với lên non tìm động hoa vàng, làm như vô tình lão hồ hững đặt tay lên ngực bà...Chừa kịp ngộ ra cái giống gì eo sèo như quả mướp khô thì đã bị bà nhắm mặt, hất tay lão ra và mắng: “Rõ dơ”.

Lão im thin thít như thịt nấu đông, lão nghĩ bà này dở hơi thật cũng nên. Lão nhảm chùng bà cũng rõ dấm dớ, chả lẽ khi không réo lão lên đây để nghe con cu đất gáy “gù gù” chẳng. Cũng đến cả mười phút, lão nằm chèo queo nghe tiếng tiếng cái đồng hồ treo tường kêu “tích tắc” buồn tê tái, buồn tái tê. Bỗng...con cu giã đen thui từ cái mái nhà của cái đồng hồ treo tường chui ra chỗ mở gáy “cúc cù cu” vang vọng giữa đêm vắng...Khi không lão nhớ quay nhớ quắt đến hai con chuột trong tủ đồ khô ở nhà. Lão bâng khuâng nhớ rang nhớ rức đến câu ca dao đầy hương đồng cỏ nội...*chuột kêu chút chút trong rương, anh đi nhẹ nhẹ động giường mẹ hay*. Bất giác, lão chìm đắm trong vọng tưởng, lão ôm bà khăng khít hơn và thả hồn đi hoang về ngày nào năm ấy với cái chõng tre, cái nền nhà đất thô mát lạnh và...Và tiếp đến là tiếng kêu “boong, boong” của cái đồng hồ chết tiệt như tiếng chuông tỉnh thức, như đánh dấu cái giờ tí canh ba ở cái tuổi vàng đang thanh thoi rơi vào quên lãng với một sớm hai sương.

Ồ mà lạ chửa kìa: Không phải là lão mà là bà. Bà đang “tỉnh thức” với hồi chuông chiêu mộ và bà lóp ngóp trườn lên người lão, như con thạch thùng cái bò lên con thạch thùng đực. Thân bà vắt chéo

qua thân lão như cây thập tự giá đóng đinh, người bà dán chặt vào người lão đến nhẹ tênh và mềm như dưa, như bún. Trong cái đầu củ chuối của lão đang mừng hóm thì bất chợt có tiếng con thạch thùng chếp miệng tặc lưỡi đánh “tắc” một cái khô khan và lão nghe ra là... “tắc...tị”. Bất giác lão thở dài trong chân không, vì trộm nghĩ rằng ở cái tuổi này nào còn lòng dạ hơi sức mà đú đờn như xưa kia cùng một thời vắng bóng...

Chẳng ai nói với ai, cả hai đều nhòai nửa người ra khỏi cái giường. Hai thân thể chồng lên nhau như hai hòn đá, như hòn Chồng, hòn Vợ chồng chênh nằm lên nhau lạch lững ngoài biển xa đảo vắng. Qua bóng tối chập chạng, hai khuôn người trong cái thể chênh vênh chúi xuống, lững lơ với gần đất xa trời. Lão và bà chơi vui là sương khói và nhìn xuống sàn nhà lát gạch hoa. Như thần thờ đang đi tìm lại những ngày tháng cũ...

Như mong bắt gặp lại đôi vợ chồng chuột của ngày xưa.

Gậy trúc khua cưa

Tượng tượng, xe xe xé lẻ rồi
Sĩ đen, sĩ đỏ chằng vào đôi
Đó ai biết được quân nào kết ?
Mã cũng chui mà tốt cũng chui
(Trần Tế Xương – Thành pháo)

Bạn già ngật ngữ ho khan rằng từ ngày cáo lão về hưu có gì trái nắng trở trời chẳng? Ừ thì thừa bác vẫn một ngày như mọi ngày, sáng tỉnh mơ, tay cà phê, tay thuốc lá, cù rữ đặng góc vườn ngồi trong bóng tối đợi nắng lên. Chiều đến, cũng ở chỗ ngồi thân quen ấy, tay điều thuốc, tay ly rượu cầm lặng như một chiếc bóng đợi thời gian tới. Rồi đợi ngày mai, để tự hiểu rằng ngày mai sẽ là quá khứ của hôm nay và chẳng còn ngày tháng nào trước mặt. Vào cuối ngày tàn, đệ lằm lũi đi vào căn nhà quen thuộc, để lại quá vãng ở sau lưng với cổ hương nan khứ hậu nan quy. Thế là xong một ngày...

Bạn già búng lười lâm râm: Úi chà nan khừ, nan quy gì mà hăm hăm quá thể vậy! Đào, ắt hẳn là hoài cô, hoài đồng vọng nữa đây? Ừ thì thưa với bác, cũng không ngoài năm chuyện quần chân ngứa mắt đi loanh quanh trong nhà như cái đèn cù, mà phải bước từng bước một để nín kéo thời gian đừng cho ngày tháng qua mau. Chẳng vô tri bất mộ quá lắm, đâu đó lặng lờ ngắm *cái bát điếu, tẩu thuốc phiện* trên cái kệ kính, hay lại tri giao quái ngã sâu đa mộng với *con quay, con vù* của cái buổi ầu thời qua một số bài viết của đệ đang nằm chết dí trong kho chữ cho mỗi một nó soi ấy mà, thưa bác.

Chuyện là mây vẫn bay qua, ngày vẫn trôi đi: Một ngày, vèo nghe lá rụng đầy sân, đang ngồi rình rình những bước đi im ắng của thời gian. Lớ quớ rồi loạn tiền đình thế nào chả biết nữa, đệ nhúm được một truyện ngắn của Nguyễn Thị Âm viết về Hà Nội:

(...) Ở ga Hàng Cỏ có những con ngõ nhỏ với những người bốc thuê vác mướn, gánh nước, đập xích lô tại một phố vắng, gần bến ô tô. Ba người đàn bà đứng tuổi ăn mặc xềnh xoàng đương chúi đầu chơi bài.

- Tao kết tốt đen - Bà béo nhất vừa cười vừa đặt đôi tốt đen xuống đồng bài.

- Đen quá - Bà gầy lên tiếng.

- Tại mày ăn non... không chặn kết - Bà còn lại

mặt rỗ lâu nhau nói. Hai bà cúi kính móc tiền trong cặp quần ra trả. Ván bài lại tiếp tục.

- Kết mã đen - Bà mặt rỗ vừa nói vừa vỗ đùi đánh đét một cái. Hai bà kia sững sờ móc tiền ra trả...

Lát sau, trời bắt đầu mưa lâm thâm. Cái giờ khắc lau lất của thành phố trôi đi nhanh lắm. Chiếc đồng hồ trên nóc nhà ga dạo một khúc nhạc lạc lõng. Hai kim đồng hồ chập một chỉ vào số mười hai. Thời gian vẫn trôi đi. Một giờ...hai giờ...ba giờ...năm giờ sáng.

Trời sáng dần...Có tiếng chuông xích lô kêu kính coong, tiếng còi xe ô tô kêu tin tin. Đường phố ráo hoảnh...Mưa đã tạnh...(...)

Thế là được thể đệ thơ thần cùng cái tuổi mới lớn lãng đãng về ngày xưa, ngày xưa với con phố Chợ Đuôi của cái tuổi ấu thời. Tết đến cả nhà quây quần trên sập gụ, chiếu hoa với tương điều, sữ đỏ, xe, pháo, mã hồng. Những hồn vía vất vương ấy, tất cả chỉ là Hà Nội hoài vọng, Hà Nội vọng tưởng đâu đây, thưa bác.

Nói cho cùng chuyện chẳng thành chuyện. Nếu có chăng nữa chỉ là một chút hoài cổ nhân đến cụ bạn thân căn cố đế của ông cụ đệ chả hẳn là ...*quan Đốc đồng, áo đen nẹp đỏ*, mà là một cụ chánh tổng. Cụ qua đây xin nhận nơi này làm quê hương, sẵn có ít chữ nghĩa dần tui, nửa đêm đèn tàn, sẵn cái mạch

quê hương bản quán, vạ kiếp tha hương ngàn đời thâm, cụ dần trải qua những năm cùng tháng tận với đánh đu, chơi trâu, đánh vật của một thời xa xưa ở quê nhà. Cụ lụm cụm ghi lên nhăm ba trang giấy những xao xác và chẳng thể thiếu vắng tiếng gáy dứt quãng cúc cù cu của mấy con chim cu đất buồn đến nẫu người. Những hoài vọng ấy tự thờ nào xa lắm, cũng gần gũi lắm như mới đâu đây cứ bám cứng với cụ chánh vào những khi tối lửa tắt đèn nơi đất khách quê người. Vì cụ tháng nghĩ rằng chẳng còn mấy ai rồi hơi nhắc lại cái thú chơi quê mùa ấy, rồi ra sẽ nhạt nhòa dần trong những ngày nhạt nắng... như cụ vậy. Tiếp, mỗi số báo Tết ở thành phố mà cụ và đệ đang luân lạc, cụ lại rập ràng bày mực tàu giấy đỏ với cái thú chơi tổ tôm, chắn, xóc đĩa đã lạc mùa bên phố đông người qua.

Cụ chánh tổng đã thành người muôn năm cũ. Còn lại đệ cũ mốc, cũ sùi với vong gia thất thổ đã lâu nên cứ giấy đỏ buồn không thắm, mực đọng trong nghiên sâu qua hồn ma cũ với tứ tử trình làng, trong canh khuya đèn tàn với tướng sĩ đỏ đen chui sấp ngựa này kia, kia nọ. Và cứ hẹn lần sẽ có một ngày...” của đi tìm người”, thưa bác.

Bạn già chép miệng cái bép rằng chỉ khéo dệt chuyện, vậy thôi ư? Ủ thì chuyện đâu vẫn còn đó, đất trời vẫn vu vơ với nhật mộ hương quan hà xứ thị, yên ba giang thượng cổ nhân sầu. Sầu qua nỗi nhớ, thì nhớ những ngày giữa năm, cuối tháng trời hom hom, đất đơ đơ, bắc ghế ngồi ở góc vườn... Khi

không tuổi lá vàng như rúc vào mây, nôn nả với những dĩ vãng xa quệt lên nhau. Trên không cuộn cuộn đám mây rồi, nhìn bầu trời nhá nhem, thoát đời thành màu hoa mướp, hoa bí mênh mang, rười rượi, trẻ tràng nên đậm ra nhuốm mùi hoa xưa cũ.

Đề rồi sẽ có một ngày nào đó lang thang trên mạng lưới nhúm được bài thơ *Miếng quê hương* của người thơ Cung Vĩnh Viễn mãi tận bên Na Uy. Ông viết về cái tuổi lá xanh, lá vàng qua một cuộc tình nhạt nhòa theo năm tháng, mang mang một nỗi quan hoài hồng bay mấy lá năm hồ hết, thơ thần kia ai vẫn đứng trông:

Chia hộ ta ván bài tam cúc
Mãi ngắm bàn tay nhỏ dịu hiền
Dấu bài xấu tốt ta chui hết
Để nhìn cho em kết tốt đen

Bạn già thở hắt ra làu nhàu, đang gần đất xa trời lại ngoa chữ với *nhìn cho em kết tốt đen* làm gì cho rách chuyện. Ấy đấy, từ Na Uy với những “đêm trắng”, xa Hà Nội, xa Sài Gòn vậy mà vẫn rơi rớt lại người thơ còn dây mơ rễ má đến cỡ bài hai màu đen, đỏ với đen bạc đỏ tình. Nói cho ngay tự thưở nào, đêm trắng, giếng nước làng, ngày Tết, bên đụn rom, bộ tam cúc là cái gạch nối của thời gian và không gian, nơi chốn để hai người yêu nhau tỏ tình với một nhớ hai thương. Để bây giờ để *nghe hơi gió chuyển mùa sang, tuổi già cảm cảnh đôi hàng rụng rơi* (thơ Cung Vĩnh Viễn) là thế đó, thưa bác.

Từ những cảm hoài mênh mang trên, đệ mược có lấy lất qua một tác giả khác tên Nguyễn Nguyên Tân cũng viết về *Cây tam cúc* nhưng lại quên tuốt. Bèn mày mò vào kho chữ mang bản in giấy trắng mực đen ra vườn rị mọ với chữ nghĩa:

(...) Chiều Hà Nội dường như lạnh hơn. Tôi và thi sĩ Hoàng Cầm, người mệnh danh là “gã trai lơ” của Kinh Bắc một thời ngòai cạnh nhau, hàn huyên trên ban công tầng năm. Ngày ông chỉ ăn hai bữa, lúc cháo, lúc cơm. Rượu uống hết sáu chén, thuốc lào vẫn rít đều đặn. Riêng *anh chàng bàn đèn* vẫn ngả nghiêng với ông vào buổi sáng. Giọng ông đều đều: “Nhưng kỷ niệm vẫn cứ ập về. Tôi làm thơ nên cảm xúc nhiều. Khổ”. Ông ngồi vê vê thuốc lào, tìm chiếc bật lửa, lại châm đóm, lại rít một hơi dài, ánh mắt nhìn vào khoảng trời chiều, giọng từ từ: “Bài thơ *Lá diêu bông* là sau này tôi viết tặng chị Vinh. Nếu biết tôi tặng, chắc chị cũng ngậm ngùi...”.

Chị lấy chồng, tôi có viết câu thơ về chồng chị trong bài *Cây tam cúc*: “Quan Đốc đồng, áo đen nẹp đỏ”. Chị Vinh và chồng có một cô con gái, nhưng hai người đã chia tay. Anh chồng bắt mất cô con gái. Vì vậy chị vào Sài Gòn ở với mẹ, hai mẹ con bán hàng tạp hóa, cuộc sống cũng chẳng khá giả gì...”
(...)

Vần với người viết Nguyễn Nguyên Tản, thưa bác:

(...) Với bài *Cây tam cúc*, thơ Hoàng Cầm thật giàu hình ảnh gợi hình, gợi cảm, có chút chinh xèng gây men với chơi tam cúc, làm sống dậy hoài niệm về tuổi ấu thời.

Cổ bài tam cúc mép cong cong
Rút trộm rom nhà đi trái ổ
Chị gọi đôi cây
Trầu cay má đỏ
Kết xe hồng đưa Chị đến quê Em

“Chị gọi đôi cây, trầu cay má đỏ”, không biết có phải vì rom ấm, hay vì men nồng để “Kết xe hồng đưa Chị đến quê Em”. Ngồi trên ổ rom, kết đôi cây bài gợi nhớ băng khuâng. Chị thì vô tư má hây đỏ hồng men trầu cay, còn Em thì rộn rạo vì được sưởi ấm bằng hơi hương của tuổi đương thì. Đem rút trộm rom nhà để làm ổ đánh bài, những lần ngần ấy đã làm câu thơ có hồn và gợi nhớ một cái gì đó từ thuở còn bé tí..

Nghé cây bài tìm hơi tóc ấm
Em đừng lớn nữa Chị đừng đi
Tướng sĩ đỏ đen chui sập ngựa
Ổ rom thơm đọng tuổi đương thì.
Đưa được
Chinh chuyên xùng xoèng
Đưa thua
Đáo gỡ ngoài thêm

Em đi đêm tướng điều sĩ đồ

Đôi xe hồng đưa Chị đến quê Em

“Em nghe cây bài tìm hơi tóc ẩm”, ván bài ấy cứ ngưng đọng lại, mãi mãi em vẫn còn bé bỏng. Em chơi bài mà “tướng sĩ đồ đen chui sắp ngựa”. Trong thâm tâm, chỉ muốn được gần chị để hương thơm của ổ rơm vẫn còn náo nức tuổi đương thì. Ván bài có người thua kẻ được, chinh tiền xủng xoảng nhưng Em thì vẫn muốn đi đêm đánh đôi cây bài tướng điều, sĩ đồ cao giá hơn, mong lấy cây xe hồng với ước nguyện đưa chị về quê em như một ước mơ ấp ủ cả đời.

Mối tình Chị và Em là nét đặc thù của người Kinh Bắc Hoàng Cầm. Trong cái chênh lệch tuổi tác, đã có mầm chia phôi. Trong có sự chiếm hữu vị kỷ, tuy rất ngây thơ đáng yêu “Em đừng lớn nữa Chị đừng đi”. *Em đừng lớn nữa* để cái mơ mộng vẫn còn trong khi *chị đừng đi* để mãi mãi Chị là của em. Em thì đắm say trong khi Chị lại vô tình chẳng biết. Cuối cùng em đứng nhìn theo *em gọi đôi*. Em đứng lại mà gọi trong khi chị đã sang ngang. Bởi vì trời vô tình làm cuộc binh đao, đổ xuống một trận mưa ngâu:

Năm sau giặc già

Quan Đốc đồng áo đen nẹp đỏ

Thả tịnh vàng cưới Chị

Võng mây trời

Em đứng nhìn theo

Em gọi đôi

(1960)

Đôi cây bài tam cúc chập chờn ở lẫn ranh trẻ con, người lớn em đừng lớn nữa Chị đừng đi. Chị đừng đi là niềm mong mỏi phải lẽ rồi. Nhưng sao lại mong em đừng lớn nữa? Phải chăng trong “Em” luôn có “Chị”. Lấy cuộc chơi bài làm ẩn dụ, nhà thơ gửi gắm khát vọng yêu đương kín đáo và nỗi đau mất mát, không tới bến bờ, gọi lên trong niềm trầm ẫn, những uẩn khúc. Ai đấy còn vương vấn mãi làn hương mái tóc người con gái đương xuân, mùi rom thơm ngái của đất quê và nhất là hương vị của một tình yêu vô vọng vừa mới lớn...

Trong bài *Gọi đôi* ông làm những câu thơ thật tha thiết:

Áp môi bóng cõi mưa dài
Khát thêm từng trận khát hoài tuổi xưa
Em về chưa? Chị đến chưa?
Bỗng dung hai đứa khóc mờ đêm trăng
Chị đây có phải Em chẳng
Em đâu có thật Em rằng Chị không
Xiết tay kết một vô cùng
Lơi tay lại vẫn đôi dòng lửng lơ
Song song có gặp bao giờ
Hai dòng lệ chảy hai bờ sông trôi
Mưa nhưng áp má bồi hồi
Nghe khô từng sợi mưa dài lặng im
Em không nổi. Chị không chìm
Chị tung gió tím Em tìm sang xuân

Nằm trong mắt bão tuyết trần
Mưa nhưng tung cánh trắng ngàn...
Em bay...

”Em. Chị . Chị. Em.” Mỗi tình cách biệt cứ ám ảnh suốt đời người thơ. Cái cảm giác lúc mười hai tuổi sao cứ kéo dài mãi, để lửng lơ những xao động khôn nguôi *Dưới kia sông chẳng quay đi - Mười hai tuổi cũ biết gì Chị ơi - Một con bướm lửa đậu môi - Hai nhành hoa lửa chia đôi tay cầm.* Tha thiết quá một thời ngây thơ của cậu bé sớm biết yêu. Cậu bé ấy cứ muốn thời trẻ mãi không già, để yêu mê một hình dáng...” (...)

Bạn già lại thở hắt ra làu nhàu gì mà cụ Hoàng Cầm mới nứt mắt ra đã yêu đương. Đúng là ngộ chữ có khác. Thôi mà bác, với cái tuổi hom hèm lục thập nhi nhĩ thuận, nôm na là *nhằm ở cái tuổi này nghe gì cũng thuận tai*, xin bác xá cho. Bạn già khùng khẳng rằng “nhĩ ” đây không có nghĩa là “tai”. Mà là”dĩ ” là “đã”. Dạ...*đã*, thưa bác.

Ngộ chữ bài viết xong là quên ngay, cái tuổi cóc cụ là vậy. Bỗng chốc chuồn chuồn ở đâu lạc tới vườn nhà. Chiều về ễnh ương, châu chấu gọi nhau “ì à ì ộp...”, nhằm chừng tối nay thế nào trời cũng giội giời. Bất giác nhìn lên khoảng không, nắng nhòe nhoặt đùn lên, đất trời trùng hấn xuống, gió thổi mây xoắn tít, bụng dạ cũng xoắn xuyết những

nổi lao xao không tên nằm tịt mít trong ký ức, nay đang ngọ nguậy như con rạm, con cáy muồn rủ nhau chui ra từ trong hang, trong hốc. Nói cho cùng, cái tuổi bóng ngả đường chiều dường như đang loáy nhoáy tìm về nơi cất giữ tuổi thơ. Ấy vậy mà vừa nhọ mặt người, sấm dên dứ, chớp nhoảng nhoảng, và mưa thối đất mù trời, đêm nằm khan nghe những âm thanh đồng vọng “ì à ì ộp...” vang trời dậy đất. Thao thức không ngủ rồi lại ngủ...lại thức và lại ngủ, cuối cùng...ngủ không được...

Bèn lồm cồm dậy mở máy vi tính và...của đi tìm người là Hồ Dzếnh:

“...Thuở ấy, đất bắc trong cái lạnh lẽo của những ngày lập xuân, mưa phùn lất phất. Trong bếp lửa đỏ rực của cái nồi bánh chưng, cả nhà xúm nhau vào chơi tam cúc. Để rồi có những mối tình đã nhen nhúm qua bếp lửa hồng. Trong bếp, lửa làm ửng hồng thêm má và long lanh đôi mắt, chẳng có gì để nói, nhưng cảm thấy ấm cúng, gần gũi...”

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi, cách nhau một dậu mỏng toi xanh rờn và ở đây có nhà thơ người Minh Hương là Hồ Dzếnh. Ông đã hoài cảm qua cái tuổi mái tóc đã điểm sương, nhưng vẫn không nguôi ngoại qua nỗi nhớ của những ngày còn hoa niên:

Ngày Tết mãi chơi tam cúc
Không hay anh tới sau lưng
Ghé lại gần anh mách nước
Kết luân xe, pháo, mã hồng
Ồ, ván bài em đỏ quá

Đỏ như đôi má ngày xuân
Em có ăn trầu đầu nhĩ
Mà sao người thấy băng khuâng

Bằng vào cái tuổi này, qua Hồ Dzếnh mới thám men trầu đầu có nồng thắm bằng men cay của kết đôi với pháo đỏ, xe hồng và cũng theo lời ông kể lể, chớp mắt một cái là năm sau lại ẩn hiện sau lũy tre làng: *Từ đó mỗi mùa đào nở, pháo xe lại nói cây bài.*

Ông u uẩn cùng những tia nắng muộn màng:
Nắng mới rọi vào song cửa
Rung rinh bóng lá cành doi.
Năm ấy em mười sáu tuổi
Trăng tròn, anh chẵn đôi mươi
Từ đó mỗi mùa đào nở
Pháo xe lại nói cây bài
Có độ anh về, có độ
Vắng anh, em nhớ mong hoài...

Chơi bài, chỉ để nhìn nhau, ngồi bên nhau.
Chơi bài, để chỉ nghĩ thấy mùi hương tóc, để những ngón tay đan với nhau. Chơi bài, để mong ván bài kết bằng những đôi hồng điều thắm thiết tươi đẹp. Và, những ván bài ấy, đẹp suốt một quãng đời:

Mấy chục mùa xuân thắm thoát
Nhớ thương hờn giận chen nhau
Một bức tranh thơ bát ngát
Quý thay cái thuở ban đầu
Nay tóc đời ta điếm bạc

Bể dâu thời thế phôi pha
Em ạ, cổ bài tam cúc
Vẫn thơm nguyên vẹn tình ta...

Bạn già nhưong mày, bập bập môi ra điều nay
tóc đời ta điểm bạc, bể dâu thời thế phôi pha thì còn
gì nữa cái tuổi thơ ngây? Chợt nhớ ra Y Dịch Lê
Đình Điều cũng có bài thơ viết về mùa xuân và bộ
bài tam cúc, riêng hai chữ y dịch, y lý không thôi ắt
hẳn cũng chẳng còn trẻ nữa. Thế là cái tay táy máy
di chuyển con chuột đi tìm tác giả này:

Chuyện cũng chỉ có hai người yêu nhau với
những ngây ngô của cái thuở mới lớn qua ván bài
tam cúc khởi đầu cho một chuyện tình.

Tốt đồ mà đề tốt đen
Kết nhất bội nhị làm em phải đền
Ừ ừ người ta đang đen
Không thềm chơi nữa giả tiền tôi đây
Ờ ờ bêu chữa cô này
Bị đề còn khóc giờ tay đòi tiền
Có gan để kết tốt đen
Tất có gan để chịu đền chứ sao?
Ừ ừ, sao ở trên cao
Người ta thua mất sáu hào hai xu!...

Sáu hào hai xu cũng lớn lắm với tuổi bé tí tẹo
nhưng cũng chưa bằng sự giận dữ của cô bé. Đổi cả
cuộc đời còn được, xá gì món tiền ấy. Chỉ để lấy lại
một nụ cười:

Mười năm đi dưới trăng sao
Bây giờ dừng lại nơi nào đây em?
Ván bài đời có tốt đen
Trăm lần để kết phải đèn cả trăm
Thơ ngây thua nhũn mười năm

Lúc trắng tay, lại thấy cần người chia sẻ. Ngày xưa, anh dỗ dành em, thì bây giờ ai an ủi anh khi gặp những lần kết tốt đen bị đèn phải đèn...Mười năm, một cuộc tình nuôi dưỡng bằng một ván bài tam cúc. Nhưng, kết cuộc lại vuông tròn. Ván bài tam cúc ngày xưa lại là dịp để anh sẽ “chui” tốt đỏ để em tha hồ kết tốt đen. Anh sẽ cứ “chui” mãi “chui” hoài để em có đôi mãi mãi với đôi mình, đôi ta:

Run run ép chặt bàn tay
Sợ làng bắt được biết ngay chúng mình
Anh chui cho lấp điều linh
Anh chui cho hết điều linh cuộc đời

Thời buổi bây giờ, có mấy ai còn lần quẩn bên những cây tam cúc, để nghe một thoáng hương xưa của thơ ngây. Niềm mộng mơ chỉ còn trong kỷ niệm, nỗi nồng nàn hương quê chỉ còn trong quá vãng. Dù thế nào đi chăng nữa, đọc vài bài thơ, nhăm bài viết trong cái xôn xao của đất trời thì chẳng thể bỏ lửng buông lơ, thừa bác.

Thời này còn mấy ai mó đến những cây tam cúc của ngày nào năm ấy. Riêng đệ thì không, chả là chuyện người thời thông hanh, còn chuyện mình thế nào đây? Thôi thì năm hết Tết đến, xin phép bác đệ đệ len chân vào chiếu hoa một cõi một chút nhá.

Và chuyện nhá nhem như thế như thế này đây, thưa bác...

Tết năm nào cũng vậy, nhà đều bày tam cúc ra đánh và lẽ dĩ nhiên đệ cũng có chân trong chân ngoài để rồi tương kiến diệc thời nan, biệt diệc nan với một đôi mắt buồn thật buồn. Nói cho ngay vào những năm tháng ấy, đệ không biết gọi bà hay cô, mà chỉ biết...cô còn trẻ lắm. Biết thêm tí nữa thì không ngoài cô lái chiếc xe Peugeot trắng, mui trần, dáng người dài các, cô đi guốc cao gót, sức nước hoa Rêve d'Or. Tết nhất, cô chỉ mặc một cái áo dài nâu. Cô có giọng nói trầm ấm rất người Hà Thành, cười ròn tan như ấm nước sôi reo. Vậy đấy thưa bác, bằng vào cái tuổi nhì nhằng, chưa một lần biết lật phất yêu và cũng chẳng hay người Hà Nội thanh lịch ra sao, chưa vất vương nước hoa Rêve d'Or hương vị thế nào. Ấy vậy mà đệ cũng đã vảng vất với đôi mắt xanh thao thiết, *sầu cô quạnh, khi gió heo về một sớm mai.*

Bạn già chặc lưỡi đánh tách một cái ra ý chuyện gió máy vậy thôi sao? Chả hiểu gì sất! Chả dẫu gì bác, cho mãi đến gần đây đệ mới u mê ám chương ra cô chính là người có đôi mắt u ẩn chiều

lưu lạc của nhà thơ Quang Dũng. Thế mà đến cả mấy năm nay vẫn chưa dám đụng tới cái bàn gỗ. Kiểu hờn vía vẫn bay lượn đâu đó mà chưa thấy hình hài mà nhập vào, chả hẳn vì cái bệnh lười của cái tuổi khom, rõ ra phải đợi có túc duyên nào đó. Bạn già lách ngáp gì mà đụng đến cái bàn gỗ như mõ sớm chuông chiều, rõ chỉ khéo buôn chuyện! Ừ thì biết thừa thốt với bác thế nào đây, chả là khi ấy đệ ”đồng tuế” với cụ Hoàng Cầm qua chuyện chị Vinh với: “Cái cảm giác lúc mười hai tuổi sao cứ kéo dài mãi, để lửng lơ những xao động khôn người *dưới kia sông chẳng quay đi, mười hai tuổi cũ biết gì chị ơi*”. Đũa mộc chồi mâm son thế đấy, thế có nhằm không hả bác.

Một ngày, cây giống bóng của giống người, bỗng dung lòng dạ cứ dàn dạt thất lại với tiếng lao xao như xé vào trưa hè của canh bài chòi dưới cái chòi lá, của tam cúc chiều 30 Tết bên cạnh nồi bánh chưng trong bếp lửa hồng. Chẳng phải bịa tạc gì, đôi cây bài tam cúc với đệ hay cụ Hoàng Cầm chập chờn ở lằn ranh trẻ con, người lớn với *em đừng lớn nữa chị đừng đi*. Cụ lấy cuộc chơi bài làm ẩn dụ, nhà thơ gửi gắm khát vọng yêu đương kín đáo, gợi lên trong niềm trầm ẩn, những uẩn khúc.

Riêng nhiều sự ẩn dấu của đệ lại nằm tít mù ở khúc sau, thừa bác.

Rồi ra cũng ngồi xuống để mơ màng theo gió và vơ vẩn cùng mây. Ấy thế mà mỗi lần đệ nhập hồn vào máy vi tính thì coi như “thăng” đến chiều, đến

lúc nhớ rượu bia mới thôi. Ra ngoài vườn cũng ở cái chỗ quen thuộc ấy, chả lẽ lại cuồng chữ với chuyện nắng chuyện mưa, nên đành bồi rồi nhìn trời nhìn đất, đành bò vào nhà mở máy vi tính, thì của người phúc ta, tóm tắt ngay được một bài viết của tác giả Nguyễn Quốc Đông:

Quang Dũng là nhà thơ thời tiền chiến có nhiều bài thơ hay, trữ tình như: Tây tiến, Đôi bờ.. nhưng Đôi mắt người Sơn Tây là một bài thơ được nhiều người ái mộ. Bài thơ như nói lên cuộc gặp gỡ đượm màu chia ly giữa nhà thơ với người con gái trong thời loạn lạc, một thoáng quen nhau và chia tay giã biệt, một cuộc tình buồn ngán ngùi:

Em ở thành Sơn chạy giặc về
Tôi từ chinh chiến mới ra đi
Cách biệt bao lần quê Bất bặt
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì

Như vậy người con gái này ắt hẳn ở Sơn Tây? Nhưng là ai, tên gì, ở đâu? Có giai thoại cho rằng Quang Dũng quen người con gái Pháp vì câu “Mắt em dịu dịu buồn Tây Phương”?. Thế nhưng cứ theo nhà văn Phan Lạc Phúc trong *Bạn bè gần xa* thì Tây Phương đây là địa danh của tỉnh Sơn Tây với...ngôi chùa Tây Phương, thừa bác.

Trở lại khi ấy Quang Dũng là đại đội trưởng trung đoàn Tây Tiến được nghỉ phép, về thăm gia đình ở Phùng thuộc tỉnh Sơn Tây, ông tạt qua nơi có tên là kinh Đào ở gần chợ Đại, thăm “người tình cũ

tên là Nhật”, có một mỹ danh là “Akimi”, nàng có hàng cà phê mà ông thường hay ghé qua. Akimi Nhật sống cùng mẹ, trong cái quán nước đơn sơ này, có lần Quang Dũng làm thơ ca ngợi Akimi Nhật và dán lên vách nữa:

Tóc như mây cuốn, mắt như thuyền

Khuấy nước kênh đào sóng nổi lên

Ý nhị mẹ cười sau nếp áo

Non sông cùng đắm giấc mơ tiên...

(Đây là bài thơ mới phát hiện sau này do

bà Nhật, hiện định cư ở Hoa Kỳ cung cấp)

Trở lại đệ với bác lúc này, chuyện một ngày như mọi ngày, như mọi lần bác ghé ngồi ngoài vườn và cũng chẳng thể thiếu bao thuốc lá, chai rượu. Ngồi không, đầu lục đục với cái nắng xanh trời trắng đất, đâm nháo nhác cầm cái ly làm một hớp. Chợt nghe tiếng chuông “kính coong” ngoài cửa. Bèn chớ phở ra đã bấy lâu nay bác tới nhà, bầu vừa rung rần, mướt đương hoa, ngó chừng thấy bạn già tay cầm cây gậy chống trời lụ khụ đi tới. Thế là đệ mượn miếng trầu là đầu câu chuyện, bạn già chắc mồm là chuyện tổ tôm, chẵn hay xóc đĩa chi đây?

Ấy vậy mà năm cùng tháng tận hay sao ấy, đang vui chuyện vui trò khi không bạn già vặc là người Quang Dũng nào có biết chơi tam cúc nên kể lể làm gì cho rách chuyện! Tiếp đến, cứ theo bạn già thì người tình của Quang Dũng là người Hà Nội,

chứ chả phải là em ở thành Sơn chạy giặc về với mắt em dịu dịu buồn Tây Phương.

Cứ theo bạn già để có thêm một giai thoại, giai ngẫu là một trong ba cô con gái của một ông thầu khoán ở Phố Cổ. Năm hết Tết đến, Quang Dũng theo bạn tới nhà ông thầu khoán để châu rìa xem bạn chơ tam cúc và ngẫu nhiên gặp rồi yêu. Đi kháng chiến, Quang Dũng làm bài thơ *Tây tiến* có câu *mắt trông gửi mộng qua biên giới, đêm mơ Hà Nội giáng kiêu thơm* để bị phê bình và trù yểm là đầy chất tiểu tư sản. Sau 75, Quang Dũng vào Sài Gòn đang đứng chọn sách trong một tiệm bán sách, bỗng có người vỗ vai hỏi: “Ông có phải Quang Dũng tác giả *Tây tiến* không, tôi nhìn giống bức ảnh trong cuốn sách ở nhà lắm”. Quang Dũng trả lời ngay: “Ông nhầm rồi, tôi ở Bạc Liêu mới...zô”. Bạn Quang Dũng cũng kể lại: “Sau giải phóng, tôi vào Sài Gòn có đọc sách báo cũ. Về Hà Nội, tôi bô bô với Quang Dũng: “Này ông, ở Sài Gòn họ ca tụng ông ghê lắm”. Quang Dũng vội xua tay: “Thôi xin ông, ông đừng nói với ai nhé”.

Bạn già cười cái hặc rồi bòn mót thêm rằng Quang Dũng đâu có biết đánh tam cúc nên làm quái gì có bài thơ nào về “tam cúc”, chỉ có Hồ Dzếnh, Hoàng Cầm thôi.

Vậy chứ còn ai nữa kìa?

Còn ai trồng khoai đất này với chuyện com mắm thắm về lâu của đệ đang ngần ngần đây, bác háy mắt húng hắng rằng lại thêm bát thêm đĩa nữa chẳng? Thì chẳng qua như cụ chánh tông, sẵn cái mạch quê hương bản quán, vạn kiếp tha hương ngàn đời thê thảm, nên đệ dần trải qua bộ bài tam cúc với *đó ai biết được quân nào kết, mã cũng chui mà tốt cũng chui*. Ấy thế mà *anh chui cho lấp điều linh, anh chui cho hết điều linh cuộc đời* cho mãi mới gần đây, đệ khai mê phá ngộ ra người có *tóc như mây cuốn mắt như thuyền* lại là...là...bà cụ thân sinh một đồng môn thua đệ vài tuổi, phải gió phải giăng thế đấy, thua bác. Ấy vậy mà vay mượn cái tâm thái trẻ tràng nhuốm mùi hoa xưa cũ, khi gió cản răng gì đâu chả biết nữa, năm tao bầy tiết bà nhảy bổ vào đầu đệ: *Hết từ đó mỗi mùa đào nở, pháo xe lại nổi cây bài*, qua quần lụa áo dài cùng một màu nâu. Đẻ rồi đệ được *thê khuấy nước kênh đào sóng nổi lên* với...nước hoa Rêve d'Or.

Gọt chữ đẻo câu cho lắm, nào đệ có khác gì Hồ Dzếnh: “Ông đã hoài cảm qua cái tuổi mái tóc đã điểm sương, nhưng vẫn không nguôi ngoai qua nỗi nhớ của những ngày còn hoa niên”. Lần theo những bước chân đi của ông trên lối mòn của những ngày tháng cũ, đệ dạ quan hoài với ngày tháng qua mau cùng lá vàng rơi trên giấy, ngoài trời mưa bụi bay...Ừ thì tuổi già là vậy, cùng một thoáng mây bay qua con quay, con vự, cái tàu thuốc phiện, cái điều bát cũ sì, cũ xưa. Và vừa rồi lại là chuyện *nay*

tóc đời ta điểm bạc, bẻ dâu thời thể phơi pha nhạt như nước ốc ao bèo. Thời gian vẫn trôi đi rồi mất hút. Mai kia là cái giuộc gì đây? Rồi ra cũng như hoa mướp về chiều với đình thụ bất tri nhân tận khứ, xuân lai hoàn phát cựa thời hoa. Thì như đã bảo, chuyện gậy trúc khua cua là thế đấy, như thế đó, thua bác.

Thế như Lý Bạch với biệt hữu thiên địa phi nhân gian, nôm là *ta có riêng một cõi...không có người* thì chán phèo. Mà đệ cũng chả dám đua mọc mà chòi mâm sơn như cụ Hoàng Cầm trong bài *Gọi đôi* cứ muốn trẻ mãi không già, để như gà ấp bóng...một hình bóng. Chẳng là nhằm vào cái tuổi già cảm cảnh để hồn vía lang thang bay bổng với ai chẳng một lần bị đồng thiếp qua một hình ảnh, một nhân dáng.

Chiều về, bổng chốc cóc nhái gọi nhau kêu “ì à ì ộp...” nên bụng bảo dạ thế nào cũng giột giời. Thế nào ngày mai trời cũng mưa...

Thạch trúc gia trang
Quý Ty 2013

Sư cụ chùa làng và bà lái đò

Theo già làng kể lại không biết sư cụ có trở về chùa nữa hay không?

Chuyện hàng năm cứ đến ngày *tiết tháng bảy sắp thu phân, ngày rằm xá tội vong nhân hải hà*, ắt hẳn... “hà” là sông, nên sư ông khoác tay nải xuống núi và...sang sông. Theo đất hẻo lánh này có một ngọn đồi thoải thoải dốc, dưới là sông, đồi có cây có tán có tàn nên được gọi là...núi. Tên núi là Non Nước, với “non” có thể là núi chưa già đủ tuổi chẳng. Bạn đọc đừng thắc mắc hỏi núi ở đâu. Qua chuyện đầu của tai nheo, người viết nhắm chừng đất quê là quê cụ Tam Nguyên Yên Đỗ. Thêm nữa, chỉ biết rằng bên sông có một bến đò và một cây gạo hoa đỏ. Gặp mùa nước lũ, nước dâng lên cả chân núi, mặt sông nở rộng cả ba, bốn lần, nước sông chuyển sang màu nâu đất na ná như cà chua thối. Từ trên chùa ẩn khuất nhìn xuống, con đò ngang giống hệt chiếc lá tre mỏng manh, bập bênh giữa dòng nước lặng lẽ. Vậy mà con đò vẫn lằm lũi sang ngang. Và trên chiếc thuyền gỗ bạc phếch, rạn nứt, đầy bắt trắc ấy...thì...

Thì xin thưa, chẳng thiếu vắng cô lái đò.

Bạn đọc bầu bạn: “Gì mà lằng bễnh với sóng nước quá thể vậy”. Rõ ra cứ theo người thuật lại cho người viết, chuyện có chút hơi hướng của Hermann Hesse. Nhưng có sao đâu, ông Hesse ở trời Tây, ta ở phương Đông, đâu đó cũng lằng nhằng với không ai về lại tắm hai lần cùng một dòng sông. Thế nhưng chuyện dưới đây ngược lại. Vì vậy Đông-Tây chẳng bao giờ gặp nhau, mọi sự bắt trắc trên chiếc thuyền rạn nứt nằm ở hồi sau, thưa bạn đọc...

Thêm nữa, trên núi có chùa là có sư.

Bạn đọc nói đón vậy chứ sư tốt hay xấu. Xin đừng nói vậy vì lấy cân tiêu ly nào để cân, đo xấu hay tốt, chẳng qua tùy bá quan bá tính. Người viết chỉ hay rằng: Theo thời gian, khi trước là sư trẻ, sau này là sư cụ. Còn chuyện sư theo già làng, vùng đất đây ngấm đít trâu bằng vụ chiêm, trời hành cơn lụt liên miên nên mất mùa lúa kéo theo nạn đói cả năm. Một ngày vợ chồng nọ bỏ con trước cửa chùa rồi tha phương cầu thực mãi đâu đâu. Chú bé lớn lên theo cảnh chùa hiu hắt, thoát kỳ thủy là chú tiểu quét lá đa. Chẳng ai nói với chú rằng đi tu khổ lắm. Chú sống như cây cỏ, theo tiếng chuông tiếng mõ, tròn hai mươi tuổi, chú thọ đại giới thành tỳ kheo. Ngày tháng qua mau, sư tổ viên tịch. Tùy duyên mà hóa, chú bỗng...hóa thành sư ông. Chẳng ai nghĩ chú bé coi cút ngày xưa vào đờc cửa đạo một cách thông dong, và chung cuộc sẽ là kẻ tiếp nối sư tổ trong sứ mệnh hoằng dương Phật pháp. Thôi thì trong đạo

hay ngoài thế tục ai nấy có một lối đi riêng, một đời sống riêng mà nhà chùa gọi là biệt nghiệp để chẳng ai giống ai. Và sư ông chùa làng cũng vậy. Mặc dù sư có căn tu đến thâm căn cố đế, nhưng vì khắc kỷ để sinh chuyện. Chuyện nổi sấu vạn cổ là thế đấy.

Sư ông trụ trì vóc người đùm đậu, khuyệnh khoảng như một thầy tu khổ hạnh, xào xạc gần như bị bỏ quên trong am cốc. Sư đang ngược mắt nhìn mây bay gió thổi và chợt nhớ ra mùa này là mùa *com canh cháo nẻ trâu cau, tiền vàng quần áo đủ màu đỏ xanh*. Cúng cả năm không bằng rằm tháng bảy, nên loáng một cái là sư ông đã khăn gói gió đưa xuống chợ huyện cách con sông chỉ một thôi đường. Bến sông còn được gọi là bến Chùa chỉ sầm uất vào dịp tết, hội làng, đình đám hay thắng như ngày xá tội vong nhân chẳng hạn. Từ sáng đến trưa, già nửa đàn bà, con gái trong làng kéo nhau xuống bến đò để qua chợ mua hoa quả, vàng hương...

Và trong đó có sư ông.

Thờ ầy chưa có đồng hò, sư ngắm trời đất luận tứ thời bát tiết miết nên trễ đò. Vai khoác cái tay nải, tay cầm đôi guốc rề tre gộc, quai da trâu, đứng dưới cây gạo, sư ông kêu ơi ơi:

- Đò.

Gào tướng lên xong, sư thăm nhủ, việc quái gì mà phải gọi như gọi đò sang sông vì không kêu con đò kia cũng ghé bến đưa khách sang sông là...sư kia mà.

Trên thuyền có cô lái đò tuổi lỡ thì.

Cô bắc tấm ván ọp ẹp làm cầu để khách lên thuyền...về một bến cô liêu. Vòm trời xanh thao thiết đến nhức mắt. Mặt trời ngang con sào, cô lái đò môi mím lại, trán lấm tấm mồ hôi, và óc ách đầy sào đưa con đò tách bến. Như có tiền duyên hậu nghiệp, vì nhắm khi chỉ một chỗ ngồi và cái nhìn lơ đãng không thôi có thể thay đổi cả một quãng đời: Vì sư đang ngồi sát mạn thuyền, trước mặt cô. Bỗng có một con cá lớn lăm thì phải, quẫy mình tung lên khỏi mặt sông làm nước bắn vào vạt áo nâu sòng của sư. Sư ông giật mình thảng thốt kêu lên: *A di đà Phật.*

Rời kiếp nạn cũng qua. Cô lái đò nghe thấy bèn nhủ thầm trong trong bụng dạ rằng ông sư này vẫn còn bận bịu với ngã và vô ngã, là sư mà vẫn còn tham sân si, vẫn còn tiếc nuối cái áo, vạt lở... ‘ngã’ xuống sông thì sao. Vừa nghĩ đến đây, bỗng dưng gió đổi chiều, những cụm mây màu cánh vạc làm bầu trời sẫm hơn. Con đò rời bến áng chừng hơn nửa khắc thì trời đổ mưa. Mưa bóng mây chỉ trong chốc lát nhưng rất hiếm thấy vào dịp tháng bảy mưa ngâu này. Mưa rơi lộp độp trên nón lá, thúng mủng của các bà đi chợ. Mưa gõ xuống sạp thuyền rào rào, mưa tạt cạnh be thuyền lộp bộp. Sau cơn mưa, nước sông chuyển sang màu nâu đất na ná như cà chua thối. Và mưa cũng không tha cô lái đò. Cô hơi cong người như con tôm he, vừa chèo thuyền vừa liếc xéo sư và hóng hớt băng quơ: *Giông bão gì đâu như quạ xuống núi.*

Qua đây ắt hẳn là...sư. Nhưng xa chồn phàm tục lâu ngày, thế nên sư không thông suốt câu nói xa xôi ấy. Nhưng qua câu nói, sư mới nhận nhục cô kỹ hơn một tí. Luận về con mắt thì mắt sư có tròn, tròn lại nằm trong ổ, ổ lại kẹp giữa hai mi, nhìn thế nào cũng ra những tuyệt tác trong cõi nhân gian. Đối với sư cảnh vật nhân gian đẹp đẽ cách mấy cũng chỉ là thứ yếu. Tác phẩm tuyệt tác nhất phải là đôi mắt của cô lái đò này đây. Sư lại phân vân vì con mắt đó, trong nhân tướng học gọi là ‘phượng nhãn’ chỉ cho người mang ‘chữ nhãn’. Sư cho rằng ngoài nhãn nhục, cô lái đò chỉ đẹp ở...đôi mắt lá răm. Theo sư, người đẹp chỉ cần một đôi mắt là đủ và không hơn. Vì sữ cũng có mắt nên sư ve vế mắt nhòm nom.

Sư nom ròm cô mặc áo cánh nâu như sư, váy nái đen cũ sì. Mỗi lần cô cúi xuống chèo để lộ cặp đùi trắng như éch lột. Vì người thon vồn nên cô có dáng dấp nửa đàn bà nửa con gái, cô tươi roi rói, cứ theo sư xinh đến bồi rồi chả hẳn là đúng mà đem đẹp thì đúng hơn. Lẫn lẫn cả một hồi lâu trong tĩnh lặng, vừa lúc nước mưa ngấm qua manh áo mỏng tang. Sư mới đốn ngộ ra rằng trông ‘‘cái gì ấy’’, gì mà nó nòn nỡn, vũng mĩm như quả phật thủ mà thí chủ thường cúng dường tam bảo. Nên chẳng có gì lạ lắm đối với sư cả. Và sư nghĩ vậy.

Thế nhưng không phải vậy!

Sư bồi rồi vì rồi trí. Vì nhớ rõ như in là sư...mồ côi từ lúc oe oe chào đời, sư bị bỏ trước cửa chùa rồi lớn lên theo cày cỏ nên chả biết vú vê gì sắt cả. Sư

bị phân tâm thật rồi! Hay là trăm sự ở mấy bà địu con lên chùa, rồi vén yếm cho con bú trước chôn thiên môn? Sư bâng quơ, rằng chuyện này về sư phải cấm tiệt vì chúng sinh có những bộ ngực to bằng cái mõ, có những bộ ngực bánh dày bẻ bộn như vậy là ô uế cửa thiên môn chứ còn gì nữa. Cái yếm vừa phát phơ qua đầu...Cái đầu rối rắm của sư lại đẩy đưa đến cái áo cánh nâu, sư liếc mắt về cô lái đò...Trong một sát na, sư giật mình triệt ngộ được một điều: Trong nhà Phật, mở được huệ nhãn là thấy được cái chân không vô tướng của mọi pháp. Tức là thấy xuyên suốt rõ tất cả, không có gì che đậy được. Ấy vậy mà hạnh từ bi vẫn chưa nở hoa.

Chợt nhớ lại những ngày còn là chú tiêu, sư thầy dạy về những cám dỗ cần phải tránh trong giải thoát giác ngộ, trong đó tiền bạc và sắc giới đứng hàng đầu. Với những gì trên đường tu đạo mà chú trải qua thì ở vùng quê hẻo lánh, rừng sâu hay núi thẳm, tiền bạc chỉ là phù vân...Bạn đọc bòn mót gì với tiền nong ở đây. Ủ thì cứ theo người viết góp nhặt sỏi đá được qua báo bỏ, báo chùa thiếu gì chuyện sư cọ, sư mô, sư tàng, sư sở cuồng chùa làng nhón tiền công quả để uống rượu. Ngày ấy chú chưa phải là sư, mà chỉ là sư mõ...gỗ mõ nên chưa đạt tới sắc-không, nghĩa là chú không thể uống rượu mà đạt tới cõi...chưa hề uống. Tính khắc kỷ của chú đã hẳn nếp, đã nói rồi mà ! Vừa nói đến tiền bạc...thì..

Thì cũng vừa lúc thuyền qua đến bờ bên kia....

Mọi người lục tục trả tiền đò. Đến phiên sư ông, cô lái đò đòi sư những hai hào, một lộ phí nhiều gấp hai hơn bình thường. Sư lung búng hỏi vì sao? Cô lái đò cười lúng lẳng:

- Vì Thầy nhìn em...

Cô viện dẫn lý do sư phải trả thêm tiền dòm trộm phần cơ thể của cô mà cô không muốn người khác trông thấy. Sư ho khúc khắc một hồi lâu, miệng lúng búng chẳng nói được câu nào cho phải nhẽ. Cuối cùng sư cũng đành ngưng nghịu bấm bụng trả số tiền cô gái đòi cho xong chuyện. Cho xong một chuyến đò...Qua đến bờ bên kia, trên hương lộ tới chợ huyện, sư xập xèng rằng: *Mô phật! Bến ngộ đâu không thấy chỉ thấy bờ mê bến lú...*

Chuyện bờ mê bến lú...

Vai khoác cái tay nải nặng chũu nhang đèn hương khói và vàng mã. Nhưng thiếu vắng...cái đồng hồ giấy nên lại trễ đò. Đợi con đò lừ đừ quay lại, sư lại đứng bên sông gọi ơi ơi:

- Đò.

Đò cập bến, bận về, thuyền đầy những hoa quả, tiền giấy, voi giấy, người giấy và cả chó giấy được khách thập phương mang về để cúng cháo thí. Như có duyên phần đầy đưa, sư vẫn ngồi chỗ cũ. Khác chuyến đi, sư chợt nhận ra nút ngực áo cô lái đò có hơi bị trễ nải. Hay nói đúng hơn dường như được tháo cởi cho thoáng đảng vì gió nồm, gió hanh. Và bày trước mắt sư một cái gì lạ lắm mà trong tâm ý sư thì đầy vắng vát với mông lung nên nghĩ không

ra. Sư khai thông phá ngộ nó thây lầy trông đến nần cả ruột gan vì nó nhảy tâng tâng theo nhịp chèo. Theo hai mái chèo, cô lái đò phải cúi xuống. Và cứ cúi xuống mãi. Cứ lắng đọng trong nường chiều cả một hồi lâu trong thỉnh không. Cái của nợ mông quạnh ấy lộ lộ, to vật vã, cứ thúc lia lịa vào mặt sư. Bởi thế sư cứ lơ mắt nhìn chăm chăm vào vùng mờ ảo diệu vợi của cô lái đò. Và vờ như không biết. Cô cúi xuống sâu hơn, lắng đọng lâu hơn, không theo nhịp mái chèo nữa.

Vì muốn cho an tịnh trong chân không. Hiểu theo nghĩa là không thấy gì nên sư quay mặt dòm xuống mặt nước trong suốt thời gian qua sông. Thân thái gồ ghề của sư như biến đi đâu mất cả, qua sóng nước dập dềnh, mắt sư bám vào... ‘bèo bọt’ như cua cấp, sư chỉ thấy xao lòng qua ‘cái gì ấy’ chũm chĩm, chông chảnh nhấp nhô theo con sóng, theo mạn thuyền. Sư liên tưởng đến đức Bồ Đề Lạt Ma vê bến ngộ và sang sông bằng cọng cỏ lau. Sư mừng tượng nếu trên cọng cỏ có cô lái đò như thế kia thì ắt hẳn đức Lạt Ma chẳng đắc đạo để sư phải đi tu như thế này. Tu là bề khô, người đời vẫn nói thế. Bất giác sư buột mồm lâm râm niệm: “Yết đế! Yết đế! Ba la yết đế!”, tạm hiểu theo sư là: *Qua đi! qua đi....*

Vậy mà con thuyền vẫn chưa qua bên kia sông. Ngồi đồng hóa Bụt, sư ông loáy nhoáy hồi tưởng đến những ngày sư là chú tiêu với chượng ngại là nữ sắc. Chú biết giữ mình, không giống như các sư

huynh, sư đệ, đôi khi lấp liếm vụng trộm ăn mặn hay chọc gái, bõm xòm trăng gió cho vui. Mỗi khi vào làng, chú cứ theo luật chùa dậy, nhìn dưới đất ngay trước mặt, cách mình ba bước, cứ vậy mà cất bước đi thẳng, chẳng liếc, ngó hai bên. Cho nên, có vào làng chú cũng chả gặp ai. Mà chỉ gặp... “Cái vũng nước”. Nhưng ấy là ở khúc sau...

Rồi sư lại miên man, giới luật đầy ái dục vừa tách rời xa sư như con đò vừa tách bến. Nhưng giờ đây bằng tuổi này, những năm tháng đạm bạc, tiết dục đã tạo sư một dáng dấp khắc khổ rắn đanh. Duy chỉ đôi mắt lấp lánh những tuệ mẫn và cũng thỉnh thoảng, nó lấp lánh ánh sáng trần thế lạ lẫm lẫm. Và sư đang ngồi chứ không phải cắm đầu đi, để đối diện với tục lụy, sắc bắt thị không qua cô lái đò, sư không thấy gì là bất định, là tạp nhiễm nơi cô cả. Ngược lại, sư chỉ thấy lờ mờ qua sương khói những gì sư nhìn thấy trắng và trong như nước cam lồ từ bình tịnh thủy của đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Tụng kinh ư, sư lâu thông nhưng trong tình huống này sư chịu chết. Cuối cùng sư cũng đành lẩm nhẩm tụng: Nghiệp chướng, ta trả lại cho người tẩm thân tứ đại này. Lẽ vô úy mà sư tỏ dậy ta không nằm trong ở sự đối diện những rối rắm kia. Sự vô úy ấy là cái tâm rộng không nhận đón những nghiệp duyên.

Bỗng cô lái đò chỉ cây gáo báo cho sư biết sắp đến bến bên kia là sắp về đến chùa. Nhìn theo ngón tay chỉ, sư ông lại quay quắt với chuyện đức Bồ Đề Đạt Ma khi ngài ngồi diện bích với bức tường đá, có

người đến hỏi Ngài rằng: *Bạch thầy, tâm con không an.* Ngài bảo: *Ngươi đưa tâm của ngươi ra cho ta xem.* Người kia đáp: *Bạch thầy, con tìm tâm mãi mà không thấy.* Ngài bảo: *Đó! Đó là ta đã an tâm cho ngươi rồi đấy.* Thế là người ấy giác ngộ...

Thế nhưng cái tâm của sư ông...không ngộ, vì sư đón ngộ ra rằng đức Bồ Đề Đạt Ma ngồi trong hang hốc chín năm có nói tiếng nào đâu, mà chỉ có đôi mắt tuệ mẫn nói thay cho người. Người đời chỉ bịa tạc đức Bồ Đề Đạt Ma nói thế này thế kia. Thế nên học đôi mắt tuệ mẫn đức Bồ Đề Đạt Ma, với đôi mắt hấp háy của sư có sức nhiếp phục cô lái đò với nhiều sự trả tiền đò, vì sư nào có đò cô lái đò trong một chiều trên bến nước. Nên sư thân nhiên đưa một hào và định quay bước xa sông về với núi. Nhưng cô lại nhún nhín đòi những ba hào. Cả một bầu trời viên miển ập đổ xuống sư. Sư lại lựng bụng hỏi vì sao? Cô lái đò cười hoèn:

- Lần này Thầy nhìn em dưới nước.

Sau đây là phần ghi lại mẫu đối thoại giữa sư ông và cô lái đò.

Sư chộn rộn: "Bạn đi bần tăng vì tò mò nhìn thí chủ nên phải trả hai hào. Bạn về bần tăng có nhìn gì đâu mà thí chủ đòi tới ba hào". Cô lái đò dũ môi thất thèo: "Bạn đi Thầy chỉ nhìn em bằng đôi mắt trần thị. Bạn về Thầy nhìn em qua sóng nước bằng ý niệm. Khi cái đầu Thầy muốn lảng tránh một cái gì tức là Thầy luôn nghĩ đến nó, để nó chi phối toàn

bộ lục căn của Thầy. Đó là lý do Thầy phải trả nhiều tiền hơn."

Thêm một lần, trong một thoáng mây bay, sư giật mình đến thót người vì triết ngộ được từ cô lái đò có con mắt lá răm như chiếc thuyền lá tre qua một điều xưa cũ: Trong nhà Phật, mở được huệ nhãn là thấy được cái vô tướng, vô hình của mọi pháp. Thế nhưng lúc này đây, tất cả với sư ông đã quá muộn màng. Hiểu theo nghĩa là sư đã thuộc về quá khứ. Vì sư ông đã là... "ông" thì chẳng còn... trẻ nữa. Hay nói khác đi, hành ngôn hàng tởi thì sư ông già rồi, cũ kỹ rồi, sư trở thành cổ kính như con thuyền gỗ bạc phếch, rạn nứt, để có những bất trắc...

Mười năm sau...

Với gió thổi muông chiều để sư ông thành sư cụ. Từ ngày ấy sư cụ không hẻo lánh xuống bến Chùa nữa, ngoài chuyện Phật sự tụng kinh gõ mõ, tĩnh tâm trong am, sám hối trong cốc.

Mười năm sau, một ngày rằm tháng bảy, sư cụ thả bộ quanh sân chùa là cây rừng, mặc dù chẳng có chiếc lá vàng nào rơi vãi, vậy mà cụ lẩm nhẩm với câu thơ "Nào người thay buổi chiều thu, ngàn lau nhuộm bạc lá ngô rụng vàng..." trong bài *Văn tế thập loại chúng sinh* như đốt lò hương cũ. Cụ chiêu hồn quá khứ đến giờ ngộ, rồi nôn nao khăn gói gió đưa xuống núi, cụ về lại bến đò ngày nào năm ấy. Dưới gốc cây gạo hoa đỏ nay đã già cõi như cụ, ở đó có một quán nước và cụ ngồi đây đếm thời gian qua

mau với vật đổi sao rời. Từ trong tâm thức, cụ bật ra âm hưởng câu cổ thi vọng ngôn của Nguyễn Gia Thiều:

Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê

Mùi tục lụy lười tê tận khổ

...

Sóng còn cửa bể nhấp nhô

Chiếc thuyền bào ảnh lô xô mặt ghềnh

Bạn đọc rọ mồm vào mà rằng: Có sự gì sự cụ lại trở lại nơi chốn cũ với *bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê*, ngập những *mùi tục lụy lười tê tận khổ*. Thì như người viết đã thừa thốt ở trên không ai trở về thăm hai lần ở cùng một dòng sông. Thế nhưng *chiếc thuyền bào ảnh lô xô mặt ghềnh* vẫn còn neo thuyền ở bến kia. Vẫn như những ngày tháng cũ, sự cụ tay cầm đôi guốc rề tre gộc, quai da trâu, vai khoác cái tay nải, đứng dưới cây gạo, và sự cụ dóng dả:

- Đò.

Con đò tách bến. Vì là người đầu tiên xuống thuyền nên sự cụ ngồi ở cuối con thuyền. Cụ sấm nắm lăm khi chỉ một chỗ ngồi với cái nhìn lãng đãng không thôi mà thay đổi cả một mảnh đời bèo bọt. Lấy ngắn nuôi dài thì sự cụ chùa làng là một người chân tu, đã dày công tu hành như cụ, cái gọi là cuộc sống trong kiếp hiện tại không có gì khác hơn là bụi bặm rác rưởi. Xa lánh cõi đời ô trọc đã lâu, có lẽ trong lòng cụ đã an nhiên tự tại, và cụ thậm nhủ không còn điều gì đủ làm mình bận tâm nữa. Cho nên khi nhìn tha nhân trong chốn trần tục, cụ không

khỏi não người và thềm hỏi tại sao họ không ý thức được rằng những khoái lạc mình đang đi tìm chỉ là mộng ảo. Khi gặp mặt một người đàn bà dung nhan xinh đẹp, cụ chỉ thấy tội nghiệp cho mấy gã đàn ông nhằng nhằng trong làng. Rằng họ giống như đập nhằm phải cái cối xay rồi lăn quay ra, rồi nhập vào cảnh giới vô tâm, vô ngã, vì vừa mới...ngã, quên mất tự ngã và không ý thức được nữa giữa mê và ngộ. Sau đó họ vương vào vòng phiền não, nổi trôi trong mê lầm. Cụ cho rằng họ sống trong kiếp hiện tại là vương mắc vào những ảo ảnh.

Ở cuối thuyền, sư cụ tản mắt nhìn gỗ thuyền thấy con đò đóng bằng gỗ thành ngạnh như thế này thì ắt hẳn còn tốt chán. Bỗng dung cụ khựng lại với... *như thế này thì còn tốt chán*. Gà gà mắt như người say thuốc lào, cụ ngược lên hong hanh về phía đầu con thuyền. Rồi chả hiểu nghĩ sao cụ găm mắt xuống mặt nước đang bồng bênh nổi trôi như cái năm động giới ấy: Trong cõi mù mịt, với cảm xúc phồn thực, cụ chả thấy gì lạ như xưa mà chỉ là cùi dứa bánh đa, nào có khác gì mấy bà trong buổi chợ chiều đi con lên chùa, vén yếm, bày hàng những bộ ngực bánh dày bệ bệ cho con bú trước chôn thiên môn. Mô Phật! Mỡ thấm chuông sấu gì đâu, trông cứ lung nhùng, phển phển ra, đột nhiên khuôn mặt cụ lũng bống như đĩa tiết canh sùng nước.

Thế là được thể cụ quay quả trở về cái ngày gặp buổi đi chợ qua sông năm xưa, mắt cụ va quẹt vào bộ ngực của cô lái đò như một kiếp nạn. Mây vẫn

trôi, ngày vẫn qua đi, cho đến lúc này cái tâm cụ lâu nay không còn bị giao động trước hình hài của người đời, vì cụ cứ ngỡ rằng cụ đã thoát được nghiệp chướng. Cụ hồi tưởng lại chuyến đò đi về năm ấy, mặt sông chỉ thoáng gợn sóng lăn tăn, để cho qua đi, để cho thanh thản, sự cụ tĩnh tâm phép thủy quán tưởng, sự cụ niệm đức thể tôn, nhưng chỉ thấy hình ảnh của những vọng tưởng ngoi lên khuấy động. Cụ tự nhủ hình dáng bộ ngực đẹp đẽ xưa kia chỉ là một ảo ảnh, xác thịt đó hiện ra trong chốc lát nhưng rồi sẽ bị hủy diệt. Vì từ tuổi hoa niên, cụ biết giữ giới, chế ngự dục vọng để chối bỏ tất cả những đòi hỏi hoan lạc. Nhờ sự kiềm dục với bản thân, cụ hiểu rằng xác thịt đàn bà không có gì khác hơn là đối tượng của nhục dục. Xác thịt thuần túy duy nhất chỉ có trong trí tưởng tượng. Bởi vì xem xác thịt là một cái gì trừu tượng chứ không có thật nên cụ đã cố tình làm như dửng dưng. Cụ ngỡ rằng niết bàn của kiếp lai sinh sẽ đến trong nay mai. Nay đốn ngộ ra, sự cụ chẳng thấy đâu là bến giác vì cụ đang đi vào mê lộ. Cụ càng đắm chìm trong vọng tưởng bao nhiêu thì tâm trí cụ càng đâm rễ sâu vào trong những tà niệm bấy nhiêu.

Ngày ấy, cụ lơ đãng như gà ban hôm, cụ cứ loay hoay với thân xác cũng như khuôn mặt của cô lái đò, là xác thịt đấy, nên ngập ngựa đầy những bất trắc mà bấy lâu nay như ẩn mình trong chốn sâu thẳm nơi cụ, lúc này đang thấp thoáng ẩn hiện qua mái chèo của người lái đò. Mặc dù chỉ mờ nhạt ảnh

giống...cái bánh dày,...cái bánh ú chứ không phải là khoan oản, hay nắm xôi nhà chùa. Ấy vậy mà cụ cảm thấy sức sống đang chuyển động nhập sâu vào vòng lai sinh của kiếp hiện tại. Trên là trời, dưới là nước, giữa là con thuyền, trong sóng nước bồng bênh, cụ bắt gặp mình đang nổi trôi. Tưởng rằng phong cảnh thiên nhiên làm mình chia trí, cụ đưa mắt nhìn đám mây bay trên rặng núi xa kia, nhưng cụ không cảm nhận được vẻ đẹp mà chỉ thấy tâm hồn mình đang rối bời như đám mây bay. Lúc ngắm mặt sông nước, tâm trí cụ như khi ngồi trước Phật đài mong lòng được thanh tịnh, thì khuôn mặt của đức Phật từ bi bỗng biến dạng và mang nét mặt day dứt của cô lái đò năm xưa.

Ấy thế vậy mà cụ tự hỏi sao nhiều sự cố thể nảy mầm từ trái tim còm cõi như cụ. Chẳng có chút hy vọng gì để được ai đoái hoài tới, đó là điều cụ không hiểu nổi nên phải nhín! Vừa tháo động đến đây thì cũng vừa lúc con thuyền cập bến...Mọi người lục đục trả tiền đò. Cụ cũng trả một hào như họ. Trong trống vắng, cụ thanh thản cất bước bỏ đi. Bỏ lại đằng sau bà lái đò... Bà lái đò người vẫm vẫm nên có dáng dấp nửa con gái nửa đàn bà.

Tiếng chuông qua gió, qua mây...

Trở lại bên, sư cụ lụm khụm xuống thuyền, vẫn như rằm tháng bảy mọi năm, bận về thuyền đầy những quang gánh hương đèn, hàng mã nên chẳng thể thiếu nhà mồ, nhà táng. Ngồi găm một chỗ bên mạn thuyền lặng lẽ nhìn xuống mặt nước, sư cụ thử

lại phép thủy quán tưởng một lần nữa, từ phía dưới làn sóng lăn tăn, khuôn mặt cô lái đò năm xưa loáng thoáng ẩn hiện. Vô hình chung cụ đã chấp nhận sự mê lầm là có thật. Chẳng phải là ảo. Cụ cảm nhận mọi sự trở nên thanh khiết vô ngần, hình ảnh kiếp lai sinh bắt đầu lôi kéo cụ trở lại. Sự cụ chưa bao giờ hình dung cõi tịnh độ có thể mang một hình thái đơn thuần như thế. Sự mong ngóng được về cõi tịnh độ ai ngờ cũng giống như nhục cảm. Chính nhục cảm đã giải thoát những vọng tưởng mê lầm trong kiếp hiện tại, để cụ đạt đến kiếp lai sinh. Trong tâm cảm cụ chỉ muốn tiến gần đến cô lái đò đang khuấy động mái chèo đục vọng. Cụ chỉ thấy cô lái đò đầy nhục cảm gọi mời...Cụ cũng tự hiểu góc ngách yếu đuối nhất của con người là nỗi đam mê khôn cùng của lạc thú. Đèn lu dầu kiệt, cụ lâm râm: “Nam mô thường tinh tấn Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Đột nhiên đàn cá đồng tiền, cá ba trăm to vật quẫy mình tung lên khỏi mặt sông làm nước bắn vào vạt áo nâu sòng. Sự cụ giật mình thảng thốt kêu lên: A di đà Phật. Làm như không nghe, không thấy,...không nói, bà chỉ cây gạo báo cho cụ biết sắp về đến chùa. Xa xa, dưới cây hoa gạo đỏ là một quán nước mờ nhân ảnh, nhìn cây gạo già cỗi, gốc xù xì mà cứ theo già làng thân cây để làm quan tài hay tấm sĩa răng. Cụ miên man đến Bồ Đề Đạt Ma với chín năm diện bích chỉ quán chiếu ra một nhẽ: Muốn tìm sự gì thì hãy nhìn thẳng vào sự vật.

“B..o..o..ng”

Bỗng có tiếng chuông từ trên cao vọng xuống, sư cụ biết rằng ấy là tiếng chuông của sư ông mới nương bóng cửa thiền. Người sẽ trụ trì chùa làng sau này nêu như...sư cụ viên tịch.

Vừa nghĩ đến tiếng chuông chiều...Vừa thả hồn theo hồi chuông chiều mộ...

Chân bước lên tấm ván ọp ọp làm cầu để khách lên bờ, tay móc hầu bao ba hào nắm khư khư trong tay. Đò cập bến, lần này sư cụ nhìn thẳng vào bà lái đò. Cụ hỏi lần này phải trả bao nhiêu? Bà lái đò vỹ vạm giọng khẽ khàng:

- Tôi đưa sư Thầy qua sông, không lấy tiền đò.

Cụ hỏi:

- Vì sao vậy?

Bà đáp:

- Sư Thầy nhìn mà không còn nghĩ tới tôi nữa...

Cụ chỉ cần có bấy nhiêu những u u, minh minh. Thế nhưng trước mặt là con đường dài vô tận, sư cụ phân vân không biết về chùa trên núi hay xuống làng đây...

“B..o..o..ng”

Tiếng chuông từ khoảng không lại vọng xuống, cụ hiểu rằng với mỗi người nghe, tiếng chuông ấy theo nhẽ riêng của mình.

“B..o..o..ng”

Sư cụ lắng nghe: Thoáng như người đánh chuông có chút dè dặt. Đánh mà lòng không yên. Đánh mà như không muốn đánh. Vừa đánh vừa dè chừng. Vừa đánh vừa dò dẫm. Đứng là có tiếng chuông! Ừ thì tiếng chuông! Cụ lắng nghe. Âm hưởng cao dần, tan loãng, tưởng như biến mất, bỗng dội lại chan hòa vào khoảng không.

“B..o..o..ng”

Tiếng chuông lại vang lên, có cái gì như ngập ngừng, dè chừng, dò dẫm. Bây giờ cụ đang lắng mình vào tiếng chuông, càng về sau càng tròn trĩnh, đầy đủ, trầm vắng. Không lạ mà lạ. Vì đó là một quãng đời. Tiếng chuông lại trầm bỗng vang lên truyền dần vào không gian, xuyên qua cây, qua lá, nhỏ dần và biến mất. Có một khoảng thời gian không dài lắm, tiếng chuông biến mất. Rồi xuất hiện trở lại. Rồi lại biến mất. Nhưng ngắn thôi. Mỗi khi gặp điều gì vạn sự bất như ý trong một mảnh đời, thoáng như trong tâm tưởng tiếng chuông đó lại trở về, khoan thai, trầm lắng. Cứ thế. Như thế...Như thế không cần người nghe...

“B..o..o..ng”

Nhưng tiếng chuông muốn sư cụ nghe. Rằng mỗi người đều muốn có những yên ắng cho riêng mình. Tiếng chuông còn đó, hiền hòa và gọi nhớ. Tiếng chuông nhắc nhở sư cụ tất cả chỉ thoáng qua một chốc, như một áng mây bay cho bất cứ ai. Vì thế sư cụ cố ý chờ đợi tiếng chuông. Im lìm. Lặng

dần. Vắng lặng hoàn toàn. Không hẳn thế. Nói cho ngay, cụ chẳng thể không mộng tưởng về những đổi thay và muốn sống trọn vẹn với những thay đổi ấy. Vì nó có thật. Ở một chuỗi thời gian, không gian nào đấy. Tiếng chuông lại vang lên trong vô định, sâu dần... Với cụ, dù có đôi chút muộn màng. Bỗng nhiên cụ cảm thấy nhẹ hẫng, không trọng lượng, không vương vís. Tiếng chuông khoan thai bay bổng qua gió, qua mây.

Tiếng chuông qua gió, qua mây. Ở một cõi vô thức dị dạng của đời sống. Nhìn lại những gì vừa trôi qua. Cụ cảm như tiếng chuông trôi, tâm tư cụ trôi. Qua những nỗi trôi, cụ lưỡng lự không biết nên xuống làng hay về chùa trên núi.

Ừ thì hãy ghé quán nước cái đã. Cụ với tay kéo cái điều cây và lập bập từng hơi thuốc. Khói thuốc chất ngất, nhẹ hẫng. Theo tiếng chuông bập bênh lấp lửng. Qua khói thuốc lòa, cụ đi tìm lại nhân dáng của cô lái đò năm xưa... Chẳng còn giấu giếm, hay che đậy, vì nó còn lẩn khuất đâu đây. Cụ muốn gìn giữ những thuần khiết, khôi nguyên, đầm thắm về một hình hài, một bóng dáng. Cụ tìm lại những đổi thay để tìm mộng tưởng và sự thật, một vãnh cửu giữa cuộc thăng trầm, một vết đọng giữa kiếp phù du qua khói lam chiều ẩn hiện ở phía làng dưới kia. Trên trời cuộn cuộn đám mây rồi, có dăm ba con cò bay vội. Thoáng như phảng phất đầu dây có mùi hương đồng cỏ nội thoang thoảng và tiếng chuông...

“B..o..o..ng”

Tiếng chuông! Lại vẫn là tiếng chuông ngân vang giữa đồng không mông quạnh, trong không khí trong lành. Tiếng chuông khoan hòa truyền đi. Tiếng chuông đã đưa cụ qua đi những ngày tháng khắc khoải và có một khoảng thời gian gần như mộng mị...

“B..o..o..ng”

Tiếng chuông tinh thức đều đặn vang lên sau một thời gian lắng dịu. Sự cụ suy ngẫm về những sai trái trong tiếng chuông. Có chăng là khác ở người đánh chuông và...người nghe chuông. Tiếng chuông vẫn vậy! Chỉ ẩn tàng mông lung đâu đây với người nghe chuông...dò dẫm...dè chừng...ngập ngừng...

“B..o..o..ng”

Vũng nước của tục lụy...

Bạn đọc nhanh mò ra rằng có sự gì có tiếng chuông lạc lõng ở đây? Chả trách gì bạn đọc, ngay cả bà già hàng nước cũng vậy. Bỗng bà ngược mắt lên ngơ ngác hỏi cụ rằng tiếng âm ba đồng vọng ấy là gì vậy. Vì rằng với bà ngày tháng như quạ bay, hàng ngày chỉ quen với tiếng chuông báo ngộ hay báo tử. Cụ lặng lẽ không đáp.

Như hồi nãy bà lái đò chỉ vào cây gạo đỏ, vô tình sui khiến cụ hãy nhìn thẳng vào sự vật. Sự thể

tiếng chuông nhắc nhở cụ tất cả chỉ thoáng qua trong chốc lát, như một áng mây trôi qua mái chùa với xuân, hạ, thu, đông. Như ngày vẫn trôi thảng vẫn qua đi cho bất cứ ai. Lại như vẫn chỉ là duyên nghiệp. Và chẳng có con đường nào dài vô tận trước mắt....Ấy vậy mà lát sau, rít xong cối thuốc, cụ uể oải đứng dậy, đi về phía mảng khói lam chiều đang lảng vảng ở phía làng xa xa, xa sông, xa núi. Và...xa chùa. Cứ theo già làng kể chuyện...

Chuyện rằng cụ muốn trở lại con đường mòn cũ mà những ngày còn là sa di, cụ đã đi lại lắm lần. Cụ đã từng bước lên những cám dỗ của tục lụy. Cũng trên lối mòn ấy, ngày nào cụ có những ước nguyện cao xa lắm: Nào học đạo, học thành sư thầy, sư ông, sư tổ, học làm Phật. Nào là đốn ngộ thiên tâm, nào là hoằng dương Phật pháp, nào là liễu sinh thoát tử. Nhưng lúc này đây, tất cả mọi sự đã bị bỏ rơi lại phía sau. Sư cụ như bị ném vào cõi nhân gian đầy những ngõ ngách âm u và chằng chịt những lối đi hiểm hóc. Nói gì xa xôi, ngay trước mặt cụ đây, cụ sắp phải đối mặt với...Với con đường mòn xuống làng, cụ biết rằng phải qua một vũng nước.

Những vũng nước ở vùng đất quê lụt lội quanh năm này đây đưa cụ với cụ Nguyễn Khuyến một buổi đi qua một vũng nước, cụ Tam Nguyên nhón nha nhả thơ *đầu làng Ngang có một chỗ lội, đàn bà qua đó vén váy lên, chỗ thì đến gối, chỗ đến háng....*Đề rồi đầu óc sư cụ cứ lâng lâng qua chuyện sư tổ đạo nào kể chuyện ông sư già với ông

sư trẻ cho cụ nghe trong những ngày sư cụ hết để chỏm, từ sư trẻ sắp hóa thân thành... sư ông. Vừa đi trên con đường xưa cũ, cụ vừa nghĩ mông lung qua câu nói của ông sư già với ông sư trẻ qua truyện thiền ấy: *Thế ông còn mạng cô gái đó theo sao? Tôi đã bỏ cô ta lại đằng kia rồi mà.* Qua sư tổ thì ông sư già vô ngã, vô chấp sẽ được an lạc, giải thoát. Còn ông sư trẻ vì chấp nhất, không giác ngộ được. Như bóng lá trúc lay động theo gió chẳng có hạt bụi nào đọng lại. Như ánh trăng có chiếu xuống tận đáy hồ không để lại dấu vết nào cả. Đó là ý nghĩa công án thiền về sự không chấp giới luật của ông sư già mà sư tổ đã răn dạy cụ khi cụ là sư ông.

Thế nhưng sư tổ không hề hay biết sư ông khi ấy chẳng may may tin cho mấy khi ông sư già cũng cô gái có thể quên cái va chạm da thịt...nhột nhột từ sau lưng! Bởi lẽ ông sư già hay sư ông chỉ là người. Sư ông nhủ thâm: Muốn hiểu ông sư già thì hãy đặt cái ngã của mình vào ông sư già. Hay nói khác đi, hãy nhìn thẳng vào sự vật. Như nhìn cây gạo hoa đỏ.

Đi trên con đường sống trâu ngoằn ngoèo những vết trâu đá, gần đến vũng nước đầu làng mà trâu hay dầm mình tắm ở đấy. Bất giác sư cụ tùm tùm cười và hoang tưởng mình là ông sư già trong truyện thiền trên. Để bỗng khi không cụ mừng tượng trước mặt là cô lái đò tuổi lỡ thì đang lúng túng tìm cách đi qua vũng nước. Gần hơn một chút nữa, trong đầu cụ hiện ra rõ ràng hình ảnh cô từ đằng sau với tấm lưng thót lại như eo bộ ngựa thời kỳ mang

trúng. Mới đầu cô rón rén, bước một chân chạm mặt nước rồi do dự, ngập ngừng. Thoáng như cô lái đò muốn qua vũng nước nhưng có chút dè dặt. Qua mà lòng không yên. Qua mà như không muốn qua. Vừa qua vừa dè chừng. Vừa qua vừa dò dẫm như... Như tiếng chuông qua gió, qua mây...

Cụ bước tới gần vũng nước hơn, cụ làm như nom nhòm thấy cô vén mép váy nải đen cũ sì lên một tí. Cô dò dẫm chẳng biết nông hay sâu, thêm một chút nữa, nước lên đến bắp chân. Cô thấy gai gai lạnh nổi da gà. Cô lái đò lờ thì người thon vồn có dáng dấp nửa đàn bà nửa con gái vén váy lên đến tận đầu gối. Cô vén lên tới tận bẹn để lộ cặp đùi trắng như ếch lột. Vừa lúc cô lái đò quay lại, với dáng lom khom, bộ ngực sau cánh áo nâu trể nải. Có “cái gì ấy” nòn nồn, vẫm vẫm như cái mỡ qua hàng khuy buông lơ.

À mà đôi mắt tuệ mẫn của sư cụ không còn thông hanh nữa! Cái mà sư cụ đang nhìn thấy, chỉ là những ký ức mờ nhạt ảnh của một dòng sông thật vắng xa của ngày xưa. Bất giác từ trong ngõ ngách tâm khảm đang ngủ yên bỗng thức dậy... Sư cụ bật ra một âm vọng xa vắng:

- Đò.

Thế nhưng chỉ là vũng nước trâu tắm đục ngầu. Sư cụ tiến đến gần cô hơn, cụ hình tượng đến ẩm áp của da thịt. Từ cảm giác này qua cảm nhận kia, cụ tự hỏi: Cụ đã nuôi cái cảm giác thịt da qua bộ ngực lờ thì của cô lái đò đã bao nhiêu năm? Lúc này cụ hiểu

tại sao bước chân hoàng pháp lại đẩy đưa cụ đến vũng nước này, nơi mà nghiệp chướng đang ngóng chờ cụ! Cụ chớm ngộ rằng mình đã ập ù, đã nuôi bầu ngực ấy biết bao năm trời trong tiết dục khắc kỷ. Và khốn khổ thay, cụ cũng vừa nhận ra cụ đã lừa dối với chính cụ.

Cụ vừa quán triệt đến đây, vừa lúc cô quay mặt về phía xóm làng dưới kia, người vẫn lom khom cúi xuống, cái váy tốc lên một chút. Khi không cụ hoá thân là ông cuội của cụ Nguyễn Khuyến *ông Cuội ngồi trong rừng mỉm miệng cười, cái gì trông trắng giống con cúi*. Va vào mắt cụ là dáng dấp lúi cúi, lui cui như... Như cô gái đợi ông sư già cũng qua vũng nước. Đầu cụ lại bị vướng víu bởi ông sư già đã không thật với ông sư trẻ cùng những đụng chạm, cọ xát của hai thân xác trần tục. Thế nên chẳng nói chẳng rằng, làm như theo quán tính đang nằm chờ sẵn ở hóc hẻm của tâm thức. Nói cho ngay, sư cụ vừa định cúi xuống...

Vì với không tưởng, nên sư cụ không là cụ Nguyễn Khuyến, lại càng không là ông sư già.

Theo già làng kể lại không biết sư cụ có trở về chùa nữa hay không?

Thạch trúc gia trang
Thu phân, Canh Dần 2010

Nguồn:

Bài viết vay mượn qua truyện “Sang sông” của Nguyễn Huy Thiệp, và “Mối tình của vị cao tăng chùa Shiga (nguyên tác Shiagadera Shônim No Koi) của Mishima Yukio. Ngoài ra còn dựa dẫm vào hai, ba tác giả khác nữa, rất tiếc người viết không lưu giữ được danh tính.

Hành Phương Nam

Mơ gì ấp Tiết thiêu văn tự
Giày cỏ, gươm cùn ta đi đây

Câu thơ trên tôi bắt gặp ở nhà anh bạn không thân quen cho mấy trước 75.

Ừ thì hãy đảo qua anh bạn quen nhưng không thân này một chút, số là gặp anh ở quán xá và chỉ biết anh học Sư phạm ban Sử địa. Anh người Nam giuộc, tôi Bắc kỳ đặc, gần nhau qua nhang đèn khói thuốc vậ thôi. Vậy mà gặp buổi mây chiều gió sớm, một ngày cận Tết, ghé nhà anh cuối con ngõ cụt để nói chuyện gì đó, Vừa ngồi xuống, từ bàn học nhìn ra sân có mấy chậu mai vàng đang nở rộ, vương vীu vào mắt là một xấp giấy và hai câu thơ ngay trang đầu. Chưa kịp vén miệng búi bấn, anh giấu biển xấp bản thảo vào ngăn kéo rồi giục giặc là đang xuôi dòng sử Việt với những cuộc di dân vào miền Nam.

Một chút ngày cũ, một thoáng cảnh xưa, ấy vậy mà đã 30 năm có hơn. Một chiều cuối năm, nghe người bạn sử qua đây làm một chuyến dối già. Tôi đến đón anh. Có sự gì đến đón anh ư? Ừ thì hãy lực đực qua...”cái tôi” một tí. Chuyện là những năm tháng ở bậc trung học, tôi lậm với hai bộ môn sử ký, địa dư. Nay đất khách quê người cùng bóng ngả đường chiều, thiên cổ chi mê tôi lại ngụp lặn trong một cõi u u minh minh của nghìn năm mây bay với Lý, Trần, Lê, Nguyễn, cùng những nơi chốn khuất nẻo...

Nhớ lại câu thơ ngày nào năm ấy *mơ gì áp Tiết thiêu văn tự* với mắc chứng gì “ông” ở lại? Tôi lái xe và hỏi. Vừa rồi tôi đổi danh xưng, vì anh có mái tóc đã hoa râm hay hơn tôi ba, bốn tuổi chả biết nữa nên tôi buộc chỉ chân voi gọi là...*ông* chẳng. Mái tóc thưa dài của ông quay sang tôi và lặng lẽ:

- Tôi ở lại để làm nhân chứng cho một khúc quanh lịch sử.

Một ông này quá, tôi nhủ thầm vậy. Qua khuôn mặt phẳng lặng, hẻo mọn và ông lơ mọ tiếp...Ông lại có lỗi nói chuyện có hơi rối, hơi ngúc ngắc:

- Sông có bến đực bến trong, bên bồi bên lở. Dòng sông cứ miệt mài lở bên này bồi bên kia. Muốn đổi dòng phải đợi ba trăm năm. Dòng sông Gianh voi chiều dài của lịch sử cũng bằng những năm tháng ấy. Sông miệt mài chảy từ thuở khai thiên lập địa, đã chứng kiến, đã chuyên chở bao số phận của con người, của đất trời.

Yên ba giang thượng sử nhân sầu xong, ông châm thuốc lá. Khi rày người tôi cứ thủng ra về chuyện một dòng sông. Chuyện khi ho cò gáy gì đâu chả biết nữa, khi không tôi lười đá miệng một đoạn văn sử mà tôi hong hanh nhớ được với nhà Nguyễn qua một địa danh khuất nẻo. Chả là theo ai đây nơi chốn phân chia đất của Trịnh-Nguyễn là *thung lũng sông Gianh (1)* chứ không phải *sông Gianh*. Vì ranh giới từ sông Gianh trở ra đèo Ngang thuộc Đàng Ngoài. Khi Nguyễn Hoàng gần đất xa trời đã dặn dò con: “Phía bắc có sông Linh Giang (sông Gianh) nhỏ hẹp, nếu thế lực không địch được thì cố thủ để giữ đất đai”. Nên sau các nhà chúa đã cố giữ vùng đất từ sông Gianh trở vào tới sông Nhật Lệ thuộc Đàng Trong. Đào Duy Từ xin chúa Tiên đánh Đàng Hối để lấy *Đèo Ngang làm ranh giới* mới.

Chuyện đâu vẫn còn đó vì có “ông thầy” đang ngồi cạnh ngay đây, lát nữa tính sau. Bỗng ông hỏi tôi hút thuốc không, tôi trả lời tôi mua chiếc xe thô tả này để...hun khói. Ông cười dín. Sợi râu miệng ông rung rinh, tan loãng theo khói thuốc nổi trôi với chiều thứ sáu vừa tan sở làm về, cái đầu chày giành tôi bơ bả đến một cái quán nào đó.

Trở lại chuyện ông chọn ở lại để làm nhân chứng cho một khúc quanh lịch sử mà bây giờ có mặt ở nơi chốn này, và đang đứng bên lề lịch sử. Mà cứ theo sử gia Fustel de Coulanges với “Lịch sử là gì?”. Câu trả lời ngắn gọn: “Lịch sử là chuyện kể

của kẻ chiến thắng!”. Lại nữa, nghe hơi nôi chỗ ông ra Hà Nội “làm việc” một thời gian với sử gia, nhà khảo cổ Trần Quốc Vượng nên tôi mượn dịp hỏi ông chuyện khảo sử này kia nọ...

Khói...Khuôn mặt ông hững hờ xa xôi hẳn. Qua khuôn mặt ngập khói của môi trường điện dã, bia đá, gạch ngói, một thế giới ngựa xe, lời thơ, giá sách. Tôi quay cửa kính xuống một khe nhỏ. Ánh mắt ông cắt ngang vùng đất “Hòa Bình, Đông Sơn”. Ông chép miệng tách một cái thật nhỏ: “Khó nói lắm, thưa anh”. Đang nhìn đường lái xe, nhưng mắt tôi vẫn bạ vào ông. Khóe mắt ấy cho tôi biết môi ông còn lay động sau câu nói. Tôi nói với ông đi tìm một quán rượu hay một tiệm ăn cho dễ nói chuyện. “Tiệm ăn đi”. Ông cười, mắt cười theo. Cung cách ấy như thân quen từ lâu, mà thật ra chỉ mới gần nửa giờ. Tôi chọn bàn hai người gần lò sưởi để đốt lò hương cũ những chuyện vừa rồi. Nhìn cái lò sưởi, ông bậm bậm ắt hẳn là “cái bếp tử” để nướng...”bò lụi”, Hiểu ý ông nhưng tôi cũng lậu lậu: “Lửa và củi đều giả cả đấy, thưa ông”. Dường như ông tảng lờ, người bạn sử miền Nam thân già vác dùi nặng với...khúc củi giả tới...bốn ngàn năm có hơn:

- Với sử gia ta thì Tàu là gương mẫu, vì họ có công đào bới đẩy lùi lịch sử từ nhà Thương, nhà Ân ngược lên vài thế kỷ nữa. Sau Genève, các sử gia và nhà khảo cổ miền Bắc được đào tạo từ Liên Xô, và Tàu, với các chuyên viên đàn anh viện trợ, họ lục lọi trong các tầng đất để lập ra một chuỗi tiền sử có tên là Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun cho phù hợp

với 4000 năm văn hiến. Và nhiều khi còn hơn nữa...tới 5000 năm, thưa anh.

Vừa lúc người nữ tiếp viên mắt xanh tóc vàng mang ra chai Beaujolais và nghiêng chai rượu để ông thẩm định, ông nói câu gì đó rồi gật đầu, rượu mở, nâng ly. Người bạn sử miền Nam, mắt ông vẫn cắt ngang ở lằn ngang không gian “Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun” nhưng vẫn gật gù: “Hết ý” rồi dằng dênh:

- Khoa khảo cổ học và sử học đã biến thành công cụ tuyên truyền để gây lòng tự tin dân tộc. Họ chỉ làm theo định hướng, nghĩa là thời Hùng vương phải rực rỡ, trong chuỗi tiến trình tiến hóa lịch sử qua những khám phá đào sới.

Cầm ly vang lắc lắc cho nó...thở, ông thở ra, và nhấp một ngụm. Đụn lại trong tôi những địa danh hoang sơ, hoang địa mãi tận miền Bắc xa xôi...Nhìn bình hoa giữa bàn màu vàng như muốn giẫy nảy lên vì hơi rượu, khói thuốc. Tôi trang trải với ông bốn ba sang đây nhiều năm, mỗi lần thấy hoa đào nở trên báo Tết, tôi lại nhớ cánh mai vàng của miền Nam hai mùa nắng mưa rộ cả một góc sân nhà ông năm nào. Người bạn sử miền Nam hết nhìn tôi, nhìn hoa và ông cười, mắt cũng cười theo.

Như miền Nam mưa đầy cũng nắng ngay đấy, ông nắng với mưa:

- Vâng. Nhưng không phải tôi hay ai. Chuyện là chuyện của lịch sử và đất nước. Về sử học, mình

phải nghiêm chỉnh hơn. Trước sau gì cũng phải có một “dự kiến lịch sử”.

Tôi chưa kịp hiểu ông định nói gì. Nhấp thêm ngụm vang, ông... dự kiến thế này đây:

- Để tồn tại, người Việt phải mở đường Nam tiến xuống phía nam theo bờ biển qua dãy Hoàng Sơn. Đó là điều kiện sống còn của dân tộc, và đó cũng là vận mệnh lịch sử từ thế kỷ thứ X cho đến nay trải qua triều đại Đinh, Lý, Trần, Lê, Nguyễn.

Ở miền Trung nước ta ngày nay, Chiêm tộc xây dựng đất nước, khởi thủy quốc hiệu là Lâm Ấp. Vì đất nước một bên núi, một bên biển, thiếu đất cày cấy, cho nên họ ngó lên các châu phương Bắc như Giao Châu, Nhật Nam, không ngớt đem quân lên xâm lấn và họ đã chiếm huyện Thọ Linh nay là Thừa Thiên. Sau bị nhà Đường đem quân xuống đánh, người Chiêm lui vào Quảng Nam bây giờ, đổi quốc hiệu là Chiêm Thành từ đấy.

Người bạn sử miền Nam lui đụi ngược dòng lịch sử...

Nhà Tiền Lê với Lê Đại Hành lên ngôi sai sứ sang giao hảo bị vua Chiêm bắt giam sứ nên mạnh quân đánh báo thù. Dọc theo dãy Hoàng Sơn, Lê Đại Hành chiếm được *Quảng Bình* đến *Đèo Ngang*, rồi rút quân về. Nhà Lý, Chiêm Thành sang quấy rối ven bể, Lý Thường Kiệt mang quân vào sâu đất Chiêm Thành, tới tận *Quảng Trị* và ngừng chân ở đây. Và cũng như nhà Tiền Lê, nhà Lý cũng không nghĩ đến việc mở mang bờ cõi.

Nhà Trần, Chiêm Thành đem chiến thuyền xâm nhập vào vùng biển. Trần Thái Tông thân chinh đi đánh, chiếm đất *Thừa Thiên* đến đèo *Hải Vân*. Sau vua Trần gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân để kết thân, Chế Mân dâng sớ lễ là hai châu Ô, châu Rí (3).

Người bạn sử miền Nam đào xới đất đai để vật lên phong thổ chí...

Nhà Hồ đem quân đánh Chiêm Thành, vua Chiêm phải dâng đất *Quảng Nam* (4) để bãi binh. Như vậy theo dãy Hoành Sơn (Đèo Ngang) vào đến Quảng Nam, người Việt đã mở rộng lãnh thổ của mình xuống 3/5 lãnh thổ Chiêm Thành. Chính sách di dân của người Việt ta chỉ thật sự bắt đầu với họ Hồ. Hồ Hán Thương cho làm con đường thiên lý từ Thanh Hóa đến Thuận Hóa, như thế đủ thấy về sự khai khẩn quốc thổ của nhà Hồ.

Nhà Hậu Lê, Chiêm Thành lợi dụng nước ta trải qua chiến trận với nhà Minh nên đem quân đánh phá. Lê Thánh Tông sắp đặt một trận đại quy mô để Chiêm Thành kiệt quệ. Thắng trận Đồ Bàn (*Bình Định*) (5) kinh đô của Chiêm Thành, và chiếm *Quy Nhơn*.

Công cuộc Nam tiến được tiếp nối với nhà Nguyễn, từ nhà Lê, người Việt đã chiếm được 4/5 đất đai. Nhà Nguyễn chỉ dành chiếm phần còn lại của họ từ Tuy Hòa đến Phan Rang, mảnh đất cuối cùng của Chiêm Thành thuộc Bình Thuận ngày nay, thừa anh.

Đợi tôi rót thêm ly vang. Mặt ông đỏ cay đỏ cọt. Mắt vắt qua khung cửa sổ ngoài kia, bóng tôi và trời đất đang lung nhùng. Ông cười hặc một cái và ngáy ngà:

- Gần đây trong sách vở họ hay dùng thuật ngữ “sử gia duy vật biện chứng tiến bộ Mác Lê” và “sử gia phong kiến” (Việt Nam). Họ dùng duy vật biện chứng để dựng sử Việt, nhưng họ không biết *phong kiến* gồm hai chữ "*phong tước*" tức ban quan tước và "*kiến địa*" tức ban đất đai. Phong kiến chỉ chế độ vua phong tước cho người có công và cấp cho một vùng đất để lập lãnh địa, với quân lính, luật lệ và thuế má riêng. Thể chế này có thời nhà Chu bên Tàu, ở Việt ta không có chế độ phong kiến mà chỉ có chế độ quân chủ.

Địa là đất, tôi đang to hó với lãnh địa, kiến địa thì đồng đẳng thế nào chả biết nữa mắt ông vắt qua...hòn giả sơn mãi tận ở Hải Dương, đất khởi nghiệp của nhà Mạc:

- Như anh biết đấy, bằng vào giai thoại cụ “An Nam lý học hữu Trình truyên” giữa họ Mạc đối đầu với họ Trịnh. Mạc Mậu đến hỏi cụ ở khoảnh sân có hòn non bộ, cụ nói "Cao Bằng tuy thiếu, khả năng sỏ thế", ý là Cao Bằng tuy nhỏ nhưng dung thân được mấy đời.

Cốc lại đòi đi guốc, tôi nhai văn nhá chữ với ông ít lâu sau, cụ Trạng cũng chống gậy ra khoảnh sân ấy, cũng ngắm hòn giả sơn đó, nhìn đàn kiến

đang "leo núi" có cây tùng, cây bách bé con con và bày kế cho Nguyễn Hoàng: *Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân* (2). Nhà chúa hiểu ý xin Trịnh Kiểm vào trấn thủ Thuận Hóa bắt đầu cuộc hành trình về phương Nam xa vạn dặm. Trong cơn đồng thiếp với chữ nghĩa, tôi vấy vá với ông là thay vì Mạc Mậu, cụ Trạng...lỡ đại xúi Nguyễn Hoàng ngược lên Cao Bằng thì lịch sử đã rẽ qua một khúc quanh khác, thì ông và tôi đã không lêu bêu ở miền Nam sáng nắng chiều mưa này...

Làm như không nghe tôi đang theo bước chân phù lãng nhân trong cõi ngu lạc trường, ngón tay khẽ gõ lên mặt bàn, đầu ông gật gù...

- Vâng, theo tôi Nguyễn Bình Khiêm là một nghi vấn của lịch sử. Vì sau khi nhà Lê bị Mạc Đăng Dung tiếm ngôi, Nguyễn Kim đi tìm con út Lê Chiêu Tông là Lê Duy Ninh (chúa Chỏm) tôn làm vua. Đề mưu đồ đại sự, Nguyễn Kim thu nạp Trịnh Kiểm. Khi ấy nước nhà chia làm hai: từ Nam Định trở ra của nhà Mạc, tức Bắc triều. Từ Thanh Hóa trở vào thuộc nhà Lê, tức Nam triều. Theo sử cũ sau khi Nguyễn Kim mất, để lại hai người con là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng. Trịnh Kiểm sợ cả hai sau này có thể tranh dành địa vị với mình, vì thế Nguyễn Uông chỉ mắc một lỗi nhỏ bị Trịnh Kiểm giết. Nguyễn Hoàng sợ đến lượt mình, nhờ người tới hỏi trạng Trình như các sử gia vừa... "diễn sử" ở trên.

Vẫn chưa hết chuyện trạng Trình, trạng Bùng Phùng Khắc Khoan không biết nên theo Nam triều, hay ở lại với Bắc triều. Họ Phùng tìm Nguyễn Bình

Khiêm hỏi han sự thể thế sự thăng trầm quân mạc vấn này nọ, Nguyễn Bình Khiêm dậy: "Lê tôn, Trịnh tại; Lê bại, Trịnh vong". Trạng Bùng ngầm hiểu ý tôn sư đã đến lúc phải vào xứ Thanh với nhà Lê. Người sau chê trách trạng Trình bám độn biết nhà Mạc soán ngôi nhà Lê, lại không tôn tại mà vẫn làm quan với nhà Mạc. Sau đấy lại đẩy đưa học trò thay mình phò Lê.

Nghe thủng xong, tôi ngẫm ngợi há lại có cái lý ấy sao? Bèn nói dám với ông:

- Vậy thì những giai thoại của cụ Trạng...

Ông lại gục gặc đầu, mắt ngậy ngật như mắt thầy bói, ngón tay lại gõ lên bàn...

- Thì anh cứ cho là như... "Sấm Trạng Trình" vậy, thừa anh.

Đang rối loạn tiền đình với giai thoại này kia kia nọ, ông dẫn dắt tôi...lạc đường vào lịch sử. Người bạn sử miền Nam rõ ràng...

Sử kiện Trịnh Kiểm ám hại Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Hóa theo tôi cũng là nghi án của lịch sử. Bởi lẽ không như các sử gia viết sử... "liệt truyện".

Sử nhà Nguyễn không nói chi tiết việc tranh chấp quyền hành và cho là: *Trịnh Kiểm tranh đoạt quyền hành nên ám hại ông*. Viết như thế chẳng hợp lý chút nào! Vì khi ấy, Nguyễn Uông mới chỉ hai mươi, nào có quyền hành gì để Trịnh Kiểm tranh chấp? Tại sao Nguyễn Uông bị giết quan trọng như thế lại được chính sử nhà Nguyễn ghi là "khuyết

sử”? Vì vậy, ta chỉ có thể kết luận cái chết của Nguyễn Ông không rõ ràng, thiếu chứng cứ mà nhẽ ra phải có. Vì vậy ta nên xem sự kiện ấy là một *ngghi án lịch sử* mà thôi.

Người bạn sử miền Nam chung chiêng chống chếnh...

Còn tại sao Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa? Câu hỏi này không khó trả lời: Vì sau cái chết của Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng cầm quân chống nhà Mạc, lập được chiến công, được thăng Đoan Quận công. Sau khi Nguyễn Ông chết, ta không có chứng từ gì việc Nguyễn Hoàng ở vào tình thế khó khăn để phải "tìm chỗ dung thân". Chuyển đi của Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa không phải là chuyển đi lánh nạn của một người cùng đường. Vì Trịnh Kiểm tỏ ra không phải là người nhỏ nhen, nên đã cho phép thân bằng quyến thuộc theo vị tân trấn thủ vào Nam. Ấy là chưa kể đồng tình cho hai quan trấn thủ hai trấn Thanh Hóa và Nghệ An mang quân lính theo vào Thuận Hóa tới hơn một ngàn người. Việc sau này Nguyễn Hoàng trở ra Đông Đô gả con gái út Ngọc Tú cho Trịnh Tráng, cháu nội của Trịnh Kiểm. Tiếp đến việc con thứ Nguyễn Hoàng là Nguyễn Phúc Nguyên được vào trấn thủ Quảng Nam thì mới có...miền Nam như anh vừa...“dự kiến lịch sử”, thừa anh.

Rút điều Craven “A” mang từ bên nhà qua để đó, mắt ông vắt ngang cái đàn dương cầm, một nhạc công ngồi đấy đang chơi nhạc. Ông nói nhạc Jazz

của người da đen nghe ai oán *Nam Ai, Nam Bình* như dân Chàm mất nước, theo Vương Hồng Sển nào khác gì vọng cổ với *Dạ cổ hoài lang*. Ấy vậy mà phán quan Tô Hữu đã xuống câu sề “tắt đèn” cái lương, hát bội của những người miền Nam. Thế là tôi rồi! Tôi thâm nghĩ vậy và bẻm mép hỏi khi ra Hà Nội... “hành sử” ông có dậy cóc đi guốc, dậy khi leo cây chăng. Người bạn sử miền Nam lừ đừ như ông từ vào đền, với năm tàn tháng lụn, ông dặt trâu qua hàng rào:

- Ấy đấy, họ đặt cái cây trước mũi con trâu, các nhà khảo cổ đã lập ra chuỗi tiền sử Phùng Nguyên, Đồng Đậu phù hợp với một thời Hùng Vương rực rỡ rồi. Nay đến phiên sử gia dựa vào “trường phái Marxist”, sử gia miền Bắc theo trường phái này chủ đích là: *Biện chứng sự hình thành xã hội, phân tích vai trò của giai cấp để tạo nên lịch sử*.

Tôi im thin thít như thịt nấu đông bởi những nhà biên khảo, sử học trong nước hiện nay đang vạc nhau như mổ bò vì văn hóa Phùng Nguyên chưa được giải quyết thoả đáng, vì họ chỉ nhắc đến nó như một giả thuyết đã từng có và của ai đó. Họ dựa vào học giả Nhật Nitta Ejji, nhà khảo cổ học Ý Rispoli dẫn chứng: Những di chỉ ở Vân Nam cùng có hoa văn “chấm-vạch dài” và gợi ý văn hóa Phùng Nguyên có thể có nguồn gốc từ bên... Tàu.

Như không hay biết những gì tôi đang bối rối như sư đờ, lấy hộp quạt diêm cầm tay...

- Với giai cấp để tạo nên lịch sử như Lê Lợi với giai cấp nông dân, họ đề cao Nguyễn Huệ gốc anh

hùng áo vải nên được coi như là quốc sách. Bởi thế có đến 1680 công trình viết về nhà Tây Sơn. Vì họ đánh lộn con đen ông Hồ cùng gốc gác với Hồ Quý Ly. Với họ thì: *”Việc Hồ Quý Ly soán ngôi nhà Trần, Mạc Đăng Dung tiếm ngôi nhà Lê, việc giành lấy ngôi vua một triều đại phong kiến đã suy tàn là hợp quy luật, là lẽ tất yếu của lịch sử”*.

Làm một hơi xong, ông hững hờ nhìn ra ngoài cửa sổ và thở ra khói...

- Không những thế, những nhà dựng sử miền Bắc không tiếc lời chê trách nhà Nguyễn là tay sai cho thực dân Pháp nên họ cấm viết về sử nhà Nguyễn từ năm 1956 đến 1958. Từ 1954- đến 1964, Sở văn hóa Hà Nội thành lập “Ban tên phố” bỏ tên phố mang tên vua quan thời Nguyễn, thay vào một số tên tượng trưng cách mạng (Bắc Sơn, Điện Biên Phủ).

Đến Phan Thanh Giản và sử gia miền Nam còn bị vạ lây, Viện trưởng Viện Sử học là Trần Huy Liệu đã bôi nhọ trí thức nói chung và sử gia miền Nam nói riêng: *Tất nhiên khi chép về sử kiện Phan Thanh Giản cắt đất dâng cho xâm lược Pháp thì trí thức và sử gia miền Nam đã vô liêm sỉ coi đó không phải là chuyện phản quốc.*

Nói đại chứ! Mụ sử tôi chả đại đứng về một phía sử gia Mác-Lê hợm chữ, để chửi người vắng mặt như mắng người chết như vậy với lời lẽ nặng nề, mạ sát, thiếu hẳn phong cách của người viết sử. Thảng như: “Tối tăm, cực kỳ phản động, hủ lậu,

mục nát, mù quáng, cực kỳ ngu xuẩn, v...v...”. Đang động tình đến đây, ông động não tiếp...

Người muốn tìm hiểu sử học nghiêm túc, khi viết một điều gì không phải chỉ cho người cầm bút mà còn phải viết cho người đọc. Viết sử không chỉ là việc sắp xếp các sự kiện lịch sử suốt cả ngàn năm như sử biên niên mà phải đưa ra những sai trái của tiền nhân, ngay cả với các sử quan. Nếu không, người đọc sử riết rồi bị uốn nắn, thuần hóa vào quan điểm của sử quan. Vì sử quan, sử gia trở thành người viết sử cung đình bóp méo lịch sử tạo nên chính sử, hay viết sử để xây dựng thể chế, chế độ. Nay cũng thế, như trong lần phát biểu tại Paris năm 1988, Nguyễn Văn Tạo, Viện trưởng Viện Sử học tuyên bố: *Chúng tôi không viết sử để làm công trình sử học mà là để góp phần xây dựng chế độ mới*. Vì vậy, sử trở thành sử *phong thần*, vì với nhà Nguyễn với chính sử, hay miền Bắc với sử phong thần chỉ có hai loại người là minh quân, ”bác Hồ vĩ đại” và đối nghịch là ngụy quân, ngụy quyền.

Người bạn sử miền Nam cười. Ông cười bằng mắt...

Ấy vậy mà để xây dựng chế độ họ ”bài bản” theo *triều đại phong kiến nhà Nguyễn* cũng đốt sách tàn dư của ngụy quyền. Theo một nhà biên khảo nào đó thì: ”Nào có khác gì *nguyên mẫu của bản sao Gia Long* vì nhà Nguyễn có tha gì mà không đốt sạch dấu vết nhà Tây Sơn còn sót lại được gọi là *Ngụy tây*”. Ngoài ra theo *Đại Nam chính biên liệt*

truyện, chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát dành vùng Thủy Xá và Hòa Xá để “cải cách” và “tạo dựng” nơi ăn chỗ cho người Chiêm Thành mất đất. Vì vậy ngay cả hai chữ... “cải tạo” họ cũng vay mượn từ thời... “phong kiến”. Nhưng lịch sử là một chuỗi móc xích tiếp nối, để không khỏi không nhắc đến sự kiện Minh Mạng sai Trương Minh Giảng đánh Cao Miên. Nhà Nguyễn bắt nữ vương Ang Mey đưa về Gia Định quản thúc, sau đó bầu đoàn thể tử cận thân quan lại của Cao Miên bị đưa ra Bắc “cải tạo” cho tuyệt hậu hoạn, thừa anh.

Lúc này tôi cứ u mê ám chường những gì vừa rồi ông sắm năm: ”người viết sử không phải chỉ cho người cầm bút mà còn cho người đọc”. Chẳng là chặn trâu nhân thể dắt nghé, tôi lẩy lắt qua một nhà sử học miền Nam nặng lòng với sử Việt có câu *Cô vọng ngôn chi* mà tác giả diễn giải là: *Hình như lời người viết sử nói chuyện với...ma*. Tác giả tiếp: *Hóa ra khi đọc sách, người ta chỉ đọc những gì muốn thấy. Khoan nói tới nhưng gì phía sau các dòng chữ ấy*. Vừa lúc chuyện nhà Nguyễn bắt quần thân Cao Miên đưa ra Bắc. Là người đọc, thiên cổ chi mê tôi cũng muốn đéo chữ chặt câu...nhưng gì muốn thấy phía sau các dòng chữ ấy. Vì vậy kịp khi ông thông sử như thông khói xong, tôi cô vọng ngôn chi với ông...

Ừ thì với lịch sử là một cuộc tái diễn không ngừng với 140 năm sau, đoàn người thất trận từ phương Nam ngược về phương Bắc, nơi sơn lam

chương khí bên dãy núi Hoàng Liên Sơn để cải tạo. Nơi mà thân bằng quyến thuộc của Nặc Ông anh, Nặc Ông em đã bị tập trung ở đây từ bao thế kỷ trước. Để rồi lịch sử sang trang với cuộc chiến Nam Bắc, cũng ở nơi đây với tù binh là ngục quân, ngục quyền bỏ xác bên sườn núi đồi hiu hoang vắng.

Được thể tôi lùi nhùi qua cuộc nội chiến Nam Bắc của người Hoa Kỳ, tại làng Appomattox, tướng Robert E. Lee tới để bàn thảo việc đầu hàng, tướng Ulysses S. Grant đưa ra bản thảo ngắn gọn như hàng binh không bị bắt làm tù binh. Sau đó điền trang của tướng Lee trở thành nghĩa trang Arlington, nơi chôn cất chung của tử sĩ hai miền Bắc Nam.

Khi không tôi quáng quàng với người thơ *Lá hoa còn* hay “Trung niên thi sĩ” họ Bùi:

Sử lịch phai trang
Chạy quàng
Là lịch sử...

Đội mũ sử tôi ngập ngựa trong cõi mù mị đầu vào đầy ròi, ông...như thị ngã văn:

- Vâng, lịch sử đã phai trang, với những gì vừa ròi mà tôi vừa bương bả được phần nào hay phần ấy, chỉ là tương đối thôi, thưa anh.

Lại vẫn khuôn mặt phẳng lặng, hẻo mọn, ngập khói môi trường điền dã để hành sử... Chợt ánh mắt ông cắt ngang không gian “dãy núi Hoàng Liên Sơn tới Thuận Hóa”...

Nguyễn Hoàng đặt chân tới vùng đất Thuận Hóa có thể đất "Nhất hổ trực quần dương - Tiên vi

tướng, hậu vi vương" hy vọng mạng đế vương muốn được truyền tử lưu tôn đời đời kế thế. Vì thế nhà chúa lấy một phần đất Chiêm Thành lập ra tỉnh Tuy Hòa (phủ Phú Yên). Chúa Võ vương Nguyễn Phúc Khoát chiếm thêm đất Phan Rang (phủ Bình Thuận). Từ đây nước Chiêm Thành mất hẳn. Nhưng công việc Nam tiến của nhà Nguyễn vẫn chưa xong, vì thế chúa Sài Nguyễn Phúc Nguyên đã kết thân với vua Chân Lạp bằng cách gả công chúa Ngọc Vạn (6) cho Chey Chetta II. Chúa Nguyễn xin cho dân Việt được làm ruộng và buôn bán trên vùng đất mà ngày nay là Sài Gòn.

Và ông cố lỗi rị mọ:

- Bây giờ tên Sài Gòn đã đi vào ...cổ sử rồi, cũng... lịch sử lắm chứ nhỉ, thưa anh.

Người bạn sử miền Nam vừa nói, ánh mắt vừa như cắt ngang những đường phố Sài Gòn của một thời một thuở, ở một nơi chôn nào đó có con đường Nguyễn Hoàng khuất vắng với cát bụi và dường như ông đang hòa nhập về một vùng hoang vu thái cổ...

Dụi điếu thuốc, người bạn sử miền Nam thắm giọng chút rượu, ông ve vé mắt quanh chỗ ngồi. Lúc này tôi mới buông tuồng ngoài cái công *khai phá, khẩn hoang* ra tiệm ăn được...“hút thuốc lá” này. Ông gà gờng: “Hết ý” và cười hun hút.

Nhưng sau cặp kính, mắt ông không cười. Sợi râu bạc rung rung...

- Nghĩ đến hành trạng dựng nghiệp và dấu tích của Nguyễn Hoàng (7) đến cửa Việt, Quảng Trị, Ái Tử đúng năm 34 tuổi. Chúa Tiên ở đất này 59 năm, dân cảm ân mến đức vì chợ không hai giá, không có ăn trộm, cửa không phải đóng. Thuyền buôn ngoại quốc đều đến buôn bán, quân lệnh nghiêm túc, vì vậy dân trong xứ đều được an cư lạc nghiệp.

Trong khi tôi đang ngồi hồng người ra vì bây giờ tên Sài Gòn đã đi vào quá vắng, từ nghĩa trang Arlington tôi định vắt vẻo qua nghĩa trang Biên Hoà đang hoang phế với cỏ cây. Làm như có đồng cảm, nhìn cái lò sưởi đốt củi “gas” đang chập chờn những tia lửa xanh, vàng như nhìn miếu đền xưa cũ. Trong một thoáng giây, ông dáng người thiên cổ thể đây, nhưng lúc này thân thái gò ghề như biến đi đâu mất cả, ông tha ma mộ địa...

Với dấu tích trên đất Quảng Trị không thể không nhắc đến ngôi miếu do cư dân ghi ơn lập nên ở xã Gio An, huyện Gio Linh (7), sau khi nhà chúa qua đời. Thành thử, khi đi điền dã, cụ Trần Quốc Vượng quàng vai cái máy xén cỏ để chuẩn bị phát cây, dọn dẹp lối vào. Đi tìm dấu tích xưa với tâm thức của những người về nguồn, như vào đất Thục.

Đường vào đất thờ chúa Tiên chạy xuyên qua vỉa tầng văn hóa trầm tích. Tôi liên tưởng đến những công quả của chúa Tiên dành cho Gio Linh. Trước khi đi vào Thục địa ở đây, tôi có linh cảm mách bảo rằng nơi này dù hoang phế nhưng vẫn còn những di tích hiếm hoi còn lưu lại, chẳng hạn như những gạch cũ. Quả vậy, với cái máy xén cỏ của cụ Vượng rà rà

hiện ra một trụ đá ăn sâu vào nền đất, mặt trụ hình tròn.

Theo cụ Vượng ngôi miếu hướng về phương Bắc, hẳn là khi chọn hướng miếu, người dựng miếu đã hiểu được nỗi lòng đau đáu hướng về quê cha đất tổ *Tây Đô Thanh Hóa (8)* và *Đông Đô Thăng Long* của chúa Tiên. Và khi chọn đất dựng miếu, ắt hẳn phải chọn theo phong thủy. Cụ Vượng cho thế đất ở đây là thế “hoàng xà thính cáp” tức rắn vàng rình con cóc. Tôi nhìn xung quanh có mấy chỗ đất nhô lên hình con cóc như cụ Vượng nói thật.

Bỗng không người bạn sử miền Nam âm ử trong một cõi đi về...

Nơi đây, cầu gãy, sông bồi lấp
Ngày xưa nghe nói chốn kinh thành.
Biết bao triều đại từng oanh liệt
Mãi mãi vui chôn dưới cỏ xanh.

Thấy tôi ớ ra, ông cười hệt một cái mà rằng bài thơ trên có tựa đề *Chiếc cầu gãy của Đoàn Công*. Ông văn chương thiên cổ sự rằng Thi nhân bất đắc kiến – Kiến thi như kiến nhân (Nguyễn Du), nôm là với *khách thơ nào thấy được, đọc thơ như thấy người*. Vì bài thơ đây là của người thơ Mẫn Hiên Cao Bá Quát khi ghé Quảng Trị cảm tác Đoàn quận công Nguyễn Hoàng. Với mưa thương nắng nhớ, ông sắm năm phải chặng chiếc cầu gãy của Đoàn Công là chiếc cầu bắc qua Bến Hói mà Tây gọi trại đi là Bến Hải chặng?

Qua những tháng ngày đắp đê, tôi xắn xò rằng đoàn tuý tùng hơn 1000 người cùng chúa Tiên khai sơn phá thạch cả chục ngàn dặm đường với bao chông gai lội sông vượt suối qua mấy chục cái cầu, con đò. Thêm 5 đèo là đèo Tam Điệp (Ninh Bình, Thanh Hóa), nơi đây sau này vua Quang Trung đã ngừng chân trước khi tiến quân ra Thăng Long. Qua đèo Ngang (Hà Tĩnh, Quảng Bình) tới Quảng Trị, trên con lộ sinh tử từ chặng đường đầu tiên cả mấy trăm năm trước còn âm vọng đâu đây những ám ảnh trông gai, ngại ngừng ở Hồ Xá với “Nhớ em anh cũng muốn vô - Sợ Trông Nhà Hồ, ngại phá Tam Giang”.

Từ đây Trường Sơn tới biển Đông chỉ đo được 40 cây số, nhìn lên bản đồ như cái cổ họng thất lại đến nghẹt thở giữa hai miền Nam Bắc. Ở đây có cổ thành Quảng Trị, hơn một lần là nơi tranh hùng Trịnh Nguyễn cùng một thời chinh chiến với bóng xế trăng lu “Mẹ bỗng con ngồi cầu Ái Tử - Thiếp trông chồng đứng núi Vọng Phu”. Nghẹt thở hơn nữa là *Mùa hè đỏ lửa 72*, cũng chính nơi này là chiến địa giữa hai miền Bắc Nam với cổ lai chinh chiến khừ nhân hồi và cổ thành Quảng Trị nay trở thành phế tích.

Qua đèo Hải Vân đến Quảng Nam, đất khởi nghiệp của chúa Sãi với lớp di dân tiên khởi từ Huế, có 4 hạng khác nhau, đầu tiên là những lính thú đi mở nước về phương nam. Hạng di dân thứ hai đến Quảng Nam là những người tù tội từ thời Lê Thái Tổ. Nhà Lê chia tội phạm thành năm loại: *xuy*,

trượng, đồ, lưu, tử. Xuy là đánh roi. *Trượng* là đánh bằng gậy. *Đồ* là làm dịch đình. *Lưu* là lưu đày. *Tử* là tử hình. Tội lưu có 3 hạng: Lưu cận châu (châu gần). Lưu viễn châu (châu xa). Lưu ngoại châu (biên giới). Quảng Nam thuộc loại viễn châu xa xôi giữa Đại Việt và Chiêm Thành. Hạng di dân thứ ba là những người đào tẩu vì trốn chạy trả thù của các triều đại. Như nhà Trần xuống, nhà Lê lên, một số con cháu nhà Trần và nhà Mạc phải trốn chạy. Nhiều nhánh họ Mạc và họ Trần phải đổi họ và chạy vào tận Quảng Nam. Và hạng thứ tư là di dân vì nghèo khổ, vì sinh tồn phải đổi phó nghịch cảnh trở thành thói quen của người Quảng Nam hay cãi để thắng chứ không chịu thua. Vì không ít thì nhiều gốc gác họ là lính thú, tội đồ mang cái tâm trạng của kẻ bị đi đày.

Các chúa Nguyễn kế tiếp vượt đèo Cù Mông (Bình Định, Tuy Hòa) và đèo Cả (Tuy Hòa, Nha Trang) vào miền Nam. Con đường mòn không thênh thang rộng mở vì sau ba bốn mùa mưa, con đường ấy đã bị mất dấu, đoàn người vai gồng vai gánh, tay bồng tay bế, họ phạt cỏ chặt cây khai quang lối đi. Họ leo núi băng rừng ngấp những chông gai, họ trèo đèo lội suối đầy gian nan với sương lam chướng khí cuối cùng bị bệnh tật, kiệt sức. Những người di dân đi tìm vùng đất mới đã bỏ xác lại bên ven đường không phải là ít.

Đời Lý cư dân Kẻ Chợ lên tới 40.000 người, qua đời Trần, một phần đê Nhĩ Hà vỡ, cả kinh thành ngập dưới nước. Sau bị Chế Bồng Nga kéo quân ra Bắc ba lần đốt phá, khói lửa ngập trời cả tháng, khi ấy Thăng Long chỉ còn 20.000 người. Có thể vì chiến tranh, hỏa tai, lụt lội nên Hồ Hán Thương lập kinh đô mới *Tây Đô* và lập con đường thiên lý di dân vào Thanh Hoá. Tiếp đến chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên di dân vào Quảng Nam, chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần đưa dân vào Bình Thuận, đất này được gọi là “Ngũ Quảng lưu dân”. Họ mở đất lập làng cả mấy đời, ngõ đã an cư lạc nghiệp lại khăn gói gió đưa theo các chúa vào Nam. Vì vậy có thể nói con đường cái quan đã hình thành từ chúa Nguyễn, từ Quảng Trị tới Cà Mau. Càng xuống phía Nam, đất đai rộng, thời tiết dễ chịu, con người càng thoải mái hơn. Theo cuộc di dân với ngôn ngữ, trong văn học có câu: *giọng Thanh Hoá là giọng miền Bắc...phải đi. Giọng Bình Thuận là giọng miền Nam...sắp sửa. (*)*

Vào đến miền Nam, chúa Hiền Nguyễn Phước Tần cho quan tổng binh Trần thủ Phú Yên ngừng chân trên đất của người Miên, ngay tại doanh trại, dinh cơ của phó vương Nặc Ông Nộn ở vùng đất từ chùa Cây Mai tới trường đua Phú Thọ. Chính mảnh đất nhỏ bé này đây đã khởi đầu hình thành một Sài Gòn cho mai hậu. Từ Quảng Nam, theo thời gian từng đợt di dân trải rộng tới tận Cà Mau, trong đó có tù binh chúa Trịnh, đào binh chúa Nguyễn. Thêm tội đồ thích dấu ở tay bị phát vãng tới Mỏ Xòai, mảnh

đất địa đầu của Gia Định Sài Gòn, tôi đồ thích dẫu ở trán bị đày xuống vùng châu thổ Đồng Nai Cửu Long trải rộng đến biên giới Miên. Nếu lấy mỗi 25 năm là một thế hệ, nếu lấy mốc thời gian từ chúa Tiên Nguyễn Hoàng đến chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, sau hơn 200 năm, trải qua 9 đời chúa, 12 đời người của lớp lưu dân từ miền Bắc, miền Trung và sau này là người Hoa lánh nạn nhà Minh đến lập nghiệp. Họ đã thay thế dần nét văn hóa và đời sống của người Chăm bản địa ở Tây Ninh, Châu Đốc, người Miên, người Minh Hương để có giọng nói người Lục tỉnh. Thêm dân tộc bản xứ là người Mạ, người Stiêng, theo người Pháp, vào cuối thế kỷ 19, người Mạ, người Stiêng sống ở thung lũng vùng Donai gần Biên Hoà để có giọng nói đặc thù người Sài Gòn. Với phong thổ chí, phong tục đã tạo nên phong thái lương sơn bạc, phong cách lớp người trung dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài của người miền Nam...

Đến tao đoạn này, ông chèn ngang một câu chả đầu vào đầu như vậy:

- Qua phong thổ chí mập mờ nhân ảnh mịt mù
mùng gió mây, một ngự sử văn đàn nào đó đã rầy rà
là người Bắc ưa viết văn, người Trung làm thơ,
người Nam viết báo.

Tôi đang tối như hũ nút, người bạn sử miền Nam ăn xôi ở thì qua ông phán quan nào đấy đã tung tẩy chuyện nào có ra chuyện như lược con trâu cả con trong nôi...

Người Bắc viết văn mang cái bệnh đều, nói cay, nói đắng, lấy cái gia vị của gừng, của ớt làm cái ngon miệng. Vì thức ăn chẳng có gì, như chén cơm sòng trộn tỏi với nghệ. Vậy mà người đọc cứ khen hay. Nhưng hay ở chỗ gặp thời thế thế thời phải thế, với thế sự thăng trầm quân mạc vấn, với cái miệng họ nấp sau hạp trường làm...thầy dùi.

Mặc tôi mặt nhăn queo lại như táo tàu khô vì gia dĩ là Bắc kỳ đặc, người bạn sử miền Nam từ từ khoai cũng như như thế này đây...

Như anh dự kiến, trên con lộ sinh tử qua chặng đường lịch sử mà Quảng Trị như cái cổ họng thắt lại đến nghẹt thở. Người Huế từ mảnh đất non bất cao thủy bất thâm này mang thi ca biến thành cuộc đời với ý chí làm chính trị, làm thơ hay đi...tu. Xứ càng khổ càng nhiều nhà tu, họ tu vì thất chí với cuộc đời nên làm...thơ nhưng tu thì cứ tu, họ cũng không quên làm...chính trị. Bởi nhẽ ấy chữ nghĩa hiện thực hôm nay có câu: Một ngày của một người đàn ông Huế là sáng làm chính trị, trưa làm thơ, chiều làm sư.

Vào đến miền Nam, đất rộng người thưa bên hè phố, người Nam làm báo ở quán nhậu. Qua 108 anh hùng Lương Sơn Bạc ở xe hủ tiếu của Tàu, họ mang cái hào khí trung dũng khí tiết của một Võ Tòng đã hổ, một thủ lĩnh Tổng Giang nên thích làm...tướng với túy ngọa sa trường quân mạc tiếu. Với “túy” đi với tửu, họ làm báo ở quán cóc hay quán nhậu, họ không quên mang cái tâm thái bồ đào mỹ tửu dạ

quang bơi với một...Lỗ Trí Thâm, với đục phá thành sâu đục tủy... binh nên nhậu tới bến.

Đến trần ai khoai củ này, ông ngửa cổ uống ly rượu như Bắc kỳ uống nước rau muống luộc. Xong, ông rầm rẫn mà rằng: “Mất nước là đúng quá rồi, cái nghiệp nước nó thế. Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế, thế thời phải thế, thừa anh”.

Châm lửa đốt trời xong, vừa lúc làm hết ly vang, người bạn sử miền Nam đội mũ lên đầu. Thêm một lần biệt hữu thiên địa phi nhân gian (Lý Bạch) tạm hiểu là *ta có một cõi riêng không người* vì ông như đang sửa soạn cho một chuyến đi xa. Như quay về Hoành Sơn, Quảng Trị của một thời xa xưa. Sau cặp kính dâm, ánh mắt ông “vắt ngang dòng sông Bến Hải, sông Gianh” đang lặng lẽ với nước chảy đôi dòng: *Dòng sông sau 300 năm, nước vẫn tiếp tục trôi đi ở giữa dòng có một giải phân cách tự nghìn năm*. Cùng một cảm hoài nhất thốn thổ với ông, tôi cảm thấy thanh thản ở cái tuổi hiểu được cuộc đời là dòng sông đã gần đến cửa biển. Mà biển là tàng thức chứa chấp mọi nhân sinh. Thời gian trên những dòng sông chính là những mảnh đời. Mấy chục năm sau gặp lại người bạn sử miền Nam đây. Mắt ông đã mệt mỏi. Tôi không nhìn thấy ánh mắt ấy vắt qua một khoảng không gian, thời gian nào đó mà ông đã từng hoài bão. Kể cả những hoài vọng thâm kín như một giấc mơ, giấc mơ một đời người với *mơ gì áp Tiết thiêu văn tự, giấy cỏ, gươm cùn ta đi đây*.

Tôi chưa có dịp để nói tôi thích cái cười...”hự” hồi này thì ông cười như không cười, cái cười còm nòm của nhất hữu lý biệt thiên lý tổng tiến với *đã đến lúc phải chia tay*.

Thời gian vỗ cánh như quạ bay, một ngày tôi đặt bút xuống với những dòng chữ này, người bạn sử của miền Nam không nắng thì mưa không còn nữa! Đôi mắt ông vĩnh viễn khép lại. Nhưng sợi râu trên nốt ruồi bên cằm vẫn còn ẩn hiện trong một cõi đi về.

Năm cùng tháng tận, rũ bỏ mọi quá khứ dù có mặt hay không có mặt. Đắt khách quê người với bóng ngả đường chiều, thiên cổ chi mê tôi ngụp lặn cùng những nơi chốn khuất nẻo *từ độ mang gương đi mở cõi, trời nam thương nhớ đất Thăng Long* (Huỳnh Văn Nghệ). Với cuộc Nam tiến mấy trăm năm trước, thêm mấy chục năm sau nữa, trong đó có hai lần di cư. Trong tâm thái hoài cổ nhân với bất tri hà xứ thị hương nhân, với người bạn quen nhưng không thân lắm này đây, tôi đang bước theo những vết chim di của người bạn sử miền Nam qua bài văn sử *Hành phương nam*. Sau 75, trong cái tâm thái *mỗi năm hoa đào nở lại nhớ cánh mai vàng* của mảnh đất không mưa thì nắng. Người viết bài văn sử này được thể ngược về năm 54, gia dĩ là Bắc kỳ đặc, trộm nghĩ nếu không có chúa Tiên Nguyễn Hoàng xuôi nam, thì chẳng có thểo đất nào để người viết có

chỗ làm nơi chốn dung thân với những năm tháng xưa cũ *u ản chiêu lưu lạc, buồn viễn xứ khôn khuây*, thừa bạn đọc.

Thạch trúc gia trang
Tiết xuân, Giáp Ngọ 2014

Nguồn:

Cảm tác qua *Trần Quốc Vượng, tính trời nét đất* (Viên Linh), và *Mưa giăng vườn vải* (Tường Vũ Anh Thy). Và Phan Khoang, Nguyễn Thị Hậu, Phạm Trung Tùng, Nguyễn Huy Thiệp, Tô Hoài, Trần Nhuận Minh, Thái Văn Kiểm, Trần Viết Ngạc, Hồng Trung, Nguyễn Đức Hiệp, Phan Chính, Tạ Chí Đại Trường, Trần Gia Phụng, Tạ Đức, Toan Ánh, William Zinsser.

Chú thích:

- (1) Tên địa phương gọi là *sông Ranh* (chia...“ranh” giới).
- (2) Nguyên văn câu được chép lại trong bài *Phả ký* của Vũ Khâm Lân là “Hoành Sơn nhất đại, khả dĩ dung thân” (Một dải Hoành Sơn có thể dung thân được) chứ không phải là “Hoành Sơn nhất đại, vạn đại dung thân” (Một dải Hoành Sơn có thể dung thân muôn đời). Sự sai khác được lý giải là do các sử gia nhà Nguyễn sau này đã sửa đổi hai chữ “khả

dĩ” thành “vạn đại”, với hy vọng sẽ giữ được cơ nghiệp của triều đại nhà Nguyễn tới muôn đời.

(3) Châu Ri gọi là Châu Lý vì chữ Hán không có vần “R” nên đổi ra “L”. Đời Trần đổi hai Châu Ô (Quảng Trị), Châu Rí (Thừa Thiên) là *Thuận* Châu, *Hóa* Châu. Sau ghép hai chữ *Thuận* và *Hóa* thành một là *Thuận Hóa*. Vì vậy Thuận Hóa gồm Quảng Trị và Huế.

(4) Hồ Hán Thương đánh chiếm phủ Thăng Bình. Gia Long đổi tên Thăng Bình là Quảng Nam với “Quảng” là rộng rãi, “Nam” là nhà Nguyễn đã phát triển về phía nam.

(5) Nhà Lê chiếm Đồ Bàn thuộc Bình Định. Gia Long đổi Đồ Bàn thành Bình Định với nghĩa “bình định” được đất đai của hai miền Nam Bắc từ năm 1802.

(6) *Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên* ghi: Nguyễn Phúc Nguyên có 4 người con gái là: 1/ Ngọc Liên, lấy Nguyễn Phúc Vĩnh, con Mạc Cảnh Huông. 2/ Ngọc Vạn, khuyết truyện. 3/ Ngọc Khoa, khuyết truyện. 4/ Ngọc Đĩnh lấy Phó vương Nguyễn Cửu Kiều. Sau này theo Nguyễn Phúc tộc thế phả: Nguyễn Phúc Nguyên gả *Nguyễn Phúc Ngọc Vạn* cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II. Và gả *Nguyễn Phúc Ngọc Khoa* cho vua Chiêm Thành là Pôrômê.

Theo Li Tana sử gia Nhật thì Araki Sotaro, thương gia Nhật Bản là con rể Nguyễn Phúc Nguyên. Nhưng có lẽ nhà chúa đã gả con nuôi thì đúng hơn, vì theo *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, trong số tất cả 4

người con gái, không có ai được gả cho Araki Sotaro.

(7) Gio Linh và Quảng Bình hợp lại từ ba châu Ma Linh, Bồ Chính, Địa Lý. Ma Linh là Gio Linh phía bắc Quảng Trị. Bồ Chính phía bắc Quảng Bình, Địa Lý là Quảng Bình.

(8) Dòng tộc Nguyễn Hoàng xuất thân từ một gia đình danh giá ở Thanh Hóa. Ông tổ của Nguyễn Hoàng là Đinh quốc công Nguyễn Bặc, vị khai quốc công thần của nhà Đinh, từng giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân. Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn và *Việt sử xứ Đàng Trong* của Phan Khoang, tiên tổ của Nguyễn Hoàng là Nguyễn Công Duẩn, người Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn, Thanh Hóa.

&&&

Phụ đính: (*)

Thổ âm và tiếng nói từng vùng đất theo những cuộc di dân

Thanh Hoá:

Thời Lê quân Minh tàn phá Thăng Long. Sau Lê Chiêu Thống đốt phủ chúa Trịnh cháy ba ngày ba đêm mới tắt. Vì chiến tranh, hoả hoạn thêm lụt lội, từ nhà Hồ đến nhà Nguyễn có những cuộc di dân lớn vào Thanh Hoá làm nhiều đọt. Vì vậy hiếm có

vùng đất nào như Thanh Hoá sau đó phát lên được tới ba dòng vua, hai dòng chúa. Đó là vùng đất phát tích của nhà tiền Lê, hậu Lê, nhà Hồ và là đất tổ của hai họ Trịnh Nguyễn. Nếu Hà Nội là Đông Đô thì Thanh Hoá được gọi là Tây Đô. Thanh Hoá còn được gọi là Hạc Thành vì phải chăng hình thể tỉnh Thanh giống hình con chim hạc? Cũng vì vậy có thể nói Thanh Hoá là miền đất cực nam của miền Bắc hay là miền đất cực bắc của miền Trung để có giọng nói rất đặc thù Thanh Hoá như...hạc kêu.

Huế:

Hồ Hán Thương lập con đường thiên lý từ Thanh Hoá vào đến Thuận Hóa. Tiếp đến chúa Nguyễn Hoàng vào đây để có giọng Huế pha lẫn với tiếng Chăm với nhiều dấu nặng.

Quảng Nam:

Một phần chúa Nguyễn Phúc Chu di dân từ Huế mà đa số người Kẻ Chợ (Đông Đô) và đất Thanh (Tây Đô) vào Quảng Nam (Hội An có những ngôi nhà cổ kính hao hao giống phố Chả Cá, Hàng Vải Thâm, Hàng Bạc ở Hà Nội). Một phần vì ảnh hưởng của sông núi, Quảng Nam xưa vốn là linh địa của người Chăm (Amavati – Trà Kiệu là kinh đô của họ trước thế kỷ VIII). Thế nên đất này là đất địa linh nhân kiệt có nhiều nhân tài, khoa bảng, văn nhân thi sĩ để có giọng nói Quảng Nam với “Quảng Nam hay cãi”. Không biểu vì lý do gì, trong *Đại Nam nhất thống chí*, mục tỉnh Quảng Nam, tiêu mục “Phong thổ”,

các chúa Nguyễn cho rằng giọng Quảng Nam là giọng chuẩn trong nước. Trong khi đó, giọng Quảng Nam lớn, mạnh, sắc, có khi chói tai, có nhiều thổ âm, nói hơi khó nghe. Đã nói giọng khó nghe, người Quảng Nam hay nói thẳng đến độ cục mịch, mà người Quảng Nam gọi là “ăn cục nói hòn”. Còn về Quảng Nam hay cãi, cãi không dứt, cãi chi cãi mãi, cãi mãi cãi hoài. Có điều cãi với giọng cãi chói tai, nghe nhức đầu. Thế nhưng người Quảng Nam lâu ngày không nghe giọng Quảng Nam thì cũng nhớ, như lâu ngày không được ăn một tô mì Quảng đậm bạc theo lối nấu đơn sơ của quê mình với muôn vàn nỗi nhớ.

(Quảng Nam hay cãi - Trần Gia Phụng)

Quảng Ngãi, Bình Định:

Năm 1470, vua Lê Thánh Tông đánh chiếm Đồ Bàn. Sau thời kỳ Nam tiến này, cứ mỗi lần chinh phục được đất mới, triều đình đưa người từ ngoài Bắc vào mở mang. Vì vậy dân Quảng Ngãi, Bình Định, trong buổi đầu phần đông có nguồn gốc ở Bắc, hay ở bắc Trung phần. Nhiều nhân vật đã lập nên nghiệp lớn ở Bình Định vốn là gốc người đàng ngoài: Đào Duy Từ (gốc Thanh Hóa), Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ (gốc Nghệ An) v...v... Thời trước, từ Bắc vào đất mới quá xa. Dân Thanh Nghệ vào Tư Nghĩa (Quảng Ngãi), Hoài Nhơn (Bình Định) hoặc tuân theo chiếu vua kêu gọi, hoặc vì mang án lưu hình v.v... đã đi là đi luôn, đi để lập nghiệp ở các miền đất mới. Thậm chí đời nhà Hồ, di dân phải thích hai

chữ tên đất mình sắp đến (Quảng Ngãi, Bình Định) lên cánh tay.

Nha Trang, Đà Lạt:

Chúng ta đoán phỏng rằng có thể từ những cuộc di dân từ thời xa xưa. Hoặc từ khi Gia Long lên ngôi năm 1802 đến Bảo Đạo thoái vị năm 1945, trải 13 đời vua kéo dài 143 năm. Không ai hay biết khoảng thời gian nào, nhưng cũng có thể gần đây thôi.

1 – Người Việt di dân từng vùng đất như dân Cầu Vòng Yên thế vào Quảng Ngãi. Người Hà Đông vào Bình Định. Người Thanh Hoá vào Phan Thiết. Người Hải Dương vào Nha Trang.

(Người Việt Đất Việt – Toan Ánh)

2 – Tiếp đến là những di dân sau này từ Quảng Nam, Quảng Ngãi tới Trại Mát. Dân Nghệ An, Hà Tĩnh vào thung lũng ấp Đa Thiện. Vì thế có thể nói Đà Lạt là vùng đất cực nam của miền trung hoặc cực bắc của miền nam để có tiếng Đà Lạt pha trộn giữa những giọng nói của người Quảng Nam, Quảng Ngãi, Nghệ An, Hà Tĩnh.

(Đà Lạt xưa và nay - Trần Ngọc Toàn)

Chuồn chuồn ngô cắn rốn

Một ngày cuối tuần trời hom hom, đất đơ đơ, ông bắc ghế ngồi ngoài vườn với đầy đủ lễ bộ bao thuốc lá, tách cà phê và bình trà. Bất giác nhìn lên khoảng không, đất trời như trùng hẫng xuống, gió thổi mây xoắn tít. Gió như bước chân mùa thu khẽ tới, hoa lá cụm lại thủ thủ lời chia tay nỗi nhớ nhung. Ông đang xoắn xuyết những nỗi lao xao khó hiểu mà ông chả biết diễn nghĩa ra sao, mà chỉ biết đang bơi trong một ngày trống vắng. Vậy thôi. Vậy mà bất chợt bên kia hàng xóm, vang vọng trong khoảng không nháo nhác dòng nhạc *đời xin có nhau...dài cho mãi sau, nắng không bị sầu...áo xưa dù nhàu...cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau* thì...Thì cái điện thoại bánh mì tay cầm te te như dế kêu. Bên kia đầu dây tiếng bà bác nhà quê đặc đang cười khanh khách. Ấy là bà bác Bắc kỳ hai nút vừa mới từ Hải Dương theo con cháu vào Nam. Giọng bà ròn tan: “Cái Nụ hỏi mày còn nhớ con chuồn chuồn ngô cắn rốn không hở”. Đang thượt người ra vì qua dòng nhạc ông chả hiểu gì sất với...đến bạc đầu rồi mà vẫn gọi mãi tên nhau mà không...mỏi miệng à? Rõ

bịa! Nay cái đầu củ chuối ông lại mọc măng với cái tên...Nụ.

Nhưng qua lời bà bác khơi dậy một mảng ký ức của tuổi ấu thời còn rơi rớt lại trong ông. Ngay bây giờ chúng đang nhấp nhồm ời ời rủ nhau bò về cùng với con bé *mò cua bắt tép* ngày nào. Đã từ lâu mảng ký ức nằm tịt trong ký ức, nay đang ngộ nguậy như con rạm, con cáy. Nói cho ngay, ông đang mầy mò trở về nơi chốn cất giữ tuổi thơ...

Ông đang đong đưa cùng những ngày tháng qua mau với: “nó”. Gọ gạy thì còn ai trông khoai đất này...*nó* là chính là ông của những ngày còn bé tẹo, bé tẻo tèo tèo.

“...bu nó buôn đầu chợ bán cuối sông nên gửi nó cho bà bác. Thế nhưng nếu có hồi tưởng lại qua một, hai dấu ấn sâu đậm nhất ở quê ngoại, rõ ra vẫn là cái Nụ bé lùn chũn tằm mưa với nó ở cái sân gạch. Chuyện là cái Nụ đuổi nó, chạy tới bể nước mưa thì nó vồ ếch một cái bạch, trán u to bằng quả nhót để nhớ đời. Nếu trời không mưa rủ nhau tắm trường, hai đứa chạy chân trần đuổi bắt chuồn chuồn ngoài vườn...”.

Ngồi không, ông một mình về thăm ký ức với “chuồn chuồn có cánh thì bay, có thằng kẻ trộm bắt mầy đi tu”. Chả khó khăn mấy, chú bị ông rình rình nhón gọn cái đuôi. Nếu là chuồn chuồn ngô hay chuồn chuồn voi, ông nhét vào đít que nhang ngăn

cũn cho chúng đi...tu luôn. Như ông lúc này vậy, ngày nào cũng...tu hai ba chai.

“...bắt chọt bắt gặp chú chuồn chuồn kim chúm chim đồ chúm đầu trên cụm hoa mười giờ, chả khó khăn lắm, chú bị nó nhón gọn cái đuôi. Vậy mà đưa cho cái Nụ, cái Nụ lại ngưng nguẩy: “Chuồn chuồn...ớt...ớt...ơ”. Lát sau cả hai lẳng nhặng chạy về hiên nhà, bà bác trẻ đang phơi nắng bắt chấy rận. Bà mắng yêu: “Gớm hai đứa phải gió phải giăng này lại giận nhau rồi phỏng”. Đang vui vẻ vậy đấy, hốt nhiên bà nhồm đậy, cất tiếng như hát “Cha năm đời mười đời bố cụ nhà mày nhá, mày lấy thuởng mày đào, mày lấy dao mày cạo, mày bỏ thỏm vào nôi, mày đun sôi sùng sục, mày múc ra mâm, mày ăn ngấm ngấm, mày khen khoai nhà bà ngọt nhá”. Nhá nhem một hồi xong, bà đứng hai tay chống nạnh, mặt phùng phùng. Rồi cũng đột nhiên bà quên ngay chuyện trộm đào khoai vườn tối hôm qua. Rồi như mọi bữa, bà dắt hai đứa xuống chái bếp nướng khoai. Vừa ăn hai đứa vừa nháp nhồm nhóng mắt về phía cuối rặng duối. Gần là cái ao rau muống. Cạnh là nhà thầy bu cái Nụ. Xa hơn nữa là gò đất thấp tũn. Bà lại dặn hờ: “Cha bố hai đứa mày, bà cấm chỉ ra ao muống của bà ấy nhá...nhá”.

Ông thù người ra dầm chìm một mảng dĩ vãng quê ngoại thấp thoáng qua bụi tre, ruộng đồng, mảnh vườn, bờ ao, khói bếp ngoằn ngoèo trên mái rạ. Thế nhưng đậm đà nhất vẫn là củ khoai lang thơm điếc mũi, bắp ngô nướng ngai ngái mùi khói rom...

“...chén xong mấy củ khoai no kên bụng, cả hai ù té chạy lên gò mả làng để...ia đồng. Xong, cái Nụ lấy lá chùi đít, vớ ngay cái lá han có lông, lè lưỡi kêu ngựa. Còn nó ngồi lâu sợ muỗi cắn đít. Nó chỉ chực chạy về nhà, gác chân như chó đá giắt lên bờ bệ gạch đánh chịn, cọ đi cọ lại, ngựa ngựa, tê tê sượng khoái củ tí gì đâu chả biết nữa...”

Ông mòi điếu thuốc thở ra vì một ngày bị thầy cái Nụ bắt gặp, ông là láng giềng với bà bác. Ông có gương mặt đàn và tẻ với nghề phụ com rượu là cắt tiết lợn. Nhà nào có đám là ông quán khăn đầu riu, quần sắn móng lợn đi đến tối mịt vì cái khoản rượu.

“...một lần bắt ngờ thầy cái Nụ thấy hai đứa đang ngồi bó gối chòm hòm, chống tay như con gọng vó. Vừa châu đầu chăm chăm dòm nhau, vừa cong đít rặn bỏ hơi tai. Thầy cái Nụ cầm con dao bầu nhọn hoắt để cắt tiết lợn dứ dứ: “Tiên sư chúng mày, có về không thì bảo”. Thế là hai đứa vén quần chạy te tái...” .

Hai đứa chạy te tái về cái ao của bà bác ông để tập bơi. Ông có nhiều dấu ấn về cái ao này. Như vào những ngày cận Tết được dòm tận mắt thầy cái Nụ sắn tay áo ngả con sề nặng cả tạ ra “đụng thịt” với cắt tiền lợn. Đụng thịt hiệu là Tết nhất, chòm xóm láng giềng, mấy nhà gom nhau thừa con lợn chia chác cái thủ lợn, thịt nạc, thịt mỡ, bộ lòng, bốn cái móng lợn. Vừa lúc thầy cái Nụ và chú tá điền nhà bác ông khiêng con lợn về, tội nghiệp con lợn bị trói

bốn vó nằm ngửa trên mặt cầu ao, kêu vang trời đất. Thầy cái Nụ thọc con dao vào cổ một cái xoạt, huyết đỏ sẫm, phun từng bùm vào cái thùng nước muối đặt phía dưới. Theo hơi thở ngắt quãng của con lợn, thầy cái Nụ ngóay sâu vào cổ họng, tiếng ằng ặc và lịm dần cho tới bọng máu cuối cùng... Ông thấy mà phát khiếp.

Được thể ông vắt qua chuyện ao làng. Theo bà thì ao làng rộng và nước trong lắm, ban ngày dân làng kín nước về ăn, đêm hôm là nơi trai gái tình tự. Dân làng vớt cá ở sông mang về thả vào ao, cá li ti bằng đầu tăm, thế mà họ quên mất biết con nào là đực hay cái, cá chép hay cá mè, đòng đòng, cân cân thì chả nuôi. Cứ vào cuối năm là tát ao bằng gàu chia cá cho cả làng. Cận Tết, họ mổ lợn, mổ trâu bên bờ ao, lợn bị chọc tiết kêu í éc nghe rộn ràng như ngày hội làng. Chả năm nào thiếu vắng thầy cái Nụ với con dao bầu nhọn hoắt. Ít lâu sau nghe lóng thoáng Việt Minh về đến mấy làng dưới chân núi. Lính ở đồn Tây trên núi Đèo thổi kèn đồng tồ te tí te đổ xuống càn quét. Từ đấy thầy cái Nụ lúc ẩn lúc hiện như ma chơi. Cũng từ đó, đêm đêm ông làm quen với tiếng súng ì ùng ở xa, và xa hơn nữa là tiếng ì ục của súng “cà nông” ở đâu đó.

Ngồi gõ vào trí nhớ, ông tạm tịt tiếp với chuyện bơi chó.

“...vì thầy cái Nụ ít khi có nhà, hai đứa lân la ra ao nhà nhiều hơn. Khi không tư dung nó biết bơi, nhào xuống ao là bơi như rái cá, còn cái Nụ thì dật

nước. Thế là nó nhón con chuồn chuồn ngô, bắt cái Nụ cỡi cục bụng ra...Nhìn con chuồn chuồn hai con mắt lồi ra to gần bằng hạt đậu, hàm răng nhe ra như răng cái mã, mặt mũi cái Nụ xanh lè. Đến khi nó đè ngửa cái Nụ xuống, tụt quần, rồi dí con chuồn chuồn cho ngọam cái rôn, cái Nụ ré lên và la bải hải như cha chết mẹ chết. Chẳng hiểu có phải vì chuồn chuồn cắn rôn không, ít lâu sau cái Nụ biết bơi thật, lại lỏm ngỏm bơi chớ nữa mới tài, nó rửa óc nghĩ chẳng ra. Chỉ có gòi mới hiểu...”.

Qua trí nhớ mù sương của ông ngày đó ông và cái Nụ cứ dính chặt vào nhau như chuồn chuồn khi vui thì đậu khi buồn thì bay từ thưở nào. Được mấy nả, ông được cấp sách đến trường làng, học nát xương lòi tí cũng có ít chữ. Còn cái Nụ bị ở nhà nấu bếp thổi cơm, mò cua bắt tép. Ấy là chưa kể cái Nụ còn theo thầy nó đi cây đi cây thuê. Rõ ra ba đời úp mặt vào đất trâu còn nghiệp ngỗng nào nữa, không ngoài trông đất trâu làm thước ngắm, đi sớm về khuya...Hít thêm một hơi thuốc, cho đến lúc này, ông hiểu mang máng là bố con cái Nụ phải bán mặt cho đất, bám lưng cho trời, sống không nhúc nhắc như bố con cái Nụ có mà toi. Ông đề hồn vía đi hoang tiếp với một nhớ hai quên...

“...vào những ngày nghỉ, nó chộn rộn theo cái Nụ ra ao xúc cua, bắt tép. Cái Nụ ranh như ma, khế đưa chiếc rổ xảo xuống dưới đám rau muống, rung mạnh mớ rau muống rồi gạt chúng qua một bên. Đám cua cáy đang ẩn nấu trong đám lá, giật mình

roi xuống rỏ...Hoặc giả buổi sáng thấy trời âm âm, cái Nụ đầu hôm nói với nó: “Tao đoán oi thế này, chiều cũng giội giời”. Sao cái Nụ hóng giời mà biết, nó cũng chịu. Ngay sau đấy cái Nụ bỏ nháo đi rang cám, trộn thật nhuyễn với thính cho thật thơm cho vào ống bơ thiếc. Đến trưa, mang theo mấy chiếc vó làm bằng vải màn, khế đặt chiếc vó xuống, ném vào đó nhúm cám, đặt hết năm, sáu cái vó để đó, lát sau quay lại ngồi như ếch ộp để đợi cất vó. Nó phụ nhặt sạch bèo, rơm rác lẫn với tôm tép lên. Lớng ngớ thế chớ nào đập bố nó vào cái vó bị cái Nụ mắng như tát nước: Mày rõ đờang...”

Đốt thêm điều thuộc, phảng phất trong trí nhớ như sương khói bây giờ của ông là chuyện khác...Chả là ngày ấy cái Nụ răng ngô nếp, da bánh mật, thân tròn lẳn như con cá trắm, “đẹp nước đáí chan canh”. Mấy bà kháo nhau vậy, vì đáí để thì cái lúc còn bé, ông vẫn vênh đáí đáí vào bát cho mấy bà uống để tránh hậu sản, nước đáí vàng, bọt nổi như bong bóng mưa rào. Mấy bà chan canh đồ mẽ là uống như nước chè tươi ấy thôi.

Cùng lớn lên theo cái Nụ, nào ông có phải thẳng sứt môi lòi rốn gì cho cam, chân cẳng dài như cây sào, học hành cũng ra trò. Vậy mà ông bị cái Nụ nỏ mồm chê: “Mày rõ tồ. Đứa nào cám hấp mới lấy phải mày”. Khi ấy, ông hiểu “tồ” là đáí tồ tồ vào...bát ăn cơm. Còn chuyện...“lấy nhau”, sau ông nghe lóm được chuyện bà bác hỏi lờm u cái Nụ bên hiên hè, giọng bà bác trẻ ròn tan như cà pháo chấm

mắm tôm: “Ừ nhẩy....Con bé nhà bà trông hay đáo để, tôi đặt cọc đấy nhá”. U cái Nụ táo tợn: “Ói dào, cái con ranh con nhà tôi ý à. Trông vậy, chả bấu gì sất. Cháu bà vớ được có mà ăn cá””. Rồi hai bà cười khục khục với nhau. Được thể ông lụi đụi với chuyện...“chúng mình hai đứa”...

“...theo thời gian hai đứa lớn phồng phao quá đỗi, cuối năm nó ngu ngơ ra bờ ao xem cái Nụ giặt chiếu để ăn Tết. Bỗng Cái Nụ dòm thấy có hai anh chị chuồn chuồn đang “bấu” nhau rồi sai nó: “Mày có giỏi bắt cho tao đi”. Nó nhắm chừng cành sung nhô ra ngoài mặt nước, đang loay hoay không biết cách nào để leo lên. Vì thân cây sung quả xanh non dày như rận bám dái trâu. Vừa lúc ở đầu cầu ao, cái Nụ chống mõng ngòi lúi húi như cóc nhẩy. Mới dợm đứng lên để đập cái chiếu thì dẫm phải cựa cóc da sần sùi. Cái Nụ hét lên một tiếng và ngã xuống ao nghe cái “tôm” như...sung rụng. Như ech vô hoa mướp, nó cắm đầu ào xuống để đú đờn như cái ngày...chuồn chuồn ngô cắn rốn trước kia. Rồi thì hai đứa ướt như chuột lột, và nó thấy còm cộm trong áo đầm nước dính da phồng lên hai quả ối như chọc vào mắt nó. Nó đang lòi tới mắt ra nom dòm thì cái Nụ quay đi, buông thõng một câu chẳng đâu và đâu: “Thăng nỡm”.

Lờ mờ như khói, lãng đãng như sương, ông thả hồn theo mây khói...

Sau đấy cả hai lớp ngóp leo lên bờ, đuổi nhau bên ven ao và chạy như giặc. Trời sui đất khiến thế

nào chả biết nữa, cả hai ngã đè lên nhau, lăn qua lăn lại, đến độ cúc áo cái Nụ tuột ra. Lần đầu tiên trong đời, ông mới thấy hai...”cục thịt” trắng như cùi bưởi, lại cứng như mo nang. Lúc ấy ông mới xón xang thế nào là nhẽ nhại, là nhẫy nhụa. Mãi sau này ông mới học được chữ nghĩa ướt át ấy khi ông lấy vợ...

“...hai đũa hồn nhiên đè lên nhau sát khít khìn khịt, cái Nụ giãy lên như đĩa phải vôi, vằn nhau một hồi, người ngợm cái Nụ nhếch nhác, tong tả, cười rúc rích như chuột đứ đờn nhau trong cốt lúa. Vừa lúc nó ôm eo ếch cái Nụ kéo xuống nước để đìm...cho sặc gạch. Số ruồi, thầy cái Nụ đầu đội nón cối, bụng dắt khẩu súng lục cán gỗ từ trên núi vác xác về đến. Ông mồm há hốc như cá ngộp nắng, mắt như mắt lợn luộc dòm da thịt cái Nụ nhẽ nhại trắng như ếch lột. Chẳng nói chẳng rằng, ông ấy giằng cái Nụ ra, kéo thốc về. U cái Nụ ở ngoài chợ, chiều về sang nhà bà bác và bẵm bở: “Thằng quý ranh láo cóc nhà bà nứt mắt mà đã gớm”. Ít lâu sau nó được tổng tiến xuống cảng Phòng. Năm 54, nó đeo tàu há mồm vào Nam và biệt tăm biệt tích với cái Nụ từ dạo ấy...”

Âm vọng từ sáng đến giờ vẫn còn tịt tịt trong ông qua giọng bà bác: “Mày còn nhớ dạo ấy...”. Tiếp đến, làm như bà là nhà “ngoại cảm” đi đào xói mồ mả người ta, bà lần dẫn chuyện năm xưa năm xưa: “Mấy tháng sau bu nó bắt gắp nó nhai rau rầu

sung non ngoài bờ ao. Lẽ nào?. Bu nó tụt quần nó ngang rốn. Cái rốn sung lên như quả sung già. Bu nó há miệng ngó sững...”. Khi không bà bác ông chửi cái Nụ té tát: “Mẹ cha con chết tiệt này, đúng là gái một con trông mòn con mắt. Ấy vậy mà cái thứ lúa ngắn ngày ấy, số khổ như chó”. Sau đó bà cảm như thóc ngậm, gặng hỏi, bà khong khảy: “Nhào! Đạo đó mày còn bé nên không biết đây thôi, bố nó mất sớm nên sống với bố ghẻ. Gặp ông bố ghẻ bỏ nhà đi miết theo kháng chiến mới đổ nợ”. Đang đên trần ai khoai củ này, bỗng bà bác giống già: “Mày có ăn mắm cáy với thịt lợn luộc không thì bảo”. Rồi bà óc ách: “Mày về bảo nó làm cho mà đớp”. Tiếp đến bà cách rách: “Nhất chặt tre nhì ve gái, nói dối phải tội, tao ngỡ hời đó mày... làm nó trưng phèn... lên ấy chứ”. Rồi bà nao nuốt: “Nói đại chứ, đạo này người ngợm nó cứ nhẩy ra”. Lúc ấy, ông nghe không ra vì đang lóng chóng là bằng cái tuổi ấy, làm gì có chuyện “ấy” nhau. Hít một hơi thuốc thật dài, làm như cóc say thuốc thuốc lao..Ông ngầy ngật và liêu xiêu *dám gió đưa cành trúc sau hè, dờn chơi chút xiu ai dè có con* lằm ạ. Ai biết đó là đâu.

Ông nhìn qua hàng rào bên kia. Bà hàng xóm đang đi vào với bộ quần áo hoa cà, bóng bà qua nắng hanh, như ần như hiện. Ân hiện dẽm trên đầu ngón tay, cái Nụ thưở nào giờ này cũng ngang ngang tuổi bà hàng xóm kia thì phải. Ông như rúc vào mây, nôn nả với những dĩ vãng xa quệt vào nhau. Ông thấy bầu trời nhá nhem, thoát dỗi thành màu hoa

mướp, hoa cà mênh mang, rười rượi, trể tràng. Ông quay quắt nỗi nhớ nhà trong khói thuốc với bát tép rang khế với chiếc nôi đất còn vương tàn rom cùng một hình bóng với nước chảy qua cầu...Đang lạc hoa lưu thủy đến đây, đằng góc vườn có tiếng ếch nhái ì ộp gọi tình. Trong hoang vắng, ông đàm hoa lạc khứ đến người xưa *tao đoán oi thế này, chiều cũng giột giời*. Thế là bụng dạ ông lèo héo như bầu đứt dây, thôi thì hãy cùng quẳng vào nhà cái đã...Bởi nhẽ nhè cái tuổi ngày trời tháng bụi, khi trưa phơi sách, khi chiều tưới cây này đây, ông không biết làm gì hơn là...làm biếng.

Lững thững bước vào phòng khách, ghé kệ đồ cổ. Ông bâng quơ cầm con chuồn chuồn bằng thiếc mạ đồng xanh đã cũ sì, cũ mốc mà ông thừa nó ngày mới chân ướt chân ráo qua đây. Để rồi trong chuyến về thăm quê nhà vào dịp Tết này, trong đám hành lý của ông có con chuồn chuồn ngô làm quà cho cái Nụ ngày xưa cùng một thoáng đi về...Ông về vào dịp Tết không như người Việt xa xứ về với gia đình mà vì...

Vì ếch nhái ì ộp gọi tình thì thế nào cũng có...mưa.

Xe qua Hải Dương, leo lên núi Đèo, nhìn lên đỉnh núi, dấu tích bức tường đá ong đồn lính Tây ngày nào vẫn còn đấy. Ngay cả chiếc thập tự giá màu trắng đúc bằng bê tông cao cả chực thước.

Nhưng nay già rồi với trí nhớ kém cỏi, ông không hình dung được đồn lính Tây ngày ấy ra sao. Qua mớ ký ức lấp lửng chỗ còn chỗ mất, ông đoán chừng xe đồ đạc quẹo phải sẽ gặp lại con sông và cái cầu Cống ngày nào. Cùng ký ức lờ mờ như khói, lãng đãng như sương quẹo trái ở ngã ba gốc cây gạo, dọc theo con đường mòn là về đến làng Trạo Hà quê ngoại ông. Xe vừa xuống dưới chân núi ông đã nhìn thấy cây gạo bên sông, cây gạo cổ thụ vẫn còn đó. Nhắm vào cái tuổi lãng đãng hoàng hôn, ông như cây gạo già lão đang lặng ngắm những cuộc đời...

Ngay ngã ba có một quán nước, ông nói với bác tài ghé đây để hỏi thăm nhà...người xưa. Xuống xe, trước khi bước vào quán bên sông. Ông đứng ngẩn ngơ với con sông bên đục bên trong, bên bồi bên lở. Sông rộng quá, sông chảy từ thưở khai thiên lập địa, nước vẫn miên man trôi, tiếp tục trôi đi chuyên chở bao nhiêu số phận của con người. Ông đứng đấy nhìn xuống dòng sông dọ dẫm tìm kiếm...một người. Trong hoang vắng, chỉ còn lại chơ vơ cây gạo hoa đỏ bên sông. Chợt ông bồi hồi đến câu thơ của ai đó *tương tư hoa gạo quê nhà, tự dưng áo đỏ làm ta giật mình.*

Vào quán, ông..."giật mình" bắt gặp một bà "béo như bò nậy" đứng bên cạnh cô gái ở cái tuổi lơ lơ ngơ dờn ngon com ra phết. Cô cầm cái điện thoại tối tân,...tối dạ hơn cái bánh mì tay cầm của ông

nhieu và đang chí cha chí chất...”chát” với ai đó. Ông vừa mở mồm nghe răng hỏi bà béo nậy mà ông nghĩ là chủ quán đường tới nhà ...bà Nụ.

Thế là ông tối tăm mắt mũi lại với bà béo: “Ồi giờ oi thằng phò đây à! Làng nước oi, cháu bà cả Sút về đây này”. Rồi bà béo như bò như bò sút cặp tiếp: “Tiên sư cha mày! Biệt tăm biệt tích đến giờ, tao tưởng mày chết dí ở bên Tây rồi chứ”. Sau những tiếng reo như xé lụa vào trưa hè, bà vồn vã hỏi han như tát nước vào mặt: “Hà, hà, thằng phò dạo này già giặn gớm rồi đấy nhá?”. Tiếp, bà đi một tràng dài: “Con vợ mày chết rồi hở? Phò mày bây giờ ra sao? Làm ăn ở bên ấy có căng không phò?”. Mặt ông nhăn queo lại vì chả hiểu “phò” là nết tẻ gì sất. Nhòm ông làm như hiểu ra, cô con gái chõ mồm vào: “Mẹ cháu ai cũng phò, tao phò, mày phò, nó phò”. Thế là bà đốp cô con: “Mả mẹ con phò hóng chuyện. Tao đưa thằng phò này về viếng thằng bố mày đây”.

Ông nghe như đâm vào tai vì bà ăn nói lạ, sao không “thăm” mà lại...“viếng!”.

Chợt bà thân mật đập đập vào vai ông, giọng gần gũi: “Thế mày có...hóc không?”. Ông lật bật thấy rõ vì cứ ngỡ “hóc” là...”ăn”. Mà hóc gì cơ chứ, dòm quanh Tết với nhất chả thấy bánh chưng hay nồi bún ốc, bún riêu đâu cả. Cô con gái như hiểu “liên hệ” giữa ông Việt kiều và bà mẹ nên vun chuyện: “Mẹ cháu hỏi ông đi đường có...hóc hác không?”. Lúc này ông mới dòm kỹ, cô mặc quần bò, áo ngắn cũn hở cả rốn. Trong cái đầu đất ông được

thể đào xới đến cái rốn ngày xưa của...cái Nụ bị chuồn chuồn cắn la bãi hải. “Đột biến” bà la lối: “Tao về trước với thằng phò này. Liệu hồn mà về sớm lo cơm nước....”. Ha! Thế là ông sắp được ăn mắm cáy với thịt lợn luộc, thế nhưng ông trộm nghĩ cái nhà cô con quần bò, áo hở rốn thì biết quái gì mắm cáy.

Bà ọc ạch dẫn ông qua bên kia hương lộ để về làng...Đang tính hỏi chuyện mắm cáy, bà quay sang ông tâm sự những nỗi niềm khôn nguôi...

Ở cái đất này tao cứ thô mà quắt, có đéo gì mà phải giữ kẽ, họ hàng hang hốc cho tới hàng xóm láng tòi, già trẻ, trên dưới, tao cứ gọi bằng phò hết.

Lạ thung lạ thổ, ông quay quắt nhìn quanh để tìm lại cảnh cũ. Trong ngõ nhỏ thâm u của ký ức, qua đồng chiều cuống rạ, vào con đường làng...Ông cứ lúi cúi đi. Làng phình ra, đồng co lại. Làng cũ của ông đây sao? Không có cổng tre làng, cũng chẳng còn cây đa rợp bóng, chõng nước chè xanh với ang đựng bánh dày, bánh gai, vài quả bưởi, dăm nải chuối. Giờ lạc lõng là quán bia hơi như bên hương lộ vừa rồi của mẹ con bà Nụ. Quán bia hơi với thịt lợn rừng, nai, hoẵng, chồn, cheo và...“chấn bốn cho”.

Lúc này cái đầu chày giảnh của ông đang chao đảo với cô con gái bà Nụ, cô có dáng dấp quen quen giống “ai” đấy ông nặn óc nghĩ không ra. Mà lại bật ra câu nói của bà bác: “tao ngỡ hồi đó mày...làm nó trương phênh...lên ấy chứ”. Vì hồn ma nát thần tính,

lúc ấy ông liêu xiêu nghiêng ngả *gió đưa cành trúc sau hè, dõn chơi chút xiêu ai dè có con* với đám lấm ạp. Nhưng bây giờ ông dòm cô chả giống...ông tí nào nên chuyện *tình trong như đã mặt ngoài còn lâu, vừa quen nhau đã ôm nhau làm bừa* là láo toét, mà “lầm” như thế nào bố bảo ông cũng chả biết nữa là...Là khi rày ông thoát được cái nợ đời *yêu em mấy núi cũng trèo, đến khi em có...chừa, mấy đèo anh cũng dồng...*

“Lạc đường nắm đuôi chó, lạc ngõ nắm đuôi trâu”, ông theo bà về lại con đường mòn xưa cũ mà bà bác vẫn dẫn ông đi lễ nhà thờ. Mùa đông mưa phùn gió bắc, ông nắm tay bà bác men theo bờ ruộng mà đi, vừa đi vừa ngủ gật, nên hụt chân ngã lạch bạch. Lật phật trong trí nhớ mưa phùn mờ nhân ảo của ông là tiếng chuông của ông bố nhà xứ, ông bố mà từ tấm bé ông chưa hề thấy mặt mà chỉ nghe tên. Cứ tầm tầm sáng bố kéo chuông báo hiệu bản đạo đi lễ.. Ấy vậy mà đánh vật với quả chuông chưa bao giờ bố sai giờ, đã bao nhiêu năm tháng như vậy. Như trưa bố kéo hồi chuông nguyện. Tối bố kéo hồi chuông tắt lửa đọc kinh trước khi đi ngủ. Ông ngán ngấm nhất hồi chuông...”tắt đèn” này, vì phải ngồi xếp bằng dưới chiếu và lại dúi mắt ngủ gà ngủ gật nữa. Thế nhưng ám ảnh ông nhất là hồi chuông báo tử, tiếng chuông cứ vang vọng điểm một hồi dài với ba tiếng một. Rồi bỏ lửng. Buông rơi. Từng tiếng. Từng tiếng một. Tiếng “boong” dài ra. Rồi buông rơi rớt xuống. Rồi bỏ lửng rớt xuống tan loãng để rồi

mất hút. Tan lũng như tiếng sáo diều bãng lảng trong một ngày tàn.

Đang phiêu lãng để quên mình lãng du đến đây, bà kéo ông về chuyện đời chứ không phải chuyện đạo: “Mày đúng là thằng phò, chuyện đáng hỏi thì đéo hỏi”.

Thế là bà kể chuyện “đời xin có nhau”...

Mày còn nhớ cái hôm ở bờ ao không, về nhà tao bị quất một trận toi bời hoa lá. Ông thấy tội nghiệp gì đâu! Chắc bà bị “ông nón cối” lấy “khẩu súng lục cán gỗ” quai đau lắm thì phải? Trong cái đầu đầu phụ ông sưng nước với...”hai đũa hồn nhiên đè lên nhau sát khít khìn khịt, cái Nụ giãy lên như đĩa phải vôi, vằn nhau một hồi, người ngợm cái Nụ nhếch nhác, tong tả...”. Bà tiếp tục nhớn nha đưa ông về ngày tháng cũ, về cái ngày bà ngồi chống mõng trên cầu ao giặt chiếu để ăn Tết. Ông không biết làm gì hơn là bối rối nhìn trời nhìn đất và lan man đến cái ngày hoang dại ấy, và hoang tưởng đến *trên trời mây trắng như bông, ở giữa cánh đồng...mông trắng như mây*.

Vừa đi, bà vừa kể chuyện “đời xin có nhau... dài cho mãi sau”...

Còn chuyện mày không hỏi nữa về lão phò già nhà tao. Lão phò này nhiều chuyện thôi lắm mày ạ. Vì lão là thương binh gộc từ thời chống Pháp chống Mỹ, hồi lão ấy là phục viên, chân tươi chân héo với ba cọc tem phiếu ít ỏi chẳng bỏ nhét răng Tao phải bương bả đi khuya về sớm như thòu bon. Trong khi

lão ngày cứ nhìn ba cái huân chương mà no phởng. Thấy cảnh nhà túng quẩn, tao mang cái của nợ dưng sĩ hạng nhất bằng vàng ra chợ bán.

Bà cười tôm một cái...

Bữa ấy tao mới sáng mắt ra, thì ra tằm huân chương ấy mạ nhũ vàng, không bỏ nhét răng. Đám phe phẩy ngoài chợ bảo tao mang về treo chuông gà cho cáo nó sợ.

Làm như bà đợi dịp này lâu lắm rồi thì phải, nên bà phe phẩy tiếp: “Ồ bên đây, mày có nghe câu về này không?”. Rồi bà đọc vanh vách như đọc “bài nói”...

Tiền là tiên là Phật, là sức bật của lò xo, là thước đo của lòng người, là nụ cười của tuổi trẻ, là sức khỏe của bà già, là cha của hy vọng, là ô lọng của quan chức, là cán cân của công lý. Ôi tiền hết ý. Hoi một tí cũng tiền.

Nghe cũng hay hay, ông hỏi:

- Đòi bà cũng “linh tinh” nhỉ.

Bà cười tóet:

- Linh tinh mẹ gì, cái năm ấy tao đã có mối tình đầu, mày biết là ai không?.

Không đợi ông trả lời, bỗng bà đổi sang...”khâu” khác...

Chuyện lão phò già nhà tao thối inh là hồi ấy tao ngực mông tao...hoi bị hoành tráng như mày biết đấy. Ủa! Mà tao hơn tuổi mày phởng? Tao quên mẹ nó mất! Nói mày đéo tin thì kệ mày. Chuyện là tao bị lão phò già đê ngựa ra...cuối ngựa xem hoa.

Mẹ nó chứ, chỉ một lần duy nhất trong đời, chín tháng mười ngày tao phọt ra cái con phò gái người ngợm gầy như con cá mắm mà mày gặp hồi nãy ấy.

Tiếp, bà cùm nụm:

- Ấy đấy, cái con phò gái nhà tao lớn tởm chẳng ra đây vẫn chưa có thằng mả mẹ nào ra hôn để góp gạo thổi cơm chung.

Bà quay sang ông:

- Ở bên mày, có thằng phò nào sạch sẽ mày mới mai cho nó một quả. Tiêu chuẩn tao phải kiêu trước là đừng có...phò phạch.

Ông lại được phen ớ ra, bèn hỏi:

- Phò phạch là sao?.

Thế là bà “láo nhào như chào mào ăm dom”:

- Thằng phò chết tiệt mày đéo biết mẹ gì cả. Là: cơm nhà quà vợ.

Và bà cười tít:

- Là cơm nhà, ra đường lại khộp...phở tiệp chứ sao.

Đắm vào tai ông hai chữ “khộp phở”...Ông lại nhớ đến câu bà bác hỏi: “Mày có ăn mắm cáy với thịt lợn luộc không thì bảo...”. Thế là được thể ông đồng bái quê mùa về những bữa cơm quê đậm bạc với bát canh cua đồng hay rau muống luộc chấm mắm cáy để chả thể quên chuyện đi bắt cáy. Cái giống giuộc này thường sống trong các ruộng cói hay bãi cỏ hoang. Giống cáy rất nhát, các cụ ta xưa nói cấm chả sai bao giờ với “nhát như cáy ngày” ấy

mà. Cây mu mầu nâu và hai cái càng đỏ chót như hai quả ớt chín. Ông lấy cành tre, cột giầy, đầu buộc mỗi là cái kèn tầm hay con sâu khoai nước. Thấy con cáy thập thò ngoài cửa hang là nhử nhử, cáy ham mỗi dơ càng kẹp là không muốn nhả, nhưng chả được bao nhiêu. Vì thấy động là chúng chen chúc nhau chạy cho xa. Chú lực điền bắt cáy biết vậy nên chỉ cần đào một cái hố to bằng cái rổ nhưng sâu sâu xuống để đón chúng và bắt được cả giỏ. Về bà bác giã ra, trộn muối, bột giã, thính và riêng, rồi hạ thổ lấy khí âm, khí dương, ít tuần sau có món mắm cáy thơm inh.

Đề rồi câu nói của bà bác lại bám cứng với ông: “Mày về bảo nó làm cho mà đớp”.

Liếc sang bên cạnh nhìn trộm bà chả “đẹp nước đái chan canh” cho mấy, ông ngẫm nguội “có ghê chẳng phải né ruồi” nên có “đớp” là ngon cơm rồi. Ăn ngay nói thật, đến trần ai khoai củ này, câu thành ngữ hôm nay của người trong nước lại đeo đuổi ám quẻ ông *giữa đường nhật cánh hoa rơi, lượm lên phui phui: cũ người mới ta*. Ông giương mắt dòm cái áo bà Nụ, ắt hẳn vì cái tên nụ nên áo bà nở hoa tui bụi, màu này chửi bố màu kia. Cái áo đầy đưa dòng nhạc ở vườn nhà về lại với ông *đòi xin có nhau...dài cho mãi sau, nắng không bị sâu...áo xưa dù nhàu*. Đến đây, ông muốn “bá ngọ” lão làm nhạc họ Trịnh, và ông muốn nuốt trọn “áo xưa dù nhàu”, “đòi xin có nhau” vào bụng để quên đi ...sự đòi như chiếc lá đa, đen như mồm chó chém cha sự đòi này đây. Dòm cái áo ngập

ngựa hoa hòe, hoa sói, ông quang gánh về lại với câu thơ hương đồng cỏ nội *như hôm em đi lễ chùa, cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh..*

...

Vào đến làng, ông như con cá men từng bước trên lối đi. Nhà cửa san sát, không có chút bóng xanh của hàng duối hay hàng rào dâm bụt. Cũng những con đường làng khúc khuỷu này, nghe kể lại, ngày mới dựng làng lập đình xưa kia lầy lội ngập móng chân trâu, đầy lá tre khô. Sau được lát bằng gạch vồ nghiêng được ken sát đều tăm tắp. Ấy là tiền nộp cheo mỗi trăm viên cho làng vào buổi nên vợ nên chồng của những lúa đôi mới lấy nhau. Đồi này qua đồi khác, năm này qua năm nọ, những đoạn đường lát gạch cứ dài thêm mãi, nối tiếp cho dòng giống sinh tồn. Nay được trải bê tông thô kệch, đã đè lấp, xóa tan quá khứ mơ hồ dòng họ của những thằng Đực, cái Mặn. Hay tổ tiên của những anh nhiều, anh khóa võng lọng vinh quy bái tổ qua con đường sống trâu thuở xưa ấy, những người muôn năm cũ đã đi vào một thời vắng bóng.

Ở một con ngõ hẹp quanh co còn lại kia, là những bức tường bệch bạc từ nhiều chục năm qua. Chẳng hề sơn phết lại, lớp vôi khô queo như muốn bỏ ra từng lớp gạch đỏ, gột hết cát bụi như đưa ông về thuở ban sơ. Chính những hoang tàn nhỏ nhoi ấy là sợi dây liên hệ mỏng manh với thời gian xa cách. Đứng trên thềm đất này, rơi rớt lại những hàng dậu sơ sài, bao quanh là bờ cây duối còi cọc. Những mái nhà xưa cũ lợp rạ xác xơ, vách bùn tàn tạ, u buồn,

dường như vẫn nằm mơ ngủ cả trăm năm... Qua ao làng thuở nào, ao bị coi nói lẫn làm nhà hết hai phần ba, nay là ao tù nước xanh rêu nhớp nhúa, đám bèo Nhật Bản cũng xác xơ. Cái cầu ao hai nhịp bằng gỗ soan chẳng còn nữa. Bất giác ông lụng bụng “giã ơn cái cọc cầu ao, nửa đêm gà gáy có tao có mày”, nhưng ông chợt dạ vì “có tình thì rình trong bụi, vô tình lúi cúi mà đi”. Lúi cúi đi thêm một nhát nữa, trong một thoáng đi về, trong cái im ả, im ắng, ông nghe được mùi ỉnh ỉnh thum thum nước đọng ao tù, ông để hồn lang thang tìm dấu ấn qua những con chuồn chuồn của cái thuở ấu thời, cái thời “chuồn chuồn bay thấp thời mưa, bay cao thời nắng, bay vừa thời râm” đã đi vào hoang vắng. Trong hoang lạnh, ông thò tay....

Thò tay vào túi xách, ông mân mê con chuồn chuồn bằng thiếc mạ rỉ đồng...

Rẽ qua một khúc quặt, những căn nhà “đúc” nào khác gì mấy hộp “các-tông” nằm chồng lên nhau, cái cao, cái thấp, mái chầy có cột “ăng ten” như đài “ra đa”. Dòm mấy cái sà lúp, sù chiêng trên mái bằng, “làm trai cứ nước hai mà nói”, ông nói gì mà sà lúp, sù chiêng phát phơ như cò đuôi nheo hội làng ấy. Đang giang giang chuyện, bà lơn ton hỏi gia đạo ông. Bà hỏi như “chửi người vắng như mắng người chết”...

Chuyện đéo gì chả là chuyện, tao nghe hơi nôi chỗ chuyện vợ mày téch lên bàn thờ nấp sau quả trứng ngậm con gà khoả thân để mày ăn mặn năm

chay. Com no ẩm cật cũng giậm giật như nhau cả, tao biết mày kỳ tình ngủ thể đéo nào được? Bên mày nhà vách bột. Nghe hàng xóm chúng nó vừa vạt nhau thở phì phò, vừa hùynh hụcch thịch nhau. Ở bên kia, có mà bố cái lũng lảng của mày cũng phải tỉnh giấc ngo ngoe....

Với chuyện ăn mặn năm chay, bà bắt qua chuyện thuyền sấp ra cửa biển của bà...

Thằng bóí mù ngoài chợ dậy tao, tao phải sống cảnh sinh ly tử biệt mới nên người. Phải đi xa, phải lấy chồng xa mới nên nghiệp ngã. Mà biết lấy ai, gặp thứ phò phạch nữa thì tao thà đốt ba ông đầu rau sấy cái bướm cho khô còn sướng hơn. Mà bên mày có lạnh lắm không?

Hơ! Nghe lạ! Vì đang trên đường về nhà thăm ông chồng bà, nay bà lại vấn hai dài một với “sinh ly tử biệt”. Bỗng dung không đâu hồn ma bóng quế Nguyễn Bính là người tình của T.T.Kh hiện về xúi bầy ông *nếu biết rằng em đã lấy chồng, xây đền lập miếu cúng hồn vong, nguyện cầu thập phương tam thế cõi, van vái cho em sớm...góa chồng*. Trong một thoáng mây bay, dòm bà thao thiết, ông ngâm ngùi cùng Huy Cận *hồn em đã chín mấy mùa thương đau, cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi* là đủ rồi. Với chuyện thầy bóí mù sờ voi bà “phải lấy chồng xa mới nên nghiệp ngã” thì cùng nỗi niềm khôn tả của riêng ông thì *tình chỉ đẹp khi tình dang dở, cười nhau về tắt thở càng nhanh...* Thế nên ông buông

xuôi cho bà yên phận lạnh chả lạnh lắm chỉ teo “bu di” mãi đời thôi.

Nhưng bà không chịu hiểu cho nên câu và “mỏ” lại ngay, mỏ đến bét con mắt:

- Dễ thường mày cứ nằm chày mãi chắt? Mà thôi tao đeo thềm trò chuyện với mày nữa, mà chả trò chuyện thì mồm nó mốc mày ơi. Thằng phò này chẳng hiểu mẹ gì cả, chuyện với mày tức... “lò” anh ách, khê cả bướm tao!

Đi qua ao rau muống nhà bà bác, ông “gà cỏ trở mỏ về rừng” hết quay quả với cái ao có cái cầu gỗ mà cái Nụ chổng mông ngồi lúi húi như cóc nhảy... đến cây sung quả xanh non đầy như rận bám dái trâu. Ông lại tối như đêm, đầy như đất với rau muống luộc chấm mắm cáy với ao nhà, với “con cò đậu cọc cầu ao, ăn sung sung chát ăn đào đào chua, ngày ngày ra đứng cổng chùa, trông về Hà Nội thấy vua đúc tiền”. Sung chát bỏ vào mồm mà nhai thì cứ ròn gau gấu nên ông lang thang như thành hoàng làng khó với rau muống đỏ bị chê cứng và chát. Thế nên làng ông hầu như nhà nào cũng cấy một bạt rau muống trắng. Giống rau muống ưa nhất là khoản “tro dái”, nhà nào nhà nấy cũng có một thúng tro bếp để đi tiểu tiện vào. Đến khi thúng tro bếp thấm dầm nước giải thì đem ra bón cho rau muống. Chỉ vài hôm sau bạt rau muống sẽ xanh rờn. Nếu gặp một trận mưa rào ngọn sẽ kéo ra tua tua lá non. Thứ rau muống này mà hái về luộc chín tới rồi

chấm với mắm cáy là ba bát cơm đi bay, no kỉnh no kỉnh.

Với trí nhớ hẻo của ông đến ao rau muống, ngay cạnh con đường mòn lên gò mả đồng. Dòm lên gò cao, mả đồng không còn nữa, bất chợt ông nhớ đến câu nói của bà bác “chín đụn mười trâu, chết cũng hai tay cắp đít”. Tay cắp đít đi bên cạnh bà Nụ, ông nhớ rõ môn một từ vườn nhà bà bác đuôi chú chuồn chuồn kim chạy ù một cái là tới nhà...cái Nụ ngày nào nay đã là bà, may mà chưa...goá chồng.

Tới nhà bà Nụ, bà đi vào, bỏ lưng ông ở ngoài một hồi lâu. Rồi bà gọi ơ ời:

- Vào đây viếng thẳng chồng phò già của tao.

Ông thở hắt ra bà này rõ đoảng, chả có kiêng có lành gì sất vì “viếng” là viếng người...chết. Lăn mò lên nhà ngang, va vào mặt ông là cụ nào ấy sống cũng như chết. Cụ nằm co ro, lưng uốn cong như con tôm càng, mặt ngóanh vào bức vách. Bà Nụ cầm cái gậy chống trời của cụ khua khua cụ dậy như thể để chào khách. Ông khẽ khọt chào:

- Cụ ạ.

Cụ như dóng tai lên nghe ngóng âm vọng của thời gian đà mất. Tưởng rằng đã tan loãng vào khoảng không lâu lắm rồi. Tưởng như không bao giờ gặp lại. Bỏ lưng. Buông rơi. Ấy là tiếng chuông báo tử của ông bõ nhà xú.

Cụ nặng nhọc trở mình ra ngoài. Hơ! ông ớ ra với câu của bà bác “khôn ngoan quý quyết chết lao, chết tù, lủ khủ lủ khủ chết già, chết rồi cũng về với nước Chúa”...

Lạy Chúa tôi...Thằng phò già chồng bà là...
Là...ông hơan lợn, bô ghê của cái Nụ!

Về đến nhà, trong một ngày nắng khơi khơi, mây khan khan. Ông ra vườn và cũng chẳng thể thiếu bao thuốc lá, tách cà phê và bình trà. Từ sáng vất qua chiều, ông để hồn đi hoang về một chuyến đi, chợt ôm đồm tới ông bạn về Hà Nội thăm người tình cũ. Ông bạn già khủ để trời trần lại với ông: “Đừng có bao giờ dại về thăm người xưa”. Riêng chó dại từng mùa, người dại quanh năm như ông thì đừng bao giờ vì một dòng nhạc mà đắm đầu về quá khứ đi tìm mối tình đầu. Bất giác đảo qua hàng rào, ông lại bắt gặp bà hàng xóm lướt lướt móc cái máy trên dàn bí. Dòng nhạc *Giọt mưa trên đá* bồng bênh giữa không không trống trải *người tự trăm năm về khơi tình động, ta chạy vòng vòng ta chạy mòn hơi, nào có hay đời cạn nào có hay cạn đời...*

Mang về con chuồn chuồn thiếc rí đồng, ông đặt trở lại kệ đồ cổ. Buồn tình vắng gió chiều hôm, bóc cái điện thoại ông gọi bà bác nhà quê đặc để kể chuyện *người tự trăm năm về khơi tình động*. Giọng bà bác ròn tan như cắn quả cà pháo: “Mày...mày...nói gì nháy. Mày...mày...về

thăm...”. Chẳng biết nghiệp ngao sao bà đòi giọng chua như mẻ:

- Nó cho mày đớp chua.

Ngẫm ngợi hồi lâu như có gì khó ăn khó nói lắm. Bà tịt.

Bà tịt mít bởi dung bà đâu có hay nổi niềm thâm căn cố đế của ông nhằm vào cái tuổi lãng đãng hoàng hôn với bóng ngả đường chiều. Ông có những gửi gắm qua quê ngoại ông với cây thập tự giá trắng ở trên núi vẫn còn đó. Hay ngẫm chuyện nhân sinh qua cây gạo bên sông với *tương tư hoa gạo quê nhà, tự dung áo đỏ làm ta giặt mình.*

Bỗng không bà chửi toáng lên:

- Mày ngu như lợn. Thăng phò.

Thạch trúc gia trang

(viết xong 2008, viết lại 2017)

Nguồn: Bài viết được vay mượn từ một tác giả ở Đông Âu và phò là tiếng lóng miền Bắc để chỉ những cô gái thả rong làm cái nghề mà đàn ông phải thờ phì...phò. Vì bài viết đã lâu, nên người viết chỉ nhớ ăn mày chữ nghĩa của những Đỗ Đình Tuân, Phan Lạc Tiếp, Nguyễn Văn Lục....Ngoài ra với một, hai tác giả khác nữa như Hoàng Đạo chẳng hạn?

Mỗi năm hoa đào nở

Cũng bày ra một hiên nhàn
Dăm ba chậu kiểng, một bàn cờ vương
Án thư vài tập cáo thơm
Bức tranh thủy mặc đông phương an hòa
Một bình rượu, một khay trà
Một đôi bạch lạp, giấy hoa bút vàng
Nghe hơi gió chuyển mùa sang
Tuổi già cảm cảnh đôi hàng rụng rơi
(Cung Vĩnh Viễn)

Gớm nhẩy! Bác khùng khinh rằng lại bày vẽ cho ăn gan giò trứng trâu nữa đây phỏng? Ở hay, bác nói hay chữa, tháng ba ngày tám ăn đong ăn vay, năm cùng tháng tận chả nhẽ cười nhần một mình, buồn tình khề khà thơ lão bạn thâm căn cố cựu. Chưa kịp *nghe hơi gió chuyển mùa sang*, chợt nhớ ra trong nhà có *một khay trà* đâu đó. Số là nhằm thu trước sắm năm được bộ ấm cổ giả Giang Tô gan gà. Mới quá mất vui, thế là loay hoay chôn dưới gốc cây mai, và nhủ thầm: Mai này bộ ấm

trà lạc tinh cũ rích, nào có thua gì bộ ấm Mạnh Thần của cụ Nguyễn Tuân trong *Vang bóng một thời*.

Thế đấy, giả với thật! Ai biết đó là đâu.

Dạ, xin thưa với bác là làm như bị chữ nghĩa lão bạn ám quẻ hay sao ấy, em cũng muốn sàng chữ ra câu, sây câu ra chữ để dối già ấy thôi. Bèn ngồi bên *án thư* múa bút khai xuân với bộ ấm nhất quý hồ tinh bất quý hồ đa. Sờ đến *đôi ngọn bạch lạp* với *giấy hoa vàng* thì trời cao đất dầy ơi, đào đâu ra những cửa nợ đó vào thời buổi này, chả nhẽ ngồi đồng như thằng mù dờ. Hay cứ theo lão ta bày hàng *dăm ba chậu kiểng* trước hiên nhà. Tiếp, thừa *bức tranh thủy mặc* ngoài phố chợ để... vẽ chuyện thêm.

Vậy đó, hiểu theo nghĩa là em vừa thêu dệt xong cái cốt truyện đấy, thưa bác.

Ấy thế mà cái sây nẩy cái ung là sàng lúa ra thóc, lại sây thóc ra trâu, nên trăm sự nhờ bác trăm hay không bằng tay quen trông giở bỏ thóc dùm. Chẳng gì quan bác cũng thông thiên bác cổ, chạy trời không nắng ắt hẳn quan bác dầy dầy chữ. Vì vậy trộm phép bác, với chuyện tranh Tàu thuở ở chợ có chịn cái triện đỏ chét, lại phát phơ dăm hàng thơ nét thư pháp chấm phá sỗ ngang nét dọc. Nếu như em có ngộ chữ để chữ tác đánh chữ tộ, hay tổng táng thêm ông Thôi Hiệu, ông Lý Bạch cùng Đường thi, đường mòn vào chuyện. Thì chả vì em hợm chữ với bác đâu, chẳng qua ở cái thể chẳng đặng đưng của

chuyện trên trời dưới đất, và chuyện sau này là thế đó, thưa bác.

Riêng khoản *một bình rượu, một khay trà* mà lão hủ nhỏ, hủ nút vừa vẽ vôi, em đành ngậm tằm với *một bàn cờ vuông* vì lão ấy chảnh chọe chấp em hẳn một con xe, con pháo. Nhưng khoản kia, chẳng phải nói trắng, nói tướng gì nhà em xin vô phép vô tắc với quan bác, chẳng gì sáng dăm ba chén, chiều làm một vài chung. Tỉnh giấc mơ trần, em lại trở về trần ai một cõi cùng ba khóm tùng, bụi trúc. Để rồi thần thờ cùng những ngày tháng cũ với *ai ra bến nước trông về Bắc, chỉ thấy mây trôi chẳng thấy làng*, hoặc giả học thói nho gia với bản lai vô xứ sở, xứ sở thị chân không. Mặc dù chả biết quê nhà mịt mù năm ở cái đầu thôn cuối xóm nào, chỉ bâng bặc u hoài đến cảnh đào đất Bắc năm xưa, qua ngày này tháng nọ, cứ đeo đẳng với em không thôi, thưa bác.

Và muốn thôi cũng không xong, chả là nom ròm cảnh đào nghiêng ngả ở báo Tết, bụng dạ lại chộn rộn tợn, mặc dù chả biết hoa đào năm ấy nó...cười nhả nhờ gió đông ở cái khổ nào. Cuối năm ôn cố tri tân, ngả nghiêng qua chuyện ông thầy tu để tóc dài, mặc áo nâu sòng. Một ngày ông ngồi bó gối ngoài vườn ngắm cái gò mối nổi u, ông bật ra câu thơ *động nam hoa có thiên sư, đối kinh lấy rượu tâm hư uống trần*, tiếp thành câu hát *con chim chết dưới...cội hoa, tiếng kêu rưng giữa giang hà xanh xao*.

Vậy chứ...chứ thông thiên địa nhân viết nho như quan bác, trăm sự nhờ quan bác kiến ngã dùm phải chãng Nam Hoa đây là *Nam Hoa kinh* của người Trang Tử. Nếu vậy Trang Tử đâu phải là thiên sư mà là...đạo sĩ nhiều bùa phép. Em lại nghĩ quần thêm, thêm ông thầy tu chả phải là đạo sĩ lại khơi khơi mang con chim gì gì ấy vào thơ thần?

Dám là...con hạc lắm ạ! Còn cội hoa là...mai hay đào đây, thưa bác?

Hơ! Chả thấy bác vén môi len chân vào chuyện cho, trộm thấy bác mặt ngầy ngật như say thuốc Lào! Mà thuốc Lào ba số 8 của trại “ri cu” Cái Săn ngày nào thì bu nó với thói tích cơ phòng hàn nên ối ra cả đấy, để em bảo trẻ thông điều mời bác soi. Nhắc đến hai chữ “ri cu”, em lại rọ rọ tới 75 qua đây, là người di tản buồn, mỗi năm hết tết đến ngòi ngòi vườn nhìn cây cảnh thiếu vắng màu hoa xưa cũ, em lại bất giác bồi hồi *không thấy hoa nở chãng biết xuân về hay chưa*. Nhưng vạn sự giai không ấy là thơ của cụ Nghè Hải Dương Trình Quốc Công mà người sau thường đỡ làm nhạc tân thời ấy mà. Ấy là hai câu “Thấy nguyệt tròn thì kể thảng, nhìn hoa nở mới hay xuân” trong bài *Thú tiêu dao* của cụ Trạng. Và rồi mấy trăm năm sau, cụ Trạng mang dây ba-trạc, đầu đội mũ sắt, đeo ba lô vào rừng, gác súng M16 bên vai, chăm bẵm ngắm hoa mai nở mà chính mình cũng chả hay. Nhẽ này *Sấm Trạng Trình* chả luận bàn tới. Bậy thật.

Tiết xuân năm nay điểm tí nắng hanh, thế là em ghé vựa cây thừa cây mai, cây đào về cho đời nở hoa xuân. Đang lụi đụi đào hồ bỗng nghe tiếng chim cu đất gù gù “..cúc..cù..cu..” trên hàng dây điện như...cuốc gọi hồn, để lây lất qua “con quốc quốc” của bà Huyện Thanh Quan với “cái gia gia”. Mà cái gia gia là...cái quái quỷ gì thừa bác? Chung quy tại em tối ngày vất vưởng với cái đĩa Mai Hạc của cụ Nguyễn Du có câu thơ “Nghêu ngao vui thú yên hà, mai là bạn cũ hạc là người quen”. Với mây tán, tuyết tan, hoa tàn, nguyệt tận thì hai câu thơ ấy trong bài *Thú Yên Hà* và cũng của Tuyết Giang phu tử Nguyễn Bình Khiêm khi cụ cáo lão về hưu. Lại bấy nữa, phải chăng thừa bác?.

Đang ngồi hồng người ra, và lờ đờ...say như cóc ngậm thuốc lào, quan bác khẽ đánh mắt một cái ra nhẽ rằng cứ theo *Việt Nam Văn Học Sử* của Dương Quảng Hàm chép truyện cụ Mạc Đĩnh Chi đi sứ sang Tàu, gặp lúc công chúa Tàu chết ngắc. Cụ đọc bài văn tế trong đó có câu: *Mây tán, tuyết tan, hoa tàn, nguyệt tận!...Xin kính hưởng* được cụ vua Tàu khen ngợi và đi vào văn học sử nước nhà. Tuy nhiên theo *Kiến Văn Tiểu Lục* của cụ Quế Đường Lê Quý Đông thì của bài thơ trên trong sách *Thuyết Phu* kể chuyện Dương Úc, đòi Tống khi làm văn tế hoàng hậu vua Tống Chân Tông là: *Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết!...Phụng duy thượng hưởng*.

Dạ thưa vâng, quan bác dậy sao nhà em hanh thông vậy! Bởi chuyện hoa tàn nguyệt tận là chuyện của văn học, có ba mươi cái răng đống trăng cái lưỡi em chả dại đúng đến. Chả là lúc này nhà em đang cầm rằm với cụ Nguyễn Bình Khiêm, cụ Nguyễn Du...Hơ! Bồng khi không quan bác gật gù ra ý mà rằng cụ Nguyễn Bình Khiêm từ dịch lý qua dịch học để có *Mai Hoa dịch số*, đổng đánh tới cụ Nguyễn Du với người tình ba năm tên *Hồ Phi Mai* ngấm ngợi thể mà hay: Vì có trùng một tên...hoa mai. Ấy mà hay thật cũng nên, vì đang em đậm đà với cả hai cụ Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du đều có cái thú ăn thịt...con cày như em. Sống trên đời gần chót đời, để rồi bây giờ bồng dung em ôm rơm rặm bụng với...con hạc chết tiệt của ông thiên sư ăn mặn vừa rồi.

Cũng báo Xuân năm nay, em vãi người với một nhà bác vật thành danh, mà trong bài lai cáo ông có ý đồ gán ghép bà chúa thơ Nôm với cụ Cần Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu. Ông (Nguyễn Ngọc Ninh?) hiệu đính thơ cụ Nguyễn Du thế này đây:

“...Ghi thành ba dòng cộc cạch *ngheu ngao vui thú yên hà, mai là bạn cũ hạc là người quen*, tôi nghĩ rằng thơ của Nguyễn Du không thể ngớ ngẩn như thế. Vì theo tôi, Nguyễn Du *đã* viết: *Mai là người cũ hạc là bạn xưa...*”.

Nhà bác vật sửa thơ, em chả dám lạm bàn. Ông còn các ca các cùm thêm:

“...Về phần Nguyễn Du khi đặt mua 6 cái đĩa Mai Hạc ở Giang Tây, lò Cảnh Đức Trấn, ông đề với một liên thơ lục-bát chữ nôm. Người thợ lò sứ Cảnh-Đức tô đúng những gì ông viết, vì họ không đọc được chữ Nôm...”.

Cứ rằng có vợ rằng không, em chả hiểu nhà bác vật...vật đâu ra tới sáu cái đĩa Mai Hạc. Mà theo em dám cụ Nguyễn Du không biết...chữ Tàu để dặn dò thợ lò sứ lắm ạ! Quan bác gặt đầu tấp lự làm như với dĩ thiên kiến đa, là lấy ít hiểu nhiều của nhà bác vật này với “Mai là người cũ hạc là bạn xưa” thì bác cũng chẳng hiểu gì luôn.

Có thể chứ, được coi như mở tấm lòng, nhà em mạn phép quan bác nhai vãn nhá chữ với “Mai thê, hạc tử”, và “Hạc nhi”. Để rồi nổi buồn chạm mặt ấy là điển tích điển cố và hình tượng chim hạc đã lững thững đi vào văn học Trung Hoa từ 3000 năm qua *Mai hạc kinh* miêu tả chim hạc nơi thảo dã. *Chương hạc minh* với tích hạc có thể sống hơn sáu mươi năm, thọ nhất trong các loài điều thú, cũng dài hơn tuổi ngũ thập tri thiên mệnh của người Tàu thời ấy. Nên hạc được biểu tượng cho chữ thọ, để có tuổi hạc, tuổi vàng. Nếu Nam Tào Bắc Đẩu có sổ toạ thì thôi cũng đành “hạc nội mây ngàn” để...*cười hạc về quê*. Bằng vào nhiều sự ấy, các danh họa Trung Hoa thường kết hợp hạc đậu trên cây tùng, với nổi niêm là có thêm cây tùng thì sống...dai dẳng hơn. Nhưng khổ nổi đó là bố cục chéo căng ngỗng, vì giống hạc lẫn thân ở đầm lầy, không sống ở trong rừng và

cũng không đậu được trên cây vì móng chân của hạc quá ngắn.

Quan bác ngục ngắc đầu ra cái điều chuyện chẳng ra chuyện với con hạc ở bên Tàu, nhưng bác nào có mục sở con hạc Tàu bay lạc qua nước ta thì khác. Số là nay ở *Cố cung bảo tàng viện* tại Bắc Kinh có tượng *Liên hạc* từ thời Xuân Thu, khắc con chim hạc thanh cao, đứng ngay đơ giữa đài hoa sen thanh khiết. Ngẫu sự là con hạc Tàu bay qua ải Nam Quan sang nước ta, hạc rời bỏ tòa sen và nhảy tót lên lưng con rùa, chỉ vì “hai chữ thọ” gặp nhau. Vì vậy ca dao ta có câu “Thương thay thân phận con rùa, lên đình đội hạc xuống chùa đội bia” như ở Văn Miếu với người Khổng Khâu.

Cùng thời với con hạc, theo sử xanh của Tàu: “Người phương Nam mang triều cống chim trĩ, sừng tê giác, ngà voi, ăn nói ngô nghê, phải có người thông dịch...”. Giống chim trĩ này thuộc vùng Thanh Hóa và “ăn nói ngô nghê” là người Chăm. Đề ròi của người phúc ta, con chim phượng trong truyền thuyết Tàu, được nghệ nhân thiên triều vẽ lông, vẽ cánh từ những giống chim trĩ ở dãy Trường Sơn như bích trĩ lông vàng đỏ, sơn trĩ lông vằn, tỵ châu trĩ thì cổ có vòng đỏ. Qua tới thời Minh-Thanh, hạc trắng biểu tượng cho giới nho sĩ, hạc là quan văn, còn kỳ lân miệng rộng, mũi to là quan võ và rồng năm ngón là vua...Xuống đến dân gian nhiều sự hơn, ngoài miếu đền có rồng ba ngón năm cheo queo, tức trong...thờ Ông và kỳ lân phủ phục ngáp dài ngáp ngắn tức trong...thờ Bà. Ở chùa, hạc là quan văn

nên hạc nhảy tót lên bàn thờ lo việc nhang đèn cùng hương tàn khói lạnh. Trong khi ấy với trường thi và quan trường, cử nhân là “cử” người ra làm quan, tú tài là người có “tài” ra giúp nước. Thời nhà Nguyễn, Minh Mạng thứ 9, nếu thi hương không đỗ để làm Hương cống hay cử nhân, mà chỉ đội sổ là tú tài làm Lại viên ở huyện, ở phủ. Tên được yết ở bảng vẽ cảnh mai là...*Mai bãng*.

Chuyện chẳng ra chuyện như chó nhai giẻ rách là thế đấy, thưa bác.

Nói về hạc mà em không phang ngang bữa cửi đến Hoàng Lạc Lâu trong thi ca của văn học Trung Hoa là...có tội với thi nhân đời Đường: Kiến trúc này nằm trên mỏm đá Hoàng Hạc ở nam Trường Giang. Chủ nhân họ Tân giao du rộng, nên các văn nhân mặc khách thường lui tới đây uống rượu ngắm cảnh...hạc nội mây ngàn. Vì có một họa sĩ nào đó để lại trên tường bức tranh *Vũ hạc*, vẽ hạc múa sóng động...như thật. Người Thôi Hiệu nghe tiếng, bèn tìm đến đề thơ *Hoàng Hạc Lâu* trong đó có câu “Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản – Bạch vân thiên tải không du du”.

Thơ thần như vậy là nhất với chiều hoa một cõi, nhưng nghe ọc ách làm sao ấy. Phải đợi đến cụ Tân Đà chỉ cần vẩy mực nhẹ hai câu *cái hạc bay lên vút tận trời, trời đất từ nay xa cách mãi*. Thế là hạc bay cái vù, lại bay đẹp nữa mới tuyệt bút. Nhưng chả phải đợi đến cụ Tân Đà sau này, năm năm thấy vậy, trước đó người Lý Bạch mon men tới uống rượu

ngắm hoa và cũng bon chen thơ thần “Hàng Hạc Lâu trung xuy ngọc địch - Giang thành ngũ nguyệt lạc mai hoa”...Xin thưa với quan bác là thi hào, thi bá Trung Hoa có giạt gya hạc vàng, hạc trắng gì gì chẳng nữa thì câu: *Giang thành ngũ nguyệt lạc mai hoa* và hiểu lơ mơ lỗ mỗ là ngắm mai rụng vào tháng năm. Với em quanh quẩn nơi xó vườn, nên đoán chừng người Lý Bạch ực rượu, ngất ngư làm thơ ngắm...mai hoang, mai dại nở vào giữa năm đầy thối.

Đang luận về Đường thi, khi không bác mắt đào tí như lạc rang và đậu trên bức *Thạch Đào* của Vương Du vẽ đào với chim. Thế là em được thể “vãi thì lại nói vơ” chuyện chim với đào, theo tích cũ vùng Lào Kai có loài chim ngói ăn đào từ bên Tàu, chúng tha hột về và đánh rơi trên miền núi biên thùy. Hạt đâm chồi, mọc cây, có cây cổ thụ sống cả trăm năm. Các cụ ta chặt cành đào đặt góc bếp trong đêm ba mươi để trừ ma quỷ. Sau thấy hoa đào màu hồng rực rỡ, tượng trưng cho hi tín, nên được trưng trong ngày Tết. Đó là giống bích đào hồng thắm, được dân làng Nhật Tân ở Hồ Tây mang về gây giống. Tháng giêng rét dài, tháng hai rét lộc, tháng ba rét Nàng Bân, mùa đông càng rét mướt, hoa đào càng càng rộ hoa thắm thít. Mỗi năm thời tiết mỗi đổi thay, đang đông lại chứa thu, trong đông lại ả xuân. Chính sự nghịch lý của đất trời đã làm hỏng đi sự tuần hoàn của những cánh đào, hoa không thắm mà lại hồng hồng. Nên được gọi là...đào mơ. Còn

đào phai là đào ăn quả, cánh hoa thưa, màu hồng nhạt.

Ừ thì ăn mắm ngắm về sau, cũng đến lúc bác và em nên dãi nắng dầm mưa qua chuyện cây mai của miền Nam mưa nắng hai mùa với tháng sáu trời mưa, trời mưa không dứt. Số là họ hàng hang hóc nhà mai nhiều sự gì đâu với tên cũ xưa là *Lạp Mai*, xuất xứ mãi tận bên...Chân *Lạp*. Nặng nợ với sử thi thì chúa Nguyễn Hoàng rong ruổi theo chân người Chiêm Thành xuôi nam. Nhà Chúa mang mai vàng từ núi Cổ Mông tức núi Hoàng Mai thuộc đất Bình Định, theo cuộc Nam tiến lưu lạc vào đến tận Hà Tiên. Riêng ở Hà Tiên, vùng này có giống mai trắng bốn cánh là một loại mai hiếm và quý, vỏ cây hơi đỏ, được tìm thấy ở núi Bình San, khu lăng tẩm họ Mạc. Thông thường mai năm cánh mọc ở trên núi được gọi là lãnh mai, trong rừng sâu là giả mai.

Ngòai Bắc có giang mai mọc ở bờ sông, nhưng thực ra cốt mò cò soi vì ấy là biến thái của cây mơ, cây mận, hoa màu trắng. Có người vẫn vợ “*Bên cầu sương rụng mấy từng mai mơ – Đêm về thấp nền làm thơ*” và đề thơ “*Giang mai, mai ở đầu sông - Trong thơ Đỗ Phủ, ngàn năm vẫn buồn - Tàn rồi mấy độ hoa xuân - Thiên sư ngựa mặt tàn ngần với mai*”. Trong Nam, một trong những đặc thù của mai là trên núi thân cao, cành sần sùi, trong rừng thì thấp, mảnh mai, càng nóng, mai càng nở vàng đậm. Ngoài ra còn có mai hoang, mai dại năm nở hai lần, hoa đỏ hồng nạt như hoa đào mà tên Nhật là *Toyo*

Nishiky. Nhưng với tháng sáu trời mưa, trời mưa không dứt, nên em cũng muốn trồng cây nào rào cây này với hoa mai miền Nam mưa nắng hai mùa màu sắc đậm đà hơn hoa xứ lạnh ở miéc Bắc. Đặc thù cây mai của miền Nam là mai chiếu thủy thường mọc bên bờ suối, cuống hoa dài xụ xuống như soi bóng nước nên mới có cái tên chiếu lên, chiếu xuống. Mai tứ quý hay mai kép, tức hoa có hai lớp cánh, lớp mềm lớp cứng, trở hoa đỏ cả tháng. Ở Biên Hòa, xưa kia là Cù Lao Phố, do cụ Đào Tấn mang từ Bình Định vào, loại lãnh mai thân gầy vì cành mảnh mai, hoa và lá đều nhỏ. Riêng bạch mai rất hiếm, thời cụ Vương Hồng Sển ở Sài Gòn chỉ có ba cây, một ở chùa Tàu, một ở Phú Nhuận và cây còn lại cũng rất quý và hiếm thì lại ở trong...trại tù Cây Mai.

Bác như lạc vào bên mê, nhìn vào chân không và ngụ ý rằng em giắt giú bác từ vườn nhà đến...Cù Lao Phố là cặp ngay...bến ngộ. Ấy đây chưa đâu, chẳng thiên tính thiên quán giống thiên sư họ Phạm với *đánh rơi hạt mạn bên đường, xuân sau mọc giữa chân thường cội hoa* tiếp nối với khổ nạn *con chim chết dưới cội hoa* ở khúc trên. Tiếp, em vấn bác cội hoa là...mai hay đào? Nhưng nay em chắc mâm là...cây mạn!

Bởi rõ ra là *hạt mạn bên đường*, theo em với chữ nghĩa *dùi đục chám mắt cáy* thì hoa mạn màu trắng chứ chả vàng khè trong bài *Đưa nhà em tìm đòng hoa vàng* của gã từ quan. Và thơ thần lụi đụi

một cội là vậy, bởi nhẽ em đã thưa gửi với bác là thiên sư ngồi ở vườn nhà, nhìn cái ụ môi mà hoang tưởng, hư cấu đầy thôi. Bác nhúu mày ngần ngần vậy chứ con chim chết dưới cội hoa là giống giuộc gì? Dạ xin thưa nhà em cũng không tường nên chả vạ miệng với con sâu hoàng khuyến của Vương An Thạch khi không hóa thân thành con chó vàng nằm trong hoa của Tô Đông Pha. Và cũng như bác, nhà em vắn óc nghĩ không ra khi không gã từ quan lên non tìm động hoa vàng lờ quớ gặp con chim chết dưới cội hoa là ẩn dụ, ngoa ngữ gì đây chả biết nữa, thưa bác.

Ngỡ con chim chết dưới cội hoa đã mờ yên mả đẹp, bác lại lần dẫn với bên ngộ đâu không thấy chỉ thấy bờ mê...bên lú để hoạch họa em: Thế con cu đất “cúc..cù..cu..” trên hàng dây điện ở Thạch trúc gia trang như...cuộc gọi hồn là lý sự gì. Úi chà gay đây, vì chuyện là có người Ngô Không đã viết thành văn bài với tựa đề *Bà Huyện Thanh Quan tân biên cố sự* thì cố sự theo tác giả góp nhặt sỏi đá: Một là bài thơ *Qua Đèo Ngang*, bà Huyện trước tác qua người Chăm vong quốc có tên *Đèo Ngang*. Hai là chim cuộc sống ở ruộng nước, đầm ao... chứ ở đèo Ngang núi rừng khô không khóc với đá sỏi thì đào, cuộc đâu ra...chim cuộc. Thế nên với mập mờ nhân ảnh mịt mùng gió mây theo người Ngô Không vì không có chim cuộc nên chả có bài *Qua Đèo Ngang*: Vì bà Huyện có đi ngang qua đèo Ngang hồi nào đâu! Nào ai hay biết?

Em vừa gọt cốt vừa giầy xong, bác thần thờ như gà rù giữa buổi đồng vắng với hột mận bên đường, với chữ nghĩa *dùi đục chấm mắm cáy* hôi nầy. Giờ quan bác mới nằng nỏ là “bò đục” chứ chả phải là...dùi đục. Hơ! Dạ thì bò đục chấm mắm cáy. Nhân có hột mận, em xin rọ mồm vào chuyện thơ thần...cây mận, cây mơ qua “*Bên cầu sương rụng mấy từng mai mơ, đêm về thấp nển làm thơ*”. Nói cho ngay, nhà em chả rành đề thơ tác phú cho mấy, nên mạn phép bác...cóc cáy về mấy cái tên rằng ngoài cái ngữ danh đi với địa danh như...”Giang mai” và...”Xiêm-la”, xin bác đừng bóc nhằng là...”tiêm la” ấy nha. Tội chết, thưa bác. Bởi tên gọi cỏ cây...lệ thuộc vào một ngàn năm đô hộ giặc Tàu, một trăm năm đô hộ giặc Tây, sen kẽ là năm trăm năm chữ Nôm. Bởi em đồng bái quê mùa nên cứ nhà quê, nhà quê với cây trái giống cái vú bò, được gọi là cây vú bò. Quả giống dái dê, nên được kêu cà giứt là cà dái dê. Mai, đào, mận, mơ cùng một giuộc, nên mới có câu *cành mai, gốc đào, chồi mận, lá mơ*. Mai là tên dân dã, chữ Hán gọi là lý. Mơ là chữ Nôm, chữ Nho là đào. Các cụ đặt tên con gái bằng tên các loài hoa *Đào, Mai, Lan, Lý*, rồi gặt gù...*mặn mà cả tư*. Tét nhất nhà nào cứ trung cây quất, cây quít mà sai quả thì có...quý nhân phù trợ là nhiều...*nô bợc*. Vì vậy cây quất, cây quýt còn được gọi là...*mộc nô*. Thói Tây học, nói như chó ngậm cám thì mộc nô “cái” là...cái Sen. Mộc nô “đục” là...thằng Đục. Ăn khoai môn ngứa miệng là thế đấy, vậy đó, thưa bác.

Tây, Tàu về...một cái tên thì nhà em xin phép bác vẽ *rắn thêm chân*...Quan bác cười thủng thỉnh mà rằng “rét” chứ chả là...rắn. Hơ! Dạ thì rét. Thì cũng bừa phứa đi ấy mà, nào khác gì người Tàu dạy khôn người Việt mình qua sách vở với chữ nghĩa cường điệu như *Hồ mã tề Bắc phong, Việt điều sào Nam chi*. Nôm na với tha hóa vong thân với con ngựa rợ Hồ gặp gió bắc là hí hí lên dăm tiếng vì nhớ cái chuông. Con chim Việt ở nước Việt Câu Tiễn bên Tàu nhớ tổ ấm nên mới làm tổ ở cành nam. Thế nên cụ Phan Bội Châu lấy hiệu là Sào Nam. Thêm tích mai đầu mùa, cành đầu tiên luôn luôn mọc hướng về phía nam. Bác ậm lúc nào hướn bác ngó chừng xem mùa tới: Cành mai đầu mùa có chĩa về phía nam chăng? Và bác mạn chuyện là bác chỉ biết cụ Phan bị Pháp bắt an trí ở xóm Bến Ngự, giữa căn nhà nhỏ với con thuyền đậu bến nhà vua xưa, núp bóng cây sung già cỗi. Bên kia sông Bến Ngự là chùa Linh Quang, có nhà sư gõ mõ sớm chiều đem lại sự lắng dịu trong lòng người...“ẩn sĩ” cho đến lúc lià đời. Vì cây sung tượng trưng cho ẩn sĩ, vì hoa...”ẩn núp” bên trong trái, cho nên gọi là ẩn hoa.

Dạ bác dậy sao em nghe vậy, bởi em cao không tới, thấp không thông nên chả hiểu cây sung ẩn dụ, ẩn tàng ở khổ nào vì thân cây sung sù sì, quả xanh non đầy như rận bám dái trâu. Hơ! Từ nãy đến giờ em chỉ...dái dê đến dái trâu, và lại sắp sửa sù sì tới...sần sùi. Vì vậy quan bác cho nhà em múa bút

chuyện...mỹ thuật văn học một chút qua hội họa Trung Hoa. Rằng họ vẽ tranh...vân cầu khiến người thưởng ngoạn nhúc nhối không phải là ít. Như danh họa Phí Mễ vẽ một lão ông đội nón mê, tay nắm gậy lom khom tìm kiếm...cái gì đấy giữa con bão tuyết rơi lá tả?! Nom ròm góc bức tranh có tên: *Đạp tuyết tầm mai*. Như Ngô Tuấn Khanh vẽ chim sẻ nhón như đậu trên cành mai mặt mày tươi rói. Lại giống con hạc đậu trên cây tùng, vì thợ vẽ Tàu phóng bút chim chóc ngự trên cành mai là hồng bết. Vì theo nhà nông ta thì...chim chóc không đậu trên cành mai...mảnh mai. Lớ quớ lờ tề cái bịch thì sao, chim cò nào có dại. Dại như anh cò đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao thì các cụ ta xưa...sáo măng ngay. Ăn vạ chữ nghĩa các cụ, nếu như nhà nông ta lỡ có lộn thùng lộn chảo, xin bác xá cho. Vì với triết lý củ khoai thì biên giới của đúng hay sai, chỉ cách nhau...một cành cây, thưa bác.

Đùng đoảng thế nào chả biết nữa, bác ngó em bằng nửa con mắt rùa mà rằng:

Rằng một lần Lương quốc trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đến thăm phủ thừa tướng nhà Nguyên, trên tường bên cạnh cửa sổ nhìn ra vườn có treo một bức họa vẽ con chim sẻ đậu trên cành trúc trông rất thật. Cụ Trạng ngữ là chim thật đậu ngoài cửa sổ nên bước tới chụp... mới biết đó là bức họa. Thừa tướng và các quan phá ra cười. Cụ vội xé bức họa làm nhiều mảnh. Mọi người đều kinh ngạc, khi ấy cụ Trạng mới dẫn giải: Bỏ nhân nghe người quý quốc

vẽ cành mai và chim sẻ chứ chưa bao giờ thấy vẽ chim sẻ đậu trên cành trúc. Vì trúc là quân tử. Chim sẻ là tiểu nhân. Tể tướng cho treo bức tranh như vậy là tiểu nhân trên quân tử, sợ rằng tiểu nhân sẽ mạnh chằng, để rồi đạo của quân tử sẽ yếu đi. Bỉ nhân vì thánh triều mà trừ khử bọn tiểu nhân đó thôi.

Bác cười lúng lẳng ra ý tại ngôn ngoại với thật giả là thế: Nào khác gì chuyện giả với thật như bộ âm cổ Giang Tô gan gà! Ai biết đó là đâu! Hơ! Bác nói gì vậy? Xin bác tha cho! Thề đũa nào nói láo ông táo đội nồi cơm, em chả dám bạo gan lộng thiên hí địa, nhưng bác hãy cho em mượn gió bẻ măng qua bài *Trần thủ lưu đồn* với *miếng ăn măng trúc măng mai, những giang cùng nứa lấy ai bạn cùng*. Ăn măng đã mẻ bát thiên hạ, em xin khua môi múa mép rằng mai đây là chả phải là...cây mai. Vì rằng ấy là một loại tre lớn mọc ở trong rừng còn được gọi là cây bương được dùng để làm nhà. Cây tre bương có hoa giống như bông lau, dùng để bó chổi quét nhà với cái tên rất hoa văn là: Chổi...bông mai, chẳng qua chỉ là chuyện chổi cùn rế rách cho...rách chuyện ấy thôi.

Rách chuyện hơn nữa là cành mai còn lụi đụi đi vào văn học sử qua thi tứ lưu danh thiên cổ với giai thoại *Nhất chi mai* của nhà sư Tuệ Kỷ đời Đường qua câu “*Tiên thôn thâm tuyết lý - Tạc dạ sở chi khai*”, là ngoài đầu thôn, trong tuyết dày, đêm qua có *mấy* cành mai nở. Sau Trịnh Cốc hiệu đính thay

chữ “sổ” bằng chữ “nhất”, từ nhất tự thiên kim Tuệ
Kỷ cúi đầu nhận Trịnh Cốc là...nhất tự sư.

Cũng là sư, thiền sư Mãn Giác, tôn sư của vua
Lý Nhân Tông, có bài *Cáo tật thị chung* thâm viễn
hơn và cũng thiền quán hơn “*Mạc vị xuân tàn hoa
lạc tận - Đình tiền lạc dạ nhất chi mai*”, diễn nôm là
đừng ngỡ xuân tàn hoa rụng hết, đêm qua sân trước
lạc một cành mai. Ở đây “xuân tàn” là *trảm luân*,
“hoa lạc tận” là *hư vô*, giữa mê và ngộ, phân ra hữu
và vô, có và không. “Nhất chi mai” chính là giác
ngộ với trong sinh có diệt, trong diệt có sinh. Các cụ
nhà Nho ta xưa ...thiền sư mả thế đấy, thưa bác.

Thế nhưng vào đời Trần “Nhất chi mai” lại lạc
đường lịch sử vào sử thi mới rõ khổ:

Chuyện rằng lúc còn trai trẻ Hồ Quý Ly đi
buôn, trên thuyền đọc truyện *Quảng hàn cung lý
nhất chi mai* của Tàu, giống chuyện cổ tích của Ta
trên cung trăng có chú cuội với cây đa. Hồ Quý Ly
làm quan nhỏ trong triều, ngày nọ vua Trần nghỉ ở
điện Thanh Thử, nhân đó vua ra câu đối cho các
quan: *Thanh Thử điện tiền thiên thụ quế*, với nghĩa
trước điện Thanh Thử có cả ngàn cây quế. Hồ Quý
Ly nhớ lại chuyện cũ liền đối ngay: *Quảng Hàn
cung lý nhất chi mai*. Vua nghe giật mình hỏi sao
biết chuyện vua đang sửa soạn dựng cung...*Quảng
Hàn* cho công chúa tên...*Nhất Chi Mai*. Họ Hồ tình
thực trả lời, vua Trần cho là số trời nên gả công chúa
cho, sau Hồ Quý Ly soạn ngôi nhà Trần.

Vô hình chung sử nhà lật sang một chương khác: Vì...*một cành mai*.

Mà khô thật, hốt nhiên bác miệng giật giật như muốn nói. Nhà em hiểu rồi, bởi bác mà không nói chuyện mồm miệng nó mọc đi và tâm viên ý mã của quan bác là với Nhất Chi Mai là thuật sử, còn cây bạch mai của cụ Vương Hồng Sên ở trên là dật sử.

Chuyện là vào thời Tự Đức, Tôn Thọ Tường vì mặc cảm theo Pháp nên nghe nói ở đồn Cây Mai (tức nhà tù Cây Mai bây giờ) có cây bạch mai thuộc loại mai quý lạc loài giữa hoàng mai trong Nam. Ông làm bài *Vịnh Cây Mai* để bày tỏ sự lạc lõng cô lẻ về sự lầm lỡ của mình. Sau này có một nhà vật học và sử gia Phạm Văn Sơn tìm ra đây không phải là bạch mai. Tội nghiệp ông Tôn Thọ Tường, tưởng là cây mai, ai ngờ thêm một lần lại lầm lạc nữa, vì đem tâm sự gửi gắm vào đúng ngay...cây mù u

Cứ lêu bêu theo em thì cây mù u là tên gọi ở trong Nam. Ra tới miền Trung, cây có họ hàng hăng hốc với cây sầu đông, sầu đầu. Ở...đâu không thấy nhưng ngoài bắc họ ới là cây xoan hoa tím. Cây mù u, cái tên tự nó đã u ám, mù mịt kể gì, vì hoa nở như...mếu. Có lẽ vì cây mù u ở trại tù Cây Mai bị chột nên không có hoa, vì vậy từ ông Tôn Thọ Tường, đến cụ Vương Hồng Sên đều bị lầm là cây bạch mai nữa là, thừa bác.

Hơ! Chuyện của quan bác rồi rắm thế nào, chuyện của nhà em dưới đây rồi ren thế ấy. Bởi năm mới nói chuyện cũ, em muốn eo sèo với người về từ trăm năm đã nặng nợ với mai. Như đã thừa với bác vừa rồi qua cụ Đào Tấn mang mai vào Cù Lao Phố.

Chuyện là vào thời Tự Đức, nhân *quy kỳ hà nhật thị, lão tận cố hương mai*, trên đường hồi cố quận, cụ Cao Bá Quát ghé thăm bạn đồng liêu là cụ Đào Tấn ở *Đào mai viên*, thuộc Bình Định. Cụ Đào Tấn làm quan đến chức Thượng thư bộ Công, là người chuộng mai cụ để lại bộ *Mộng mai từ lục*, bút hiệu Mai Tăng. Trong đó cụ đề cao cái thanh nhã của mai với *Tứ đức*: Cao, tú, nhã và đạm. Mai cũng biểu tượng tình bằng hữu qua câu *Tuế hàn tam hữu*: Mai, tùng và trúc. Mấy lần trước, đã bao thu nơi chốn này, cụ Cao Chu Thần lưu lại câu thơ “**Thập tải luân giao cầu cổ kiếm - Nhất sinh đề thủ bách mai hoa**”. Thế nhưng lần này ghé thăm, cụ lão bạn đã tận cố, hương mai đâu chẳng thấy.

Đột nhiên quan bác đờ đẫn cười với tâm ý là “**Nhất sinh đề thủ bách mai hoa**” mà bấy lâu nay ta gán cho Cao Chu Thần và hết lời ca ngợi khí phách của họ Cao trong câu cổ thi này. Thực ra, đó là thơ của phủ quan Hán Dương tỉnh Hồ Bắc tên là Ngải Tuấn Mỹ, nguyên văn “**Thập tải luân giao cầu cổ kiếm - Nhất sinh đề thủ bách mai hoa**”, dịch nghĩa là *mười năm vất vả tìm cổ kiếm, một đời chỉ cúi lấy hoa mai*. Hai câu ấy, phủ quan viết tặng phó sứ nhà Nguyễn là Nguyễn Tư Giản năm 1868 thời Tự Đức,

khi sứ bộ Đại Nam sang triều cống nhà Thanh đi sứ qua đó. Chính Nguyễn Tư Giản đã ghi lại hành trình chuyến đi, với hai câu thơ trên trong cuốn *Yên thiều bút lục* năm 1868. Được biết văn bản hiện vẫn còn ở dạng chép tay của phó sứ Nguyễn Tư Giản. Thêm nữa, ta đều biết Cao Bá Quát đã mất năm 1854, nghĩa là trước đó đến 14 năm.

Quan bác dậy sao nhà em cũng chỉ hay biết thế thôi, bởi khi rày nhà em đang vật vã với cổ mạch hàn phong cộng nhất nhân, cũng như Khổng Minh nghĩ đến thân phận còm cõi của mình trong cái tuổi bóng xế về chiều. Khi Gia Cát Lượng hỏi thảo am với “Ky lư hóa tiêu kiều - Độc thán hoa mai sáu”, nô nê là cười lừa qua cầu nhỏ, chỉ thấy xót xa khóm mai gầy. Cũng vậy với Cao Bá Quát, về lại chốn cũ, cụ *Cao cố viên hỏi thủ bất tăng bi*, bạn xưa chẳng còn nữa, ngoài nỗi buồn hiu quạnh cùng những gửi gắm niên nào của cụ Đào Tấn với “Mai một non mai ta gửi xác, để cho mai đỗ giắc mai tăng”. Cụ Cao tìm đến chân núi Hoàng Mai viếng mộ chí của cụ bạn già đã quá vãng có câu di cao: “Mai sơn tha nhật tàng mai cốt – Ưng hữu mai hoa tác mộng hồn”.

Từ nắm mộ cụ Mai Tăng u lên dưới chân núi Hoàng Mai, tiếp là em cập rập tới cái gò mối của thiền sư mặc áo nâu sòng, đầu để tóc dài đã đẩy đưa em đến với bác: “Hạc buồn đỗ giắc mù sa, âm nao

lãng đăng tơ vàng sương bay”. Sau đó lãng lờ với những dấu ấn ngày nào năm ấy: “Chân chim nào đậu bên cò, ngược xuôi có kẻ lại buồn dấu chim”. Khúc cuối bài văn khảo này, em thêm chữ, bớt câu lặn lội theo những bước chim di của một người đi tản buồn qua truyện ngắn vắng gió diu hiu dưới đây, thưa bác...

(...) Truyện viết về một cụ ông Bắc Kỳ 54 qua đây xin chọn nơi này làm quê hương đã lâu, cuối đời nhờ con cái để lại cho căn nhà cũ che mưa che nắng. Ngay ngày đầu cụ bắt gặp một đàn kiến lũ lượt từ ngoài vườn bò vào nhà. Cụ tần mẩn ngắm chúng hàng giờ và băng khuâng vì thấy chúng nhang nhác giống như cụ chạy loạn trên đất Bắc hồi nào. Lát sau, chúng lếch thếch vác mì gói vụn, khuôn cơm nguội rơi rớt của cụ ra ngoài. Cụ hình dung đến cuộc di cư vào Nam tay gánh tay gồng như mới đầu đây.

Đồng cảm như cùng đi chung một chuyến dò nên duyên, thế là cụ lẫn thân theo chúng ra tận ngoài vườn. Nhìn thấy cái tổ kiến u lên một đống, cụ chẳng hoang tưởng như lên non tìm động hoa vàng...ngủ quên. Cụ ngồi bệt xuống mấy cọng cỏ, tỉ tê với chúng những chuyện gần xa của quê cha đất tổ. Cụ lan man với chúng qua khóm tre bụi chuối, nhà ngang nhà chái bằng bạc là ao vườn này kia, kia nọ.

Cụ thì thầm với đàn kiến về quãng đời bèo dạt mây trôi của cụ: Số là vào đến Cái Sắn, chưa rít hết điều thuốc lão ba số 8 thì đựng đầu cái chát năm Ất Mão 1975, lại tay xách nách mang xuống thuyền

nước mắt như mưa khăn gói gió đưa lếch thếch qua đây và cụ cày như...vạc. Và cụ thở ra, bây giờ sắp bước qua năm Ất Mùi. (...)

Hơ! Già rồi nên lẫn hay sao ấy, đùm đậu thế nào chả biết nữa, chuyện cũ thì nhớ, chuyện mới thì quên. Trời chưa tối đất, còn sớm chán mà, hươm hầy về thừa bác. Chết chữa! Em quên tuốt bảo bu nó sai trẻ thông ông điếu mời bác soi thuốc cái đã...

Cái đã...vớ năm Ất Mùi tới đây, vậy là đã 40 năm chẵn, bắt chợt em chợt dạ quan hoài đến một vũng tang thương nước lộn trời vào cái năm 75. Thế nên em vay mượn hình bóng cụ ông trong những ngày chập chạng nắng quái chiều hôm, suốt ngày quanh quẩn trong vườn nhà. Thêm đất trời buồn rười rượi như cơm nguội chiều đông, vớ ba điều bốn chuyện của cụ ông, em lại hiu hắt đến Nguyễn Bính qua *Hành phương Nam* vớ *quê ta xa mãi bên kia biển, chỉ thấy trời mờ mây trắng vương*. Bờ mấy năm sau, người thơ từ Nam trở về Bắc, mất ở bờ ao quê nhà trong một chiều 30 Tết. Khác với cụ ông, ít nhất người thơ còn có một nơi chốn để gửi gắm nắm xương tàn...

Thế nên qua đồng chiều cuống rạ, em mang con cu đất vào bài văn khảo. Từ như cánh hạc bay trong cái đĩa Mai Hạc của cụ Nguyễn Du qua mây cảnh mai thuộc thành Đồ Bàn xa xưa. Rồi chúa Nguyễn Hoàng mở mang bờ cõi về phương nam: Cây mai đi đến đâu, dân tộc Chăm mất đất đến đó. Chờ vợ còn

lại chỉ là những tháp Chàm, qua những lớp sóng phé hung, văng vẳng cùng tiếng chim cuốc khắc khoai cùng một cõi đi về với bà Huyện Thanh Quan. Với lịch sử là một cuộc tái diễn không ngừng, là những người viễn xứ u hoài vọng cổ hương trong những ngày cuối năm mà hình ảnh ngày nào còn đang ẩn khuất. 54 xuân Nam theo những bước chim di của chúa Tiên, bác và em chỉ mang theo hoa đào năm ấy còn cưỡi gió đông qua tâm tưởng. 75 khăn gói gió đưa qua đây, cả hai bỗng khi không hóa thân vong quốc như người Chàm lúc nào không hay.

Bác và em, khác gì đồng thị thiên nhai luân lạc nhân, tương phùng hà tất tăng tương thức, là cùng một lúa bên trời lặn đặng, gặp gỡ nhau lọ đã quen nhau. Nay nhân giải cầu vong niên cửu trùng tri ngộ, lại cùng nhau hoài cổ quận qua cành mai, nhánh đào.

Mỗi năm hoa đào nở
Lại nhớ cánh mai vàng
(Khuyết danh)

Bác làm như trầm luân trong bể phù sinh và thờ hất ra rằng sẵn cái mạch quê hương bản quán vạn kiếp tha phương nghìn đời thêm thắm ấy, thì...Ừ thôi thì một ngày nào đó không nắng thì mưa, em và bác hãy hỏi bản trạch để dối già một lần cho nhẹ mình nhẹ mảy: “Tuồng tượng ta về nơi bản trạch - Con còng ẩn nhẫn bò quanh quán”. Hoặc giả như “Ta về tắm lại dòng sông cũ – Truy tìm mê mỗi lý

sơ nguyên”. (Tô Thụy Yên). Thế nhưng chẳng đâu
gì bác, em đã hơn một lần, thì em cũng đã...

Thì về với bên sông xưa
Hút tàn điều thuốc mà chưa gọi đò
Nhìn theo ngọn khói vu vơ
Nhớ thương thì có, đợi chờ thì không
(Xuân Sách)

Thạch trúc gia trang
(Vân tán, Đinh Hợi 2007
Nguyệt tận, Ất Mùi 2015)

Nguồn: Vì bài viết đã lâu, người sưu tầm vì sơ ý
không lưu giữ những nguồn trích dẫn. Trừ những
tác giả như Thái Văn Kiểm, Nguyễn Khôi,
Nguyễn Thị Chân Quỳnh khi sửa chữa lại bài
viết gần đây.

Những vết chim di

Qua đời sống phẳng lặng hàng ngày với một số ít người có một cuộc sống rất bình thường. Quá bình thường đến khó hiểu, đến một lúc nào đó chẳng hiểu nổi.

Như “nhân vật” của người viết trong chuyện sắp buồng trải dưới đây chẳng hạn.

Hồi nhớ lại sau 75, với nỗi sầu viễn xứ của người di tản buồn, đang ngẩn ngẩn nghĩ không ra lúc này mình đang có mặt ở đây để bỗng chốc thành những người Do Thái da vàng...Hay như những người Chàm vong quốc cùng những vu vơ hụi hẵng. Ngày là lá tháng là mây, vào thập niên 80, người viết đọc được một truyện ngắn về “nhân vật” trên. Truyện viết theo thể loại phiêu lưu mạo hiểm đường rừng đại loại như *Đầu lâu máu* của Lê Văn Trương. Cốt truyện có hai anh em lạc nhau, rồi gặp lại. Cả hai đi tìm kho vàng của ông bố người Nhật tên Watanabé với hai bản đồ ráp vào làm một như hai bánh xe răng cưa. Cuối cùng kho tàng bị gài thuốc nổ và...nổ tung.

Thêm một truyện khác và chỉ khác là truyện dài. Gần đây trong đặc san Nguyễn Trãi Chu Văn An 2009, nhà báo kỳ cựu Chính Luận Lê Thiệp cho hay với bút pháp bung phá đã bỏ ra 5 năm viết về “nhân vật” trên mà vẫn chưa xong. Khi viết, tác giả tra cứu lịch sử, nghiên cứu về những nhân vật của đảng Đại Việt như Trương Tử Anh, Cả Tề và Đức Thụ phu nhân. Tác giả còn cất công phỏng vấn các nhân vật theo học trường Trần Quốc Tuấn Lục Quân Học Hiệu như ký giả Nguyễn Tú, tướng Phạm Xuân Chiêu, sứ thần Bùi Diễm, tư lệnh cảnh sát Phạm Văn Liễu để lấy thêm tài liệu.

Chuyện gì đâu chẳng biết nữa với kết cục của truyện không thay đổi là kho tàng của ông đại tá Nhật Watanabé vẫn bị gài thuốc nổ và vẫn lại...nổ tung.

Bèn trộm nghĩ nổ tung với không có lửa sao có ...khói?

Với cảm hứng vừa rồi, thế nên tôi (tức người viết) lụm cùm có bài viết về “nó” tức “nhân vật” khó hiểu, đến một lúc nào đó chẳng hiểu nổi.

Nó là thằng bạn đồng môn đồng tuế, nói cho ngay không thân thiết cho mấy qua một số ký ức hạn hẹp, đến độ chẳng có gì để nhớ với quên. Nhưng có một điều lạ là từ năm 75 qua đây, thỉnh thoảng tôi vẫn hoài cố nhân về nó, không ngoài cái tên, vóc dáng và nhất là khuôn mặt có nét gì đó không ổn.

Nhưng vì cơm áo gạo tiền tôi chẳng có thì giờ để mà bận tâm vướng víu với khuôn mặt đáng ghét ấy cả một thời gian dài. Nghe bạn bè kể lại nó chẳng giao tiếp với ai. Ngay cả những bạn bè ở xa tới, nó lánh mặt như con đà điểu rúc đầu xuống cát ngoài ốc đảo. Tôi vẫn thường gọi mẫu người này là những thằng chối bỏ dĩ vãng, với một mặc cảm tự tôn hay tự ti nào đấy.

Cho đến một ngày, một thằng bạn học cũ cũng là đương kim anh vợ nó từ Việt Nam qua và ghé thăm tôi. Nó điện thoại cho tôi nói chuyện để có chuyện mà nói. Đầu đó hai ba phùa qua điện thoại đường dài, lần nào cũng kéo... dài cả tiếng đồng hồ. Nhưng với giọng nói chậm chạp, chậm rãi nhưng thật trầm ấm và đầy ắp giao tình, có thể vì lâu ngày mới gặp lại. Vì lâu ngày không gặp nên tôi được biết ngoài giờ đi làm hoặc cuối tuần, nó hay ra thư viện đọc sách và chỉ chuyên trị một hai thể tài khó nhai, khó nuốt như dân tộc Khờ-me hay Chàm.

Chưa hết, nó còn sắm nắm tôi hãy viết về những người Chàm mắt nước này. Nhưng tôi phớt đời vì rằng nào tôi khác gì họ, cũng đang mang sẵn cái mạch quê hương bản quán, vạn kiếp tha hương nghìn đời thê thảm... Nên chẳng hứng thú gặm nhấm đau thương làm cái thú giải sầu với mấy cái địa danh Châu Ô, Châu Rí này kia. Tôi cũng chẳng có thì giờ lắm cảm cho quá khứ với mấy cái tên Chế Mân, Chế Củ này nọ. Tất cả đã thuộc về nhang khói hương đèn với mồ yên mả đẹp. Lại nữa, tôi chẳng đại gì màn mò tra cứu sách vở, còm cõi thức đêm thức khuya

để...ma Hời nó đọc, để bạn đọc chửi cho mục mã. Nhưng trong đầu tôi lúc ấy cứ lụng bụng với câu hỏi:

- Hay thằng này gốc Chàm chẳng?

Ấy vậy chứ sao nó biết tôi thủ sẵn mớ sử liệu tam sao thất bản về vương quốc ấy, ắt hẳn từ thằng anh vợ của nó. Thực tình với một mớ kiến văn hạn hẹp của mình không ngoài: Năm 1069, Lý Thường Kiệt đánh Chiêm Thành, bắt được ba nghìn tù binh mang về Thăng Long xây cung điện, nay dấu tích tìm được vẫn còn ảnh hưởng văn hóa Chàm...Nói cho cùng tôi chỉ làm cái chuyện gánh bùn sang ao với “sưu tầm”, “sưu khảo”, hiểu theo nghĩa là...của người phúc ta vậy thôi và không hơn.

Và tôi nghĩ quẩn: Cũng có thể nó là hậu duệ của đám nghệ nhân này lắm ă? Dám có thật chứ chẳng chơi. Nhưng tôi vội xua đuổi ý nghĩ...hoang đàng ấy ngay đi. Vì bài này viết về một thằng bạn cũ, bốn mươi năm không gặp, cũng chẳng nên quơ quào sử sách vào đây cho nặng nề, bạn đọc sẽ nhưc đầu mỗi mắt rồi lại chửi cho sói đầu.

Thế nên tôi chẳng...dại. Và chuyện là thế đấy...

Chuyện kể tiếp là một ngày ghé vùng thung lũng hoa vàng, bạn cũ một thưở một thời lại có cơ để tửu lạc vong bản, để lại có dịp gặp nhau đu đưa với quá khứ vị lai. Vừa dợm bước chân vào cửa thấy nó đã có mặt. Một cái bắt tay, dăm ba câu chào đón

giữa đám đông, không gần gũi mà cũng chẳng xa cách lắm. Nó không thay đổi nhiều, vẫn những dáng dấp xưa kia ngày nào. Ngồi trước mặt nó, để tạm quên những chập chạng ban đầu, tôi đốt mấy cái pháo chuột cho đậm đà hương khói. Vậy mà nó chỉ cười lúng lẳng như người cỡi trên nên tôi cũng hơi e dè. Nhìn kỹ nó hơn một chút nữa để ghim vào bộ nhớ, tôi thấy nó co khuôn mặt nhạt nhạt như nước lã ao bèo. Riêng cặp mắt như tiềm ẩn sâu kín...một nỗi sầu vạn cổ muôn kiếp nào đó.

Nói chung là thằng này có “mô típ”...hơi lạ. Lạ hơn nữa là sáng hôm sau nó tới sớm rủ tôi đi uống cà phê. Chưa hết ngạc nhiên, nó lại còn nói sẽ đưa tôi đi thăm phố Tàu, phố Nhật, nếu còn thì giờ, sẽ ghé mấy tiệm đồ cổ. Tôi nhủ thầm: Quái, sao thằng này biết tôi chơi đồ cổ, trăm sự ở thằng anh vợ chẳng biết đích gì ba cái thứ mốc meo, cũ sì mà ra. Cái thằng đương kim anh vợ bố lão của nó nào có biết chuyện mấy bà vợ già thâm căn cố đế đều thích được sờ mó, vuốt ve, thế nên đều thích mấy ông chồng...chơi đồ cổ như tôi đây chẳng hạn. Ngồi không trên xe, tôi ngắm chừng thấy nó dường như thuộc dạng...có tướng lại không có tính, nên tôi chẳng biết nó...tính gì. Trên xe, nó nhắc lại bạn bè xa gần với âm hưởng rất chân tình cùng những dấu ấn xa vắng...Và cũng qua nó tôi được biết: Nó không muốn đánh mất những hoài niệm năm tháng xưa cũ cùng thằng này thằng kia. Nên tự nó, nó tạo một khoảng cách với bạn bè. Nghe chung chiêng

chống chếnh sao ấy, tôi thấy thằng này “hoi bị”...khó hiểu, nên cũng cần phải...tìm hiểu, kiểu tìm hiểu dấm dớ bờ bụi ấy mà. Nhưng của đáng tội để...“hiều” nó thì tôi cũng đành lắc đầu chịu chết nghĩ không ra.

Ấy vậy mà nó đưa tôi đi ăn cơm Tây mới...hay. Quán tên Caffè Treste nằm bên con phố cổ của Pháp, có những xe đẩy bán hoa và trái cây, người đi qua kẻ đi lại nhàn tản...như Tây. Tôi và nó vừa vật nhau với “cù-dia”, “phóc-sét”, thịt bò tươi ron ron, cắn ngậm răng, ngon đến bối rối. Nó và tôi vừa thả rong trên đường xưa lối cũ qua những chuyện mưa không ướt đất, nắng không âm đầu để chẳng còn xa cách nữa. Bây giờ ngồi gần, tôi bắt gặp nó có khuôn mặt thật bình thản, an nhiên tự tại, có những lúc đột biến như mây trời mỏng dần lóe sáng như...sấp sáng, như hào quang của đức Phật nhìn về bờ mê bên ngộ. Rồi chẳng được mấy nả, lại có những khi tối sầm, tối như xắt ra từng miếng u nân, như nét mặt u mặc của chúa Giêsu bị đóng đinh trên thập tự giá. Lay lắt qua chuyện mỗi lần gặp một thằng bạn lâu ngày không gặp, qua làn da mặt chùng chắt những nếp nhăn, vết gập. Tôi tìm thấy chính mình...Tạm hiểu già rồi, cũ kỹ rồi, tôi trở thành cỗ kính như một món...đồ cổ lúc nào không hay.

Từ một món...đồ cổ tôi lê la đến một đoạn trong truyện dài *Lý Hợp Thiết Cương Ký Sự* của Lê

Thiếp lúc nào cũng không hay. Ông hậu duệ của nhà Lê đương bả...

“...Lý Hợp khệ nệ khiêng đồ đạc vào phòng. Cả ba đưa bạn tiếp tay.

- Mẹ kiếp cái va ly gì kỳ vậy.

- A, tao gọi nó là Thiết Hoa Ly. Cái va ly bằng nhôm của ông già tao để lại. Bà mẹ tao bảo cái va ly này là của gia bảo phải giữ gìn cẩn thận. Tao đếch biết tại sao...”

Rồi đang mải mê ngoạm ba miếng “dăm-bông”, “xúc-xích” với “phô-ma” đưa cay. Tôi đưa cay với nó chuyện bạn ta Lê Thiệp đang vật lộn chữ nghĩa về cái rương bằng nhôm Thiết Hoa Ly. Bỗng dưng tôi phọt miệng hỏi nó dăm câu không đầu...Đế sau đấy ngụp lặn trong hồ sâu biển rộng, chẳng biết đầu là bến với bờ:

- Này, nghe nói bạn bè...luận nhiều về ông.

Nó khóa miệng tôi lại:

- Tôi cũng có nghe...như ông vậy.

Nó háy mắt cười cười:

- Ông mà nghe thằng Lê Thiệp nó hươu thì có đồ thóc giống ra mà ăn.

Nhấp ngậm vang, giọng lực đực:

- Tôi còn không biết tôi là ai nữa là...

Mắt tôi đang bè ra như cánh bướm, thì nó đã trải rộng tới đầu sông cuối bãi:

“...Đầu đuôi từ những ngày ở cư xá Minh Mạng mà ra: Tôi có cái hòm gỗ sơn son thiếp vàng với khóa đồng có từ thời Nhật đảo chính Tây. Tụi bạn

nó rì rầm với nhau, thằng thì rõ ràng mắt trông thấy thanh kiếm của một ông vua nhà Nguyễn nào đó. Thằng thì rõ mười mười là thanh kiếm của Nhật. Và tôi chẳng rỗi hơi ba cái chuyện tâm phào bá vợ ấy, nhưng ấy là chuyện cũ, thừa ông.

Chuyện mới đây là trước năm 75, tôi được bốc từ Pleiku về Bộ chỉ huy Không Quân ở Tân Sơn Nhất ngồi chơi xơi nước đợi bàn giao mấy cơ xưởng bảo trì cho Mỹ. Chưa kịp ký nhận thì miền Nam đứt phim, trong trại cải tạo, tôi khai vồn vện chỉ một trang là con mồ côi, sĩ quan cạo giấy, không chức vụ, nên tự nghĩ cũng chẳng đến nỗi nào...Đùng một hôm, có một phái đoàn cao cấp Bộ nội vụ tới “làm việc” với tôi.

Họ dẫn theo một cô gái người Nhật, nhỏ hơn tôi ba, bốn tuổi, cùng ông phó lãnh sự và tay thông dịch viên. Vừa ngồi xuống, ngay sau khi giới thiệu, tôi bật ngửa người ra...Ông biết không: “Cô gái Nhật ấy chính là em gái tôi...”.

Hơ! Tôi ngẩn ra nhìn khuôn mặt của nó tròn xoay, mắt đeo cái kính tròn vo. Tôi thấy nó đúng là người Nhật thật cũng nên như bạn bè vẫn thường khác nhau.

Rồi như bị chao đảo, tôi hỏi một câu ngớ ngẩn:

- Ông là người Nhật?

Nó chưa kịp trả lời, tôi lại cật lực hỏi tới:

- Nhưng ông họ Lý mà?

Nó nhấp một ngụm cà phê và cười buồn:

- Họ Lý là họ của bà cụ tôi ở Bắc Ninh.
- Và tôi lần nữa tiếp:
- Rồi ông được ra sớm?

Đặt nhẹ ly vang xuống và bây giờ nó mới...vào chuyện:

“...Cũng chẳng sớm sủa lắm, xe chở tôi từ trại cải tạo ra thẳng phi trường. Ghé Nhật ở nhà cô em mấy tháng, vì vậy mới ký cốp thành chuyện. Mà chuyện của tôi thì nhì nhằng lắm...Chẳng là cô em tôi là ký giả, trước khi qua đón tôi cô ấy thu thập được ít sử liệu và viết thành một tập *Bi Ký Sự*, không hẳn là gia phả, thì tạm cứ cho là gốc gác thẳng trâm của một dòng họ đi. Chiều rảnh ghé nhà, tôi đưa ông xem.

Bây giờ nhớ đến đâu, từ từ tôi kể ông nghe đến đó...

Có thể nói tắt cả bằng vào với những móc nối của lịch sử khẩn hoang:

Mạc Đăng Dung xóan ngôi nhà Lê, lập ra Dương Kinh, kinh đô mới, đây là thành phố ven biển đầu tiên ở nước ta để thông thương với ngoại quốc. Các nhà khảo cổ gần đây đã tìm thấy rất nhiều đồ cổ, nhất là tiền cổ của Trung Đông, Hòa Lan và Bồ Đào Nha ở đảo Cát Bà, để sau này Đàng Ngoài, Đàng Trong mới có Phố Hiến, Hội An. Có thể nói Mạc Đăng Dung là một Minh Trị Thiên Hoàng của nước ta, nếu không có chuyện Trịnh Kiểm đánh đuổi con cháu nhà Mạc lên Cao Bằng, rồi vì quyền lực đẩy

Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa mới có nhà Nguyễn, mới có Thủy Chân Lạp...”

Nghe như đâm vào tai ấy vì cái thằng khi này mắc chứng gì khi không lại mang Minh Trị Thiên Hoàng với Thủy Chân Lạp vào đây!?

Rồi cũng khi không cái lưỡi tôi lại đá cái miệng và lụng bụng:

- Vậy chứ gốc gác ông họ Mạc?

Làm như không nghe câu hỏi, nó nắc nỏm:

- Ông biết tôi không phải là người chữ nghĩa như Lê Thiệp và ông. Vì trang sử đã lật qua, nhưng sử cận đại gần đây, có những khuyết sử cần được tồn nghi, thì qua tập “Bi Ký Sự”, hy vọng sẽ cần án được một chút nào chẳng, thưa ông.

Cái đầu tôi đang láp ngáp với “cản án”, “tồn nghi”, “khuyết sử” thì may quá là may, vừa lúc nhà hàng mang thêm đồ ăn thức uống ra.

Nhưng cũng chẳng may gì, nó lại nhét vào đầy miệng tôi như vậy đây:

“...Theo tôi thì chúa Nguyễn Phúc Nguyên là người có công nhất trong cuộc Nam tiến nhất. Năm 1620 chúa Sãi gả quận chúa Ngọc Vạn cho Miên vương Chey Chetta II, đổi lại cho phép di dân người Việt được vào Bà Rịa để khai khẩn đất hoang và tặng nhà chúa đất Biên Hòa làm quà cưới...”

Bổ khí! Tôi chả dại mồm dại miệng nhét răng với cương giới, địa giới, niên kỷ, niên đại này kia,

kia nọ để làm phiền bạn bè. Vì nó rầm rẫn nên tôi đành ghi chép ra đây cho có...chuyện. Và chuyện là:

“...Theo sử của người Miên quận chúa Ngọc Vạn tức hoàng thái hậu Angk-Mey, sinh được một hoàng tử tên Chey Chetta III. Vua Chey Chetta II băng hà, uẩn khúc này, qua tập “Bi Ký Sự” của cô em tôi thì bà bị giăng co giữa chúa Sãi và Miên triều. Vì phía nhà chúa muốn bà ở lại đất chùa Tháp để hai nước giao hảo ít lâu, khi nào sát nhập Thủy Chân Lạp vào nước ta, thì sẽ thu đất Thổ Chân Lạp về một mối. Vì vậy bà vẫn một tay trông nom triều chính, nhưng bà mềm mỏng tách ra ngoài tầm ảnh hưởng quyền lực của cha ở Phú Xuân và xem giang sơn nhà chồng như giang sơn của mình. Nhưng phía Miên quốc không muốn có một ông vua gốc Việt theo Phật giáo đại thừa. Chẳng vì ngại vàng mà mất con, nên bà đã mang Chey Chetta III về Bà Rịa, tiếp tục khai hoang vùng đất mới này. Sau bà xuống tóc đi tu và được gọi là “cô Chín”....”.

Đột nhiên nó ngừng lại và hỏi tôi:

- Ông nghĩ gì vậy?

Tôi lắc đầu vì có khi mớ gì đâu mà nghĩ? Nó nhìn tôi, chậm rãi nói từng tiếng một, âm hưởng như rơi vào chân không, trong một buổi sáng ít mây nhiều nắng:

- Tôi là hậu duệ của thái tử Chey Chetta III.

Tôi chưa kịp nhảy nhồm lên, nó tháo kính ra lạng lẽ nhìn tôi. Tôi trở mắt nhìn đôi mắt dài dại, nước da bánh mật của nó. Tôi nhận ngay ra nó đúng là...người Miên thật chứ còn gì nữa. Qua hàng cây bên đường, giải nắng vàng len lỏi qua tàng cây, sà xuống mặt bàn, bò lên một phần khuôn mặt nó. Nắng hanh ản chìm như buông xuôi một quãng đời vào một dòng sông định mệnh đang chờ sẵn. Trong khi tôi đang lững lờ với những địa danh, những cái tên xa xưa, cùng những người muôn năm cũ, thì...

Thì nó mênh mang xa vọng:

“...Năm 1619, Hoàng thân Nhật Araki Shutaro vốn thuộc dòng dõi samurai ở Kumamoto đi thuyền mang cờ hiệu của công ty Đông Ấn Hoà Lan VOC đến cập cửa Đại Chiêm tức Hội An bây giờ. Ông mang theo quà của Mạc phủ Toyotomi gửi tặng nhà Chúa như gươm dài và dao lớn. Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên phong ông tước hầu, đổi tên là Nguyễn Toro, hiệu Hiên Hùng và gả trưởng nữ là quận chúa Ngọc Liên cho Araki Shutaro để giữ giao hảo với Mạc phủ Toyotomi.

Qua tập “Bi Ký Sự” với phần phụ đính của sách *Ngoại phiên thông thư* (quyển 13, tr 87-88) thì quận chúa theo chồng về Nagasaki (Trường Kỳ) và mang cháu là cụ cố tổ tôi, tức thái tử Chey Chetta III theo. Sau ông Nguyễn Toro Araki Shutaro một mình trở lại phát triển thương điếm và mật ở đây...”

Đến trần ai khoai củ này, cái đầu đậu phụng như đầu tằm bột gạo của tôi bòn mót với gia phả Nguyễn Phước Tộc thì “liệt truyện” về bốn công chúa của chúa Nguyễn Phúc Nguyên thuộc “khuyết truyện”. Vì vậy có sách ghi chép nhà chúa gả quận chúa Ngọc Hoa cho Araki Shutaro, có sách lại ghi là con nuôi nên chẳng biết đầu mà lần.

Tôi đang định nguyệt ngoác với nó về “khuyết truyện” trên thì nó đã hăm hui...

“...Quận chúa Ngọc Liên có tên Nhật là Anio và rất được người Nhật ở bản quốc mến mộ, khi mất, quận chúa được thờ cúng trong đền Daiongi. Đắt khách quê người, quận chúa cũng lặng lẽ nằm xuống để rồi hai mộ chí, một nằm đơn độc bên này bãi vắng, một u tịch bên kia biển đông. Một người cố quận Hội An, cảm hoài xa vắng về quê ta xa mãi bên kia biển và có câu thơ: *Hiên chùa cỏ mộ ban sơ, vọng âm vô lượng chia bờ cõi em, con đường “Phải Phở” Hội An, ta ra biển ngóng ngày tang bông về.* Sau khi quận chúa mất, cụ cố tổ Chey Chetta III tôi lưu lạc về làng Asaba tỉnh Iwata gần Tokyo rồi lập gia đình sinh con để cái ở đây.

Với phong trào Đông Du, cụ Phan Bội Châu qua Nhật tạm trú ở làng Asaba. Mới đây, cô em gái tôi vận động với thị trưởng Shiyouka tỉnh Iwata để mang những hiện vật của cụ Phan về trưng bày tại nhà từ đường của giòng họ Phan tại Huế. Trong đó có tranh truyền thân của cụ cố tổ tôi, và một số văn

bản viết tay. Một trong những văn bản ông cụ tôi có là bài thơ *Hồ Trường* của...”

Tôi đang ngần ngẩn gì mà thân già vác dùi nặng, nó mang: *Mạc phủ Toyotomi gửi tặng nhà Chúa gươm dài và dao lớn* vào đây. Ấy là chưa kể thơ thần: *Hiên chùa cỏ mộ ban sơ...* Trong khi lúc này nó quanh quéo là nó không phải là người chữ nghĩa như Lê Thiệp và...tôi

Được thể, tôi rọ cái mồm vào...nhà thơ Hồ Trường:

- Dương Bác Trạc.

Năm ngày bảy tật, cái tật của tôi cứ đụng tới rượu là ư hử *Hành Phương Nam* với *Hồ Trường*. Thế là tôi lao tứ khổ tâm, vượt râu nhả thơ:

Đại trượng phu không hay xé gan *bẻ cột* phù cương thường

Hà tất tiêu dao bốn bề lưu lạc *tha phương*...

Chưa ngậm vẫn nhả chữ xong, nó khinh khỉnh nhìn tôi và mắng tôi mấy mắng:

- Nguyễn Bá Trác, thưa ông.

Rồi nó vả miệng cất lưỡi tôi như thế này đây:

- Bẻ cột chứ không phải “bẻ cột”.

Tha hương chứ chẳng phải là “tha phương”.

Thế là tôi đi tướt và ngọng trông thấy. Vậy mà nó vẫn chưa tha:

“...Năm 1945 ở Quảng Nam, cụ Nguyễn Bá Trác bị Việt Minh mang ra bắn ở sông Trà Khúc.

Trước mặt đám đông dân chúng tỉnh lý, trong những giây phút giữa sự sống và sự chết, thì được ông cụ tôi cho người tới giải cứu nhưng không kịp. Trong bài viết *Cụ tuần Trác-Duy hữu ẩm già lưu kỳ danh* năm 2003, tác giả cho hay người Nhật tên Anmomad là nhân chứng đã nhắc đến chuyện này, thưa ông...”.

Cái đầu tôi như đêm, dày như đất của tôi nghĩ không ra sao nó mang chuyện cụ Nguyễn Bá Trác vào đây cho rôi chuyện. Hay là nó muốn nhúc nhúc tới ông cụ nó. Thế nên tôi ngúc ngắc cái đầu:

- Lúc ấy, ông cụ làm gì?

Nó dẫn đo một lát, rồi dăm chiêu:

“...Cụ Kỳ Ngoại Hầu Cường Để thuộc dòng dõi của hoàng tử Cảnh. Như ông biết đấy, cụ được thủ tướng Nhật Khuyển Dưỡng Nghị và chính phủ Pháp sắp xếp để về kế vị Khải Định vì ông vua này không có con. Chẳng may Khuyển Dưỡng Nghị bị ám sát, nên chuyện không thành...”.

Nó khẽ khàng nói, khẽ khàng đứng lên vào trong ới đồ ăn thức uống ra nữa, cứ đi ra đi vào làm tôi rôi cả mắt. Bất chợt có một cơn gió lạ, gió thổi muông chiều khiến tôi có cái nhìn khác về nó: Nó là người không có tướng mà lại có tinh...đứng ngồi không yên như con lật đật, con đường hoạn lộ ắt hẳn lên thác xuống ghềnh. Chẳng như tử vi nó trong *Thiết Cương Ký Sự* của nhà văn hóa cổ đại Lê Thiệp

với thiên cơ bất khả lậu qua bạn bè: “Hai mươi một tuổi đã hiển đạt, có ấn triện trong tay...” .

Đụng đến...*ấn triện*, tôi mon men làm quen với ông cụ hoàng Bảo Đại mà thấy ngán ngấm: Ông làm vua có cái bảo kiếm và cái bảo ấn, biểu hiệu cho vương quyền cả mấy trăm năm. Vậy mà trước khi mất, không ai biết hai vật quốc bảo này luân lạc ở đâu để cụ Vương Hồng Sển bỏ nháo bỏ nhào đi tìm. Chưa hết, mới đây hoàng tử Bảo Long qua Quận Cam, Nguyễn Phước Tộc nêu lên chuyện thanh bảo kiếm ấy với ông ta. Ngay như tôi với tôi thú chơi đồ cổ cũng đang há miệng chờ sung đây...Nhưng ấy là chuyện sau. Đang cùm nùm cùm nự về thanh kiếm cổ, vừa lúc nó ra.

Vừa ngồi xuống nó đã hi hục chum củi đốt lò hương cũ:

“...Ngày 9-3-1945 Nhật đảo chính Pháp, lúc bấy giờ ông cụ tôi là lá bài tẩy của họ, mặc dù bề ngoài là Đại tá Hiến binh Nhật. Nhưng thực sự ông cụ tôi là nhà sử học, vì vậy không muốn đi theo chân của Lê Chiêu Thống công rấn gà nhà. Còn đang nhùng nhằng, ông cụ tôi đã mang với bà cụ tôi rồi sinh ra hai anh em tôi. Nhật đầu hàng đồng minh, ông cụ tôi ở lại giúp Trương Tử Anh của đảng Đại Việt lập ra Trường Quốc Tuấn Lục Quân Học Hiệu.

Vì thời cuộc ông bà cụ tôi mang cô em gái tôi về Asaba chăm lo mồ mả gia tiên. Chuyện tôi không đi theo cũng dễ hiểu thôi, vì dòng họ tôi là

“samorai”, là con trai phải ở lại để sau này tiếp tục con đường đang dở dang của ông cụ. Bằng chứng là ông cụ để lại cho tôi cái hòm gỗ, để ông Lê Thiệp có cơ nhét vào đấy “Cái bình cô Huyết Bò – Sang du Boeuf – đời Thanh rất hiếm, giá cũng cả nghìn lạng vàng”.

Hoặc giả như tụi bạn tôi nó rí tai nhau trong đó có thanh kiếm Sharya được rèn đúc lại từ thời Phủ Chúa ToKugawa. Hoặc là thanh kiếm Thái A Kiếm (*) của Gia Long. Nói cho ngay, nếu trong đó có thanh kiếm thật, thì đó là thanh Kenma Inazuma Tou của trường Chấn Võ Lục Quân Đông Kinh mà ông cụ tôi vẫn mang theo bên mình qua lời bà ngoại tôi kể lại. Và chuyện chỉ có vậy và không hơn! Thưa ông...”

Cái thằng lạ cứ thưa với gửi, cứ như dân quý tộc không bằng. Mà nó quý tộc thật mới đau, vừa cầm con dao Tây cắt cắt miếng...thịt bò “Sang du Boeuf” vừa tỉnh như “Ăng lê” buông một câu: “ Và chuyện chỉ có vậy! Thưa ông...”. Nhưng với tôi thì khác, chuyện nó kể thần kỳ như truyện dã sử, có kể lại bằng miệng cũng chẳng ai tin. Vì vậy, ngay lúc ấy trong đầu tôi đang manh nha hình thành một bài viết với lối hành văn “trong sáng, dễ hiểu”, và một bộ cục “chặt chẽ, gãy gọn” về câu chuyện của nó.

Tôi mừng tượng truyện này sẽ rất có “kích thước” của chiều dày 500 năm lịch sử. Với hồn thiêng sông núi, cùng một vũng tang thương nước

lộn trời của những bước chim di: Chúa Tiên đi vào nơi gió cát Thuận Hóa. Quận chúa Ngọc Vạn thân gái dặm trường ở Thổ Chân Lạp. Thái tử Chei Chetta III bôn ba qua Nhật. Ông cụ nó qua Hà Nội, lập gia đình, rồi trở lại quê nhà. Riêng nó sau khi ra tù, chọn thung lũng hoa vàng làm đất dung thân và hiện đang ngồi trước mặt tôi lúc này đây.

Lại học mót từ một nhà văn hào ngoại quốc: “Truyện là hư cấu, nhưng phải dựa vào chuyện có thật, thêm bớt một chút không sao. Nếu không, sẽ là một tác phẩm chết”. Nên tôi trộm nghĩ với tất cả những tư liệu sống ấy, cùng niềm hứng khởi đang dâng tràn của mấy ly rượu vang, như những lớp sóng thủy triều. Rượu thịt đánh thẳng rón xong, trong cỏi mù mịt tôi vén mồm xáo cuội nếu chịu khó gọt câu đẽo chữ, ắt hẳn sẽ gửi gắm được một cái gì đây qua bài viết. Vì vậy tôi hoảng huýt:

- Hay là ông để tôi căng óc nặn chữ vắn óc véo câu xem sao?

Nó gật gương và bật rật:

- Ủ, ông dày chữ thì viết...Nhưng đừng...lạc đường vào lịch sử đấy!

Vẫn chưa xong, nó đe nẹt tôi:

- Thì như ông đã hay biết, theo Nguyễn Văn Trung trong tiểu luận *Vấn Đề Nhân Vật Lịch Sử: Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh và Những Cách Tiếp Cận*. Ông Nguyễn Văn Trung muốn nhấn nhủ với Nguyễn

Huy Thiệp, Nguyễn Mộng Giác, Nam Dao, Trần Vũ
rằng: *Không nên sử dụng lịch sử một cách tùy tiện.*

Nó tháo kính ra lau lau, và vừa chèn ngang một
câu:

- Ông đừng tùy tiện bóp méo lịch sử mà
hãy...vo tròn lịch sử, thưa ông.

Nó đeo kính lại. BỐ khi! Bây giờ nó không còn
là Chàm, là Miên, là Nhật nữa. Trông nó y trang như
một nhà sử học với gọng kính tròn vo. Như ông cụ
nó vậy.

Nhìn đồng hồ cũng quá trưa, nó giục tôi ghé
tiệm đồ cổ trước, thực ra không phải là tiệm mà là
nhà riêng, có quen biết hoặc được giới thiệu, họ mới
tiếp. Bước vào trong, tôi cứ hoa mắt cả lên, vì có
quá nhiều cổ vật mang từ Việt Nam qua. Nhiều nhất
là đồ gỗ, đồ đồng, xó xinh nào cũng bày la liệt như
bày hàng đồng nát, từ phòng khách qua hành lang,
xuống cầu thang, tới tận dưới tầng hầm sâu thun
thút.

Tôi sẫm soi ngắm nghía, tần mẩn sờ soạn từng
món, đắm đuối với cái đẹp của lạc tinh, lên nước.
Trong khi nó vẫn lơ đãng nhìn đâu đâu, đến cặp trống
đồng, nó sà xuống ngồi gõ gõ một hai cái nghe kêu
“bụp, bụp” làm như người sành sỏi lắm. Tôi liếc
qua, trong bụng rửa thầm, trống đồng gì mà rẻ như
bèo, chỉ có mấy trăm, hay hơn nghìn một cái. Lại
không phải nguyên khối, những mảnh hoa văn rời

racuse, được ráp nối bằng mấy vết hàn, cũng hoen rỉ đồng xanh, nhưng trông thô thô làm sao ấy.

Cho đến lúc tôi mầy mò đến mấy cái triện cổ. Trong đó có một cái triện đầu một người đàn bà bằng đồng. Đầu đội vương miện, trán có nốt ruồi. Tai dài và dái tai dày như tai Phật nhưng lại đeo khoen. Tôi không rõ là đầu bà Phật hay nữ hoàng. Bèn hỏi. Gia chủ lắc đầu chẳng hay và chỉ biết là cái triện của người Khờ-me.

Trộm thấy chủ nhà lắc đầu tức không thông hanh lắm, tôi được thể “hươu”...

Ấn triện đồng với hình tượng là đầu nữ hoàng Khờ-me vì đầu đội vương miện, dái tai đeo khoen. Dưới đáy triện được khắc với chữ triện văn tự lục thư tượng hình của Nặc Ông anh, Nặc Ông em ở đất Thổ Chân Lạp. Hơn là khoa đầu văn (hình con nòng nọc) từ ông quan Tàu tên Thương Hiệt (2700 trước TC) thời Phục Hy-Hoàng Đế. Thời này chưa có nước Khờ-me.

Và như lân thấy pháo, tôi lồm bồm thêm những hiểu biết về triện qua sách vở, nào là triện vua bằng ngọc hay vàng với rồng năm móng. Triện quan nha bằng ngà voi hoặc đá quý với rồng bốn móng hay kỳ lân phủ phục. Triện phủ huyện, quan viên bằng đồng hay gỗ cùng ấn khắc kiểu chữ triện như Khoa đầu văn, Ngư thư, Tuệ thư...

Dòm chủ nhà mặt nghệt ra như chúa Tàu nghe kèn nên tôi không động đậy tới ông Tàu Thương Hiệt thời Phục Hy-Hoàng Đế mà trở về với An Nam

ta với ấn triện và ấn kiếm chả phải chuyện phù phiếm. Vì vậy viết sưu khảo là đào sâu chôn chặt để làm cho sự việc rõ ràng hơn. Chứ không phải để làm rối rắm thêm.

Thế là cái đầu đất tôi lại mượn có đào xới với gia chủ về chiếc “Ấn truyền quốc” của nhà Nguyễn, nguyên thủy và lâu đời nhất vẫn là chiếc “Đại Việt Quốc Nguyễn chủ vĩnh ân chi bửu” (1) của Nguyễn Phúc Chu. Rồi bắt qua “Việt Nam Quốc vương chi ấn” của Gia Long (2). Được thể tôi khoe mẽ sự hiểu biết về cái ấn triện “Hòang Đế chi bửu” (3) là của Gia Long hay Minh Mạng?

Nhưng tôi lại...không biết bây giờ cái ấn ấy đang ở đâu và ai cất giữ, v...v...

Và nó đứng sau lưng tôi tự lúc nào không hay, mắt nó dán chặt vào mấy cái triện Tàu, triện Việt của các quan lại hay làng xã, chùa chiền mới gần đây. Nó khoan tay chăm chú lắng nghe, và mím môi không chịu nhả răng cạp đất cho một tiếng.

Đề rồi, tôi há hốc mồm ra. Như ngộp thở vì thềm...một hơi thuốc lá.

Mở cửa ra ngoài, vừa thả bộ dọc theo triền dốc vừa suy nghĩ mông lung: Với nó, hình như tôi vừa thấy có một cái gì hơi bị...“khó hiểu” thì phải. Như trên tôi đã mào đầu, là như cuộn chỉ rối, vừa mới đây nhắc đến thanh kiếm trong cái hòm gỗ, nó gánh bùn sang ao: Theo bà ngoại nó thì đó là thanh Kenma Inazuma Tou.

Nhưng theo tôi đoán chừng...Nói cho đúng ra thì tôi chắc như gạch nung là...là đường như nó đang có trong tay thanh bảo kiếm của...cụu hoàng Bảo Đại.

Với thanh bảo kiếm này cái đầu đất cứt trâu hóa bùn của tôi lại nhão nhoẹt qua những bài biên khảo thì thanh bảo kiếm của Thái thượng Hoàng Khải Định, vua cha của Bảo Đại có khắc hàng chữ trên vỏ kiếm: “Khải Định niên chế”. Nó được rèn đúc vào năm Khải Định lên ngôi và trọng lượng y hệt như thanh kiếm “Minh Mạng niên chế” đúc ngày mùng 4 tháng 2 Minh Mạng thứ tư năm 1823. Kiếm sắt, cán dạn ngọc, lưỡi kiếm mạ vàng, trọng lượng vàng ròng nặng 4 lạng 7 chỉ 5 phân.

Năm 1946, quân đội Pháp tình cờ tìm thấy thanh bảo kiếm của cụu hoàng giấu trong thùng thiếc dầu hỏa tại căn nhà ở Hà Đông đang tu bổ. Bảo kiếm một phần bị rỉ sét, lưỡi kiếm đã bị gãy làm đôi, sau phải hàn lại (4). Bảo kiếm được trao lại cho bà Mộng Điệp mang lên Ban Mê Thuật, dưới sự nhận diện của bà Từ Cung, mẹ của cụu hoàng. Sau đó, Bảo Đại viết thư cho bà Mộng Điệp đem qua Pháp. Đến năm 1953, bà trao cho Nam Phương hoàng hậu và Hoàng tử Bảo Long. Cũng theo bà Mộng Điệp, Bảo Long đã đem cây kiếm bán đấu giá cho một người Pháp. Bà có chụp ảnh với người mua đứng giữa cầm kiếm và hai vợ chồng Bảo Long đứng hai bên.

Với chuyện người chuyện ta, tôi lòi tói ra cái ý nghĩ mang chuyện tôi để...thăm dò nó cho ra nhẽ. Ý đồ tôi là muốn khoe mẽ mớ đồ cổ mốc meo mà tôi đang có trong nhà qua bài viết có tên: *Nhà tôi*. Về thanh gươm, tôi đã bài bản như thế này đây:

“...Chưa hết đầu bác, trước khi ra phòng ăn, tôi còn một chuyện nữa, chỗ bác đang ngồi ngay đây, trên tường có treo cặp kiếm của Nhật. Bác ngược đầu lên, cũng chẳng có gì đặc biệt. Bác tinh như ma thật chứ chẳng chơi, vì chẳng có gì hay ho thật, chỉ là cặp kiếm để trưng, hiểu theo nghĩa trang trí không hơn không kém. Và nếu tôi có vui miệng róc đời một chút về thanh bảo kiếm của cựu hoàng Bảo Đại, có bốn chữ nho “Khải Định niên chế” thì bác cũng nghe như gió thoảng mây bay. Nhưng thôi, đó không phải là chuyện tôi muốn dông dài với bác, vậy thì bác nghe cho kỹ nhá:

Nhà tôi bị cướp hai lần, lần đầu thằng ăn cướp nó vồ lấy bộ gươm Tàu mà tôi thừa ở tiệm cầm đồ cũng khá bộn bạc. Sau tôi tậu bộ kiếm Nhật khác đã hoen rỉ ở chợ trời. Lần thứ hai nó viếng nhà tôi nữa và cũng chỉ xách bộ gươm nặng ký ấy đi, ngoài ra không thuổng một thứ gì khác...Át hẳn là tôi không có duyên với kiếm cung chi đây, nên lần này tôi phải treo cặp kiếm Nhật...giả. Như bác đã thấy đây.

Cũng chả dẫu gì bác, mặc dù nghĩ là không có túc duyên với gươm đàn nửa gánh, giang sơn một chèo. Nhưng mỗi lần lạng quạng vào tiệm đồ cổ,

thấy thanh kiếm nào lạ, tôi lại loay hoay xoay tới xoay lui đi tìm ba chữ nho nhe “Khải Định Niên Chế” vì ai biết đó là đâu. Biết đâu của lại chẳng đi tìm người...”.

Với đoạn văn trên đọc lên đã thấy rất...“hoàn cảnh”, gần xa với nhất cổ nhì quái, chẳng qua tôi có ý đồ khàn khàn tịt tịt là dường như có tới hai (4) thanh kiếm Bảo Đại. Vậy chứ nó đang có trong tay thanh bảo kiếm nào đây? Nghe xong chuyện của đi thay người với ruột gan như xát muối ấy, nó cứ lờ tịt làm nên tôi đâm ra càng nghi tợn. Nhưng ấy lại là chuyện sau. Thôi thì hãy trở lại chuyện *Bi Ký Sự* của cô em nó, mười năm rồi nó chẳng tung hê với ai, hay là nó tung hỏa mù để sửa soạn dư luận nào đấy, chuyện này thì xưa như trái đất. Cuối cùng nó còn... ần dụ tôi “Viết thì cứ viết...”.

Đi mấy bước nữa xuống cuối con dốc, tất cả dây mơ rễ má của câu chuyện làm cái đầu tôi... bí rị. Bất chợt nhìn xa xa có một hồ nước như cái đầm, cạnh là cụm cây thưa như khu rừng nhỏ. Gió thổi nghe rì rào như âm vọng từ đất Bắc Ninh với hai câu sấm truyền trong dân gian: *Bao giờ rừng Báng hết cây – Đầm Long hết nước Lý nay lại về*. Làm xong điều thuốc, đang định bước một quay về lại cái nhà sưu tập đồ cổ.

Bỗng tôi khựng lại vì trong cái đầu củ chuối của tôi bật ra cái ý nghĩ:

Hay là nó đang đi tìm chiếc ấn “Bảo Đại thần hàn”, vàng 15 lạng, quai hình rồng bay, đầu ngẩng, há miệng, lưng cong vòng, đuôi xòe 5 dải hình ngọn lửa. Chiếc ấn này và thanh bảo kiếm được Trần Huy Liệu mang về Bắc Bộ Phủ năm 1945 (4).

Cứ theo tôi cóc cày thì ông cụ nó phải biết.

Tôi bối rối nhìn trời nhìn đất và sắp xếp sự kiện theo thứ tự thì Bảo Đại thoái vị ngày 6-9-1945. Và theo nó cụ Nguyễn Bác Trác bị Việt Minh xử bắn ngày 25-8-1945. Từ những ngẫu sự trên, tôi như xầm sờ voi với ông Watanabé, bô nó, đã không cứu được cụ Nguyễn Bác Trác vì phải “đuổi” theo thanh kiếm Bảo Đại. Thanh kiếm đây theo Trần Huy Liệu được giữ trong Bắc bộ phủ. Nhưng năm 1946, Pháp tình cờ tìm thấy trong thùng dầu hỏa ở Hà Đông. Vì vậy gần đây ở Hà Nội có nguồn cho là thanh kiếm trao cho Trần Huy Liệu là giả. Trở lại bảo kiếm được Bảo Đại trao cho bà Mộng Điệp mang qua Pháp, theo bà ấn kiếm ấy có tên là “Nguyễn Triệu chi bảo” chứ không phải “Khải Định niên chế”. Với thanh kiếm tìm thấy ở Hà Đông là thanh “Khải Định niên chế”, hay là thanh kiếm giả nếu như nằm trong tay ông Watanabé thì... Thì cái đầu như cục vôi sống của tôi quá ngại tới viết sưu khảo để làm cho sự việc rõ ràng hơn. Chứ không phải để làm rối rắm thêm nên phải hỏi nó cho ra ngô ra khoai.

Tôi vội rảo bước vào nhà. Ấy vậy mà mới nhãng một chốc...

Cái triển đầu nữ hoàng Khờ-me nhoáng một cái đã biến mất.

Đục mặt ra nhìn cái kệ trống, tôi lại lan man tiếp rằng từ chiều tối hôm qua đến trưa nay, tôi vẹo vọt xem trộm tướng nó nào là *lặng lẽ, chìm sâu, khó diễn tả, tôi luôn mặt tự tin tự tại, sáng như hào quang của đức Phật, u mặc như chúa Giêsu*. Thế nhưng không phải... Với y ma thần tướng, bỏ vóc dáng Khờ-me, vát khuôn mặt Nhật Bản của nó đi thì rõ ra nó có ả tướng của... một bậc minh quân.

Bây giờ thì đã rõ như ban ngày ban mặt, theo quẻ dịch với bát tự tứ trụ, hay hoặc giả với *Sám ký* của cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Thì năm nay là năm Giáp Thân: *Khỉ hú trời Nam cá hóa rồng*, sang năm là năm Ất Dậu: *Gà kêu Nam Bắc hội Hoa long*, ắt phải có chuyện biến chi đây. Và tôi ngẩn ngơ đến câu *Lý đi rồi Lý lại về*.

Đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, bất nghi bất ngộ. Tôi ngộ ra rằng:

Giời ạ! Hay là nó sắp làm... vua!

Thạch trúc gia trang

(viết xong Giáp Thân 2004

thêm bớt Canh Thìn 2012)

Một vài “khúc mắc” về thanh kiếm của Bảo Đại

Năm 1945, Bảo Đại thoái vị, triều thần ở Huế trao bảo ấn và ấn kiếm cho Trần Huy Liệu mang ra Hà Nội. Dự buổi trao ấn kiếm có Cù Huy Cận. Ông Cù Huy Cận ghi lại lưỡi kiếm bằng thép. Theo Thái Văn Kiềm (?) căn cứ vào hàng chữ khắc trên vỏ kiếm là “Khải Định niên chế”, kiếm được rèn đúc vào năm Khải Định lên ngôi và trọng lượng y hệt như thanh kiếm “Minh Mạng niên chế” đúc năm 1823. Mặc dù không ai mục sở thị thanh “Minh Mạng niên chế”, nhưng nhìn chuôi thanh Khải Định có đốc kiếm (garde) bao che tay cho người cầm kiếm thì ai ai cũng hình tượng đến thanh kiếm của Trường võ bị Saint-Cyr của Pháp.

....



Vì “lưỡi” thanh kiếm là của Trường võ bị Saint-Cyr Pháp. Nhưng “vỏ” là bao của một thanh gươm Việt. Ngày 03.10.1923 tờ báo Journal, đăng tin: Hôm qua, sau lúc viện bảo tàng đóng cửa, người canh giữ khám phá đã bị mất cắp bao gươm một thanh gươm An Nam. Theo Trung tướng Niox, giám đốc Viện bảo tàng Quân đội (Musée de l'Armée) tại Paris thì bao gươm không phải bằng vàng mà mạ vàng, hai vòng ngoài (chape) và đường viền đồng (bouterolle) đều nạm đá và ngọc cả hai mặt.

Gần đây, theo tác giả Trần Văn Nhật thì không phải là “một thanh kiếm” mà là “cặp ấn kiếm” có tên là “Nguyễn triều chi bảo”. Cặp ấn kiếm này do Bảo Đại truyền chỉ cho bà Mộng Điệp đem từ Việt Nam sang Pháp đưa tận tay bà Nam Phương. Khi bà Nam Phương còn sinh tiền đã nhắc nhở Bảo Long: Đừng bao giờ mở tủ kiến mà tách hai bảo vật này ra hai nơi. Khi Bảo Đại viết xong cuốn sách *Con rồng An Nam* muốn mượn con dấu để đóng lên quyển sách thì Bảo Long nhất quyết không cho, viện dẫn lý do bà Nam Phương đã dặn dò như trên. Vì thế mà có cuộc tranh chấp kiện tụng ra tòa. Tòa xử: “Bảo Đại giữ ấn, còn Bảo Long giữ kiếm.”

Bảo Đại làm giấy tờ với chương khế trao ấn triện cho bà vợ người Pháp. Năm 1993, một nhà báo đã chụp được tấm ảnh Bảo Đại và Monique Boudot ngồi trước bảo ấn vàng này. Ảnh chụp bữa ăn đặt trước chai rượu, và một lô ly tách. Ấn triện không lớn hơn bề ngang chai rượu bao nhiêu. Theo tính toán và tài liệu riêng riêng của Lê Văn Lân ấn triện chỉ nặng 10Kg5 chứ không nặng nặng 12Kg9 như “Hàng Đế chi bữa” của Minh Mạng (hay Gia Long). Vì vậy không biết ấn triện này tên gì.

Còn thanh bảo kiếm, Bảo Long cất giữ vào két sắt của Liên Hiệp Ngân Hàng Âu Châu (Union des Banques Europeennes) tại Paris. Tháng 4 năm 1995, hai năm sau khi có tấm ảnh Monique Boudot với bảo ấn trên bàn rượu. Vì một lý do “bất hòa” nào đó, Bảo Long (là đại tá quân đội Pháp) cho một hội đoàn mượn ấn kiếm trưng bày ở Au bon Marché trong cuộc triển lãm về Việt Nam. Hiểu theo nghĩa là có nhiều người Việt nhưng không ai biết tên thanh kiếm. Và có thể vì kiếm ở trong bao, nên chẳng ai thấy “ấn dấu” như... “Bảo Đại niên chế” chẳng hạn. Như thanh *Thái A Kiếm* của Gia Long: Lưỡi thanh kiếm là sản phẩm Âu châu, đốc kiếm là của Á châu được làm tại Huế.

Theo Pierre Daudin, trong *Sigiiographic sino-annamite* viết về lễ đăng quang của Bảo Đại năm 1934. Trước mặt bà Từ Cung, những biểu tượng vương quyền trên bàn tế lễ gồm có: Một chiếc mũ

gắn ngọc. Áo thụng gấm vàng. Khuôn bảo ấn. Kim sách (tờ sắc phong) biểu tượng cho vương quyền. Sau buổi lễ, bà Từ Cung cất tất cả vào kho của điện Cẩn chánh. Và không thấy Pierre Daudin nhắc đến thanh bảo kiếm!

Trở lại chuyện bà Mộng Điệp khi bà này được Pháp giao trả ấn triện và ấn kiếm bị thất lạc. Bà Từ Cung nói với bà Mộng Điệp: “Bà có phước lắm bà mới thấy ấn kiếm ấy. Tôi vào làm dâu nhà Nguyễn bao nhiêu năm mà tôi có được trông thấy bao giờ đâu!”.

Theo bà Mộng Điệp, năm 1953 Bảo Long đem cây kiếm bán đấu giá cho một người Pháp kèm chứng từ có hình ảnh. Với tư liệu của bà Mộng Điệp, người đọc hiểu là Bảo Đại có cặp ấn kiếm ‘Nguyễn triều chi bảo’ (trùng hợp với tác giả Trần Văn Nhật).

Tuy nhiên theo Pierre Daudin và bà Từ Cung, chẳng lẽ Bảo Đại lại...không có kiếm? Như Gia Long có ít nhất 2 chiếc (Xem Chú thích ở dưới với *Thái A Kiếm* và *Thanh gương quy y*), Minh Mạng 1, Hàm Nghi 2, v...v...và Khải Định 2.

Thanh *Thái A Kiếm* của Gia Long được tìm thấy trong Viện bảo tàng Quân đội (Musée de l'Armée) ở Paris. Theo Nguyễn Thanh Giang, Lữ Huy Nguyên, thì thanh “Thái A Kiếm” này gốc gác từ thời nhà Tần có tên "Thái A", và một thanh khác là "Long Tuyền". Từ sự tích “trông, mái” bên Tàu, nên có hai

thanh kiếm “trống” Long Tuyền và “mái” Thái A. Qua sách *Tể tướng kiếm*, trước kia mang tên Can Tương (là “dương” tức chồng – vì Can Tương là tên người thợ rèn) và Mạc Da (là “âm” hay vợ – Mạc Da là tên vợ người thợ rèn).

Tuy nhiên theo ông André Salles trong *Le sabre de l'Empereur Gia Long* và Đại tá Payard xác định thanh kiếm này là một sản phẩm Âu châu, chỉ khác là có gắn vào một đốc kiếm Á châu thực hiện tại chỗ (tại Huế). Thanh kiếm được đem từ An Nam về sau cuộc viễn chinh đầu tiên năm Ất Dậu 05.07.1885.

Cũng theo nhà văn Jules Boissière trong *Documents A. Salles*, năm 1888 khi Đồng Khánh tiếp kiến ông ở Huế. Đồng Khánh nói bằng tiếng qua nhà văn này: “Thanh kiếm là một bảo vật lịch sử và tượng trưng quan hệ đến hạnh phúc và sự bảo tồn dân tộc” và tỏ ý được hoàn lại nhưng không được chính phủ Pháp chấp thuận.



Ảnh Võ Quang Yến



Ảnh Võ Quang Yến

Ngoài ra Gia Long còn có một thanh bửu kiếm khác nữa thường dùng để chém đầu giặc, những kẻ phản quốc... Gia Long thấy thanh kiếm ưa giết

người nên đem dâng cửa Phật và được gọi là *Thanh gương quy y*. (theo Quốc Triều Chánh Biên)

Một vài góp nhặt ấn chỉ của nhà Nguyễn

1 - “Đại Việt Quốc Nguyễn chủ vĩnh ân chi bửu”: Được đúc bởi chúa Nguyễn Phúc Chu (1691- 1725). Nhà chúa dứt lót cho Tổng đốc Lương Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây) xin thiên triều phong vương tước. Nhưng vua nhà Thanh không chấp thuận vì còn vua Lê. Ấn được trao truyền đến đời Minh Mạng thì mất dấu tích?.

Nhưng theo người Pháp, Nguyễn Ánh giao ấn triện cho Giám mục Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh mang sang Pháp để dùng làm ấn chỉ hay tín vật.

(A. Faure Mgr. Pigneau de Béhaine năm 1891, trang 124).

2 - “Việt Nam Quốc vương chi ấn”: Năm 1802, Nguyễn Ánh thống nhất đất nước, ngay sau đó gửi sứ bộ qua Tàu xin sắc phong. Mãi đến năm 1804, vua Tàu mới sai Tề Bô Sâm sang phong vương và ban ấn cho Nguyễn Ánh tại Thăng Long. Chứ không ở Huế vì Tề Bô Sâm thấy xa quá, Nguyễn Ánh phải ra Thăng Long nhận ấn tín và sắc phong. Ấn bạc mạ vàng, hình con lạc đà quỳ tượng trưng cho sự quy phục.

Theo sử gia Phan Khoang hình tượng ấn triện là...con kỳ lân?.

Ấn triện hình vuông, mỗi bề dày 11cm, nặng 5.9kg. Trên mặt ấn chia làm hai: Bên phải khắc hàng chữ “Việt Nam Quốc vương chi ấn”. Bên trái khắc hai chữ “Mãn Thanh”. Ngày 6 tháng 6 năm 1884, ấn bị Patenotre đùn chảy tại Tổng trú sứ Pháp ở Huế. Patenotre nguyên là Công sứ Pháp ở bên Tàu, vì không muốn Việt Nam lệ thuộc vào Tàu nữa nên phá hủy ấn ấy đi trước khi ký Hòa ước Giáp Thân 1884.

3 - “Hàng Đế chi bửu”: Đó là *chiếc ấn lớn nhất của nhà Nguyễn*, được đúc vào thời Gia Long năm Giáp Tý 1804. Tuy nhiên, năm 1804 Gia Long nhận sắc phong và ấn tín của nhà Thanh. Hai năm sau, Gia Long mới xung “đế”.

Vì vậy phải chăng “Hàng Đế chi bửu” được đúc năm 1806?

Nguồn từ Thái Văn Kiểm, Lê Văn Lân sưu tầm thì ấn “Hàng Đế chi bửu” là của Minh Mạng. Ấn bằng vàng nặng 12Kg9, hình vuông mỗi cạnh đo được 137 mm, nuốm là con rồng cuộn hai tầng. Ấn được đúc ngày mùng 4 tháng 2 năm 1823, tức Minh Mạng thứ tư. Bửu ấn dùng để đóng dấu ban sắc thư cho người ngoại quốc. Điều đáng tiếc là một số ấn có biểu tượng cho vương quyền như ấn “Hàng Đế chi bửu”, theo một nguồn khác đã bị...“thất tán” tại Pháp. Triều Nguyễn, mỗi đời vua có cả chục ấn triện khác nhau. Như thời Gia Long (1802-1820) có 12 chiếc, thời Minh Mạng (1820-1840) 15 chiếc,

v...v...Bảo Đại (1925-1945) 8 chiếc. Nhưng hiện nay tại bảo tàng ở Việt Nam vẫn còn giữ được 85 chiếc ấn bằng vàng, bạc, nhưng đa số ấn dùng cho quan nha. Hoặch những ấn được đóng vào các văn bản ban cấp, phong tặng cho thần dân.

Dựa vào tài liệu lưu trữ tại Văn khố Ngoại giao Pháp (Archives, Affaires étrangères 1887), Francois Thierry ghi nhận năm 1885 khi Huế thất thủ. Quân đội Pháp mang tài sản triều đình nhà Nguyễn 5 triệu thoi vàng bạc về Paris. Và đương nhiên có những bảo ấn, ấn chỉ, ấn tín, kim bài, kim sách bằng vàng vì trong ban kiểm kê có Devérias là người thông thạo chữ Hán. Vì khi trao trả lại cho Đồng Khánh 62 thoi vàng, Devérias nhất định giữ lại 94 phẩm vật giá trị vì có văn tự là chữ Hán. Vì vậy biết đâu chừng trong số 94 di vật quý hồ tinh bất quý hồ đa này lại có ấn triện “Hòang Đế chi bửu”.

Vì qua những bài sưu khảo, ấn chỉ “có tên” được gọi là “Hòang Đế chi bửu”, không nhà biên khảo nào nhìn thấy tận mắt! Gần đây, nếu có thì chỉ nhìn qua “phiên bản” tái tạo qua ảnh chụp (*do nghệ nhân Trần Độ ở làng gốm Bát Tràng đã bỏ công sức làm*). Bửu ấn nếu còn này, chỉ được nhìn qua ảnh chụp từ năm 1937 của nhà nghiên cứu ấn triện tên Pierre Daudin. Ảnh chụp mới nhất khoảng năm 1995 chỉ là phiên bản.

Thằng em cán gáo

Một ngày tôi được xem đoạn phim quay cảnh phố phường Hà Nội.

Máy quay phim ngừng lại ở một khoảng tường loang lổ có cái bàn cắt tóc lạc lõng, chiếc ghế đầu chông chơ, khung gương cũ kỹ. Những hình ảnh ấy đã đẩy đưa tôi về một Hà Nội năm 54... Vì nếu ông kính nhích thêm vài bước nữa, nếu có cái cổng gỗ hai cánh nặng nề, chạy trời không khỏi nắng đứng là căn nhà của ông cụ bà cụ tôi.

Ít lâu sau về thăm căn nhà cũ số 26 phố Chợ Đuôi, mái ngói đỏ ngày nào đã ngả màu nâu xỉn xỉn, rêu phong ẩm mốc. Tôi đã chẳng thăm tránh khỏi những lao xao cùng những năm tháng của cái tuổi mới lớn, tại mảng tường này, tôi và thằng em họ chơi đùa nghịch ngợm. Từ ngoài đường nhìn vào qua cổng, ở cái sân gạch tàu trong kia, tôi thoáng bắt gặp những chiếc lá bàng ửng vàng nâu đỏ lất phất bên bề nước. Để rồi bồi hồi cùng cảnh vật vắng gió đầu hiu này đây, tôi băng khuâng về thằng em không biết bây giờ lưu lạc ở phương nao.

Ngược về ngày nào năm ấy thằng tôi được gọi là... “nó”.

Một ngày, nó thấy ông cụ nó tiếp khách ở nhà trên, đang râm rạn to nhỏ chuyện thời cuộc. Hỏi bà cụ, nó được biết đó là ông chú, chồng bà cô, em ông cụ nó ở Thái Bình lên chơi. Hôm sau, chú nó về lại tỉnh Thái, và nó góp nhóm nghe được bà cụ...xiết pháo xiết ông cụ: “Ồi dào, lại mang vạ cái lão cám hấp, đồ phải gió phải giây...”. Ngay tuần tới nhà có chuyện. Chuyện là nó đang đứng dưới gốc cây bàng lui cui chơi bên cạnh bể nước, nghe tiếng giạt chuông kêu kính coong, nó ra mở cổng và nổ con đom đóm mắt nhìn ông chú nó, tay cái thùng gỗ, bên cạnh là thằng oắt tì, vai khoác cái tay nải, cứ như chạy loạn hay tản cư không bằng.

Ông chú chỉ thằng oắt con, bắt khoanh tay cúi đầu chào nó bằng...anh. Vừa lúc ông cụ bà cụ bước ra, rồi...bác bác, em em loạn cào cào châu chấu cả lên. Cả ba lên nhà trên, để lại ngoài sân hai thằng nhóc, bấy giờ nó như *Cao bồi Hà Nội* “kên si-po” thằng em họ từ đầu xuống chân. Lúc đó nó mới um thùm ra: Giời ạ, thằng này đi...chân đất. Còn cái đầu. Cái thằng gì mà đầu to chành giành, tóc húi cua trọc lóc như...cái gáo.

Từ đây thằng em có tên là: *Thằng đầu gáo*.

Thế là nó có bạn mới, đón chuyện thì thằng đầu gáo vừa lấp, vừa ngọng, nói năng cứ như đá ngược lên tận mái ngói, đến quặn cả mồm miệng. Lại nữa, lúc nào thằng đầu gáo cũng “đăng ấy” với “tớ” ngọt

sốt, thoạt tiên nghe chòm chõm, riết rồi nó cũng “tớ” với “đằng ấy” ngon lành. Thế nhưng thằng em hình như khắc khẩu với bà cụ nó, nên lâu lâu bà cụ vẫn bêu riếu “thằng nhà quê sáng tay họ, điếc tai cây”. Mỗi lần như vậy nó lại mắt hấp ha hấp háy, vén cặp môi đĩa trâu, nhần nhần nhở nhở cười như trêu người, bà cụ nó lại được thể điên tiết: “mới nứt mắt ra đã cóc láo”.

Thằng đầu gáo gọi bố là thầy, sáng sáng thầy nó mang đồ nghề ra cái tường bên hông nhà, treo cái gương, cái thùng gỗ đồ nghề “tông-đơ”, dao cạo, kéo, lược, nó mới biết ông chú nó là phó cạo có tiếng ở phố Lê Lợi, tỉnh Thái. Thằng đầu gáo quanh quẩn bên thầy nó chỗ cắt tóc, lúc bụng chậu nước cạo râu, khi vò khăn lau mặt, sau đó tắt bật quét dọn. Vắng khách, nó khều thằng em chơi đáo tường, ăn thua bằng nắp chai bia, hay chai “limonade” đập cho tòe ra gọi là “đồng xèng”. Và nó lên mặt dân Hà Nội, chỉ bảo cho thằng nhà quê chơi đáo tường, không phải cứ táng binh vào tường là nó bật ra, mà vừa lia, vừa giựt ngược lại, vòng lên như cầu vòng “đồng cái” mới đi xa. Mỗi lần nghe giảng thằng thằng đầu gáo mặt cứ nghệt ra “Thế cơ...” hoặc “Ừ nhầy...”.

Đất có thổ công, sông có hà bá, sang đến đánh khăng nó nhường cho dân đồng chua nước mặn. Trò chơi gì mà hi hục đào cái lỗ, “khảy” con khăng đi, đưa nào chụp được, “quăng” lại rồi “quất” cái vù. Xong, ngòi lúi húi như cóc nhầy dùng cái khăng cái, lom khom đo như...cua bò, nên nó ì ra. Thằng đầu

gáo chỉ cho nó đặt cái khăn con nằm dọc theo cái lỗ, nhích đi nhích lại, miệng dặn dò: ”Đằng ấy gõ vào đầu này nhá, đợi cái khăn con bung lên khỏi mặt đất, thì..”. Nó ra hiệu chỉ vào ngang đầu gối, nhỏ nước bọt đáng bẹt vào bàn tay, xoa xoa, tiếp: “Rồi đằng ấy cứ nhắm tịt mắt, quất cái vù”. Nó thấy ngon như óc chó, thế là...”a-lê-hấp”...vẹo người, nhắm mắt nhắm mũi phang bừa...Lại...hụt nữa. Thằng đầu gáo cúi, chửi đổng: “Mẹ, ngu như lợn”.

Nó ngán ngẩm cái trò đánh khăn như chó già gặm xương ấy, như chuyện “ông giăng ông giăng, ông giăng búi tóc, ông khóc ông cười, mười ông một cỡ, đánh nhau vỡ đầu”. Mà...vỡ đầu thật, một bữa cái khăn con nhè trán nó táng một cái bốp, u một cục bằng...hột đậu phụng rang. Nó gào tóang lên, chú nó cuống cuống lấy muối đắp lên, lấy đũa cả hơ lửa di di, nóng quá, nó được thể gào tợn. Ông chú nó dở đành, kể chuyện nhà quê nhà mùa, chuyện con gà mái bị đập mái, chạy te te kêu: “rát rát”, con gà trống gân cổ kêu: “khô khô”, đàn gà con kêu: “chết chết”. Sau này nó gọt gọt ra một điều là chú nó và thằng em đều có khiếu nguých ngoác, nên nó nghĩ đại: Thế nào sau này thằng đầu gáo cũng là...”phó cú”. Mà phó cú thì đúng quá rồi, vì mãi tận đến ngày “ri cư”, nó mới hay hóm: Thằng đầu gáo chưa một ngày...đi học.

Trở lại chuyện “ri cư” vì ông cụ nó quen biết nhiều nên sắp đặt chuyện vào Nam mấy tháng trước ngày chia đôi đất nước, vì vậy nó được nghỉ học. Ở

nhà năm thỉnh mười thoảng, thằng “Cao bồi” Hà Nội” là nó dẫn thằng ‘le nhaque” đi “bát phố” bằng “lô ca chân” tức đi bộ ra phố Huế cách nhà mấy trăm thước xem “ci-nê-ma” thùng. Nó chỉ cho thằng nhà quê dí mắt vào cái lỗ xem phim câm nhưng máy chạy...“tách tách” chiếu “Zô-rô” cưỡi ngựa, “Tặc-dăng” đu dây. Nó còn “bao” thằng nhà quê “đóp” kẹo kéo. Hàng kẹo kéo có quay số, số bao nhiêu thì ông hàng kẹo khẽ khàng “kéo” dây kẹo dài ra theo đốt ngón tay. Rồi nó hoảng hốt với thằng em như “ci-nê-ma” ấy, ông kẹo kéo “búng” cái cách. Tiếp nó cấu véo nhờ cái búng thần sầu ấy nên mới gọi là...kẹo kéo.

Vậy mà thằng em bấu môi om sòm: “Lạ chó gì, tở búng...bi mả hơn nhều”.

Gia đình nó vào Nam trước hiệp định đình chiến. Đến gần cuối năm, họ hàng nó mới lục đục vào bằng máy bay, bằng tàu há mồm. Ngày nào nó cũng ra cửa nhà ngóng thằng em họ, nhưng chẳng thấy tăm hơi gì sất. Cứ dăm ba bữa nghe nhẩn tin, bà cụ và nó lại hốt hải leo lên chiếc taxi con cóc, chạy đôn chạy đáo hết khu Phú Thọ lều đến khu Dân Sinh, rồi từ nhà Hát Tây đảo về trại Học sinh Di cư Phú Thọ. Chiều về nghe ông cụ nó nhểch bà cụ: “Rõ ngớ ngẩn, chú cháu nó bao giờ...đi học đâu”.

Nó đi học có tên mới là *Bắc kỳ ăn cá rô cây, ăn nhằm lựu đạn...chết cha Bắc kỳ*, nhưng nó lại thích

ăn đá bào pha phẩm xanh đỏ mà người Nam gọi là đá nhận, là đá bào nhỏ “nhận” vào cái ly nhựa rồi đổ ra một cục cầm tay mút. Trước khi mút như...mút kẹo kéo, nó trả tiền. Bà bán hàng xé toạc tờ giấy bạc làm hai, “thối” lại nó nửa tờ giấy bạc còn lại, khiến bụng dạ nó xót như dưa muối. Từ cái ly mà tiếng Bắc kỳ gọi là cái cốc làm nó ngáo ra thì... Thì dằng dênh mấy năm sau nó mới hiểu được tiếng rao hàng của người miền Nam. Thẳng như tiếng rao hàng giữa trưa hè nghe như tiếng ru con ngủ: “Ai ngủ hôn?” nên hiểu là: “Ai tàu hũ hôn” của chị bán...tàu hũ. Hoặc giả sế trưa về chiều có giọng đàn ông rao rất thảm thiết: “Chun đập gai tét giò...đây”, thì nó phải hiểu cho ra ngô ra khoai ấy là: “Bánh chung, bánh đập, bánh gai, bánh tét, bánh giò...đây”.

Đây đó cho đến lúc hiểu được giọng người miền Nam nghe “quá đã” vừa lúc nó cũng đã nhón rồi. Bởi chung nó đã tập tành làm người nhón là ngồi thì lì ở cái quán cóc gần nhà, húp đĩa cà phê “bí tất”, buồn buồn móc túi: Một đồng ba điều Ruby. Nhưng “nói dzậy chớ hông phải là dzậy”, phải đợi nó uống cà phê đá thay cho...đá nhận với ba đồng bốn điều Ruby nó mới thành Bắc kỳ chín nút hoà nhập với người miền Nam. Voi Bắc nói “gầy”, Nam nói “ôm”. Bắc nói “ôm”, Nam kêu “bịnh”. Mà bịnh ”thiệt” vì nó quên bếng thằng em, chỉ khi lúc nào đánh đáo, chơi bi mới chịu nhớ...”chút xíu” thôi.

Thiệt tình chịu trời hồng thấu vì nó bị Nam hoá hội nào “hông” hay.

Đên ngày nó quá đọa với Pallmall mà chữ nghĩa quán nhậu là *phải anh là lính mời anh lên lầu*. Để nó *yêu em đốt cháy cuộc đời, vàng tay khói thuốc vẫn còn yêu em*, thì nó trở thành “gã” hời nào chả hay... Yêu rồi lấy, số ruồi, vợ gã được Chúa gọi về nước Chúa, thế mới...bình. Một ngày đoạn phim hiện lên đầy tường loang lổ bên góc phố có treo cái gương thợ cạo. Trong gã dấy lên một chuỗi hình ảnh tuổi ấu thời với cái cổng gỗ hai cánh nặng nề, cái khóa to bản đã hoen rỉ, then gài là cái đòn gánh. Mỗi lần đẩy cánh cổng, âm thanh rít lên kít kít như...*võng đưa kẻo kẹt bê hè*. Ngày tháng như quạ bay, năm mươi năm chẳng là bao, nhưng nửa thế kỷ có dài thật qua khuôn mặt, dáng dấp của thằng em ngày nào thóang ần thóang hiện. Nghe bát nháo nó cũng mới vào Sài Gòn, gã bám búi chắc phải về thăm nhà một chuyến. Một công đôi chuyện, chuyện của gã cũng dễ hiểu thôi, nghe vợ gã mát, bà chị cùng cha khác mẹ đùm đậu chấm được chỗ ngon cơm cho cậu em, sau đó, cứ mè nheo gã mãi. Hay là cứ chiều bà chị một lần cho biết cái thú đau thương, sau một tháng tìm hiểu dấm dớ bờ bụi là...có vợ ngay.

Đùng một cái, vào một ngày không nắng thì mưa, gã có mặt ở Sài Gòn chẳng ai hay biết. Ngay đến ông chú “phó cú” của gã cũng to hó ra khi nhìn thấy gã bước vào cửa. Gã tự giới thiệu, bắt tay, đến mấy giây sau, với khuôn mặt lờ đờ, bất động, ông

chú mới gục gặc cái đầu, buông thõng một câu hò hững: “À, cháu mới về...”. Rồi thôi. Đến cái bắt tay như không cảm xúc, lạnh lùng xa lạ làm gã hụt hẫng. Sau đấy, ông cùm nụm hỏi thăm về ông cụ bà cụ gã, giọng cứ ngay đơ như muốn giữ một khoảng cách nào đó, tất cả như rơi vào quên lãng, không vồn vã mà cũng chẳng gần gũi.

Ông chỉ cảnh đào Trung Quốc ở bàn thờ và chép miệng cái tách là cũng khảm tiền. Gã ngao ngán âm ừ và lơ đãng nhìn theo, trên tường, không thấy nhang khói, ngoài bức hình lộng kính ông Hồ, mắt sâu hoắm, chòm râu ngô lơ thơ. Gã chỉ muốn “liệng công” ngay cho rồi. Hóa ra cảnh đào chỉ là cái cớ, khuôn mặt ông chú dịu lại, ông chỉ cái huy chương sao vàng treo gần đấy. Ông dằng dênh về chiến dịch “Trường Sơn anh hùng”, thành quả của ông là dựng được cái cầu cho xe Molotova chạy...qua cầu. Gã lâu lâu đẩy đưa một, hai câu hỏi địa danh để thăm dò, từ đó mới biết, ông là thượng tá công binh, ông chỉ mới hẻo lánh tới...chân núi là hết đất, chưa mò đến đỉnh Trường Sơn. Chuyện nhạt như nước ốc tiếp tục, giọng ông trầm hẳn xuống, như tiếc nuôi cờ đến tay chưa kịp phất vừa mới qua, mặt nặng như đá đeo, ông bàu bàu hực mắt cái ghé thứ trưởng thơm như múi mít. Đến đây đầu gã như say sòng, nhấp nhô đến cái thùng đồ nghề dao, kéo cũ xưa, đang bập bênh cùng con nước thủy triều...cuốn xa và mất hút.

Nói cho lắm tấm cời truồng, nào có hay ho gì chuyện bá vợ trên. Vì qua ông cụ gã kẻ, gã biết tởng ông...theo cách mạng cuối mùa thu chết, chẳng qua cũng là chuyện gió đánh đò đưa. Số là ông hành nghề húi tóc ở Thái Bình, say sấn tới bến hồi nào chẳng biết nữa...Với con dao cạo, ông hoa tay nhè cái tai khách sót một miếng ngon lành, khách là ông quan một Bảo Chính Đoàn nổi hung rút súng ra bắn chỉ thiên “pằng, pằng”. Thế là ông bỏ của chạy lấy người, ông lên Hà Nội...tị nạn. Đến lúc ông cụ bà cụ gã đeo máy bay vào Nam, tiếc của ông về quê bán ruộng nên...chạy không kịp, nên đành ở lại theo bác. Rõ ra chuyện ông...”phấn đấu bản thân” để rồi cóc mò cò xoi, mất bu nó mất cái chân thứ trưởng và ông đau hơn họa là thế!

Ông đau nhưng ông cụ gã còn đau hơn với chuyện của ốc mùì bùn dưới đây:

Ông cụ gã gửi tiền nhờ ông chú phe địch đi thăm nuôi thằng cháu phe Ngụy. Thằng cháu đây là thằng em gã đang “học tập tốt, lao động tốt”. Nghe cô cháu gã kể lại mặc dù ông chú phục viên đi thăm Ngụy...ngụy trang tận răng áo đại cán bốn túi màu vàng đất. Cô cháu cứ ngỡ chú cháu gặp nhau thế nào chả có chuyện giắc hương quan mơ luống mẫn canh dài. Nhưng khi thằng em gã được tha tào về lớp ngáp với mọi người ai nấy đều ở ra, ông tới...thăm thật, nhưng chỉ tới nhà bố nón cối nào đó cách trại năm, ba cây số nằm khoèo ở đáy và nhờ bố nón cối này mang vào trại cải tạo gói quà vắng gió điều hiu là là nhúm sôì bèo, khúc thịt co rúm. Còn tiền ông lo

đỉnh bỏ túi nên quên. Xong “công tác”, ông “báo cáo” với ông cụ gã rằng thằng em gã đói lắm, cần “viện trợ” thêm...Thêm một lần thằng em gã gặp lại... lại khúc thịt co rúm và nhúm sôi bèo.

Chuyện ở bên này, ông cụ gã nhận được “báo cáo” của ông qua cái thư, địa chỉ người nhận là ông cụ gã. Địa chỉ và tên người gửi là thằng cháu ông không ưa nên dưa có dòì là vậy. Mở thư ra ông cụ gã mừng hóm vì ông “thành thực khai báo” ông đã “nhất tri” với thủ trưởng trại trưởng rồi, chỉ cần qua “thủ tục đầu tiên” là...tiền đâu. Ông cụ gã chắc mẩm thằng con được ông chú gửi gắm nên ngày về không xa lắm. Quả thật không xa thật, thằng em gã thiếu úy sữa, địa phương quân, chỉ tù 5 năm 6 tháng thôi. Ra tù, thằng em gã vượt biên, vượt biển ngon ơ qua đây Thế nhưng chuyện thằng em gã vượt cạn không ngon như óc chó vì cũng họ hàng hang hốc sau này kể lại: Ngày thằng em đang ngồi trên xe đò xuống miền Tây đợi cá con lên cá lớn. Ông chú gã biết chuyện tính quần quã đi báo công an, họ hàng can gián mãi ông mới trông giò bỏ thóc cho.

Đang giang giang chuyện,...chuyện tối như đêm dày như đất là ông hòm hòm thằng con ông là phó biên tập tờ Nhân Dân. Gã nghe người cứ ngay đơ như cái... “tông đơ”, vì nghĩ trộm từ cái thườ mặc quần thủng đít, rõ ra thằng em họ này chưa một ngày...đi học cơ mà. Gã ngúc ngắc đầu và nhủ thầm thôi thì con giống cha nhà có phúc, bố là ...cán búa, con là...là...*cán gáo* là đúng quá cha rồi. Vì ông chú

thay hình đổi dạng mà gã mất vui, hình ảnh thằng em của cái tuổi thiếu thời trong gã cứ thế lặng lẽ nhạt dần theo sương khói. Bây giờ thay vào là *thằng cán gáo*, thằng anh em xã hội chủ nghĩa làm gã mất đi cái hào khí của dòng nhạc *khi đất nước tôi thanh bình, tôi sẽ đi không ngừng, Sài Gòn ra Trung, Hà Nội vô Nam, tôi đi chung cuộc mừng...*

Thế nên gã chả mừng húm gì mấy, rời nhà ông đến thăm thằng em.

Trên đường đi, gã hục hặc...văn hoá khóm, văn hoá phường của người thành phố lúc này quái thật. Vì ngày tư ngày Tết vác xác tới giờ ăn trưa chả có mớ khô gì để hóc, nên bụng dạ gã hóc hác theo. Nhưng chả lạ gì vì gặp họ hàng gần xa, những người kẹt lại sau 54. Nói chung chẳng phải vợ đũa cả nắm, với cảm quan phiến diện của gã dường như họ, tất cả đều có một mẫu số chung là: Trong khi nói chuyện, thoạt kỳ thủy họ e dè giữ một khoảng cách đến nhạt nhẽo, nhất là đụng chạm đến chuyện thời thế, thời này thế đấy thời trước thế đó. Hoặc giả như cọ xát đến những nhân vật thời sự “có vấn đề” đang nổi cộm trong nước, họ tìm cách tránh né vì “nhậy cảm và tế nhị”. Hỏi tới nữa, họ sẽ có những bài bản gần giống nhau là họ...rất ít thật và rất nhiều giả.

Như thằng em lát nữa sẽ gặp chẳng hạn.

Cái kim đê trong bọc lâu ngày cũng lòi tới ra, khi không, gã nhớ lại câu nói xưa kia của bà cụ về

ông chú “ôi dào, lại mang vạ cái lão cám hấp, đồ phải gió phải giây...”. Mặc dù ngày ấy, gã chả hiểu “cám hấp”...liên hệ với “đồ phải gió...” là khí gió gì. Ngồi trong xe, gã bỗng chán chường, và ngại ngùng không lẽ giở nhà ai quai nhà ấy, vì cũng qua bà cụ, đến thằng em họ gã là “thằng nhà quê sáng tay họ, điếc tai cây” từ bé đã “mới nứt mắt ra đã cóc láo”. Bỗng dung gã thở ra một tiếng...thở dài.

Rời nhà ông chú gã cảm thấy lêu bêu như Từ Thức về trần với những đôi thay. Tuy nhiên, gã không quên dặn dò ông đừng cho thằng em biết vì gã muốn dành...một bất ngờ. Bụng dạ đang đói meo, gã bèn “lên kế hoạch” là sẽ “chiêu đãi” người anh em xã hội chủ nghĩa ở một tiệm ăn thương hiệu với những món ăn đặc sản như...môi chúa nướng vĩ chẳng hạn. Sau đó có đấm mõm nó thêm tí ti hủ hóa ”trăm năm bia đá cũng mòn, bia chai cũng vỡ chỉ còn...bia ôm” cũng chẳng chết thằng răng đen mã tấu nào. Sau đấy dậu đổ bìm leo, được nghe nó nói chuyện lao động văn hoá cật lực với văn học xung kích thì...kích thích biết mấy. Nhưng gã vội lắc đầu sua đuôi ý tưởng chữ nghĩa eo sèo hay lạc quan tếu ấy đi, để tiêu pha thì giờ đường xa vò vố, gã nhìn ra ngoài ngắm cảnh phố xá. Đột nhiên trái nắng trở trời, gã chúm môi huyết sáo *từ quê nghèo lên phố lớn, bàn tay ta nắm, biển xanh sông gấm, nối liền một vòng từ sinh..* và ngáo ra tự hỏi quái lạ! Vào cái thời buổi nhất phe nhì cánh với “nhà ở phố, bố làm to” mà nhà thằng em nè hóc bò tót tận Hóc Môn, Bà Quẹo xa tí mù khơi.

Queo trái, queo phải mấy cái hương lộ, trời cao, nắng nỏ, thấp thoáng đằng sau căn nhà, bụi cây, lúa vàng như đuôi chín, vàng ung ứng trong một ngày nhạt nắng.

Và bây giờ gã sắp gặp lại thằng em cả nửa thế kỷ không gặp lại...

Thằng em lọng cọng đi ra, che mắt vì tia nắng có vệt lọt qua khe cửa, mặt mày đàn đù vì chả biết ông khách lạ nào đây. Gã đã định bụng sẵn với...một bất ngờ. Chuyện là gã biết tầy mấy anh cán bộ...lao động văn hóa cật lực này, thường hay sợ hoảng sợ tiều sau thời kỳ...hậu cời trói văn nghệ. Và họ sợ nhất bị bạn văn, bạn thơ chụp...cái nón cối thì vỡ mặt. Thế nên gã hú họa nó:

- Tôi là cán bộ bảo vệ văn hóa từ Hà Nội vào...

Gã làm mặt nghiêm và buồn:

- Ông là Đạm?

Mặt thằng em xanh như đít nhái, nó lắp bắp:

- T...ôi...tô...i...

Thấy khuôn mặt thằng em mà tội nghiệp nên gã thôi:

- Đạm phải không?

Khuôn mặt thằng em ẩn hiện sau bàn tay che nắng, mắt hấp háy...Gã mỉm cười:

- Anh Hùng con bác Tư đây.

Ba giây. Gã nhớ rõ đúng ba giây...

Như chòang tỉnh giấc kê vàng, thằng em chồm tới ôm chầm lấy gã:

- Anh Hùng...

Và ghì chặt lấy gã không muốn buông rơi, như muốn níu kéo...Lặng đọng thật lâu, thật dài, dài cả năm mươi năm, cả nửa thế kỷ. Thằng em nghẹn ngào:

- Anh Hùng...

Gã nhẹ nhàng gỡ tay thằng em ra, thóang lặng nhìn từ trên xuống dưới, khoe mắt nó hình như ươn ướt...Nhìn xuống một chút nữa, như ngày xưa cũ kỹ, không đổi thay: Giờ ạ! Nó vẫn đi...chân đất. Hai anh em ôm chàng lấy nhau một lần nữa.

Giọng thằng em thì ào qua tai gã, như tỉnh giấc mê trần:

- Em biết thế nào anh cũng về...

Mắt gã cũng đọng nước thì phải. Gã đánh trống lảng hỏi nó khỏe không? Nó ghì mạnh gã rồi chọt buông ra, quay lưng đi vào trong nhà và quệt mắt. Nó nói vọng lại:

- Em vào thay quần áo. Bình thường thôi anh.

Nhìn thằng em từ sau lưng qua bờ vai đầy an phận. Gã lan man thời buổi này được bình thường như nó thì gã chẳng mong đợi gì hơn, không bình thường mới có chuyện. Lần đầu tiên về thăm quê nhà, gã thấy đầu óc dịu nhẹ với bề ngoài thằng em có những nét bình dị. Gã lơ đãng đảo mắt nhìn vào phía trong, đúng là nhà trống ba gian, không vách ngăn, không cửa nẻo, thông thoáng tới tận cái bếp, cái sân sau. Gã bắt gặp thằng em vuốt tóc, chải

đầu...bằng năm ngón tay. Gã bần thần nhìn mớ đồ đạc đơn sơ quanh nhà, gã cảm thấy thoáng đặng và gần gũi với thằng em hơn. Vì nhìn quanh quất trên tường, gã không thấy hình ảnh...cha già dân tộc và mấy cái bằng tưởng lục ruồi bu.

Chợt nó nói vọng ra:

- Bác đợi em hâm tí nước nhé.

Giọng nói có một chút nào...hâm hâm, mà cũng quái, nó lại đòi tông qua “bác, bác, em, em”, đúng điệu cán gáo hay Bắc kỳ hương lý, nhà quê nhà mùa. Thằng cán gáo đi ra tay bưng khay nước, tay cài...cúc quần. Gã nghĩ quần là cái thằng của nợ này cũng nho phong sĩ khí chán, vẫn còn giữ được văn minh, văn vật Hà thành nghìn năm mây bay là phải đóng bộ cho tươm tất để tiếp khách. Nhưng lần cán trong đầu gã thằng cán gáo mặc cái quần tây nhàu nát, không mang thắt lưng, chả hiểu nó quên hay chẳng có mà đeo. Rồi hai anh em râm ran, chuyện xưa chuyện nay, chuyện này chuyện kia, nó hỏi gã dồn dập, gã như ngộp thở chóng mặt. Gã kể cho nó nghe vừa ghé thăm “thầy” nó, với chuyện huy chương “Sao vàng”, với “Trường Sơn anh hùng”. Nó nhâm nhẳng:

- Tưởng chuyện gì. Chuyện đó bình thường thôi.

Rồi thằng em gọ gay:

- Tồn cả trăm đô để có cái của nợ ấy, bác ạ. Tiền chứ có phải vỏ hến đâu, vả lại thầy em chỉ

được cái nước hã, đã có dạo đôi vàng mắt ra đây. Bình thường mà.

Xong nó nhành mồm ra lụi đụi:

- Thầy em, chỉ được cái theo voi ăn bã mía, đi sau đồ vỏ cho thằng ăn ốc.

Vừa hầu chuyện với “thầy” nó, gã mới cách rách nó là phó biên tập một tờ báo nhón. Dòm kỹ bề ngoài chẳng...văn vẻ gì cho mấy, gã vén môi hỏi bõn nó:

- Chú làm gì mà...cây đa cây đề quá thể vậy?

Thằng cán gáo bát nháo rằng:

- Báu gì thưa bác, phó...nào có khác gì...phó cao.

Trong một thoáng mây bay, gã bắt gặp “thằng đầu gáo” của ngày nào năm ấy, tay bịt mồm...*thằng đầu gáo vừa lấp, vừa ngọng, nói năng cứ như đá ngược lên tận mái ngói, đến quặn cả mồm miệng* là nó lấp bấp là nói lộn. Nó bòn vót tiếp:

- Ý em phó...nào có khác gì phó cối đồng như nêm cối ấy mà. Em học khoa văn, nhẩy sang khâu...kinh tế. Họ không có chó bắt mèo ăn cứt vậy thôi, thưa bác.

Cũng qua “thầy” nó, đột biến nó đóc chứng hư non, ngày ngày đọc sách thánh hiền, dường như đang ôm giấc mộng lớn, mộng con với tề gia trị quốc bình thiên hạ thì phải. Gã gắng hỏi có sự gì lạ quá thể, thằng em xao xác:

- Bình thường thôi bác, để lát nữa em sẽ...kinh qua nhiều hơn.

Thấy bếp vắng người, gã vừa định hỏi chuyện vợ con nó cho phải phép, cũng vừa lúc gã đảo mắt xuống cái chum cuối sân. Sợi giầy treo quần áo oằn xuống vì sáu, bảy cái “sì-líp” đàn bà màu đỏ to như cái nồi ba mươi, dềnh dàng thồn thộn làm gã hãi quá sức. Gã nhảm chùng, chắc vợ nó cũng tốt tướng phì nhiêu lắm đây. Nó thì người ngòm như que tăm, kiêu đuôi chuột ngó ngoáy lọ mờ lớ quớ sặc gạch có ngày. Tiếp, gã buồn miệng hỏi thăm...hiền thê, nội tướng nó đâu. Nó lấp lửng:

- Nhà em đi “Mút cu” sắm ít đồ, mua đầu chợ bán cuối sông ấy mà.

Gã sút nhảy dựng vì...mút cu. Vì chẳng là mới đây gã ghé Vũng Tàu ”tham quan”. Ngay bãi trước, sát bên hông chợ, đập chát vào mắt gã có con đường mang cái tên quái quỷ là...“Bú cu”. Gã đực mặt ra như ngỗng ỉa, bèn há họng hỏi thằng bạn thổ công đất biển có sự gì hay vậy nhầy. Bạn gã thuyết mình ấy là tên của một ông phi hành gia....người Nga. Gã lại ngáo ra nữa. Bớ khi! Mắc mớ gì mang tên ông phi hành gia có cái tên...thiếu cơ sở văn hóa để đặt tên đường. Gã chả hiểu mồ cha không khóc lại đi khóc cái tổ mối, khi không rước người Nga này về làm gì. Khi gió căn răng gì đâu chả biết nữa, thằng bạn thổ công đất biển rịch rịch thành ngữ xã hội chủ nghĩa hôm nay “Ông Lê Nin quê ở nước Nga - Có sao lại đứng vườn hoa nước này - Ông ưỡn ngực, ông chỉ tay: - Tự do, hạnh phúc lũ mày còn xa”

Đang xa vắng đến đây, như có ngấu cảm, nó quai một câu thơ khác:

- Nhà em...người Nga.

Bỏ bu! Gã chớ phở ra và lú lỏi như nó:

- Chú...chú nói gì! Người...người Nga?

Nó cười tóet, và hòm hòm:

- Chẳng phải tay vừa đầu nhá, nhà em dậy Ngôn ngữ học đây

Mặt gã đờ ra như cán cuốc, bỏ một câu thật ngớ ngẩn:

- Ngôn ngữ học?

Gã chưa kịp hờn hờn, nó đã láu táu:

- Để em sắp bữa cơm quấy quá mời bác soi nhá.

Nhá nhem rồi...rồi nó vào nhà trong, gã nhìn theo, cầu vào mắt gã là...mấy cái “si-líp” to đùng. Và rửa thậm cái thằng hâm hâm thật chứ chẳng chơi! Ất hẳn vợ vừa đi “Mút cu” nên mang “si-líp” giặt để “Đập cổ kính ra tìm lấy bóng”, để “Xếp tàn y lại để dành hơi” chẳng? Khi không làm như bị ám ảnh từ cái “si-líp” màu đỏ, cái đầu củ chuối của gã mọc măng ra câu thơ “Tôi bước đi không thấy phố, không thấy nhà, chỉ thấy mưa sa trên màu cơ đỏ” . Đang thơ thần, thần thơ đến đây thì...thì...bất chợt gã túm tú nó rất...vô tư vén quần...tồ tồ ngay cạnh cái chum. Gã lại mảy mò sao thằng em nhè cái chum mà tung tóe. Tiếp đến, lấy cái gáo múc nước rửa tay, tiện tay nó lại xoa mặt, vuốt tóc. Cái này thì giới a,

gã thấy thẳng cán gáo...không bình thường chút nào.

Vừa mang bát đũa, ly tách ra, nó vừa giục giặc: “Vợ chồng em như con cua, cái ốc nơi xó đồng, cả đời duyên nợ với chữ nghĩa, nay nhà em xoay ra soạn tự điển Nga-Việt”. Như bật rất gì đấy, nó lấy quyển tự điển của người Hoàng Phê nào đó trong ngăn kéo, mở ra phân bua: ”Bác xem, họ làm ăn chẳng ra chó gì cả”. Ngừng lại trong thoáng giây, nó bậm bậm tiếp: “Ngoài Bắc mình gọi là “cái cóc”, trong Nam gọi là “cái ly”. Họ định nghĩa “cái ly” để uống rượu. Và “cái ly” họ cho là phương ngữ của người Sài Gòn.

Nghe “phê” quá mạng, gã bèn hỏi móc lò:

- Chú thấy tiếng Việt trong sáng...

Chưa nghe hết, nó đã nguều ngoàng:

- Tiếng Việt trong sáng ở cái chỗ nào thưa bác, “năng nổ”...nổ bậy thì có....

Đột nhiên gã rọ mồm vào bốc thối:

- Bình thường thôi mà.

Nó gân cổ cãi văng mạng:

- Bình thường sao được! Em học người trong này họ nói “năng nổ”...nổ như tạc đạn ấy, mấy ông “có khả năng” ngôn ngữ đành ngồi trơ mắt ếch nhìn nhau.

Gã cũng trắng mắt như con tinh dòm nó vì chả hiểu sao thẳng em mang chuyện “tự điển”, tự tình vào đây cho rách chuyện. Cầm...cái đồ để...uống trà, gã chịu chết chả hiểu nó là cái ly hay cái cóc?.

Mà dám “cái cóc” là...thỏ ngữ Hà Nội lắm ạ! Bắt qua chuyện...văn vẻ, gã hỏi thẳng em dạo này còn ...phang ngang bữa củi gì nữa chẳng?

- Thừa với bác, em tịt bít từ lâu. Ở đây, bác muốn viết gì thì viết, tự do nhân bản mà, nhưng đừng đại viết những gì đang có trong đầu. Nói thực với bác, cứ theo cái nghề thợ cạo xưa kia của thầy em đề đầu đề cổ thiên hạ, thế mà hay...

Gã rì mọ rằng thẳng cán gáo cầm cu cho chó đái bây giờ mới chịu vỡ bọng cứt. Hai anh em rừ rì vậy cho mãi đến sế chiều, nhìn thông qua sân sau, nắng quái chiếu qua tàn cây, song cửa một màu đỏ tím rìm...Có một lúc gã mông lung, mãi sau mới nhớ ra, và hỏi thẳng em lúc này nó còn “con râu tắng nằm bờ te tụi” nữa chẳng...

Làm như không nghe gã hỏi, thẳng em đứng dậy mò mẫm tủ sách sau lưng. Nó cúi xuống kệ cuối cùng lục lợi mãi mới lôi ra được một quyển sách dường như được giấu kín ở đáy từ lâu và đưa cho gã. Gã dòm qua: sách bọc giấy dầu đã sòn rách, ắt là đã đọc nhiều lần. Nó ngồi xuống, rướn người qua cái bàn về phía gã, mặt mày đăm chiêu, thì thầm về quyển sách mà nó thừa được. Ấy là quyển *Hoa xuyên tuyết* của Bùi Tín. Và giọng nó trầm hẳn xuống cho gã biết bạn bè truyền tay nhau xem, mê lắm.

Rồi mặt mày thẳng em dáo dác, mắt lăm lét, chả ra dáng nhân sĩ Bắc Hà tí ti ông cụ nào. Nó sì sầm thật nhỏ, khu khi khú khí gì ấy. Mãi sau gã mới lần ngăn ra nó nhờ gã làm cách nào để gửi nó quyển

Đêm giữa ban ngày của Vũ Thu Hiền, sách gối đầu giường của bạn bè nó bây giờ. Theo nó thì họ giữ như giữ mã tử, nó chỉ nghe nói có nhiều chuyện thâm cung bí sử, rung rinh cả triều chính, như chuyện ông Hồ có ba vợ, có con chẳng hạn. Sợ gã lãng tai, thằng em dẫn dò thêm: “Bác nhớ nhá. Bác làm cách nào gửi cho em nhá”. Nhá với nhem, gã lụng bụng, vậy mà cũng nhỏ to. Mà nó cần quái gì phải đọc, gã nhủ thầm: Cả chặng đường đã qua của thằng em là...đêm giữa ban ngày rồi còn khi gì nữa! Nhưng gã biết nói gì với thằng em đây...Hình như cuộc sống đến một lúc nào đó phải chấp nhận những gì...”không bình thường” và cứ xem nó như...bình thường. Chấp nhận những gì mà mình đã có. Đang có được hay sẽ có. Hoặc không. Để chịu đựng qua cơn bão, để làm sao biết tìm nơi trú ẩn dưới cơn mưa.

Như dựa dẫm vào dăm ba quyển sách chẳng hạn!
Như thằng em gã bây giờ.

Về quê nhà, gã không thừa được vợ nhưng vác về hình bóng thằng em.

Gã ngồi ngoài vườn, bắt giác nhìn lên không, đất trời trùng hấn xuống, gió thổi mây xoắn tít. Gió như bước chân mùa thu khẽ tới, hoa lá cụm lại thủ thỉ lời chia tay với nỗi nhớ nhưng qua bóng dáng thằng em khai tâm, khai ngộ cho gã...

“...Thằng em ra hiệu chỉ vào ngang đầu gối, nhỏ nước bọt đáng bẹt vào bàn tay, xoa xoa, tiếp

nhắm tịt mắt, quất cái vù. ”A-lê-hấp”, gã vẹo người, nhắm mắt nhắm mũi, gã phang bừa....Lại hựt nữa. Thằng em cẩu, vỗ đùi cái đét: Mẹ, ngu như lợn..”

Gã lọ mọ tìm về quá vãng... tìm trong tủ quần áo cây thanh ngang treo áo quân. Nhưng nó hơi to, để cho nhỏ lại, gã rì mọ cưa, đẽo, gọt nhưng nó lại giống...cái que.

Bất chợt cái đầu đất gã lại mượn có đầu xới ra ở chợ có bán trái dứa tươi. Thế là gã chạy ù ra chợ, khuân về trái dứa to bằng cái bong bóng lợn, may mà không phải là trái dứa điếc. Thế là gã hăm hụi về quá vãng bằng cách quấn đầu gọt, cưa, khoan...

Ấy là gã khoan cái lỗ để nhìn xuyên qua quá khứ về một nơi chôn đi về, đang ẩn hiện, xa vắng vời vợi. Tiếp gã sấm soi đút...cái que xuyên qua hai cái lỗ để làm cái...



Thạch trúc gia trang
Tân Mão 2011

Ngồi ở quán nghĩa địa

Trở lại Paris, lão không biết đi đâu? Ngụp lặn trong cõi người ta 50 năm thấy ngắn, nhưng dằng dênh tới nửa thế kỷ lại dài. Chả nhẽ học thói tha ma mộ địa với quân tử hiếu cổ? Chả là lúc này đây người Tây, khởi đi từ người Đức. Họ có đường hướng mở quán cà phê ở...nghĩa địa để tìm về một cõi nhân sinh hữu hạn, vô hạn. Thế là sau nửa đời người thì lão: “Người trong cõi dương gian” đã hiện hữu, hiện hình tại quán cà phê nghĩa trang Montparnasse để đi tìm nhân bản, nhân sinh với thực thể và hư vô.

Lát sau “người garçon” đi tới hỏi uống gì?

Làm ra vẻ người Mỹ gốc Việt với hơn 200 năm lập quốc, *người trong cõi dương gian* búng tay một cái “tách”, kêu một tách cà phê Starbucks sủi bọt tên

Latte. Trong một chiều ngập u mê ám chường, người trong cõi dương gian hóng mắt ra ngoài ngắm những mộ bia. Đầu đây lẫn khuất nắm mồ của Jean Paul Sartre và Simone de Beauvoir trước mảng tường gạch nâu vàng vữa.

Qua hiện sinh, hiện thực, người trong cõi dương gian chìm đắm trong cái tâm linh, tâm thái tận cùng của Lão Trang. Rằng triết lý, triết nhân cho lắm với nhân sinh, nhân bản với một dòng sinh mệnh, sinh phần thì Đông Tây cũng gặp nhau ở sinh ký tử quy.

Đang đắm chìm cùng sống gửi thác về, chợt từ cuối nghĩa địa lóe lên hai đóm lửa bay lằng quằng về phía quán xá. Giữa ban ngày ban mặt, chứ đâu là đêm khuya để hư cấu, hoang tưởng ma mãnh này kia. Hơ! Hai cái bóng sương khói kia thoát đầu nhỏ như con đom đóm. Rồi lớn dần bằng viên sỏi, to dần bằng hòn đá cuội. Chưa kịp to bằng núi Tu Di, mới chỉ bằng tám mộ bia hòn đá thì...thì hai bóng mây thành thời chui tọt xuyên xuốt qua dàn cửa kính để...vào quán.

Người trong cõi dương gian sợ vải đáí ra quần vì hay là...ma. Ngoái cổ tìm người *garcon* hỏi cho ra nhẽ, lấy cái pipe ra khỏi miệng, người nói: “Oui”. Nhưng mắt lóng ngóng về phía hai cái ghế trống như ngóng đợi người đi xa trở về nơi chốn cũ.

Quay lại, người trong cõi dương gian không thấy ma, mà vẫn chỉ là hai cái bóng.

Hai bóng mờ nhân ảnh vừa ngồi lửng lơ trên ghế, vừa toát ra ánh sáng màu xanh trắng mờ nhân ảo. Bỗng hai cái bóng không ai bảo ai, rùng mình ngừng ngoảnh lay động, hiện dần...nhưng chẳng rõ dần...Một lần nữa, người trong cõi dương gian ngoái cổ lại với mắt chăm hỏi để...hỏi người garcon chuyện gì lạ quá thể?! Người chỉ tay về phía hai cái ghế, miệng không còn cái pipe, nói một tiếng rõ to: “Voilà”. Người trong cõi dương gian quay lại, hai cái bóng mờ nhân ảo không ảo nữa mà hiện thực...

Hiện hữu là...người ta! Rõ như đêm giữa ban ngày là người Tây phương: Một ông Tây già tay cầm khúc bánh mì baguette. Một thằng Tây con vai khoác ba lô. Nhưng lạ một nhẽ, cả hai lát phất có khuôn mặt phương Đông. Vừa lúc người garcon đi tới nói: “Bonjour” với khách. “Ông Tây baguette” kê một ly trà Lipton, “Thằng Tây ba lô” gọi café au lait truyền thống. Người trong cõi dương gian nhắm chừng là người Tây, còn ông *Tây baguette* đoán chừng là người Ăng-lê vì uống trà Lipton với sữa dê. Làm như không hay biết người trong cõi dương gian đang hiện diện trong chốn nhân gian này.

Ông Tây baguette khụng khiêng với thằng Tây ba lô:

- Theo toa, những thói hư tật xấu điển hình của người Việt là gì?

Không đợi thằng Tây ba lô trả lời, ông Tây baguette quanh quéo tiếp:

- Thứ nhất, họ chưa bao giờ nghiên cứu thấu đáo về sự hình thành lịch sử của nước họ. Lịch sử của họ đã bị đặt dưới cái nhìn lơ là.

Thứ hai, dân tộc họ như "trẻ con". Họ thích đọc trạng Quỳnh, trạng Lợn, vì thực chất là đề cao mưu mẹo vặt, khôn lỏi, trí trá...

Thứ ba, sau chiến tranh, họ nghĩ làm gì khá hơn để hưởng thụ. Họ cho rằng cứ làm liều là được chứ không chịu học hỏi gì cả.

Người trong cõi dương gian ó ra vì dường như mục đối thoại trên được ông Tây baguette “học” lại qua bài viết “Thói hư tật xấu của người Việt” của nhà nghiên cứu về văn học trong nước Vương Trí Nhàn thì phải. Nhưng ấy là chuyện sau. Vì lúc này người trong cõi dương gian ngó ra thấy rõ vì ông Tây baguette nói tiếng Việt. Vì giọng ộ ệ, nên chắc như cua gạch ông không là người của sông nước bên bãi cũng là dân Kẻ Chợ của Thăng Long nghìn năm văn vật. Ấy là chưa kể ông còn biết sử ký, địa lý của người mình nữa. Trong khi ấy thằng Tây ba lô như không nghe tiếng Việt giọng mũi của ông Tây baguette, vẫn cặm cụi tìm cái của nợ gì đó trong cái túi thổ tả. Người trong cõi dương gian chắc mồm thằng Tây ba lô “bụi đời” ở khu phố Tây đường Phạm Ngũ Lão chứ còn khi gì nữa. Trong khi ấy ông Tây baguette băng quơ tiếp:

- Theo “moa”, với cả nghìn năm trước người Việt lấy gì để căn cứ họ là một trong nhóm Bách Việt và dẫn chứng bằng hình dáng, tính tình, phong

tục và văn hóa để ấn định nguồn gốc và dòng giống ấy. Như xâm mình và ăn trầu chẳng hạn.

Úi chà gay đây! Khi không ngồi ở quán nghe Tây....nói chuyện Ta.

Và tiếp đến, ông Tây baguette nói dóc:

- Nhưng ở Nam Đảo miệt dưới Úc Châu cũng có sắc dân ăn trầu, xâm mình vậy.

Nghĩ cũng quái, khi không có ông Tây đội mào sồng dây nói chuyện nguồn gốc tộc Việt. Chả là người trong cõi dương gian ăn mày chữ nghĩa qua một sử gia Việt thì không lẽ cứ ăn trầu, xâm mình là người Việt? Theo sử gia này chỉ vì người Việt ta vọng ngoại, dựa vào sử Tàu của Tây viết để viết sử Ta. Bởi nhẽ ấy, bấy lâu nay vẫn có người cứ muốn bắt quàng làm "con cháu" họ. Nói cho ngay, người Việt mình chả có họ hàng hang hóc gì với người Tàu cả. Bởi nhẽ Tàu ăn xì dầu, Ta ăn nước mắm. Đang lạc đường vào lịch sử với...nước mắm đến đây, vừa lúc thằng Tây ba lô tìm ra cái muốn tìm. Trong khi ấy ông Tây baguette lại ồ ề nhặng cuội với nó:

- “Toa” có biết ai là phi hành gia đầu tiên lên mặt trăng?

Thằng Tây ba lô óc ách:

- Ai? Thừa quan bác.

Người trong cõi dương gian nghệt ra trông thấy vì...thấy thằng Tây ba lô mũi tẹt nói giọng Bắc kỳ đặc, lại lai giọng Marsheille. Chả nhẽ nó là con lai. Đang lững bững như soup bouillabaisse, thì nghe ông Tây baguette...đáp phi thuyên và...đáp rằng:

- Người đầu tiên trên thế giới lên mặt trắng và hiện còn ở đó là chú Cuội.

Ha! Với văn chương thiên cổ sự này, người trong cõi dương gian chả lấy đó làm lạ lắm cho lắm. Bởi cụ Nguyễn Khuyến đã có câu thơ: “Đầu đường ngang có một chỗ lội, có miếu ông Cuội cao vọi vọi?. Và cụ tiếp: “Cho nên làng ấy sinh ra người, sinh ra rất những thằng nói dối!”. Thế nên chuyện thằng cuội nói dối là chuyện trong văn sách, làm gì mà ông Tây baguette hoảng lên vậy!

Trong khi thằng Tây ba lô nhớn nha móc trong túi ra...một văn bản. Nhân lúc nó đang lâm nhâm tụng, người trong cõi dương gian nhón một điều thuốc Gaulois của nó và môi lửa. Ngón xong văn bài...Hết như ông Tây baguette, làm như người trong cõi dương gian không có mặt trong chốn ta bà này. Nó lẩm bẩm với ông Tây baguette:

- Quan bác đâu có hay ngoài *nói dối* như cuội! Người Việt còn *tham lam* nữa!

Bậy thật! Hay là vì mình vừa “cầm nhầm” điều thuốc mà nó vơ đũa cả nắm người mình tham lam? Thế nhưng không, như không có chuyện gì, nó nhìn “bài nói” và...nói:

- Theo một tác giả người Việt ở Đông Âu kể lại chuyện như vậy, thưa bác...

“...Tôi có điều kiện đi công tác nước ngoài, thấy nước nào họ cũng có những tác giả và tác phẩm nổi tiếng nói lên những thói hư tính xấu của dân tộc mình. Thằng như:

Người Mỹ ưu tư, Người Mỹ trầm lặng, Lịch sử những thói hư tật xấu của người Pháp, Người Nhật Bản ghê tởm, Người Trung Quốc xấu xí. Trong khi người Việt chỉ thích tự khen mình: Người Việt cao quý (1), Người Việt đáng yêu (2), v...v...”.

Phiền thật! Tự dung ngồi ở quán nghe Tây nói chuyện Tàu về...Ta.

Ừ thì hãy liệu oản đọc kinh vì vừa nghe đến “Người Trung Quốc xấu xí”, người trong cõi dương gian nghĩ ngay đến tác giả Bá Dương (Bo Yang) viết *Người Trung Quốc xấu xí* (Chõu lòu de Zhong Guó rén) và người dịch là Nguyễn Hồi Thủ. Nhưng khôn khổ cho người dịch vì hồn ma nát thần tính, ông cứ ngỡ ngỡ tác giả Bá Dương nói về người Việt chứ chả phải người Tàu. Chính dịch giả viết trong "Lời người dịch" là *có quá nhiều bóng dáng người mình trong đó*. Cũng vì vậy ông Nguyễn Hồi Thủ tới Paris quận XIII không dám vào...tiệm phở. Cũng như tác giả Bá Dương ông cho biết lý do 10 năm ngồi tù: “Vì tôi đã nói lên vài sự thật”. Thêm nữa với dịch giả họ Nguyễn: "Bản thân tôi trước kia mỗi lần đọc phải những quyển sách kiêu "Người Việt cao quý", "Người Việt đáng yêu" chỉ toàn thấy bộc nhau thông minh hơn người hoặc người Việt là nhất.

Không cần biết tôi um thùm gì. Thằng Tây ba lô bương bả chuyện qua bài viết:

“...Trong một cuộc nói chuyện bạn bè thân, tôi hỏi một người Anh và yêu cầu trả lời trung thực:

“Nếu phải lột tả người Việt, mày sẽ nói thế nào?”. Không ngần ngại, bạn tôi nói luôn: “Mày là người đầu tiên hỏi tao câu này không với ý định muốn nghe một lời khen, nên tao nói thật là: Greedy Vietnamese, là: Người Việt *tham lam!*”.

Tôi hỏi thêm: “Mày nói người Việt tham lam, cái gì cũng muốn, cái gì cũng *khôn lỏi* hơn người phải không”. Hy vọng lần này tôi mời nó uống bia được nghe nó khen. Câu trả lời là: “Tricky Vietnamese!, là: *Gian! Người Việt gian!*. Tôi choáng người, bạn tôi cười: “Mày nói đúng, người Việt chúng mày cái gì cũng muốn cho được, buôn bán phải có thủ tục đầu tiên, hợp đồng thì lắt léo”. Nó tiếp: “Vi lắt léo bọn mày không bao giờ nói thật. Chúng mày luôn nghĩ rằng mình *khôn hơn người*”. Tôi điếng người và cố uống tiếp vại bia tự nhiên đắng ngắt. Từ đó tôi “tắt ngấm” năng hạ là người Việt cao quý! Tôi tự hỏi bản chất của người Việt là gì? Nó là cái văn hóa gì?

Thằng Tây ba lô nói gì thì nói, bụng dạ người trong cõi dương gian đang lụng bụng đến bốn khuyết điểm Bá Dương tiên sinh viết trong người Trung Quốc xấu xí: “Thứ nhất dân Trung Quốc không còn lòng tự trọng, cái tự trọng còn lại chẳng qua chỉ là cái tinh thần *tự dối mình* như A Q trong truyện của Lỗ Tấn. Thứ hai là cả ngàn năm chiến tranh chỉ vì bản cùng thành ra lòng dạ người Trung Quốc hẹp hòi. Thứ ba là chế độ khoa cử, quan

trường, tạo ra một tầng lớp quan liêu chỉ tận lực với kẻ cất nhắc họ lên *làm quan*. Thứ tư vì tinh thần Nho giáo bảo thủ, người Trung Quốc mất hết tập quán *tự tìm hiểu*”

Lúc này ông Tây baguette mới vào chuyện...chuyện kể của thằng Tây ba lô:

- Ấy là “toa” theo tác giả Việt viết về người Việt. Còn “moa” đọc được bài viết của người Nhật tên Tomita Kenji ở Đại học Ngoại ngữ Osaka, khi giới thiệu về người Việt đã có một nhận định khá độc đáo. Ông cho rằng phong hoá của người Việt là *cái miệng*. Với cái miệng, người Việt có một lối ăn nói riêng. Ông cho rằng phong cách ăn nói của người Việt đôi khi còn mang tính dân tộc hơn cả ngôn ngữ nữa.

Hơ! Nghe nói đến người Việt “khôn lỏi” với “khôn hơn người” như đâm vào tai! Còn văn hóa gì ư? Gân đây người trong cõi dương gian có nghe đến “văn hoá chữ”. Nay thêm ông Tomita Kenji cho rằng *phong cách ăn nói của người Việt đôi khi còn mang tính dân tộc hơn cả ngôn ngữ*. Nói cho lắm tấm cõi truông với *cái miệng, người Việt có một lối ăn nói riêng* bằng vào chuyện đầu đường cuối ngõ của một nhà văn ở Sài Gòn...

“...Suốt buổi sáng chúng tôi bát phở Hà Nội, bác xe ôm đưa chúng tôi tới quán phở này vì nó vắng, anh bạn tôi, theo thói quen, nói rất đống dặc: "Cho xin chén giá chúng". Ông chủ quán quay lại

nhìn chúng tôi như nhìn người hành tinh, rồi bảo: "Địt mẹ! Giá chung hả? Vào Sài Ghènh mà đóp". Chiều hôm đó, nghe nói bia hơi Hà Nội ngon lắm, chúng tôi gọi uống thử, thấy nhạt thật. Bỗng có anh uống bia xong, anh trả tiền, rồi càu nhàu: "Bia với bọt nhạt đéo chịu được, nhạt như *nước nòn*, chua *noen noét*, *nàm* mẹ nó be rượu cho xong". Chị chủ quán bình thản: "Như *lước lòn* thì *ló* mới nghìn rưởi, còn muốn không như *lước lòn* thì những ba nghìn rưởi cơ. Đéo mẹ, nghe sót cả ruột".

Trước kia, chúng tôi nghe nói người Hà Nội ngàn năm văn vật họ nề nếp lắm, nói năng phải thưa gửi đàng hoàng. Nhưng cả chuyến đi...đi đâu chúng tôi cũng gặp toàn “phở mắng, cháo chửi”, thế mà thiên hạ cứ gặm mặt xuống mà ăn. Chỉ có người Sài Gòn chúng tôi mới nói “cám ơn”, còn người Hà Nội ấy à, tuyệt không bao giờ nói hai chữ “cám ơn” và “xin lỗi”, chỉ có văng tục và chửi thề thôi....”

Với "văn hoá chửi" trên, nay thêm "văn hoá cám ơn", người trong cõi dương gian có mồm thì cấp, có nắp thì đập với Bá Dương tiên sinh đã “nói lên vài sự thật” bằng vào đã chê dân Tàu có cái dân tộc tính lạ lùng đến quái đản: *Nghe khen không vui, nghe chửi không buồn*, miễn lấy được tiền là được. Thế nên khi tiếp xúc, giao tế, không trọng khách hàng, không biết nói *cám ơn, xin lỗi*.

Ừ thì chuyện đầu hầy còn đó, vì thằng Tây ba lô kể chuyện như thế này đây:

- Để em kể thêm cho quan bác nghe chuyện này nhá...

“...Ngày đầu năm đi ra phố Bolsa uống cà phê, gặp người nào nhìn tôi cũng cười cười...Hỏi đầu năm có chuyện gì vui vậy, họ lại cười và nói: “Cua Mỹ và cua Việt”! Hoá ra nhiều người đã đọc bài “Về bản chất dân tộc Việt?” của tôi, trong đó tôi có kể lại chuyện “Người Việt xấu xa” của Dan Huynh nói về bản chất người Việt...”

Chuyện do Dan Huynh kể như sau: Có hai người đi bắt cua, họ bỏ cua Việt và cua Mỹ vào hai thùng khác nhau. Một người bảo người kia chỉ cần đẩy nắp thùng cua Mỹ, không cần đẩy nắp thùng cua Việt. Được hỏi tại sao, người này giải thích: Cua Mỹ khác cua Việt vì nó biết cách nằm chồng lên nhau, cho các con khác bò lên người để ra khỏi miệng thùng. Còn cua Việt thì con nào vừa định ngoi lên đã có con bên cạnh níu chân kéo xuống nên không bao giờ lên đến miệng thùng nên khỏi cần đẩy nắp!...”

Đến đây, người trong cũi dương gian động não động tình rằng phải chăng ông Dan Huynh muốn nói vãi thì lại nói vớ chuyện “con cua” ở trong nước có vấn đề tế nhị và nhạy cảm với đảng và nhà nước. Họ bỏ qua đây làm kiếp lưu vong bị “con cua” ngoài nước níu chân kéo xuống để không quơ càng mùa may được nữa. Một phần vì đất có thổ công sông có hà bá, một phần vì cái bệnh nghi kỵ, kèn cựa. Dám lắm ạ.

Bó mo thì thiếu, bó chiếu thì vừa với một người Việt viết tạp ghi ở ngoài nước đọc báo trong nước: Hôm nay, ai đó đã gửi cho tôi bài viết với nhan đề: “Người Việt xấu xí”. Bài “Người Việt xấu xí” chỉ ghi nguồn từ báo Thanh niên chứ không ghi tên tác giả...

“...*Cái tính* (cách) có một phần yếu tố di truyền, song một phần lớn khác ảnh hưởng môi trường xã hội tác động mà thành, mà có. Do đó, “cái tính” ấy không thể bất biến được. Sau 40 năm thống nhất, quê hương tôi bây giờ: Cái cần không có là “nói thật”. Cái có không cần là “nói dối”. Điều cơ bản với xã hội chủ nghĩa là...nói dối! Mọi người, mọi nhà đều...nói dối để sống còn, lâu rồi thành nếp sống giả dối, cả một thế hệ hoặc lặng câm, hoặc nói dối. Chính từ cái xã hội “không có gì thật, toàn điều giả dối” đã tạo ra hệ lụy, đã tạo nên một lớp người mới: Con người trong xã hội đã biến chất từ một dân tộc có bề dày lịch sử, truyền thống văn hoá, nay đầy đường, đầy rẫy những kẻ *giảo hoạt, thủ thân, tùy tiện*. Nếu như trong một xã hội được thắt chặt kỷ cương với *phải thẳng và thật*, thì những thói xấu ấy sẽ khó có đất mà tồn tại...”.

Hơ! Với *tùy tiện*? Ngồi hồng người ra vì chả hiểu là lý sự gì, nên nát bàn tới nhà phê bình văn học Trần Quốc Vượng sẽ xuất bản cuốn sách về *Những thói hư tật xấu của người Việt Nam*. Thế nhưng mới đây nhất, trong cuộc phỏng vấn với đài BBC Luân Đôn, ông họ Trần cho biết cuốn sách ấy có thể gặp

khó khăn trong việc được xuất bản trong nước. Qua cuộc phỏng vấn ông họ Trần dẫn rất nhiều tài liệu trong *Việt Nam văn hóa sử cương* của Đào Duy Anh (in năm 1938) để nói về thói hư tật xấu của người Việt. Qua ông Trần: “Chúng tôi không viết khen, bởi người ta khen quá nhiều rồi. Cũng không phải để chê bai, bài xích. Viết về cái xấu là để nhìn thẳng vào những yếu kém của người mình nhằm tìm cách thay đổi. Vì cách đây mấy trăm năm, vua Tự Đức đã có bài phú viết về những thói tật của người Việt. Hay thi sĩ Tản Đà, nhân vật sống qua 2 thế kỷ cũng bảo: "Dân hai lăm triệu ai người lớn - Nước bốn ngàn năm vẫn trẻ con...". Theo ông, khi chưa biết loại bỏ hết thói hư tật xấu thì chúng ta vẫn là "trẻ con".

Ha! Va vào hai chữ *trẻ con*, người trong cõi dương gian lại đón chuyện ông Tây baguette qua câu...dân tộc họ như "trẻ con" ở trên mà ông Tây vay mượn của cụ Tản Đà. Thêm nhà nghiên cứu về văn học Vương Trí Nhàn. Ông họ Vương đây đang "ẩn mình" thực hiện tập tạp luận *Thói hư tật xấu của người Việt...*

“...Tôi thấy cuộc sống *bây giờ nhiều người dễ dãi với nhau quá*. Khi gặp một người, ta chỉ muốn nói cho người đó vui, người đó sướng còn thực chất ta không đối xử tử tế với nhau như thế. Chúng ta gặp nhau chỉ để tán phét, tạo cho người ta vui vẻ, thậm chí nịnh, rồi sau lại cười người ta. Tôi thấy chúng ta có một cái tệ là *chỉ thích người khác khen*, vì trẻ con

vẫn thích khen, ngay cả khi họ chê ta hợp lý ta cũng khó tiếp thu. *Thói xấu lớn nhất của người Việt chính là thói xấu...sợ nói ra tật xấu của mình.*

Thói xấu lớn hơn nữa là nhiều người Việt *không tự nhận thức*. Mục đích của tôi là tìm hiểu về quá trình tự nhận thức của người Việt. Tôi cho rằng nó là bước đi tất yếu của mỗi dân tộc trên con đường trở thành chính mình. Trên phạm vi toàn dân tộc cũng quan trọng mà trong phạm vi từng người hãy tự hỏi mình trước tiên: *Ta là người thế nào, ta tự nhận thức ra sao?*. Từ thời Socrate đã nói: *Con đường quan trọng nhất là tự nhận thức*. Nếu không nhận thức thì không làm được gì cả...”

Đụng đến Socrate khiếp quá, để gần gũi hơi hướng hơn như thấy ai đánh dấm to thì tìm đến. Người trong cõi dương gian tìm đến nhà văn Nhược Trần. Ông bòn mót:

“...Con người, xã hội và văn hóa Việt Nam có vấn đề, lẩn cấn rất nhiều vấn đề. Tôi ví nó như một lọ mắm nêm, vừa ngon, vừa đậm đặc lại vừa có cái mùi thum thum khó ngửi (tệ hại hơn cả cái hũ tương của ông Bá Dương bên Đài Loan). Ở đây, những điều được xem là “bản sắc”, là “cá tính dân tộc” hay “đặc thù văn hoá” cần phải được xét lại toàn bộ. Thử xem, sẽ trải bao thế hệ nữa, dân Việt mới thôi không còn ngửa mặt ngạo nghễ về những tự hào về các ý niệm mơ hồ như “bốn ngàn năm văn hiến”, “con rồng cháu tiên”, “dân tộc anh hùng”, “rừng vàng biển bạc” đã thật sự thiếu cơ sở và trở nên vô cùng

lố bịch. Việt Nam sẽ muôn đời không thể ngóc đầu lên được, nếu chúng ta mãi cứ tự mãn về cái nguồn gốc rồng chim của mình. Một dân tộc thấp kém mới phải bám víu vào huyền thoại, tự kỷ ám thị để tự làm cuộc “phong vương” cho mình...”

Dậu đồ bìm leo với cuốn "Tổ Quốc Ăn Năn" của ông Nguyễn Gia Kiểng, ông Đỗ Thông Minh nhận định: “Cuốn sách đào sâu nhiều khuyết điểm trong văn hóa, lịch sử nhưng có nhiều dữ kiện khó xác định và đi quá đà gây ra nhiều tranh luận. Thí dụ như câu: "Phải nhìn nhận một sự thực đau lòng là chúng ta là một dân tộc không biết đọc, không biết viết và không biết nói ." (Tổ Quốc Ăn Năn, trang 107).

Ông Đỗ Thông Minh qua bài viết đầy chữ “Tự vấn: Người Việt mạnh yếu chỗ nào?”. Theo ông: “Người Việt có tính tốt gì? Hiếu học ư, cũng hiếu học đấy, nhưng kiến thức tổng quát của họ là một mớ hời hợt qua những lúc trà dư tửu hậu, chứ không qua sách vở nghiêm túc. Người Việt có những tính xấu gì? Có thể nói là *nói dối quanh, ít nhận lỗi, ỷ lại, thù dai, mau chán...* Nhưng đáng kể nhất là thói *ích kỷ* và nhất là *đố kỵ*”.

Nhà nghiên cứu về văn học Vương Trí Nhàn cũng cho rằng một trong những tính xấu của người Việt là...*đố kỵ, tự hiềm*”. ông dẫn chứng học giả Nhật Thanh Vũ Văn Khiếu trong cuốn *Đất lề quê thói* (Phong tục Việt Nam) cũng nhận xét rằng: "Người mình phần đông thường *ranh vặt*, bộ tịch lễ

phép mà hay *khinh khi*". Và ông Vũ Văn Khiếu đúc kết: “Đã có hàng trăm cuốn sách khen người Việt rồi, nếu chúng ta tự mãn với những điều đó, liệu chúng ta khá lên không, hay từ bao trăm năm qua vẫn thế!?”.

Làm như có đồng cảm, bỗng không thẳng Tây ba lô nhành mồm ra rằng góp nhóp:

- Quan bác nghĩ sao về “bản sắc dân tộc của người Việt?”.

Làm như đợi dịp này từ lâu lắm rồi, rồi ông Tây baguette bậm bạch:

- “Toa” hỏi cho có chuyện để nói chuyện áy thôi, chuyện là người Việt bị Pháp đô hộ cả 100 năm, tiếp thu nền học văn mới của phương Tây, nhưng họ vẫn giữ lại bản sắc của nền văn hóa Trung Hoa mặc dù nhiều hủ tục người Trung Hoa đã bỏ đi. Vậy mà người Việt vẫn cố giữ lại. Thời đại Bắc thuộc cả 1000 năm, dân tình thế tục nhiễm văn hóa của Trung Hoa, ảnh hưởng ấy lâu ngày trở thành cái quốc hồn, quốc túy của họ.

Đến trần ai khoai củ này, người trong cõi dương gian lay lắt đến thời Khải Định, Huỳnh Thúc Kháng phê bình lối học Tống nho: “Minh với khoa cử cùng lối học Tống nho là lối học tầm chương Khổng Mạnh. Chính là chỗ hỏng, chỗ dở của người Tàu mà mình bắt chước”. Phan Chu Trinh xuất thân nho học, đỗ tiến sĩ, trong *Văn tế sống các sĩ tử* viết thêm: “Bất phế Hán tự, bất tước dĩ cứu Nam quốc”. Phan Bội Châu trong *Việt Nam quốc sử khảo* cho biết

thêm: “Triều Tiên bỏ thi cử theo Trung Hoa từ năm Giáp Ngọ 1894. Trung Hoa cũng bỏ khoa cử từ năm Canh Tý 1900. Duy chỉ nước ta còn có mà thôi. Người ta mửa ra thì mình nuốt vào, mở miệng ra chỉ biết chi, hò, dã, giả...”.

Ngồi không gãi ghét búng ruồi, từ Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, người trong cõi dương gian lại vất vưởng qua nhà nghiên cứu Vương Trí Nhân...

“...Người đi trước đã vậy, ban đầu tôi mượn người xưa để nói người nay, "mượn mồm" chính những nhân vật mà không ai “chê” được như các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng...để nói về thói xấu người Việt. Tôi xin nói thế này:

Thứ nhất, vấn đề “thói hư tật xấu” không phải là chuyện nhất thời. Tôi đã bị nhiều người hỏi là anh nghiên cứu thói hư tật xấu của người Việt Nam bây giờ có thấy nó khác gì người cổ. Tôi nói rằng: *Nó giống y như cũ, chỉ có điều bây giờ nó đậm hơn, nó kỹ hơn và nhiều mặt nạ dối trá hơn.*

Thứ hai, tôi không đặt vấn đề “thói hư tật xấu” là chuyên lật vật. Chữ “thói hư tật xấu” là chữ tôi buộc phải dùng để gây sự chú ý. Thực ra tôi muốn nghiên cứu sâu sắc hơn là thói hư tật xấu của người Việt không những không thuyên giảm mà có vẻ như còn xuất hiện thêm ngày càng nhiều hơn...”.

Ta với Tàu như nằm trong cái vòng lẩn quẩn nhất thổ công nhĩ ông táo. Người trong cõi dương gian được thể cấp nắp với ông Tây baguette luận về *hủ tục người Trung Hoa đã bỏ đi...* để bắt quàng qua Bá Dương tiên sinh:

“...Hôn lễ không ra hôn lễ mà biến thành một loại phường chèo. Mọi người đến không phải để chúc mừng đám cưới, mà để tìm gặp bạn bè, gặp mặt nhau tụ tập hàn huyên, thăm hỏi tin tức, bàn luận thời cuộc. Cũng vậy, tang lễ trở thành bản sao của “đám cưới”, ngay ở hội quán quán xác chết hiển nhiên thành chỗ “xa nhà gặp người quen” thì nét mặt tươi cười rạng rỡ, ăn nói ồn ào như đám cưới”.

Cũng lại chuyện từ Tàu sang Ta của ông Tây baguette, thằng Tây ba lô bồ bã:

- Quan bác dậy sao em nghe vậy. Nhưng theo Viện nghiên cứu xã hội học Hoa Kỳ đã nói lên một số đặc tính căn bản của người Việt là mượn tiếng người, chữ người học thì xuất sắc. Nhưng làm thì không có gì đặc sắc, chỉ *học lóm những việc nhỏ mọn*. Một người có thể hoàn thành một nhiệm vụ xuất sắc; 2 người làm thì kém, 3 người làm thì...hỏng việc. Vì quan bác là người Hòa Lan, em xin tạm dịch như sau: *1 person can complete a task excellently; 2 people do it poorly, and 3 people make a mess of it.*

Người trong cõi dương gian lần dẫn rằng chuyện này dịch giả Nguyễn Hồi Thủ cũng đã thấy trong Người Trung Quốc xấu xí: “Nếu ba người người

Trung Quốc hợp lại với nhau, ba con rồng này biến thành một con heo. Vì dân tộc Trung Quốc hay ”chia rẽ” nên hay đâm đá nhau. Đồng thời ngăn ngăn chuyện thằng Tây ba lô nói ông Tây baguette là người Hòa Lan chứ không phải là người Ăng-lê.

Đang bí rị thế đấy, bỗng thằng Tây ba lô lây dây...

- Dạ thưa quan bác, Viện nghiên cứu xã hội học Hoa Kỳ cho biết thêm người Việt cần cù làm việc. Họ có tiết kiệm đấy, nhưng nhiều khi hoang phí vì những việc vô nghĩa, vì sĩ diện hay muốn phô trương. Họ cởi mở và hiếu khách nhưng sự hiếu khách của họ không lâu dài. Họ cũng có tinh thần đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng chỉ trong những tình huống khó khăn, còn trong điều kiện tốt hơn, đặc tính này hiếm khi có.

Với người Tàu hay gấu ó, đâm đá nhau được Bá Dương tiên sinh rầm rẫn:

“....Ngay cả đối với những người Hoa sống tại Mỹ cũng vậy, *chia rẽ* và *đầy kỳ thị*, nào cánh tả, cánh hữu, trung lập, độc lập, thiên tả trung, trung thiên hữu, hữu thiên trung, v...v..., chẳng biết đường nào mà mò. Người này đối với kẻ nọ đều mang mối cừu thù như nó giết bố mình không bằng. Thật không hiểu là thứ dân tộc gì?...’.

Người trong cõi dương gian mượn dịp ăn đong ăn vay theo dịch giả Nguyễn Hồi Thủ với có quá nhiều bóng dáng người mình trong đó. Thằng như trên báo bổ hôm trước kêu gọi đoàn kết. Tháng sau

vặc nhau như mổ bò chỉ vì một lý do ruồi bu nào đó. Riêng vấn nạn đoàn kết là...chia rẽ. Là cái tội tổ tông đã có từ thời lập quốc đến giờ.

Chưa kịp rì mọ thêm đã nghe ông Tây baguette lại hỏi đáp với thằng Tây ba lô:

- Người Việt có nhiều cái nhất lắm “toa”.

Thằng Tây ba lô đáp:

- Là sao? Thưa quan bác.

Được thể, ông Tây baguette ngay ngôn:

- Vụ ly dị lớn nhất và đầu tiên trong lịch sử người Việt là Lạc Long Quân và Âu Cơ. Sau đó 50 người con theo cha lên rừng, 50 người con theo mẹ xuống biển.

Ừ thì như đã bảo ông Tây baguette như đi guốc trong bụng người trong cõi dương gian vì chia rẽ là...cái tội tổ tông có từ thời lập quốc: “50 người con theo cha lên rừng”, hiểu là người miền núi, tức người Mường mà tiếng Việt hôm nay gọi là...người dân tộc. “50 người con theo mẹ xuống biển” vì không phải là...người dân tộc nên được gọi là người Kinh. Kinh hơn nữa sau này có những chia rẽ và đánh nhau túi bụi.

Đột dung cái máy đĩa thổ tả hiệu Béka của quán cà phê nghĩa trang Montparnasse bật lên câu hát:

Một trăm năm đô hộ giặc Tây, hai mươi năm nội chiến từng ngày....

Đang xuôi dòng lịch sử, người trong cõi dương gian ngược xuôi với Bá Dương tiên sinh để cóc nọ

đeo thang, voi kia để trứng với chuyện om thòm khác:

“...Người Trung Quốc có tâm địa hẹp hòi, đưa đến với một đảng tuyệt đối *tự ty*, một đảng tuyệt đối *tự kiêu*. Lúc *tự ty* thành ra *tôi tớ*, nghĩ mình không bằng đồng phân chó. Lúc *tự kiêu* xem mọi người đều là cứt chó hết. Lại ưa làm quan, khi phán xét, không dùng lý trí mà nặng về cảm tính, từ thời phong kiến hủ nho...”.

Nhức nhắc với *tự ty*, *tự kiêu* của Bá Dương tiên sinh đưa đẩy người trong cõi dương gian vất vẻo qua Keith Weller Taylor. Ông là giáo sư giảng dạy môn lịch sử Việt Nam tại đại học Cornell, Hoa Kỳ và đã ở Việt Nam 5 năm để nghiên sử Việt. Ông luận chứng trong sách sử Việt của ông viết thì quan lang Hùng Vương là...người Mường. Phải chăng ý tại ngôn ngoại ông Mỹ đây góp nhặt sỏi đá qua cụ Ngô Không trong cỗ thư *Chữ nghĩa làng văn*: Tiếng nói của người Việt xưng “tôi”, tiếp là “tôi tớ”, mà “tớ” đây là tiếng Mường cũng có nghĩa là tôi. Hai chữ tôi tớ ghép chung là kẻ dưới hầu phục người trên.

Qua Bá Dương tiên sinh thì lúc *tự kiêu* xem mọi người đều là cứt chó hết. Từ đây dịch giả họ Nguyễn đào sâu chôn chặt với cái tôi to bằng cái đình của người Việt ta, bởi bệnh chứng này là chả ai nhận mình là chính mắt thôi. Thua kém người khác thì biến chứng thành đổ kỵ với chẳng ưa thì đưa có giới. Cái tôi với thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn này sinh ra bệnh giới bò là...thành kiến với nắng không ưa mưa không chịu. Ha! Bỗng dung học đòi a dua

theo dịch giả Nguyễn Hồi Thủ, người trong cõi dương gian bốc nhằng làm thầy lang bốc thuốc như thế đây, chả hiểu có...mát tay không đây?

Tất cả vì ngồi ở quán nghĩa địa nghe Tây nói chuyện Ta với...Tàu.

Bởi nhẽ theo dịch giả họ Nguyễn: Người Trung Quốc xấu xí đẽ ra *Người Việt xấu xí* như voi đẽ trướng. Vì vậy ông không dám dẫn xác vào tiệm phở là thế! Thế nhưng trong chốn trường văn trận bút có những nhà biên khảo, nhà biên chép...chép gầy gọn rằng phở phải gốc gác từ Tây, từ Tàu, với “pot au feu”, với “ngưu nhục phấn”. Với vọng ngoại, nhà văn Nhược Trần thở ra: “Người Việt thường bắt chước những cái dở của người khác trong tâm trạng mất nền tảng cùng sự hụt hẫng. Tuy nhiên phẩm chất nổi bật nhất của người Việt là *tính dễ thích ứng*. Nhưng đây là phẩm chất có hai mặt. Dễ *linh động*, *linh hoạt* nhưng sau đó *hời hợt*, *nhạt nhòa*, *chông chênh*, *dao động*.”

Trở lại với Viện nghiên cứu xã hội học Hoa Kỳ qua chuyện người Việt học vì cái danh. Thăng Tây ba lô lại được thế như xâm vớ được gậy:

- Người Việt thích kiến thức, hiểu biết nhanh, nhưng ít học sự việc từ đầu đến cuối, nên kiến thức không có hệ thống hay căn bản. Ngoài ra, người Việt không học vì lợi ích cho trí tuệ, lúc nhỏ học vì gia đình, lớn lên học vì *cái danh* hay vì những công việc tốt. Chuyện này *ai đó đã đả động đến từ thế kỷ*

17 là người Việt học để làm quan. Nhưng em cũng võ vể tiếng Tây tiếng u với quan bác nhá: *When small, they study because of their families; growing up, they study for the sake of prestige or good jobs.*

Từ thế kỷ 17...?! Nào ai biết quan mót đái mà hạ võng, nhờ thằng Tây ba lô hé lộ...ai đó?. Người trong cõi dương gian cào cấu đến ông Samuel Baron, bố người Hòa Lan, mẹ người Bắc kỳ. S. Baron sinh tại “Ca-cho” (Kẻ-chợ, tức Thăng Long). Năm 1856, ông viết sử ký, địa dư, văn hóa, tập tục, và quan trường nước ta thời vua Lê chúa Trịnh. Sách có tên *A Description of the Kinhdom of Tonkin*, là một trong những quyển sách đầu tiên viết về người Việt ta. Thời ấy, S. Baron nhận xét người Việt như sau:

“...Người Việt tính tình ưa *ganh tị*, ưa *khoác lác*. Họ hiếu học, ham hiểu biết mà vì cái danh, vì muốn đạt mục đích ra làm quan. Không thấy rộng nhìn xa, lại tự cao tự đại cứ cho *người Việt mình là nhất...*”

Đụng đến “cái danh”, người trong cõi dương gian bèn thân già vác dùi nặng khuân cụ Hoa Bằng trong “Hiếu thượng” ở báo *Tri Tân* từ năm 1943 vào đây làm chứng từ: “Người ta in danh thiếp! Không phải vì danh tỏ địa chỉ, song hình như chỉ mong cốt trưng những chức sắc tước trật và phẩm hàm”. Thế là người trong cõi dương gian bèn rị mọ qua mấy ông bạn rách giời rơi xuống với cái danh hão, đất sinh cỏ giời sinh tậ, cái tậ của mấy ông đây chi

thích giao du với những người có tí danh còm cho nó oách. Mấy ông này lại mang cái hội chứng khoác lác, bởi “cắm giả lịnh giả thị”, tức ai cắm người mang cái bị nói khoác. Ấy là chưa kể mấy ông tướng đây thích lê la ở quán nhậu văn chương để bốc nhằng với những sự hiểu biết, kể cả những gì mình...không biết. Rách chuyện hơn nữa có người viết về bà Hồ Xuân Hương, họ nhồi nhét theo văn bài theo cái “danh vị” *bác sĩ* với *luật sư*. Với học vị này chả ăn nhậu gì đến *một lỗ sâu sâu mấy cũng vừa*, trừ khi là...bác sĩ đỡ đỡ. Hoặc với *phình ra ba góc da còn méo, khép lại đôi bên thịt vẫn thừa* thì danh xưng...luật sư thừa là cái căng. Vì vậy có người đã phang ngang bửa củi nhiều nhà bác sĩ, luật sư bây giờ viết chỉ để có danh.

Đang lọng cọng tới mấy ông trí thức với danh vị, thăng Tây ba lô hậm hụi ...

- Chẳng dẫu gì quan bác vì quan bác đâu có hay giáo dục người Mỹ thực tiễn, suy nghĩ thực tế, triết học không giảng dạy ở trung học, chỉ là môn nhiệm ý ở đại học. Không có văn nhân, triết gia, chỉ có kinh tế gia, kỹ thuật gia. Nhưng người Việt lại ưa *triết lý*, ưa bàn luận lý thuyết, triết lý với Kant, Hegel, Nietzsche, Heidegger, Albert Camus, Jean Paul Sartre với hiện sinh qua cái nhìn vọng tưởng ngồi trên tháp ngà nhìn xuống.

Ngoài ra họ thích *bàn luận chính trị* theo cảm tính xúc động nhất thời, lãng mạn hơn là thực tế với những biến chuyển đã xảy ra rồi. Sau đó họ ưa diễn

dịch tổng quát hoá, lý luận bàn bạc kiểu Tam Quốc Chí. Họ thiếu những khả năng suy tư dài hạn và linh hoạt, lúc nào cũng kỳ vọng hồn thiêng sông núi lan tỏa khắp bốn biển năm châu.

Mãi bây giờ ông Tây baguette mới đủng đỉnh nói như Tây:

- “Toa” có biết là: *Người Việt ở bản*. Vì ai đây đã đề cập chuyện này từ thế kỷ 19.

Từ thế kỷ 19...?! Trăm sự nhờ ông Tây baguette hé mở...ai đây? Thế là người trong cõi dương gian lại cầu vėjo đến ông Tây con Michel Đức Chaigneau, sinh năm 1803, con của Jean Baptiste Chaigneau, là một trong hai người Pháp làm quan dưới thời cụ vua Gia Long sau khi giúp cụ vua thắng nhà Tây Sơn. Michel Đức viết quyển *Souvenir de Huế* miêu tả: “Người Việt hay *ganh tị, khoác lác*, thích làm quan” Và cũng chả thiếu cái hóm hình: “Nhưng lại ở bản”.

Ngồi không hoá đụt hay sao ấy, ông Tây baguette rọ mồm vào chẳng đâu vào đâu:

- Vừa rồi “moa” dẫn chứng qua Tomita Kenji với cái miệng, người Việt có lối ăn nói đầy dân tộc tính. Trong khi người Pháp “toa” nói chuyện bằng cả cơ thể, hể mở miệng là đầu gục gặc, là hai tay múa máy như làm... ảo thuật! Trong khi người Việt *nói bằng khuôn mặt*, nhưng bộ mặt người Việt diễn cảm đến độ vô cảm không thể hiểu nổi. Với dân tộc tính thể hiện qua bản sắc, Pierre Huard phụ họa: Người Việt...*nói bằng mắt*. Ông còn phụ diễn thêm:

“Về mặt về người, triết lý hiện hình qua...một trời cảm xúc”.

Hơ! Gì mà hết ông Tomita Kenji với người Việt...nói bằng miệng, bằng mặt đến ông Pierre Huard người Việt...nói bằng mắt. Lại nữa, người trong cõi dương gian vụn óc không...cảm nỗi triết lý hiện hình qua...một trời cảm xúc là nghĩa lý gì. Với *bộ mặt* người Việt vô cảm đến độ không thể hiểu nổi! Nói cho ngay các cụ ta xưa qua dân gian truyền khẩu đã bóc ngắn cắn dài như thế này đây: “Mắt trông tay chỏ đủ mười” đủ nói lên *cái tướng*” mặt tái mét nói phét thành thần” của một số người. Vì vậy *cái tính* cũng như *cái tướng* đây chẳng phải là *dân tộc tính* như ông Tomita Kenji bóc nhằng. Đang rối rắm như bù giời với tri nhân tri diện bất chi tâm, người trong cõi dương gian chẳng biết tâm địa ông Tây baguette thế nào với nhời nhẽ trên! Đợi thằng Tây ba lô trả tiền rồi...

Rồi Michel Đức Chaigneau, và Samuel Baron như hai cái bóng bước qua khung cửa kính đi về hướng nghĩa địa. Người trong cõi dương gian bỗng ớ ra vì mình vào nghĩa địa đi tìm Jean Paul Sartre nhưng từ nãy giờ chẳng thấy đâu? Bất chợt người garçon toát ra ánh sáng màu xanh trắng, nhùng nhằng, lay động rồi nhỏ dần... Trước khi bay vào cõi vô cùng, rất hiện hữu trong hư vô, cái bóng ngoài cổ lại, miệng không ngậm cái gì nữa nên nói một tiếng rõ to: “Au revoir”.

Ha! Cái tẩu thuốc? Người trong cõi dương gian biết ngay đó là: Jean Paul Sartre.

Ngẩn ngẩn lặng nhìn đám mờ mả ngoài kia đang ẩn khuất vào u u minh minh, nghĩ người mà ngẫm đến ta, cụ sử thân cuối trào Nguyễn (3) đã cô vọng ngôn chi rằng người Việt ta có tâm địa, tính khi quý quyết thấy mà chán. Đất trời đang lụi đụi vào đêm! Chán thì cầm tách cà phê Latte uống cho hết chán.

Bỗng đập chát vào mặt là cái tẩu thuốc Dunhill nằm chỏng ngọng trên bàn!?

Thạch trúc gia trang
Giáp Tết Ất Mùi 2015

Nguồn:

*Phạm Văn Sơn, Trần Thành Nam, Hoàng Huy
Võ Phiến, Vương Văn Quang, Hạ Long Bụt Sĩ
Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Thị Chân Quỳnh
Phạm Văn Tuấn, Tạ Chí Đại Trường.*

Chú thích:

- (1) Người Việt cao quý, Vũ Hạnh viết giả danh một người Ý (Pizza).
- (2) Người Việt đáng yêu, Doãn Quốc Sỹ viết để “phản cảm” lại Vũ Hạnh.
- (3) Về tính tình thì người Việt Nam có cả tính tốt và các tính xấu. Đại khái có tính hiếu học, trọng sự học thức, mền điều đạo đức: lấy sự nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, làm năm đạo thường cho sự ăn ở. Tuy vậy, vẫn hay có tính khi quý quyết, và hay bài bác nhạo chế. Tâm địa hay khoe khoang và ưa trương hoàng bề ngoài, hiếu danh vọng. Kiêu ngạo và hay nói khoác. - Trần Trọng Kim (Việt Nam sử lược - 1925)

Khoả thân ngồi

(tên khác: *Người đàn ông ngồi*)

Từ phòng triển lãm về, lẻo đẻo bám theo ông là những bức tranh trù tượng đầy "ấn tượng" ngập ngụa màu sắc chồng lên nhau, dày như bức phù điêu nơi đình chùa. Nhiều tên của hoạ phẩm còn hình tượng hơn cả tác phẩm nữa, ấy là chưa kể khung còn đẹp hơn tranh!

Ông, một người Hà Nội 54 còn rơi rớt lại nhằm vào thiên niên kỷ 21, Sài Gòn nóng như lò bễ, vậy mà về đến nhà, đầu vẫn đội mũ nồi, miệng ngậm tẩu thuốc. Ông thông thả ngắm những bức tranh thừa được trên hè phố đường Tự Do xưa cũ. Những hoạ phẩm ông có bấy lâu nay thường là tranh tĩnh vật và phải có tên tác giả. Bởi ông tậu những tác phẩm này với ý đồ khi nào tác giả về với thiên thu vạn cổ thì ông... "lạc bất khả ngôn", trộm vía tác giả là *swóng không nói được*, để ông coi lên căn gác xép làm xưởng vẽ.

Với ông những bức tranh này đây như tĩnh vật, với cảm nhận, “cảm giác” của ông tranh tĩnh lặng nhưng vật thì không. Trong trống không, ông ngăn ngăn ra tranh làm căn nhà ấm cúng hẳn lên nhưng lạnh lẽo sao ấy! Đường như thiếu vắng một nỗi gì?! Một nỗi niềm gì ư!

Bất giác ông âm ỉ bài cổ thi của một họa sĩ thời danh đã đi vào thiên cổ (1):

Khi ta vẽ trừu tượng
Cái đầu ta hiện thực
Khi ta vẽ hiện thực
Cái đầu ta trừu tượng
Khi ta vẽ em
Đầu ta bay đâu mất

Vừa lúc bước tới cái ghé, ngồi xuống, dằng dênh thế nào chả biết nữa với *cái đầu ta trừu tượng, khi ta vẽ em*, Ông buồn tình mở máy vi tính và vương vào mắt ông bài viết...

Chuyện của người mẫu nude

(...) Chị Mai là người kiếm sống bằng nghề làm mẫu nude cho sinh viên mỹ thuật. Một nghề theo chị là dám cởi quần áo trước hàng chục cặp mắt và vượt qua được những dị nghị của người đời. Chị giải thích: "Mẫu chúng tôi hầu hết đều có gia đình, thường phải giấu chồng. Chẳng có ông chồng nào chịu để vợ khoe thân trước mặt người khác, dù biết là chúng tôi không làm gì bậy bạ. Nếu ai đó có

chồng biết được, chắc cũng vì bất đắc dĩ mà “bị lộ” thôi”.

Chị Quế cũng là mẫu nude rơi vào cảnh “giấu chồng không nổi”. Chị vốn làm nghề thu mua đồng nát. Chị ngạc nhiên khi thấy chị bạn thuê chung phòng chỉ tay không ra khỏi nhà. Sau chị này mới rủ chị Quế cùng làm mẫu nude như mình. Mới được ba tháng, chị bị chồng phát hiện sau khi một sinh viên cùng làng, học trường mỹ thuật nhìn thấy chị ngồi làm mẫu. Khi được hỏi: Chồng chị phản ứng thế nào khi biết chuyện? Chị gay gắt, bằng chất giọng đặc trưng của quê mình: Phản ứng cái gì? “Nằm” mẫu “luy” thì có gì là xấu? Nhưng rồi chị hạ giọng: Mỗi lần nhớ lại ngày đầu, khi đã “cởi tất”, “cởi toàn bộ”...là em lại nổi hết da gà. (...)

Ông thù người ra với *không làm gì bậy bạ đến cởi toàn bộ*...Hốt nhiên cái đầu bật ra ý tưởng hết sức siêu thực: “Hay là...”. Thế là ông bốc điện thoại gọi vào trường Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định cũ mà nay gọi là trường Đại học Mỹ thuật thành phố Sài Gòn. Ông ngập ngừng:

- Tôi về hưu nên mới trở lại với hội họa, không phải là họa sĩ chuyên nghiệp hay học vẽ từ trường sở, nhưng tôi đến với hội họa vì đam mê. Bà ở trường dạy vẽ chắc bà hiểu.

Chả cần bà thư ký phòng nhân viên có hiểu cho hay chẳng? Ông cứ ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối với bà rằng trong giới họa sĩ với nhau, để chê bai một người nào đó, dù người đó là một họa sĩ

tài năng, một số người sẽ nói: "Hắn có học ở trường mỹ thuật nào đâu! Hắn là dân "ngoại". Họ quen Van Gogh, Gauguin, Balthus cũng vậy, có điều cả ba danh họa đây đều am hiểu hội họa. Chưa một danh họa nào từ Monet, Manet đến Dali, Klee lại không tường tận tay nghề của họ. Ông óc ách thêm chỉ vẽ vài bức sẽ giúp ông làm quen lại với hình tượng, hình thể...Bỗng ông nghe tiếng mở cửa cái "cách", bà ta nói vọng ra rõ to: "May quá, cô mới đến".

Âm ỉ một hồi lâu, như "Ciné thùng", trong ông hiện ra đoạn phim đen trắng 8mm : Số là nhà ông ở phố Chợ Đuôi, ông say mê truyện tranh *Cao bồi Hà Nội* của họa sĩ Mạnh Quỳnh ở tiệm sách Văn Chương cách nhà ông năm bước. Thế là ông đòi đi học vẽ. Ngồi trong "xưởng vẽ" của họa sĩ Mạnh Quỳnh, ông lóay nhóay với cục than bằng đầu đũa, với ngón tay cái làm thước ngắm...Ngắm người mẫu là bức tượng khỏa thân "nặn" bằng vôi bột. Đụng năm 54, ông bỏ lại bức tượng khỏa thân có hai cánh tay cụt ngắn như con "kiwi" cánh ngắn, đuôi cụt. Di cư vào Nam, nhè vào cái tuổi nhằng nhằng, ông cũng lờ ngờ mò tới xưởng vẽ của họa sĩ Thịnh Del nằm trên đường Phan Thanh Giản gần chợ Vườn Chuối để học vẽ tranh khỏa thân. Đang vẫn với cục than, với ngón tay cái làm thước ngắm...thì bị cảnh sát thời cụ Diệm ập tới vì tội vi phạm thuần phong mỹ tục, thế nên nghiệp dĩ của ông trở thành nghiệp dư!

Đang lêu bêu đến đây, có tiếng “A lô...A lô” bên kia đầu giây. Ông khẽ khọt chuyện cũ:

- Chẳng đâu gì bà, tôi muốn vẽ lại bức tranh *Khỏa thân ngồi* (2) của Picasso vẽ năm 1907, mà bạn ông là nhà thơ Max Jacob trông thấy bức tranh đầy màu sắc và đã hỏi: “Anh vẽ cái của nợ gì thế?” “Họa sĩ Picasso trả lời ngắn gọn: “Nếu yêu thì anh sẽ hiểu”.

Tiếp, ông khoe mẽ nhà ông có mấy bức tranh tĩnh vật, ông bắt qua Cézanne thành danh với những tranh tĩnh vật trái táo. Chính bút pháp, phong cách ấy khởi nguồn trường phái lập thể ra đời bởi Braque và Picasso. Ông không quên phác họa với bà thời kỳ này, Picasso đang chịu ảnh hưởng hội họa thời kỳ Phục Hưng của Ý, thế nên ông cần một người mẫu ngực to, mông lớn như bức *Venus and Adonis*. Bà cho ông hay hiện có cô người mẫu mới vào văn phòng ngay đây, rồi ghi địa chỉ ông, bà sẽ gửi người mẫu đến nhà ông ngay bây giờ.

Vậy là xong, ông thở ra cái phào vì may quá không phải gánh bùn sang ao với bà ta, với định nghĩa hội họa là gì? Bởi theo bài bản: ”Một bức tranh là tập hợp của đường nét và màu sắc trên một mặt phẳng theo một trật tự hay hòa hợp nhất định”. Ấy là chưa nói đến những gì mà tranh chuyên tải, nó là tập hợp của đường nét và màu sắc mà họa sĩ dàn trải như thế nào?”. Thí dụ một họa sĩ cho thấy một chân dung bằng than chì do anh ta vẽ, với người thường thì đã là “xuất thần” lắm rồi. Nhưng với người đã từng xem những bản phác họa của

Fragonard thì bức tranh vẽ chì kia đầy tính trường ốc và chẳng nói lên cái gì là tài hoa cả!

Nhưng vẫn chưa xong, vì ông đang lằm đằm rằng với nhà văn có văn phong, họa sĩ cần có phong cách từ những động tác ngón gác cái đầu, ve ve con mắt, đi, đứng, v...v... Ông lằm với bài viết về bức tranh “Khỏa thân ngồi” của Picasso mà ông tụng gâu như thuộc lòng, để mai này ông có dịp “thao tác” một phong cách như một họa sĩ nhà nghề. Ấy là trong bài viết...

Fernande Olivier, người đàn bà đi qua đời R.Ruiz

(...) Picasso sống vất vưởng tại xóm Montmartre với đói và rét. Vào năm 1907, một sự kiện đột biến đã làm thay đổi toàn bộ cuộc sống nội tâm của ông. Trong khi ông lom khom đưa bình hứng nước, nước bắn tung toé xuống đường, dội ngược lên, làm ướt gấu váy và đôi chân Fernande vừa đi qua. Nàng nhìn ông và mỉm cười. Ấp a ập úng mãi ông mới cất tiếng được:

- Cô đến thăm xưởng vẽ của tôi được chứ?
- Vâng, tôi sẽ đến.

Ông vẽ nàng, ông lim dim đôi mắt, nghiêng đầu sang trái rồi qua phải, lùi lại ngắm thật kỹ dáng người thiếu nữ ngực trần đang ngồi xuôi tay, trông thẳng thốt, bàng hoàng, đôi mắt nâu mở to sợ hãi, dáng vẻ làm như...bất ngờ bị một gã đàn ông xa lạ xô cửa, xông vào lúc mình không còn mảnh vải che

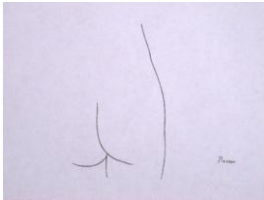
thân. Thân hình cô gái đầy đặn với làn da trắng nhễ nhại toát ra vẻ mơ hồ kỳ lạ. Gò ngực cao đang phập phồng qua làn khói thuốc mờ mờ trước mặt ông. Ông nhìn vùng ngực cô gái đầy kích động và nhích từng bước chậm chạp, người ngả về phía trước như ôm cô gái, cánh tay phải run run đưa lên trong trạng thái vô thức rồi ngập ngừng. Ánh mắt cô gái trở nên kinh hoàng tột độ. Picasso không nhìn đôi mắt mở to hoảng sợ. Gò ngực mới nhú quyen rũ lạ thường. Từng bước, từng bức, Picasso đưa tay phải lên, qua bức tranh ông chắm vào bộ ngực non tơ màu hồng nhạt. Và cứ thế, cho đến chiều tối mịt, hết điều thuốc này đến điều thuốc khác đổ rục. Picasso tiến tới, trở lui, đi qua, đi lại, ngắm nghía trước giá vẽ như không chán. Đồng hồ điểm một giờ sáng. Picasso ngã vật người ra chiếc ghế bố, thở hắt hắt. Bức tranh hoàn tất, trác tuyệt trong không gian màu sắc. Ánh đèn chiếu vào bốn góc của khung vải. Nơi đó, màu đỏ gạch âm ỉ sức nóng, lan nhẹ vào thân thể màu xanh lạnh lẽo.

Những người đàn bà đi qua đời ông, như Fernande Olivier, tên tuổi họ gắn liền với Pablo Picasso mãi mãi. Các tác phẩm bất hủ của ông đã đóng góp những giá trị to lớn cho nền nghệ thuật của nhân loại... Và từ đó về sau ông bắt đầu ký tên của dòng họ mình là R.Ruiz.” (,,).

Thoáng với Fernande trước là người mẫu, sau là người tình. Trong ông đang hình thành một bức tranh cho riêng ông. Nếu như lão ngộ chữ, Ngộ

Không bạn ông rồi hơi viết truyện ông với cô người mẫu giống Picasso với Fernande thì hay biết mấy. Lui đi qua R.Ruiz với Ruiz Blasco là tên của ông bố nhà danh hoạ. Khi hoàn tất xong bức hoạ, ông sẽ ký tên tác giả bức tranh với tên cúng cơm của bà cụ thân sinh ra ông. Họ ông thì đông như nôm cối. Thọ rên có đe, ông nghe có bút, ông sẽ búi bấn lão ngộ chữ, Ngô Không gọt chữ đẽo câu khúc kết của một chuyện tình có hậu. Về sau này nhà danh hoạ bắt đầu ký tên của dòng họ là: *Nguyễn...*

Chưa xong một tẩu thuốc thì người mẫu đến. Ông đoán chừng cô đã có chồng nhưng trông vẫn còn ngọt nước, với ông không có đàn bà xấu mà chỉ có đàn bà không đẹp thôi. Với đồng bái quê mùa thì cô đẹp như cái tép kho tương. Thế nhưng nét hay hóm nhất của cô là ở bờ ngực bật rật, trông cứ rói cả mắt lên. Cô người dày dầy, mặc quần bò, áo bụi buộc chéo ngang bụng, với mắt như mắt thầy bói ông đoán chừng tính khí cô bật rật nên ông chắc mẩm dễ gần gũi. Lại nữa, cô có cái mộng to bằng cái lòng bàn, tròn vo và chắc nịch, ắt hẳn cô ngồi làm mẫu khí hơi nhiều thì phải nên cái bàn toạ cô to chành bành như đít trâu dái mạn ngược.



Nào khác gì với ba nét vẽ không thôi qua bức *La Femme* của Picasso ở trường mỹ thuật Madrid, với thủ pháp cổ điển của các

nhà danh họa Rivera, Velasquez và Goya, khi Picasso chưa tới Paris bắt sang trưng phái lập thể. Nét vẽ thứ ba, Picasso cố tình vẽ cái hông hõm một chút, biểu tượng một người đàn bà đã có con. Và ông đợi lát nữa khi cô “cởi toàn bộ”, ông sẽ đi tìm cái “vết hõm” của Picasso nơi cô.

Rõ ra cô lắt phắt có nét cô Mai người mẫu đã có chồng con, chỉ sợ “bị lộ” mặc dù không làm gì bậy bạ... Ông cảm thấy hứng khởi sắp được trở về với cô, màu qua cô, người đang có mặt trong nhà ông, với chỉ mình cô và ông. Vì vậy ông...ngứa ngứa vì thèm vẽ nên ông vồn vã: "Cô là...". Cô xởi lời: "Cô quéo gì! Gọi em cho gọn". Ông nói dón: "Cô muốn ngồi hay...nằm". Cô ngắt lời ông: “Anh giai muốn em thay đồ ở đâu?”. Ông nhủ thầm: “Khộn thật! Cởi quần áo ở đâu chả được”. Cô thản nhiên bước vào nhà làm như quen thuộc với nghề nghiệp bằng vào liếc xéo vào phòng trong thăm dò, và khong khảy: “Bà nhà đâu anh giai?”. Ông nói như lơ đãng: “Nhà tôi đi chùa”. Nghe thủng xong, tự nhiên như người Hà Nội, cô cởi áo quần vất toẹt xuống sàn gạch. Và cô...ngồi ngay cái ghế cạnh cửa sổ, nhìn ra vườn, cô rọ rọ:

- Anh giai muốn em ngồi duỗi chân hay gác chân đây hở?

Hở hang gì nữa, ra cái điều dễ dãi, ông lần khần:

- Cô cứ ngồi sao cho thoải mái là được.

Quay lại cái bàn cạnh giá vẽ, ông hòa lẫn sơn màu với nhau. Vừa trộn màu, ông vừa ngắm ngợi về cách cởi quần áo nhanh gọn của cô khiến ông quay quắt trở về những ngày tháng cũ, đánh dấu những ngày tập làm lớn bằng vào 3 đồng 1 điều Ruby và bước vào mảnh đất Bệnh viện Công Hòa, qua Ngã Ba Chú Ía với một nhớ hai quên này kia, kia nọ. Đang phiêu lãng quên mình lãng du đến đây, ông không hay cô người mẫu cũng đang dòm ông pha màu. Cô ngạc nhiên vì gì mà ông pha màu nhẹ nhàng như quây hồ vậy? Ông dùng bút chì phác họa cô. Cô làm như không biết đến sự có mặt của ông, qua cửa sổ, cô đang ngắm cây bồ đề trụi sau vườn. Ông bâng quơ với cô là ông tu thiền, ông trồng cây bồ đề để ai đó hỏi thì ông cho hay cây như người, vì nay nó già cỗi và nó là Bụt như ông vậy. Ông cười hệt một cái ra điều ông lạnh như đất, hiền như lá ấy thôi. Cô không cười... Nhưng chui vào đầu ông là khuôn mặt cô có nét thao thiết của chiếc lá bồ đề xanh mát đầy nhựa sống, mặc dù đang là... mùa thu.

Từ lá bồ đề đầy sức sống, ông muốn vẽ chân dung cô. Chân dung ai cũng thích vẽ, nhưng thành công rất ít. Bởi văn có ý, thơ có khí, tranh chân dung phải có thần. Một họa sĩ nào đấy đã bương trải: “Có một khoảnh khắc thật ngắn mà cái thần của người lóe ra qua ánh mắt, bờ môi, v...v...Khoảnh khắc đó họa sĩ phải ghi lại trong tâm khảm và trang trải trên giấy. Học đòi thủ pháp tả chân của trường phái cổ điển với Rivera, Velasquez, Goya thì không có gì dễ

hơn vẽ sao giống người mẫu. Nhưng cái khó trong hội họa là họa sĩ thể hiện thế nào để có thể gửi gắm bản ngã của mình qua khuôn mặt, hay bản thân qua người mẫu. Nhiều sự này thuộc về chiều sâu của tâm niệm trong nghệ thuật. Ông ăn mày cửa Bụt qua bài viết của Milan Kundera có đoạn về tranh chân dung với *Chân dung tự họa*: “Vào ngày cuối cùng của đời người, cái gì sẽ rời bỏ chúng ta trước tiên? Đó chính là khuôn mặt. Khuôn mặt ẩn chứa trong góc tối nép mình cái vô hạn mong manh. Khuôn mặt ấy vô thường và phù du...”.

Với ngày cuối cùng của đời người...được thể ông bắt sang chuyện già đái tạt với những nhà thơ, nhà văn cuối đời, với đất sinh cỏ già sinh tạt nhẩy bỗ sang sáng tác nhạc. Trong khi những nhà văn, nhạc gia về già lại đốc chứng...vẽ tranh. Khộn thật!

Nhúng cọ vào đĩa màu, vừa nhíu mắt ngắm nhìn thân thể trần trường của cô và vừa vẽ. Ông nheo mắt, nghiêng đầu sang trái rồi qua phải, lúi lại ngắm thật lâu. Cô không có vẻ thảng thốt, đôi mắt đen mở to sợ hãi như cô người mẫu của Picasso. Vì nét mặt cô thật bình thản, cũng như ông đang có cái vẻ lơ đãng của một người họa sĩ đang lẩn đềm nhắm vào cô người mẫu với nhân sinh vị nghệ thuật. Nhưng cũng có đôi lúc vì nghệ thuật vị nhân sinh, ông bặm mắt vào vùng ngực hỗn độn, to bặm mà ông phải đánh bóng cho nổi u lên. Được thể ông chan canh đồ mẽ với nghệ thuật hội họa khởi đầu ở Pháp từ thập niên 1860 qua Monet, Renoir gạt bỏ quá khứ hội họa

hàn lâm mang tính chất kinh viện. Họ hướng về đương đại và thực tiễn. Không vẽ bóng bằng màu xám hay đen. Một trong những bức tranh của Monet biểu tượng cho trường phái này có tựa đề *Ấn tượng - Mặt trời mọc*. Từ đó có tên cho trường phái ấn tượng.

Bỗng không ông lây lất tới một tác giả nào đó đã xưng bả: “Người làm hội họa như cốc nước đầy, tự nó tràn ra, muốn thành hình thể gì không cần biết. Công việc của người vẽ là nắm bắt những hình thể đó. Hội họa có sự tình cờ và có những “cái ngổ” của đường nét, màu sắc. Nếu màu sắc, đường nét đều vừa vặn, hợp lý, bức tranh sẽ biến thành công trình của một người thợ khéo tay”. Vì đó là sự khác biệt giữa *hội họa có hình thể* và *hội họa trừu tượng*, tác giả chọn trừu tượng vì nó không bóng bẩy rườm rà, trừu tượng trực tiếp mạnh mẽ mà không phải vòng vo tiêu xảo. Với nó, tác giả có thể đưa ra những hình ảnh sâu xa từ vô thức chứ không phải hình ảnh bên ngoài. Được thể ông dựa dẫm theo Wassily Kandinsky là ông tổ của ngành hội họa trừu tượng thì truyền cảm nội cảm chỉ là một điếm để đắm chìm trong u mê. Tâm thái vượt thoát hình thể khơi dậy mỗi cảm xúc mà không ngôn ngữ hội họa nào diễn tả được.

Đang vật lộn từng nhát vẽ, từng mảng màu, ông lụng bụng rằng vẽ khó nhai thật, vì vẽ xong rồi thì sao đây!? Bởi chuông có gõ mới kêu, đèn có khêu mới rạng, khổ một nỗi cả đời một họa sĩ chỉ có cơ

may triển lãm một hai lần là hết đất. Đến khi tìm ra bức tranh trừu tượng ngập *những hình ảnh sâu xa từ vô thức* của mình ở trong nhà cả mấy năm. Người họa sĩ đứng nghệt mặt không chịu nhớ ra... vô thức đã... *gửi gắm những truyền cảm nội cảm, những cảm xúc qua ngôn ngữ hội họa* gì gì nữa. Nghe thì huyền hoặc đấy, nhưng bắt qua thơ, thiếu giống chuyện nhà thơ quên thơ mình. Mà thơ và họa là một tuồng, một giuộc, đại thể truyện viết là hư cấu, thơ là tình thật. Nhân vật trong truyện là tha nhân, nhân vật trong thơ là ta. Chính ta. Viết cho cái ta khó lắm, vì không viết cho mình hôm nay, mà viết cho mình ở đâu đó, có khi là ở mãi tận mai sau. Viết là dựng nên, hay vẽ ra. Vì vậy hội họa chính là thơ. Và ông lậu bậu như chó hóc xương rằng vẽ đâu có ngon ăn như ăn óc chó. Như... “mần” thơ. Ngoài ra họa sĩ nào cũng giả thiết rằng người thưởng ngoạn am tường lịch sử hội họa, vì hội họa cũng có một số quy ước của nó, như văn chương giả thiết rằng người đọc phải biết... đọc. Một họa sĩ đích thực sẽ thừa hưởng di sản quá khứ và đẩy hội họa tiến thêm một bước nữa, dù chỉ một cm. Thừa hưởng di sản quá khứ này phải có tay nghề, chứ không phải cứ... ấn cái ghế vào tranh để gọi là tranh ấn tượng. Hoặc quẹt màu túi bụi vào tranh rồi trở thành họa sĩ trừu tượng! Thế mới phiền.

Quả tình phiền thật, ông như lên đồng thiếp, ông vừa để hồn via nhập vào màu sắc đến mù mẫm. Nào khác gì Wassily Kandinsky với trừu tượng là mỗi truyền cảm nội cảm đắm chìm trong u mê. Ông đang

vật lộn với cơ thể quỵên rũ của giống cái, cái nhẽ nhại cùng những ước muốn đỏ rực. Ông quẹt lát màu đỏ lên cái nõ nường. Nơi chốn truyền cảm của u mê ám chướng. Với nguyên lý hội họa, để thực hiện họa phẩm, ông vừa vẽ bằng mắt, vừa bằng tâm hồn qua đầu ngực như hai đầu nhang đang cháy. Vì ông học đòi được rằng: “Họa sĩ đã phỏ hết tâm ý, cũng như tình cảm và những nổi xúc động vào tác phẩm. Nếu người thưởng ngoạn không nắm bắt được, không nhìn ra những dấu ẩn mật đó. Thì đó là chuyện của người thưởng ngoạn, chứ không phải của họa sĩ”. Ngoài ra với những mảng thịt dư thừa, ông chối bỏ trường phái cổ điển là vẽ như thật với cái mờng bóng nhẫy, cái vú thây lầy trắng hếu. Hay nói chữ thì những nổi bút rứt của da thịt, của tuổi già cảm cảnh đang cay cú đuồi theo sau lưng ông.

Cắm mắt vào bộ ngực ngập những bẻ bộn, làm như nóng nẩy như muốn rụng khỏi thân thể cô. Bởi bầu ngực cô như trái bòng, hiểu theo nghĩa là nhỏ hơn trái bưởi, nhưng lại lớn hơn trái cam sành. Với văn cảnh đã chấp chới như quạ đậu chuồng lợn rồi, huống chi vẽ vời, vì bức họa để cảm nhận, thay vì để ngắm. Vì hội họa là một nghệ thuật câm nín, người họa sĩ không có thói quen "phát biểu bằng lời". Có đầu có đũa thì ông học mót qua Paul Cézanne, cha đẻ của hội họa hiện đại đã từng nói: "Người họa sĩ suy tưởng với cây cọ trong tay". Mọi sự bắt nguồn từ quan niệm về sáng tạo nghệ thuật: “Tìm tôi và sáng tạo với tất cả linh tính. Không phải sáng tạo

bằng mắt, bằng tay, mà gần như là anh xắm mắt gậy sờ soạng trong đêm giữa ban ngày để tìm cái đẹp”. Và ông nhích từng bước chậm chạp để ...đi tìm cái đẹp. Bắt chước Picasso, tay vung vẩy cái bút lông còn dính tèm nhem màu, ông vừa tiến tới về phía trước như muốn ôm chầm cô, nhưng rồi ngấp ngừng vì khoảng cách của nhân sinh. Ông lùi trở lại...

Bộ tịch ông lật đật như ma trật đám quẩy khơi dậy sự tọc mạch của cô vì những động tác đi tới đi lui, tay cầm bút múa may giống hệt như gã Sơn Đông mãi võ trong Chợ Lớn, tay cầm cái phèn la, tay cái dùi tung tủy, miệng rao bán cao đơn hoàn tán, thuốc mộng tinh, di tinh, huyệt tinh. Nói cho ngay ông không giống một họa sĩ nhà nghề cho mấy. Vì vậy cô đâu có hay hai mảng thịt dư thừa của cô ông vẽ bẹt ra như cái bánh dầy. Vì thế ông phải làm mới, phải nhiều màu sắc sặc sỡ. Không hẳn như trường phái cổ điển với đất màu nâu, lá màu xanh. Loay hoay với hội họa có sự tình cờ và có những cái ngộ của đường nét, màu sắc. Ông trát lên hai đầu ngực cô kèn kạch màu đỏ xin để...nóng mắt người xem tranh là thế. Vẫn chưa xong, hai bầu ngực, ông muốn vẽ vươn ra như...sừng trâu dái mạn ngược, như muốn xuyên thủng giấy vẽ, như muốn đâm lủng mắt người thưởng ngoạn...nên tốn màu và thì giờ không phải là ít.

Bức tranh hòm hòm xong, ông tâm đắc vì sự hoà hợp màu sắc là đặc thù trong hội họa. Vì không những nó đánh giá tài năng mà còn chỉ ra thời đại,

phong cách và trường phái của tác giả. Vì thế mà có nhà nghệ sử đã hóm hỉnh về lịch sử hội họa Tây phương như sau: "Mới đầu ta không thấy nhát cọ. Sau ta thấy rõ nhát cọ. Bây giờ thì chỉ là nhát cọ". Là người tu thiền có chân tu như lão Ngô Không bạn ông, nên ông ngộ chứng ra nào có khác gì trước khi nắp bóng thiền môn, ông thấy núi là núi, nhìn sông là sông. Bước qua cửa thiền môn rồi, ông thấy núi không là núi, sông chẳng là sông. Khi đã đạt, đã ngộ, nhìn lại ông thấy...núi vẫn là núi, sông vẫn là sông. Bởi lẽ ấy các họa sĩ cổ điển xoa mặt tranh mịn cho ta không thấy những nhát cọ. Thế nên có thể nói tranh chỉ là những nhát cọ mặc dù đã được...xoa mịn đi. Quẹt thêm nhăm nhát cọ nữa, buông tay, chứ chả phải là buông xuôi về với chín tầng mây, mười tầng trời, ông cảm thấy hai đầu gối lụm cùm thấy rõ vì phải...“lao động hội họa” quá sức. Và ông thở ra như trâu hạ địa vì vẽ nào có dễ ăn như ăn trứng luộc. Sau này, người xem tranh thưởng ngoạn tranh ông đến đâu, chuyện đâu vẫn còn đó. Vì chuyện bây giờ là cô dòm ông múa bút vung vít trên nguoi cô nên hấp tấp đứng dậy đi về phía giá vẽ...Thấy bức tranh như bò thầy nhà táng, cô la toáng lên: “Đí gì tá? Gì thế này hờ giời!”. Mặt xám như đất nhái, ông lập bập: “Có lẽ tôi...”



Ý đồ ông là thăng như bức *Nhạc sĩ tây ban cầm già (3)* của Picasso với ông già chân tay khẳng khiu như ông đây. Thì người họa sĩ

phải diễn đạt cái tay gãy khúc, cái chân lạc quẻ và đầu ngoèng xuống đất chứ không nhìn lên trời. Vì họa sĩ phải học tâm lý học, phân tâm học để phân thân...thân thể con người ta. Bởi nhẽ muốn vẽ một người nằm, ngồi, đứng phải biết xương xẩu của cơ thể học, vì xương thịt phải gắn bó với nhau. Thằng như có một bức họa nào đó phóng bút một cô gái khóa thân, nằm thẳng băng như chết rồi, hai bầu ngực đùn lên lên như hai đụn rơm. Vậy là không xong với cơ dãn của bắp thịt. Vẽ ma dễ, vẽ người khó là thế.

Mặc ông bám víu vào những bòn mót của ông. Cô phay vào mặt ông một nhát:

- Ông chẳng biết quái gì về hội họa cả! Mất ông quẹt trên thân thể tôi vì những lý do thâm kín của ông. Tôi không biết ông muốn cái gì, nhưng tôi chắc chắn những cái muốn ấy chẳng ăn nhằm gì với hội họa cả. Nói thẳng ra ông hiếp dâm bằng mắt trên thân thể tôi thì đúng hơn.

Thoáng nhìn thấy vết âm ướm thắm qua quần dưới phần hạ bộ của ông. Cô lộn tiết lên:

- Ông đúng là hoang tưởng dục tình để giải phẫu thân xác tôi hơn là vẽ khóa thân. Cách vẽ của ông như cầm một thân người quẳng vào mặt giấy và ghim lên đó từng bộ phận của đàn bà.

Cô quơ quơ cái áo dưới sàn nhà và tiếp: “Tôi cũng là một họa sĩ”. Cô nhìn ông chăm bẳm rồi thờ hất ra: “Giả mạo như ông nhìn là tôi biết ngay”.

Đúng là bị giời đầy vì ông chả biết giải bày với cô như thế như thế nào với ngày xưa xông xáo ngược xuôi, ngày nay rờ rẫm đuổi ruồi không bay: Số là sống để bụng chết mang theo gần đây ông có hơi hục hặc chuyện gói chần với vợ nhà, nói cho ngay tuổi tác ông dường như chỉ mới...chớm già nhưng ngẫm chuyện tối lửa tắt đèn ông vẫn còn sung sức chán. Nho nhe, nho táo với nhân lão tâm bất lão, tạm hiểu là *thân già tâm tính không già*. Hay nói văn vẻ văn sách theo các cụ ta xưa: Già thì già tóc già tai, già răng già lợi đồ chơi không già với trâu ta ăn cỏ đồng ta, đồng ta hết cỏ ăn ra đồng người thì ông hùng hục như trâu húc má ấy. Nhưng khổ nỗi vì tình trạng lèo hèo ông "còn", bà "hết" đâm rách chuyện. Ấy là từ khi lên chức "bà", bà ngủ riêng để có kiêng có lành. Ông mon men sang để tìm tem thì bị nhấc là: "Già rồi...". Ông đành bỏ về phòng mình, cả tháng tâm hồn không động đậy, cái củ lẳng buồn thiu, mỗi ngày teo đi một ít giới tính. Theo năm tháng, ông lặng lẽ bị...tàn phế dục tình với khúc thịt thừa co rút lại quắt queo và hóa thân thành..."phế phẩm". Xuân thu nhị kỳ được hôm hưởng cơm thừa canh cặn của vợ nhà nhưng trên bảo dưới không nghe, như con giun đất, nó cứ chun choe nhét chẳng vào nên cũng đành rằng ngày xưa qua núi vác cày, ngày nay nằm thở dang tay xin hòa. Nói đại chứ...chứ từ ngày ấy mảnh đời ông bèo nhèo như thịt trâu về chiều nên ông cảm cảnh tuổi già đang tàn lụi thế thôi. Ngẫm ngợi, ngày xưa sức mạnh như trâu, ngày nay uể oải ngồi đầu ngáp ruồi, thế nên

ông ngồi không tắm khô búng ghét đuổi ruồi, để thời gian buông trôi về một khoảnh quá khứ qua mau với những tiếc nuối. Mà cũng chả ai hay ông đây rơi rớt lại từ thời Tây thuộc địa, ông cảm khái nỗi mất mát to lớn ấy nên hay nhẹ nhàng ba chữ tiếng Tây tiếng u hoài niệm quá vãng: "Tôi chẳng còn gì nữa...giữ hai bắp đùi" (4).

Và ông buồn đời... Buồn sung cả đít. Chán ngăn ngắt nhưng vẫn phải...buồn.

Thảng như mấy bữa rày vợ nhà cạo đầu trọc lóc như cái bình vôi để đi hành hương mấy tuần. Nay được gặp cô người mẫu, ông đùm đậu may ra có một chút hoa tình vương vীu trong những ngày trống vắng. Chả hẳn là cuộc tìm kiếm của anh già đang thiếu thốn những niềm vui thân xác, mà là ông muốn tìm lại những mảnh tình ảo nằm tít mù cả chục năm về trước. Từ tình ảo, ông lây lất qua Francois Sagan hiện thực viết truyện *Buồn ơi chào mi* lấy cảm hứng từ Marcel Proust. Cả hai đều đi tìm thời gian đã mất... Như hôm nay ông đang đi tìm một khoảng thời gian không còn nữa với cô người mẫu. Học thói nhà văn, nhạc sĩ về chiều giờ chúng...vẽ tranh, họ luận rằng: "Khi ngôn ngữ và âm thanh *bất lực* thì màu sắc lên tiếng để họ bám vীu. Hội họa là cõi vô ngôn của họ bên cạnh âm thanh và chữ nghĩa về những giấc mơ ảo trong cõi không". Ông lên tiếng khào khào với cơm mắm thắm về lâu: "Tôi ngỡ khi cầm cọ vẽ sẽ đem lại một cái gì tươi mát hơn. Thật đáng tiếc tôi đã làm phiền cô".

Như chưa hết ngòi ngoai, cô phang ngang bừa củi:

- Phiền, cái đó khỏi lo. Tôi được trả tiền cho sự phiền hà ấy. Nhưng cái mà ông không đem tiền đền bù được là ông hiếp dâm thân thể tôi bằng mắt.

Lỡ mắt nhìn ông và cô “ông dùng bà đá”:

- Ông cởi quần áo ra.

Nghe thông xong, ông như gà mắc tóc...

- Tôi? Cởi...cởi...

Trong ông có một nhen nhúm với “ông đưa chân giò. bà thò chai rượu”:

- Cởi quần áo để...làm...làm gì?

Cô dĩa môi bám búi:

- Đùng tưởng bở, ông già!

Tim gan phổi phèo đang rối beng vì phải phơi bày thân thể trần trụi trước mặt một người nữ mà tuổi tác chỉ bằng phần nửa đời ông. Vì cây dây quẩn, ông nhớ lại cô người mẫu tên Quế phân bua: "Phản ứng cái gì? “Nằm” mẫu “luy” thì có gì là xấu? Nhớ lại ngày đầu, khi đã “cởi tất” là em lại nổi hết da gà...”. Và ông muốn nổi da gà thật vì mừng tượng ra mình đâu có có khác con gà khỏa thân chết tiệt nằm trên bàn thờ, nắp sau nải chuối ngấm...bát nhang!. Đến trần ai khoa cử này, làm như đồng cảm với ông, cô hóng hót: “Trông dơ bỏ bố đi ấy!”.

Cô vung tay múa bút những nét nhanh và gọn, được mấy nả bức họa hoàn tất. Ông co ro đứng dậy, hai tay che hạ bộ lụm cụm tới ngấm bức tranh khỏa thân chính ông. Đập chát vào mặt ông là màu da thịt

rất người, màu vàng bọt bọt nổi bật lên những vết nhăn nhúm của thời gian. Ấn tượng sâu đậm nhất với ông là dáng ngồi chằng chằng của một anh già, hai mắt đang trở ra như mắt lợn luộc vì sống không biết hưởng mùi đời. Cô biểu hiện ông qua thế ngồi chẻ hẻ như ếch vồ hoa mướp, trong một sát na, ông hóa thân, hóa ngộ vì đức Lạt Ma đã dạy những kẻ không biết sống theo thói đời: Vì họ đã chết khi còn đang sống.

Ông xo ro tới giá vẽ ngắm bức tranh...ông rồi rấm như sư đẽ vì nếu làm thơ, viết nhạc không hay, người thưởng ngoạn không đọc, không nghe. Thế nhưng nếu như viết văn, vẽ tranh không đạt, người thưởng ngoạn sẽ “phở mắng cháo chửi” ở Hà Nội thế này đây:

(...) Gã ấy một ngày xấu giòi bỗng bị con ma màu ám. Thế là lao vào đẽ vẽ. Say lắm, bốc lắm, có ngày vẽ mấy bức. Bạn bè đến xem chẳng hiểu gì. Vì có phải ai cũng hiểu tranh đâu, và có phải ai cũng hiểu thiên tài đâu. Chỉ cần gặp một chuyện là đã vỡ bố nó đầu rồi. Trong trường hợp này, là cả hai. Thế nên, có người hỏi những câu ngu ngơ như: “Đây là cái gì?”. Gã chỉ cười bí ẩn. Sau một nện gã chẳng buồn cười nữa, chỉ giữ bộ mặt bí ẩn rất nghệ sĩ.

Người thưởng ngoạn trầm trồ: “Ừ nhỉ, rõ quá rồi. Đây này, vươn lên đây này”. Hay: “Chỗ này chẳng là cái chỗ phình ra à. Còn đám màu rối tinh chẳng phải là...”, là: “Vẽ đến thế thì tuyệt. Vẽ mà như

không thấy nhỉ?!”. Bỗng có một tiếng chửi đổng: “Cái bôi mà vẽ như bôi ấy!” (...)

Là người thưởng ngoạn nên ông xem tranh theo cái nhìn của riêng ông, là tác phẩm của cô đây thể hiện đường nét rất nghệ thuật của một họa sĩ rất...nghệ sĩ. Nhiều nhà phê bình hội họa chỉ viết theo cảm tính, không chuyên nghiệp để nhận ra nghệ sĩ dần thân với những khám phá cái cách tân, cái lạ của tác giả. Như hình ảnh đậm nét trong bức tranh của cô là thủ pháp pha trộn các chất liệu để vẽ, cô dùng da thịt người để tạo hình, tạo tình, tạo vật: Cô biến dạng ông là một sinh vật như một tinh vật...động vật. Ông cảm nhận được rằng hội họa cũng như thơ hay nhạc có thể đi thẳng vào cảm quan của người thưởng ngoạn. Như nghe một bản nhạc, đọc một bài thơ hoặc ngắm một bức tranh có thể cảm xúc được ngay cái... ‘bức xúc’ của tác giả mà không cần sự lục lọi hay đào xới. Vì vậy ngắm bức họa...da thịt này, lòng dạ ông xốn xang bao hoài niệm, dường như ông đã gặp lại chính ông từng chặng đường. Ông đã già đi theo năm tháng trên con đường bước chân vào đời qua ngày tháng cũ, qua Ngã Ba Chú Ía tới Xóm Mới với một quên hai nhớ. Bức tranh này đây vẽ ông như một tác phẩm đích thực cho những ông già đang rong ruổi trong những ngày nắng quái chiều hôm đi tìm thời gian đánh mất!

Hốt nhiên cô đóng cửa cái rầm ròi xốn xác đi về mất tiêu. Cô quên cả ký tên bút hiệu dưới bức tranh

để một ngày nào đó ông có “khả năng” coi lên căn gác xếp làm xưởng vẽ.

Cửa đóng cái rầm kéo ông trở về với thực tại, ông lui đui lồng bức tranh vào khung và treo giữa bức tường phòng khách. Ông tòng ngông đứng và lặng ngắm...

Mượn lược thầy tu thì vay mượn từ bức tranh *Khỏa thân ngồi* của Picasso vẽ năm 1907, ông phác họa ra cô. Bữa rày, cô vẽ vời ông rất có hồn có cốt. Mỗi nét vẽ của cô tạo ra những nội tại của người cầm cọ, nó ẩn chứa những vết mờ của họa sĩ trước đó ẩn giấu những hình bóng, những “gợi mở”...từ nét vẽ của đối tác mà thiền học gọi là: *Đối họa*. Ấy là cách họa sĩ dùng cọ vẽ để giao thoa giữa hai cá thể, để khai phóng lẫn nhau, uyên sâu giác ngộ nhau. Đối họa giống như câu đối với “đối chữ”, hoặc giả như công án đối thoại của thiền sư để giác ngộ thiền sinh. Khi thiền sinh vẽ một bức tranh theo cảm hứng của mình, thiền sư tác động lên bức tranh ấy làm thay đổi hoàn toàn ý nghĩa, *vật thể, đường nét, và bố cục* của thiền sinh.

Thảng như hai bức tranh đối tác dưới đây...

Tranh thiền sinh đường nét thư pháp chữ tâm (bên trái). Tranh đối họa với chữ tâm đen như mực tàu của thiền sư (bên mặt)



Với “nhĩ văn vi hu”, hiểu nôm na là chỉ *nghe không thì có thể không thật...* Vì để giao thoa giữa Đông và Tây với đối chữ, với hai bấp ùi đối nhau chòen hoèn gợi mở ra...*chữ nhân*. Nhân là người, cô vẽ một người đàn ông trong không gian là không gian ảo, là không có gì hết, căn phòng trống trơn. Cô sử dụng kỹ thuật tối giản để gạn bỏ bỏ cục, loại bỏ những chi tiết không cần thiết như: Cái ghế chẳng hạn,

Với văn học và học thuật hội họa, dù là hai phạm trù nghệ thuật khác nhau, một bên dùng chữ một bên dùng màu nhưng chúng chia sẻ cùng một dấu ấn: Gợi lên những gợi cảm. Như tạo hình cho một sự thiếu vắng. Như Magritte của trường phái trừu tượng đã làm việc này bằng cách hòa hợp các vật thể trong

trạng thái mộng mị: Tạo hình cho những gì vô hình. Vì vậy, với bức tranh này đây: Cô đã gạt bỏ những dư thừa trong bố cục và màu sắc. Vì vậy dưới mắt người thường ngoạn viễn mơ, viễn tưởng như ông:

Cái ghế hiện hữu.

Cứ theo ông thì cô dùng cọ, dao với màu mè nào đó, nhưng cái trở nên, cái làm thành, cái có mặt, người họa sĩ như cô biết để dành lời cho tác phẩm. Vì hội họa là một nghệ thuật câm nín. Là họa sĩ, cô không phát biểu bằng lời như cô đã học được ở Paul Cézanne. Với cách nhìn trong nghệ thuật hội họa là nhìn và nhìn thấy, chứ không là sao chép như thật. Vì là mô phỏng. Cô sử dụng kỹ thuật thị giác để tạo dựng cảm xúc, tạo hình cho...một vật thể có thật nhưng lại thiếu vắng. Như Victor Hugo đã viết khi về già: “Tôi chẳng còn gì nữa...giữa hai bắp đùi” (4).

Thế là ông buồn...buồn sung cả đít. Chán ngăn ngắt nhưng vẫn phải buồn. Buồn cách mấy cũng phải lúi húi tìm tằm danh thiếp mặt không có tên ông. Ông ghim dưới hoạ phẩm.

Và hăm húi viết tên (5) tác phẩm: *Người đàn ông ngồi*.

Rồi bầm búi viết bút hiệu ông ở góc bức tranh: *Nguyễn Thuyên*.

Kiểm cái mũ nôi đội lên đầu. Nhét cái tẩu thuốc vào miệng. Trong ông đầy ứ họa sử đánh dấu thời đại của một thời một thờ. Ngoài ra còn biểu hiện

trường phái, phong cách và tài năng của riêng ông. Trong trống không, với “nhân kiến vi thật” là *nhìn thấy mới cho là thật*.

Ông đứng cầm nín trước bức tranh để ngắm....một vật thể.

Thạch trúc gia trang

(viết xong 2005, thêm bớt 2015)

Chú thích:

- (1) Họa sĩ Chóe, tức Nguyễn Hải Chí.
- (2) Bức *Khỏa thân ngồi* nguyên tác *Nu Assis*.
- (3) *Le Vieux Guitarist* (The Old Guitarist).
- (4) “Moi, je n’ai rien entre mes deux cuisses”.
- (5) “Minh họa” tranh của Đinh Ý Nhi.

Nguồn: *Người mẫu* của Bernard Malamud (Võ Đình), *Picasso cuộc đời & tình yêu* (Vương Trung Hiếu). *Xem tranh* (Lê Anh Hoài). *Công án thiên và hội họa* (Huệ Viên). Ngoài ra người viết còn vay mượn chữ nghĩa qua nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa, Kiên Thêm, Viên Linh, họa sĩ Đinh Cường, Ngọc Dũng, Nguyễn Thái Tuấn, Nguyễn Trung, và Nguyễn Thuyên.

Gã quản giáo bạn tôi

Chuyện nghe gã kể cứ như...bịa. Chuyện kể bằng miệng dầm dể như chó cắn ma, được người nghe viết ra chữ khoảng bút nên càng rối như canh hẹ thêm. Số gã ruồi, số là sau 75, lò dò như cò ăn đêm, gã nhè đi vào trại cải tạo như bất cứ ai. Thêm nữa, người ngòm gã chân tay khùng khoảng, mặt mũi vêu vao, mồm ngoác tới tận mang tai. Thế nên bạn bè cùng buồng, cùng lán kháo nhau rằng: Thằng này 54 lớ quớ kẹt lại rồi 75 vào Nam, mưa không ướt đất đá không ướt quần lớ quớ thể nào cũng là...*quản giáo*.

Từ đó gã cứ ngỡ mình là quản giáo thật nên được thể mũi nỏ to bằng cái gáo, mặt vác lên như con bọ ngựa, và nở như kho đạn Gò Vấp. Một ngày ít nắng nhiều mây, gã bị cán bộ ới lên “làm việc”. Bạn tù kháo nhau rằng cái miệng làm khổ cái thân, cho đáng đời. Thế nhưng chả phải vì gã ăn nói “linh tinh” mà chỉ vì cái tên cúng cơm của gã “có vấn đề nhạy cảm và tế nhị” với đảng và nhà nước. Thế mới bỏ bố...Ừ thì truyện viết thế nào đây cho đúng nề nếp, phép tắc trong chốn trường văn trận bút để không bị cái vạ văn chương với làng văn xóm chữ...

Chả là vì gã quản giáo bạn tôi có cái tên tha mộ địa là: *Phạm Văn Đông*.

Có thể nói gã là thằng lính lạc loài trong buổi chợ chiều vắng khách. Có lệnh di tản chiến thuật, gã kéo pháo đội xuống núi nay đây mai đó một thời gian chưa tàn một liều thuốc thì đi tù. Chuyện đánh đấm trong chiến trường địa sử ghi chiến tích cũng có nhiều kỳ tích, như một tân chuẩn úy thiết giáp, vừa hết phép mẫn khóa ra trần nhậm đơn vị. Vừa mắc xong cái võng nằm đu đưa bên chiếc M1, võng vẹo thế nào chả biết nữa, bị du kích dí súng vào mông tai bắt làm tù binh. Gã nào thua gì, đang hành trang xuôi Nam đi vào nơi gió cát. Quen thói vô tư ra quán chợ lỳ một lam, làm một ly cùng đám đệ tử với đĩa tôm khô củ kiệu. Chưa ngồi nóng đít, chưa há họng ngậm xong câu hồ trường nam nhi sự nghiệp ư

hồ thi...cả đám ngó ra hôm nay là ngày 30 tháng Tư nên đành...tan hàng, cố gắng. Ai về nhà nấy khăn gói gió đưa vào trại cải tạo ư hử tiếp hà tất thành sầu đối cỏ cây...

Năm hết Tết đến, gã quản giáo phe ta được ông chú họ phe địch từ Hà Nội vào thăm nuôi. Mặc dù ông chú phục viên đi thăm tù cải tạo nguy trang tận rặng áo đại cán bốn túi màu vàng đất. Nhưng vì có chung cùng một “mặt bằng” nên kẻ Bắc người Nam nhận ra...mặt nhau cái chóc. Gã được ông chú dấm dúi cho “cái gio”, nhìn ra là cái giò. Bụng dạ gã nghĩ thầm: Thôi rồi, trước sau gì cũng có chuyện cái ”cù-dià” kêu là cái muông đây. Nhìn vào “cái gio”, gã chỉ thấy có nhúm sô bèo, khúc thịt co rúm. Rồi ông tốt lên văn phòng chỉ huy trại tửu lạc vong bản với thủ trưởng. Gã mừng hóm vì rượu vào lời ra, chắc mâm được ông chú gửi gắm là cái cẳng.

Chiều về gã được chú nón cối dẫn lên “hội ý” với thủ trưởng trại. Nhân bảo như thần bảo, y như rằng có chuyện cái màn kêu là cái mùng. Số là trên đường đi, chú vệ binh lớp bốp chuyện bà vợ tiếp tế chồng “cái con chặt đầu, chặt cẳng” mà bà ta gọi tiếng tàn dư Mỹ Ngụy là...con “rô ti” nên chú ấy đíu biết là...con gì. Thế nên trong tâm tư gã cũng cục cựa ba điều bốn chuyện, chuyện là có anh tù được thăm nuôi cục sô với cục thịt tròn dài như con đĩa trâu giống gã. Cán bộ ngục ngắc hỏi: “Con gì vậy”. Bị hỏi cấp kỳ, anh ta lụng bụng là con...lạp xưởng. Cán bộ vạy vọ: “Dào! Con Lạp “xưởng” trong cơ

xưởng ngoài tứ thiếu giống”. Xong, cán bộ quệch quạc: “Chúng tớ gọi là...*con bù loong*”. Gã than thầm: ”Úi chà, gay đây”. Vì nếu lát nữa, gã “có khả năng” mà “dự phóng thời tiết” như vậy, gã cũng đíu biết phải trả lời là...con củ cải chi đây!

Cái đầu củ chuối của gã ngộ nguậy thêm vì bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra dưới ánh sáng mặt trời Úi da! Nói lộn...trong trại cải tạo. Gà đoán mò ông chú với trưởng trại đang “lên kế hoạch” để gã đóng “chè” (*ăng ten*). Lại tiếng Tây tiếng u nữa, mà làm *ăng-ten* để được về sớm với vợ con đâu phải là cái tội, miễn là đừng hại bạn bè thì thôi, gã nghĩ vậy. Gã chọt “đề xuất” ra gã chưa có...vợ thế mới hóc. Về chuyện thê nhi, gã “liên hệ” đến chuyện rí tai ở lán kế cận mới đây, có một chú Ngụy gốc Chợ Lớn được cách mạng tha tào. Chú năn nỉ: “Con dợ ngộ vượt biên dôi, ngộ ở lại trong trại cải tạo có cơm ăn, có pạn pè...phẻ hơn”.

Thêm một lần, gã cứ ngỡ mình sẽ được đóng “chè” thật, gã phấn chấn vào gặp trưởng trại, miệng há hóc chờ sung rụng. Vậy mà bị bẻ hành bẻ tởi mới “căng”:

- Anh khai báo tất cả mưu đồ chống phá cách mạng. Thành thật thì sẽ được giảm tội. Cố tình man trá, cách mạng sẽ xử trị đích đáng, nghe rõ.

Gã lâm râm trong bụng “Mẹ kiếp! Mới hủ hóa với chú gã đây mà đã hoảng lên hủ nhau”.

Nhưng ngoài miệng gã cũng miệng lưỡi:

- Dạ, nghe rõ. Báo cáo cán bộ.

Được thưa gửi “cực” chuẩn xác, giọng khứa thủ trưởng “mềm” thấy rõ:

- Cảnh báo anh vi phạm nội quy. Tại sao người ta gọi anh là...Cu?

Bỏ mẹ! Gã chung hứng đến mấy giây...Nhưng nhờ “chủ đạo” có chất xám tiêu tư sản trong đầu, gã “bảo quản” ngay tức thì. Với sức người sỏi đá cũng thành cơm cách mấy, gã cũng chịu thua cóc “làm rõ” cho người thiếu cơ sở văn hóa này “nắm bắt” được là trong phản ứng hóa học thì “đồng” được gọi là “cu”. Gã “phản ánh” ai chứ người thủ trưởng đây có cặp lông mày dính vào nhau như con sâu róm, nhòm dử dẫn vậy nhưng không đến nỗi “ác ôn” lắm.

Từ hai chữ ác ôn, cái đầu gã bắt qua chuyện thằng bạn ký giả chiến trường có nợ máu với nhân dân: Thằng này sau 75 trốn chui trốn nhủi từ nhà ở qua nhà chùa đến nhà thờ. Vì hồi hộp quá mạng, nó tìm ra “phương án” là chỗ...hở hang nhất là chỗ...kín đáo nhất. Thê là nó thành thực khai báo...tên giả, mò vào trại cải tạo để được an bản lạc đạo.

Hóa ra tìm đạo ở đâu xa, ở chỗ thân an tâm lạc chứ còn khi gì nữa. Vì gã đang yên thân, ngỡ một tháng được tha mà vẫn còn lầy lắt ở đây. Gã nghĩ nếu có đánh mất “quan điểm”, đánh rơi “lập trường” với khứa thủ trưởng mà phải ăn chay niệm Phật thêm dăm phũa nữa thì có chết thằng răng đen mã tấu nào đâu. Chê hoe trắng phớ ra thì ở trong trại cải

tạo, gã có đảng “no”, nhà nước “no” sẵn bo bo mỗi ngày, gã chả phải lo đêch gì sắt cả. Cứ như chú Ngụy gốc Chợ Lớn “kinh qua” là trong tù phê hơn ở ngoài nhiều, chẳng là cứ như kinh thư Tàu đã dạy khôn ta rằng nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại quả tình... “cực kỳ” đúng.

Gã tự trấn an, khứa thủ trường với *dép râu dẫm nát đờn sơn trẻ*, cuốc bộ nát Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây chỉ vất vai cái quân hàm thượng úy, ắt hẳn là dưới cơ ông chú thượng tá của gã xa. Vuốt mặt phải nể mũi chứ, thế là gã thun thút làm bản tự khai bằng mồm:

- Cứ theo bố ghê tôi thì xưa kia làng nào cũng có truyền thống của làng đó. Có làng chuyên đan mẹt, có làng chuyên đan thúng, có làng mù chữ cả làng, có làng làm ông nghề ông công. Làng bố tôi là làng văn học, có trường, có thầy, có học trò. Gần làng bố tôi có một làng không có trường nên cả làng mù chữ. Thờ thiếu thời bố tôi có ông bạn làng bên sang học nhờ. Tên ông ta là Đồng, là con cháu Mạc Đăng Dung chạy lên Cao Bằng đổi ra họ Phạm. Còn trẻ con ấy mà, bố tôi thường gheo ông ta: “thằng Đồng làng Mộ Đức cả nời vác gậy đi ăn mày!” vì thần hoàng là ông ăn mày chết vào giờ trùng nên cả làng mang cái vạ. Cách mạng mùa thu, ngờ đâu bố tôi tốt phước, có được ông bạn chữ nghĩa lem nhem, tay bị tay gậy tha phương cầu thực khắp nơi, trời nó lại thế nào làm tới thủ tướng nhà nước nhân dân. Bố tôi cảm phục quá lắm, là người hay chữ lại

thâm nho với mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời bố ghẻ có thương...con vợ nên nhờ tôi đặt tên là...Đồng.

Vừa tung tẩy xong gã xanh máu mặt. Vì cái tật nói dài nói dai thành ra nói đại nên gã quên bu mắt là vừa tiết lộ bí mật quốc gia về tiểu sử lãnh đạo cao cấp của đảng và nhà nước. Y trang, người trưởng trại nhăn mặt lý giải:

- Ở đây anh nói linh tinh vậy. Ở chỗ khác không được đâu ấy nhá.

Nhà nhem xong, người hắt mặt một cái thật gọn với chú vệ binh. Chú ta lọng bông: "Báo cáo đồng chí làm việc" và hí hửng xách súng AK lăm lăm chĩa vào gã dẫn về. Nghe đến hai cụm từ "Ở đây..." với "Ở chỗ khác..." gã bỗng sợ sốt vó, chắc mèm là mai kia sẽ được tống tiễn xuống tàu ra Bắc. Gã mừng tượng đầy Hoàng Liên Sơn xa tấp mù khơi ở cuối chân trời, gã băng khuâng ngậm ngùi *quê ta xa mãi bên kia biển, chỉ thấy tời bời mây trắng vương*.

Đợi mãi không có gì xảy ra, gã quẳng giấc mơ một ngày là "ăng ten", một ngày không hại bạn bè vào một xó. Cận Tết, gã lại được ông chú thăm nuôi vẫn với "cái gio", vẫn nhúm xôi ném chó, chó chết, xong tếch lên văn phòng trại trưởng hút thuốc lào xoành xoạch. Chiều đến, chú vệ binh tìm gã nói lên khung bồ túc lý lịch. Gã biết ngay "sự cố", vì trong lý lịch trích ngang nào có đứu gì...cu. Thế này thì ông cố nội Phạm Văn Đồng rằng hô mồm cá ngáo

cũng không cứu được gã, mà *quê ta xa mãi bên kia biển* thì...xa quá. Gã chỉ mộng mơ được chuyển trại lên Pleiku, thành phố có hoa quý vàng, mặc dù...đi dặm phút đã về chốn cũ, một buổi chiều nào lòng bỗng băng khuâng....may mà có em. Giời ạ, bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi, đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệt, bỗng khi không lại...đi tù! Thế nên gã lạnh cứng với câu dọa dẫm “**Anh đi công tác Pờ Lây - Cu dài dằng dặc biết ngày nào ra**”. Giời ạ, cũng chỉ vì...con cu.

Mới ló đầu vào đã nghe tiếng rít thuốc Lào long sòng sọc...Người thủ trưởng như muốn bắt gã đợi lâu thêm tí nữa cho nó phê, người ém khói, nhả ra miệng và hai lỗ mũi từng cụm khói trắng cuốn xoáy mây bay. Vừa nom nhòm thấy gã, người bèn cách rách:

- Văn hóa anh học đến đâu?

Hơ! Câu hỏi thuộc khâu văn hóa cơ bản chứ còn khi gì nữa, khâu này trong hồ sơ lý lịch gã đã bỏ sung rồi, ấy là Trường mỹ thuật Gia Định. Nhưng gã cho là người ba đời bần cố nông biết khi mốc gì chuyện vẽ rết thêm chân, bây giờ loạn chữ với *Mỹ thuật*, người chữ cần làm đôi, chữ tác đánh chữ tô, chữ ngộ đánh chữ quá... quá đà cho hóa thân thành...*Mỹ nghệ* thì bỏ bố.

Cùng một thổ ngại với địa linh nhân kiệt, gã trả lời quấy quá cho xong:

- Trường vẽ Lê Văn Duyệt.

- Vẽ chuyện! Anh học vẽ thì chúng tôi tiếp thu rồi. Nhưng...đến đâu?

Mẹ kiếp, đúng là loạn chữ thật. Đột biến va vào mắt gã là cái quân hàm thượng úy một gạch của người thủ trưởng. Có tích mới dịch nên tuồng, gã quanh quèo tới một thời chinh chiến với...đi dăm phút trở về chôn cũ, mai xa lác trên đồn biên giới, còn một chút gì để nhớ để quên. Để gã...không quên một mảng văn chương cực kỳ về hồi ký chiến trường đi B mà thằng trại viên văn hóa bắt gã...thông suốt trong tù như thế này đây:

"... Năm bảy lăm, tôi cho đại đội khẩn trương rút, nhưng để lại một tiểu đội ở tại hiện trường để tìm phương án tiếp cận với địch quân là tiến sát, bám sát địch quân và khẩn trương khai thác, tác động triển khai tiếp cận vượt quy định mặt bằng, bằng cách tới Bà Queo....queo...".

Thế là gã quíu lên và láo quáo làng quàng:

- Đến...đến...Lăng Ông Bà Chiêu

queo...queo...

- Này, không đùa đâu ấy nhá. Anh học đến lớp mấy?

Không kịp hiểu. Người “phát biểu” cho gã không...hiểu luôn:

- Như chúng tôi sau khi học bỏ túc văn hóa lớp ba là vẽ được tuốt.

Tiếp, người rất ư “động thái”:

- Anh vẽ liệt sĩ Lê Văn Duyệt được thì...

Ho! Gã trộm nghĩ người thủ trưởng đây cũng có “văn hóa nổi cộm” đấy chứ, vì với sử thi, sử gia thì cụ Tả quân bị liệt giường, liệt chiếu nên mới nuôi gà chọi, nuôi con nuôi là...Đang thấy ai đánh rắm to ở đâu thì tìm đến, thì người đánh cái “tùm”:

- ...Thì anh vẽ...bác đợc chứ?

Chết mẹ! Gã muốn nhảy lên như...gà đá, và ục ục như gà mắc tóc:

- Bác...bác...

- Bác thì chúng tôi làm phong phú rồi. Chúng tôi muốn anh cải tạo bác tốt hơn thôi. Như anh biết đấy, Tết nhất ấy mà...

Xong, người lôi ra bọc giấy đưa cho gã, trong đó có ba bốn bao thuốc Vàm Cỏ. Khi không từ bọc giấy rách giời rơi xuống...cái bật lửa. Người vội chụp lấy lại và dấu biến vào ngăn kéo. Tham con giếc tiếc con rô, gã tiếc hùi hụi cái bật lửa Zippo khắc huy hiệu Thủy quân lục chiến.

Chuyện “cải thiện quan hệ” bay về đến buồng, bạn tù bày hàng đợc sẵn, và bông phèng bạn ta “quy hoạch” thế nào? Dấu biến mấy bao thuốc lá, kéo điều cày vài cỡ, gã nổ như tạc đạn: “Rất khẩn trương, người anh em dẫn ông sang căn nhà tôn gần đây, đập chát vào mắt ông là bức tranh đã vẽ sẵn, to bự sự bằng ba, bốn cái chiếu. Leo lên thang mười thước cao nghêu, ông quẹt dăm nét “nâng cấp” bác dăm phù là xong ngay”. Bạn cùng buồng làm gan hỏi tới rằng bạn ta...làm việt tốt, tranh thủ tốt, công

tác tốt, thì...thì có...tốt chẳng?. Như lân thấy pháo, gã vung tay đầy thuyết phục với “bài nói” đầy ấn tượng: “Nói chung là tốt, vẽ ma, vẽ quỷ khó, vẽ bác dễ”. Nhấp trà thắm giọng, gã tiếp: “Vi nghệ thuật vị nhân sinh, ông cứ soi mặt ông vào gương mà “phản ánh” ngay bác: Vai so, ngực lép, mặt khói, má lõm, môi thâm thì cũng...tốt thôi”. Bọn tù lão ngáo nhìn nhau động não: “Ừ, trong tù làm quái gì có gương cà?”.

Sáng hôm sau, ghé “hiện trường” thăm thú lần chót tác phẩm ”hoi bị đẹp” của mình trước khi khiêng “bác” lên hội trường. Vừa thấy “bác”, gã như Từ Hải chết đứng vì chung quanh chân dung “Bác Hồ chết phải giờ trùng - Nên bày con cháu giờ khùng giờ điên” treo một lô bong bóng sơn màu lèo lẹt. Gã ngây người dòm lom lom chân dung, chân tướng bác...Mẹ ơi, mà đít phải bong bóng mà là những cái “ca-pốt” tặc gọi là áo mưa.

Bỏ bố! Gã sợ phát khiếp, vì rằng cuối cùng thì cái mạng gã cũng khốn nạn như “bác” vì “Hôm qua còn sống sò sò - Mà nay bác đã cứng đơ cái mình”. Đầu óc gã hỗn mang với bãi đất trồng, cái cột, cái khăn bịt mắt, khẩu AK dí ngay trước mặt. Gã chao đảo với có nên hô hoán “Đả đảo bác” hay không đây? Thì cũng vừa lúc người thủ trưởng lò dò đi tới, ngây ngất ngắm “bác” một hồi lâu. Lát sau, người đưa gã mảnh giấy, miệng oang oang làm như “báo cáo anh, báo chị” cho mọi người đều nghe: “Ban chỉ huy trại dự kiến và nhất trí chiêu đãi đồng chí giấy

phép về nhà cải thiện hai tuần. Hết Tết, đồng chí về lại bổ sung liên hoan với trại ta nhà”. Trở về buồng để ngày mai khăn gói gió đưa, gã quay lại vẫn thấy người đang giương mắt lỗ đảo ngắm nghía “bác” cùng những cái áo mưa cao su đang đong đưa dưới mưa xuân lất phất...

Về đến nhà đúng ngày ông Táo về trời nên nhà đã lo cúng kiếng sẵn. Cơm nước xong chưa kịp hàn huyên đã giục gã đi ngủ sớm. Sáng hôm sau, trời còn tối đất, mẹ gã gọi dậy, và sì sầm: “Con phải vượt biên ngay, người ta đang đợi”. Gã dụi mắt, chưa kịp ngậm ngủi với mẹ, với anh chị em thì đã có tiếng xe ôm nổ máy bạch bạch như kéo bễ ở ngoài. Leo lên xe, ngoài cô lại, gã thấy mẹ gã đứng nép sau cánh cửa. Bên kia con ngõ có một quán cà phê với dăm ba cái bàn, cái ghế chông chênh chõnh chênh. Quán chưa đồ đèn, vậy mà có một bóng người ngồi đấy đang lặng lờ cúi xuống mỗi điều thuốc, ánh lửa lóe lên trong tranh tối tranh sáng.

Cảm thấy buồn miệng, gã móc bao thuốc lá Vàm Cỏ, nhưng lại không có...*cái bật lửa*.

Ra tới Bà Rịa, gặp tên liên lạc là một thằng ôn con đầu trọc lóc đưa gã tới điểm hẹn. Mặt trời chiếu thẳng đỉnh đầu nóng hầm hập, tịnh không một tiếng xào xạc. Bỗng từ trong bụi rậm có một con gà xám đen đập cánh bay là là sang rặng trâm bầu, vừa bay nó vừa cất tiếng gáy lên lanh lảnh “tác tác”. Buổi

trưa buổi xế, cái đầu đang ngầy ngà mà nghe gà nó đồn cho mấy tiếng “tác tác”, nó khuấy động lao xao con ngõ nhỏ, hàng xóm láng giềng láng tới nhà gã. Lòng dạ đang ngầy ngầy, khi không thẳng sư ôn chửi đổng: “Tiên sư chúng nó chứ, gà gáy trưa thì xui thấy ông tăng bà tổ, không bị chẹt xe thì cũng có đũa chữa hoang”. Gã ngó ra, chưa kịp hỏi ông tăng bà tổ là khi khô gì, thì cũng vừa lúc đến nơi.

Chui vào căn nhà trống không có ai. Thằng nhóc con chỉ cho gã chiếc võng, nói phải chạy taxi đón thêm khách nữa. Gã ngả mình xuống đánh một giấc rồi nghe loáng nhoáng: “Anh đụt này! Vượt biên gì mà cứ như đi đũa đám ấy”. Gã lại nường tiếp, mở mắt trời đã tối um, nhìn góc bếp có hai bóng người đang co ro quanh ánh lửa. Gã mò tới để sưởi ấm, bắt gặp hai mẹ con đang ngồi cù rữ như hai con cò ốm. Người con mặc cái áo rộng, lưng thùng tới đầu gối, đội cái mũ thùm thụp. Lát sau bỏ mũ ra gã mới biết là thằng con nít, mặt mũi nhem nhuốc như thoa nhọ nôi trông...tang gia bối rối thấy rõ và “đụt” thật. Cả ba chẳng ai nói với ai tiếng nào, lát sau, họ lại đổ thêm người nữa. Rồi tất cả được chuyển ra bãi mua sẵn lên cá con ra cá lớn.

Ra đến biển, ngồi cạnh hai mẹ con, gã cảm thấy bực bội gì đâu vì con gà gáy trưa chết tiệt. Gã nháo nhác xem có...“gái chữa cửa mả” không? Vì rằng nghe nói đi sông, đi biển mà gặp ai “đeo ba lô ngược” thì sui tận mạng. Đến gần sáng, không khí trong khoang bỗng chốc ngột ngạt, mạn thuyền chõ

gã dựa lưng thỉnh thoảng chao qua chao lại. Hay là có bão vì gió bắt đầu đổi chiều, sóng mỗi lúc một mạnh hơn. Bỗng có tia chớp lóe lên ngang bầu trời qua lỗ hồng lên xuống, sấm âm âm vang vọng. Nước dưới thuyền đánh lên rần rật, nước ở sàn trên đổ xuống loáng nhoáng. Giữa gió gào, sóng vỗ, bà con âm u gọi nhau, con nít khóc i i , hòa lẫn tiếng ho khục khục đứt quãng như cóc cộ gọi mưa.

Mà mưa thật...Bà mẹ ngất ngư từ hồi nào, còn thằng con cứ ôm chặt cứng lấy gã. Thêm đợt sóng lớn nữa, thằng con lật ra cái đùng, miệng sùi bọt mép, tay làm như bắt chuồn chuồn đến nơi không bằng. Gã có tính thương người thế cô, thế là gã ôm chầm bập lấy thằng bé khít khìn khịt và vục dậy.... Gã choáng người, chông chênh theo sóng, hoa mắt vì chớp nhóa lên một cái như có ai thụi vào mặt. Bỗng dưng không đâu cái áo thợ thới bật ra mấy nút... Giờ ạ, ông giờ có mắt xuống đây mà xem: Bó mẹ ơi! Thằng con là..là...con gái.

Lên đến bờ, gã như con còng, con cáy chui vào hang chỉ biết con cua, gã cứ bám riết con cua...gái ấy. Số là gã nằm chờ thời trong trại cải tạo, một thằng thầy bói tay ngang thuộc dạng tử vi xem số cho người, số thầy thì để cho ruồi nó bâu đoán mò là gã có...số thân cư thế. Thế là được thế gã đếm cua trong lỗ, lúc này gã ếch vào cua ra là hai mẹ con mới chân ướt chân ráo tới trại tỵ nạn Palawan có công chính dẫn ra phố, có vài ba quán bán bia là mở ngay

hàng phở tươi. Phở thuộc thể loại văn hóa ẩm thực đa văn hóa, thuyên nhân với nhân tâm tùy mạng mỡ, cứ mặc tình hoang đàng, hoang tưởng mình đang ăn bánh canh giò heo cũng được hay bánh cuốn nhân thịt nhúng nước lèo bèo cũng chả sao. Một ngày cô con gái vén quần lên tới tận bẹn, đang hờ lưng phơi rón thái bánh phở, bà mẹ răng đen mảng xa xả: “Cha bố cô nhá, đã nằm thì nằm thật, chứ đừng nằm nấy nệ, trông ngứa mắt bà lắm”. Chung cuộc thì gã bắt cua được ếch, thế nhưng ngu lâu dân dai cách mấy, gã hiểu ra “em” là...Bắc kỳ hai nút.

“Tưởng tượng ta về nơi bản trạch – Bãi bùn tro trên thủy triều lui”, thế là con còng chui ra khỏi hang bò quanh quần “Truy tầm mê mỗi lý sơ nguyên...”. Bởi nhẽ có gì đó từ cội nguồn kêu réo gã về cái thời buổi Bắc kỳ 9 nút với “ri cu” có câu dân gian “Bắc kỳ ăn cá rô cây - Ăn nhằm lựu đạn...chết cha Bắc kỳ”. Gã theo ngọn cỏ gió đùa lớn lên từ mầm tôm qua canh chua nấu với...rau muống. Giá sống ăn với...bún riêu. Đi lính nhậu bia với ché chắm...xì dầu. Hiểu theo nghĩa nhân gian là từ tấm bé, gã tứ bề thọ địch với Nam kỳ nên nhằm nhò chi ba lá hẹ cho mãi đến ngày luân lạc vào đảo hoang, và chuyện dây cà ra dây muống là ghéch ngáo...gặp người, người và gã cùng một lứa bên trời lận đận này đây.

Nói cho ngay em là người muôn năm cũ, tàn dư của cuộc chiến tranh Nam Bắc còn rơi rớt lại. Cứ theo binh pháp thì em thuộc diện ngực tấn công,

mông phồng thủ. Không...vật vã như đạn 105 ly, mà chỉ bằng...trái lựu đạn M26. Ấy vậy mà tất cả những dư thừa phía trước rất...xung kích. Những gì bè bè, hây hây phía sau rất...đặc công. Cơ bản thì phần ngoại vi có nhiều khiêu khích đáng nể. Hồi tưởng một thoáng mây bay với mưa gió bão bùng, em bị say sóng, lên cơn động kinh đến phát khiếp. Gã ngỏ nguê nhìn xuống ngực em: Chật chội, choáng ngợp. Gã phăm phở với cái buổi ban đầu lưu luyến ấy: Em thô, em khô. Nhưng gã phát hiện em nồng ấm, ướt đẫm nước mưa thật hoang dại và...hoang sơ. Em có kiêu nằm hờ hớ nhiều ái ngại. Lúc em rọ rây, sặc sừ thấy rõ, người mướt mấp, ngực mông thâm lầy. Gã quanh quái, phát tay đuôi ruồi: “Báu gì ngữ đấy, con gái gì đâu mà cái tướng trù trụi như...con trai”.

Sau này đối tác rồi, gã lom côm: “Hàng họ gì đâu cứng như...gỗ tạp”. Em nở mồm: “Ồi giời! Ai bảo liếc. Đây đâu có nhờ ai liếc”. Em chanh chua: “Đây cho liếc là quý đấy”. Em xỉa xói: “Rõ do”. Em lộ rõ cái đánh đá cá cây, cái điều ngoa của gái Bắc. Ấy là chưa kể thể hiện bành bạc qua em cái cốt lõi ăn nói từng tấc nhà quê đặc, đi đứng...điều đứng thấy muốn nổ con người. Vậy mà gã chịu đèn mới đầu. Nói chung là tốt, có chuyện tình nào hiện thực hơn là một quản giáo như gã được...quản lý đời em. Và hiện tượng hơn là trông tướng tá em gồ ghề như thế, nếu như em là...cán binh gái thì có thể viết thành truyện tình thời chiến được chứ đâu có bỡn.

Trong thời chiến gã ăn nói năng nổ...nổ như tạc đạn cũng có đấy, nhưng sự thể gã vẫn còn là tân binh. Hiểu theo nghĩa không có kinh nghiệm chiến trường, mà bài học căn bản đoạn trường chiến binh với di hành là mìn bẫy. Lạng quạng nó nổ một phát miêng văng tứ tung từ chết đến bị thương. Nên gã cứ ngó chừng em, mớ thịt bụng cứ bì bì ra chẳng giống như cái bong bóng lợn tí nào. Thế nên một chiều trên bến nước gã và em ngồi bó gối trên đụn cát như bị du kích đập mô. Chợt có đàn chim biển kêu “quạc, quạc”. khiến gã quay quắt đến tiếng gà gáy trưa “tác tác” qua cầu...không bị chẹt xe thì cũng có đũa chữa hoang này kia, kia nọ.

Máu đề-lô pháo binh nổi dậy, gã bắn trái khối đầu tiên điều chỉnh mục tiêu tác xạ:

- Phấn đấu đến đâu rồi?

Em ngay đơ, đũa mờ:

- Lính phòng không.

Chết mẹ! Gã dẩu biến mặt ra bãi vắng biển xa.

Em thăm chừng:

- Ngáo gì thế anh giai?

Gã dờ dẩn như người mất hồn:

- Anh nhớ bố anh.

- Bố anh?

Và gã cũng thăm dò như em, gã tạm tịt xa vời:

- Bố anh dặn dò lỡ khi mai này mà chẳng may gặp đảng ấy. Thì ráng nhớ nằm lòng: “Con ạ, cuộc tình con người ta như canh sóc đĩa, khi lật bát lên mới biết chần hay lè, sấp hay ngửa.”

Gã gằn gũ và bâng quơ với mây trời sóng nước:

- Đẳng ấy biết chơi sóc đĩa không?

- Chơi..! Còn phải hỏi, mà hỏi...chơi hay thật?

Gã động não, ồm ờ động tình:

- Thích sắp hay ngựa.

Im ắng. Tĩnh lặng. Em lặng lờ thả mắt về một bến nước...Nước thủy triều dập dờn. Từng đợt sóng này...đề lên lớp sóng kia. Em như hiểu ra, vả vào miệng gã cái bốp:

- Ôn vật gì đâu! Nỡm ạ.

Với con gái Bắc: “Nỡm ạ” là chịu đòn, là yêu nhau chí chết không biết đề đâu cho hết. Buồn ngủ gặp chiếu manh, máu đề-lô rậm rật trong người, ngón tay gã chắm tọa độ kích động tác xạ... Em giẫy nảy lên như bị cù nách, cười khục khặc như chó gậm xương, kêu toáng lên:

- Rõ khi. Hủ nút vừa chứ.

Chưa kịp bú mồm, chẳng kịp đánh chiếm mục tiêu vì chả hiểu hủ nút là khi mốc gì nên đành phải vác xác, vác chiếu về. Tối đến ngụp lặn với gái thờ dài, trai nằm sắp, thân xác gã vật vã với câu đồng dao của một thời chinh chiến “Hỡi anh xạ thủ đồn xa – Nếu anh rót pháo chừa nhà em ra”. Gã ngất ngư ứ hự tới khuya câu hát: “Chị em du kích giỏi thay - Bắn máy bay Mỹ rót ngay...của mình “. Sáng ra, gã thấy đường mưa ướt đất với cửa ngõ ướt đẫm...Tình dậy gã dầm dề bức xúc: Gã thấp, lùn. Em mặt dài, cũ kỹ. Gã pháo binh chưa...pháo quả nào. Em phòng không lại...phòng không đơn chiếc. Như có

duyên kỳ tích với giầy dép còn có số nên gặp nhau, lấy nhau là đúng chỉ tiêu rồi, còn vợ vịn chớ gì nữa...ngươi ơi.

Đêm tới...Hai cái ghé bờ bên kia kê sát nhau như hàng rào phòng thủ, đến đặc công muốn bò vào cũng banh xác. Vì bà mẹ đang ôm em như ôm súng son pháo ba càng và đang dò la:

- Thằng ấy thế nào vậy?
- Thằng nào?
- Thằng vẫn tí toáy với mày ấy.
- Làm gì có.
- Mày nào. Tao biết cả đời.
- U biết, sao còn hỏi tôi?
- Đồ chết bầm! Coi chừng thầy mày gọt đầu bôi vôi đấy.

Em nằm ườn ra. Bà mẹ đỡ dành:

- Nói đi. Nó thế nào?

Em tám tức:

- Nó nói thương tôi.
- Nói thôi inh. Nhà nó kia?
- Ngụy.

Bà mẹ gắt:

- Biết đời. Thầy u nó cơ?
- Bắc “ri cư”, năm nhăm tư.
- Tên nó là gì?

- Cu.

- Hả? Tên nghe nà!

Chiều hôm sau, cũng ở cái cồn cát đắp mô, đắp ụ như mả Đạm Tiên. Học mót bà cụ, gã cũng tìm hiểu thêm về em. Kiểu tìm hiểu dấm dớ bờ bụi trong một ngày ngứa ngáy:

- Bố?

- Bố anh hay bố tôi.

- Còn ai trồng khoai đất này. Bố em.

- Đào ôi! Vẽ! Đây gọi là thầy.

- Ừ thì thầy. Ngòm chưa?

- Hỏi như cúť ấy. Thối mồm vừa chứ.

Rồi em tháo ống công, thô lộ tâm tư:

- Cái giống đàn ông gì mà chán cơm nguội chỉ thích ăn phở.

Bỗng khi không cái lưỡi đá cái miệng, gã nuốt...bánh phở không kịp:

- Thích nhẻ.

Em ba máu sáu con:

- Đang điên tiết đây! Đàn ông gì mà nhắm chuyện...

Nghe chưa thật, gã vắn óc nghĩ không ra bố em hay gã nhiều chuyện đây. Nhưng gã hiểu là bố em đang ở đâu đó bên kia biển và đang...ăn phở. Gã cũng hiểu mù u là từ giờ trở đi đến chót đời, với em: Gã chỉ được...ăn cơm nguội.

Nhưng ấy là chuyện thương gặm xương chẳng được...mãi tí tìn tịt, tí mù sau này.

Sau khi kéo pháo, vác “lính phòng không” sang sông vào một ngày không mưa thì nắng rồi. Rồi thì đũa có đôi nôi có rế, thế nên gã chẳng quên đi theo cái nôi để góp gạo thổi cơm chung. Gặp buổi tẩu lạc vong bản, vợ được một tôi như xâm vợ được gậy, gã rí rả nhỏ giọt thêm chuyện gia cang, gia thế nhà gã như thế này đây:

“...Năm đầu, nhằm ngày Tết, gã định đóng thùng gửi ít quà cho ông bố vợ. Dầu gì ông cũng có thằng rế là một pháo đội trưởng, xuống Đông, Đông tĩnh, lên Đoài, Đoài tan vang danh một cõi. Vợ gã cau cẩu rằng ông cụ đang khật khừ, nghe tin lấy Ngụy nhỡ lẫn quay ra thì đổ nợ. Vì vậy từ ngày qua đây, gã chả liên lạc gì sất, mọi sự trôi theo thời gian vỗ cánh như quạ bay vì cơm áo gạo tiền. Ba sinh hương lửa được ít lâu, vợ gã đột ngột bị bạo bệnh, rồi nhắm mắt buông xuôi từ già cõi trần cười hạc về trời.

Gã hựt hẩng, buồn vô tư. Ông bố vợ cũng chẳng hay vợ gã không còn có mặt trong chốn dương gian này nữa. Nói cho cùng, muốn “liên hệ” với ông, gã có nhiều cách. Nhưng chuyện là làm thế nào được với 20 năm chiến tranh, ông và gã chẳng có gì để mà chọn lựa, không đứng bên này thì cũng bên kia. Tàn cuộc binh đao, kẻ Bắc người Nam chưa một lần gặp

mặt, một già, một trẻ qua thư hay điện thoại cũng khó ăn khó nói. Trôi theo dòng thời gian, ông cụ cứ thế đi vào tha ma mộ địa, gã cũng cuốn theo chiều gió...theo tiệm phở vợ gã để lại cho gã. Nói xa nói gần chẳng qua nói thật là gã không gần gũi lắm với ông cụ như...bà cụ bây giờ.

Bà cụ mọi ngày bà rằm cũng ừ mười tư cũng gật, ấy vậy mà một hôm vừa bước ra cửa, gã thấy bà lặng lẽ bên mảnh vườn và lâm râm một mình: "Năm nay dấm mát mùa cà. Giờ chưa ra hoa mát trời sợ hỏng.". Gã vun chuyện cho có chuyện: "Hồi trước, lúc nhà con còn sống cũng vậy đó bà." Bà hỏi lại: "Thế hồi trước cũng mát mùa à? U chẳng nhớ đâu đấy". Rồi bà râm rần, "Ồ cái nhà này đáng nhớ nà con gà, quên nà quả cà, hay nhẩy". Gì mà có chuyện gà què ở đây? Gã lấy ghế ngồi gần, bà cụ với tay cái giỏ mây gần đấy, tằm trà, miệng nhai bồm bồm.

Khi không bà âm í nước mắt gần dài kể lẽ...

Chuyện sau này gã kể với đầu cua tai nheo, bà cụ lại ngọng lú ngọng lo. Nên tôi sắp xếp lại một văn hai dài một như thể như thế này đây cho văn vẻ, đầu gì cũng là truyện viết:

"...Anh không hay đấy chứ, chứ trưa cái ngày ba mươi tháng bốn...cái Gái, vợ anh ý mà, em nó đang ở khâu đội phòng không bảo vệ tỉnh thì nghe tiếng loa qua đài: "Bộ đội ta vào tới Sài Gòn rồi...". Em nó kể sau trận đánh Buôn Mê Thuật, lính cơ động phòng thủ tỉnh làm một áp phích nhón vẽ bản đồ những tỉnh miền Nam ở cổng ra vào. Mỗi khi được

tin bộ đội ta giải phóng thêm tỉnh nào thì lập tức được ghim một lá cờ đỏ sao vàng.

Bây giờ nghe rõ mồn một rồi, em nó mừng quá đi. Vậy là hết đánh nhau, thầy cái Gái không còn phải chiến đấu trong chiến trường B dài nữa. Em nó phóng nhanh xe đạp về quê báo tin cho u biết. Nghe thế, u lấy ra tấm ảnh đen trắng chụp thầy và anh của em nó xem lại. Trong ảnh, ông ấy mặc bộ đồ bộ đội đang đóng quân ở Cắm Bú Chia. Còn ảnh chụp thằng anh của em nó hồi còn nhỏ đã ố vàng. Năm 54, chả biết vụng tính vụng suy thế nào chả biết nữa, nhà có hai anh em, thầy u lại để thằng anh cái Gái theo gia đình bà sím của u “ri cư” vào Nam bộ. Đào, ngày ấy u nhớ thằng cả đến đứt ruột, đứt gan ra, anh Cu ạ...”.

Và tiếp:

“...Từ quê lên Hà Nội rồi vào đến Nam bộ, mẹ con u tìm ra thầy cái Gái chả khó khăn mấy. Chưa hết mừng mừng tủi tủi thì ông ấy cho hay thằng anh cái Gái cũng học trường bộ đội Thủ Đức như anh ý mà. Rồi đi lính thủy đánh bộ Ngụy, đóng đến quan hai, sau mất tích ở đâu chả biết nữa. Ông ấy đi tìm khắp nơi, từ nhà thương, nghĩa trang, viện phục hồi, trại cải tạo...”.

Nhắc đến ông cụ. Gã chỉ biết mù mờ chuyện com nguội với phở nên hỏi sao cụ không đi:

“...Anh hỏi, xấu che tốt khoe u cũng chả dẫu gì, bóc ngắn cắn dài thì thầy cái Gái chẳng phải phường được chim bẻ ná, được cá quăng tôm hay tham đó bỏ đáy đâu. Xa nhà lâu ngày ông ấy có chim chuốt cũng chẳng lạ gì, bóc áo tháo cà thì đàn ông như cái nơm, bạ đâu úp đấy thì anh còn lạ gì nữa, mà u già rồi còn ghen tương gì nữa. Ông ấy ở lại vì hy vọng tìm thấy thằng anh cái Gái còn sống ở đâu đó. Riêng vợ anh chả giận lấy gì thầy em nó đâu, ai đòi nước mắt chảy xuôi chứ đâu chảy ngược, thế đấy...”

Đề u kể cho anh chuyện vào Nam, hai mẹ con quá giang xe tải Molotova qua cầu sập, đường sá bị bóc từng mảng. Thấy người dân thiếu thốn lộ rõ qua quần áo, chợ búa. Miền Bắc như vậy thì miền Nam ắt phải nghèo khổ hơn vì chiến tranh do đế quốc Mỹ để lại. Nhưng vào đến Sài Gòn, hai mẹ con u bám tay nhau nhìn phố phường, xe cộ nhan nhản như mắc cửi, nhìn mà chóng cả mặt, hơn hẳn Hà Nội nhiều. Bấy giờ mẹ con u mới mở mắt ra, cứ nghe họ tuyên truyền thì cứ đổ thóc giống ra mà ăn. Mười năm đầu giải phóng, họ đồn đãi đang khó khăn, mẹ con u nghe mà sốt cả ruột gan. Thế là cái Gái xin thầy em nó vượt biên.

Cũng phải nhúc nhắc thôi anh ạ, chứ sống như thế này bao giờ mới mọc mũi sủi tăm lên được. Đời cua cua máy, đời cáy cáy đào, cái Gái tính thế cũng phải, phải không anh. Sau gặp anh, em nó vẫn số bỏ anh mà đi, u cho là tại ông giờ cả. Giờ có khi nắng khi mưa, nước có lúc đục lúc trong, có sao u nói

vậy, anh còn trẻ hay là anh đi bước nữa, u nói thật đấy. U già rồi, chẳng sống được bao lâu nữa...”

Gã chưa kịp hỏi han thêm vì phải cô sang cái tiệm phở trong ngày hôm ấy. Thế nhưng với câu mở miệng “U già rồi, chẳng sống được bao lâu nữa...” như có cái điềm báo trước, hay “Anh còn trẻ hay là anh đi bước nữa” như một lời trời trăn. Tuần sau, chỉ một cơn cảm xoàng như mưa bóng mây, bà cụ mất. Vì lu bu công chuyện, gã không nhập tâm chuyện cụ kể cho lắm. Ma chay xong, gã hỏi tường lại chuyện cụ có khúc ông anh vợ gã *học trường bộ đội Thủ Đức*.

Gã nói gã quên khuấy không kể cho tôi nghe lúc ông thủ trưởng trại hỏi gã học lớp mấy. Ông còn hỏi gã có quen ai là “lính thủy đánh bộ” không? Gã bắt qua chuyện thằng bạn thủy quân lục chiến viết *Tháng ba gầy sừng* với bố của bạn gã từ Hà Nội vào tìm thằng con trong tù:

“...Rồi buổi chiều tối, hai bố con ngồi nói chuyện với nhau. Tôi đã hơn 30 tuổi, đây là lần đầu tiên, hai bố con mới thật sự được nói chuyện với nhau. Dù thứ chuyện lan man, nhưng tôi nhớ nhất câu hỏi của bố. Ông vừa cười vừa hỏi: "Mày ghét Cộng Sản lắm hay sao mà đi cái thứ lính ác ôn này?" Tôi nói: "Ghét thì con không ghét, có thù oán gì đâu, nhưng gặp đâu thì bắn đó" - "Thế mày bắn cả bố mày à?...”

Và gã ớ ra: Hai bố con gặp nhau trong trại cải tạo? Như có linh tính, gã vội vào phòng bà cụ lục lọi cái thùng cũ trong tủ quần áo. Gã tìm được cái ảnh trắng đen “thầy của cái Gái”. Nhiều khi cái mũi ngay trước mắt không nhìn thấy, mà chỉ cần nhìn kỹ vì cái kim trong bị vải lâu ngày cũng lòi ra và lòi tới ra là ông...ông thủ trưởng xưa cũ của gã với cặp lông mày chữ nhất như dính vào nhau. Với cái bật lửa Zippo khắc huy hiệu Thủy quân lục chiến của ai đấy mà bây giờ ông còn giữ như giữ mã tổ. Gã lặng người cả một hồi lâu, tất cả như một cuốn phim quay chậm càng lúc càng hiện ra rõ nét: Ông chú gã lui tới văn phòng trưởng trại nhằm thì bẫy lượm. Gã được về phép ăn Tết. Rồi buổi sáng vượt biên. Khúc phim đen trắng càng lúc càng rõ dần:

“...Sáng hôm sau, trời còn tối đất, mẹ gã gọi dậy, si sầm vào tai gã: “Con phải vượt biên ngay...”. Gã dụi mắt, ...bên kia con ngõ có một quán cà phê...Quán chưa mở đèn...có một bóng người ngồi đấy đang cúi xuống mỗi điều thuốc, ánh lửa lóe lên trong tranh tối tranh sáng...”

Rồi quanh quéo ở đầu sông cuối bãi gã gặp vợ gã. Thôi rồi, chạy trời không khỏi nắng, không ngoài ông bố vợ thủ trưởng gã đan lồng nhốt kiến chứ còn ai trồng khoai cấy này.

Gã kể những mẩu chuyện đứt quãng ấy cho tôi nghe trong khoảng trên dưới mười năm.

Ấy là chưa nói đến giữa truyện viết và chuyện kể thường có một khoảng cách không thể tránh là hư cấu và hoang tưởng. Mà dẫu hư cấu thế nào đi chăng nữa, “chuyện kể” vẫn có đó, còn đó. Dù rằng hoang tưởng cách mấy thì “người kể chuyện”... là gã vẫn còn đây với ngày tháng đong đưa. Tôi vẫn gặp gã, thường là rủ nhau nón lá áo toại ra quán chợ, tro vơ trên bến nước sông đầy, nhưng chẳng có gì để nói ngoài chuyện mới hôm nào đây gã ậm ừ cho hay sắp về thăm thú quê nhà. Ất hẳn không ngoài chuyện nón không quai như thuyền không lái đây, thế nên tôi chắc mẫm để... cưới vợ, nên chẳng buồn hỏi. Vì nhảm chừng chẳng chóng thì chày, ba bảy hai mươi một ngày là đường ai nấy đi ấy thôi. Nên hỏi làm gì cho rách chuyện.

Và gã trở lại lúc nào tôi cũng chẳng hay...Chợt nhớ ra thằng bạn đời vẫn còn sống nhăn cạp đất, tôi ghé nhà để ôn lại những ngày mưa gió cũ, những chiều quán trọ, những đêm say. Bấm chuông, mở cửa, dợm bước vào...Từ căn phòng sát đây: Tôi thoáng bắt gặp một bóng người khuất sau cánh cửa, dáng người lom khom, già lão, quần đùi áo may ô.

Trong một thoáng giây: Tôi có linh cảm ông này đây là...ông bố vợ gã.

Bèn hỏi cho ra nhẽ? Gã đáp cụt ngùn: “Mới qua chơi ít lâu rồi về”. Rồi thôi. Thôi thế nào được, ít lâu sau, tôi kiếm có tạt qua xem sao, khi làm một hai hồ trường, lúc dăm điều thuốc.

Vẫn bắt gặp ông chập chòn sau khe cửa, như không có mặt trong cõi người ta...

Bẵng đi một thời gian khá lâu, khi nào không nhớ... Ông trở lại cái đất tạm dung này thăm gã thêm một lần và còn nhiều hơn nữa thì phải... Ghé nhà gã, nhìn mãi thành quen thuộc, ăn như cũ ngủ như xưa vẫn bóng dáng ấy, ông vẫn vật vờ trong căn phòng cô quạnh như một cái bóng... Và tôi chỉ trộm nghĩ trẻ dôi ra, già rụt lại là thế đấy, như thế đó, chả biết có đúng chăng?

Nhằm một ngày giữa năm, tôi lững thững ra phố chợ xem anh em cựu quân nhân về họp mặt. Giữa cò xí lộng gió, trong cái mệnh mang của bóng đêm qua tiếng kèn âm ỉ, âm hưởng u uẩn của bài *Chiêu hồn tử sĩ*, âm vọng “hồn tử sĩ gió ù ù thổi” mang mang trong một cõi đi về. Dưới bụi hội trường, thấp thoáng qua ánh đuốc bập bùng, gã gọn ghẽ trong bộ đồng phục sinh viên sĩ quan Thủ Đức màu vàng, đầu đội mũ lưỡi trai, vai đeo “an-pha”, tay mang găng trắng.

Trời đất vào khuya, ánh trăng vàng ệch nắp sau áng mây èo uột. Ông ẩn mình sau hàng cột dưới mái hiên, và đang lặng lẽ bồi hồi nhìn gã. Đường như u kín trong ông đang có vơi, có đầy về một hình bóng ai đấy đã xa vắng ngày nào qua gã. Trong ông ngập đầy những hoài niệm từ khắp nẻo đường nổi nhớ. Ông đang đi tìm một khuôn mặt xưa cũ đã qua mau,

qua giải mây màu nước gạo phảng phất như sương
khói đang trôi đi. Chỉ còn để lại một mảnh trăng
khuyết!

Và ông quẹt cái bật lửa Zippo đốt một điều
thuốc...

Thạch trúc gia trang

(viết xong năm Nhâm Thìn 2012

Viết lại năm Giáp Ngọ 2014)

Nguồn:

*Hà Thúc Sinh, Dương Phục, Huỳnh Thạch Thảo,
Cổ Ngư, Phạm Thắng Vũ, Nguyễn Hữu Huân,
Phạm Tín An Ninh, Cao Xuân Huy, Nguyễn Thị
Thảo An, Lâm Chương.*

Ngồi ở quán với ly cà phê giấy

*ta lang thang vào tiệm
gọi cà phê ngồi đồng
chợt thấy ông thổ địa
cười nhìn ta... "Ngô Không"*
(Nghieu Minh)

Vào một ngày trời đất lung linh, nắng thủng thỉnh, mây lang thang...

Bởi chung khi con người người ta đã bẻ bút cáo lão về hưu với ngày trời tháng bụi. Thì ông đâm đầu vào chữ nghĩa hăm hụi với hoài bão: Viết để làm gì. Hoặc: Viết cho ai. Vì vậy ông vừa thả rong ở bãi đậu xe, vừa láo quáo với cách viết truyện tân hình thức, hậu hiện đại của một nhà làm văn học (NHQuốc) chỉ cách thức viết văn...

“...đó là truyện không cần có truyện. Từ đó làm nảy sinh hiện tượng truyện-trong-truyện. Tác giả hình thành thủ pháp siêu hư cấu (metafiction), tính chất hư cấu nhắc nhở người đọc sự hiện hữu của câu chuyện như một sản phẩm nghệ thuật. Từ đó, nảy sinh việc trích dẫn, việc sử dụng nhiều loại văn bản phi-văn chương, thủ pháp viết lại các văn bản cũ, ngay cả tranh ảnh. Các truyện sáng tác theo phong cách hậu hiện đại đều có vẻ gì như vô lý và phi thực. Truyện-trong-truyện bất chấp lối viết truyện truyền thống như sự mạch lạc trong cốt truyện và sự hợp lý trong tình tiết...Ngoài những tình tiết được hé mở trước và được kín đáo đóng lại sau, tình tiết còn được nhắc lại ở khúc cuối để người đọc không quên khúc đầu”.

Bước vào quán cà phê quen thuộc với khuôn mặt trầm ngâm được mô tả là “rất tâm trạng”...là: Ông không viết cho ai. Nói cho ngay: Ông viết cho cái tên của ông. Bởi nhẽ vô danh thì dễ, có danh mới khó. Vì khó khăn vậy nên ông lêu bêu tiếp...

“...trong cái được gọi là nền văn chương của *sự phong dật/đạo văn* ây (literature of plagiarism), tác giả có thể cấu tạo bằng nhiều phần mảnh rút ra từ/hoặc được bắt chước từ/nhiều tác phẩm khác nhau. Nhà văn có thể sáng tạo bằng cách nhặt nhạnh những mảnh văn bản có sẵn và lắp ghép lại theo kiểu người ta làm tranh khảm (mosaic).

Duy chỉ có một đặc điểm bức tranh khảm bằng ngôn ngữ không có khuôn sẵn. Cái khuôn chữ nghĩa mỗi

nhà văn, khi sáng tác tự tạo ra. Chính đặc trưng này, phân biệt *truyện hậu hiện đại* và *truyện truyền thống* Việt Nam: Một truyền thống kéo dài đến tận ngày nay, mọi người cầm bút dường như có một cái khuôn chung được đúc sẵn, ở đó, người ta chỉ làm mỗi một công việc đơn giản là "rót" câu chuyện của mình vào! Thường thì họ viết theo chuyện kể đã có sẵn của họ hay của những người quen biết, họ không sáng tạo mà chỉ chế tạo (zarathustrainsara). Họ kể chuyện chứ không dựng chuyện..."

Tiếp đến, ông bầu bệu rằng ông đang nhằm ở cái tuổi trung nhân, tạm hiểu lơ mơ lỗ mã là *không phải thượng trí, không phải hạ ngu*. Bởi theo ông "kể chuyện" để viết thành truyện chẳng qua là...vay mượn chữ nghĩa vá chỗ này đắp chỗ kia, vá chằng vá chịt như vá yếm, vá đụp. Nghĩ đến cái vá yếm nhiều mới rách...ông bật ra ý nghĩ:

Ừ thì hãy ngồi ở quán cái đã...trong một buổi sáng đất trời đang cãi vã nhau.

Chả là từ ngày yêu lại đến giờ, ông thong dong với năm tháng đong đưa. Ông bước những bước thật chậm để có nhiều thời gian tiêu pha với tình yêu cuối đời của ông hơn. Thời gian lững thững bước vào cõi nhân gian vô tận. Xuôi theo dòng đời, cái đầu như cục vôi sống của ông đẩy đưa rằng bấy lâu nay ông vẫn áp ủ một ngày nào đó ông sẽ viết những gì hiện thực về người tình của ông mà ông biết ít

nhieu. Vì ít nhất hơn một lần người tình ông nhắc nhóm: “Anh yêu em mấy tháng rồi mà không viết nổi một chuyện tình cho ra hồn sao?”. Ông lập cập: “VẬY chuyện tình có hồn phách phải như thế nào?”. Bên kia phố chợ có cái công tam quan như một phé tích còn vang vọng mãi tiếng chuông cam. Người tình ông mõ sớm chuông chiều: “Thì phải biết tương tượng chứ!”.

Ngồi trong quán, bắt giác nhìn ra ngoài cửa kính của vọng tưởng, bầu vào mắt ông là có “một chàng”, và “một nàng” trong nguyên thủy Adam và Eva đang quần thảo nhau ở bãi đậu xe. Xe đi qua, người đi lại, ai nấy đều quay mặt đi vì sợ mọc lẹo ở mắt. Cả hai đi tìm hoan lạc. Thời gian làm tình với không gian. Họ vật nhau thật quyết liệt. Nàng tan vào chàng và chàng hoà nhập vào nàng. Đất trời ngun ngút xanh um, bỗng không tối hà rằm, mây ở đâu ùn ùn bầu lại, mưa ào xuống. Cả hai bẽn lẽn rời nhau. Chàng vận chạy qua bên kia phố chợ, nằm dưới công tam qua phủ phục như nắm mồ và chàng nằm chờ chết vì ngỡ nơi đây là cực lạc. Nàng mực khoả thân dầm mưa chạy về phía cửa hàng bánh cuốn có thương hiệu vẽ chùa Một Cột như một ẩn tích...

Đặt ly cà phê lên mặt bàn. Ông ngồi đó như hóa đá và ông nói chuyện với ly cà phê giấy bằng vào cất lên tiếng nói câu thơ của Thanh Tâm Tuyền: *Tôi không còn cô độc.*

Ông vẫn ngồi một chỗ quen thuộc với hai ly cà phê. Nhìn ly cà phê giấy bên kia bàn, ông nhớ cô.

Mây vẫn bay ngày vẫn trôi đi, ông nhớ lại những ngày đầu...Ừ thì chỉ là chuyện bình thường của hai người yêu nhau. Vậy mà lây dây cũng đã gần một năm...

Năm ngoái cô có những chông chênh chống chénh với yêu chẳng biết khi nào đại, khi nào khôn. Và cô nhập thất, nhắm mắt, tịnh khẩu qua câu kinh tiếng kệ...

ôm ấp hoài tình ma
buông ra hãy buông ra
tất cả đều do ta
trong cảnh giới giải thoát
ta lại tự trói ta
(Lâm Văn)

Cô tự trói cô trong giải thoát và khóa lập những trống vắng bằng vào...ông.

Bởi lý do củ chuối bỗng không cô điện thư cho ông...Tháng sau, cô hẹn hò ông. Tim ông trượt vỏ chuối ngã bở chĩnh. Hai tuần sau ông tỏ tình với cô. Từ ngày ông yêu cô, tình yêu rom rạ bùng cháy mãnh liệt, dòn dập đến chóng mặt, cũng khao khát, day dứt này kia, kia nọ...Chuyện không bình thường đây. Ông nghĩ vậy.

Không có lửa sao có khói, bỗng ông thêm một hơi thuốc lá, dấu tích của *yêu nhau đốt cháy cuộc đời, vàng tay khói thuốc vẫn còn yêu em*. Nhưng từ ngày lỡ yêu cô, tàn thuốc đã rơi tồm vào lỗ hồng thời gian. Hương khói đã bay vào thiên niên kỷ 21.

Ông nghiện thuốc lá như nghiện chữ nghĩa, đến độ nhìn gì ông cũng thấy ra hình chữ. Ngay cả cô đây hiện hữu dưới mắt ông như một con chữ ngộ nguậy.

Cô hoảng huyết là gặp ông, ông cứ ngồi thì lì trong quán vật lộn với con chữ.. Ông nhai văn nhá chữ: "Thì anh đang làm tình với chữ nghĩa đây...". Cô chum môi: "Toàn những hư cấu!". Rồi cô âm ỉ...

**cuối cùng tất cả chúng ta
đều lên nóc tủ ngắm gà khoả thân
(Bảo Sinh)**

Số là ông biết chữ nhưng chữ không hề biết ông, nên ông cãi: "Hư cấu sao được? Không vật lộn với chữ nghĩa sao có anh hôm nay?". Ý đồ như đã gửi gắm, ông viết cho cái tên của ông. Bởi nhẽ vô danh thì dễ, có danh mới khó. Cô rầm rẫn: "Bộ anh-hôm-nay của anh quý lắm hở?". Ông trả lời: "Không quý, nhưng dù sao cũng là một cái gì thuộc về văn hiến. Ngay khi anh hôn em thì anh cũng hôn bằng cái hôn của 4000 năm văn hiến đấy chứ". Cô tấp lự: "Ồi dào! Chỉ nghe mùi thuốc lá!". Thế là ông lòi tới ra ý định một ngày nào đó ông sẽ bò qua nhà cô để tặng một món đồ cổ trưng trong nhà:

Ấy là...cái gạt tàn thuốc lá.

Quá vãng có thật đang ngủ yên, ông đánh thức nó dậy, thôi thì hãy trở về với ngày đầu gặp gỡ và cũng ở chỗ ngồi trong quán này đây của ngày nào năm ngoái:

hỡi người tình đầu đó
một lần gặp trong đời
mắt môi đã biểu tỏ
nói chi, dấu một lời!
(Hoàng Vũ Thuật)

Cô ngồi trước mặt ông vào một chiều tối như đêm, dày như đất với *mắt môi đã biểu tỏ*: Mặt cô lác qua lác lại, man mát mon mơn. Mắt cô đong đầy hoài niệm. Môi cô mọng ướt múa máy. Cô hoài đồng vọng về một khung trời cũ qua những mênh mang, dò dẫm tận đầu tận đầu. Mắt cô lúng liếng lần khuất một cõi thần di, hồn dịch. Và cô như từ trường thu hút ông, để ông chìm dần trong một vài mảnh vụn mà ông đã gộp nhặt ở cô.

Ông đi lấy đường...Ừ thi chuyện chả có gì không ngoài lúc này trước mặt ông thiếu vắng cô, trộm vía cô chứ...Chứ một trong vài mảnh vụn đây là hấp lực của cô, với ông là cốt cách nói năng tự nhiên, nhàn nhã. Tự nhiên đến...quyến rũ bùi bùi, uơn ướt.

Và ngày nào như mới đầu đây, ông đã chìm lìm trong cô từ hình ảnh xe cô vừa đến. Cô ngồi nghiêng ngả trong xe của vọng niệm, của quán vắng chiều hôm.

Quán vắng đèn tàn...Ông bước ra cửa, chui vào xe cô qua thân xác mây mây, gọi cảm, mời gọi của cô trước, rồi gánh vác tình yêu trọn vẹn tới sau. Cô ngã người ra ghế. Thân thể mẫn mòi, nồng nàn. Cái

đầu ngắc ngư. Mắt ngời ngời. Vì lối nói chuyện đầu mặt cuối mắt của cô với ông. Nên mắt ông cứ dán chặt vào bộ ngực bị cái áo nịt ngực bó chặt và đùn lên như muốn chui ra khỏi cổ áo rộng. Dấu ấn của ông là làm như đang ăn một miếng thịt bò Kobe với vị ngọt mặn mà, ngây ngây của thịt. Nhìn bộ ngực trẻ nài qua cổ áo, miếng thịt ngập răng ông với đục tít, nhề nhại, mời gọi. Đậm đà hơn nữa là qua lớp áo, cô có một thân xác mẫn cảm, cay nồng mùi “mù-tạt” Washabi...

Trong xe, ông bị cuốn hút như hòn bi lăn vào mê cung, mê muội.

Sau này, cô mang những động thái của ông ngày ấy nhốt vào bộ nhớ, lâu lâu mang ra gặm nhấm từng mẩu một. Nói cho ngay, đàn bà chi ly, chi tiết hơn đàn ông, thế nên cô mang những động thái vô tính của ông nhét vào cũi ký ức, khóa lại và để đó. Cũi ký ức càng rộng rãi, càng để lâu, ông lại thấp thỏm hoang mang. Ông hoang mang gì ông cũng chả biết nữa. Thế là ông đồ ít cà phê lên bàn và dùng ngón tay vẽ...cái hoang mang! Bỗng không dòng thơ siêu thực nằm ngủ quên từ ngàn năm trước, trăm năm sau...lừ đừ như ông từ vào đền chui ra theo nét vẽ tay để có bức vẽ *Hoang mang*:

khi ta vẽ trừu tượng
cái đầu ta hiện thực
khi ta vẽ hiện thực
cái đầu ta trừu tượng

khi ta vẽ em
đâu ta bay đâu mắt
(Nguyễn Hải Chí)

Thế nhưng không phải vì vậy mà ông yêu cô cùn đi. Ngược lại ông yêu cô từ những nhạy cảm, thông minh mà một lần ông dây dưa với chữ nghĩa qua Jean-Paul Sartre gặp bà Simone de Beauvoir ở quán cà phê La Flore. Chuyện là ngày nào họ cũng gặp nhau, nói cho nhau nghe mọi chuyện về đời sống hàng ngày, những suy nghĩ của họ. Họ sống trong suốt với nhau rất thật, ngay cả những chi tiết thầm kín của những mối tình riêng tư của từng người. J.P Sartre đã có lần ghi nhận rằng: “Simone de Beauvoir là một người đàn bà thông minh của một người đàn ông và nhạy cảm của một người đàn bà. Và là một người đàn bà đầy hấp lực hơn những người đàn bà khác...”.

Thế nhưng trong văn học, văn chương có những mảnh khuất chữ của nó. J.P Sartre và de Beauvoir lấy nhau nhưng không bao giờ ở chung với nhau, vì: Simone de Beauvoir lại cái. Vì vậy ngu lâu đàn dai cách mấy ông chẳng tội vạ gì làm đáng trách với J.P Sartre. Không ngoài quán cà phê ở phố chợ và quán La Flore là một trùng hợp ngẫu nhiên. Nhưng chẳng hẳn là ngẫu nhiên, vì cô cũng là một người đàn bà thông minh của một người đàn ông. Và ngập đầy nhạy cảm của một người đàn bà. Cô là một người đàn bà đầy hấp lực hơn những người đàn bà khác mà ông đã từng. Như ông từng biết cô

không là bà Simone de Beauvoir không thích...lại quả với đàn ông.

Ngoài nhạy cảm và thông minh, rời rạc quanh cô là vài mảnh vụn khuấy chữ đã hớp hồn ông, tưởng như có ma thuật nên ông ngập lặn trong những lạ lẫm, lạ đời này. Ma đâu chưa thấy nhưng cô tinh ma thấy rõ. Thảng như bất ngờ, cô buông cái tinh như ma xuống như đánh rơi cái bát, cái đĩa cổ khiến ông ó ra: Chuyện là hôm ấy trời mưa, ông cặp nách món đồ cổ 55 năm cũ sì cũ mốc gói bằng giấy báo: Đó là cái gạt tàn thuốc lá.

Ông để dù và đôi giày trước cửa nhà cô rồi bước vào. Khi ấy cô hỏi ông *lúc này để chiếc dù ở bên phải hay trái của đôi giày?*. Ông vắn óc nghĩ không ra để quán chiếu với chánh niệm về...giày dép. Nên ông hỏi cô *nếu như để chiếc dù bên trái thì sao, bên phải thì sao?*. Cô lóét đót là sao ông...ngộ thiên quá thể! Vì cô chỉ sợ...mất cái dù.

Ngộ chữ một cách khác, ngẫm chuyện nhân sinh trong cõi người ta không có gì chán bằng có một người yêu...thiếu vắng sự thông minh! Dựa dẫm theo một nhà bác vật nào đó thì cơ sự ấy nào có khác gì chán bằng...làm tình với một người không yêu! Cũng từ giày dép với chánh niệm, ông đón ngộ túi bụi ra rằng thiên cũng như...yêu. Lái xe cũng yêu, đi bộ cũng yêu, ngồi ở quán cũng yêu, và...đi ăn giỗ cũng yêu.

Chuyện cô như thế đấy và chuyện ông như thế đó.

Thế là được thế ông quay quả về những ngày mới lớn và biết yêu lần đầu qua “câu kê” gói đầu giường của chính ông. Rằng: “Trong tình yêu phải thành thật. Nhưng muốn thành thật phải biết...ăn gian nói dối”. Nay vì cái tình như ma quá đỗi của cô. Thành thật mà nói thì ông không bao giờ thành thật để...“gian dối chỉ là dối gian” với cô.

Ngẫu sự từ truyện ngắn *Ly cà phê muối*:

“...Chàng trai gặp cô gái ở quán cà phê. Cô rất xinh, chàng trai ngượng ngập mời cô gái ngồi uống cà phê cùng bàn với mình. Cô gái ngạc nhiên nhưng cũng đồng ý. Bỗng nhiên, chàng trai gọi người chạy bàn: “Xin cho tôi ít muối cho vào cà phê!”. Cô tò mò: “Sao anh có sở thích lạ thế?”, Chàng trai trả lời: “Khi tôi còn nhỏ, tôi sống gần biển, tôi có thể cảm thấy vị mặn của nước, giống như cà phê cho muối vào vậy! Nên mỗi khi tôi uống cà phê với muối, tôi lại nhớ tới tuổi thơ và quê hương của mình”.

Cô gái cảm động vì một người đàn ông yêu nơi mình sinh ra thì chắc chắn sẽ là người chung tình. Trước khi ra về, họ hẹn hò nhau, qua nhiều lần gặp gỡ, cô gái thấy chàng trai quả là một người chân thật. Cô đã tìm được người đàn ông của mình nhờ ly cà phê muối. Họ cưới nhau, sống hạnh phúc. Mỗi buổi sáng, cô đều pha cho chồng cô một ly cà phê với một thìa muối. Suốt 50 năm kể từ ngày họ cưới nhau, bao giờ người chồng cũng uống ly cà phê muối và cảm ơn vợ đã pha cho mình ly cà phê ngon đến thế.

Sau người chồng bị bạo bệnh và qua đời, để lại cho người vợ một bức thư:

Gửi vợ của anh,

Xin em tha thứ cho lời nói dối suốt cả cuộc đời của anh. Đó là lời nói dối duy nhất về ly cà phê muối. Em có nhớ lần đầu tiên anh mời em uống cà phê không? Lúc đó, vì quá lo lắng, anh định hỏi xin ít đường nhưng anh lại nói nhầm thành muối. Anh bịa ra câu chuyện về tuổi thơ ở gần biển để được nói chuyện với em. Anh đã định nói thật với em rất nhiều lần nhưng rồi anh sợ em sẽ không tha thứ cho anh. Và anh đã tự hứa với mình sẽ không bao giờ nói dối em một lời nào nữa, để chuộc lại lời nói dối ban đầu.

Bây giờ anh đã đi thật xa rồi, nên anh nói sự thật với em. Anh không thích cà phê muối. Nhưng mỗi sáng được uống ly cà phê muối từ ngày cưới em, anh chưa bao giờ cảm thấy hối tiếc vì mình đã phải uống cả. Nếu anh có thể làm lại từ đầu, anh vẫn sẽ làm như thế để có được em, và anh sẽ uống cà phê muối cả cuộc đời".

Từ “chàng trai”, từ đó, ông tập tành không nói dối, chuyện gì ông cũng nói cho cô nghe. Ông trở nên một người bình thường. Nếu không, cô sẽ “ghim” những...không bình thường của ông vào bộ nhớ để gặm nhấm thì một ngày nào đó *ngọn gió thu phong rụng lá vàng* thì...Thì chuyện tình của ông

sẽ thành tình chết, tình buồn với mùa thu là bay! Và ngược lại, thành thật mà nói chó nên nói là ông cũng “ghim” vào đầu không để cô hay: Ấy là mỗi lần cô nấc nồm muốn cất giữ những không bình thường của bất cứ ai, hay của ông. Sau đó cô mang nhốt chung vào cũi ký ức, khóa lại và để đó thì...

Thì đất sinh cỏ, trời sinh tật, cái tật của cô là...*nhường mắt, cười nhoèn.*

Ông quơ được mảnh rời cuối và nhét vào bài viết. Bối rối với chữ nghĩa thì cô “táo tợn, bốc đồng” như ngựa rừng, ngựa chững. Cô cứ nghĩ nắm giữ được nó, làm chủ được nó, nhưng hóa ra nó vẫn tận đâu tận đâu. Nó như cái ly bôi, đắng mà ngọt. Nhưng khi nhấp thấy ngọt mà đắng. Nhấp sắp cạn rồi, cô thôi và...để dành. Vì với tha nhân cô không tin và hệ lụy vào bất cứ ai. Khác ông, nếu ai mời ông ăn món thịt lợn rừng thì ông tin ông đang ăn món thịt lợn rừng. Ông chả tìm hiểu làm gì cho nhọc sức. Nếu xuống bếp xem nấu nướng, biết món mình đang ăn là...lợn nhà thì mất vui. Thế nhưng nói cho cùng, theo tập quán, tập tục hôm nay: Ăn phở hàng xóm ngon hơn cơm nguội nhà.

Ngược lại, ông cũng thu vén ít nhiều những gì về cô qua những cảm nghĩ dung dị, thoáng đảng của đời sống hàng ngày như ăn với ngủ. Như thở và yêu. Dựa vào sách vở mà ông ăn mày chữ nghĩa bấy lâu, nhờ cảm xúc ngập đầy, cô thấu cảm được với tha nhân và có khả năng thích ứng với những người

chung quanh. Là người biết lắng nghe người khác, thì dễ...sai khiến người khác theo mình. Trong đó có...ông.

Trở lại cô với yêu đương, cô như bị đọa trong tình trường. Cứ theo cô thì yêu không đại không khôn. Mà nếu có, chỉ toàn là đại. Đại mới yêu...tình ảo, mệt mỏi cả mình mẩy. Nên cô là người cho chứ không nhận từ người khác để vương vís, để mắc nợ. Nợ tình khó trả, cái nợ đồng lần. Đừng ai rách chuyện khuyên cô làm cái này, theo cái kia. Là người dư thừa sức sống, và tự tin, cô không muốn là một âm bản của một ai khác.

Như ông với nhập thể tục bất khả vô văn tự chẳng hạn, ông biết thừa bừa rằng: Cô đến với ông không qua con lộ sáo mòn văn chương thiên cổ sự của ông. Thằng như ông đang ngồi ở quán với ly cà phê giấy đây, bỗng hoá thân thành chuyện kể...Sau đó viết thành truyện ngắn có trắng tí văn vẻ gửi đến cô. Ông chả đại miệng hỏi cô..."được" hoặc "hay" chẳng? Ông bụng bảo dạ là bụng dạ cô sẽ không phi thực, mà rất hiện thực: "Viết...được! Nhưng đừng viết thì ...hay hơn!".

Chuyện ông như thế đó, và chuyện cô như thế đấy.

Xưa kia ông theo học trường sở giảng mắc tờ vương hội hoạ như màng nhện. Sau này lụy vì chữ, nên tự "đọa" mình là người có nhiều suy ngẫm sắc mùi triết lý củ khoai. Nhòm mặt bàn có bức tranh

mới vẽ bằng ngón tay trở chấm cà phê mà ông đổ lên bàn, và ly cà phê giấy trống rỗng... Ông hình tượng ra chuyện ruồi bu như thế này đây:

“...Đột nhiên có chị ruồi ở đâu bay tới, đậu trên bàn. Cùng lúc, có anh ruồi đang bò lên ly cà phê giấy và nhìn xuống bức tranh *Hoang mang* của ông và ngo ngoe:

- Đẹp khi gì.

Chị ruồi ngửa mặt lên:

- Mi biết gì về nghệ thuật.

Anh ruồi hóng miệng xuống:

- Mi không là ta, sao dám nói ta không biết gì về nghệ thuật?

- Nghệ thuật với mi là gì?

- Là rung động khi ta nhìn bức tranh màu sắc, cây cỏ... rung động. Là cảm xúc trước đàn bà. Ta nhìn mi, cảm xúc với cái đẹp của con ruồi đực là... con ruồi cái.

Anh ruồi hết nhìn ly cà phê:

- Giữa cuộc sống đời thường, viên đá tự tan chảy để tìm bản ngã của mình. Khi mi không nhìn thấy viên đá nữa thì mi làm sao biết được nó tồn tại hay không tồn tại?

Lại đến nhìn chị ruồi:

- Ta bỏ cả giờ để ngắm viên đá đang tan chảy. Để tìm hiểu bản ngã của mi.

- Mi không phải là viên đá để chỉ bảo ta điều gì.

Anh ruồi bò vào ly cà phê giấy và nói vọng ra:

- Mi hỏi chỉ làm rối rắm thêm những rối rắm sẵn của mình. Mi có bản ngã của mi. Không tin một ai. Không lụy một ai.

Anh ruồi nhìn bức tranh xuyên qua ly cà phê giấy:

- Thằng người đeo kính ngòi kia mài mòn chữ để vẽ vôi thứ bùa chú mà mi cho là nghệ thuật. Mi bị thằng người đeo kính dẫn dụ đấy thôi.

Anh ruồi vén môi khoảnh lưỡi

- Hãy để bản ngã của mi trên bàn, vào đây uống cà phê với ta.

Chị ruồi nhẹ cất cánh bay vào cõi thái cổ Tây phương u u minh minh ...”.

Ông kể chuyện trên với ý đồ: Hai con ruồi gặp nhau ở cái bàn này giống như cô muốn gặp người cô yêu. Theo một nhà toán học cô phải ngồi ở sân ga đúng 28 năm hay 10220 cả ngày lẫn đêm mới gặp được người tình trăm năm đang ngó lơ đi qua. Hay một cách khác theo xác suất của toán học: Nếu cô ngồi ở quán cà phê góc phố và đếm... Cô đếm đến 1 triệu 700 ngàn người mới bắt gặp người tiền duyên hậu kiếp trong đám đông. Với tiền duyên hậu kiếp, gần đây, một nhà phân tâm học dùng thôi miên đi tìm quá khứ của những người yêu nhau. Ông khám phá ra những cuộc tình hôm nay đã có từ kiếp trước. Thảng như ông thôi miên cô: Cô sẽ kể ông nghe cả mấy trăm năm trước, cô đã gặp ông và hẹn hò. Kiếp này cô có chồng. Nhưng khi gặp ông, cô sẽ ngã vào tay ông một cách dễ dàng mặc dù ông... xấu trai hơn chồng cô.

Nghe thủng xong, cô quán quả chả cần phân tâm học, toán học với nhà ga, quán cà phê, hay triết lý nhằm nhí. Vì có hai con thạch thủng gặp nhau mỗi tối trong phòng cô...

“...Có hai cặp tình nhân thạch sùng yêu nhau đã lâu. Một tối cả hai đang bò trên trần nhà. Chị thạch sùng tỉ tê với anh thạch thủng:

- Từ ngày “iu” nhau đến giờ, anh chủ động. Còn em chỉ bị động thôi.

Anh thạch sùng lập cập:

- Là sao?

Chị thạch sùng cười tí:

- Là tối nay, em nằm trên, anh nằm dưới.

Anh thạch sùng sướng quá, dang tay chân ra nằm ngửa thỏa mái và...

Và...ngã cái bịch...”

Ngồi không nhòm ly cà phê giấy trước mặt..., ông nhớ ra khuôn mặt cô có nốt ruồi giống Marilyn Monroe. Cái nốt ruồi theo *Y ma thần tượng* ám quẻ cho những người đàn bà sống ngoài khung cửa. Nhưng nốt ruồi chỉ có thể cho ông biết quá khứ, nó hoàn toàn tịt mù trong việc bói mò...tương lai. Nếu cô đi sửa sắc đẹp để tẩy cái nốt ruồi.

Ông học lóm được môn học *Bản thể trong thuyết tiến hóa ngược*. Ấy là bản thể như cái nốt ruồi trên mặt là không có thật, bởi lẽ bản thể của nốt ruồi chẳng hề tồn tại. Nhưng sự tồn tại theo thuyết tiến

hóa ngược là khi mất đi thì mọi sự trở lại bản thể trước kia. Vì vậy khi cái nốt ruồi mất đi, có người mất định hướng và không thoát khỏi bản thể. Có người hớn hờ vì tưởng nhìn thấy lối thoát. Một phần cảm nội tại là khi bản thể mất đi, ảnh hưởng tới một số người mất ý niệm cảm tính, và họ tin rằng họ đã...mắc sai lầm. Bởi vậy thay vì lẩn tránh những lỗi lầm, họ luôn cố tình tìm đến nó. Họ cho rằng nếu tránh được sai lầm này tất nhiên sẽ...phạm lỗi lầm khác lớn hơn. Khi cô nói có cái nốt ruồi, ông luận về cái số của cô trong quá khứ. Thế nhưng khi cô đánh mất cái nốt ruồi, trong tương lai, cô sẽ...hớn hờ tìm thấy lối thoát. Vì nếu cô bước ra ngoài khung cửa, theo *Bản thể trong thuyết tiến hóa ngược*..., với cái duyên, cô sẽ gặp...ông.

Nhòm nốt ruồi Marilyn Monroe trên mặt cô như ảnh tượng của Y ma thần tượng. Ông súi cô nên ngoại tình. Cô nhìn ông nghi ngại: “Chưa có cuộc ngoại tình nào thành công cả”. Và hỏi: “Ngoại tình là gì?”. Ông ngần ngừ: “Là một cố gắng không tuyệt vọng”. Cô nhìn ông nghi ngờ. Ông Bò Đề Đạt Ma: “Vi ngoại tình là giải thoát, là xả”.

Ông nhìn bản mặt cô như đã chín năm diện bích và âm ử...

ta không phải là Phật
nên chánh niệm ngôn ngữ
định trí, trí...ngây ngật
định huệ, huệ...lang thang
(Nghieu Minh)

Trở lại những đam mê tiềm ẩn tra tấn cô. Tù theo sự co giãn và sự thoát biến của thời gian và không gian lúc lạnh băng, khi nẩy lửa. Cuộc hành trình vào mê cung của cô tưởng như đùa chơi tung tởng, nhưng lại ngang nhiên cấu vào hồn để thấy đau, cái đau sâu xoáy. Ừ thì cứ cho là số cô đeo bông những u mê ám chướng như thờ và yêu. Cô thờ ra vì tình hẹp như đồ ngang. Yêu ai không thành, râm ran một cõi với yêu biết khi nào đại khi nào khôn. Nhờ biết tự kềm chế cảm xúc, lại nữa vì nợ tình khó trả nên yêu ai cô cũng giữ một khoảng cách. Cô chủ động với thân xác đến trước để được nuông chiều, vỗ về rồi tình yêu là chuyện mai này. Vì khi vừa lúc cô yêu tí tít thì cô túm tó được ai đó đúng là...cái nợ đồng lần. Lòng dứt với nợ, thế nên cô không yêu hết mình làm như muốn để dành cho người đến sau, cho trọn vẹn dăm ba cuộc tình nổi trôi.

Quá khứ đang ẩn mình trong giấc miên du, buồn như nón lá mùa mưa, mưa đêm rả rích, cô gọi nó dậy...Ừ thôi thì hãy se sắt với những gì đã qua, sau khi chui rúc trong cái đám mờ mịt của mảng tình đầu, cho đến mảnh tình cuối mới đây để thành một duyên hai nợ đã hoang đường từ cổ đại. Nên cô không có hứng thú trở về thăm lại nơi mình đã bỏ đi sau những mùa đông lạnh lẽo. Cô thích những nóng bỏng lạ lẫm chưa từng nếm trải để được lôi cuốn, và nhắm mắt lao vào trong đó mà tiếng Việt trong sáng ở trong nước với hiện thực hôm nay gọi là tình

yêu...nháp. Và ông có mặt trong tình yêu.. ‘nháp’ của cô qua những ngày nắng quái chiều hôm.

Với ông giấy dếp cũng còn có số nữa là...là chẳng qua số ông ruồi nên quá cảnh từ quá khứ vị lai. Vì số ruồi bầu nên cứ thích bay như con bướm trắng của Nguyễn Bính bay qua vườn nhà hàng xóm...Nếu ông gọt câu đố chữ những gì đơn giản như đan rổ nhưng lại hóa ra phức tạp với nhân bản vô tính: *Cô hóa thân là người tình ảo với tâm hồn nhạy cảm, vốn sống ngập đầy.* Bằng cách này hay cách khác cũng chỉ quy chiếu vào cô. Cô là một...Là tình cuối của ông qua bóng ngả đường chiều.

Nhớ ngày nào cô hẹn hò ông ở quán cà phê. Đằng sau quán có một cái “bayou”, tức con rạch nhân tạo. Ông i ôi một chiều trên bến nước qua con rạch...bê-tông cốt sắt:

này người tình cuối sông
nước rong đầy rồi đó
hãy giương buồm thông dong
đừng vì ta neo ụ
(Nguyễn Đạm Thạch)

Chuyện vì ta neo ụ, chuyện tình kẻ trong quán với ly cà phê giấy nay đã lay lắt gần một năm...Vây mà đôi khi cô vẫn còn hỗn loạn và hỗn mang với ông. Số là cô táo tợn, bốc đồng, bốc phá, nổi loạn, muốn thì bất chấp tất cả, chiếm đoạt cho bằng được. Đến khi nắm được rồi cô lại ngại ngùng, e dè. Thế

nên cho đến lúc này cô vẫn là bóng tối đen thui bao trùm lên ông. Ông chưa nhấp một ngụm cà phê nào đã thấy đắng ngắt qua câu thơ: *bóng tối đen như cà phê, bóng tối đắng như cà phê...*

Từ ngày gặp cô, bất cứ ở đâu, bất cứ nơi nào, ngay đây chẳng hạn. Ông chìm sâu vào mắt cô để vận vẹo cho...đủ lãng quên đời, Nhưng ông không thấy gì cả. Cho đến khi ông tình cờ phát hiện trong đôi mắt ấy có hình ảnh của chính ông. Ông bắt đầu yêu. Bây giờ nhòm ra ngoài cửa kính nắng chang chang chẳng thấy...bóng tối đâu! Nhòm ly cà phê sữa chứ chẳng phải là ly cà phê đen! Nào khác gì anh ruồi nhìn qua ly giấy thấy chị ruồi với những rói rắm. Và ông hiểu...chết liền!

Chuyện bây giờ ông hiểu...hết biết với những rói rắm nếu chấp vá những mảnh vụn của cô lại. Cái váy đùm, váy đụp vá chằng, vá chịt chằng qua ví nó rách. Nó rách bươm như cuộc tình của ông. Vì rằng: Ông yêu cô chẳng hẳn thỏa mái mà là nhọc nhằn. Vì cô nhạy cảm trước mọi tình huống, cô không mơ mộng trong tình trường. Ông yêu cô như chó hóc xương, nên tình yêu của ông không dễ nuốt mà khó nhai. Vì cô sòng phẳng với hệ lụy yêu đương, cô yêu không đến nơi đến chốn, nếu có chỉ thấy đi vào ngõ cụt. Ông yêu cô như chạy bộ mỗi buổi sáng, ông yêu cô chân thật. Trong khi cô yêu khắp khiêng với...chân giả, chân thật. Vì vậy cứ tạm cho là tình yêu của ông mong manh, bùi ngùi.

Một sự yên tĩnh đầy đe dọa. Trong khi *Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh...*

Vì vậy nói trộm sau lưng cô chứ,...chứ có một đôi lần, ông đã muốn...chán cô.

Ông đi tìm những nét xấu của cô qua kính điện: "Đàn bà, hể mũi xấu thì mắt đẹp, mắt mũi xấu thì miệng đẹp, mặt xấu thì dáng đẹp, người xấu thì tâm hồn đẹp. Bằng cách này hay cách khác, họ cứ phải đẹp". Nhưng ngắm cô từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, ông chẳng bắt gặp nét nào...xấu thì cô...đẹp ở cái chỗ nào? Ông cố đi tìm những không bình thường ở cô để chán. Nhưng sau ông không chán cô nổi nên ông đành...chán ông. Vì khi chữ nghĩa nhập vào ông như người phi si ke, phê phê, bay bay, ông không còn là ông nữa, đào sỏi chữ nghĩa để biến hóa cô bao nhiêu, ông càng yêu cô bấy nhiêu. Ông yêu cô thành thật đến khốn khổ để trở thành...bình thường.

Thành thật mà nói thì chớ nên nói. Thành thật mà nói thì ông không bao giờ thành thật, kể luôn khi ông nói ông không thành thật. Thành thật mà nói là khi đã là tình nhân, đã bao lần tu hú yêu đương, cô ngửa mặt lên, chờ...Mắt nhắm nghiền, đôi môi chín muối. Ông cúi xuống với cảm nhận mong manh để vỡ. Và cúi xuống nữa chờ thời khắc giao mùa từ thu sang đông...Ông cúi xuống mãi. Bao nhiêu xuân, hạ đã qua. Bao nhiêu sợi tóc bạc đã rụng. Bao nhiêu nhiều bài tạp bút, tản bút, những đứa con tinh thần được thai nghén từ cuộc tình của ông và cô lần lượt

oe oe chào đời. Vậy mà môi ông vẫn chưa đung tói được...môi cô. Thời gian rón rén qua nhanh đến độ khi vừa kịp nhận ra mình chưa kịp hôn thì ông đã...già.

Từ đằng góc quán, dẫn vật ném xuống đầu ông dòng nhạc...*hãy cứ là tình nhân, để hẹn hò yêu đương, để khắc khoải chờ nhau...Và kêu réo...hãy cứ là tình nhân, để mong mỗi đợi chờ, tìm nhau ở trong mơ, để tình ta mênh mông...*Bản nhạc vừa chấm dứt thì truyện ngắn phi thực, phi-văn chương ngồi ở quán kể chuyện với ly cà phê giấy cũng vừa xong. Ông chỉ tiếc rằng truyện ngắn này không có thì giờ để viết...ngắn hơn.

Đút chữ nghĩa vào túi quần. Bất giác nhìn ra ngoài, ông bắt gặp anh vận, chị mực đang ôm nhau ngủ vùi dưới công tam quan như một nắm mồi...Thò tay vào túi áo tìm *một làn khói trắng, ru đời vào quên lãng* chỉ thấy hư không. Ông ngồi đó mặt đực như ngỗng đực nhìn ly cà phê trước mặt. Ông lênh đênh nói chuyện với ly cà phê giấy bằng câu thơ của Thanh Tâm Tuyền: *Không ai biết chúng ta yêu nhau...*Cùng lúc dòng nhạc *để tình ta mênh mông...* vừa hết, lại chui ra dòng nhạc khác *đời xin có nhau...dài cho mãi sau, nắng không bị sầu...áo xưa dù nhàu...cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau... gọi mãi tên nhau... tên nhau... tên nhau...*

Cùng lúc thoang thoảng có mùi nước hoa J'adore đầy gợi cảm, kích thích, ngất ngây đầy hoang dại, hoang dã. Anh ruồi động tình động não

cất cánh nhẹ bay vào cõi tiền cổ Tây phương từ thời hồng hoang...

Trước khi rời quán, ông nhìn ly cà phê lần cuối. Và cũng là...lần đầu tiên.

Những bài tản bút, tản văn xưa cũ lụi đi theo ông về tận nhà và rủ rê leo lên giường. Ông đo giường đo chiếu, lần nào cũng vậy, ngày mai có hẹn hò buổi tối thao thức không ngủ được. Ông lan man về bài *Độc thoại* mà ông viết thay cho cô, ông viết về nỗi trống vắng của cô...Cô là nhân vật xung “tôi” với một ngày như mọi ngày:

“...Nghe về lạ lùng và khó hiểu nếu nói rằng tôi trò chuyện với...cái giường. Nhà vắng lặng. Và thói quen trước khi ngủ tôi thường ngó quanh quất...tôi bỗng nhận ra nó, cái giường. Cảm nhận thật là khác lạ. Một niềm quyến luyến mơ hồ, nhưng oà vỡ trong tôi nổi rung động rất dịu dàng. Cái giường đã cũ, chiếc nệm thân quen. Tôi nhìn cái giường và chợt nhớ ra bấy lâu nay tôi chỉ nằm ở một chỗ quen thuộc mà không nằm chỗ khác.

Và chuyện là như vậy ít ai nghĩ ra, ngay cả chính tôi....”.

Mặc dù ông viết dùm cô, nhưng đọc tới khúc cô nằm mơ tới một người đàn ông lạ mặt hiện về với cô trong giấc mộng...ông cũng muốn có một giấc mơ về...một người đàn bà. Ông lồm cồm dậy ngậm viên thuốc mới phát minh trên thị trường được phẩm tên

“Dreamland” để có một giấc mơ. Thuốc chui xuống cổ họng, ông muốn mơ một người đàn bà nhưng ông nghẹn họng vì gặp...God. Ông God ban cho ông một quyền năng tuyệt đối để ông có thể thực hiện bất cứ việc gì. Tuy nhiên, có một điều kiện duy nhất ông không bao giờ được phép làm, đó là ông sẽ không bao giờ tỉnh dậy sau giấc mơ. Ông đồng ý chịu điều kiện ấy và...”Marilyne Monroe có nốt ruồi” hiện về với ông.

Ông phân vân không biết có nên mang chuyện phong dật này vào bài viết hay chăng. Nhưng ông nghĩ lại, thôi thì cũng một lần trong đời thêm một giấc mơ hoang:

“...Em đến bên anh nhẹ nhàng trong một buổi tối êm dịu như đêm qua, và những gì xảy ra trên giường của anh còn đọng lại trong anh những gì khó tả. Em chợt đến từ một nơi hư vô nào đó, không hề báo trước. Em đậu trên người anh, em làm tan biến cảm giác băng giá trong anh. Như bị bệnh, em cắn anh như bị cuồng, không hề tội lỗi, em làm cho anh phát điên. Tận cùng em và anh chìm vào giấc ngủ.

Sáng nay, khi anh tỉnh dậy thì em đã đi rồi. Anh tìm em nhưng không thấy dấu vết chỉ có những bức tường chứng kiến chuyện đôi ta đêm qua. Cơ thể anh vẫn còn in dấu cắn của em. Đêm nay, anh sẽ thức chờ em. Ngay khi em đến, anh sẽ vỗ lấy em, anh sẽ không buông em ra. Anh sẽ giữ chặt em trong lòng bàn tay anh để em mãi mãi không biến mất. Em

mãi mãi sẽ là của anh. Anh dặng tiếng: “Anh sẽ...giết em”.

Anh hục hặc: Em  là đáng ghét nhất trần đời...”.

May mà trong giấc mơ có mặt cô là nhân chứng, tức người tình hiện thực của ông. Cô gọi ông dậy vì đã đến ngày hò hẹn yêu đương...

Đến ngày neo ụ hẹn hò, trời đất gừ gào ngập sương mù đầy ý niệm ảo. Tới trước cửa nhà cô, ông khép dù lại và tháo giày. Chiếc giày trái để bên trái, giày phải để bên phải cái dù. Bước vào, vì không đi giày, ông không nhớ chân nào chân phải, chân nào chân trái. Ông bắt gặp cô đeo cái tạp dề đang làm cơm. Đứng đằng sau lưng. Ông hôn nhẹ lên gáy. Quanh vành tai. Hai tay ông ôm phần đằng trước đi tìm cõn thái cổ Đông phương u u minh minh...Cô quay lại nhướn mắt: “Anh...”. Rồi cô ôm hôn ông, một nụ hôn kéo dài từ tiền kiếp. Xong cô cười nhớn: “Đề dành đến tối. Anh...”.

Đến bữa cơm chiều, ông lụng bụng trong bụng nếu cô cho ông ăn thịt lợn rừng, là...lợn rừng. Ông chả thắc mắc khi gì cho nhọc sức. Ấy mà nói cho ngay, theo thói đời ngày nay thì phở ngon cơm hơn...cơm nguội. Cầu vào mắt ông trên bàn ăn vuông nhỏ trái khăn “ca-rô” xanh đỏ. Giữa bàn có bình hoa với hai đoá hoa hồng và hai ngọn nến lunh

linh mờ ảo rất “rô-măng-tích”. Hai đầu bàn trang trải hai đĩa “si-tếch” bự sự bằng cục gạch thẻ và hai ổ bánh mì Tây. Và ông hiểu là cô rất Tây phương miền cực lạc.

Xong bữa, cô rất nhỏ nhẹ ngáp ầm áp:

- Đợi tối ra vườn xem...hoa qỳnh nở.

Tối vào khuya, cô nằm trên giường. Bò lên nằm trên người cô, ông nhòm mặt cô trắng nõng nõng, rồi đỏ lựng dần. Đầu óc ông cứ rối tinh vì không biết làm gì chả lẽ lại làm tỉnh. Ủ thì chuyện ngồi ở quán bắt gặp anh mực, chị vện đã được viết thành truyện, bây giờ là chuyện đọc. Ông mang xấp lai cảo đọc cho cô nghe. Cô ngửa mặt lên trần nhà như tìm hai con thạch thùng một chiều trên bến nước và buông xả:

- Anh chỉ hư cấu không à...Phải biết tương tượng chứ.

Ủ thì chuyện ngồi ở quán với ly cà phê giấy của ông như thế đó, cô như thế đấy.

Thạch trúc gia trang

2:30 sáng ngày 2-9-2012

Bồ Tùng Linh Tân Biên

Liệt Truyện – I

Một tối Bồ Tùng Linh dạo chơi bên khe núi, chợt nghe tiếng cười khẽ trong bụi lau. Một nàng con gái yếu điệu thướt tha thơm nức xạ hương thoát bước ra khêu gợi lạ thường. Bồ mê đắm quên trời đất. Nửa đêm thức dậy dưới trăng thấy mình đang ôm trong lòng một con cáo, Bồ dựng tóc gáy, lạnh buốt cả mình mẩy, nằm chết ngất dưới mưa sương.

Mặt trời khuất núi, Bồ Tùng Linh tỉnh lại, thấy còn trơ một mình. Vợ vẫn một hồi, Bồ xuống núi về nhà ngồi viết truyện Liêu trai chí dị như tha nhân đã từng. Nhiều năm sau, lưu lạc về phương Nam, một đêm đang ngồi viết trước đèn với đoạn kết: *Cứ tưởng thơ Đường luật mới có “mở, thực, luận, kết”*. Té ra vẫn xuôi

làm “chuyện ấy” cũng siêu không kém. Song “kết” mà chỉ đơn giản là “kết thúc” thì quá tầm thường. “Kết” làm sao để người đọc thấy “mở” ra một cái gì đó rộng lớn hơn, hóc hiểm hơn... Đang rối ren khúc kết... Thoáng có bóng người đẩy cửa vào ngồi xuống cạnh Bò, nói: Thôi làm cáo luôn cho rồi. Hỏi: Sao được? Người ấy cười: Sao không? Chính ta cũng là cáo đây, cáo già. Thời nay đâu còn mấy người đâu? Chính người cũng mọc đuôi rồi đấy, cứ rờ xem...

Bò Tùng Linh rờ đít mình thấy có một cục thịt dư như truyện người có đuôi, bèn khóc rống lên, đúng lúc tờ lịch trên tường rơi xuống có ngày 30-4-75.

Nhiều năm sau, Bò Tùng Linh trở về chốn cũ... Chợt nghe tiếng thở dài khe khẽ trong rừng mù u, ở đây một hòn đá thô nhám, có cây si già cỗi, đằng sau là cái miếu nhỏ cổ lỗ sĩ và một lối mòn ngoằn ngoèo dẫn lên núi. Chả là tại khúc này, hai ngày cuối tuần, Bò đều gặp nàng khi cả hai chạy bộ qua bụi mù u rậm rạp. Ngày nào nàng cũng nhìn Bò trong một thoáng giây với một cái nhìn xóáy tí và thông suốt. Bò thường lờm nàng và mắng thăm: *Đồ chết tiệt*. Chiều hôm nay đang chạy bộ lên núi vẫn chưa gặp, Bò nghĩ đến nàng và cũng mắng: *Đồ chết tiệt*.

Đàn bà đối với Bồ Tùng Linh chẳng mấy ý nghĩa nên ít muốn cù cưa. Trừ nàng. Ngày tàn dần. Những người đi bộ tản nhiên xuống núi. Bồ lại càng có lý do để tầng tầng chạy lên và trông thấy nàng đang chạy xuống, chạy ngược chiều. Nàng đẹp ác, đẹp tê tái con gà mái đến thế cơ à? Trên đoạn đường núi tấp nập, các bà các cô chạy bộ mỗi ngày nhằm cải thiện tình trạng số đo ba vòng bằng nhau....thì sự hiện hữu của nàng có khả năng là hiện thực...có thật.

Mặc dù “đồ chết tiệt” trông mặt khó bỏ mẹ, nhưng Bồ cũng chạy...giật lùi trở lại, hai khủy tay khùnh khùnh lắc lư theo nhịp chân và Bồ động não động tình hỏi:

- Sao về sớm vậy.

Nàng hai khủy tay cũng lúc lắc cơ động theo hai đầu gối, chân nhấp nhôm theo bước quân hành, như mấy chú bộ đội đứng gác ở lãng bác và đáp:

- Bị giật dây chuyện.

Cả hai vẫn chạy bộ ngược chiều, Bồ liếc xéo thấy chiếc cổ trắng ngần còn nguyên vết hằn mờ mờ. Chẳng có biểu hiện xúc cảm thái quá nào trên gương mặt đẹp vật vã, đẹp ngất ngư con lạc đà của nàng, cặp môi mọng như hai quả nhót còn nhoèn ra cười thê thảm thế mới hay.

- Hai thằng chạy ào qua. Phụt! Biến mất.

- Không kêu à?

- Đeo khẩu trang, không kêu được!

Ừ, có thể thật. Bò nhớ lại tình cờ chứng kiến cảnh các bà các cô bị giật túi xách, điện thoại di động trên đường phố. Họ chỉ biết huơ tay ú ớ vì đeo...khẩu trang. Cái tai tệ nạn vừa xảy ra với Bò bỗng hoá thành bức xúc, một sự cố ai đó bày đặt ra để cho hai người quen nhau.

Bò bất giác nhe răng cười hoèn:

- Trên chùa về à?
- Không.

“A...! Mới bị giật dây chuyền”, Bò cho là vậy và nhìn lên dốc núi cheo leo. Nàng nhìn xuống triền dốc thoải thoải...Hai bộ mặt nhìn về hai hướng lên xuống. Bốn đầu gối chân nhịp nhàng theo bốn khủy tay khùynh khùynh góc gác. Hai người đang chạy bộ ngược chiều song song với nhau thì chẳng bao giờ gặp nhau và Bò nghĩ thế. Đang chạy giật lùi, Bò lại liếc xéo qua nàng thật ngon cơm trông thấy....Và không thấy...cái đuôi. Bò hồ hởi:

- Đây theo...đuôi được chăng?

Vậy là xong...Là sẽ gặp nhau ở sân chùa Bạch Vân.

Dường như chỉ đợi có thế, nàng quay ngoắt 180 độ để cùng chạy một chiều với Bò. Bây giờ Bò mới dòm thấy tay trái nàng chỉ cầm tay một cái ví nhỏ. Không đồ lễ. Một thẻ nhang cũng không. Chùa Bạch Vân nghe đồn thiêng lắm, lại còn nổi tiếng vì những giai thoại về sự trụ trì ở đây nữa. Không ai biết rõ

tung tích, tuổi tác, thứ bậc tu hành của sư. Chỉ biết sư là người miền Bắc, sau giải phóng một mình tìm đến đây bỏ tiền túi ra tu bổ ngôi chùa bỏ hoang. Rồi đặt cho chùa cái tên Bạch Vân nghe thơ mộng, nhưng quanh năm chả có đám mây trắng nào lảng vảng ở đây cả. Còn sư thì cứ đòi cư dân trong vùng đến lễ bái nhất nhất phải gọi mình là... "cụ".

Cụ dâng sao giải hạn, làm lễ cầu siêu trong đám tang, xem hướng nhà, xem ngày lành tháng tốt. Chuyên ngành cho những quan chức đại thể như cưới hỏi, động thổ, xuất ngoại, nhậm chức... Cụ chả từ chối ai việc gì, nhưng thỉnh thoảng lại nổi cơn buông tuồng suồng sã. Cụ vừa cười hề hề vừa cà riêng cà tời: *Hướng, hướng đi đâu? Nhà mặt phố, bố làm to, đất nhà mấy ông ở mặt phố thì làm nhà phải quay mặt ra đường, chứ chả nhẽ lại quay đít ra đường à?* Rồi cụ cười hóm: *Không cần hướng héo khỉ gì mấy ông cũng là đại gia cơ mà. Khi thế đấy!* Hoặc: *Cưới xin không ngày nào tốt bằng thứ bảy, chủ nhật. Ngày nghỉ, chúng nó đến đông, cỗ bàn không ế, tha hồ đếm phong bì.* Hoặc giả cụ cà khịa: *Con mẹ này lần sau lên chùa quần áo hớ hênh vừa vừa phải phải thôi nhá. Xôi oản mà bày cả ra thế làm cụ...rối trí.*

Bàn tay cụ mềm mại âu yếm bao nhiêu mỗi lần xem chỉ tay cho các bà các cô thì... Thì cương cường sắt thép, "thép đã tôi thế đấy" bấy nhiêu với mấy thằng xì ke ma túy vô phúc mò đến chùa hỏi thăm hòm tiền công đức. Cụ vặn cổ, đá đít ra khỏi cổng, quăng trả chúng mấy thanh mã tấu nảy tung tung,

kêu loảng xoảng trên bậc đá nhà chùa. Ngắn gọn với sắc bất thị không, không biết hư thực cụ là người thế nào. Giang hồ cuối mùa mai danh ẩn tích hay hiện thân của bậc đại giác chăng? Chẳng ai biết, chỉ biết rằng khách đến chùa khá đông thường dâng lễ hậu. Lễ không hậu, chán như con gián nên nhà chùa lạnh nhạt ra mặt.

Trái với lúc đầu chủ động hỏi han làm quen, dọc đường Bồ rất ít nhời. Bồ không gọi chuyện chùa chiền cúng lễ. Không hỏi nàng làm gì, ở đâu và tối nay...đi về đâu? Có nhiều điều người ta có thể hỏi trong hoàn cảnh tương tự nhưng Bồ không hỏi. Bồ biết trước câu trả lời chả có gì thú vị mấy. Vì nếu có ai hỏi thì Bồ cũng sẽ trả lời đại khái buồn như con chuồn chuồn thế thôi. Tối nay về đâu cũng vậy thôi. Làm gì chẳng để làm gì. Mười năm là quan chức nhà nước đủ nhàm chán cho cuộc đời Bồ. Còn bao nhiêu năm nữa thì cũng cứ cái vệt đó mà lăn. Cho đến chết. Thẳng như Bồ đưa nàng lên chùa thì tí nữa Bồ lại đưa về. Cư sử như hội chứng được mặc định là giá trị đạo đức truyền thông. Chấm hết. Bằng cái chấm than (!).

Chùa Bạch Vân nằm trên đỉnh núi đang mùa rộ hoa.

Cả hai lên tới nơi trời nhuốm màu lờ mờ âm u. Chùa vẫn không có một đám mây trắng, bóng tối lơ đãng che phủ mấy chữ đại tự trên cổng chùa. Mùi

hoa sứ và mùi hương trầm từ trong chùa thoảng quyện vào nhau u uẩn làm Bò như có dị ứng với nhang đèn hương khói.

Lại nữa, nghe đồn đãi sư trụ trì là sư quốc doanh chả hiểu có đúng chẳng? Lại nghe nói có sư quốc doanh nào đó, đứng thuyết pháp trước chúng sinh, trước cửa chùa mặc đồng phục vàng, hai cầu vai màu đỏ, giữa có bốn ngôi sao vàng và một gạch vàng ở dưới. Thế nên Bò lấy có mặc quần “soóc”, áo thun nên không vào. Bình thường Bò cũng không muốn vào. Bò không tin những điều thiêng liêng kỳ diệu, kỳ cục như vậy...Nhưng với đàn bà thì khác. Những người đàn bà đi chùa bao giờ cũng gây cho Bò những phản cảm băng quơ, băng khuâng.

Đột dưng nàng hỏi.

- Vào cúng Phật không?

Bò cười vô tư .

- Không!

- Mình về nhá?

- Ừa...

Và Bò trộm nghĩ ăn chơi sợ gì mưa roi.

Trên đường về, dốc đá tối mù, khắp khênh. Tiếng côn trùng nháo nhác đùn lên xung quanh. Trong khi dưới kia là một thành phố ẩn mình trong sương chiều...Nàng đang hòa nhập về một vùng hoang vu thái cổ qua chữ nghĩa của ai đó mà nàng còn nhớ được...

Nàng thường một mình về thăm ký ức:

“...Thế giới chúng ta luôn tồn tại hai thành phố: Thành phố sáng và thành phố không đèn. Hãy thử nhìn từ trên cao xem, dãy nhà nằm sắp hàng như mộ bia. Thế giới của chúng sinh đó. Ban đêm dãy nhà mờ ấy sáng đèn. Còn thành phố kia? Nghĩa trang. Bóng tối của cái chết không bao giờ có ánh sáng. Ngày, vàng dương đi qua. Đêm, những vì sao lấp lánh. Và thành phố nghĩa trang ấy cũng bình yên như thành phố của tha nhân vậy...”.

Từ thành phố nhiều nhà như tha ma mộ địa...
Làm như đang bị đồng cô bóng cậu nhập, Cái đầu
nàng lại đẩy đưa về quá vãng...

“...Một lần nàng hỏi thăm đường. Họ vừa chỉ xong, quay lưng đi, nàng đã cảm thấy họ biến mất. Quá hoảng kinh, nàng quay đầu lại thì lại vẫn thấy bóng dáng họ đang nói chuyện. Nàng cố bước đi nhưng đi đến đâu rêu phong mọc lan đến chân nàng đến đấy. Nàng bước lùi lại, rêu phong cũng lùi theo. Căn nhà bên phải nàng vừa đi qua đã trở thành hoang vu đổ nát. Những bóng người cười nói biến mất ngay sau bước chân nàng đang đi. Những căn nhà trở thành hoang tàn ngay khi nàng vừa rời bước. Như vậy là sao nhỉ? Nàng tự hỏi như vậy rồi đi ngược lại nữa và thấy rêu phong biến mất, những căn nhà đẹp đẽ hiện lên, những bóng người cười nói vui vẻ chào đón nàng trở về. Rồi nàng quay gót ra đi theo con đường của mình và ngay lập tức rêu phong đan kín mặt đất đằng sau chân nàng, những ngôi nhà

hoang tàn, những bóng người biến mất. Thành phố thành một thành phố chết. Nàng bàng hoàng chột hiều: *Chỉ cần nàng bước chân đi, mọi thứ đằng sau ngay lập tức trở thành hoài niệm của quá khứ...*”.

Đầu óc đang rỗng rênh chẳng có gì để nghĩ tiếp, thì qua bóng chiều, nàng nghĩ đến bóng người mới quen. Lúc đầu, đầu óc đang linh tinh, nhòm bóng người đi bên cạnh thấy cái bụng to, đầu hói huyệt. Trong khi thân xác nàng đang “trơ xương cùng tuế nguyệt”. Thế là nàng bỗng dung loạng choạng bước hụt. Bò giật mình đưa tay ra đỡ. Một mùi hương lạ lùng, rất gần gũi, rất đậm đặc, quấn quýt quanh Bò. Mùi thơm nức xạ hương thoát khêu gợi lạ thường. Bò mê đắm quên trời đất. Nàng như muốn dựa hẳn vào Bò. Rồi bằng cách này hay cách khác bàn tay nàng đã nằm gọn trong bàn tay Bò, ngoan ngoãn, mềm mại và... mát lạnh. Bò Tùng Linh thấy người ngây ngấy như lúc uống rượu bị trúng gió. Có một cái gì đó đang hệ quả vào người Bò, như một luồng máu lạ qua bàn tay nhỏ bé của nàng. Bò chưa kịp nghe ngóng xem nó là cái gì thì trong đũng quần lại xảy ra chuyện phiền toái khác. Nóng. Vương. Tức bụng như...mót đá. Cổ họng khô đi. Bò nuốt khan mấy miếng nước bọt. Đứng không nên lấy tay gõ vào trí nhớ. Tự nhiên nhớ ra, nhớ rõ mồn một những chuyện sinh động phồn thực tưởng đã chôn vùi từ lâu trong hoài niệm của quá khứ qua một thoáng mây bay...

Hồi nãy đứng trước cửa thiền môn chùa Bạc Vân không một thoáng mây bay...Bởi lý sự ấy Bò trộm nghĩ ăn chơi sợ gì mưa rơi. Thế nhưng chuyện đòi chả ngon cơm như vậy với hoài niệm, hoài của...của quá khứ. Vì rằng bốn mươi tuổi, Bò mất khả năng "quan hệ" với đàn bà.

Lần đầu tiên Bò phát hiện ra chuyện đó vào một buổi tối, sau bữa nhậu, khi đang trên giường với một em “phò”. Em không tinh vi sờ ti con lợn cho mấy nhưng người ngợm thỏn vồn, vưỡn vưỡn nên rất bất mắt. Vì cái vẻ dâm dục lồ lộ trên gương mặt với ánh nhìn dài dại và đôi môi dày uơn ướt. Thế là con tì con vị được đánh thức dậy, nói cho đúng ra Bò là “tay chơi” nhưng vẫn “chân tu”. Bò vốn không phải là người co cụm hay là kẻ ăn chơi hoang đàng. Những dịp như thế phải nói là hiếm hoi lắm, chủ yếu do bạn bè lôi kéo cho những khế ước của cơ quan. Nhưng cũng chính vì hiếm, và lạ mà Bò thường bị kích thích rất mạnh. Vậy mà đúng vào lúc ả phò bóc chiếc bao cao su. Chưa kịp thao tác theo sự hướng dẫn của những tình nguyện viên đường phố bảo đảm an toàn. Cái của quý của Bò tự nhiên có sự cố là...xìu xuống.

Ả phò cuống quýt tìm cách khởi động lại, dựng Bò dậy, choàng tay ôm lấy cổ Bò, bắt Bò cõng trên lưng nhong nhong trong phòng. Đám lông cứng cáp như cái bàn chải đánh giầy cọ trên lưng Bò. Bò dần dần thấy hay hay. Thằng bé của Bò cũng thấy hay

hay...Hay là có lẽ ban nãy tại nó chưa tỉnh rượu? Nhưng khi trở lại để thao tác thì chúng nào vẫn tât nẩy, đồ ngon đồ ngọt mãi, cái thằng hư thân mất nết ấy vẫn cứ ỳ thân cụ ra. Bò hoang mang, ngấm ngấm bỏ tiền ra để tiếp tục làm nhiều cuộc trải nghiệm khác nữa. Tất nhiên là với những em phò năng nổ hơn. Bảo quản không cứu vãn. Thần thái gò gề biến đi đâu mất cả. Mãi về sau, Bò tình cờ phát hiện ra bạn bè cùng trang lứa với mình cũng khối kẻ đã gác súng như mình, Bò mới tạm nguôi ngoai. Bia rượu, công việc quá tải, khói bụi, tiếng ồn, vệ sinh thực phẩm...Những nguyên nhân quý quái nào đấy đã làm hại những tên đàn ông như Bò, chứ chắc không phải do đàn bà.

Bởi lẽ đời sống càng bất ổn thì đàn bà càng đẹp lên một cách đáng ngại.

Trở lại chuyện trên đường lên chùa với bàn tay nàng nằm gọn trong bàn tay Bò, ngoan ngoãn, mềm mại và...mát lạnh.. Buông tay nàng ra, khi cả hai đã xuống tới rặng mù u. Bò vụng trộm hít một hơi đầy hai buồng phổi thứ không khí có mùi hương toả ra từ người nàng. Đến gốc si, Bò đòi...tổng tiền nàng về tận nhà. Nhưng nàng khéo léo từ chối, đi tắt theo con đường mòn xuống núi. Bò cũng vội vã đi nốt đoạn đường còn lại và...về nhà.

Về đến nhà, chui vào nhà tắm Bò xem xét kiểm tra thật kỹ lưỡng. Cả đêm ấy trần trọc mắt ngủ, thỉnh thoảng lại lén thò tay vào trong quần. Mỗi lần như

vậy lại bồi hồi ngạc nhiên đến ngẩn cả người vì có đủ...muời một ngón. Thế là thế quái nào nhỉ? Cái thằng bé lâu nay vàng vọt, mềm nhũn như theo đất sét, nay mới cầm tay nàng đã hồng hào phồng phao quá đỗi. Giờ này trong bóng tối nó nằm im, nhưng hề động tay vào là nó cựa quậy chực đòi ngóc đầu dậy. Tiên sư bố mày! Bò làm bầm máng yêu. Mày gắn bó với ông, là một phần đời của cơ thể ông mà đột nhiên mày trở mặt như người lạ. Chẳng còn âu yếm nhờ vả chia sẻ gì với nhau sát cả. Tưởng vĩnh viễn đường ai nấy đi, nào ngờ mày quay lại khiến ông bối rối như...sur cụ trên chùa. Ông chẳng biết rồi ra ông có được sung sướng như xưa, hay lại điều đúng vì mày?

Chiều hôm sau gặp lại nhau ở chỗ góc si, Bò đã thấy nàng cơ bản gọn gàng trong bộ đồ “si-đa” còn mới, tự nguyện gia nhập đám người chạy bộ. Rồi những chiều tiếp theo...Lần nào nàng cũng đợi sẵn Bò ở chỗ đó. Bò ngấm ngấm hãnh diện khi sóng đôi với nàng trên đường. Nàng đẹp, hiền nhiên! Nàng lại còn quá trẻ. Thế hệ 18X, như ngôn từ thời thượng thường dùng bây giờ. Mọi người như ghen tị với Bò, không thèm để ý đến nàng. Thịnh thoảng mới có một cặp mắt ơ hờ lướt qua như không...nhìn thấy nàng. Ngay cả mấy người quen khi gặp cũng chỉ nhìn Bò gật đầu chào mừng, làm như mù nên chẳng...thấy nàng. Của đáng tội, cũng có những lúc Bò chạnh nghĩ đến sự chênh lệch tuổi tác giữa hai người. Nhưng rồi về quyền rũ tự nhiên của nàng lại

cuốn hút Bò đi. Và Bò cứ để mặc cho mây bay gió cuốn.

Thất bại ê chề trong những lần ăn nằm với đàn bà trước đó vẫn còn ám ảnh Bò. Bò muốn rà soát lại mình cho chắc ăn... Máy lần sau, chỉ cần hai người ở gần nhau, được sát miết chặt vào ngực mình đôi vai gầy của nàng, được ngửi thấy mùi hương trên người nàng, Bò đã biến thành chàng trai tuổi dậy thì với lần đầu đầy hưng phấn. Bò kinh ngạc, sung sướng, ngất lịm khi bụng dưới thót lại trong cảm giác dịu dàng khôn tả. Sau đó từng đợt nước sữa phun trào trong quần, đầm nóng như phún thạch, loang ra từ từ như chan tương đồ mè ấy.

Bò trẻ lại, khoẻ ra hẳn rồi. Tình yêu còn làm Bò động thái thay đổi cả tâm tính. Bình thường cau có khó gần, khi tưởng chừng đã bị thất bại hoàn toàn trong chuyện chăn gối với đàn bà, Bò trở nên trầm uất, lẳng lặng cắt đứt nhiều mối liên hệ. Bây giờ Bò lờ mờ tin cái điều mà thiên hạ rỉ tai nhau, ấy là thằng đàn ông già khú đế sẽ thay máu ra sao khi được ngủ với những con gái trẻ. Bò chưa được ngủ với nàng, nhưng Bò đã có thể cười với tất cả. Chính xác là ở cơ quan, Bò cười với cả cái chặn giấy trên bàn làm việc. Trong các cuộc họp hành kéo dài vô tội vạ, khi những quan chức đang sùi bọt mép thao thao trên diễn đàn. Bò đờ đẫn ngồi dưới, tuyệt đối không giờ báo ra xem hay nhí nhốay nhắn tin bằng điện thoại di động. Riêng thói quen xem phim truyền hình ở nhà thì Bò đành bỏ. Không phải vì phim ta có nhiều

câu đối thoại không người được! Mà vì trong phim rất hay có những cảnh ông chồng bắt lức, bà vợ cảnh báo ông chồng: Xèo mẹ nó đi quảng cho chó đớp!.

Để trải nghiệm đạt chỉ tiêu trước khi thao tác với nòng, lần này Bò không chọn đối tác là “phò” nữa, mà là một đồng nghiệp cùng cơ quan. Mụ làm ở phòng tài vụ, chân dài, da trắng lôm lốp. Mụ có chồng bị mắc bệnh tiểu đường nên phải kiêng khem. Bò đang muốn thử sức với một mụ đàn bà đối tình vâm vạp. Đầu chỉ vài cái liếc mắt, đụng chạm vớ vẫn ở cầu thang là đã lên khung xong cái hẹn. Đến giờ ăn trưa, cả hai phóng xe đến nhà nghỉ mát ở ven đô. Bò xộc vào trước. Vừa nhận chìa khoá phòng, quay ra đã thấy mụ ù té chạy. Bò vội đuổi theo. Sao lại chạy?, Bò hỏi. “Vào đúng chỗ người quen!”, mụ hồn hên. Bò bật cười. Đến khổ cho cái thành phố này, đi đâu cũng không thoát người quen. “Giờ đi đâu?”, Bò hỏi tiếp. Đáp: “Về nhà”. Bò cười hoét, và thống khoái khi thấy mụ cắm đầu cắm cổ phóng xe chạy. Bò rồ ga bám theo.

Ngôi nhà mụ nằm trong con ngõ cụt. Giờ này chồng đi làm, con đi học, mụ chẳng sợ gì vài ánh mắt vu vơ của hàng xóm. Mụ mở cổng, đẩy xe vào sân. Vào nhà, không kịp nói một câu, mụ vật nghiêng Bò ra chiếc đi văng ở phòng khách. Sau cái bú mồm muốn tắt thở, đứng nghĩa là một cú ngoạm lưỡi không muốn nhả. Cả hai dần dần hồi tỉnh lại, đứng lên điu nhau vào phòng trong. Dài như một con khô mực nướng! Bò trố mắt, thâm kêu trong đầu khi mụ

vừa kéo tuột cái quần “xịn” xuống. Đến lượt mục cũng kinh ngạc chẳng kém. Bàn tay túm chặt thắt lưng của Bồ từ từ nói ra. Vẻ dũng mãnh của nó vượt xa trí tưởng tượng phong phú nhất của mục đàn bà có chồng có bệnh kinh niên tiểu đường. Nhưng đúng lúc mục quấy quấy chân đá văng chiếc quần lót xuống gầm giường thì Bồ vùng dậy, để mặc mục đàn bà đứng tênh hênh với cơn phong tình... Bồ trần truồng chạy ra đường, như Archimedes la toáng lên: “Eureka...Eureka...”, mặc dù chẳng hiểu tại sao ông này cũng trần truồng chạy ra đường như mình. Và Eureka...là khi gì.

Bồ không đi tới cùng cuộc trải nghiệm nữa, chùng đó hệ quả đủ tin chắc đã đạt chỉ tiêu. Thậm chí giờ đây còn hài lòng về sự dừng lại đúng lúc của mình. Bồ di tản chiến thuật với mục đồng nghiệp trên chính chiến trường của vợ chồng mục. Súng đạn đã lên nòng, Bồ muốn để dành đạn, để đánh một trận sống mái cho người tình trên núi với trọn vẹn kho tiếp liệu vũ khí của đàn ông mà Bồ vừa được tái bổ sung. Mọi sự cố là nhờ có được là ở...nàng. Nhưng đúng vào buổi chiều dự định thực hiện cái nghi lễ thiêng liêng đó. Sau buổi họp với quan chức ở cơ quan có cú điện thoại cầm tay...cầm chân Bồ lại. Số là vừa khi Bồ phát hiện miếng thịt dư thừa của Bồ đang ngọ nguậy, mặc dù có teo tóp đi ít nhiều như tóp mỡ rán, thì cũng vừa lúc ả phò kê Bồ. Người phát hiện cái tình thế khôn nạn ở Bồ chính là ả,

người sẽ cùng Bò xung trận trong một trận từ chết đến bị thương lần thứ hai này. Bò muốn mình chứng rõ ra khả năng xung kích của mình, hay kích thích của ả chưa đi đến đâu, chưa thấy quan tài chưa đổ lệ đầy thôi.

Đó là buổi tối thứ sáu, với nỗi bức xúc sau lần chung đụng hụt hẫng, ả quyết tâm kiểm tra. ả triển khai những nghi ngờ của mình bằng hiện thực,...thực hiện qua việc đo đạc. Làm như nghịch ngợm, ả chiêu đãi Bò bằng cách dùng sợi thước dây để xác định kích thước cái nòng súng của Bò. ả phục vụ đo cả chiều dài lẫn chu vi và hẳn nhiên ả đã có tư liệu cần thiết để minh chứng. Khi ả đo đạc, trong cơn kích ngất muốn chết...Bò bảo:

- Em luôn luôn là cái chết ngọt ngào.
- Em chỉ là con...phò.
- Em là con người, hơn cả...con phò.

ả rập lại trò chơi...cái chết ngọt ngào bằng cách dùng những ngón tay quyết liệt rê vuốt miếng thịt dư thừa. Với lối đo đạc tỉ mỉ, tàn nhẫn rất đời nghề nghiệp in hệt như thợ may thao tác nghề nghiệp. Nhưng ả rất đời ngạc nhiên nhận ra miếng thịt dư thừa của Bò đã sợ quá nên co rúm lại hay sao ấy. Phân vân, ả đo lại lần nữa và kết quả vẫn không có cự ly cách biệt là mấy. Chẳng hay biết gì về cái nổi kinh hoàng như *Đại lộ kinh hoàng*, đó là cách nói của tên nhà báo ngụ Lê Thiệp sau này đi vào sử sách. Trong nỗi mê mê...kinh dị, kinh khiếp...Bò rên rì:

- Đừng đụng nó nhiều quá, không lại nằm mơ.
- Ác mộng. Á bảo.
- Nó là thiên đường của em.
- Nó là...bò điên.
- Bò điên! Nỡm ọ, chỉ có bịa?

Ả nhòm dậy, nhìn cái kim đồng hồ của Bò chỉ 6 giờ 30... Và ả vẽ chuyện như thật:

“...Có một nữ phóng viên tiên tiến nọ về vùng quê đi tìm hiểu bệnh bò điên. Cô tìm đến một ông bác sĩ thú y đang chữa trị căn bệnh của giống bò này. Cô lượng sượng hỏi:

- Thưa bác sĩ, nguyên nhân nào gây ra bệnh bò điên.

Ông thú y già tai quái hỏi ngược lại:

- Trước khi trả lời, tôi hỏi cô là cô có biết gì nhiều về bò không đã.

Cô phóng viên lắc đầu. Ông nheo mắt nhìn cô:

- Cô có biết bò đực mỗi năm chỉ được “nhảy” bò cái một lần không? Cô có biết mỗi ngày người ta vắt sữa bò hai lần không?

Ông dơ bàn tay ra hiệu bốp, bốp. Miệng chảy nước bọt và thần nhiên tiếp:

- Giả sử cô là con bò cái đi. Mỗi ngày tôi sờ “ti” cô hai lần. Vậy mà một năm tôi chỉ “nhảy” cô có một lần thôi thì cô nghĩ sao đây?

Ông bác sĩ già lắc đầu, ngán ngẩm:

- Vậy thì cô có...điên lên như...con bò không?...”

Nghe thủng xong, Bò lằm lằm: Bó mày! Đúng là ngu như bò! Và nghĩ đến thân phận mình, ít ra con bò cũng có một lần trong một năm. Qua vệt sáng vô tư từ cái đèn ngủ, Bò nằm im ngẫm ngùi vắn vơ. Những tiếng động của thành phố nửa khuya xa vắng dấy lên âm ỉ mù lòa trong căn gác âm u xa vắng. Xa vắng hơn nữa là tiếng nhạc Vàng vắng vắng bên kia nhà hàng xóm chỗ sang: *Thằng bé cô đơn âm thầm đi vào ngõ nhỏ...* Bất giác Bò lầu nhàu: Cấm tiệt nhạc Vàng là đúng chỉ tiêu nhà nước quá rồi chứ còn chớ gì nữa!

Đột biến Bò đưa tay sờ lên đầu lờm chờm những sợi tóc ngắn ngắn. Mới bõm đầu lại gặp phó cạo vụng tay nên tóc như lông nhím. Như để bảm víu, Bò nhớ lại chuyện con nhím cái gặp cái bàn chải đánh giầy và chồm tới phủ lên cái bàn chải một cách điên cuồng. Chúng ôm lấy nhau thao thiết ngỡ không có gì có thể tách chúng ra khỏi nhau giữa tình yêu và tình dục. Lát sau con nhím cái tên tò và bẽn lẽn nhìn cái bàn chải: *Ai chẳng có những lúc nhàn lãn!* Nên Bò hy vọng ả phò cũng nhàm lãn như...con nhím cái. Lát sau đấy, Bò ngượng ngịu nói: “Tệ quá!”

Ả hỏi:

- Có thấy gì khác lạ không?
- Thấy gì?
- Nó teo!

Thế là cách đến già không dám hỏi nữa. Thêm nữa, không phải từ chết đến bị thương như danh

ngôn của tụi Ngụy mà là...chết nửa đời người. Bò rúc đầu vào ả như một đứa bé và rầm rức khóc như trẻ con. Trong một không gian ngột chạt, kích thước mọi vật dường như trương nở hơn bình thường. Mọi vật. Trừ cái miếng thịt dư thừa thì trở nên choắt lại. Bò đang chán như con gián thì bật ra câu Thánh thán: “Chính mày, miếng thịt dư thừa là...con gián”. Nó tiết ra mùi tanh tươi của loài gián bị giẫm đạp đến phèo ruột. Đúng vậy, mày là một con gián. Một con gián đực bò ngang mặt bằng của đời sống Bò. Đúng rồi, cái miếng thịt dư thừa là một con gián có râu ngo ngoe bò quanh đời sống tìm dấu một con gián cái. Đang quá đọa đến đây, Bò to hó ra con gián đực bị giẫm phèo ruột, vậy mà vẫn lết tìm con gián cái để làm tình lặn cuối như niệm khúc cuối. Thế là Bò bật dậy như chạm phải lửa A tỳ. Liền đó, Bò bắt ả minh chứng điều ả nói. Bò giục ả đo đạc. Dù nỗ lực kiên trì bằng các ngón nghề của người đàn bà giàu kinh nghiệm giường chiếu và được Bò tích cực hỗ trợ trong tương tượng hoang vu.

Ả vẫn không thể làm thay đổi trạng thái thu giãn...nhũn nhặn của Bò.

Trở về nhà, Bò động viên tinh thần bằng những viện dẫn khoa học: Theo thời gian, mọi sự sẽ trở lại bình thường. Những ngày tiếp theo, Bò dành toàn bộ thời gian công tác cho việc theo dõi tình trạng eo sèo của miếng thịt dư thừa. Ngay cả những lúc bận rộn công việc, lúc tiệc tùng, khi hội họp, Bò cũng tranh

thủ lẫn ra một nơi nào đó, thường là chuồng xí. Bò phơi bày nó ra và xem xét rất tỉ mỉ, được mấy nả, vẫn y xì như vậy. Nhưng Bò vẫn còn nổi hy vọng qua gã bác sĩ quen ở bệnh viện Liên Xô. Gã bác sĩ nói:

- Do thay đổi nội tiết tố nhưng không chắc lắm.

Bò ngập ngừng hỏi.

- Nghĩa là thế nào?

- Chứng bất lực thì tạm có thể lý giải.

- Cậu đồ thừa cho rượu, thuốc lá và đàn bà chứ chó gì?

- Không, đam mê quyền lực...

- Cậu bố láo gì đây?

- Đam mê quyền lực làm cho đàn ông bất lực.

- Cậu chỉ có bịa! Bệnh chó gì bệnh bất lực?

- Quyền lực dẫn đến bất lực! Đó là sự thật.

Thế là Bò bắt tay vào việc chữa trị bệnh bất lực cho miếng thịt dư thừa... Kể từ ngày gặp gã bác sĩ Liên Xô, sách vở, báo chí, mẫu quảng cáo đầy ắp trong phòng Bò. Và Bò đã dùng Via-gra, tiết chim se sẻ, ba ba, nhân sâm, sừng tê giác, long diên hương... Ngay cả rượu thuốc chữa bệng bất lực của vua Trần Dụ Tông từ “ngũ xà nhất điều tới” cứu xà nhất điều”. Hết toa thuốc Minh Mạng 1 với “nhất dạ lục giao, tam hữu dụng” mà Bò hiểu lơ mơ là *một đêm giao hợp 6 lần thì có 3 con*. Rồi đến toa thuốc Minh Mạng 2 với “nhất dạ lục giao, sinh ngũ tử” tức *một đêm quan hệ 6 lần thì sinh 5 con trai*. Qua rượu rắn, rượu thuốc Minh Mạng này nọ Bò

trộm nghĩ hay là tại rượu cũng nên chứ chả phải quyền lực. Và chuyện là:

“...Báo Journal Science vừa công bố kết quả một cuộc nghiên cứu với hàng chục con ruồi. Họ bắt *một con ruồi cái vừa mới làm tình xong*, bỏ vào lọ thủy tinh. Sau đó họ bắt một con ruồi đực bỏ chung vào với con ruồi cái. Con ruồi đực muốn nhảy đực nhưng con ruồi cái, vì vừa mới làm tình xong, mệt mỏi nên không muốn giao hoan nữa.

1 – Tiếp đến, họ cho con ruồi đực vào một cái lọ riêng, cho nó được lựa chọn hai thứ thức ăn, một là thức ăn thường, và hai là thức ăn có tẩm rượu thì con ruồi đực (bị con ruồi cái không cho làm tình) lúc nào cũng *chọn thức ăn có rượu*. Nhiều con “nhậu” cho đến xin luôn.

2 – Sau đây, họ cho con ruồi đực vào lọ có con ruồi cái vui lòng làm tình. Sau khi giao hợp, con ruồi đực này chọn *thức ăn không rượu* thay vì có rượu.

3 - Họ làm thêm thử nghiệm bỏ con ruồi đực vào chung lọ với con ruồi cái đã chết. Không được làm tình, con ruồi đực này chọn thức ăn *có tẩm rượu* thay vì thức ăn thường.

Nghiên cứu thêm nữa, họ khám phá trong óc của con ruồi đực có một chất gọi là NPF. Họ suy luận là khi làm tình, con ruồi đực thoải mái, làm kích động và tăng trưởng chất NPF nên làm nó cảm thấy sung sướng. Ngược lại, nếu nó không được làm tình thì bị thiếu chất NPF nên nó phải tìm thứ tiêu sấu khác như uống rượu để kích động chất NPF trong não bộ.

Giáo sư Ulrike Heberlein, đại học University of California, San Francisco, người hướng dẫn cuộc nghiên cứu, tuyên bố là phản ứng của đàn ông cũng không khác gì những con ruồi đực:

Nếu bị đàn bà không cho làm tình, đàn ông sẽ giải sầu trong ly rượu...”

Đọc xong bài nghiên cứu này, bây giờ Bò mới hiểu tại sao đàn ông Việt Nam mình thích...nhậu. Từ đó Bò không bao giờ uống rượu nữa, nhất là...rượu rắn. Nhưng cuối cùng, kết quả vẫn tồi tệ: Mẹ bố nó! Bò than. Cùng lúc, cơ thể Bò bắt đầu biến đổi. Giọng Bò không còn sang sảng, vang động, đầy quyền lực mà trở nên dịu dàng và đường nét cơ thể bắt đầu mềm mại, uyển chuyển. Đám nhân viên bắt đầu bàn tán sau lưng Bò. Mụ làm ở phòng tài vụ xóng xả: “Sếp giành mất cái phần trời cho của bọn em rồi, thưa sếp...”.

Buồn như con chuồn chuồn, Bò đành rút điện thoại báo tin cho nàng biết Bò không đi núi được. Máy di động của nàng không đổ chuông. Bò gọi máy để bàn ở nhà. Giọng đàn ông ráo hoảnh: Ai đó?. Có lẽ là chồng nàng. Bò cúp máy cấp kỳ. Sáng hôm sau gọi nữa, lần này giọng đàn bà nghe rất quen thuộc: “Thưa...Lãnh bác. Tôi nghe đây”. Tá hỏa tam tinh, Bò cúp máy không thương tiếc. Thêm nữa, được thể bụng dạ chao đảo tới...”bác”, tới câu nói gã bác sĩ với...quyền lực dẫn đến bất lực. Rồi nhủ thầm gã bác sĩ này láo khoét, vì mục ấy “bác” khoẻ

như vâm. Và Bò đúc kết rằng gã bác vật, bác sĩ này học đến lớp ba là hết đất. lát sau, Bò gọi lại và lắng nghe động tĩnh, vẫn thanh cảnh: “Thưa...Lăng bác. Tôi nghe đây”. Bò thử gọi thêm lần nữa, đầu dây bên kia vẫn giọng người Hà Nội hôm nay: “Gọi đéo gì “nắm” thế...”

Chiều đến, Bò thay quần áo thể thao cực xịn đi núi. Nàng vẫn đợi Bò ở gốc si như không hề có chuyện gì xảy ra. Hai người dẫn nhau lên chỗ tình tự quen thuộc. Nơi ấy khuất sau một tảng đá lớn. Nhe nhàng đẩy nàng tựa lưng vào tảng đá, không nói một lời, Bò âu yếm kéo áo của nàng lên. Nàng nhắm mắt lại, gương mặt xanh xao vì cảm xúc cực kỳ. Cái vết hằn trên cổ nàng rõ lạ...Nó nổi cộm như con đĩa trâu. Khi những ngón tay Bò bắt đầu mê mụ, cuống quýt bỏ phần trên để lần xuống dưới. Vậy mà phần dưới của Bò vẫn...im như con chim. Đột nhiên nàng rùng mình rồi cắn mạnh vào vai Bò. “Ái đau”...Bò kêu toáng lên và lẳng lặng rời khỏi nàng. Không hé răng chuyện nhè lăng bác mà điện thoại. Cố giữ vẻ ngoài bình thường như mọi lần. Kiên nhẫn đợi đến lúc sẩm tối mới về. Trên đường về, Bò khó chịu những ánh mắt dừng dừng của người đi đường. Với cái nhìn lạ lẫm của những người chạy bộ. Có thật người ta cố tình làm ra vẻ không nhìn thấy nàng? Bò cười lặng lẽ. Nổi hồ nghi ngấm ngấm xúi giục Bò...

Qua khỏi cái miêu hoang một đoạn ngắn, Bò quay lộn ngược lại. Bò định bụng theo nàng về tận

nhà. Nhưng vừa tới gốc cây si, Bò thoáng thấy bóng nàng. Bò mở căng mắt trong bóng tối nhập nhằng, tìm đập mạnh vì cứ ngỡ nàng cũng rình theo Bò... về nhà.

Bỗng nàng: Phụt!

Biến mất sau cái miếu hoang. Giống i xỳ cái thằng chạy ào qua giật cái giây chuyền vậy.

Một trận ốm linh đình quật Bò cái đùng, nằm bẹp dí trên giường cả mấy tháng. Khi Bò nhúc nhắc đi bộ lại được để trở lại chốn cũ thì quang cảnh trên núi đã có nhiều thay đổi. Trên đỉnh núi nay mai sẽ mở sòng bạc, xây nhà hàng, khách sạn năm sao. Du khách khắp nơi ùn ùn kéo đến. Tiền sẽ vung ra nhiều như lá mít, tha hồ mà nhặt... Cây si già bị đốn hạ. Máy ủi san phẳng cái miếu cổ phía sau rặng cây. Chỗ hẹn hò đợi chờ quen thuộc bị xoá sạch dấu vết chỉ còn lại dĩ vãng đong đưa, khiến lòng Bò thất lại.

Mò mẫm lên chùa Bạch Vân để hỏi thăm cảnh xưa người cũ, thoáng nhìn sư cụ trạc tuổi Bò. Bò nhớ như gặp ở đâu đó thời kỳ đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào. Bò nhớ khi sư mặc áo vàng áo nâu, tay bưng bình bát nhưng lại đội nón cối với ngôi sao đỏ thì phải, nhưng mặt mũi nay dòm nhập nhoạng nên không chắc ăn lắm. Tuy nhiên Bò vẫn cúi đầu:

- Bạch sư... cụ.

Sư trụ trì ở ngôi chùa nổi tiếng ấy ngồi bên bộ bàn ghế đá kê trước cửa chùa ngược nhìn Bò, cặp

lông mày chỗi sể che bớt đi cái nhìn tinh quái. Trên mặt bàn giản đơn là một lon bò húc đang uống dở, chiếc ống hút còn cắm trong lon. Hình như sư vừa đi đâu về. Sư bỗ bã:

- Hỏi gì thì hỏi trước đi, rồi lễ Bụt sau!

Bồ chưa kịp mở mồm thì có tiếng con gái cất lên nheo nheo trong túi áo sư: *Ước gì cho thời gian trở lại. Ước gì ta đừng có giận hờn..* Sư thọc tay vào túi, móc ra con đi động cực kỳ hiện đại, bấm nút Ok rồi quát sang sáng vào máy:

- Sáng mai! Sáng mai! 7 giờ! Điếc à? 7 giờ đưa xe lên đón cụ, con nhòng này!

Bồ tọt con đi động vào túi, sư quay sang Bồ:

- Con yêu nữ thỉnh thoảng vẫn lảng vảng lên chùa!

Bồ chưa kịp hiểu con yêu nữ là con nào. Hay là con nhòng trong túi mà sư vừa quát tháo qua điện thoại...thì sư dừng đình:

- Con yêu ở góc si ấy! Nó có cái vết lằn ở cổ, đúng không?

Bồ ngọng trông thấy, ngọng như chó hóc xương.

- Nó bảo anh là nó bị giật dây chuyền phải không? Chỉ có anh thấy nó chứ ma nào thấy nó mà giật của nó?

Sư nhanh mồm ra cười đánh khi một cái, rũ tay áo đứng dậy. Bồ lão đảo đi theo như bị đồng nhập. Trước bàn thờ Phật, Bồ thấp một nén nhang. Chuông chùa bắt thần giống lên. Tiếng chuông vang rền như tiếng cồng. Từng tiếng chuông dội thẳng

vào tâm trí đang rối bời của Bò, lay động, lao chao. Bò chỉ dần dần tĩnh tâm lại khi đợt chuông tỉnh thức cuối cùng tan chìm vào thính không. Bò rút ví, lấy ra một sấp tiền đặt lên đĩa.

- Thôi, chỉ bày vẽ! Đưa đây, đưa đây! Ngu thì ngu vừa thôi còn để người khác ngu với chứ.

Sư tiến sát đến bên Bò từ lúc nào, vừa banh miệng túi áo, vừa lấy tay kia chỉ vào túi áo:

- Giời ạ! Cứ bòn được đồng nào hay đồng ấy. Nhôm nhoam thế này thì sống thế chó nào được! Chắc phải rời chùa đi nơi khác cũng chả biết chừng.

Chợt sực nhớ ra nhẽ gì, sư vỗ vỗ tay lên cái đầu trọc:

- Ấy đây! Cái con bé ấy còn trẻ lắm. Đang làm ở lãng bác thì leo lên núi tự tử. Treo cổ lên cành si. Vì vậy cổ có vết hằn của giây thùng như bị răng cắn là thế. Hồi ấy đường lên núi còn vắng lắm. Toàn bọn xì ke rủ nhau lên chích choác. Ông chích cắm đầy thân cây. Đêm ấy chúng nó còn cắm nhâm cả vào chân con bé. Hai ống chân buông thõng chi chút vết ống chích!

Cầm lon bia bò húc lắc lắc và lắc đầu:

- Hỏi vì sao lại chết à? Đền bố mẹ nó còn chả biết nữa là. Bọn trẻ bây giờ thì chịu. Không hiểu nổi. Khi thật! Chịu không hiểu nổi. Đùa với cái chết. Chết rồi vẫn...đùa dai. Khi thế đấy. Thôi quên đi, quên đi. Cầm lấy cái này mà phòng thân.

Sư đeo vào cổ Bò một đạo bùa được hàn kín trong túi ni lông. Nói là phải luôn mang theo người,

cho nó khỏi quấy nhiễu...Sư tiền Bồ ra sân, ve ve mắt, miệng hóng hớt theo:

- Chết rồi vẫn...đùa dai. Mà nó cắn anh có đau không? Bồ khi!

Bồ chào sư đi về, bụng dạ râm ran vì có đối tác viết truyện một mảnh đời của mình với tựa đề *Bồ Tùng Linh Tân Biên Liệt Truyện*. Phần kết luận cũng đã mạnh nha trong đầu như phần dẫn nhập ở trên đã giải lý: “*Kết*” mà chỉ đơn giản là “*kết thúc*” thì quá thường. “*kết*” làm sao để thấy “*mở*” ra một cái gì đó...

Bồ nhủ thầm sư hâm hấp như vậy sao hiểu được tình yêu thần thánh của Bồ với nàng. Thế nên vừa bước gần tới cửa, ngay dưới quyền lịch treo tường có cái giỏ rác, Bồ tháo cái bùa ra ném tọt vào giỏ cho xong chuyện. Nghĩ là hết chuyện, bỗng có tiếng của nàng như vô ngôn: “*Đời sống như quyền lịch treo tường. Như mỗi người trong nhân gian có một số trang hạn định. Từng ngày qua, sự sống rơi rớt dần từ thân thể. Ngẫm chuyện nhân sinh thì thời gian âm thầm bóc thân thể của tha nhân đi từng trang một như người ta bóc vỏ một củ hành...*”.

Bất chợt Bồ sờ lên vết cắn của nàng trên vai mình sâu hoắm, vuốt ve nhẹ nhàng, như thể ấy là vết thương...thương tâm đầy dấu ấn để một nhớ hai thương. Rồi Bồ nhòm xuống phía dưới có miếng thịt dư thừa thắm chừng, nhưng vì cái bụng bấy lâu này

cứ bia bọt với bia hơi...hơi to vật vã nên có thấy quái gì đâu!

Hồn ma nát thần tính, Bò quơ tay ra đằng sau và sờ thấy...một cái đuôi. Sợ đến phát khiếp, Bò chỉ mong nó ngắn cũn như cái đuôi lợn thì còn nhún nhún được!

Nhưng nếu là đuôi khi, đuôi vượn thì...

Thì chợt Bò khóc rống lên. Bò khóc to ùng ùng đến độ một tờ lịch thất kinh rơi xuống như...vỏ củ hành. Căng mắt nhòm kỹ...

Bò chẳng hiểu tại sao tờ lịch lại là ngày....

Chắc bạn đã đoán ra tờ lịch ngày nào rồi thì phải?

Chịu bạn: *Bạn đã đoán đúng rồi đấy, thưa bạn đọc.*

Thạch trúc gia trang
Lập hạ, Tân Mão 2011

Nguồn: Bài viết vay mượn từ những truyện cực ngắn trên mạng lưới Tiền Vệ như: Nguyễn Phan Thịnh, Hoàng Long, Nguyễn Thị Thu Hiền, Trần Văn Ban, Vũ Ánh, Nguyễn Tài Ngọc.

Phi Lạc đi...Tây

Nhè chuyện ăn uống với củ ỉa, lão chạm phải...“ngồi nổ” kho đạn Gò Vấp.

Ngồi trước mặt lão có một anh già vung vít chuyện vượt biển lạc vào đảo Hoàng Sa, anh già tranh luận chủ quyền biển đông với tướng Võ Nguyên Giáp có mặt tại đây. Tướng Giáp chịu “thua” phải để anh già vượt biển tiếp và trả lại ba thẻ vàng đóng dấu nổi hiệu Kim Thành.

Nói cho ngay, chuyện bịa cứ như thật của anh già trong quán nhậu trên nhiều như tử lạnh chạy đầy đường. Thế nhưng ngẫm chuyện nhân sinh với đất sinh cỏ già sinh tật, cái tật một tác tận giờ của mấy anh già với càng già càng nói dài, nói dai, nói đại. Bởi chớ đại từng mùa, người đại quanh năm nên nhãn kiến vi thật tức *nhìn thấy mới cho là thật*, thật

tình lão đang hong hanh đi tìm một hậu thân của trạng Quỳnh ”nói như trạng”. Hay một chuyện nào đó “cứ như đùa” để lão đưa vào làng văn xóm chữ. Nếu vậy lão phải về thăm quê nhà một chuyến, vì nước Việt ta có tới gần một trăm triệu dân, là đất địa linh nhận kiệt với tiên rừng bạc biển. Thêm nữa, lúc này người Việt ở trong nước rất tự hào, hãnh diện vì được cả thế giới biết đến qua chuyện *Phi hành gia đầu tiên trên thế giới bay lên mặt trăng và hiện còn ở đó là...chú Cuội*. Chuyện này cụ Nguyễn Khuyến đã có câu thơ: *Đầu đường ngang có một chỗ lợi, có miếu ông Cuội cao vòi vọi - Cho nên làng ấy sinh ra người, sinh ra rất những thằng nói dối*.

Ha! Quá đã! Thế là lão leo lên lưng cá chép bay về Sài Gòn đúng ngày ông Táo về trời.

Về Sài Gòn, nhớ đến miếu ông Cuội cao vòi vọi, lão ghé miếu cụ Lê Văn Duyệt có hai con voi châu hai bên mộ chí. Lão “liên hệ” được ông thầy bói mù sờ voi xoi xói chỉ qua bên kia Cầu Bông. Bèn qua cầu trong một ngày sáng nắng chiều mưa, lão lão ngáo đi tìm hậu thân cụ Cống Quỳnh là nhà bác vật thâm niên cổ đại đang co cò đâu đây. Cuối cùng lão cũng mò mẫm ra “thảo luận” và bấm chuông. *Con thần lần chọn nghiệp* thò đầu ra tặc lưỡi một cái tách cho hay nhà bác vật đang ngồi ở quán Hiền Khánh cạnh rạp Đa Kao. Bèn ra quán chè ới “cái nôi ngồi trên cái cốc”. Ngó dáo dác chả thấy ai có dáng thông kim bác cổ sất! Lão nhấp một ngụm và nhả mặt vì cà phê đắng ngắt, hốt nhiên có ông khách chỗ mồm

qua hóng hót đó là “cà phê đều”. Khách kéo ghé sang ngồi nói ấy là...cà phê giả. Tiếp đến, khách tự xưng danh tính là “Phi Lạc”, con nuôi nhà bác vật. Thế là lão đan lồng nhốt kiên với khách rằng đang đi tìm một kỳ nhân nói phét thành thần thuộc dạng nhất Bắc kỳ nhì Đông Dương. Hay kỳ tích của ai đây mà ít người biết đến. Khách lực đực rằng kỳ nhân này đang nằm ấp ở Hàm Tân. Còn kỳ tích như...” huyền sử, huyền thoại” là đang tào lao thiên tôn với Lê Đức Thọ để đưa Phạm Hùng hay Võ Văn Kiệt làm Quang Trung chống Tàu. Kỳ nhân dị sĩ này đây sẽ là Ngô Thời Nhiệm giúp ông Kiệt hoặc ông Hùng trong cơ nghiệp tạo cơ đồ chống Hà Nội xâm lược miền Nam.

Bỗng dung không đâu khách lậu bậu “khôn ngoan quỷ quyệt chết lao chết tù, lủ khủ lủ khủ chết già chết rồi”. Hơ! Hay là khách nói lão!/? Thế nên lão trộm vía khách chứ...chứ khách “mặt tái mét nói phét thành thần” là cái chắc. Thế nhưng “nổ” bậy theo các cụ nho ta xưa phải có căn với *nhị sự bất tri*: Một là phải bản lai diện mục người nghe là ai. Lớ ngớ đụng phải kho đạn Gò Vấp khác văng miếng tứ tung, từ chết đến bị thương là cái căng. Ấy là *xử bất tri kỳ nhân*. Hai là nói những gì mình biết chứ đừng nói những “cóc nhái” mình cóc biết gì ráo! Lạng quạng có ngày không có đất mà chôn với bất kiến quan tài bất hạ lệ là *chưa thấy quan tài chưa đổ lệ*. Đó là *tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri*. Chả là lão ăn đong ăn vay tác giả Huỳnh Văn Phú nên mới lân la với “ngồi nổ” và...“nổ”. Ông nhà văn luận rằng phe

ta nổ vì để ở gần kho đạn Long Bình, kho đạn Cát Lái. Hay vì bẩm sinh, tạm hiểu là mới...phọt ra là đã nổ như lựu đạn rồi. Khí thế đấy!

Bởi những lý sự trên, lão trộm chia nổ bậy làm hai thể loại: Một là hay bốc cái tôi của mình. Hai là khoa trương kiến thức. Lụi đụi theo Freud thì những người hay bốc phét đều có tật hay quên. Vì vậy họ hay kể lại chuyện cũ, với những chi tiết hơi ơ khác nhau nghe muốn khùng luôn. Họ bốc vì tự ty. Họ bốc cái tôi của mình như gà ấp bóng, vì dưới bụng gà có quả trứng quái nào đâu. Họ nấp bóng nên chỉ thích quảng giao với người có danh vị như nhà thơ, nhà văn, chứ họ không khoái....nhà quàn, nhà xác. Thể loại hai: Họ bốc vì tự tôn. Họ tự cho mình là người biết hết, và thông thái như Aristote, hay Rabelais. Họ khoa trương kiến thức như ba ba ấp bóng vì ba ba đẻ trứng vùi xuống cát có biết cái trứng nở ra...con khỉ gì. Họ thường nói chuyện cao siêu, siêu thực từ Chúa, Phật đến Socrates, Nietzsche. Họ như con bò nhai lại mớ kiến thức tùm mùn, họ say sưa nói nhưng...Lạy Chúa tôi! Họ chả biết mình nói khi mồm gì cả.

Lão đang phê như con tê tê đến đây, bỗng người Phi Lạc ngoả nguê rằng chuyện huyền thoại, huyền sử như “quân su” Ngô Thời Nhiệm với Quang Trung phải ra Hà Nội gặp sử gia, sử nhân. Ngốc như con ốc cách mấy, lão vẫn hai dài một rằng người “ăn ốc nói...mò, ăn măng nói ...mọc, ăn cò nói...bay” nhưng bởi có voi, voi to, không voi bò là lớn nên lão cũng đành theo...voi ăn bã mía. Trong phiếu hốt

người ư hử: *Dù hôm nay tôi chưa nhìn Sài Gòn, dù hôm nay tôi chưa thấy Hà Nội, nhưng sao lòng tôi chưa mất niềm tin...* Vì niềm tin với nỗi niềm nào đây của ông họ Trịnh, người móc cái “điện thoại thông minh” Galaxy S6 gọi “xe con” đi Hà Nội. Bởi muốn tinh vi sờ ti con lợn, lão hỏi mắc chúng gì phải có mặt ở Thăng Long nghìn năm văn vật? Người mà rằng với sử gia, sử nhân viết huyền thoại, huyền sử để dựng sử nào khác gì lão viết...văn bia đá, chữ bia ôm để thành chuyện “phét lác” như thằng mõ làng.

Ha! Qua bia đá, bia ôm với của đi tìm người, ngẫu nhiên lão gặp người mà nhà bác vật viết trong tiểu thuyết theo tuồng lịch sử: *Phi Lạc náo Sài Gòn, Phi Lạc bôn Nga, Phi Lạc đại náo Hoa Kỳ, Phi Lạc sang Tàu*. Lại cũng dựa dẫm hơi hám ông họ Trịnh như cánh vạc bay với...”*bia đá, bia ôm, bia nào cũng vậy..., làm sao em biết bia đá không say?*”. Và cũng dựa hơi thằng Phi Lạc cùng những ngẫu sự dưới đây biết đâu lão viết thành truyện... *Phi Lạc đi Tây*.

Truyện với “Phi Lạc sang Tàu” thì Phi Lạc là một thứ Ngô Không qua những nét đặc thù là khoác lác, ranh vặt. Nó là thằng mõ làng Phù Ninh nhưng giả danh dòng dõi họ Hồ, bà con với Hồ Thơm Nguyễn Huệ. Sự phét lác, ma bùn của nó đến tai thằng mõ làng Cổ Nhuế, một thằng ma tịt, ma gà khác. Vì muốn trả thù thằng mõ Phù Ninh, thằng mõ Cổ Nhuế bán làng Phù Ninh của nó cho ông sư Tàu

Hồng Hạc, sư được sứ mệnh xuôi Nam, tìm đến "thảo lu" rước quân sư Khổng Minh về làm thánh sư, với nhiệm vụ phò Minh đuổi Thanh phục quốc. Cốt truyện là một thứ tiểu thuyết lối Tàu, mà chống Tàu. Trong đó tất cả những địa danh, tên người như Phù Ninh, Cổ Nhuế, Hồ Thơm, Hồ Thích, Phi Phúc, Phi Lạc, Hồng Hạc, và ngay như Ngô Không đều có...thật với chính-tà, thật-giả, tiêu biểu cho thánh hiền hoặc giả hiền.

Lão so đo trong Phi Lạc sang Tàu, nhà bác vật gọi thằng Phi Lạc là “nó”, là “thằng”. Dám nó...gỗ mõ cho xe mì gỗ ở đường Đinh Tiên Hoàng lắm Ạ. Mà thằng mõ làng Phù Ninh có mặt ở Đa Kao từ năm 1939, lão tuổi Thân, cũng là Ngô Không. Ấy là chưa kể lão và thằng Phi Lạc cùng họ...”Phi”. Lão chắc mẩm dám đã gặp nó đâu đó ở Lãng Ông Bà Chiêu nên là bạn vong niên, là quên tuổi tác nên lão gọi là...”nó” cho rồi,...Rồi ở tỉnh gặp ma, ở quỉ gặp quái, lão gọi nó là...”thằng” cho dễ gọi. Thằng quái này được sư Hồng Hạc tôn như một sư phụ chuyên trị "cái biết" mà chẳng cần dựa vào "sách nào, trang mấy, tờ a, tờ b, dòng mấy, đoạn nào”. Tất cả những vòng vo rất tam quốc ấy, nói lên Phi Lạc sang Tàu là một tác phẩm chống lại tất cả khuôn mẫu bào chế tư tưởng: Thằng mõ làm đảo lộn trật tự tiên chỉ, làng xã, nó được thỉnh sang Tàu, sang Mỹ, sang Nga, như một “cổ vấn”, một vị “phu tử” bằng vào sự...nói láo. Sự nói láo của thằng Phi Lạc, cũng như sự nói láo của...cụ Hành Giả, cụ đây cũng là...phu tử của lão

qua những bài viết chữ như *Gã thiên già*: Thật đấy giả đấy... Giả đấy nhưng cũng thật đấy.

Đối với nhà bác vật thâm niên cổ đại, sự thần phục người Tàu trên hơn hai ngàn năm, phát xuất trên núi từ Khổng Tử, Mạnh Tử, rồi hạ san xuống đến Mao, hậu Mao... như một sự xuống dốc không “thắng”. Theo sự leo thang xuống dốc, thằng Phi Lạc như con rối, hươ tay, hươ chân, đánh trống, khua chuông, hú hồn Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm về nhập thể, nhập vào thằng Phi Lạc, nói ra những... "minh triết" Việt. Hình thức truyện Tây du, có chia hồi như Hoàng Lê nhất thống chí, Tam Quốc chí. Cuộc Tàu du của thằng Phi Lạc giống cuộc Tây du của Ngô Không và Hồng Hạc là hiện thân của Đường Tam Tạng. Hồng Hạc vào trong một cái liều để nhập thiền. Đang phiêu phiêu thấy một đũa trẻ ngâm mấy câu thơ, sự giật mình tỉnh dậy, té ra là nó đọc *Sấm Trạng Trình*... Su bèn theo hướng sấm dẫn dắt tới một nơi khói hương nghi ngút. Hỏi ra là đền thờ Tả quân Lê Văn Duyệt. Tả quân thương tình giới thiệu sư Hồng Hạc với nhà khảo cứu nổi tiếng nhất nước Nam là Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố, chính nhờ sự bác học của cụ Tố mà sư Hồng Hạc tìm được thằng Phi Lạc đưa về Tàu làm cố vấn.

Xe con đến Hà Nội, thằng mõ nói với “lái xe” tới quán thịt chó khu Nhật Tân.

Vừa bước vào bắt gặp bà chủ quán đon đả: “Xin mời quan bác Liệu, quan bác Lê ngồi chiếu trên cho

mát mẻ”. Tịch bắt toạ rồi, gấp một miếng chả chà, nháp một ngum nếp than, thẳng mõ chỉ “quan bác Liệu” và rôm rả là sử thần *Trần Huy Liệu*, “quan bác Lê” là sử gia Phan Huy Lê. Đột biến quan bác Liệu ngoài người qua mâm thịt chó thì thảo với quan bác Lê: “Ông đọc sử ông cũng biết vì chính trị, môn sử được biên soạn theo định hướng tuyên huấn ca tụng “bác” và chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh. Năm 1942, Mao Trạch Đông phủ nhận tính người, đề cao thực dụng của sử học”. Bác phụ họa theo: "Cần phải chiến thắng bằng mọi giá kể cả đốt cháy giải Trường Sơn, nếu cần". Năm 1946, chưa kịp đốt cháy Trường Sơn, tôi “quân sự” cho bác “đốt cháy” Lê Văn Tám. Tôi bịa chuyện em bé bán đậu phộng rang Lê Văn Tám lao vào kho xăng Pháp ở Thị Nghè. Mà này ông, nếu tôi đang sống đột nhiên chuyển qua từ trần theo bác, trăm sự nhờ ông cải tạo, cải chính dùm không thì bỏ bố.

Lão căng tai ra nghe, vào lỗ tai ra lỗ miệng với nó chuyện...*quân sự* của ông sử thần họ Trần gì mà cứ như thật vậy. Nó gật gương nói chữ là nghĩa với “quân sự” là “cố vấn”. Nó gật gù nói “lái xe”...lái lên Điện Biên Phủ để gặp...thằng mõ làng Cổ Nhuế. Hơ! Cái thằng nói dơi nói chuột nghe lạ quá thể, lão vận óc nghĩ không ra.

Hoá ra ngồi trong hang Dơi nhìn xuống chiến trường xưa, nó tha ma mộ địa...

Năm 50-54, qua hồi ký của La Quý Ba (Trưởng đoàn cố vấn quân sự): Sau thất bại của quân Pháp ở Tây Bắc, Raoul Salan kế nhiệm Jean de Lattre de Tassigny bị cách chức, thay thế là tướng Henri Navarre tăng cường quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ. Bộ trí tác chiến của Vi Quốc Thanh (Đoàn trưởng đoàn cố vấn) đưa toàn bộ hỏa lực pháo binh tấn công địch ở phía đông và vùng tây bắc sân bay, không chế điểm cao, cắt đường không vận của địch. Vi Quốc Thanh ngày đêm theo dõi chiến cuộc, tin tức từ tiền tuyến về hỗn loạn, lúc nói hạ được một cứ điểm, sau vài giờ lại nói chưa hạ được. Tình hình tấn công cứ điểm A1 cũng thế, lúc nói gặp đường hầm hào của địch đang đánh bộc phá, lúc thì không thể nào đánh bộc phá được. Sau đó Võ Nguyên Giáp bị chú trọng phê bình nghiêm khắc các biểu hiện của tư tưởng tiêu cực hữu khuynh của cán bộ, đặc biệt là cán bộ có hành vi vô kỷ luật không chấp hành mệnh lệnh kiếm cơ rời bỏ nhiệm vụ, báo cáo láo tình hình, v...v...Vi Quốc Thanh rất bức tức, điện gấp về Quân uỷ Trung ương Trung Quốc, báo cáo tình hình này, Quân uỷ Trung Quốc cấp tốc điều một tiểu đoàn tăng tác chiến ở Triều Tiên có kinh nghiệm đánh đường hào, đi nhanh ra tiền tuyến Điện Biên Phủ. Họ giúp bộ đội Việt Nam đào hầm ngầm thông đến đường hào cứ điểm A1.

Lúc này Võ Nguyên Giáp sốt ruột chưa đánh hạ được A1, liền ra lệnh tấn công C1. Võ Nguyên Giáp không bàn với Vi Quốc Thanh mà tự ý quyết định điều trung đoàn 102 của đại đoàn 308 tấn công đòi

C1, kết quả bị hoả pháo địch sát thương nặng, thương vong trên 700 người. Chỉ huy “quả đoán” của Võ Nguyên Giáp không ngờ bị vấp vấp. Vi Quốc Thanh vặn hỏi, Võ Nguyên Giáp báo cáo tình hình chiến đấu vừa qua không nói khuyết điểm chỉ nói chỉ huy các cấp giỏi như thế nào. Nội dung trống rỗng, trình bày quá trình chiến đấu cũng rất sơ sài. Sự thật bộ tham mưu chiến dịch nghe lời Vi Quốc Thanh đã lên kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh”, kéo pháo “vào” để bắn thẳng xuống tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ và dùng chiến thuật “biển người” là cách đánh cổ hũu của quân đội Trung Quốc ở Triều Tiên. Quyết định thay đổi kế hoạch, Võ Nguyên Giáp đã lấy trách nhiệm của “tướng ngoài mặt trận” chuyển sang “đánh chắc, thắng chắc” và kéo pháo “ra” là quyết định cá nhân ngày 25.1.1954, là “đổi trắng thay đen” của Võ Nguyên Giáp. Các nhà sử học Trung Quốc thừa nhận lúc đó, việc liên lạc giữa Bộ chỉ huy ở Điện Biên Phủ với Bộ chính trị không dùng vô tuyến điện, mà dùng ngựa, đi về phải nhiều ngày. Đến ngày 27.1.1954, Vi Quốc Thanh mới nhận được tin tức từ Bộ chính trị, tức là 2 ngày sau khi Võ Nguyên Giáp ra lệnh đổi kế hoạch. Trước đó, đang lúc tiền phương tiến hành chuẩn bị tác chiến khẩn trương, ngày 23/11/1953 Tổng tham mưu trưởng QĐNDVN Văn Tiến Dũng cử Cục trưởng Tác chiến Hà Văn Lâu gặp cố vấn Trung Quốc bàn vấn đề...

Nghe thủng đến đây lão bèn hỏi mắc chứng gì hai thằng leo núi như kéo pháo làm khi gì vậy. Thằng mõ Phù Ninh nhàn mồm ra cười khì một cái vì Văn Tiến Dũng là...thằng mõ làng Cổ Nhuế. Sau đó thằng mõ Phù Ninh mồm miệng như tép nhảy như vậy:

“...Cứ theo bố đẻ tôi thì xưa kia làng nào cũng có truyền thống làng đó. Có làng chuyên đan mẹt, có làng chuyên đan thúng, có làng lăm ông nghề, ông công. Làng Phù Ninh bố tôi là làng văn học, có trường, có thầy, có học trò. Cạnh làng bố tôi là làng Cổ Nhuế làm nghề đồ thùng không có trường nên cả làng mù chữ. Thở thiếu thời bố tôi có ông bạn làng Cổ Nhuế đưa con sang học nhờ. Cách mạng mùa thu đến, ngờ đâu bố tôi tốt phước, có được thằng con bạn chữ nghĩa lem nhem, bỏ gánh phen làm nghề thợ may, trời ngó lại thế nào làm tới Đại tướng chiến thằng mùa xuân. Bố tôi cảm phục quá lăm nên nè gọi thằng con bạn là thằng mõ làng Cổ Nhuế, chẳng là bố tôi nhằm vào cái lúc có cút rượu với bạn và vui tính ấy mà...”

Tiếp đến thằng mõ đơn giản như đan rỏ: Sau khi ông Giáp bị đày ra đảo Tuần Châu trồng dưa Tây chứ không phải ra...đảo Hoàng Sa ngắm mây bay gió thổi. Sau đấy ông viết hết hồi ký *Đường tới Điện Biên Phủ*, đến *Điện Biên Phủ điểm hẹn của lịch sử* để “phản hồi” hồi ký của La Quý Ba. Hiện nay ông đang học piano soạn giao hưởng Điện Biên Phủ qua âm hưởng trống trận thùng thùng và ì ùng của những cỗ xe đại pháo của chiến trường Waterloo với

Napoleon Bonaparte. Nói có đầu có đũa xong, nó hỏi vậy chứ...một ông thợ may làng Cổ Nhuế họ Văn đi vào binh nghiệp, so với ông giáo sư dạy sử họ Võ mà Trần Huy Liệu ca tụng là một “thiên tài nghi binh” đã lừa được Navarre lên Điện Biên Phủ để có tên trong quân sử. Và nó sỗ nhơ vậy chứ với “cắm giả lịnh giả thị”, là *ai cắm người mang bị nói khoác* thì ai là kỳ tướng dị nhân đây.

Đang ngong trông thấy bỗng không nó rủ qua Tàu. Bèn hỏi trong Phi Lạc sang Tàu, thẳng mỗ Phù Ninh là nó chống Tàu lắm mà. Nó ửng ửng là quên không kể chuyện này:

Trong buổi tổng tiến đoàn cổ vấn quân sự và viện trợ Trung Quốc sang Việt Nam. Mao Chủ tịch nói với La Quý Ba: “Muốn làm tốt đoàn kết, chúng ta phải khiêm tốn. Bởi vì tổ tiên của chúng ta xưa kia một thời gian dài Việt Nam là thuộc địa của Trung Quốc từ triều Hán! Thời kỳ Đông Hán chẳng phải có Mã Viện “da ngựa bọc thân” đó sao! Là một viên đại tướng của Đông Hán, chính ông đã chinh phục Việt Nam “Mã Viện chinh Giao Chi” chính là chuyện này, Mã Viện được phong là Phục Ba tướng quân trong lịch sử gọi ông là Mã Phục Ba. Bộ đội của ông đại bộ phận không trở về, ở lại đó và kết hôn với phụ nữ ở đó, lập gia đình xây sự nghiệp ở đó. Bộ đội các vương triều Minh, Thanh về sau của chúng ta cũng phần nhiều làm như thế đó”.

Lão nghe rất cả mặt, bèn bán búi rằng Mã Viện trong cuộc viễn chinh nào có khác gì 300 cổ vấn Tàu

và tiểu đoàn tác chiến ở Triều Tiên có kinh nghiệm đánh đường hào. “Vương triều về sau” còn mang sang thêm một tiểu đoàn phòng không nữa. Theo lão họ dám “không trở về, ...ở lại đó và kết hôn với phụ nữ...ở đó” lắm ạ! Nào ai biết...đó là đâu? Nó vung tít mẹt rằng:

Hồ Chí Minh và Vi Quốc Thanh đi ngựa, nhìn thấy một đám bò đầu to lông vàng tươi, Vi Quốc Thanh phấn khởi: “Những con bò này thật đẹp, vừa cao vừa to, hình dáng màu sắc đều rất đẹp, là loại giống tốt”. Hồ Chí Minh nói: “Đúng vậy, nhưng rất đáng tiếc, chẳng bao lâu sẽ bị Đoàn cố vấn ăn sạch”. Vi Quốc Thanh rất ngạc nhiên. Hồ Chí Minh nói: “Các đồng chí Đoàn cố vấn yêu cầu ăn cơm rất cao, bây giờ Đoàn cố vấn hơn 300 người (không kể người đi theo cố vấn để bảo vệ, đầu bếp), mỗi tuần đoàn ăn hết một con bò, mỗi người một con gà. Mãi như thế chúng tôi chịu không nổi!”. Khi Đoàn cố vấn ở Tả Mây, Hồ Chí Minh đến để tìm hiểu tình hình. Lúc này chúng tôi được ăn bít tết. Người ta nói đây là món ăn nổi tiếng của Pháp, làm bằng thịt bò tơi. Tuần sau Hồ Chí Minh trở lại và hoá trang thành thương binh, trên đầu băng bó có thể che bộ râu. Tôi cảm giác thấy được Hồ Chí Minh đã rõ việc “một con bò, một con gà”.

Thằng mõ vậy vợ qua Tàu là để thăm...miếu Mã Viện. Nghe hãi quá thể nhưng ăn chơi sợ gì mưa rơi

với “một con bò, một con gà” nên lão...gà gương chui tọt vào “xe con”.

Tới Quỷ Môn quan, ải quan không cho qua vì không có hộ chiếu. Với ăn mẶn nói ngay hơn ăn chay nói dối, nó ăn dối nói thật năm 1939 nó là “cổ vấn” cho Tàu. Truyện kỳ sử này trong *Tứ khố toàn thư* ở Bắc Kinh còn lưu giữ. Thế nhưng ải quan không tin, thả xuống chân ải một câu đối: “Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan”, nghĩa là *qua cửa quan chậm, cửa quan đóng, mới khách qua đường qua cửa quan*. Thằng mõ xem xong ngửa cổ lên đối ngay cái bốp: “Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh ải quan tiên đối”. nghĩa là *ra câu đối dễ, đối câu đối khó, xin ải quan đối trước*. Thế là ải quan cho qua thay vì phải chui lỗ chó, ải quan thả thang xuống, lão và thằng mõ hì hục leo thang và...nhập quan. Nhìn xuống rành rành như canh nấu hẹ thủ cấp Mã Viện cắm trên cọc tre để răn đe. Vì ngạn ngữ nói: “Quy Môn quan, thập nhân khứ, nhất nhân hoàn”, nghĩa là tại Quỷ Môn quan, mười người (Trung quốc) ra đi (vào nước Nam), chỉ có một người trở về. Trên đường đi, mặt lão vừa chù hụ...miệng lão vừa mê muội với thằng mõ Phù Ninh về dẶm bài báo viết những làng Việt trên đất Tàu, để lão lạc vào mê hồn trận với sử gia, nhà biên khảo cùng địa danh bắc giáp địa dư, tây giáp địa chí thế này đây...

Chuyện là đầu năm 2006, qua bài viết của một sử gia Tàu, chuyên ngành lịch sử dân tộc của đại học Vân Nam có bài tham luận tựa đề *Trung Quốc Nam*

phương dân tộc sử mà sách báo trong nước đặt tựa: *Dân tộc Kinh ở Quảng Tây*. Theo ông: Từ đời Minh, nhóm người đánh cá từ vùng Đồ Sơn vì bão tố nên lạc vào Tam đảo lập lên 3 làng Vu Đầu, Vạn Vĩ và Sơn Tâm. Nhóm này là tộc Kinh Việt, gốc Giao Chi, hậu duệ của người Miêu, người Dao cổ đại. Nguyên là chi của Bách Việt, từ thời đồ đá mới đã định cư ở vùng tam giác châu thổ sông Hồng. Sách *Trung Nam bán đảo dân tộc* cho biết vào khoảng những năm triều Thanh, người Kinh ở làng xã ấy lập hương ước cho đúng phép tắc làng nước. Họ minh xác rằng tổ tiên họ đến từ đời Hậu Lê cách đây 400 năm. Tổ tiên họ nguyên cư trú ở vùng Cát Bà, lạc tới đây thấy đảo vắng vẻ không người ở, họ định cư hẳn không về nữa. Trước 1958, họ được gọi là “Đông Hưng các tộc tự trị huyện”, theo thống kê 1982 có 11.900 người sống bằng nghề chài lưới.

Cũng năm 2006, một nhóm sử gia, biên khảo trong nước đi thực tế, điền dã tới tận nơi để thông tin đại chúng có nhiều...chất liệu hơn: Chúng tôi không tìm thấy còn ai nói tiếng Việt nữa, một cụ già kể lại rằng đời cha các cụ chỉ nói được ít câu chữ Nôm, người Trung Quốc gọi là “Tự Nam”. Làng có chùa và đình miếu, chùa có chuông đồng đúc năm 1787. Đình thờ đức thánh Trần. Miếu thờ thần hoàng, thổ địa. Lại có cả đền thờ Mã Viện nữa. Tổng thể họ vẫn giữ tập tục Tết nhất, lễ tạ mộ, cúng cô hồn và truyền thống văn hóa dân tộc biểu hiện qua ăn cơm với đặc sản nước mắm. Phụ nữ khoái ăn trầu cau và đặc sắc văn hóa là lời ca tiếng hát đối đáp trữ tình

mà người Trung Quốc gọi là “Hát muội” với cái đàn bầu độc đáo “Độc hữu Kinh tộc”.

Ngày qua ngày, lão và thằng mõ làng Phù Ninh tới đất Đông Hưng có tam đảo, “xe con” phải qua phà qua đảo Vu Đầu là đảo đầu tiên. Tới Ưu Bà Miếu trong có thờ Mã Viện. Tình cờ cùng lúc đoàn văn công, văn hoá từ Hà Nội sang làm lễ tạ tội với ông tướng này.

Nguyên văn tiêu đề báo chí đăng ở trong nước:

Lễ Gội hồn Mã Viện chứng giám Hai Bà Trưng và Thi Sách sang chuộc tội ở Quảng Tây.



Buổi lên đồng của đoàn văn công Việt Nam biểu diễn tại Quảng Tây, Trung quốc.

Đoàn văn công với Hai Bà và chồng Thi Sách già như quả cà, họ sành điệu củ kiệu múa may khăn vái như lên đồng, hát như mèo cái gọi đực ấy. Bởi chả thấy sư trụ trì đâu? Bèn hỏi. Thằng mõ làm bàm

rằng chùa miếu ở đây không có hòa thượng hay ni cô trụ trì, chỉ có "Tự đầu" mà ta gọi ông Từ. Hốt nhiên thấy Hai Bà bung một thúng hạt gì tròn tròn cúng tế Mã Viện và lạy như tế sao. Mắt tròn dẫu hỏi. Thằng mõ mà rằng: "Sau khi thắng trận Mã Viện mang về những "hạt tròn tròn" trên, vì bị phong thổ độc địa với sơn lam chướng khí nhưng nhờ ăn..." hạt bo bo" nên sắc diện hồng hào. Mã Viện mang bo bo về về nước quý như ngọc nên gọi là "Giao châu". Quân thần ghen ghét sự nghiệp của Mã Viện nên dèm pha không dâng ngọc quý lên vua. Mã Viện bị kết tội khi quân và bị chém đầu, vợ không dám ra pháp trường chứng kiến".

Thằng mõ Phù Ninh nói với "Trung Quốc Nam phương dân tộc sử", muốn đi tìm nguồn cội tộc Việt phải lên Lạc Dương gặp Tư Mã Thiên.

Leo lên tửu lầu gặp ngay ông sử tâu Tư Mã Thiên vừa ngòm ngòm gặm đùi vịt Bắc Kinh vừa nói. Mà làm như có cô hồn hay ma xó ấy, không để cho hỏi và nói ngay chóc rằng trong *Sử Ký* không chép về vua Phục Hy, Thần Nông thời kỳ Hồng Bàng của chủng tộc ông vì ông cho là huyền thoại. Với *Thần Nông*, ông linh mục, triết nhân Việt bắt quàng làm họ là người Việt mình. Thấy ai đánh rắm to ở đâu là tìm đến, các nhà làm văn học của miền Bắc dựa hơi "minh triết Việt" của ông triết nhân nên phẩm phở: *Tờ Nhân Dân cuối tuần* đăng một bài về

Phục Hy, cụ tổ Trung Quốc chính là người làng Cần Kiệm, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây. Dưới chân núi chùa Tây Phương còn có miếu của Tổ. Nơi “bác Hồ” rút khỏi Hà Nội về Chùa Thầy, mỗi lần bác tập xe đạp đều ghé miếu lạy Tổ với hẹ và cơm trắng. Đứng là linh địa, miếu địa.

Làm một ngụm mai quế lộ, ông sử gia Tư Mã Thiên dậy: Sử gia Việt chỉ vay mượn, chấp vá từ thư tịch Tàu, thư viện Tây như họ dựa vào sử gia Tàu Vương Văn Quang với “Trung Quốc Nam phương dân tộc sử”: Nhóm này là tộc Kinh Việt, gốc Bách Việt. Dựa vào tích này, sử gia trong nước thêm thất: Phụ nữ “khóai” ăn trâu cau. Nhưng họ không biết rằng sử gia Phạm Văn Sơn của miền Nam trong *Việt Sử Toàn Thư* đã viết: *Lấy gì để căn cứ nói rằng chúng ta là một trong nhóm Bách Việt và dẫn chứng bằng hình dáng, tính tình, phong tục và văn hóa để ấn định nguồn gốc và dòng giống ấy.* Rồi ông Thiên họ Tư phẩy tay “”Tim hiểu nguồn gốc tộc Việt làm gì nữa. Thôi hai tiên sư...Hầu a! Xin lỗi bản mỗ nói lộn...hai tiên sinh về đi, hỏi vợ vẫn”.

Nghe vậy, nó xá một cái mà rằng: “Trí tri cửu hi”. Nghe tiếng Tàu như đâm vào tai hết “hầu a” đến “hi” như...hỉ, nộ, áI, ố. Bèn hỏi. Nó cho hay nó trả lời ông phán quan họ Tư là: “Biết lâu rồi ạ!”. Ra khỏi cửa, thẳng mỗ bốc cái Galaxy S6 gọi ai đó?

Xong điện thoại, nó nhảm nhăng là phải đi Tây ngay để gặp Đại sứ Pháp Mérilion.

Lão rối rắm trông thấy vì lão không biết “pạc-lê-phăng-xe”, nhưng cũng phải chui đầu vào...xe. Đầu óc lão ngất ngây con gà Tây với mấy ông cố vấn Tàu được ăn bít tết làm bằng thịt bò tơ. Trong cái tâm thái chẳng ăn cũng thiệt, chẳng chơi cũng già, lão muốn thử cục “bít tết” mà Tây gọi là “sa-tô-bri-ăng” xem sao. Khổ nỗi lão chả biết óc ách thế nào, ắt là phải hỏi nó quá. Nhưng thằng này biết tiếng Tàu, tiếng Huê Kỳ vì đã từng có mặt trong Phi Lạc sang Tàu, Phi Lạc đại náo Hoa Kỳ nhưng chắc chỉ “ba xí ba tú” thôi. Còn tiếng Tây ngọng là cái cẳng!

Cuối cùng hai thằng Mít có mặt trên đường St Germain des Prés, bước vào quán cà phê Les Deux Magots. Thay vì gọi miếng bít tết hay “sa-tô-bri-ăng” gì gì ấy thì nó lại kêu cái...café au lait. Và thằng mõ làng Phù Ninh vào chuyện “quả văn quả kiến” là *ít nghe ít thấy*...

Mới đây có một tài liệu quý giá gọi là *Những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa*, là bản dịch cuốn hồi ký *Saigon et moi* (Saigon và tôi) của Jean M. Mérillon, cựu đại sứ Pháp tại Việt Nam trước 30/4/1975, và dịch giả là Vũ Hải Hồ tức ký giả Trần Trung Quân ở Paris.

Nguyệt san *Diễn đàn Việt Nam* số 4 in tại miền nam Tây Đức đã cho đăng bản dịch kể trên. Tòa soạn cho biết ông Mérillon đã ra mắt cuốn hồi ký *Saigon et Moi* tại khách sạn La Fayette, quận 6, Paris. Nhưng sau đó cuốn sách này bị Bộ ngoại giao

Pháp thu hồi, nay chỉ có một bản duy nhất do một nhân vật (Vũ Hải Hồ) tình cờ có được cuộn đó...

(... trích khúc đầu)

Tối 18/4/75:

Qua điện thoại, lần thứ nhất ông Martin mới nói ra ý định của Hoa Kỳ. Đối với chính trường nước Mỹ chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt sau Hiệp Định Paris năm 1973. Ông Martin muốn nhờ tôi làm trung gian chuyển đạt ý muốn của Mỹ cho phía Việt Cộng. Tôi trả lời:

- Điều mà ông yêu cầu, tôi sẽ thỏa mãn cho ông 5 tiếng nữa nếu không có gì trở ngại trong việc liên lạc. Tuy nhiên tôi phải phúc trình lên chánh phủ của tôi, vậy ông đại sứ gửi cho tôi một công hàm ủy thác làm việc này.

- "Không thể được" người ta không muốn lưu lại bằng chứng.

- Như thế kể từ giờ phút này nước Pháp sẽ đảm nhận vai trò hòa bình cho Việt Nam.

- Chúng tôi cảm ơn nước Pháp. Với tư cách cá nhân tôi hoàn toàn chống lại chủ trương của Hoa Kỳ dành trọn quyền thắng trận cho Việt Cộng.

Sau đó chúng tôi chuyển sang phần tâm sự gia đình...Đại sứ Martin cho biết thêm nước Mỹ chán ngấy những vụ đảo chánh trước kia nên để cho ông Thiệu từ chức ra đi. Vai trò của ông Nguyễn Cao Kỳ không còn cần thiết sau khi Hoa Kỳ đã tặng phần thắng cho Việt Cộng.

(trích lục ngắn đoạn khúc giữa)

Cùng lúc mời thành viên MTGPMN họp tác trong chánh phủ trung lập, Đại tướng Dương văn Minh tuyên bố sẵn sàng bang giao với Trung Quốc. Trung Quốc sẽ chụp lấy cơ hội này để cử đại sứ đến Sài Gòn ngay sau 24 giờ đồng hồ cùng với tiền viện trợ 420 triệu Mỹ kim là tiền sẽ trao cho Hà Nội mà nay trao cho chánh phủ hòa hợp hòa giải dân tộc. Kế hoạch này đánh phủ đầu Hà Nội bằng cách đưa đứa con nuôi của họ là MTGPMN lên nắm chính quyền...

Đến tao đoạn này, thằng mõ tầm chương trích cú là mặc dù đang ở trại giam ở Hàm Tân (Bình Thuận) nhưng bố nuôi nó cũng đã quân sư cho Lê Đức Thọ đưa Phạm Hùng hay Võ Văn Kiệt để tao cơ đồ chống Hà Nội xâm lược miền Nam. Và nó giẹo giọt tiếp với ông Mérillon...

(Và...)

Tôi cũng thông báo cho ông Dương văn Minh hay tôi đã liên lạc với thành viên MTGPMN. Hầu hết đều tán thành giải pháp giúp họ thoát khỏi vòng quỹ đạo của Bắc Việt.

Ngày 27/4/1975

Tôi nhận được tin: Tướng Trần Văn Trà bắn tin nhờ tôi cấp tốc thành lập chánh phủ trung lập và ông gửi gấp hai nhân vật thân tín của ông vào chánh phủ là bà Nguyễn Thị Bình và ông Đinh Bá Thi...Tùy

viên quân sự của chúng tôi cũng xác nhận là hai sư đoàn tập kết của Trần Văn Trà sẽ vào tiếp thu Sài Gòn, phỏng tay trên của đạo quân Văn Tiến Dũng!!!”.

(.... trích khúc cuối)

Ngày 29/4/1975,

8:00 giờ tối, sau khi nhận lãnh chức tổng thống do Trần Văn Hương bàn giao lại, ông Minh điện thoại xin lỗi chúng tôi, bày tỏ sự hối tiếc đã không hợp tác được với chánh phủ Pháp. Cách duy nhất mà ông phải chọn là đầu hàng Bắc Việt mới mong cứu sống được thủ đô Sài Gòn.

Tôi lạnh lùng trả lời một câu duy nhất:

- Thừa đại tướng, chúng tôi rất lấy làm tiếc. Giờ cuối cùng của chiến tranh Việt Nam cần có một người lãnh đạo cương quyết, nhưng chúng tôi lại đi chọn lầm một bại tướng.

Tôi cúp điện thoại ngay, và từ 10 năm qua tôi không muốn liên lạc với ông ta nữa.

(Hết trích dẫn)

Voilà... thẳng mồm nhả tiếng Tây tiếng u xong, nhấp một ngụm café au lait và cho lão hay Saigon et moi của Jean M. Mérillon được nhiều sử gia, biên khảo, tướng tá trích lục “tư liệu” vào bài vở của mình. Dưới đây chỉ ghi nhận một số tác giả, tác phẩm có “trọng lượng”, như:

Trong *Tâm tư Tổng thống Thiệu*, Nguyễn Tiến Hưng viết cựu Thủ tướng Cần kể lại: “Ngày 17

tháng 4 khi tôi tiếp Đại sứ Mérillon thì ông thao thao bất tuyệt bênh vực giải pháp Dương Văn Minh. Sau này tập hồi ký của Mérillon tiết lộ ngày 18 tháng 4, Đại sứ Martin chính thức nói với ông ta là đối với chính quyền Hoa Kỳ, trách nhiệm người Mỹ tại Việt Nam đã chấm dứt”.

Trần Đông Phong tác giả *VNCH, 10 ngày cuối cùng* qua dữ kiện của “Những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa”. Với trích dẫn như sau : *Về câu nói của cụ Trần Văn Hương nói với Đại sứ Mérillon thì tôi trích trong Saigon et Moi.*

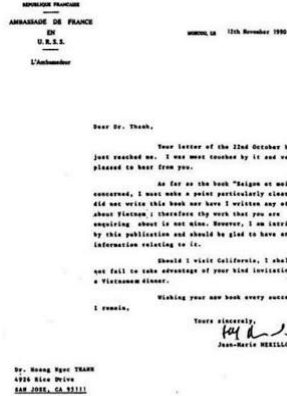
“Oui”, thằng mõ làng Phù Ninh lại sỏ tiếng Tây nữa và xăn xò là thiếu giống gì những “tư liệu” được trích dẫn trong “Những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa” của Vũ Hải Hồ từ “Saigon et Moi” của ông Mérillon, thảng như:

Việt Nam huyết lệ sử của Cao Thế Dung.

Những ngày cuối của VNCH do Nguyễn Kỳ Phong, bản dịch từ bản tiếng Anh *The Final Collapse* của Cao Văn Viên cho Center of Military History United States Army.

Bỗng có tiếng kêu “téc...téc...” như dế kêu, thảng mõ bốp máy “Bonjour” một tiếng rõ to. Tiếp nó xuống giọng hết “Oui” đến “Non” rồi “Merci”. Máy kêu “tít...tít...”. Nó mặt buồn nhiều hơn vui: “Au Revoir”. Rồi hay hóm với lão là ông Đại sứ Mérillon không đến được nên ”text” cho nó. Nó đưa

màn hình Galaxy S6 cho lão dòm vì chữ Tây “ăn đong” nên mù trất ông vố...



Lão bực như con mực vì không biết “pạc-lê-phăng-xe” nên thằng mõ làng Phù Ninh được thể đục dao đục thớt “uy” với “nông” nghe lục cục như thằng mõ chặt thủ lợn cho các cụ, tổng lý, quan viên ngoài đình từ thời “xanh đít xăng cà cộ”. Tiếp đến nó rao mõ như tụng kinh:

- Cái thư trên màn hình từ Giáo sư Hoàng Ngọc Thành, nhà nghiên cứu sử học cần trọng đã đích thân viết thư hỏi Merrillon đang là Đại sứ Pháp tại Liên Xô có viết cuốn Hồi ký Saigon et moi không? Ông Đại sứ đã trả lời cho Giáo sư Thành bằng văn thư gửi từ Moscou có câu:

Tôi không hề viết một cuốn Hồi ký như thế.

Đứng dậy ra gốc cây bên lề đường Saint Germain, tay cầm “bánh mì cầm tay” cục kỳ hiện

đại Galaxy S6 Edge của Đại Hàn, thằng mõ gọi cho ai đó một hồi. Quay lại mặt mày lạnh lùng con thạch sùng nói về Sài Gòn gấp. Lão chắc mẫm lại truyện Phi Lạc náo Sài Gòn nữa đây!

Xe lửa chui qua cầu sắt Bình Lợi, qua miếu Lê Văn Duyệt, tới Cầu Bông, về đến Đa Kao.

Thằng mõ làng Phù Ninh mở cửa và ngăn ngăn là điện thoại cho bố nuôi nó kể lể những chuyện phét lác trong chuyến đi. Nghe xong, bố nó cũng vừa hoàn tất tác phẩm *Thuốc trường sanh*, chả hiểu nghĩ sao ông...lăn đùng ra chết ngay đơ. Lão vào bàn thờ thắp nén nhang cho người vừa khuất núi. Nhìn lên bàn thờ va vào mắt lão là con thần lẫn chọn nghiệp cũng leo lên bàn thờ ngồi hồi nào không hay và nó đang nấp sau bát nhang ngắm con gà khoả thân. Dòm kỹ hơn, trên trán con thạch thần lẫn u lên lên một cục to bằng trái ổi xá lị. Bèn hỏi nghĩa lý gì? Nó chép miệng cái tách rằng lại quên không kể: Chuyện là trước khi bố nuôi nó phiêu diêu miền cực lạc, đúng là cái nghiệp, con thần lẫn cũng nghe điện thoại và báng bỏ là bố nó vẫn còn là người róc đời nhất Nam kỳ lục tỉnh, nhì Nam bộ, Nghe (không) quá đã! Bố nuôi tiện tay cầm dùi mõ, nhắm ngay đầu con thần lẫn đập một cái chát. Con thần lẫn bị đánh vỡ đầu...chết tốt.

Ngó lên bài vị bố nuôi thằng mõ làng Phù Ninh, lão bắt gặp hàng chữ: “Không Cưu Hồ Hữu Tường lưu dân từ Nghệ An thuộc họ Hồ cùng chi với Hồ

Thơ Nguyễn Huệ, con cháu của Hồ Quý Ly của Đế Thuấn. Cô quận làng Thường Thạnh, quận Cái Răng, tỉnh Cần Thơ”.

Trong trống vắng, lão rử thằng mõ ra quán lá Mơ dưới chân cầu Thị Nghè gần đấy. Đang đói như trái chuối, vừa ngồi xuống cũng vừa lúc đĩa chả chìa thứ hai kêu ở quán thịt chó Nhật Tân ở Hà Nội hôm nào hôm nào vừa được mang tới. Nói thật như nói dối là “tu chùa chẳng bằng tu nhà, ăn ở thật thà mới thật là tu...bia” nên lão ới một vai cửu xà nhất điều.

Phải gió phải giăng gì chả biết nữa, chả phải nói dóc chứ...chứ ngó quanh quất toàn sĩ phu Bắc Hà ăn tục nói phét với “cái tôi” to bằng cái nồi ba mươi. Mà chuyện có ra chuyện, chuyện nào của họ cũng như thể luộc con trâu cả con trong nồi. Hoặc giả như toàn những chuyện cóc nọ leo thang, voi kia đẻ trứng này nọ. Gáy cho lằm chín đụn mười trâu, chết cũng hai tay cấp đít chứ ăn cái giải rút gì. Lão nghĩ vậy. Nghĩ thêm một quả nữa lão buồn như con chuồn chuồn vì cả chuyến đi từ Sài Gòn, Hà Nội, Điện Biên Phủ, Đông Hưng, Bắc Kinh, Paris, trải dài trên con đường phiêu lãng quên mình...lãng quên. Lão quên tuốt những gì góp nhặt sỏi đá bên đường bởi kỳ nhân đông như ruồi, kỳ tích chữ nghĩa dày đặc như ruồi bu. Thế nên lão chả nắm bắt được chuyện nào “hư cấu” nhất để viết thành truyện.

Với những chuyện giả đấy, nhưng thật đấy. Thật đó nhưng cũng giả đó. Ừ thì hãy hỏi thằng mõ làng

Phù Ninh xem sao. Ngõ nó vợ bèo gạt tép chuyện *Dân tộc Kinh ở Quảng Tây* có 11.900 người Việt ta với chuyện chết tiệt là không còn ai nói tiếng Việt nữa, nhưng họ vẫn múa và... hát quan họ. Ấy là chưa kể họ đi đánh cá còn mang theo chuông đồng đúc năm 1787 gõ kêu “boong...boong...” để rồi gặp bão lạt vào đảo hoang cứ như ông Tây Robinson ấy, thì...

Thì nó vội nhả khúc chả chìa ra và ậm ừ khúc khúc như chó hóc xương:

Phi Lạc đi...Tây.

Hơ!

Thạch trúc gia trang
Ngày 23 ông Táo về trời
Đông chí, Ất Mùi 2015

Nguồn: *Thụy Khuê, Hồ Nam, Thiện Hỷ, Dương Danh Dy, Nguyễn Duy Chính, Đoàn Thanh Liêm, Trọng Đạt, Ngự Sử.*

Bồ Tùng Linh Tân Biên

Liệt Truyện – II

Khổng Phu Tử ngắt một bông hoa giơ lên và ngài mỉm cười... Vừa lúc Bồ Tùng Linh chạy xe ngang cổng Tam Tông Miếu gần trung tâm thành phố, hốt nhiên trời đất sáng lòa, cổng tam quan hóa thành khổng lồ lơ lửng trên mây ngũ sắc. Khổng Khâu hiện thân giữa cổng giơ tay ngoắc ngoắc: “Cho ta quá giang”.

Bồ cho ngài quá giang từ thuở thanh niên đến lúc chưa có vợ con, rồi đến lúc chẳng... có cháu nội cháu ngoại. Ngài cứ an nhiên tự tại tại ngồi quá giang, khi áo vàng áo nâu, lúc quân phục đeo huy chương. Thường thì ngài bung bình bát, nhưng cũng có lúc ngài đeo K54 hoặc cầm mã tấu. Bồ muốn ngài xuống, đừng quá giang nữa, vì Bồ đã gần đến tuổi dổi già và hết sức chạy xe rồi. Và chẳng ngài có thể đi taxi, khỏe hơn ngồi sau yên xe Honda. Và ngài xuống.

Khổng Khâu đứng bên đường, cúi xuống ngắt một bông hoa giơ lên trước mặt.

Ngài hỏi:

- Hoa gì đây?

Bồ trả lời:

- Thưa, hoa cút lợn.

(trích lục, hiệu đính từ chùm truyện cực ngắn trên mạng lưới Tiền Vệ của Nguyễn Phan Thịnh)

Tôi đang ngồi đong đưa trên hòn đá to vật, gần cây si mọc chon von bên sườn núi đọi...”gã”. Đàn ông đối với tôi rất bèo nên chẳng có mấy thâm sâu bí hiểm, vậy mà hàng ngày tôi vẫn đọi gã dưới gốc cây như vậy, dăm dăm theo dõi gã như thể và biết rằng suốt đời gã sẽ khôn khổ rượt bắt tôi: Nhưng sẽ không bao giờ bắt được tôi, cho đến chót đời.

Một ngày như mọi ngày, những người chạy bộ tản nhiên chạy qua cây si tán lá xanh um, đằng sau là cái miếu và một lối mòn ngoằn ngoèo xuyên qua khu rừng thưa dẫn xuống chân núi...Tôi lại càng có lý do để nhìn ngắm gã theo dòng đời đi qua, như gã đã từng. Nhưng hôm nào đấy, không hiểu ma xui quỷ khiến thế nào gã dừng lại và hỏi tôi: “Sao ngồi đây?”.

Gã họ Bồ, tên họ là Bồ Tùng Linh. Tôi biết gã qua bài thơ: “Nói láo mà chơi, nghe láo chơi - Dân

đưa lún phún hạt mưa rơi - Chuyện đời đã chán không buồn nhắc - Thơ thần nghe...ma kể mấy lời”. Bò Tùng Linh, tác giả Liêu Trai Chí Dị, mở đầu tập truyện bắt hủ biểu hiện bằng bốn câu thơ trên do cụ Tản Đà dịch ngữ, đã hé mở cho người ta thấy gã lấy làm vinh dự làm nghề nói láo, không coi thiên hạ ra gì. Ồ, nói láo đấy, nghe láo đấy, thử hỏi đã chết ai chưa? Họ Bò hơn thiên hạ ở chỗ đó: Dám nhận huych toẹt ngay là mình “nói láo”, mình ưa nói láo, nói láo nói lêu như thế còn hơn là nói chuyện thật với những mảnh đời buồn tẻ và nhàm chán.

Nên tôi nói láo như gã luôn: “Bị giật cái xách tay”. Thế là gã nhe răng ra cười hoẽn. Cái sự thể xảy ra với tôi bỗng hoá thành hiện thực, một cái có ai đó bày đặt ra để cho hai người quen nhau. Và thiết kế cho cuộc hò hẹn sắp tới. Để có cái có cho tôi viết truyện như Bò Tùng Linh vậy. Truyện của họ Bò được phán quan Kim Thánh Thán dạy: “Chuyện hay tất là văn phải hay, mà văn hay tất là chuyện phải hay vậy...Đến như như “chuyện ấy” thật là chuyện hay, mà viết ra văn lại không phải là văn hay, thì “chuyện ấy” chưa chắc đã là chuyện hay...Vì sao? Vì văn không hay tất là chuyện không hay mà chuyện không hay cho nên văn không hay vậy...”. Nào có khác chi cụ Tản Đà rắc rối với chiếu hoa một cỏi: “Đồ ăn ngon, chỗ ngồi ăn không ngon, người ngồi ăn không ngon. Không ngon! Đồ ăn ngon, chỗ ngồi ăn ngon, người ngồi ăn không ngon. Không ngon! Đồ ăn ngon, người ngồi ăn ngon, chỗ ngồi ăn không ngon. Không ngon!”.

Vào chuyện, lật đật như ma trệt đám quảy, gã họ Bò hỏi tới: “Đi đâu?”- “Lên chùa Bạch Vân”. Ngừng một tí, gã cười vô tư: “Đi theo được không?”. Tôi dèi khỏi hòn đá thô nhám bước xuống đường. Bây giờ gã mới phát hiện tôi có cầm cái xách tay nhỏ. Không đồ lễ. Một thẻ nhang cũng không. Chùa Bạch Vân thì tôi biết thừa do ai trụ trì, nhưng ông sư này cứ đòi thí chủ trong vùng đến lễ nhất nhất phải gọi mình là "sư bác". Ấy là chưa kể tôi còn biết rõ tên tục của sư bác nữa. Một hôm, tôi khởi động với sư bác: “Sư đã lên niết bàn chưa?”. Ngừng gõ mõ tụng kinh, sư trả lời: “Lên mãi... nhưng không ở lâu được”.

Tôi và gã họ Bò tới chùa trời chưa tối đất nên vẫn còn nhìn thấy chữ đại tự trên cổng tam quan: “Bạch Vân tự”. Giữa lúc đang leo dốc, bỗng dưng tôi loạng choạng vấp ngã. Gã họ Bò giật mình đưa tay ra đỡ. Rồi bằng cách nào đó bàn tay gã nắm gọn lấy tay tôi. Tay tôi ngoan ngoãn nằm gọn trong tay gã. Dốc đá tối mù, khắp khênh. Tiếng côn trùng xao xác chung quanh. Mùi hoa cứt lợn từ ngoài và mùi hương trầm từ trong chùa thoảng ra quỵện vào nhau trầm uất. Tôi dựa vào gã và chọn đối tác là gã họ Bò để kể chuyện một mảnh đời như hoa cứt lợn, như không có thật của tôi. Thành thật mà nói thì chớ nên nói. Thành thật mà nói thì tôi không bao giờ thành thật, kể luôn khi tôi nói tôi không thành thật. Thành thật mà nói thì chẳng có gì đáng nói. Hiểu theo nghĩa là tôi không...nói láo như Bò Tùng Linh!

Tôi thường nghe nói về sự hiểu biết của con người đối với sự việc như thế này:

“Giữa hai điều biết và không biết, con người ta nên nghiêng hẳn về một phía. Biết hoặc không biết. Đừng ở giữa, biết không hẳn là biết, mà không biết cũng chưa hẳn là không biết”.

Đằng này cứ như tôi biết kiểu dờ dờ ương ương, nên có đạo cứ chập cheng với bỏ mỗi lo thì không được, mà giữ nó thì chẳng biết cảnh báo ra sao, nên cứ quay quắt mãi. Tôi hơn ba mươi tuổi, con gái tuổi này bị xem như thuộc về quá khứ. Tôi khó tự thuyết phục rằng không biết gì về thân xác mình và thân thể của đàn ông. Nhưng vì tự hào biết rõ, tôi lại thấy mình mù tịt, thà rằng hoàn toàn không biết, có lẽ tôi sẽ thấy dễ chịu hơn là biết kiểu nửa vời như thế. Tôi không phải là hạng đàn bà con gái đặt nặng chữ hạnh. Tất cả chỉ là tương đối, nhưng đó không phải là nguyên nhân để tôi phạm phải lỗi lầm trong quá khứ. Trường hợp rơi vào lỗi lầm của tôi chỉ vì hành xử bằng trái tim hơn lý trí. Do trải qua kinh nghiệm chèo chỏi, nên tôi thường thủ thế, tựa như con chim bị tên, thấy cây cong thì sợ.

Như vừa hóng hớt ở trên, tôi không thuộc giuộc đàn bà cổ hủ, do đó không câu nệ chuyện đụng chạm da thịt, nên không ngại ngần đón nhận vòng tay ôm chặt, lưỡi quấn quít lưỡi nhau. Và dĩ nhiên Quân nào phải là người đàn ông khờ khạo, không

biết sử dụng đôi tay dò dẫm tìm kiếm sự đồng tình thể xác ở đàn bà. Có điều mặc cho Quân cố gắng thế nào đi chăng nữa, tay Quân chưa hề qua khỏi vòng lưng của tôi. Đầu tiên tôi cho đây là chuyện giản đơn. Dầu gì con gái cũng cần giữ gìn tí chút, có thể mới kích thích bản năng muốn chiếm đoạt của đàn ông để họ tiếp tục tiến tới. Đây là khoảng thời gian tôi là hôn thê của Quân. Còn bây giờ, ngày cưới đã được lên khung. Tôi ngờ rằng việc tôi giữ chiếc quần chủ yếu dành cho đêm tân hôn là không logic: Vì tôi đã biết thân xác một người đàn ông khác trước Quân. Chính điểm này làm tôi bị chao đảo như có điều gì bất thường nơi thân thể mình. Tựa như căn bệnh...lãnh cảm chẳng hạn. Tôi ngờ mình không bình thường, nhưng không hay mình bất thường ở chỗ nào. Nếu như đó là lãnh cảm thì có những dấu hiệu gì để định chẩn bệnh trạng nặng nhẹ. Trường hợp của tôi: Khi có sự đụng chạm cơ thể, tôi vẫn có những rung cảm, có điều đến mức nào đó thôi thì tôi bỗng nhiên lạnh tanh, lạnh ngắt như lúc gã họ Bò chạm vào tay tôi.

Từ lâu rồi, tôi thấy mình cần tìm hiểu những khiếm khuyết của thân thể. Nhưng nhúc nhắc tìm hiểu bằng cách nào? Tuy là một phụ nữ tương đối tiên tiến, nhưng vẫn ngại ngùng khi cần phải bộc lộ cảm giác của cơ thể. Tuy nhiên, với căn bệnh thiếu thích ứng nơi thể xác, sự hiểu biết của tôi lại quá hạn hẹp. Sau khi phối trí, tôi quyết định kể rõ cảm xúc mà cơ thể tôi đã đón nhận, hy vọng với cách đó,

may ra giúp tôi kích động được những nghi ngờ, để tôi có được cuộc sống bình thường như những người đàn bà khác.

Với tôi Quân có đủ cá tính của một người đàn ông. Quân yêu tôi bằng lời nói và tay chân, nhưng lúc nào cũng chứng mực, từ tốn và...chờ đợi. Trong bóng tối hay ở một nơi vắng vẻ, Quân luôn luôn bắt đầu bằng nụ hôn trên mắt, trên môi để thân xác tôi thật mềm nhũn, để sức đề kháng tôi chỉ còn là khoảng tối mù mờ, rồi từ đó tay Quân bắt đầu lần tay vào trong vải áo. Dĩ nhiên tôi như bao người con gái khác, cũng biết dùng tay đẩy tay Quân ra khỏi vùng nhạy cảm. Mặc dầu nơi phần da thịt bị đụng chạm như kêu như réo, nên bản thân biết những cái đó không thật sự là sự từ chối. Mà ngược lại còn là sự mời gọi...Nhưng hiếm người đàn ông nào chịu hiểu điều đó. Mặt tôi nóng như lá chuối hơi lửa, thân thái gồ ghề như biển đi đâu hết cả.

Tôi chỉ muốn Quân dừng dừng lại, đừng ngưng đơn trốn, đừng ngừng dày vò hai khối u thịt đang bị kích động đến tận cùng. Đã bao lần người tôi bức xúc, rơi vào tâm thái bị cuốn hút bằng vào những nụ hôn, những ve vuốt để phó mặc thân xác nổi trôi theo cảm giác. Nếu tôi cứ tiếp tục đón nhận những cảm giác mật ngọt đó, chắc chắn tôi không bao giờ nghĩ mình bị phản cảm và hai chữ lãnh cảm chẳng bao giờ hiện hữu. Vậy mà giữa cơn mê man da thịt đến dường ấy, lần nào như lần này khi bàn tay Quân rời dần xuống phần thân thể phía dưới thì tôi như chột bưng tỉnh...Cơn nóng sốt lập tức nguội lạnh,

cảm giác xấu hổ với cặp ngực đang phơi trần trước mắt người đàn ông, tôi nhanh tay kéo tấm áo che đậy phần ngực trần trụi của mình.

Lúc đầu tôi đổ thừa đó là sự tự nhiên mà người con gái nào cũng muốn giữ gìn nguyên vẹn thân thể mình trước khi thực sự trở thành người vợ. Sau đó, có lẽ tôi không nghĩ đến hai chữ bệnh hoạn hay lãnh cảm nếu Quân không tính chuyện lâu dài với tôi. Đàng này thời gian đến ngày cưới cứ dần dần rút ngắn lại, Quân thì đã quen thuộc với phần da thịt bên trên của tôi, nay muốn vượt khỏi vòng eo lần xuống phần dưới mà chính tôi còn thấy lạ lẫm. Tôi bảo quản, nhưng ngăn được bao lâu, vì dường như tôi càng cố giữ, càng làm cho Quân thêm kích thích. Nhiều lần Quân hết nản nỉ đến giận hờn. Tôi thương Quân, nhìn Quân khổ sở, có lần mặc dầu cảm thấy hết sức sợ hãi nhưng cũng đành miễn cưỡng gật đầu chiều Quân, cũng may Quân dừng lại được. Nhưng cũng chính vì thế tôi lại càng lo sợ đến bán loạn.

Chuyện vợ chồng có gì ghê gớm mà tôi phải sợ hãi đến thế? Chẳng lẽ tôi sợ Quân phát hiện cái sinh thực khí trong thân thể tôi đã...”không chắc” còn nguyên vẹn. Đồng ý, vì chính tôi cũng đâu biết rõ miếng da mỏng tang đó đã thật sự rách nát. Tôi đã gần gũi xác thịt với một người đàn ông, đúng ra thằng con trai mới lớn trước khi gặp Quân. Nhưng mắt tôi không thật sự nhìn thấy những giọt máu đỏ, hay chỉ là những giọt hồng hồng rơi rớt trên tấm trải

giường. Hơn nữa đã mười mấy năm qua, tôi đi đi về về một mình như một cái bóng, thì cái chốn riêng tư nhất của tôi từ ngày đó đã không một ai đụng chạm. Và ngay chính tôi cũng chưa bao giờ tìm kiếm cảm giác nơi đó, thì tôi đâu có gì phải mặc cảm. Và lại, tôi không tin Quân chờ đợi cái ngày với niềm hãnh diện là người đầu tiên làm rách toạc được làn da mỏng, nằm nơi chốn kín đáo nhất của một người đàn bà đã trên ba mươi. Và...vẫn còn nguyên vẹn là con gái.

Tôi không muốn nhắc đến người đàn ông đã chiếm đoạt thân xác tôi. Không muốn nhắc đến không phải do xấu hổ! Chỉ vì tôi xem đó là vết nhơ đã được giặt sạch bằng khoảng thời gian mười mấy năm không hề biết đến cảm giác với bất cứ người đàn ông nào khác. Hay nói khác đi tôi như gã họ Bò: Gã đã đánh mất khả năng quan hệ với đàn bà. Tôi cũng chẳng hơn gì: Tôi cũng đã đánh mất khả năng quan hệ với đàn ông.

Vậy có gì buộc tôi phải e dè, phải co cụm chứ! Tôi yêu Quân, nhưng tôi không thể nhận lời làm vợ Quân. Nếu như Quân đòi hỏi phải lấy một người đàn bà còn đầy đủ trình tiết về làm vợ. Tôi sẽ coi thường Quân. Nếu Quân thật sự chỉ nghĩ đến mảnh da mỏng mảnh đó mà quên đi giá trị thực sự của người đàn bà. Thiếu điều đó, tôi thà ở vậy. Nhưng sao tôi lại sợ sự buông thả, sợ sự đòi hỏi của da thịt nên đã bao

lần không cho Quân được thoả mãn. Điều gì ngăn cản tôi? Gần đến ngày cưới, với sự đòi hỏi của Quân càng lớn mạnh hơn bao giờ hết. Vậy mà tôi vẫn chưa chiều Quân đâu chỉ một lần. Tôi tìm cách lý giải: Có lý nào thứ truyền thống tam tông tứ đức tuy đã xưa như trái đất, vẫn còn mơ hồ đọng lại trong một đứa con gái đã trên ba mươi. Chẳng lẽ thứ truyền thống đó đã như vết chàm dính chặt, khiến người đàn bà chỉ biết cúi đầu trước thân phận và không có quyền nghĩ đến phần thân xác của mình. Có thể nào ở thế kỷ này lại còn sót những người đàn bà lúc nào cũng nhận chịu sự thua thiệt như thế! Dứt khoát tôi không phải là những người đàn bà đó. Vậy tôi cứ để thân xác nổi trôi bồng bềnh theo Quân. Chỉ có vậy mà tôi không làm được ư!

Đề rồi hình tượng thằng con trai đã chiếm đoạt thân xác tôi chợt trở về.

Tôi mười bảy tuổi. Hầu như mấy con bạn của tôi, con nào cũng lành chanh lành chói thủ sẵn tên một thằng bạn trai để khoe với bạn bè, để thoả mãn cái mặc cảm tự tôn về sắc đẹp hay bộ phận bên ngoài của mình. Tôi quen hẳn qua một con bạn lành chanh trên. Tôi đi chơi với hắn. Những nơi hắn dắt tôi đến thường không phải là chỗ đông người như rạp xi nê. Hay một nơi chôn thơ mộng nào đấy như quán cà phê góc phố mà là nhà trọ học của đám bạn hắn. Ngôi nhà có nhiều phòng và lúc nào cũng có hơn một thằng con trai mới lớn sống trong đó.

Lúc đầu tôi hơi nghi ngại, nhưng với tính cả nể, hơn nữa lũ bạn tôi cũng đến đó thường xuyên và tôi không có đủ sự tự tin cũng như tự chủ để ứng xử. Hấn không có bộ mã điển trai, chẳng biết cách nói chuyện và chiều chuộng. Mà thôi, ít ra hấn không ve vãn thô tục hay tâm sự vặt như số đông khác. Và lại, chút nữ tính còn lại trong tôi không đành lòng để hấn nằm cô quạnh trên căn gác trống. Một lần chỉ có hai đứa ở trong phòng, tôi ôm hôn và định hôn hấn. Hấn đẩy tôi ra viện cớ xuống nhà dưới nói chuyện với bạn về tiết học ngày mai. Tôi không hiểu hấn? Tôi cũng chẳng hiểu tôi, vì tôi còn nằm lại để chờ! Chờ gì? Tôi cũng chẳng biết nữa. Tôi như vậy đấy, hấn như thế đó. Hấn có vẻ cần cỗi như một trái khế qua nhãn nhúm chín héo... Cho đến bây giờ tôi vẫn chắc chắn là tôi chưa từng yêu hấn.

Lần sau, hấn hôn tôi. Những sợi râu vàng mới nhú đâm vào mặt tôi nhồn nhột, ngứa ngáy, để tôi cứ lo lo, ngại ngại những gì sẽ sắp đến với mình. Ấy đấy, cái tuổi dậy thì mới lớn của tôi nó cứ đầy rẫy hoang mang với chập chờn. Chưa hết, mùi khét nắng làm tôi khó chịu. Trời, mùi khét trên da thịt thằng con trai tỉnh lẻ đầu đời lại trì kéo đến thế sao? Mặc kệ, đến đâu thì đến. Đôi bàn tay tham lam của hấn đặt trên ngực tôi, nhưng đôi bàn tay đó chẳng thể tạo cho tôi những hưng phấn. Có thể kinh nghiệm về đàn ông con trai tôi không có... Vậy mà hấn cứ được chiếc quần của tôi mới là chuyện lạ. Một cái toàng là xong. Tôi không có cảm giác bị mất mát mà chỉ thấy vừa đau vừa rát. Tôi nhớ tôi không nhỏ một

giọt nước mắt nào cho lần đầu mắt mát. Tôi còn ve ve mắt nhìn xuống mặt nệm. Không có màu đỏ mà cũng chẳng có màu hồng.

Ăn boóng một bữa nhìn môi, tuần sau hẳn nhập vào người tôi thêm lần nữa. Có thể tại vì tôi bị con tù con vị đánh thức dậy nên cởi cúc áo hẳn ra trước. Nói cho ngay tôi không nhớ. Thực tình tôi không muốn nhớ thì đúng hơn. Rõ ra cái tâm trạng lúc ấy giống như cái hồi tôi còn trẻ con: Sợ ma nhưng cứ thích nghe chuyện ma, thì cứ cho là như vậy đi. Ở lần thứ hai trong cơn mưa sập sùi, trong lúc hẳn hùng hục trên thân xác tôi. Cái đầu tôi đầy rẫy nỗi sợ một mầm mống sống có thể tượng hình từ nguồn khí quyền của hẳn mà tôi chẳng muốn cru mang. Giữa cơn đau rát, tôi vẫn cảm nhận là tôi đang cố gắng chịu đựng cơn đau, cố bóp chặt cửa tử cung lại như cố đẩy cái thứ khí quyền của hẳn sắp sửa xâm nhập vào người tôi ra ngoài. Hẳn không cần để ý đến cảm giác của tôi. Bất thành linh hẳn ôm ghì lấy tôi và...”cắn” vào cổ tôi một cái. Lại một điều nữa là tôi không hiểu sao lúc đó tôi chẳng thấy đau.

Xong việc, hẳn lật mình nằm sấp. Tôi biết hẳn còn thức sau cơn động tình. Lát sau hẳn ngủ và ngáy. Tôi về phòng trọ của tôi xối nước, cố moi cho hết chất nước nhờn nhọt đục ngầu hẳn vừa đưa vào người tôi. Tôi ngồi trên chiếc ghế đặt sát cửa kính nhìn xuống ngọn đồi ở đằng xa. Mặt trời buổi chiều chỉ còn thoi thóp để lại vài vệt vàng thật mỏng rớt trên mây chỗ trũng thấp nằm bên dưới chân đồi. Tôi

thấy mình như đang chìm lìm giữa những trũng thấp nếu tôi còn tiếp tục trở lại căn phòng đóng kín cửa với hắn. Chập tối, hắn cởi chiếc đồng hồ cũ gửi lại thay tiền trọ cho bạn hắn. Và chỉ chỗ trọ mà thôi. Buồn cười. Và tôi chỉ biết cười cho thằng con trai tinh lẻ nhuôm nhuôm, chẳng để lại cho tôi một chút máu hồng để tôi nhìn thấy tận mắt cho biết. Tất cả không ngoài một chút khí quyển thoát ra từ hắn đậm đặc lại ở bên ngoài. Để tôi cứ ngỡ là mình thật sự chưa mất mát gì, vẫn không tưởng mình còn con gái. Tôi mong rằng đây là ngày chủ nhật vắng Chúa cuối cùng trong đời mình.

Tuy vậy, mấy tuần sau đó, móc con di động tôi gọi hắn:

- Tháng này chưa có...hội chứng!

- Thật không?" Hắn lộ vẻ hoảng hốt.

- Nói láo làm gì.

- Mình gần nhau mới hai lần và chỉ cách nhau tuần lễ...

- Nghe nói một lần cũng có chữa!

Và tôi sợ....Sợ như cái lần tôi tìm tòi cảm giác đầu đời do mấy con bạn cà riềng cà tỏi xúi dại bằng cách ôm và hôn hắn ở trong phòng để thành chuyện...Mấy con bạn hành ngôn hành tởm bảo nhau: "Chỉ có con của nợ này là dại. Tại ngổ quá". Chúng nó dạy khôn tôi: Hôn để biết thế nào là...hôn. Như phải...mở mắt chẳng hạn. Mở mắt để nhìn rõ những hạnh phúc đầu đời. Nếu cần thì cởi tuốt cái áo nịt ngực. Tôi lập cập hỏi lũ bạn rằng hôn như vậy...có chữa không? Được thể tụi nó hè nhau

cười rĩ lên, tôi ngó đến thế là cùng. Sau đấy có đũa nghi ngờ: "Mày đã mất...?" Nói như mẹ tôi thì con trê cũng tiếc, con riếc cũng ham. Mất gì? Vàng bạc có giá, rau cá theo buổi chợ. Được gì? Chẳng mất. Nhăn răng cạp đất thì chẳng được gì sất cả.

Vi tôi chưa kịp mở mắt thì...hắn đã bỏ xuống nhà với bạn.

Sau lần điện trên, nói được những điều cần nói, hơn tuần lễ trôi qua, không thấy hắn tìm tôi. Tôi cũng chẳng có ý trông chờ gì hắn, tuy có chút buồn buồn và chút hy vọng là tôi đã lượng giá sai lạc về hắn. Khi những giọt máu hàng tháng nhuộm đỏ chiếc bông băng. Tôi quyết định gặp lại hắn để xác định lần cuối trước khi rời khỏi hắn không phải là sai lầm. Nửa thật nửa hợm, tôi nói với hắn tôi sắp đi xa. Hắn hỏi tại sao? Tôi đọc thấy sự giả dối qua bộ mặt mang vẻ thâm não, nhưng vẫn không thể che giấu hết nét mừng rỡ trên mặt hắn. Đến giờ phút này nhớ lại, tôi vẫn còn mừng tượng được khuôn mặt đáng ghét của hắn vào lúc ấy. Dĩ nhiên hắn không dám hỏi thêm điều gì về việc tắt kinh. Và để cho bỏ ghét tôi cũng không cho hắn biết tôi đã có hội chứng kinh nguyệt. Sau đó tôi âm thầm sống, âm thầm đi và về. Có lẽ những năm sau đó tất cả thời gian của tuổi con gái đều bị chiếm ngự với nỗi lo toan miếng cơm, manh áo nên tôi không còn thì giờ nghĩ đến tuổi con gái đã dầu dãi qua đi.

Rồi tôi có được Quân. Có lẽ nào do kinh nghiệm đau rát khi gần hắn làm cho tôi sợ chuyen

gần Quân? Tôi nghe nói và đồng thời đã kinh nghiệm chuyện đàn ông xâm nhập vào đàn bà trong những lần đầu: Người đàn bà luôn luôn nhận chịu sự đau đớn. Tôi bị đau là chuyện bình thường! Với hẳn, tôi ghét tôi còn chịu đựng được cơn đau hướng hồ gì với một người tôi yêu là Quân, thì những cơn đau nào thấm thía gì! Tôi lại nghĩ đến hai lần gần gũi với hẳn. Cảm giác lạnh tanh, bỏng rát. Người ta bảo đàn bà bén hơi đàn ông sẽ chẳng bao giờ chịu ở một mình vì như ăn phải đũa, ăn quen nhin không quen. Thế nhưng bữa lưng bữa vục, tôi chẳng bén hơn hẳn. Thế mà lâu thật là lâu trước khi Quân xuất hiện trong tôi, nhin như nhin cơm sống, ấy vậy mà tôi cũng chẳng hứng thú muốn gần người đàn ông nào. Đồng ý, nhưng bây giờ tôi đang có Quân, sao tôi lại co thân, rút mình.

Rõ ràng tôi sợ. Sợ gì? Hai chữ lãnh cảm như lớn dần lên. Chẳng lẽ chuyện tôi và hẳn đã để lại trong tôi vết thương tâm trí nặng đến thế sao? Có thật tôi đang mang chứng lãnh cảm? Tôi nghe nói người đàn bà bị lãnh cảm luôn luôn sợ chuyện gối chăn. Tôi co rúm người, không cho Quân dùng tay đụng chạm phần thân thể phía dưới, không cho Quân đụng tới ngang lưng quần. Thế tôi còn gì nghi ngờ mình không mắc bệnh nữa chứ! Nhưng cảm giác của người bị bệnh lãnh cảm như thế nào nhỉ? Có giống như cảm giác thích thú nửa vờ của tôi mỗi lần những ngón tay Quân mân mê đầu ngực, bàn tay ve vuốt khoảng da thịt quanh hông để mặt tôi nóng bừng, để bên dưới có gì nhột nhật, như có sự thúc

giục được dâng hiến. Một người đàn bà bị lãnh cảm có thể nào có được cái cảm giác ngọt ngào đó? Tôi có bị bệnh lãnh cảm không? Câu hỏi tiếp tục làm tôi bức xúc. Tôi yêu Quân, như thế tôi phải cho Quân nhập vào người, ít nhất một lần để xác nhận căn bệnh của mình. Không được! Nếu tôi bị lãnh cảm thật thì hành động nhập vào làm một với Quân có thể nào trở thành nguyên cơ để Quân từ hôn. Như thế tôi sẽ hoàn toàn mất Quân. Không? Không, nhất định tôi không để chuyện này xảy ra.

Tôi cần tìm hiểu thêm về thân xác của tôi, xác thân của một người đàn bà. Tôi tìm đọc những gì đàn bà viết về đàn bà, để khơi dậy nguồn nhục dục của mình. Bởi đàn bà viết những hưng phấn của đàn bà mới thật. Còn đàn ông viết những hưng phấn của đàn bà chỉ là bịa tạc, không thật. Như Liêu Trai Chí Dị của Bò Tùng Linh, thấy như cười ngửa xem hoa. Phải rồi, tôi phải tìm đến những cuốn sách nói về dục tình. Tôi phải tìm đến những đoạn văn mô tả cơ thể của tôi. Tôi đọc một truyện ngắn:

“...Như một con thú, chồng tôi vật tôi như một con mèo. Đôi mắt lục lợi da thịt tôi tan nát. Không cởi tất, cứ thế Công đè lên tôi, chọc sâu tàn nhẫn. Tôi càng đẩy Công ra, Công càng cứa như dao đâm. Không phải đâm mà anh chích vào người tôi những con trùng làm công tác hủy hoại bộ nhớ. Tôi nín lặng mặc cho Công quay lộn, mài dũa...Tôi muốn cởi phăng áo, dướn ngực vào mặt Công... (bỏ hai

hàng). Khi Công chấm dứt, tôi không còn nhớ gì hết, kể cả 10 ngón tay vừa cấu nát lưng Công. Tôi nhìn chúng xa lạ không hiểu đã xảy ra chuyện gì ban nãy. Ngoài kia, trăng đại ngàn vẫn ngồi ngời lung linh bên trên những con người thành phố thom nức, sạch sẽ nhưng không trí nhớ...” (trích đoạn *Bóng gầy của thần tích* – Lê Thị Thấm Vân)

Tôi đọc đoạn văn để tìm cảm xúc hưng phấn, để biết thêm thân thể của tôi, biết nơi chốn nào tôi sẽ dành cho Quân sau này. Thế mà đọc xong tôi đứng đung, không cảm xúc, chỉ thấy ghê ghê. Tôi không thể tưởng tượng tôi sẽ như thế nào nếu thân xác bị mười ngón tay chồng dày vò. Tôi chỉ muốn làm vợ. Trở lại chuyện tôi gặp hắn lần thứ hai: Thằng con trai tinh lẻ vắt cổ chày ra nước trong một cơn mưa vẫn vũ mà tôi không về nhà được. Tôi bị hắn vằn như cùi dứa bánh đa, tôi đã bị hắn vật ra và gần như hiếp tôi nên tôi ghét hắn. Tôi muốn làm vợ. Vậy tôi phải trốn chồng, phải che đậy cho kỹ thân xác của mình để chồng đừng lên cơn động tình. Chứ lẽ nào như tác giả Lê Thị Thấm Vân “cởi phăng áo, dướn ngực vào mặt...” chồng, khơi dậy thêm dục vọng của chồng để bị chồng tiếp tục sùng sục, dùng sức lực đè ra thêm lần nữa, để đầy ắp thêm cơn đau thể xác và linh hồn...

Sau đây tôi lại có ý nghĩ khác: Hay là bị lãnh cảm thật cũng nên. Nếu không, sao tôi phải cần những hàng chữ kích động dục cảm? Hay tôi chưa

thật sự bén hơi Quân nên mới thấy ghê sợ, chùng bén hơi Quân rồi biết đâu tôi lại không trở thành kẻ nghiện dục vọng như người nghiện thuốc phiện. Dầu sao tôi cũng không thể bỏ cuộc, cần tìm thêm những gì có thể khơi được cái tôi của chính mình. Tôi đọc thêm đoạn văn của một tác giả nữ khác:

“... Âm đạo là cái hầm, nuốt trọn. Là cái hang thăm thăm. Là cái động, vọng vang... Bà nằm ngó âm hộ mình qua tấm gương, không tỏ vẻ e thẹn, yêu thích, ngạc nhiên hay sợ hãi. Có lúc bà thở dốc, mồ hôi rịn ở trán. Bà đút ngón tay sần khô tìm kiếm (vật) gì bên trong. N giúp bà banh rộng hai chân...”
(trích đoạn *Dòng sông hủi* – Đỗ Hoàng Diệu)

Như lần trước, đọc những chữ trên, cái đầu của tôi cứ tỉnh rụi, chẳng nhọ nhay gì cả. Tôi bị bệnh lãnh cảm, đâu còn nghi ngờ gì nữa. Đàn bà lãnh cảm cũng tựa như đàn ông bất lực, trước sau gì cũng bị vợ bỏ hay chồng bỏ để nhăn răng cạp đất. Và tôi buồn bực, tôi khổ sở...

Buổi chiều hai ngày trước khi chúng tôi chính thức thành vợ chồng, sau khi lo cho xong mấy chuyện vặt vãnh cho đám cưới, Quân chở tôi ra biển. Quân nắm tay tôi cùng bước dọc trên bãi cát. Tôi lặng lẽ đi bên cạnh Quân, chân bước mà tâm trí bán loạn, mặt mũi ngập tràn những chao đảo. Chùng như Quân nhìn thấy được nổi ù dột như canh bí

chiều đông của tôi, đang đi bỗng Quân dừng lại, nắm lấy hai bàn tay tôi:

- Sao em có vẻ lo lắng quá vậy?
- Không có gì!. Tôi lắc đầu.

Một tay Quân nâng mặt tôi, bảo:

- Không có gì sao mặt em cứ rười rượi như thế!

Tôi ngúc ngắc đầu. Làm sao tôi có thể nói trắng ra nỗi sợ của tôi. Ngày kia là ngày cưới. Chuyện vợ chồng tôi đâu thể tránh mãi. Tôi phải làm sao đây? Tôi ôm chặt Quân, nói giữa những giọt nước mắt: “Em sợ...Em sợ...đau!”.

Quân chột hiểu.

Hệ quả là chiều tối Quân đưa tôi đến một tiệm ăn nhỏ, kín đáo, xa thành phố. Cũng là ly nước Quân rót, món ăn Quân gắp, nhưng sao có vẻ như chăm chút hơn, đậm ấm hơn. Sau bữa cơm tối Quân chở tôi về căn chung cư của Quân, nơi tôi đã nhiều lần ghé đến. Trên đường về, một tay Quân lái xe, tay kia có lúc nắm tay, có lúc mân mê đầu gối tôi như đã vài lần từng làm. Thế mà lần này cứ sao tôi thấy như có luồng điện chạy dài toàn thân. Tôi thấy môi mình lạnh ngắt. Mặt mình tê dại.

Ngay ở phần dưới, tôi muốn...đi tiểu.

Quân loay hoay mở cửa...Những gì đằng sau cánh cửa tôi đều rõ, tôi nhủ thầm tôi cần dứt khoát. Trước sau cũng một lần, đêm tân hôn hay vào lúc này ngay đằng sau cánh cửa. Dầu sao tôi cũng không thể tiếp tục dối lừa Quân, Quân cần phải biết

căn bệnh của tôi, để tôi và Quân có quyết định. Tôi yêu Quân, nếu vì việc hai đứa nhập vào làm một để cho Quân thấy căn bệnh của tôi, thì ít ra tôi cũng chứng tỏ được tình yêu của tôi đối với Quân bằng việc đánh đổi sự may rủi, còn hơn đợi sau ngày cưới với hậu quả Quân hiểu được sự thật. Tôi đã quyết định, có sao người tôi run rẩy. Mặt mày tôi đỏ ửng.

Phần dưới tôi lại...mót tiêu nữa.

Khi cánh cửa đã khép lại sau lưng hai chúng tôi, Quân ôm tôi. Tôi vòng tay ôm lấy bờ lưng Quân. Hơi ấm của bờ môi Quân đặt rất lâu lên môi tôi. Nụ hôn thật sâu thật đậm. Tôi cảm nhận rõ ràng tình yêu trang trọng Quân dành cho tôi. Quên hết. Buông xuôi. Mặc Quân dẫn đưa vào khoảng không gian không còn chút gì ngăn cách của hơi thở liền hơi thở, của da liền da, của thịt liền thịt. Không, tôi cần nói thật cho Quân biết. “Anh...”, tôi mở miệng. “Suyt.”, tiếng suyt của Quân vừa dứt, môi Quân lại gắn chặt vào môi tôi.

Thôi! Tôi hãy ngưng nói, ngưng trăn trở. Hãy ngưng chiều cảm giác. Hãy ngưng đôi co. Ngã người. Buông rơi. Mặc cho những cọ xát của da của thịt. Mặc cho Quân diu đi. Đồi cát. Biển xanh. Gió thổi. Từng cơn sóng vỗ bập bênh. Rừng xanh. Sương mù. Từng bước dọ dẫm và từng bước chạy. Chơi vui. Chơi vui. Bồng bênh. Bồng bênh. Hủy phá. Vỡ tung...Một cái đau nhói người. Chơi với...Một niềm thống khoái vút lên, khoáng mạnh vào từng thớ thịt.

Tôi ẵm Quân ra và cắn vào vai Quân một cái thật sâu...Như một dấu ấn.

Rồi thì mọi sự cũng xong...Xong rồi Quân rời khỏi tôi, dang cánh tay cho tôi gói đầu vừa thắm thì bên tai tôi: “Em đau lắm không?”. Tôi dụi đầu vào ngực Quân lắc đầu. Tôi nhìn xuống mặt nệm. Một chút màu hồng còn ướt vương vãi nơi chỗ nằm, tôi bật ra ý nghĩ: “Tháng này mình có kinh sớm”. Tôi khép đùi, sợ những giọt máu làm bẩn thêm chiếc khăn trải giường. Quân đã rơi vào giấc ngủ. Tôi lang thang về vùng kỷ niệm của ngày mới lớn. Những ngón tay ấn nhẹ khoảng ngực cứng cứng vừa mới nhú. Một chút đau đau, một chút thích thích. Bất chợt tôi nhớ đến những gì đàn bà viết về đàn bà mà buồn cười. Quân đã ngủ say. Mắt tôi nhắm lại nhưng nhớ trước đó miệng tôi thắm thì với chính tôi: “Chồng ơi! Em yêu mình!”.

Nhưng như Bồ Tùng Linh, tôi đã nói láo với chính tôi. Tôi đành thành thật với chính tôi, đặng nào cũng một lần...Thành thật mà nói thì chẳng có gì đáng nói, rằng: Đau lắm!. Giữa cơn đau như cắt da xé thịt tôi đâu còn đủ lý trí để phân biệt vì thân xác tôi nào khác gì tấm gỗ mục. Tôi đã rõ thể xác tôi trở lạnh trong chốc lát, nhưng tôi biết một ngày nào đó cơ thể tôi cũng có thể nguội dần biến thành tảng băng. Điều này với một người như tôi, sẽ hoàn toàn không bao giờ muốn. Bất chợt một cảm giác dính

liền với những hệ lụy chất ngất ùn ùn kéo về...là ngay lúc ấy: Tôi lại nghĩ đến tình cũ hai tuần trong hai tháng là thằng học trò tỉnh lẻ: “Giữa cơn đau rát, tôi vẫn cảm nhận là tôi đang cố gắng chịu đựng cơn đau, cố bóp chặt cửa tử cung lại như cố đẩy cái của hắn và thứ khí quyển như bản sắp sửa xâm nhập vào người ra ngoài...”.

Đau hơn nữa là Quân nằm trên, tôi nằm dưới. Nhớ lại lời lũ bạn dặn dò là đừng nhắm mắt, mà phải...mở mắt để nhìn sự thật phũ phàng có thật và tôi đã mở mắt nhìn lên. Tôi bắt gặp khuôn mặt Quân. Tôi chỉ thấy trong tôi cái tôi lạnh nhạt và dửng dưng, hời hợt và trống vắng đến nhẹ tênh. Như một cơn gió thoảng...

Tận cùng thì tôi bỏ trốn! Và Quân cũng bỏ đi.

Rồi thì tôi...thiếp đi cả mấy năm nay, đặt lưng xuống là tôi mộng mị. Ái ân đầm thắm với người đàn ông không rõ nét trong giấc mơ, khiến tôi thấy lạ lẫm với chính mình. Tôi chưa bao giờ cuồng nhiệt, hết mình đến thế. Và lạ nữa: Tôi đã chịu nhắm mắt để không phải nhìn thấy hạnh phúc không có thật. Ấy vậy mà tôi nhập vào cõi không, choàng mắt nhìn sang, tôi không thấy người đàn ông nào. Tôi thức dậy. Tôi tiếc sao giấc mơ không kéo dài, để tôi được thấy rõ người đàn ông vừa dẫn dắt tôi tới chân không, dường như tôi đã gặp ở đâu đó. Tôi chỉ nhắm mắt vào đêm. Giấc ngủ buộc tôi phải vậy. Cả năm trời sau đấy, giấc mơ tôi trống trơn, không có bóng dáng một người đàn ông nào, cả những người tình

sau này. Để sáng ra thêm trống rỗng. Khuôn mặt người đàn ông kia vẫn lạ lùng với tôi. Vẫn không hiện ra rõ ràng. Như thể là hương khói. Hàng ngày, như hồn bướm mơ tiên, tôi sẫm soi từng khuôn mặt những người đàn ông đi qua. Tôi lắc đầu: Không phải...! Vì mỗi lần lên tới hư không với người đàn ông bí ẩn ấy...

Thoảng như tôi ngửi thấy mùi nhang.

Từ mùi nhang, tôi nhập hồn nhập vía một tác giả nào đó trong cõi không: "...Tôi gạ gẫm con chuồn chuồn, đem phó thác thân xác trần gian của tôi cho con chuồn chuồn trên hai cánh mỏng bay đi rồi trở về đồng ruộng làm mục tử chăn trâu. Con trâu chạy lạc. Tôi chạy về bám báo với ni cô cho phép con chuồn chuồn của tôi cư lưu một thời gian. Ni cô đuổi tôi. Thì tôi ra bờ ao nằm ngủ giữa chiêm bao. Chiêm bao lãng đãng...". Khi không cái đầu đất tôi đâm sầm cửa thiền với góp nhặt sỏi đá: "Có tức làcó-chẳng-có. Không tức là....không-chẳng-không".

Thế nhưng là chuyện sau này với nhang đèn hương khói...

Trở lại chuyện đang giờ giảng giờ đèn ở khúc đầu...Đang xơ như nhộng xác như vờ đùng đoảng thế nào lộn thừng lộn chảo tôi gặp gã họ Bò: Cứ theo lời kể lại của gã họ Bò thì gã rút điện thoại cầm

tay báo cho tôi biết gã không đi chùa được. Con di động của tôi không đổ chuông. Sáng hôm sau vào giờ làm việc, gã lại gọi cho tôi và đầu dây đằng kia có giọng người đàn bà âm ỉ, âm u: “Gọi hoài! Đà bảo đây là chùa Bạch Vân mà”..v..v..

Chiều xuống, tôi vẫn đợi gã ở chỗ tình tự quen thuộc, khuất sau một tảng đá lớn. Gã họ Bò đẩy tôi tựa lưng vào tảng đá, kéo vạt áo tôi lên. Tôi nhắm mắt lại, gương mặt xanh như tàu lá chuối. Gã chăm bằm nhìn cái vết sẹo trên cổ tôi. Lạ. Bây giờ gã họ Bò mới thấy. Khi những ngón tay lạnh tanh của gã bắt đầu mê mụ, cuống quýt bỏ phần trên để lần xuống dưới phần lạnh lẽo của tôi, đột nhiên tôi buồn tình lại...cắn mạnh vào...vai gã.

Cũng giống với Quân, sau hai cái cắn để lại dấu ấn, để lại một nhớ hai quên. Tôi âm thầm lạnh lẽo biến mất sau buổi chiều hôm đó. và biết rằng gã họ Bò sẽ khôn khổ rượt bắt tôi. Nhưng sẽ không bao giờ bắt được tôi...

Gã họ Bò mò mẫm lên chùa Bạch Vân gặp sư bác để hỏi thăm gia thế tôi. (Xem Bò Tùng Linh tân biên liệt truyện - 1). Gã chưa kịp mở mồm lụng bụng thì có tiếng con gái cất lên nheo nhéo trong túi áo sư: "Ước gì cho thời gian trở lại. Ước gì ta đừng có nghi ngại...". Tiếp đến tiếng nheo nhéo lại âm u, âm ỉ vọng ra: “Anh ơi. Em mượn bao diêm”. Nghe rôi, sư thọc tay vào túi, móc ra...con đi động, bấm nút Ok.

Đầu giây bên kia có tiếng con gái thất thểu:

- Sư ơi.
- Lễ sớm thế? Mới 7 giờ.
- Sớm mới vắng. Sư!
- Mô Phật. Thích chủ vui lòng giữ giới. Tôi là hòa thượng.
- Em xin lỗi. Vậy gọi anh là hòa thượng gì?
- Cửa chùa chị nên xưng tôi. Không xưng em.
- Em cứ... em đây.
- Chị thắp hương ở nhà đi, lát lên. Đừng cầm hương lên xôi oản.
- Ui gia! Sư làm em cầm hương lên tay em đây nè.

Gã họ Bồ chưa kịp hiểu và hỏi thì họ lại tiếp:

- Thứ bảy sư không xuống phố chơi?
- Xuất gia không nghỉ thứ bảy.
- Không buồn?
- Không. Tu hành vui trong giới.
- Em chả hiểu. Tu không được lấy vợ phải không?
- Phải.
- Nhưng vẫn... yêu?
- Không.
- Vô lý. Sư yêu Phật chứ?
- Cái đó khác.
- Em ước em là giới Phật của anh. Ui thật đắm say.
- Báng bổ quá.

Im ắng, ắng im... Và tiếp:

- Hi hi ước thôi mà. Giả dụ sư chưa đi tu. Sư yêu em không?
- Không biết.
- Tại sao?
- Tại chị quá đẹp.
- Ui...sư bảo gì?
- Tại chị đẹp quá.
- Quá đẹp, lại không yêu? Nói dối hả? Hay nịnh?
- Mô Phật. Thí chủ vui lòng giữ giới.
- Em ước căn môi sư một cái.
- Gì?
- Sư ôm em đi.
-

Rồi họ lại nún xún thêm nữa:

- Á à sư bờm đầu hờ.
- Tuần rồi chưa kịp húi tóc chị ạ.
- Chứ không phải sư thích em?
- Ồ không. Không đời nào.
- Sư chả cần để tóc. Sư mặc quần hiệu “Li-vai”, áo thương hiệu “Cá sấu”. Đầu trơn phong trần càng quyền rũ. Sư ui, em mê sư túi bụi.

Rồi sư bác sực nhớ ra điều gì, vỗ vỗ tay lên cái đầu trơn lơ thơ tóc và chúi đầu rì rầm với gã họ Bồ: ”Ấy đây! Cái con bé ấy...”. Và sư rầm rì kể chuyện “con bé” cho gã họ Bồ nghe.

Ấy đây: Thưa, con bé ấy là...tôi đây.

(Xem Bồ Tùng Linh tân biên liệt truyện - 1)

Từ lúc biết gã họ Bò, tôi như Thanh Tâm Tuyền: “Tôi không còn cô độc”. Chưa kể gã đồng bệnh với tôi. Phải giăng phải gió gì đâu chẳng biết nữa, gã lại còn bày đặt viết truyện “Bò Tùng Linh Tân Biên Liệt Truyện - 1” với mưa Sở mây Tần, dập dìu lá gió cành chim: Chẳng qua chỉ là ẩn ức trong cái tuổi về chiều chẳng thấy đâu là bờ mê bến ngộ. Bến ngộ đâu không thấy, chỉ thấy bờ mê...bến lú nên sinh tật “Nói láo mà chơi, nghe láo chơi...Chuyện đời đã chán không buồn nhắc...”. Và tôi chẳng muốn nhắc lại làm gì vì gã đã nói láo về sư bác và tôi bác như thế này đây:

“Mò mẫm lên chùa Bạch Vân để hỏi thăm cảnh xưa người cũ, thoáng nhìn sư cụ trạc tuổi Bò. Bò nhớ như gặp ở đâu đó thời kỳ đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào. Bò nhớ khi sư mặc áo vàng áo nâu, tay bưng bình bát nhưng lại đội nón cối với ngôi sao đỏ thì phải, nhưng mặt mũi nay dòm nhập nhoạng nên không chắc ăn lắm”.

Chuyện láo lếu của gã họ Bò viết thành truyện là vậy. Còn chuyện thật của tôi thì nay tôi đã lột xác, chuyện đời tôi không chán mà cũng chẳng buồn và tôi lơ thơ lơ liễu buông mình “Thiếp như hoa đã lia cành - Chàng như con bướm liệng vành mà coi” với sư là vậy. Vậy thôi...

Gã về rồi, tôi từ trong túi áo sư chui ra và dòm thấy sư đang điếm chuông, tôi lại đùm đậu túi bụi

với sư tiếp: “Sư ui, em chả hiểu sao sư không tụng kinh, cứ nện chuông hoài hoài vậy?”. Đang gõ mõ, sư không đáp, sau vài quần Li-vai ở đầu gối bị rách to bằng quả ôi, đầu gối sư cộm dày lên hai vết chai cứng, hai vết chai thâm đen, hậu quả của sự quỳ gối nhiều năm! Hai vết chai hình tròn, dấu ấn chứng minh đức kiên trì của sư. Tôi sờ vết sẹo trên vai sư. Tôi thấy thích thích, buồn buồn, nhột nhột. Rồi tôi sờ nắn, mân mê hai vết chai ở đầu gối của sư, lại cử như: “Ui gia, liệu tâm của sư có chai như đầu gối không?” Sư đáp: “Đầu gối quỳ, tâm không quỳ”. Tôi tế mím: “Bữa nay, tâm của sư có nhà không?”. Rồi tôi hỏi cho tới cu ti củ muội: “Sư ui, giận hở? Ui gia, giận gì mà giận dai”. Sư chậm chạp lắc đầu...

Sư tiếp trong trống vắng:
- Tâm nó đang ở đây.

Và sư Quân của tôi thò tay vào áo thung thương hiệu Ca sấu màu nâu và đưa cho tôi một nhánh hoa. Sư rì rầm trong chón không...

Tháng năm về điếm sơn xuyên
Trên tàn phế dựng muôn ngàn cỏ hoa
Bây giờ em đứng nơi đâu
Cỏ trong mình mấy em sâu ra sao

Tay kia tiếp tục gõ mõ, miệng lâm râm tụng kinh như nói chuyện...với tôi. Cứ như *Hồn Bướm Mơ Tiên*, sư nói: “Hãy cắm nhánh hoa này vào một bình khô nước”.

Tiếp, sư Quân của tôi hỏi:

- Hoa gì đây?

Tôi trả lời:

- Thưa, hoa cúc lộn.

Thạch trúc gia trang

Lập thu, Tân Mão 2011

Nguồn: Bài viết được vay mượn từ những tác giả
Trần Đức Tiến, Ngọc Anh, Ngô Phan Lưu, Bùi
Giáng.

Ngồi ở quán nhậu

Lần này về thăm quê nhà, bụng dạ cứ bơ bãi với ăn thịt trâu không tơi, ăn gỏi không lá mơ...hiều theo cụ Tản Đà là...ăn không ngon. Vừa lúc thằng bạn Nam kỳ biết tôi có căn tu, với tu chùa chẳng bằng tu nhà. ăn ở thật thà mới thật là tu...bia nên gửi gắm gã bạn của nó thuộc diện hẻm nào cũng biết, ngõ nào cũng hay, bảo đảm chẳng ế độ. Cứ theo lời nó kể lể khoản lý một lam, làm một ly thuộc dạng sáng say chiều sỉn, là nhậu tới bến. Ấy là chưa kể gã chữ nghĩa ngập răng nên chuyện...chó gì cũng biết. Như khuyến với cầu khác nhau cái khổ nào, gã luận rằng: “Khuyến là chó, không phân biệt kẻ quen, người lạ, gắp là sữa, nên chữ Hán, chữ khuyến tượng hình là con chó đang ngồi lè lưỡi. Cầu là chữ Nôm, cầu sữa có bài bản câu cú rõ ràng, gọi là sữa có văn. Vì thế chữ Nôm về con cầu, cạnh bộ khuyến, còn

thêm chữ “cú”, ngụ ý sửa ra câu cú có vần, có vận”. Thế nên với tôi như vậy là quá đủ cho một chuyến đi. Bởi nếu như có tức duyên gặp anh nhiều, anh khóa quá mùa sa mưa ngộ chữ với có tức là...không, không tức là...có, thì đi nhẹ về nặng, biết đâu gánh về được một bồ chữ cũng là cái hay. Số ruồi, vớ phải ông hủ nho, hủ nút nát chữ như trấu chát với...vô chãng, hữu có, khuyến chó, dương dê như thêm đũa thêm bát vậy thôi. Nói cho ngay, tôi thuộc thể loại văn hoá mỏng nên chẳng nhe nhe cho mấy, chỉ biết vài mặt chữ chi, hò, giã, đã đủ để đọc dăm quân bài mặt chược.

Bạn đọc lần khân rằng cần người đôi âm trong đám nhân sinh này ư? Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu, cứ rử nhau *nón lá áo toi ra quán chợ* là xong. Nhưng xong thế nào được vì tôi về đến phi trường mới chớ phở ra gã hành nghề...chạy taxi. Ngẫm ngợi cũng tốt thôi, vì Sài Gòn đầu đường cuối ngõ gã là thổ công. Vì vậy tim gan phổi phèo tôi được thể gọ gạy khôn tả với *sống được miếng dôi chó, chết được bó vàng tâm, sống không ăn miếng dôi chó, chết xuống âm phủ không có mà ăn* (ca dao). Nói vậy chứ chả ngon ăn như ăn óc chó, bởi lẽ mới sơ giao không nhẽ nói chuyện *Y thiên đồ long kiếm* với câu nói đề đòi của Minh giáo chủ: “Đòi chẳng có gì vui, chết chẳng có gì buồn”. Chết được bó vàng tâm, sống không ăn miếng dôi chó nên xe qua Lăng Cha Cả, vòng xuống Ngã Ba Ông Tạ, buồn tình dòm bên đường mấy quán nhậu ngày nào năm

ấy đã đi vào tha ma mộ địa. Trong một cõi đi về, tôi nhập hồn nhập vía với gã bằng vào câu *trăm năm sông núi cũng mòn, nghìn năm bia rượu vẫn còn như xưa*. Gã chỉ âm ừ “Dà!”.

Tôi bèn văn dĩ tải đạo, buông xả dăm khoen lơ mơ lỗ mã với gã thế này đây:

“...Hai thiền sư, một già một trẻ, thiền sư già Unsho phóng khoáng không bao giờ để ý đến giới luật. Thiền sư trẻ Tazan khắc kỷ, luôn luôn giữ giáo luật của nhà Phật. Một hôm Tazan từ Tokyo về nhằm lúc Unsho đang nhắm rượu với thịt chó.

Sư già chào đón sư trẻ: ”Thầy làm một miếng mồi đưa cay chẳng?

Tazan nghiêm giọng đáp: “Tôi không bao giờ ăn thịt chó”.

Unsho cười đáp: ”Một người không ăn thịt chó, không uống rượu, không phải là người”.

Sư trẻ nổi sùng lên: “Thầy nói tôi không là người thì tôi là gì?”

Ông sư già cười dუმ đó: “Một ông Phật...”.

Gã “Dà!” thêm một tiếng rõ to rồi cười như chó học xương rằng gã không phải...Phật. Và lái lùa tiếp, lát sau ngừng ở chân cầu Thị Nghè, nhìn bảng “nhét dô răng” có tên *Quán Lá Mơ*. Tôi ung dung tự tại nhập thế tục một chiều trên bến nước...

Thò đầu vào quán tôi choáng ngay, bộp vào mặt là một dàn năm bình bự sụ, bình nào cũng to đùng

bằng cái nồi ba mươi có “thương hiệu” theo thứ tự với nhất xà, nhị xà, v.v.. Vừa để cái bàn tọa va vào ghế, mắt vướng víu vào cái tam xà, chôm chĩa chữ nghĩa báo chợ, báo chùa bấy lâu. Tôi lêu bêu với gã ắt hẳn là ba con mang bánh, cặp nong, hồ trâu chi đây. Gã im thin thít. Chỉ cho gã cái ngũ xà, tôi khua môi múa mép chém chết là một mang bánh, một cặp nong, một hồ trâu, một rấn ráo, một mai gằm...Gã lặng lờ châm điếu thuốc. Tôi lãng ba vi bộ với Kim Dung rằng Lam Phụng Hoàng cầm bát rượu *Ngũ bảo tửu* đưa Lệnh Hồ Xung. Rượu có ngâm năm con trùng độc là một con rấn đen, một con rít, một con nhện, một con bọ cạp và một con trăn nhỏ bằng đầu ngón tay.

Gã hủ nho, hủ nút làm như không nghe vì quán xá đang ầm ào, họ buông xả với thịt chó như một di sản văn hóa lâu đời. Gã vẫy tay ới người phục vụ lo chuyện hậu sự...Thấy gã không mặn mà mấy con rấn cho lắm. Chợ nhớ hồi này ở trong nước đổi mới tư duy với cao trào mang công án Thiên vào quán nhậu. Vì cần thuyết phục nhau, thì "dùng công án Thiên dễ hiểu hơn nhiều". Như "Lấy đũa quơ trăng", "Thiên sư qua sông", "Quảng dao giết lợn là thành Phật" cùng "vô minh", "vô ngôn", "vô thường", "vô ngã", "vô sở đắc", "vô sở trụ" rất rõ ràng, sáng tỏ. Như hỏi một nhà văn rằng vì sao anh ta cứ mài óc ra mà viết bài cho báo lá cải. Đáp: *Phật cũng chỉ là que cắt khô thôi mà!* Hỏi tiếp: *Sao Phật lại là que cắt khô?* Đáp: *Anh không biết công án Thiên à?* Thế là người hỏi cứng họng. Là xong.

Không nói chuyện rần thì “khảo luận” về...chó với "vô sở đắc", "vô sở trụ". Nhìn ra con sông Thị Nghè đang lặng lờ trôi...ý đồ tôi muốn trôi theo sông nước với con cún nhà tôi không ăn thịt mà chỉ ăn rau muống nên tôi chắc mẩm kiếp trước nó là Bắc kỳ. Sau nó nhai giá sống rau ráu, tôi chắc như bấp luộc nó là Nam kỳ. Với khoản đậu rần thì nó hỉ xả trông thấy, nên tiền kiếp nó là một ông Phật chẳng. Gã lắc lắc cái đầu. Tôi nói: *Thế là ông không đọc công án Thiền rồi*. Được thể tôi khùng khỉnh cọ đít nhồi với gã qua một công án về một ông tăng hỏi sư Triệu Châu: “Con chó có Phật tính không”. Triệu Châu đáp: “Không”. Gã làm một hơi thuốc từ tốn thở ra...mây, và “Dà!” một tiếng rằng chuyện của tôi là chuyện cóc nọ đeo thang, voi kia đẻ trứng. Rồi lam như ăn khoai môn ngứa miệng hay sao ấy...

Ấy là chuyện quê gã ở Hóc Môn, Bà Điểm:

“...Tôi không nhớ ông già tôi nuôi con Đốm từ hồi nào. Chỉ mang máng ông xin nó về nuôi từ lúc mới đẻ, bấu vạt của một ông bạn già ở xa nhà tôi khoảng mười cây số hương lộ. Vậy mà ông bạn cố tri ấy đành cắt khúc ruột của mình ra tặng cho ông già tôi. Thế đủ biết cái tình bạn nhậu giữa hai ông già thâm sâu, thấm thiết biết là đường nào.

Đúng là bợm nhậu theo kiểu giang hồ, ông già tôi quả là một dân nhậu khét tiếng từ Hóc Môn đến Bà Điểm với rượu đế Gò Đen. Nếu không nổi danh như vậy ông đã không đến nổi bán vợ đợ con để về chui rúc dưới mái tranh vách đất xấp xệ, trông chẳng

khác nào cái chòi nhỏ. Mái tranh cũ rạt không che kín đủ bên trong, lúc nào cũng như chờ đợi những cơn mưa dột ướt cả người ngòm. Còn cái tình cảm giữa ông bà già tôi mới thật là éo le. Chính vì ông già tôi là bọm nhậu nên bà già tôi không thể nào chịu được cái cuộc tình giãy chết này nữa. Bà đành một mình cự tuyệt ông già và lặng lẽ dắt hai đứa con thơ kéo nhau về cắm dùi ở cái thôn Quảng Phước xa xôi hẻo lánh để làm lại cuộc đời...”.

Vừa lúc người phục vụ ló đầu ra, gã không khảy nói cho cái bình da lươn và hai cái chén Tống. Tôi nghệt ra hỏi gã mình vào đây uống rượu rắn chứ...lươn lẹo gì? Gã lươn khươn rằng ấy là cái bình đất nung...nung cho tới màu da lươn, để lâu lạc tinh thành màu gan gà nên còn gọi là ché. Ché đựng *Thập nhị xà nhất điều* gồm 12 con rắn là hổ mang, hổ lửa, rắn ráo, mai gấm, cạp nong, hổ hành, hổ hèo, rắn lục, liu điu, ri voi, ri cá, bông súng và nhất điều là...con bìm bịp. Như trên đã thừa gửi, tôi không có tướng lại có tính, tính hay hóng hớt chuyện chữ nghĩa nên tôi hong hanh với chén Tống cứ theo cụ Vương Hồng Sển, trước dùng để uống rượu, đến đời Thanh vì...tửu lạc vong bản nên để uống trà.

Lại làm như điếc đặc, gã cứ lựng bưng chuyện con chó con vớ...cái cối xay:

“...Vậy mà ông cũng tìm ra được tông tích của ba mẹ con tôi rồi cũng rút binh về theo. Tuy nhiên cái tình mặn nồng ngày xưa không còn nữa. Cái nhà là

của bà già tôi mua nên trên nguyên tắc ông già không có quyền ở chung. Túng quá ông phải tự làm lấy một cái chái nhỏ che đỡ mưa nắng, núp dưới bóng cây xoài to, sát bên bờ giếng làm chỗ trú ẩn, coi như tạm cắm dùi chung trên cùng mảnh đất, ở ngay sau cái chòi má con tôi ở.

Hai người như hai cái tai của cái cối xay, người ở đằng trước thì kẻ ra đằng sau, người ở trong nhà thì kẻ phải ở ngoài hoặc ngược lại. Cũng chính vì cái nỗi buồn đơn độc này mà ông già tôi phải tìm cách nuôi một con chó làm bạn. Thoạt đầu ai nấy đều lắc đầu bởi ông già tôi ngoài cái chuyện nhậu nhẹt, ông còn là một tay mần thịt cây nổi tiếng nên không ai tin tưởng ông một khi con chó bắt đầu lớn. Ấy vậy mà mối tình thủy chung này lại kéo dài đến suốt cuộc đời của hai "người" còn hơn là mối tình lớn của ông với bà già tôi.

Con Đóm hiện diện trong nhà tôi từ ngày ấy ở Trung Chánh Bà Điểm quê tôi..."

Vừa lúc người phục vụ mang ra đầy đủ đồ nghề với "cái trước để uống rượu, sau cũng để...uống rượu". Thôi thì thượng điền tích thủy, hạ điền khan, gã nhắm món chả chìa trước cái đã. Chỉ cái bình tam xà chẳng con rắn chết tiệt nào nằm trong, gã râm râm tam xà không như tôi...hoang tưởng mà gồm "hồ mang, hồ lửa, hay mai gầm hoặc cạp nong". Còn ngũ xà gồm ba loại trên thêm hồ hành và hồ hèo. Ấy là rượu rắn *Phụng Hiệp* ở đất Phong Dinh. Rắn được

mổ bụng, bỏ hết, chỉ giữ lại mỡ và mật vì đây là hai vị thuốc trị liệt dương, đau nhức, táo bón và... phong thấp như ông già già.

Và gã rần ráo về chuyện chuyện con chó mẹ với...cây xoài:

“...Từ hôm ông già tôi âu yếm ôm con Đốm về nuôi đã gây ra một bầu không khí chộn rộn trong gia đình không ít. Má tôi vốn có tính không ưa chó mèo nên khi thấy vậy bèn hứ cho một câu chí tử "Cơm không có mà ăn còn đem chi cái ngữ ấy về nuôi, giỏi lắm được năm ba bữa nửa tháng là vô bụng". Bà thường nói trống từ trong nhà vọng ra cốt cho ông già tôi nghe cho bố tức. Riêng anh em tụi tôi thì đặt nhiều dấu hỏi to tỏ chẳng là không biết con Đốm con sẽ ăn uống thế nào khi con mắt còn nhắm rít.

Cơn lo lắng của ông già kéo dài mấy ngày trời thì đột nhiên bữa nọ, cả nhà bỗng thấy con chó mẹ không biết từ đâu lòi ra với bộ lông đen ngòm đang nằm xoải mình ra bên cạnh gốc xoài, thò mấy cái vú dài ra cho con Đốm con bú. Thế là vấn nạn trước mắt được giải quyết ngay tức khắc nhưng sau đó ai nấy đều cảm thấy có một cái gì không ổn!...”

Nghe đến mỡ và mật vì đây là hai vị thuốc trị liệt dương. Quên khuấy gã là anh nhiều, anh khóa khủng khảng về rượu chữa bá bệnh, tôi như mắc bệnh từ ám Hán tự với chữ “y” là thuốc, trong chữ “y” có chữ “tử” là rượu đứng trước. Tôi hú họa gã

bài cao đơn hoàn tán về thuốc rắn: *Ai bị phong thấp, ngâm sẵn hổ mang. Ai bị da vàng, tìm rươi hổ lửa. Đàn bà không chữa, chuốc lấy mang bành. Đàn ông hoạt tinh, đừng quên rắn ráo....*Tôi sơn đông mãi võ rằng con bìm bịp...có võ, nó xà xuống cắn rắn con bay lên cao thả xuống là rắn...chết tươi. Tôi hươu vượn là hai loại ky nhau như nước với lửa, lấy liệt hỏa mà khu trừ hàn tà để chữa bệnh...phong thấp. Tôi múa may thêm âm với dương là chân âm toàn thịnh, chân dương hữu khuy...là để chữa bệnh...hoạt tinh.

Gã nhìn tôi bằng nửa con mắt rùa và nhẹ nhàng lát phát rằng bìm bịp là chim rừng nhỏ hơn gà, lông nâu, đầu đen, đuôi dài, kêu...“bịp bịp”. Khi bị gãy chân, nó tự chữa trị lấy bằng cách đi kiếm lá bìm bìm hình chân vịt hay lá bìm bìm...xé ngón về đắp chân.

Gã lắc đầu, ngỡ lắc đầu về con bìm bịp bị gãy chân. Hóa ra không, gã đùm đậu:

“...Không bắt ổn sao được khi cả nhà tôi từ ông già cho đến má tôi đều tỏ vẻ ngạc nhiên là không biết tại sao với hơn mười cây số hương lộ, không ai chỉ đường cho con chó mẹ mà nó tìm ra được căn nhà nơi đứa con của nó bị "bắt cóc". Chẳng lẽ nó đánh hơi mũi tài tình đến như thế? Kế tiếp là nó phải vượt ruộng, vườn, khe rạch mỗi sáng cả đi lẫn về để cho con Đốm con Bú, thử hỏi sức người cũng phải tiêu điều huông hồ là súc vật. Thế mới biết cái tình mẫu

tử con vật cũng thật là thâm sâu thâm sâu! Sau đó nó chạy ngược về thôn trong. Được mấy ngày, một buổi sáng, anh em tôi ra gốc xoài nhưng không còn thấy bóng dáng con chó mẹ đâu nữa. Người chủ cũ cho hay là nó đã biệt vô âm tín! Chúng tôi biết nó đã thật sự gặp chuyện chẳng lành ở...quán thịt chó đâu đó...”.

Với quán thịt chó, bởi không thông hanh lắm về ông bạn mới này nên tôi mới lòi tới chuyện chó Bắc, chó Nam, rắn chữa bệnh...hoạt tinh. Qua những nao nuốt ấy tôi mới ngờ ra gã là Nam Kỳ miệt vườn, tặng người nhật hoen hoét như nước lã ao tù. Nhưng cung cách uống rượu rất...nhất cổ nhì quái: gã bày hai cái chén Tổng trước mặt. Cái cổ chế có hai cái tai là cái quai. Hai tay gã bưng...hai cái tai lên. Vô tửu bất thành lễ, gã rót cho tôi trước, cho gã sau. Cái chén Tổng “ngồi” trước mặt gã. Gã khẽ cúi đầu xuống cái chén hít nhẹ, cung cách trang nghiêm, kính cẩn của một tửu đồ đi tìm vô ưu, vô thường của tửu đạo. Cũng hai tay, gã đưa cái chén ngang miệng, mặt mày tĩnh không, tĩnh lặng. Hốt nhiên gã ngửa cổ ực một cái nhắm thín như nghi lễ uống trà của trà đạo, của thiền sư. Rồi...

Rồi khà một cái, vẫn khuôn mặt vô ưu, vô minh ngập u u minh minh:

“...Con Đóm con bây giờ lâm vào cảnh mồ côi. Nhà nghèo nên đừng gì ăn nấy, càng ngày càng đèo đẹt nhỏ thó, trong khi các con chó hàng xóm cùng bày

lớn lên phồng phao thấy rõ! Thiếu tình thương của mẹ, Đóm càng ngày càng bị ăn hiếp, càng quắt lại không sao lớn nổi. Không được mẹ liếm láp cho thường xuyên, lưng nó bị đóm ghê nhỏ biến thành lác. Tháng ngày qua đi, tụi chó con hàng xóm chúng bắt đầu ăn cháo thêm để bù vào khoản cai bú sữa mẹ. Nhưng thảm thương cho Đóm chẳng bao giờ nó được bữa no, vì bị lũ đồng loại lớn con đẩy bán ra ngoài khi Đóm len vào xin ăn. Những lúc ấy nó hận lắm, rít lên trong cổ những điều nguyên rủa, nó thề rằng nó sẽ trả thù...”

Nói cho cùng, tôi cũng là thằng mềm môi uống rượu mề bát thiên hạ, nhưng thú thực chưa được ném cái thứ rượu quái quỷ này đây bao giờ. Gã hỏi tôi... đã không? Tôi gật gù. Và gù gật tiếp là gã nói chuyện rần trong lỗ cũng phải bỏ ra. Gã im ỉm. Lặng im trong trời chiều cô tịch. Chơi voi trong cảnh chiều, cái đầu tôi bồng bênh trên sóng nước của con sông trước mặt với *trừu đao đoạn thủy, thủy cánh lưu, cử bôi tiêu sầu, sầu cánh sầu...*

Gã bê cái chén rót vào chén, vừa rót từ từ gã vừa liu diu tiếp:
“...Sau nhiều ngày, nằm gác mõ buồn hiu suy nghĩ, Đóm bèn "ngộ" ra rằng, muốn trả thù thì phải lớn con. Nhưng sữa mẹ không được bú, cháo chó cũng chẳng được ăn, thì ăn gì mà lớn!? Đóm lang thang trong sân, thấy cu Tí em tôi đang làm việc bài tiết, đói bụng quá, Đóm làm liều, làm tới xơi trọn chỗ cu

Tí vừa thải ra. Đó là lần đầu tiên Đóm ăn bần, người ta bảo cái gì lần đầu cũng khó khăn, còn những lần sau thì quá dễ. Chẳng lẽ chó lại chê cứt, thế là từ đó, Đóm xục sạo khắp nơi, không hẳn là phân người, đến phân gà, phân heo Đóm cũng không từ. Vì ăn bần quá, bụng Đóm càng phưỡn ra với cả núi giun sán. Có nhiều ngày Đóm ói ra mật xanh nanh vàng, kinh khiếp không thể chịu nổi...”.

Kể đến đây, gã nâng chén rượu làm cái “chóc” như uống nước rau luộc. Rồi gã ”Dà!” một cái răng *kiến* trong lỗ cũng phải bò ra vì...*rắn* không có tai. Mặt tôi như bát tiết canh sũng nước và vênh tai ra nghe chuyện rắn rết bò vào, cóc nhái nhảy ra...

Gã nói chuyện như cóc gặm như vậy:

“...Thân thể Đóm hôi hám, lông sơ xác bồm xồm, lũ chó hàng xóm càng tránh xa. Mỗi khi Đóm đến bên bà già tôi, nó bị bà xua đuổi dữ dội. Đóm hận đời, hận cả loài người hận cả loài chó...những mặc cảm thua thiệt từ thuở thiếu thời đi sâu vào tiềm thức nó. Nó quần quanh với dự định báo thù, nhưng một mình sức yếu, Đóm chẳng làm gì được ai trong gia đình tôi cả. Mỗi khi ai trong gia tộc Đóm đi ngang qua ả, ả nhe răng trợn mắt ra gằm gù đe dọa...ngày tháng trôi qua, mặc cảm cũng đi theo Đóm vào tuổi xuân thì, nó vẫn mơ về một anh chó đực đẹp trai để cùng nhau mơ mộng duyên đầu. Nhưng anh chó đực nào cũng xa lánh vì cái thân thể nhỏ thó gầy gò và hôi hám vô cùng tận của Đóm. Những khát khao

xuân tình không được thoả mãn, Đóm càng hận đời đen bạc, hận kẻ bạc tình..”.

Vừa lúc đĩa chả chia vàng ươm, thơm điếc mũi đưa ra. Chẳng thiếu lá mơ xanh tím, lát riêng thái mỏng trông thật bắt mắt, làm lục phủ ngũ tạng tôi cứ nhiều nhường cả lên, vì là trông đĩa thịt thấy đẹp một cách...điều đúng. Tôi thầm nhủ nào có ăn không thì bảo, nhưng nghĩ sao lại thôi, vì dầu gì gã cũng là khách nhậu của tôi hôm nay thuộc diện chó đen quen ngõ. Cứ như thằng bạn đời tôi tiến cử thì trời nắng chó trắng, trời mưa chó vàng gã làm tuốt luốt. Thảo nào gã chả vội gì, nhón lá húng xanh thao thiết bỏ vào miệng nhóp nhép. Gã nheo mắt ra cái điều trước sau...chó nào chẳng ăn cứt, óc nào chẳng ăn bùn.

Tôi đang định nói cái lá gã đang ăn ở ngoài Bắc gọi là lá húng chó thì gã đã rì rầm:

“...Ở đầu thôn có một con chó già, đã bị xà mâu lâu năm, nay nó đã yếu lắm, mắt luôn đỏ ghèn và đi cà nhắc. Có lần Đóm ghé qua thấy vậy, bèn nhủ lòng là: "Có lẽ duyên phận mình buộc vào chỗ này đây!" Và quả như vậy thật, khi có những dấu hiệu của giống cái xuất hiện, Đóm đã đến nằm bên lão chó già kia gạ gẫm dâng hiến. Lão chó già lâu ngày bị bỏ rơi, cô đơn tận cùng, nay của "giời cho" nên rất vui mừng đón nhận cảnh giới ấy. Đóm tự dung mượm mà hẳn ra, còn lão chó già thì dường như trẻ lại, lão thương Đóm vì Đóm đã đến cứu nguy đời sắp tàn

phai của lão! Đốm lớn lên và trông "đẹp gái" ra trông thấy.

Ông già tôi cung nó hơn cả tôi với thằng Tý vì khi ông say sưa chỉ có nó làm bầu bạn. Nó quần quít bên ông như hai cha con, còn tụi tôi phải ngủ với má vì không chịu nổi cái mùi rượu nồng nặc đến chết người. Ác thay một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày thì ông say đến hết một nửa, bữa say bữa tỉnh khiến ba mẹ con phải ra bờ rào trải chiếu ngủ mặc cho gió sương, mưa bão hoặc rắn rít, bò cạp đêm hôm có bò tới làm thịt nên cũng đành chịu!..."

Chòm chèm qua "rao" đầu. Gã rót cho cả hai. Bất chước gã, tôi cũng hai tay thành khăn bế cái chén Tống ọc một quả ra trò như cụ Phan Thanh Giản uống thuốc độc. Gã hỏi tôi sao cứ uống mà không nói chuyện gì cả. Như gã đứng chỗ ngứa, tôi ực tiếp cỡ thứ ba. Quả có khác, tôi thấy cái say lừ đừ từ chân tóc bò xuống tận gót chân. Xong, mượn dịp này tôi ư hử nho nhe: *tửu phùng tri kỷ thiên bôi tửu, thoai bất đầu cơ, bán cú đa ra cái điều gặp bạn như gã rượu uống bao nhiêu cũng thiếu và nếu tôi có nói nửa câu cũng là nhiều. Sợ gã hiểu ra là túy ông chi y bất tại tửu*, tôi nói chữa *tửu vô lượng, bất cập loạn*.

Mà gã hiểu lắm thật, ngờ tôi nhắc khéo là ...hết rượu, gã ới thêm cái *Cửu xà nhất điếu*. Mắt tôi tròn dẫu hỏi vì bộ rắn chùa hay sao mà nhiều quá thế, lại thêm chín con nữa. Gã bâng quơ rằng cứ bỏ ba con của thập nhị xà là xong ngay.

Tiếp, gã rần rết như thế này đây:

“...Một năm, ruộng lúa bị mất mùa, chẳng ai gặt hái được gì nên cái nghề sửa xe đạp trong làng của ông già tôi cũng sa sút theo, ít ai còn muốn sửa xe đổi lúa nữa. Ông già tôi phải chịu đựng bữa đói bữa no, có lúc ăn cháo thay cơm, có lúc ăn rau thay cháo. Cuộc đời của con Đóm cũng thăng trầm theo cái vận mạng của chủ nhưng không bao giờ thấy nó thở than. Ngược lại ông già tôi dù đói cách mấy vẫn không có ý nghĩ làm thịt con Đóm mặc dù nó đã lên hai tuổi và dư đủ cho ông già tôi có một tuần xẻ thịt nhắm rượu. Đủ để biết cái tình thương ông là dường nào, có khi ông còn nhịn đói chừa cơm cho nó ăn nữa là khác!...”

Gã ngừng kể lể...Tôi thấp thỏm đợi vì cứ ngỡ khi gã kể lể đến khúc “dư đủ cho ông già tôi có một tuần xẻ thịt nhắm rượu” thì thể nào gã cũng làm vài miếng chả chia vàng ương, đang ngậy thơm điếc mũi. Thế nhưng không, gã nhẹ nhàng nhắc chén cửu xà nhất điều lên với một phong thái rất ư Lão Trang: Khoan thai xoay xoay cái chén, đưa lên từ từ và cúi đầu xuống nhẹ hít hà...Đợi hơi rượu lớn vờn, thanh thoi chui tọt vào lục phủ ngũ tạng, tim gan tì phế rồi điềm đậm từng ngậm nhỏ. Mép khê nhếch mép câu nho phong: *tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiếu*. Gã thong thả đưa cái chén xuống. Cùng lúc mỗi điều thuốc, lời đờ nhả khói và “Dà!” với tôi là “*thiên bôi thiếu*” chứ chẳng là “*thiên bôi tửu*”. Sau đây, khoan

thai đưa cái chén Tống lên ngang miệng và cũng từng động tác chậm chạp ấy, không thừa không thiếu. Gã uống lặng lờ như một cái bóng, càng uống càng tỉnh, mặt không hề đổi sắc. Gã vật vờ uống, càng về chiều, hình như càng đắm chìm trong khói thuốc lá dày đặc...

Làm như gặp buổi mưa chiều gió sớm, gã mạn chuyện tiếp:

“...Nhưng với thời gian, tính Đóm càng ngày càng hung hãn, nhất là khi nó thai nghén và sắp sửa ở cữ, nó cắn răng nguyện rửa lão chó già vô cùng độc địa. Với tính khí thất thường của Đóm, lão cũng không chịu nổi, mấy lần lão tính bỏ đi, nhưng nghĩ tình xưa nghĩa cũ nên ráng cắn răng chịu đựng. Đóm dù bụng mang dạ chứa, song vẫn thúc lão chó già gây hấn củng bạn bè gần xa của Đóm. Con Khoang là kẻ đã từng bị vợ chồng Đóm bẻ hội đồng cắn gãy chân, toạc cổ, may mà có cu Tý cứu kịp. Bầy chó hàng xóm kiêng mặt vợ chồng Đóm, không muốn nhận vào làng chó, vì chúng đi đến đâu là nơi đó có chiến tranh!...”

Nghe gã kể lể “ông già tôi dù đối cách mấy vẫn không có ý nghĩ làm thịt con Đóm”, chả là tôi là thằng ăn thịt chó lòn môi với mưa nắng làng nhàng chó nào cũng được. Vừa lúc nhà hàng bày lên đĩa sườn nướng từng miếng bằng ngón tay, vừa nạc vừa mỡ, thịt như còn xèo xèo cháy chín vàng như nghệ, mỡ giòn xuống bốc khói thơm điếc mũi.

Ấy vậy mà gã cũng chưa chịu đựng bát đựng đũa cho. Gã thả rong chuyện chó cũng sên, si này kia. Tôi trộm nghĩ quán rằng gã chỉ là tên uống rượu bát nháo, rượu vào lời ra rồi bốc nhằng cho sướng miệng thể thôi và gã vén môi chuyện ghen tương của chó mới ngược đời...

Tôi đành bậm bụng ngồi đợi gã...nhai cho xong chuyện.

”...Một bạn gái của Khoang, Mực là một mụ chó nà dòng thì nghĩ khác, mụ cũng đã từng bị Đóm đuổi theo cắn một lần vào mông nên mụ hận Đóm lắm, mụ rắp tâm triệt hạ Đóm cho bằng được. Chuyện trở trêu là lão chó già kia có thời là...”người” tình của mụ Mực, mụ bèn dùng mưu "rút củi đáy nồi", nên tìm cách đến gần lão chó già khi có thể được. Ngày kia, lão chó già cãi vã với Đóm bỏ ra ngoài xóm rong chơi, được thể Mực bèn làm quen và quyến rũ lão. Lão mừng rỡ theo Mực. Sau cơn giận, Đóm tức tưởi đi tìm chồng, thì than ôi "kim rơi đáy bể biết tìm nơi đâu?", Đóm chạy lòng lộn đầu sên cuối xóm, bày chó làng nhìn Đóm như con chó biết ghen tương với cặp mắt long sòng sọc, rãi rớt chảy hai bên khóe miệng.

Cái cảnh đầm ám giả tạo giữa vật như người này kéo dài hơn hai năm. Một bữa nọ sư cụ chùa làng cách nhà tôi dăm cây số quá bộ đến thăm, thấy con Đóm xơ xác bèn đem lòng trắc ẩn muốn xin về nuôi. Tôi nghĩ con Đóm được ở giữa cảnh chùa thanh tịch,

nhưng đầy ắp tình thương của sự cụ, cũng như được chăm sóc cơm nước no đủ mỗi ngày, con Đóm thế nào cũng được hưởng một cuộc sống ngon lành, thế nhưng ông già tôi không chịu...”.

Tôi nhấp nhòm định gắp một miếng thịt nướng thơm nấy trước mặt, kèm theo lá mơ chấm với mắm tôm chanh đường vừa chua vừa mặn, thì giới đất ạ, thì ngon quên chết. Vậy mà gã vẫn nhin như nhin cơm sống, vẫn chưa chịu khua đũa khua chén cho, hay là vì lá mơ trong Nam gọi là lá thúì địt nên gã thấy...thối inh. Tôi đang bối rối như sư đê với tiếng Bắc, tiếng Nam thì gã nhấc chén lên và quán quả rằng chuyện con chó nhà tôi...“ăn chay” nào có hay hơn bằng chuyện con chó ở chùa của ông già gã qua Tết Mậu Thân:

Úi chà gay đây! Thế là tôi căng tai ra mặc sức mà nghe:

“...Sau Tết Mậu Thân, giặc cộng tràn về làng và đánh nhau với quân đội quốc gia. Chòm xóm cho hay con Đóm bị đạn lạc nằm sau gốc cây xoài, khi cả nhà đi di tản xuống Sài Gòn. Cuối cùng nó lết ra bờ sông, hơi nước bốc lên khiến Đóm hồi tỉnh lại, nó nằm rên lên những tiếng bi ai, cuộc đời của nó như khúc phim quay qua đầu, nó oán hận loài người đã đẩy nó vào bước đường làm ma không chồng. Nhưng nó chỉ bị thương và cái thai bị hư được đẩy ra ngoài. Nó ứa nước mắt nhìn dòng sông, dòng đời lững lờ trôi qua mồm nó.

Chợt có tiếng bước chân rất nhẹ đi đến bên Đóm, nó thấy một người mặc áo nâu nhìn Đóm, và ẵm nó lên. Lần đầu tiên trong đời Đóm thấy có cảm giác không phải hận thù, mà là ấm áp trong lòng! Đóm không biết cảm giác gì! Vì cả đời nó chưa biết thương yêu bao giờ đâu? Người ẵm Đóm không ai ngoài sư cụ chùa làng, sư cụ mang Đóm về Tự Viện. Sư cụ tự tay mổ vết thương và gấp đạn ra cho Đóm và băng bó khâu lại vết thương cẩn thận...”

Đào mắt ra ngoài bờ sông, trời lác rắc mưa, mưa lâm thâm...Tôi ung dung tang thương ngẫu lục với những lát thịt cháy vàng mỏng, cắt xéo như miếng chuối xanh, ngào ngọt thơm phức. Thấy cả nạc, mỡ, sụn, gấn bó với nhau như...cụ Nguyễn Du với “Hành lạc tử” *Tội gì ngàn năm lo - Có chó cứ làm thịt - Có rượu cứ nghiêng bầu - Được thua trên đời chưa dễ biết*. Thế là tôi ực thêm chén nữa, thấy ngất ngây trong khoảnh khắc của tang bồng hồ thi. Gã thì không, khuôn mặt trầm ngâm được mô tả là “rất tâm trạng”. Rồi gã làm một hóp hết nhẵn *ba vạn thế giới một đáy cốc, vạn kiếp luân hồi một sát na*.

Xong, gã gọ gay chuyện con Đóm nấp bóng thiền môn:

“...Mười ngày sau Đóm khỏi, nhờ tâm từ bi của sư cụ. Nó chẳng còn chỗ nào để về, nên ở lại chùa, hàng ngày sư cụ ăn gì nó ăn nấy...Kể từ khi con Đóm bị đổi chủ ông già tôi lại đâm ra mắc bệnh

tương tư. Không phải ông tương tư người đẹp nào trong thôn để thay má tôi vì chẳng ai thèm để ý đến ông già say, mà thật ra là ông tương tư con chó. Ông không là một nhà tu nhưng y hệt một nhà tu, thường ngồi xếp bằng trông như...”thiền”. Có khi tụi tôi thấy ông khóc một mình, không biết vì ông nghĩ ngợi cái tình cảnh dở khóc dở cười của gia đình hay vì ông quá thương con chó. Một lần ông nói "Phải chi tao còn con Đốm, tao sẽ đỡ buồn hơn". Từ đó ông sinh ra cái tật đi câu cá để giải sầu. Mỗi lần ông xách cái cần với cái giỏ đi câu là tự nhiên ông thơ thới hân hoan mặc dù có lúc về với cái giỏ không. Tụi tôi ban đầu lấy làm lạ nhưng sau đó hỏi ra mới biết ông đã gặp được...con Đốm...”.

Nghe đến câu...*ngồi xếp bằng trông như...”thiền”*, tôi rọ rạc rằng gã kể chuyện cứ như...vẽ rắn thêm chân ấy. Gã khựng lại và lơ đãng nhấp một ngụm nhỏ. Tôi cũng vừa định chấm miếng thịt nướng vào bát mắm tôm ngập ớt đỏ...Chưa cầm cái đũa lên nhét miếng thịt vào kẽ răng ba ngày vẫn còn thơm thì...

Thì gã eo óc chuyện con Đốm về chùa:

“...Số là con Đốm từ ngày về ở với sư cụ, nó quen với cảnh chùa nên không về lại nhà tôi nữa. Ông già tôi tìm cách đi câu bên dòng sông phía sau chùa để có cơ nhìn mặt được con Đốm. Con Đốm quyền luyến chủ cũ nên quấn quít bên ông già tôi, nó hôn, nó liếm, nó nhảy phóc vào lòng ông già như đứa bé

con tìm vú mẹ. Thế là ông già tôi tự nhiên tìm lại được niềm vui. Ban đầu, mỗi lần đi câu ông thường về nhà sớm nhưng về sau ông ở lại câu khuya hơn, nhất là những đêm trăng thanh gió mát, với bầu rượu bên cạnh và con chó cưng, ông thấy đời không còn gì đẹp bằng. Ngồi thỉnh thoảng móc mỗi câu, quăng cái tằm xuống nước, đàn cá đua nhau giựt giựt cái phao, lúc nổi lúc chìm, con Đóm phụ họa nhảy lòn vòn, sủa cá sủa trắng, trông cả hai chẳng khác nào đôi bạn thân tình nhất.

Lúc đầu con Đóm sợ sự cù nên chỉ tìm cách trốn ra bờ sông mỗi chiều rồi lại trở về chùa. Sau đó nó bạo gan hơn, mon men theo ông già tôi về đến tận nhà, chơi qua loa với tội tôi chừng nửa tiếng đồng hồ rồi quay về. Mấy ngày sau đó, nó bắt kẻ sự cù với com lành canh ngọt ở chùa, về nhà tôi ở luôn. Báo hại sự cù mỗi mất đi tìm mới gặp nó. Nhìn thấy sự cù, nó có vẻ thẹn thùng cúi gằm mặt xuống, chẳng tỏ vẻ gì mừng rỡ cả. Về sau ông già tôi thấy áy náy nên đành phải mang con Đóm trả lại chùa. Sự cù vui vẻ nhận, nhưng mấy chú tiểu muốn cho chắc ăn nên xích con Đóm lại để canh chừng ở một góc bếp, sát bên cây thị quanh năm nở hoa trái vàng óng thơm lừng...”.

Mưa chẳng qua ngo, gió chẳng qua mùi, cũng đến lúc gã thò tay vào đĩa mồi, chép miệng “Dà! là... Tàu kêu nó họa xà thêm tức là vẽ rắn thêm chân, còn Ta...vẽ rết thêm chân. Nhưng mắt còn

bận bịu theo ngón tay gã nhúm...cái lá mơ và để đó...

Tay lật phát cái lá thúí địt như đuôi...ruôi, gã tung tẩy:

“...Con Đóm không được về thăm nhà nữa. Ông già tôi ngày càng già, không đi câu xa ở bờ sông nên không còn gặp nó. Có thể vì bị giam lỏng nơi cảnh chùa u tịch nên nó chẳng thể nào về, có thể nó biết thân phận nó là của chùa nên chẳng dám làm phiền ai. Cũng có thể nó đã già như ông già tôi và chết rồi không chùng. Riêng anh em tôi bây giờ tôi đi học ở Sài Gòn, em tôi đi lính, ít có dịp về lại quê xưa chỉ trừ khi Tết nhất đến, nên chẳng để ý gì chuyện con Đóm nữa. Một trang tình sử tưởng đến đây đã hết, nào ngờ...”

Xuân năm ấy, đúng mùng một Tết, trong lúc anh em tôi đang quây quần trong nhà đón xuân lúc đất trời vừa ửng nắng mai, bỗng nhiên con Đóm già từ đâu tung công vườn khép kín đi vào ngoe nguẩy đuôi mừng rỡ. Vẫn bộ lông mềm mại nhưng không dấu nổi màu sắc tàn phai vì mưa nắng. Gương mặt con Đóm tuy vẫn còn khuất trong đám lông rậm rịt nhưng vẫn không che kín được lớp da nhăn, nhất là ánh mắt không còn tinh anh như ngày trước nữa. Ông già bà già tôi bảo nó xông cửa đầu năm chắc là may mắn. Cả nhà ngạc nhiên vì không ngờ nó chọn đúng ngày mùng một Tết mà về sau hơn mấy năm xa vắng...”

Đêm khuya thoi thóp, khách lèo hèo vắng dần. Cạn lưng chén, đầu tôi như bốc khói. Khi bốc lên rồi tôi thường để hồn đi hoang phiêu phiêu một cõi. Quán vắng nên trống trải, nhìn xuống chén Tống chỉ còn một nửa, lắc lắc cái chén, rượu óng ánh như sương khói. Trống vắng đến se lòng, ai chẳng có những giây phút lướt lướt, liêu xiêu..., tôi cảm hoài, cảm khái với gã *viễn ly vô lượng kiếp, bất xích nhất sát na*, và ngựa mồm giảng cho ông đồ nát chữ là bằng hữu dù xa cách nhưng thật gần. Gã cũng đắm đắm với cái chén, tay xoay xoay. Làm như muốn tránh né cái cảnh *tương kiến thời nan biệt diệc nan*, là gặp nhau đã khó, già biệt nhau còn khó hơn...

Tiếp đến gã đón chuyện...

“...Tôi ôm con Đóm già vào lòng vuốt ve, và qua nó, biết được cuộc đời đã đổi thay nhiều lắm. Nó ở nhà tôi chơi hết một ngày mừng một Tết rồi lại trở về chùa suốt năm ở đó. Xuân năm sau, anh em tôi bị kẹt không về thăm nhà được. Bà già tôi cho hay mòng một Tết, con Đóm lại xông cửa về thăm chủ cũ thêm một lần nữa. Tôi thấy lòng băng quơ rung động, tự nghĩ như con Đóm có mối liên hệ tiền kiếp nào với gia đình tôi, sao không nó cứ đợi đến ngày mòng một Tết lại về? Ông già tôi ngày càng già, bệnh tật liên miên vì chúng xơ gan do rượu hoành hành nên lúc nào cũng tưởng nhớ đến con Đóm. Con

thú già bí ẩn, mỗi năm chỉ gặp mặt nó có một lần vào ngày Tết.

Nghe nói hàng đêm con Đóm nằm nghe sư cụ tụng kinh Địa Tạng, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa. Lời kinh như thấm vào trong não tuỷ của nó, những mặc cảm của nó từ xưa dường như tiêu tan hết. Đóm say tiếng kinh, mê ngửi mùi hương trầm thoảng nhẹ trong gió. Đóm thường nằm sấp trên đất, hai chân trước chắp lại đưa ra trước mõm như người ta lạy Phật. Khách lễ chùa đồn nhau về con chó nghe kinh, một đồn mười, mười đồn trăm, chẳng mấy chốc cả vùng Trung Chánh, Bà Điểm đều biết chuyện, biết tên Đóm!

Làm như con heo phải đèo khúc chuối nên tôi cứ há hốc mồm ra nghe. Trong khi gã bình thân đưa cọng lá mơ vào miệng nhay nhay. Gã hớp thêm ngụm rượu như cá riếc tớp bong bóng nước. Tôi trộm nghĩ phong cách gã uống rượu đúng là một thiền nhân, đưa nho ằm như một cái thú tiêu dao của trà đạo vào tửu đạo. Lúc trầm mặc khi hào sảng tửu tràn với *bồ đoàn linh nhân dã*, hay tửu uyển với *tửu linh nhân viễn*.

Trong khi ấy mặt gã như nước ao tù và quá đọa: “... Cho đến một đêm, Đóm nằm mơ thấy có tiếng nói với nó rằng: "Nghệp làm chó của người đã trả hết rồi, mai người xả bỏ thân súc sanh để hoá kiếp làm con người. Khi làm người người phải tiếp tục tu

hành, đừng ăn càn nói bậy gây nên khẩu nghiệp. Vì kiếp trước người gây nghiệp quá nhiều nên kiếp này quá nhiều khổ ải! Nhưng nhờ có được sự cù trừ từ tụng kinh rồi hồi hướng cho người, nên nay người hết nghiệp chớ rồi!".

Sáng hôm sau, mọi người thấy con Đóm nằm chết ở trước bàn Phật thật thanh thản! Mộ của con Đóm được người làng đắp ngay tại vườn nhà chùa với hàng chữ trên bia: "Văn Kinh Đóm Khuyến Chi Mộ", nghĩa là "Mộ con chó Đóm biết nghe kinh". Năm sau, ông già tôi cũng theo nó về tuổi vàng! Anh em tôi mồ côi cha kể từ dạo đó...."

Khi không bụng dạ tôi cứ lay dẫy thiếu vắng giác hương quan luống mẫn canh dài với...sườn chó nướng hay chả chìa thì sướng mê toi ngay. Chả nhẽ nhong nhóng ngồi ăn một mình, tôi đợi gã cầm đĩa...Trong khi chờ đợi, tôi định ngâm nga *bằng hữu thoi thà như mưa bay, thì chuốc cho vui chén rượu đầy*...Nhưng nghĩ lại chưa đủ thân nên quẳng hai câu thơ trong đầu ấy đi và định hỏi gã một câu hỏi thì...thì cũng vừa lúc gã cạn chén và cầm đĩa lên gõ nhẹ vào cái bát không và thờ ra...

Gã thờ ra "Dà!" như một tiếng dài: Kể từ ngày ấy, gã không...

Cũng đến lúc phải tương kiến thời nan biệt diệc nan. Ra đến cửa, trời lất rắt mưa, cả hai chụm đầu

vào nhau đốt thêm điều thuốc. Que diêm lóe lên. Thôi thì cũng một lần nón lá áo toại ra quán chợ, chén rượu men lành, lạnh ngón tay...Lửa tắt...ánh sáng tắt ngúm. Quán xá vắng tanh vắng ngắt, gió máy heo hút ngoài sông gậy gậy lạnh. Búng que diêm xuống mặt nước, mưa lâm thâm...Trong mưa bụi, đầu óc tôi cứ rỗng rảnh thế nào ấy!

Thạch trúc gia trang
Đông chí, Kỷ Sửu 2009

Ghi chú:

Bài viết vay mượn từ những tác giả
Nguyễn Sĩ Nam, Nga Mi, Mừng Giang,
Vũ Khắc Khoan, và Phan Tấn Hải.

Bức tranh Tết dưới chân câu thang

Bấy lâu nay góc nhà lão có dăm bức tranh giấy vàng nghệ. Mỗi lần Tết đến, những bức tranh như cái điều cốc dang cánh đưa lão về cái tuổi ấu thời với *đi đệt ngoài sân tròng pháo chuột, om sòm trên vách bức tranh gà (Hoàng Cầm)*. Ai mắng lão chịu, tất cả những hoài đồng vọng ấy cứ lầy lầy với lão cùng đất đai làng mạc, mang hồn quê qua những bức tranh nhỏ bằng quyển vở học trò, dung dị, mộc mạc, một chút nào mang hơi hướng hương đồng cỏ nội...

Để rồi lão bồi hồi ngày nào trước năm 54, lão đã nhìn thấy những bức tranh Tết ở phố sá bên đường trong những ngày cuối năm. Thành linh lão bật ra cái ý tưởng vật lộn với chữ nghĩa về những bức tranh cũ kỹ kia xem sao, vì lão nghĩ chẳng chóng thì chầy một mai sẽ đi vào quên lãng. Lão nhớ ra lão có mớ tản văn, tản bút, đây một đoạn, kia một khúc, đang nằm đóng bụi trong kho chữ. Khi không lão đâm ra chột dạ vì dường như lão đang mon men tới nơi chốn biên soạn, biên chép thì phải. Khiến lão lan man đến ông Võ Phiến qua một bài viết:

“...Nhưng ai bảo cái *khảo chơi* không quan trọng bằng cái *khảo thiết*? Những nhà nghiên cứu cặm cụi đo từng cái xương sọ của người ta, hì hục khai quật di chỉ xưa, mần mò nhặt nhạnh từng lưỡi búa mũi tên. v...v... Đi *khảo thiết* với cái búa khảo cổ lăm lăm trong tay thì trông khả kính lắm đấy; nhưng kẻ đi *khảo chơi*, chỉ mang theo chiếc lưỡi giấu trong mồm, trông khả ái biết bao...”

Đi *khảo thiết* với cái búa khảo cổ lăm lăm trong tay hình tượng thấy phát khiếp. Cua ốc mùi bùn, đã không dám nhận vợ là nhà biên khảo, nhà sưu khảo, lão cũng chẳng dám tự phỉnh là nhà văn, nhà thơ như ông Võ Phiến. Thế nên với những ý nghĩ viết lách vừa rồi, lão cất biến vào một chỗ làm mấm vì trộm nghĩ rằng có trải dài trên giấy thô mực nẻ thì có ma nó đọc, vì vào cái thời buổi kim tiền

này, chả ai gà què ăn quần cối xay với ba bức tranh cũ rích ấy.

Vậy mà hơn mười năm đã qua, lão quên tiết chuyện mấy bức tranh Tết.

Bỗng nhè vào một ngày nắng lụi, lão vắc xác qua Paris thăm vợ chồng cô em gái để thành chuyện...có sao kể vậy, chả cần tra cứu, “tra khảo” gì cho rách chuyện.

Chú em rẽ đón lão ở Metro bằng cái xe Citroen 2CV lụm cụp như con cóc cụ, lão lầu trong miệng: Đúng là dở người, qua đến đây chú ấy lại đâm đầu chơi đồ cổ hay sao ấy. Chưa hết, lão chưa kịp nhận ra cái nhà ga nhỏ như mắt muối thì đụng cái thị trấn buồn như trấu cấn. Ngồi trên xe không kịp hàn huyên chuyện cùng một lúa bên trời lặn đạn, loáng một cái...cái xe cà tịch cà tàng tới nhà. Lão nhìn thoáng qua nơi ăn chốn ở của chú em, nói cho ngay là cái làng thì đúng hơn. Ấy vậy mà nơi nào ở bên Tây cũng có cái nhà thờ cổ lỗ sĩ với con gà cồ đứng trên tháp chuông, cái cầu đá bắc qua con sông chẳng lớn hơn con rạch là bao, và cũng chẳng thể thiếu dăm ba cây platane giống như cây hòe ở bên nhà trồng bên ven đường. Hiểu theo nghĩa là chả có gì để thêm mắm thêm muối cho một chuyện...đi Tây.

Đùng đoảng thế nào khi chú em rẽ dẫn lão xuống basement cất hành lý. Vừa dậm bước xuống chân cầu thang đập chất vào mắt lão là bức tranh tết

Đầu vật. Lão dừng lại ngắm nghía cho ra dáng người thường ngoạn và thấy cũng chẳng khác gì bức tranh lão đang có ở nhà. Cũng những tay đầu vật dềnh dàng như hai cái vại nước, hai chân to vật như hai cái chày giã gạo. Chỉ khác một nhẽ cái khung gỗ nâu sần sùi đã lên nước mốc meo.

Lão bụng thăm bảo dạ cái nhà chú em đồ đốn mua bức tranh để làm cảnh vì cái khung cũ sì. Lão đồ là chú em mua bức tranh vì cái khung cũ rích lắm a. Quẹt vào mặt lão có con ruồi đang vương mắc trong cái màng nhện mỏng tang ở mặt khung. Lão định giơ tay quơ *một vũng tang thương nước lộn trời* cho khuất mắt, thì chú em giữ tay lão lại. Và nhảm nhăng rằng cả bức tranh sống động và có thần ở nỗi *buồn trông con nhện giăng tơ* ấy đấy. Nghe quái...

Đang quấn ruột vì con ruồi thì chú em rủ ra vườn và mang theo chai Bordeaux, một đĩa gan ngỗng to bự sự. Lão lững thững đi sau, miệng lầu nhầu rằng vận lý quan san đến chốn này sao không ực trà cho phải đạo...trà đàm mà vận cổ chai vang cho khốn khổ cái thân già. Lão cũng không quên đứng lại ngắm bức tranh một lần nữa cho mãn nhãn. Lần này lão bắt gặp một cái lỗ thủng to bằng móng tay út ở góc bức tranh. Lão bấm bụng tiếc hùi hụi là nếu không có cái lỗ này thì tác phẩm có giá trị biết ngần nào. Vì cứ theo sự hiểu biết của lão thì đây là bức nguyên bản, chứ chẳng phải mấy bức vẽ tái tạo mà lão đang có ở nhà. Săm soi với cái lỗ, lão thấy

đường như được đốt bằng đầu thuốc lá nên có màu vàng đen cháy xém đậm hay hay...

Hay đâu chả biết, ra đến vườn lão thấy dưới tàng cây platane lá xanh um, trên bàn có tập album. Tay giở quyển album, miệng chú em đá lười: “Chẳng đâu gì bác...” rồi làm như chan tương đổ mẻ, chú em bắt qua chuyến về thăm quê nhà năm ngoái. Hóa ra chú em đã về thăm quê cha đất tổ, đó là làng Thổ Khối, ngay sát làng tranh Đông Hồ mãi tận đầu tận đầu.

Lúc vừa đến, Ingõ chú em rề...cùng một lứa “lận đận” với lão, hoá ra chú ấy khộm khuom mười niên hơn lão. Cứ hở miệng ra là giở cái giọng Bắc kỳ hương lý với “bác, bác, em, em”. Lão nhịu mày rửa thắm, chả hiểu hết người hay sao đó cô em gái lão lại rước thẳng chồng “cụ” thế này. Mà nhằm vào cái tuổi bất chi lão trương chi thì có một chút tuổi khộm lại hay bám víu vào một cái gì đó qua rêu phong ẩm mốc của miếu đình cùng cây đa bến cũ. Số là sau đó chú em chỉ vào tấm hình ông từ giữ đền cùng giòng họ với chú em, với vai vế chi này tông kia. Tạm hiểu là ông từ và chú em lão thuộc dạng già rồi, cũ kỹ rồi, cả hai trở thành cổ kính như một món đồ cổ. Làm như túm tó được những hành ngôn hành tởi trong đầu lão, chú em ven môi róc đời: “Bác không biết đấy chứ, chứ chẳng đâu gì bác, nhờ có ông từ em mới biết em có họ hàng hang hóc với Nguyễn Đăng Thục. Em là vai bác của Mai Thảo Nguyễn Đăng Quý và sau này là Nguyễn Đăng

Mạnh”. Lão ớ ra lúng túng như gà mắc tóc vì chú em này lộn thừng lộn chảo thế đấy, thế nhưng cũng danh gia vọng tộc ra phết. Cổ hương nan khứ hậu nan quy, rõ ra chú em thừa bực tranh Tết *Đấu vật* của làng Đông Hồ để dựa dẫm, để trở về với cội nguồn nhằm vào cái tuổi bất chi lão tương chi nên chẳng có gì lạ lắm cho mấy. Lão đồ là vậy.



Chợ Tết

Từ bức tranh *Chợ Tết* ở đâu đó, qua ông từ giữ đền quê mùa làng Thổ Khối cạnh làng Đông Hồ, thổ ngại bản quán của chú em rề. Trong cái đầu củ chuối của lão mọc măng ra chuyện *Tranh Tết* của một tác giả khuyết danh:

“...Viên quan hai Léc rất điển giai, vẫn được bạn bè gọi là con gà sống tốt mã vì Léc nói sõi tiếng Việt, giỏi mỹ thuật, và rất quan tâm tìm hiểu phong tục xứ Tonkin. Được về làm sếp bột Ngã Tư Hồ, hôm trước, hôm sau Léc đã tha thân dẫn bọn lính vào làng. Hẳn được biết ở đây người ta làm nghề vẽ tranh Tết, và lúc này đang là mùa in tranh. Khi đi trên bờ sông Đuống, Léc để ý có những chiếc

thuyền dọc đờ nẹp vào bờ đun nấu khói nghi ngút. Một tên lính cho Léc biết đó là thuyền ở xa đến chờ mua tranh Tết. Léc đến đầu làng, cảm thấy mùa xuân xứ này đang đến qua khóm lá giông - thứ lá dân bản xứ gói bánh chưng tết thì xanh ròn, run rẩy trong gió rét. Để tỏ thiện cảm, Léc giữ bộ mặt vui vẻ gật đầu chào những người qua lại. Qua chiếc cổng làng có chữ Chinoise, Léc bước thanh thản trên con đường gạch.

Con trai lão quận trưởng đi bên Léc, tên thông ngôn này rất được Léc yêu thích, vì hắn vẫn là cố vấn về các phong tục địa phương cho Léc, giải thích:

- Thưa ngài, con đường ta đang đi, có lịch sử kỳ thú của nó, là những viên gạch này mang nhiều ý nghĩa, ở đây mỗi cô gái đi lấy chồng, theo tục lệ, phải lát cho làng một đoạn đường gạch. Kết quả là những lớp gạch cũ, mới cứ nối nhau kéo dài dưới rặng tre xanh thế này...

Léc cười thích thú, hắn gượng nhẹ gót giày. Những cô gái mắt xéch của phương Đông ơi
hắn nói: tôi đang đi trên những kỷ niệm của các cô...

Tên thông ngôn đưa Léc ngoặt vào chiếc cổng tre. Léc nhìn thấy một ông già râu tóc trắng xóa, vận áo cúc vải, đang ngồi chăm chú ngoại hiên với bộ dao khắc và tấm gỗ vàng ươm.

- Chào ông già, quan đến xem làm tranh, ông cứ làm việc bình thường. Tên thông ngôn nói...”.

Lão định len chân vào góp chuyện con đường làng lát bằng gạch vồ thẳng đều tăm tắp như vây rồng ở khúc trên cho ra chuyện làng chuyện nước. Thì làm như không hay, mà chẳng hay thật, vừa rót rượu chú em vừa chép miệng: “Bác và em đều già cả rồi bác nhỉ, cáo chết ba năm quay đầu về núi...”. Thế là lão được thể căng tai ra nghe chú em đốt lò hương cũ qua bức tranh Đông Hồ đăng chân cầu thang vát vuông như những cái bình vôi dưới gốc đa già cỗi. Cứ theo chú em lộn đầu cau cuối thì những bình vôi vô danh ả tích ấy, được đưa đặt dưới gốc cây đa, cây đề, do có hương tàn cúng vái mà thành thần.

Tiếp đến, làm như cùng tình đồng điệu với tên thông ngôn *những lớp gạch cũ, mới cứ nói nhau kéo dài dưới rặng tre xanh*. Chú em rong ruổi...”đất trâu qua hàng rào” tiếp rằng mặc dù chỉ là bức tranh cũ kỹ, nhưng với chú em là cái gạch nối giữa quá khứ và hiện tại. Như một dấu ấn nghìn năm giữa người và vật. Với một nghìn năm trước, thêm một trăm năm sau nữa, đang ở cái tuổi đáo tuế, chú em mần mò đi tìm những địa danh đang đi vào quá vãng, như những chiếc ấm đất của vang bóng một thời.

Cứ theo như chú em làng tranh Đông Hồ đã có trên dưới 500 năm từ khi Trịnh Tùng con thứ của Trịnh Kiểm phò vua Lê dẹp tan nhà Mạc ở Cao Bằng. Con cháu họ Mạc chạy tứ tán khắp nơi, phải thay tên, cải họ để tránh cuộc truy lùng thành họ Phạm, họ Hoàng, họ Nguyễn với tên đệm bộ mộc. Riêng họ Nguyễn ở làng Thổ Khối có chữ đệm là

Đặng, từ tên đệm “Đặng” của Mạc Đăng Dung. Sau khi thất thế phải đổi họ, cha truyền con nối đến nay đã hơn hai mươi đời...Quá mù sa mưa, lão như bị vướng mắc trong cái màng nhện gia phả, gia tộc của chú ấy. Tháp thóang với lũy tre xanh, đình chùa, miếu đường, mồ mả gia tiên, căn nhà từ đường, bờ nương ao cá. Thêm một lần níu kéo, ai chẳng một lần lộn khộm với dĩ vãng. Để thả hồn về quá khứ, trở về với góc gác gia tộc qua một dòng sông. Và một ngày nào đó, cũng chỉ vô tình thôi, tần ngần qua tấm mộ bia bên thửa ruộng hoang, qua đôi câu đối trước ngôi đền cổ, để lãng đãng về một dòng họ như: Phạm, Hoàng, Nguyễn Đặng từ họ Mạc mà có.

Nhấp một ngụm vang, lão băng khuông *ai ra bến nước trông về Bắc, chỉ thấy mây trôi chẳng thấy làng* (Nguyễn Bính). Trong đầu lão, lão cũng lần lần theo chân chú em lụm cụm chống gậy đi tìm dĩ vãng, cứ quanh quẩn như cái đèn cù với chuyện cũ vừa rồi:

“...Ông cụ dừng tay, gương mặt thoảng tái một chút rồi cúi xuống. Đôi tay với những ngón xương xẩu lại cử động một cách tinh tế, sử dụng bộ "ve" khắc thuộc lòng trên mặt gỗ. Léc chăm chú ngắm, chụp ảnh, tỏ ra là người có văn hóa. Bọn lính đi theo chán ngán bước quanh sân, mắt lơ láo ngó chuồng gà. Léc nhìn vào trong nhà thấy một bà cụ già, mấy đứa trẻ con, những người khác đang bỏ việc, đưa mắt nhìn nhau nghi ngại.

- Các người cứ làm việc bình thường, bà lão kia nghe rõ chưa, quan đến xem, không bắt bớ gì.

Tên thông ngôn nhắc lại. Mấy người cúi xuống, bà lão lại đều đều chấm chôi lông vào chậu điệp phết lên từng tờ giấy dó và vút la liệt sau lưng. Mầu điệp trong trắng vàng vàng như sắc ngà voi, óng ánh chiều sâu làm Léc hết sức ngạc nhiên.

- Thưa ngài, đó là một thứ vỏ sò mục nát - tên thông ngôn giải thích - người ta nghiền ra hòa với một chất keo gì đó.

- Một thứ vỏ sò, tôi hiểu - Léc gật đầu.

Ở góc nhà bên kia là hai đứa trẻ thò lò mũi, một đứa quét mầu lên khuôn gỗ; một đứa đặt giấy, Léc thấy như là chúng đang chơi trò của trẻ con thì đúng hơn là in tranh. Những người bên cạnh chấm bút vào các chậu mầu và tô lên rất nhanh. Chỉ một loáng tranh đã hoàn thành và được đem ra sân phơi. Léc đưa một bức lên ngắm nghía. Hắn thấy hai người đàn ông đang vật nhau, họ đóng khố, mình trần, ngực nổi to như lực sĩ ném đĩa Hy Lạp, hắn khuấy ngón tay vào chậu mầu; hắn kinh ngạc vì không thấy những mầu này có trên các bức danh họa phương Tây.

- Thưa ngài, những chất liệu này lấy trong cây cỏ tự nhiên - tên thông ngôn tỏ ra am hiểu - chẳng hạn mầu xanh này lấy ở một thứ lá rừng. Mầu đen kia là lá tre đốt đi ủ nước. Còn mầu vàng có thể từ một thứ cây thuộc họ cà-phê gọi là giành giành theo tên địa phương. Còn như mầu trắng làm chấm tưa những vì sao kia là vỏ trứng giã nhỏ trộn với chất dính.

- Còn cái này - Léc bần khoản - tôi chưa hiểu, cái màu xanh lam sâu đậm óng ánh đến là lạ.
- Ngài có trông thấy gầm giường kia có những chiếc mâm đồng, dưới tác dụng của a-xít trong quả gì đó tạo nên một loại đồng rỉ. Người ta trộn nó với nhựa thông, phết lên tranh...”

Rúc ráy như chuột cống thì lão định nói đón về nghệ thuật làm tranh dân gian theo chuyện trên, làm như ngẫu nhiên, ngẫu hứng gì ấy, chú em chiêu một ngụm rượu và nói thay cho lão: “Thưa với bác, theo em năng nhặt chặt bị...”. Rõ ra cứ ăn vẹt ở mòn theo chú ấy, tranh Đông Hồ thể hiện một phần nào biểu tượng quen thuộc một thời nổi tiếng của dòng tranh dân gian đất Bắc với giấy điệp dùng in tranh là loại giấy dó mịn, làm bằng vỏ cây dó. Giấy được phết nhựa thông, bôi bột điệp óng ánh nghiền từ vỏ hến, vỏ sò để làm nền. Giấy nhũ là giấy được quét bằng hồ pha bột vàng hoặc bạc. Màu trung thực lấy từ cây vườn nội cỏ, màu đen chế từ than lá tre khô, màu xanh lam từ lá chàm, màu nâu từ quả bứa, màu vàng nhuộm bằng hoa hòe hay quả giành giành, *màu đỏ* từ thân *cây vang*.

Trong khi lão đang ngơ ngác như quạ vào chuồng lợn vì nhòm chòm hòm chai Bordeaux với giấy làm tranh làng Đông Hồ màu đỏ từ thân cây vang, nên ắt hẳn thiên hạ sự gọi rượu đỏ là...rượu vang chẳng? Chưa kịp rọ mồm vào hỏi cho ra nhẽ thì chú em bòn mót thêm với nghề làm tranh: Làng

tranh khắc ván tranh từ gỗ thị, gỗ mít mang về từ núi Thiên Thai, cả trăm năm không mọc, cùng những mẫu tranh in ván, tranh khắc, khuôn trở lá. Màu sắc dân dã từ lá tre, rỉ đồng, hoa hòe. Rồi xeo giấy, quây hồ đặc quá thì vênh như bánh đa quá lửa. Đến in tranh, phơi tranh, gập trời nắng âm, phải gia giảm màu cho phù hợp với độ sộp của giấy. Tranh mới dập, gập tiết hanh nôm, bị chua, bị vó.

Cứ vậy, chú em miên man về một cõi xa vắng nào đó như ẩn hiện trước mắt. Không khí sầm uất vào cỡ tháng Chạp, chợ tranh được mở tại đình làng để khách tứ phương tám hướng về mua, các thuyền xứ Đông, xứ Đoài ghé bến “vòn” tranh và “ăn” tranh hiểu theo nghĩa là xem và mua tranh. Cả làng tất bật sớm khuya, chỗ này rậm rịch giã điệp, chỗ nọ dỡ ván in tranh, cọ rửa lau chùi, khói đốt than ẩn hiện là đà trên ngọn cây. Trong ngôi nhà vách nửa tường tre, các cụ nghiệm trà đặc, thuốc Lào Tiên Lãng, và trà móc câu Thái Nguyên, thì không thể vắng bóng trong các đêm làm tranh, tiếng thuốc Lào sòng sọc nghe đến vui tai. Nước trà đặc sánh, làm cho đầu óc minh mẫn, tỉnh táo, khiến cho nét vẽ thêm sống động, nhuần nhuyễn, có hồn có vía.

Chú ấy gánh bùn sang ao với tranh dân gian thì chẳng thể bỏ qua làng tranh Kim Hoàng ở Hà Đông và tranh Hàng Trống ở Hà Nội qua những kết hợp đường nét từ bản khắc gỗ, in trên giấy bản và dùng bút lông để vòn tranh, làm nhòe bớt nét gọi là căn. Chấm chỗ này, điểm chỗ kia, khiến toàn bức tranh

đậm nhạt như tranh thủy mặc. Khác với tranh Đông Hồ khổ nhỏ, tranh Hàng Trống khổ lớn cho đền, chùa như những bức Đức Thánh Trần, Bà Chúa Liễu. Và không thiếu những bức tranh dân gian như tranh Rồng rắn, Bịt mắt bắt dê hay Kéo co. Thời cực thịnh vào thế kỷ 17 và 18, tranh Đông Hồ với Bát Tiên, Tố Nữ, tranh Hàng Trống với Đổng Tử, Tiên Dung và Ngũ Hồ. Tất cả những bản khắc gỗ cổ này, nay đã thất truyền.



Táo quân
Tranh Hàng Trống



Quan Công
Tranh Kim Hoàng

Trước kia, từ dân cư bản địa lâu đời thuộc thôn Tự Tháp, sầm uất quanh năm. Nay lan ra phố Hàng Trống, rồi đến Hàng Mã, Hàng Quạt và ngay cả...Hàng Hòm. Nhờ trống tể trống hội, cờ phướn vũng lọng, quần áo châu của ông đồng bà bóng, ủng với hia...Ấy là tranh Hàng Trống bây giờ. Một công đôi việc với đường xưa lối cũ, chú em giắt dúi lã cùng một chón đi về...về làng tranh Đông Hồ.

Qua cầu Chương Dương trên sông Hồng, cứ dọc theo quốc lộ 1 lên Bắc Ninh, khoảng mấy cây số là gặp một ngã ba. Men theo sông Đuống, nhìn qua

con đê sẽ thấy chùa Đình Bảng, qua chùa Bút Tháp. Khi nào qua cầu Hồ, đến nền đất cũ bên ven sông có tấm bia đá trên nền chùa cổ. Trên tấm bia có hàng chữ “Đô Hồ Tụ Bi”, khắc thời nhà Mạc (1527-1592), có trạm một đôi chuột đang giã gạo và có ghi tên làng xưa cũ là Đông Mái, thuộc tổng Hồ, trấn Kinh Bắc là tới.

Cớ sự gì lại chuột giã gạo, cái đầu lão chút chút nghĩ không ra nên đành quẹt một mảng gan ngỗng nhai cho đỡ rức đầu...Thì đột nhiên mặt lão đực ra như ngỗng đực vì nhớ lại ngày còn bé tí, lão nghịch tinh bắt mấy con cóc cựa. Nhét vào mồm chúng ít thuốc lào, xong khâu lại, thả ra vườn. Lũ cóc ngấm thuốc lào lờ đờ, thở ra nghe lịt xịt, nhảy lung tung như say rượu, vừa nhảy vừa khùng khục inh lên như người hen, như lão bây giờ vậy. Ngoài ra lão còn chơi trò lấy cái xe điều thổi vào tĩn con vịt cho bụng...chương phênh phênh lên. Ấy vậy mà hình tượng đến bức tranh *Em bé ôm cóc* với *Em bé ôm vịt*, cả một quá vãng ngộ nguậy trong lão khôn nguôi...



Em bé ôm cóc



Em bé ôm vịt

Và rồi lão trở về với thực tại. Ừ thì tới đâu thì tới, chả lẽ cứ ngồi ngây ra như thừng phải gió, trong đầu lão cứ trồn mây nấp gió với truyện tranh Tết, tranh Gà vẫn còn đang vật vờ với lão, vẫn chưa theo gió bay đi:

“...Léc gặt đầu khâm phục. Hấn nhìn hết lượt các bức tranh thấy những con gà, con lợn, cóc, chuột... dường như đang cử động. Những người trong tranh đang cười ngửa, cười voi, cầm đao giương cung rất hào hùng. Khi viên quan hai Léc trở ra, hấn cầm bản khắc của ông già lên xem. Hấn thấy một con gà trống lạ lùng, tám thân đường bệ kiêu hãnh, cái mỏ và đôi chân hiên ngang; con gà như sắp gáy lên. Chao ôi, con gà Tonkin nào có khác con gà Gaulois !!!



Tranh gà Đông Hồ



Tranh gà của Tây

- Nếu ông bằng lòng bán cho ta bản khắc này, ta sẽ trả giá mà ông muốn.

Ông già lắc đầu. Léc xòe năm rồi mười ngón tay ra dẫu:

- Năm bà đằm xòe? Mười bà đằm xòe?

Ông già vẫn lắc đầu, trán nổi gân. Léc thấy thất vọng; nhìn gương mặt ấy, hẳn biết khó lòng mà mặc cả trừ giả giờ trò cướp bóc.

- Ông lão này lạ thật - tên con lão quận trưởng xằng giọng - Ông lấy bao nhiêu thì nói lên chứ.

Ông già đứng dậy giành lấy bản khắc trong tay tên sắp bớt, điềm tĩnh:

- Thừa quan đôn, cái này không bán.

Ông già tiếp tục cúi xuống làm việc, đưa "ve" sửa vài nét ở cửa gà, không nói năng gì. Gương mặt Léc hiện lên những đường gân xanh, nhưng lại nở nụ cười:

- Thôi đừng ép ông già. Đó là tác phẩm của ông, là tâm hồn của ông.

Hắn quay ra và nụ cười tắt ngay, chỉ còn luồng mắt xanh lè như mắt mèo. Bất chợt Léc đứng sững lại, nhìn thấy một bản khắc cũ bỏ đi, được dùng vào việc cài then cửa chuồng gà. Léc đưa mắt cho tên thông ngôn. Tên này hiểu ngay, lấy bỏ ngay vào túi dệt và đi thẳng ra cổng”.

Chợt nhìn ra cổng nhà chú ấy, không hẹn mà gặp, lão bắt gặp chú em...như đang khẽ khàng nói khẽ khàng bước ra...từ cánh cổng gỗ, từ quá khứ với nghìn năm mây bay. Như đang trôi sông lạc chợ về một ngày giáp Tết về thăm quê nhà: Lão lẳng lẳng rong ruổi theo chú ấy trong một ngày heo may chớm lạnh. Mặt trời đã lên nửa con sào, khói sương còn

vẫn vợ trên mái rạ, ngọn cỏ, đất bãi. Dòng sông Đuống cứ lặng lẽ nổi trôi, chảy mãi và nhìn qua con đê là chùa Phật Tích, đền Gióng. Bỗng dưng chú em như cảm nhận được cái hồn của trời đất và hoài vọng một ngày nào đó không xa sẽ trở về cái làng tranh đã đậm nét trong chú em, của cái tuổi mới lớn trong những ngày giáp Tết. Và ngay lúc này, trong chú em như bừng dậy cái âm vọng rậm rịch, rộn rã của một ngày xeo giấy, khắc ván, in tranh, phơi tranh. Và lão mừng rỡ thầm rằng: Ai chả có lúc thả hồn đi hoang dã ở cái tuổi nào, như lão lúc này đây...

Đường mưa ướt đất, lại thêm một lần nữa, chú em đẩy đưa lão về nghìn năm mây bay với Lý, Trần, Lê, Nguyễn: Những bản in tranh Đông Hồ ngày nay, cho ta hình dung đến công việc in sách cách đây 9 thế kỷ vào đời Lý. Khởi đầu từ các sứ thần sang Trung Hoa xin kinh và cho người học nghề khắc bản gỗ. Năm 1018, Vua Lý Thái Tổ sai hai quan là Nguyễn Đạo Thành và Phạm Hạc sang nhà Tống để thỉnh kinh Tam Tạng, và thiền sư Tín Học cho khởi công khắc bản gỗ để in. Sau đó là đến kinh Kim Cương, Pháp Hoa, Dược Sư, Viên Giác. Theo sách Thiên Uyển tập, tổ phụ của nghề in mộc bản nước ta là Lương Nhữ Hộc, trú quán ở Liễu Chàng, huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương.

Đồng thời, sử biên niên ghi: Thế kỷ thứ III, làng Yên Hòa có một thứ giấy gọi là “Mật hương chỉ”. Đến năm 1295, Vua Trần Anh Tông lại sai Trần

Khắc Dụng và Phạm Thảo sang nhà Nguyên xin kinh Đại Tạng. Thiền sư Pháp Loa, trụ trì chùa Quỳnh Lâm đã bắt tay ngay vào việc khắc bản in. Mỗi trang sách là một bản gỗ, phải khắc lên chữ trái để khi in ra giấy bản là chữ phải. Vì có những bộ kinh lớn, bản gỗ lên tới 600.000 tấm, thời gian hoàn tất trên 20 năm. Với hàng trăm người khắc và hàng trăm người in, cho vào khoảng 1.400 chùa chiền ở thôn xóm, đại tự, quốc tự, đó là chưa kể hai, ba năm đi lấy kinh về.

Như chú em ngược dòng lịch sử với kinh kệ qua nhà Lý, nhà Trần. Ngồi cù rữ như con cò ốm đã lâu, buồn tình với lợn rọ chó thui, lão ngược về chuyện với...thằng Tây tên Léch:

“...Gió thảng chạp lùa qua trần song sắt nhà giam giá buốt. Tiếng ồn ào của những người đi chợ ngoài đường vọng vào càng làm ông lão buồn rầu. Chúng nó bắt giam ông đã một tuần nay, hằng ngày cho ăn cơm thịt bò, nhưng lại để mặc ông với bức tường - mà không hỏi han gì. Về đêm, ông lão không sao ngủ được, đôi tay buồn bức chỉ biết vuốt râu. Mùi gỗ thị, và mùi giấy mới hồ thơm thơm, chao ôi, sao mà ông nhớ nó thế. Nhiều lúc ông mệt thiếp đi nhưng lại sực tỉnh ngay. Những hình vẽ trong tranh cứ chập chờn trước mặt. Làm sao mà ông không nhớ cho được khi cả đời ông gắn bó với nó. Kỷ niệm hồi nhỏ của ông là những lần bị các cụ đánh sưng tay vì vô ý chệch một đường "ve".. Theo các cụ dạy, trước khi bắt tay vào tranh, bao giờ ông cũng mặc áo dài, sửa

lễ cầu ông tổ nghề tranh mộc bản run rủi cho khí thiêng nhập vào người. Có thể khắc mới đẹp. Khi cầm đến "ve" đến gỗ, cứ mê đi mà làm.

Ông nhớ hồi trẻ khi khắc lại một bộ tranh, ông đã mài miết đến ba tháng trời. Suốt ngày ông nằm bò ra sửa từng ly từng tý... Ông thuộc lòng từng khuôn mặt người trong tranh như khuôn mặt láng giềng đến nỗi nhắm mắt có thể đưa "ve" lên gỗ được. Những người trong tranh rồi đến cả con gà, con lợn ở đây cũng thành bè bạn của ông...

Ấy thế mà bây giờ chúng bắt ông phải xa tất cả và giam ông vào đây. Vào một ngày cuối tháng, tên sếp bắt cho gọi ông lão lên nhà. Hắn mời một cốc rượu vang đỏ rồi nhún vai:

- Thật đáng tiếc, trong những ngày ta đi vắng, người ta đã bắt giam nhà họa sĩ dân gian này. Nhân tiện đây ta ngỏ lời muốn ông tha mãi những yêu cầu thẩm mỹ của ta - điều ta đã nói với ông lần trước, ông bán cho ta, tất cả những bản gỗ mà ông đã khắc từ xưa đến nay.

- Thừa quan đồn, tôi không có - ông già nói với giọng dịu hơn - tôi chỉ có vài bản để in, bán đi lấy gì sinh sống.

- Ta sẽ trả tiền ông, rất nhiều, đừng lo.

Ông lão xòe bàn tay, vẻ thành thực:

- Tôi già rồi, khắc chậm chạp, được bản nào là cố giữ bản nấy. Xin quan đồn hiểu dùm cho.

- Mọc xà lù, làm thế nào có cho ta thì làm.

- Thừa quan đôn, tôi không làm được việc ấy được... ”.

Việc ấy...Lẽ dĩ nhiên chú em nào có hay biết, lại rủ rê lão thả rong với chuyện chợ búa: “Em xin thừa với bác chứ...”. Chú em ngừng lại một chút rồi tiếp...Chứ kinh đô Thăng Long, đất nghìn năm văn vật ta xưa phát triển theo từng thời đại để có cung điện, lâu đài cùng phố xá và chợ búa để có cái tên chung là Kẻ Chợ. Giữa phố và chợ được gọi là phường hay làng nghề. Như phường Yên Thái làm giấy, phường Nghĩa Đô với dệt lĩnh và phường Thụy Khê cất rượu. Cả ba phường đó người dân Thăng Long kêu là Kẻ Chợ, gọi gồm là Kẻ Bưởi. Đơn thuần chỉ là một địa danh dính liền với chiều dài của dòng lịch sử kéo dài cả mấy trăm năm. Tất cả đều tằn tẻ bám vào mảnh đất căn cỗi lâu đời...Để rồi, mỗi mảnh đất hình như đều có dòng sinh mệnh riêng nó. Với làng Yên Thái bây giờ, giấy bồi, giấy bản, giấy hội đang đi vào buổi hoàng hôn. Chuyển qua làm nôi, làm đồng, vì vậy gần đây có câu “lệnh công chiêm Bưởi” là thế đấy.

Làng Đông Hồ cũng vậy, từ tranh dân gian sang hàng mã, phẩm màu giấy nhuộm, với những ông tiến sĩ giấy xanh xanh đỏ đỏ. Nghĩ lại cái buổi hoàng kim Đại Việt của Lý-Trần thuở xưa với cả trăm nghề nhân. Đến năm 1930 mới đây, rơi rớt còn là cụ Nguyễn Đăng Khiêm và ông cháu cùng vật đổi sao rời của làng tranh Bắc Ninh.

Lão gật gù chắc mẫm “cụ” Nguyễn Đăng Khiêm đánh chết cũng có họ hàng hang hóc với chú em nên mới dầm dúi cho chú em bức *Đầu vật* cũ sì để mang về. Lão nhủ thâm cụ đây nào có khác gì bức tranh mốc meo, già rồi, cũ kỹ rồi, đầu chờ vờ như cá trê gặp nước mặn nên lượng sượng chẳng biết nói gì hơn là đảo về những phiên chợ tranh thời xa xưa:

“...Ngày hôm sau vào phiên chợ Chằm, những người đi bán tranh tết bị lính cướp giật từng bó. Dân các tổng mua tranh vội vã giấu xuống dưới thúng hàng. Ban ngày thoáng thấy bóng chú lính nào lảng vảng về làng, người ta báo nhau cất giấu hết. Chuyện ấy đến tai tên thông ngôn, hấn hỏi Léc. Viên sếp bốt mỉm cười:

- Chẳng có liên quan đến ông đâu. - Léc ngừng một lát rồi tiếp - ông có thấy tranh của xứ này có những bức vẽ hình đàn bà váy ngắn giống bà đầm xòe hái nho ở bên Pháp không? Nếu mang về tôi sẽ có cả một gia tài...

Tên thông ngôn im lặng. Léc lại gọi ông già lên:

- Ông đã suy nghĩ chưa?

Ông già ngồi trầm ngâm, ông nhớ lại chuyện cụ tổ mấy đời làng này từng bị giặc Tàu bắt đi khắc tranh cho chúng, các cụ cắn lưỡi tự tử chết chứ không chịu. Bây giờ đến lượt ông đây, ông không thể làm thẹn mặt tổ tiên. Nhìn ông già, Léc thất vọng, hấn bức bội giậm chân trở ra.

Ông già thấy một chú Tây say đi vào, tay cầm chai rượu vang...”

Chú Tây say đi vào...để làm gì chuyện đâu vẫn còn đó. Chuyện hiện giờ là lão đang lậm vào những bức tranh màu sắc chân quê qua chú em. Màu vàng rộm lên như cánh đồng lúa chín, màu xanh ẩn sau lũy tre làng, màu đỏ gấc như yếm thắm của chiếc áo tứ thân, màu xám nhiễu như chiếc áo lam giang, trong lót nền hồ thủy, màu đen như váy lĩnh giữa mùa quan họ. Qua bức tranh *Chuột vinh quy, Thầy đồ cóc*, chú em vẽ vờn lão từng đường nét, từng góc cạnh cùng những bố cục, sáng tạo theo trục giác, cảm tính này nọ. Qua bức “Lợn đàn”, chú em dăng dẻ với từng mảng màu sắc. Mảng này phủ lên mảng kia với sắc độ tự nhiên, tươi rói trên nền hồ điệp, trong veo trắng óng, với nước đen mềm mại, chắc khỏe của than lá hồi.

Ấy là chưa kể bức “Tổ nữ” hoặc “Trê cóc” vậy mà bộc lộ được vẻ tươi vui cho việc trang hoàng nhà cửa. Cùng nét tranh khắc sâu, nét in phẳng lặng, lúc hờn hờ như “Chú bé ôm con vịt phú quý”, hay “Chú bé bế gà vinh hoa”. Khi thanh thản như cậu bé vắt vẻo ngồi trên lưng trâu thổi sáo. Có lúc ngờ nghệch với con lợn ỷ, mặt chành bành to bè. Bình dị và chân chất thì có *Thầy đồ cóc, Chuột vinh quy*, như sự nối tiếp âm thầm của một nền khoa cử, của một thời xa xưa. Số là vua Lê Trung Hưng (1533-1789) vì thiếu tiền, ra lệ đóng ba quan tiền Minh Kinh để nộp quyền đi thi, nên có nạn quan trường thông đồng mua bán. Vì vậy mới có bức tranh dân gian *Chuột*

vinh quy, chú chuột khệnh khạng đăm mồm ông mèo với cá và tôm.

Bông chú em cười bệt một cái: “Theo em thì các cụ ta xưa cũng hóm lăm đấy, bác ạ”. Như bức *Hái dứa* chẳng hạn: Chàng trai đóng khổ lưng lơ, chót vót trên ngọn cây, dưới là cô gái quê mặc yếm, vén váy hứng dứa. Khi không chú em múa môi khua mép với lão: “Nhào, nếu như trái dứa rơi tồm xuống váy thì...thì sao nhầy, thưa bác”. Chú em lại nháo nhác đến bức *Đánh ghen*, hai bà một cô, dí dỏm một nỗi, trong đó có một bà đánh hôi cầm kéo... Rồi chú ấy xón xác hỏi lão: “Chứ theo bác nhớ bà đánh hôi không lấy kéo sờn tóc mà cắt toẹt cái...váy thì sao đây, hở bác”. Hở với hang rõ nhiều sự, lão nhú mày. Nhưng quả tình lão cũng chịu chết nghĩ không ra những cái oái oăm của các cụ gửi gắm trong những bức tranh tình tự dân gian này.



Ấy vậy mà chưa hết chuyện, chú em già còn tí tóay chỉ cho lão bức tranh *Đánh đu* phỏng theo thơ bà Hồ Xuân Hương thì phải? Phải hay không chưa

biết, chỉ biết nhìn kỹ góc bên phải, va vào mắt lão là hai cặp trai gái đang nõ nường...bóp vú nhau.



Được thể lão bày vẽ chữ nghĩa với chú em rằng: Lễ hội là giao hòa, giữa trời và đất, giữa cỏ cây và muôn loài, giữa người và người, giữa nam và nữ. Ông bà mình vẫn thường nói ngày xưa trai gái đi xem lễ hội, tuồng chèo là để chim chuột nhau, sò soạn nhau đẩy thôi. Qua nắng quái chiều hôm, chuyện tình tự dân gian với đất lề quê thói cùng các cụ, tiếng nói sâu kín của bản năng, ăn sâu vào tâm thức, bao giờ cũng thâm trầm và bàng bạc như tiếng sáo diều, câu ca dao cổ vẫn lẫn lẫn theo chân chú em.

Đất khách quê người cùng cái tuổi bóng ngả đường chiều, chú ấy lại lẳng đặng thả hồn về năm nào, như mới đầu đây. Lang thang ở con đê Cổ Ngư, qua một dải đất hẹp, rồi lạc về vùng Bưởi lúc nào không hay. Lững thững trên con đường lát gạch Bát Tràng rộng khoảng năm thước ta, để mỗi năm rước hội, kéo ngựa gỗ đi được. Ấy là dấu ấn những chuyện trăm năm của các cụ ta xưa qua đám cưới với lệ đóng cheo. Đồi này qua đồi khác, những đoạn đường làng lát gạch cứ dài thêm mãi với những nhân duyên nối tiếp cho dòng giống sinh tồn.

Rồi thì chú em đứng lại thần thơ ngắm nét hoa văn trên cổng làng, nghỉ chân dưới bóng cây đa già, đằng sau là căn nhà cổ xưa u tịch còn sót lại, như vắn vương u uẩn, nghe vang vọng của nhịp chày Yên Thái, cùng tiếng chuông u tịch của đền Đồng Cổ, lẫn trong hươg trời sắc nước của Tây Hồ. Cùng những nỗi niềm tiếc nhớ về một làng nghề giấy đang

đang chìm dần vào quá khứ với *mật mùng khói sóng ngàn sương, nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ* mà một thời làm giấy sắc vua, kinh kệ, giấy lụa để in tranh.

Lão lặng lẽ giẫm lên những bước chân đi của chú em, com mắm thắm về lâu, âm hưởng quê nhà từ một miền sâu thẳm lại ẩn hiện qua truyện *Tranh Tết* của lão...

”...Thấy chú Tây say vào, ông già bỗng run run.

Chú Tây say loạn choạng:

- Tao sẽ chặt các ngón tay của già nếu già không nghe lời ông Léc.

Chú Tây say đập cái vỏ chai xuống cạnh bàn, rồi ngồi xuống ghế. Ông lão nhìn ngón tay mình hốt hoảng, bất thình lình, chú Tây say vùng dậy, tay này cầm vỏ chai vỡ dốc ngược, tay kia vồ lấy ông như con mèo đói. Ông lão vùng vẫy. Mấy chú lính nhào vào giúp sức ôm chặt lấy ông.

Năm ngón tay gầy khô xòe rộng trên bàn.

Năm sau, viên quan hai Léc nhận được lá thư của một người bạn họa sĩ từ Pháp gửi sang: "Léc. Moa đã nhận được bức tranh và bản khắc gỗ, đáng tiếc hai tấm khác nhau. Tuy nhiên, bức tranh đúng là một tác phẩm vô giá..."

Thuồn mặt ra như có gì trong cái đầu đất sét của lão mà chưa moi móc ra được. Vừa lúc chú em móc điều thuốc châm lửa, thế là lão rọ cái mồm vào hỏi có sự gì bức tranh treo dưới chân cầu thang có cái lỗ

cháy đen thu lủi...Đau chân há miệng, chú em khật khừ nhả một đụn khói, chồm lỏn rằng: “Nhào, chả có gì đâu bác, một ngày ngẩn ngẩn bên bờ sông Seine, bắt gặp bức tranh ấy ở tiệm sách cũ. Thế là em thừa vè”. Chú em nhả khói tiếp rằng: “Mang về rồi, nom ròm thấy thằng Tây nào đó ký tên vào góc bức tranh. Ngứa mắt, em dí một điều thuốc, vậ thôi.”. Ấy vậy mà cho đến lúc này, lão vẫn chưa có dịp kể chuyện Tranh Tết trên cho chú ấy nghe. Lão nhắm một miếng gan ngỗng đưa cay, lão ngứa cổ nốc cạn ly rượu đỏ như voi uống thuốc gió. Hết chai Bordeaux màu lá vàng, lão say say như cóc cụng ngâm thuốc Lào.

Chiều về, lão lò dò ngả người ra ghé, ve ve mắt nhìn lên tầng cây platane.

Rất xa xôi, thoáng trên mặt chú em có đám mây bay...Tia nắng quái len lỏi qua rặng lá xanh thảo thiết, lão chập chờn với giấy điệp vàng, với hoa hòe. Dường như có cơn gió lùa lao xao qua cụm lá, nghe loáng thoáng như âm vọng rậm rịch của một ngày xeo giấy, khắc ván, in tranh, phơi tranh...Chìm đắm trong giấc ngủ ngày, lão chơi voi thấy mình đang có mặt ở quê nhà trong một ngày heo may chớm lạnh. Mặt trời đã treo ngọn tre mà khói sương còn vẫn lơ trên mái rạ, ngọn cỏ, đất bãi của đồng bãi quê mùa.

Dòng sông Đuống cứ lặng lẽ nổi trôi, chảy mãi. Nhìn qua con đê, ẩn hiện trước mắt lão là không khí sầm uất vào cỡ tháng Chạp, chợ tranh được mở tại

đình làng để khách các thuyền xứ Đông, xứ Đòai ghé mua tranh. Lão chống cây gậy trúc khua cua, thần thờ quanh con đường làng lát gạch vồ, lẳng đọng với phiên chợ chiều vắng khách. Lão mơ mơ nghe có tiếng cóc nhái âm ỉ như có tiếng ai đẩy gọi đò sang sông về một bên nước...Lão mơ màng trở về những ngày còn bé tí khâu đít chuột cho chúng chúng cắn nhau chí chóc trong cốt thóc. Lão chìm vào giấc hòe thấy mình là thầy đò cóc đến chuột vinh quy...với lá vàng trên giấy, ngoài trời mưa bụi bay.



Thêm một cơn gió thoảng, lão ho khùng khục như người hen. Chiều tối ập đến, trong nhà đã đỏ đèn, đỏ quạch. Ngoài sân, đặng góc vườn dâu dậu cũng vang lên tiếng cóc cụ ho...

Thạch trúc gia Trang
Xuân sinh, Quý Ty 2013

Cái nợ đồng lần

Nói cho ngay...ngay như tựa đề, người viết mục chữ với những câu thành ngữ dân gian xa xưa, thẳng như “cái nợ đồng lần, tình yêu như...bát bún riêu” hay “ruộng nương là của đồng lần, trời đất xoay vần kẻ trước người sau”...Tiếp đến, mục chữ tôi loay hoay với nhà văn nữ hôm nay qua bài *Nợ đồng lần* với “nợ ơn nợ nghĩa không phải của riêng ai, mà của toàn thiên hạ, của cuộc đời này” với câu kết: đàn ông là cái nợ đồng lần. Bởi mục chữ tôi...mục mẫm *đồng lần* là tĩnh từ, nên câu *Cái nợ đồng lần* có nghĩa là “*lần lượt* như nhau, trước sau cũng phải trải qua cái nợ đồng lần”. Bởi lý sự ấy, bèn cho rằng trong cõi nhân gian này, cái nợ đồng lần ai nấy cũng gặp một lần trong đời! Thế nên mới có bài viết dài hơi dày chữ này đây...

Bài viết này từ khrom mười niên trước, mục chữ tôi đang khua khoảng như xâm tìm gậy với đất quê, quê nhà thì bạn cũ trường xưa tếu táo hầy một sách ăn giấy về làng Kẻ Noi của bạn. Ngỡ thật, cái ngày chân ướt chân ráo ấy, mục chữ tôi đọc báo chợ, báo chùa thấy ai đó viết làng Kẻ Noi ở...Hành Thiện, Nam Định.

Thêm nữa, trước kia thì không, như bệnh dịch vì sử gia, nhà biên khảo nhìn gì trên trống đồng cũng lòi tói ra hết chim lạc có từ thời Lạc Việt, đến nhà sàn có từ thời Hùng Vương. Nên chả ai cấm mục chữ tôi hoang tưởng làng Kẻ Noi cũng có nhà sàn in hệt như trên trống đồng vậy, bèn dẫn chứng với ca dao “com đồ nhà gác, nước vác lợn thui” hay “trâu đeo mõ, chó leo thang”. Chó ngáp phải ruồi thể quái nào chả biết nữa, đọc *Son Tây địa chí* thấy Sơn Tây cũng có đất người Mường và nhà sàn thật.

Nhưng ấy là chuyện sau, gần đây mục chữ mò mẫm với đền chùa chiền nên ghé Hồ Tây có chùa thờ nữ thần người Chăm là chùa Bà Banh. Sau dân gian gọi là chùa Bà Đanh, vì “đanh” là cây gậy đá thọc vào chỗ banh ra để bá tánh cầu xin. Nhờ cây gậy, mục chữ tôi mới tìm ra nghi vấn trong văn học: *chùa Bà Đanh là...chùa Bà Banh*.

Cùng ngày trời tháng bụi viết để dỗi già, mục chữ tôi ngụp lặn với chữ nghĩa từ Bắc Ninh xuống Thái Bình để đi tìm thổ ngơi, miếu mạo, *cầu quán* chỉ có trong sách vở. Thảng như cầu mái ngói, ngõ chỉ bên Nhật mới có (như chùa Cầu, Hội An), hoá ra nhờ *phiêu lãng quên mình lãng du* nên đến đâu đâu

cũng thấy “thượng gia hạ kiêu”. Một ngày lọ mọ đến Hà Nam có chùa Bà Đanh với giai thoại trạng Quỳnh ghé chùa làm thơ. Thấy ai đánh rắm to ở đâu thì tìm đến, nhà thơ Trần Đăng Khoa cũng tìm đến chùa để đề thơ: “Ngoài thềm rơi chiếc lá đa - Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng”. Ha! Lá rơi rất mỏng...mỏng dính, lá lại rơi nghiêng...nghiêng ngả nên câu thơ có cái lá rơi tồm vào văn học. Nhưng khổ nỗi chùa Bà Đanh không có cây đa nào mà chỉ có...hai cây cau. Ý đồ mục chữ tôi là muốn viết một nơi chốn nào phải thực mục sở thị: Ấy là chùa thờ Bụt, “chùa” không thờ bà Banh, bà Đanh.

Khi mới có máy vi tính, ngày ấy mục chữ tôi lang thang như thần hoàng làng khó trên mạng lưới như thiên la địa võng nên chả hay biết Kê Noi nằm ở xó xỉnh nào?

Ấy là chưa kể đạo đó với bài vở mục chữ tôi viết không có dấu như dưới đây:

“La`ng Ke? Noi thuo^c ti?nh So*n Ta^y”, diển nôm là *Làng Kê Noi thuộc tỉnh Sơn Tây*. Hoặc “Ke? Noi, te^n tu.c la` la`ng To’ ”, nôm là *Kê Noi, tên tục là làng Tó*. Chả hiểu từ “tư liệu” nào, mục chữ tôi ăn đong ăn vay người làng Tó nói...nói như chim.

Thảng như chữ “kê”, gân đây mục chữ tôi mới ăn mảy chữ nghĩa trên mạng...

“Kê” tiếng Việt cổ chỉ *nơi chốn*, sau gọi là *làng*. Kê Noi là tiếng Nôm, tiếng Hán là làng Cổ Nhuê. Thảng Long được gọi là Kê Chợ để phân biệt Kê Sặt, Kê Lũ ở vùng quê. Tiếp đến phố Hàng Đào,

Hàng Ngang, Hàng Đường của 36 phố phường từ Kẻ Chợ mà ra. Với làng Cổ Nhuế, tục truyền rằng: Vào thời Lý, Đông Chinh vương đi đánh giặc ghé qua làng, dân làng tiếp đón nồng hậu. Trước khi ra trận, già làng hỏi nếu vương “bãi sa tràng thịt nát xương tan” thì cho làng lập đền thờ. Vương không thuận, vì thấy dân làng quá nghèo. Vì nghèo ở vùng đầm lầy “lội ngòi noi nước”, *noi* là “lần theo” mới thành tên Kẻ *Noi*. Vì nghèo nên phải đi lấy phân về ủ cho hoại để bón ruộng vườn vì vậy mới có câu “Đào Nhật Tân, phân Cổ Nhuế” là nói về nghề này.

Ngại bạn ngờ mụ chữ tôi...mụ chữ chǎng?! Một ngày trời hom hom, đất đơ đơ, bèn dẫn bạn về tận nơi thực mục sở thị làng đầm lầy, muỗi bay như rắc trấu nên đâu có canh tác khi gì được. Mụ chữ tôi chỉ một bác Kẻ Noi quần xắn móng lợn, đầu quấn khăn đầu riu đang quảy gánh. Trong thúng có đồ nghề gấp phân bằng cật tre gộc, trông giống đôi dũa cả nhưng dài hơn. Thúng kia có con dao cau, cuộn giầy gai, bình vôi để dịt vết thương, ấy là bác ta làm nghề khác: nghề hoạn lợn. Chuyện này xọ qua chuyện kia...qua làng Phương Lưu, Hải Phòng, tuy cũng hót phân như Kẻ Noi nhưng đánh ruồi không đủ nuôi miệng cóc nên làm nghề khác: *nghề đạo chích*. Chuyện có tên đạo chích khoét vách vào nhà người ta để khoảng một mẻ để ăn tét. Vì thánɡ củ mật nên gia chủ hờm sẵn cái lưới cày phập xuống ngọt lịm, đạo chích chét tét. Nhưng may chét vào giờ linh nên

được làng rước vào đình thờ là...thần hoàng ăn trộm.

Về ông “đương cảnh thần hoàng thượng đẳng thần” trên, mục chữ tôi mót chữ són câu được tục thờ “thành hoàng” có từ đời Tam Quốc. *Thành hoàng* từ *thành* là thành quách, *hoàng* là cái hào bao quanh thành; ghép lại một từ để chỉ vị thần coi giữ cho cái thành. Vì vậy thành hoàng là ở bên Tàu. Ở bên ta việc thờ *thần hoàng* được đề cập qua chuyện dòng sông Tô Lịch chảy ngược, các vị kỳ lão giết trâu đặt rượu cúng tế thì hết. Khi Cao Biền đắp thành Đại La, nghe sự linh dị, sấm lể tế, cho hiệu thần sông Tô Lịch là Đô phủ *thành hoàng*. Gặp khi Lý Thái Tổ lúc dời đô, mộng thấy một cụ đầu bạc phảng phất trước bệ rồng...Sau khi hỏi rõ lai lịch là “thần” sông Tô Lịch, vua phong làm Quốc đô Thăng Long *thần hoàng*. Đình thờ thần hoàng, miếu thờ thổ thần. Nhưng cũng có miếu thờ thần hoàng, như miếu làng Ngọc Động, Ninh Bình thờ thần hoàng là ông ăn mày. Ngày hiện hóa của thần hoàng, làng mở hội, nghinh rước “thần hoàng” là...cái bị và cái gậy từ miếu về đình. Tế lễ xong, lại rước cái gậy, cái bị về miếu yên vị

Chả lẽ nói vãi thì lại nói vợ về Kẻ Noi, mục chữ tôi dẫn bạn tới miếu thần hoàng. Nơi chốn này, năm 1469, vua Lê Thánh Tông vi hành qua đây thăm miếu thần hoàng có thờ quang gánh và đôi dưa cả để gắp phân. Vua Lê đã ban câu đối cho làng: ”Khóac tấm áo bào, giang tay gánh vác thiên hạ - Vung ba

thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian”. Nhưng vào đến miếu, quang gánh có đầy, không có đôi dũa cả tre gộc mà là...hai mảnh xương trâu. Bạn nói: Làng bạn không phải là Kẻ Noi mà là...”Kẻ Nũa”.

Một ngày ngòi không búng ghét đuổi ruồi...Mụ chữ tôi lắm cảm như xâm tìm gậy và...tìm ra mắc mớ gì cách đây 500 năm cụ vua Lê vi hành tới mảnh đất đầm lầy, ruồi muỗi đông như tổ đĩa, dân làng lại gánh phân thối hoăng. Nghĩ cũng lạ...Lạ hơn nữa, sau này lại cũng năm 1469, cụ vua lại lèo hèo lên Sơn Tây. Thế mới rách chuyện.

Một ngày khác 9 năm sau, ngày bạn về với thiên cổ, mụ chữ tôi gò gẫm bài viết *Thằng bạn mà tao* viết về bạn với cái thú chơi đồ cổ. Trong bài có câu: “Quái thật! Làng mình tên quái quỷ gì chả hay thì khi thật! Hay bạn nỡ mình cũng nên?”. Nên hay không, ngày ấy, mụ chữ tôi có ý đồ tìm về quê bạn: *Kẻ Nũa*.

Với cái nợ đồng lần, mụ chữ tôi sẽ dắt díu bạn về Kẻ Nũa. Vì bạn là nhà báo, nhà văn, ắt là phải đưa bạn qua ngã Ngã Tư Sở đi Hà Đông để theo nhà thơ Cao Tần thăm...nhà văn Lê Tất Điều ở làng Bái Trượng. Rồi tìm nhà báo Hoàng Hải Thủy ở làng Đơ, đang ngồi đợi bạn trên thượng gia hạ kiều bắc qua sông Nhuệ. Tiếp đến ghé quê nội Dương Nghiễm Mậu cũng ở Hà Đông. Sau đó ngược lên Sơn Tây theo nhà văn Phan Lạc Tiếp với tác phẩm “Bốn mươi năm trở lại”, lọ mọ qua Phùng gặp

Quang Dũng. Đi tiếp nữa vào vùng núi Thách Thất, tìm làng Trúc Động, vì Phí Ích Nghiễm vừa theo bạn về quê... về lại quê ngoại. Tại đất Thách Thất có hai nhà báo đều ở Kẻ Nửa: Ấy là Phan Lạc Phúc và Lê Thiệp bạn ta. Thế nhưng phải đợi ngày tháng đong đưa nào đấy với bách quế quy vu kỳ thất, là trăm năm bạn cũng về nhà.

Qua ngày tháng đầy đưa ngày là lá, tháng là mây... Số là xưa xưa xưa xưa, hiểu là lâu lắm rồi, mục chữ tôi ực tới bến mới có được bài *Hồ trường! Hồ trường ta biết rót về đâu*. Bài gửi đi rồi biến mất tiêu! Đùng một cái đọc trên mạng lưới bài biên khảo “Đur thương hay Hồ trường?” của tác giả Chân Phương. Người hơi văn có hơi hám đụng chạm đến “văn mình vợ người” và tác giả bắt cóc bỏ đĩa mục chữ tôi như thế này...

(...) Với nội dung dài 19 trang vừa đánh máy vừa kèm hình ảnh vẽ và chụp. Bài “biên khảo” do một tác giả, ông Phí Ngọc Hùng mượn ý từ nhiều “khảo cứu” của các tác giả khác nhau về bài thơ Hồ Trường. Trong giới hạn bài này, chúng tôi sẽ không cắt và dán lại toàn bộ 19 trang đó mà chỉ đề cập đến nội dung cần được *phản biện* thôi (...).

Thôi thế quái nào được! Thế là mục chữ tôi có nhời “phản biện”. Nhưng khổ nỗi với danh bất chính ngôn bất thuận là không biết tác giả là ai? Nhưng phần mở đầu có câu “Em coi bài *Hồ trường! Hồ trường ta biết rót về đâu* thì biết thật, hư - GS Dương Như Nguyệt”. Đến trần ai khoai củ này, mục

chữ tôi như xằm sờ voi và đoán mò tác giả là...cô! Bởi bà họ Dương xưng chị, trong khi bà chỉ 40 hay 50.

Bền quần quả cô đây văn chương nét đất, thông minh tính trời nhưng câu “Vời nội dung (...) vừa đánh máy vừa kèm hình ảnh ông (...) mượn ý từ nhiều “khảo cứu” của các tác giả khác nhau”. Bởi cô đa thư loạn mục, là *đọc nhiều quá đâm rối mắt* nên chả rối ren được văn cách của một nhà làm văn học đã văn dĩ tải đạo trên văn đàn:

“Ấy là truyện không cần có cốt truyện (hay truyện-trong-truyện) hình thành thủ pháp hư cấu. Từ đó, nảy sinh việc trích dẫn, viết lại các văn bản cũ, ngay cả tranh ảnh. Truyện-trong-truyện không có sự mạch lạc trong cốt truyện và sự hợp lý trong tình tiết...Những tình tiết được hé hé mở trước và được kín đáo đóng lại sau, tình tiết còn được nhắc lại ở khúc cuối để người đọc không quên khúc đầu, v...v...”.

Chuyện mấy năm sau đọc trên mạng lưới gặp bài viết của cô xem như đã xong. Còn bài *Thằng bạn mày tao* gửi đi năm 2012, bốn năm sau, năm 2016...Một ngày, mục chữ tôi nhận được điện thư của cô. Hơ! Cô như...rách giời rơi xuống:

(...) Xin cảm ơn vì chú gửi bài viết về tình bạn qua bạn bè giữa chú và chú Thiệp qua bao nhiêu năm chân tình và thăm thiết đã dành cho nhau. Cảm động lắm khi biết được các chú từng phóng khoáng chia sẻ và nhường "đồ chơi (đồ cở)" quý giá của mình

cho nhau. Cháu đọc được sự gằn gỏi trong văn phong và bút pháp của chú và chú Thiệp như có nhiều điều hòa quyện lẫn nhau trong tính cách của các chú. Cháu không khỏi bật cười thành tiếng khi chú thuật lại câu chuyện chú Thiệp giả ngây, giả ngô: Ban đầu xưng tên làng mình là Kẻ Noi, nhưng sau đó lại chối phăng như không biết tên Nôm của làng mình vì giai thoại nổi tiếng không được thom tho của làng Cổ Nhuế...(…)

Ha! Hoá ra cô Chân Phương là cô cháu của bạn! Cháu như thế nào cô tiếp:

(…) Cháu xin được trích lại một phần ghi chép của bố cháu (bố cháu lấy bút hiệu là Minh Văn) để lại về các làng Chi Quan (Kẻ Săn, bên nội của chú Thiệp), Đụn Dương (Kẻ Đụn, bên ngoại của chú Thiệp và bố cháu) (…)

Đến tao đoạn này, mụ chữ tôi mới ớ ra làng của bạn mình là...”Kẻ Săn”

(…) Lịch sử chưa bao giờ Kẻ Noi được sát nhập như một phần của tỉnh Sơn Tây. Vì thế, nhận làng mình là Kẻ Noi, ắt chú Thiệp đã đọc qua giai thoại Ba Giai Tú Xuất,...đề mà phá chú đấy! Quê chú Thiệp ở Thạch Thất, Sơn Tây. Chi Quan là huyện lỵ, vì thế con đường chính của làng đi ngang qua nhà chú Thiệp được gọi là Phố Săn. (…)

Hơ! Đến nhiều nhưng “lịch sử” ở trên ắt phải rối rắm với cô cháu bạn quá...

Rối rắm là giữa thời Lý, Kẻ Noi nằm trong đất Từ Liêm của trấn Sơn Tây. Năm 1832, Minh Mạng

sát nhập Từ Liêm vào Hà Đông, vì vậy từ thời nhà Nguyễn, Kẻ Noi thuộc về Hà Đông tức làng Đơ có Cầu Đơ. Thời Pháp thuộc, năm 1888 trở về sau làng Đơ là tỉnh Cầu Đơ, đến năm 1904, người Pháp đổi thành tỉnh Hà Đông.

Chứ chả phải như các nhà biên khảo...khảo nan khảo dị như thế này đây:

Minh Mạng thứ 12 năm 1832 đặt tên là Hà Đông lấy từ sách Mạnh Tử (Thiên Lương Huệ Vương) qua địa danh ở bên Tàu có Hà Nội, Hà Đông, Hà Nam, Sơn Tây, v...v... Thêm nữa, qua Lê Thánh Tông đặt tên địa danh theo hướng đông, tây, nam, bắc, Minh Mạng chả có lý sự gì đặt tên làng Đơ ở phía tây Hà Nội với tên Hà *Đông*.

Vì vậy Kẻ Noi nằm ở Sơn Tây hay Hà Đông tùy theo cô tiêu pha chữ nghĩa ở thời gian nào. Thế nhưng một sách một chữ cho lắm cũng khó...tiêu lắm. Bởi nhẽ người trong nước cứ ngẫu hứng qua cầu nay Hà Nam Ninh mai Hà Tây. Mụ chữ tôi ngẫm nguội với cô 100 năm sau...Kẻ Noi, xin lỗi nói lộn...Kẻ hậu sinh chả biết cụ Nguyễn Khuyến thổ cư ở Hà Nam, Nam Định hay Ninh Bình. Rồi họ lại tùy hứng với Hà Nam Ninh nay lại là Nam Hà, cụ Tam Nguyên Yên Đổ đâm rối trí chả biết mình ở đâu nữa. Như Quang Dũng, nào ai biết nhà thơ thổ ngại ở Hà Đông, Sơn Tây hay...Hà Nội, vì Hà Tây bây giờ thuộc về đất ngàn năm văn vật. Nhưng ấy là chuyện “hồi sau sẽ rõ”.

Chuyện bây giờ hay là hãy theo bước chân chim của Hạ Chí Trương...*trẻ lãng du, già về cố xứ* vì gặp đám trẻ *cười hỏi ta...* Thế là mục chữ tôi bật ra ý nghĩ “gà cỏ trở mỏ về rừng”, là đưa cô về cố xứ, về Kẻ Săn thăm căn nhà cũ của chú Thiệp cô.

Tức thì hai chú cháu leo lên máy bay...bay về Hà Thành, đất của sĩ phu Bắc Hà. Đất sinh cỏ già sinh tật, cái tật của mục chữ tôi lại...đám hoa lạc khứ nữa để lạc vào thập niên 30 đầu thế kỷ 20. Như rơi tồm vào “Lỗ hồng thời gian” với ai đó vượt thời gian, lạc đường về quá khứ. Tới bến xe Kim Mã ngay phố Sơn Tây (tên Tây là phố Mehl) và phố Hàng Mã có hãng ô tô Ngựa Vằn và Thỏ Trắng chạy xăng. Ngồi ở tiệm thuốc Bắc, cô cháu hóng hót ở bến xe Chuông Bò gần đây có xe ca Mỹ Lâm, Chí Thành, Cur Dương chạy than. Vì chưa đi...tàu hoả bao giờ nên cô muốn đi xe đốt than. Vì xe chạy bằng than rơi rớt lại thời Tây thuộc địa nên phải đợi cả giờ đồng hồ. Đang dòm cái về xe như tàu lá chuối chụp lên bánh xe to đùng, cái đèn tròn xoay như đĩa nộm rau muống. Than “hầm” xe nóng rồi, lơ xe vẩy vẩy kêu: “nhồm” rồi, “nhồm” rồi.

Vì chúng chả biết nhồm là khí mốc gì nên trên xe, mục chữ tôi dành tri vi tri mà nôm *biết thì nói là biết* về Quang Dũng, ít ai biết ông là người Sơn Tây hay Hà Đông.

Bởi cứ theo Phan Lạc Tiếp qua *Bốn mươi năm trở lại* thì...

(...) Quang Dũng vẫn được biết đến là một nhà thơ Sơn Tây. Anh đã mang hình ảnh của Sơn Tây vào đầy ắp những thi phẩm của mình. “**Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn. Về núi Sài Sơn ngắm lúa vàng ...**” Nhưng thực ra quê hương Quang Dũng không phải Sơn Tây, mà là Hà Đông. Quang Dũng đã lớn lên trong căn nhà nằm ở ven con đê Hiệp, thuộc huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Đông. Đúng như thế. Nhưng tại sao trong thơ Quang Dũng lại chỉ nói đến Sơn Tây mà không tìm thấy hình ảnh nào của Hà Đông cả.

Để hiểu ra có lẽ phải lấy con đường Sơn Tây-Hà Nội thì Đan Phượng, quê của Quang Dũng. Mặc dầu thuộc Hà Đông, nhưng lại nằm ở giáp ranh với Sơn Tây (...)

Xe ca bò lên cầu Phùng, mục chữ tôi chỉ xuống dòng sông Đáy là một nhánh của sông Hồng, là ranh giới của Lạng Sơn và Hà Đông. Xe ca vừa ho khục khặc, vừa thở như kéo bễ trên Quốc lộ 11 tới giữa Sơn Tây và Hà Đông. Mục chữ tôi ngược dòng lịch sử cũng năm 1469, cũng vua *Lê Thánh Tông* thấy mấy ngọn núi phía tây Thăng Long nên đặt tên là Sơn Tây thừa tuyên, Minh Mạng thứ 12 (1832) đổi là tỉnh Sơn Tây.

Xe queo vào Quốc lộ 21 tới huyện Thạch Thất. Bèn tỉ tê chữ nghĩa rằng vua ta tới phủ Quốc Oai thấy một vùng có núi đá nên đặt là Thạch Thất. Mặc dù chả nhìn thấy thành Sơn Tây, mục chữ tôi như chiếc xe than, cũng thở ra thơ “**Em từ thành Sơn chạy giặc về - Tôi thấy xứ Đoài mây trắng lắm**”. Từ

xứ Đoài, ngụ chữ tôi nhìn môi nói chữ: “Trần Sơn Nam đất của nhà Trần khởi nghiệp. Thời Nguyễn chia làm hai Sơn Nam hạ gồm Nam Định, Thái Bình và Sơn Nam thượng có Hưng Yên, Hà Đông, Hà Nam. Nam Định do Minh Mạng thứ 2 đặt tên năm 1802, Hà Nam do Thành Thái thứ 2 đặt tên năm 1890. Hà Nam ra đời từ chữ *Hà* của Hà Nội và *Nam* của Nam Định ghép lại.

Tiếp, ngụ chữ tôi...khoe chữ: Vua Lê Thánh Tông chia “tứ xứ” để bảo vệ Thăng Long gồm xứ Bắc (xứ Kinh Bắc), xứ Nam (xứ Sơn Nam), xứ Tây (xứ Sơn Tây), xứ Đông (xứ Hải Đông). Sau vua Quang Trung đổi “xứ” thành “trấn”, vì vậy sử sách mới có trấn Kinh Bắc, trấn Sơn Nam, trấn Sơn Tây, trấn Hải Dương. Sơn Tây dân gian gọi nôm là xứ Đoài. Vì “đoài” là một quả trong bát quái của *Kinh dịch* thuộc về phía tây, vì vậy mới có xứ Đông, xứ Đoài, thôn đông thôn đoài...Nên Nguyễn Bính mới đặt thơ “Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông – Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?”.

Qua huyện Thạch Thất, xe chạy trên Tỉnh lộ 21 hướng về phủ Quốc Oai dọc theo tả ngạn bờ sông Tích Lịch, cả hai lỗ mắt...săn tìm làng Kẻ Săn nhưng chả thấy đâu. Dừng lại ở quán bên đường, lơ xe nhẩy tốt xuống hỏi bà bán quán và mang về một củ khoai. Ngồi trên xe chỉ nghe óc bóc ...“bủ” với...“khoai trứng”. Người Hạ Chí Trương vẫn đeo cứng sau lưng “Trẻ lãng du già về cố xứ - Giọng không thay pha tuyết mái đầu”. Bởi đàn đù mình già

đầu rời với muối nhiều hơn tiêu, giọng vẫn vậy nhưng giọng người cố xứ có thay đổi thì phải. Bèn bắt sĩ hạ vấn, nôm là *không mất sĩ diện gì mà không hỏi*. Lơ xe cho hay *bủ* là...bà già, *khoai trụng* là...khoai sọ, là thổ đàm người Sơn Tây. Và theo bà bán quán thì làng Kẻ Săn bị cháy năm 1939 nên cả làng rời qua hữu ngạn sông Tích Lịch. Xe tiếp tục chạy về hướng phủ Quốc Oai...

Chợt nhớ điện thư hôm nào của cô có đoạn...Mụ chữ tôi bèn nhắc nhớm lại...

(...) Về nguyên quán thật của chú Thiệp, cháu xin thưa thêm điều sau đây: Ngay từ ngày còn bé, cháu thường được nghe người lớn cho nghe bài về "Con gái Sơn Tây". Cháu thấy bài về sau này có một số dị bản với hai câu đầu như sau:

Gái Sơn Tây yếm thùng tày dân

Răng đen hạt nhót chân đi cù lèo

Hai câu này bị hai lỗi chính tả liên quan đến các đồ dùng hằng ngày của nhà nông: Vật dụng đầu tiên là cái "giần" dùng để đãi cám và trấu ra khỏi gạo sau khi giã. Vật dụng thứ hai là chiếc "cù nèo" giống như chiếc liềm nhưng có cán dài dùng để cắt cỏ.

Vì thế, nguyên thủy hai câu trên của bài về, thật ra như sau:

Gái Sơn Tây yếm thùng tày giần

Răng đen hạt nhót chân đi cù nèo (...)

Trộm thấy cô vận vẹo chữ nghĩa "cái giần" với "cù nèo" hăm hăm như cụ Ngô Không trong *Chữ nghĩa làng văn* cũng với rõ rá, thúng mẹt. Như: Lãng Ngữ ở Nam Định thờ Thái sư Trần Thủ Độ

ngoài hai bức tượng người nữ Chiêm Thành châu hầu. Trong lãng bày nào là đàn, sàng, nong, nia bằng đá tròn, dẹt. Tất cả dụng cụ sàng sảy lúa gạo được gọi bằng “Ông”. Bi ký viết hai tượng Chiêm Thành và đàn, sàng, nong, nia để trấn yểm cho mùa màng. Mụ chữ tôi học lại với cô có bấy nhiêu...

Nhân với nong nia sàng sảy, bắt qua “bài vè” *Con gái Sơn Tây*, mụ chữ tôi sàng chữ ra câu, sảy câu ra chữ của ai đó thì chi tiết về “Hai nách cô thơm như ổ chuột chù - Mát thì dán nhám, lại gù lưng tôm” của những cô gái Sơn Tây, có thể là do thổ ngơi đất đỏ tại vùng này. Tiếp, mụ chữ tôi trộm cho là bài thơ từ truyện truyền kỳ dưới đây:

Xưa có một chàng trong đám hát gheo Phú Thọ lang thang qua xứ Đoài, gặp một cô gái Sơn Tây đem lòng mê mết, nhưng mối tình ấy không được đáp lại. Về nhà nhìn mụ vợ “Tóc rẽ tre, chải lược bờ cào - Xù xì da cóc, hắc lào tứ tung” bèn “nhân cách hoá” vợ làm “bài thơ” *Cô gái Sơn Tây*. Được thế, mụ chữ tôi hỏ chữ về lối hát ví von của Sơn Tây chịu ảnh hưởng lối hát gheo của Phú Thọ hơn là quan họ Bắc Ninh. Hai lối hát này có khác biệt nhỏ nên rất dễ bị nhầm lẫn, hát quan họ gọi nhau là “quan anh quan chị”, theo tục lệ hai bên không được lấy nhau. Hát ví von ở Sơn Tây được gọi là “hát anh chị”, còn họ có lấy được nhau không...không ai nói tới. Mà chỉ nghe nói gái Sơn Tây “Đêm nằm nghĩ hết gần xa - Giở mình một cái gẩy ba thang giường”

Qua thượng gia hạ kiều đi ngược lại huyện Thách Thất, mù chữ tôi leo heo ở phủ Quốc Oai có hai cầu mái ngói do Phùng Khắc Khoan dựng năm 1602, cái này là cầu ông Cống, cái kia là cầu ông Nghè ở chùa Thầy. Ngắm ruộng vườn, chả thấy “mía re” đâu chỉ thấy “rạch ngô” (ruộng ngô). Được thể mù chữ tôi gà gưỡng làng Mía, tên nôm của làng Đường Lâm (Kẻ Mía) là *đất hai vua*: Phùng Hưng (761-802) và Ngô Quyền (898-944). Từ rạch ngô, mù chữ tôi bắt qua giai thoại trạng Phùng Khắc Khoan ở Phùng Xá, tục gọi là làng Bùng, huyện Thạch Thất. Cụ trạng đi sứ qua đất nhà Ngô thời Tam Quốc. Cụ nhét hạt gì đó vào...”*cốc đạo*” mang về, ta gọi là ngô cho...ra ngô ra khoai. Về đền thờ nữ thần người Chăm, theo cụ Ngô Không ở gần Hồ Tây có Làng Già, trại giam 5.000 tù binh Chăm, trong đó có 100 cung nữ. Vì vậy mới có đền Bà Đanh, lăng Trần Thủ Độ có hai cung nữ Chăm là thế...Thế nhưng lúa Chiêm và ngô là thực phẩm của người Chăm thì chả tội vạ gì thân già vác dùi nặng, cụ trạng Bùng chả dại nhét hạt ngô vào *cốc đạo* cho...lùng bùng, nhỡ rơi rớt ở dọc đường thì sao.

Sao trăng gì thì ý đồ mù chữ tôi gọt gay là dật sử, truyền kỳ, giai thoại cũng...mù mịt lắm. Quá mù ra mưa là chuyện ta ảnh hưởng người Chăm qua nghệ thuật múa hát cùng âm điệu “Nam ai nam bình”. Điệu Nam *ai* buồn man mác, bi lụy, da diết từ tích phân ly Huyền Trân với Chế Mân. Thêm giai thoại từ vua Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành rồi di dân Nghệ An vào *Bình Định*, vì sống chung với

30.000 (sic) tù binh Chàm, trong đó có cả nô tỳ người Chàm nên họ có điệu nam *bình* là vậy.

Hơ! Cứ như có túc duyên hay sao ấy, cụ vua Lê Thánh Tông cứ theo ngòi bút trào ra giấy. Thê nên với văn bài này, với ngẫu sự ngẫu nhiên, đẩy đưa đưa đẩy nên mụ chữ tôi cũng chả biết mình viết cái giống giuộc gì nữa. Mà chỉ hay biết cô đang ngộp chữ với nhiều giai thoại dường như “giả”, là không thật của các nhà biên khảo. Ừ thì mụ chữ tôi nào có khác gì họ, thẳng như chuyến đi này đây, ít nữa mụ chữ tôi dần trải thành bài bản trong tâm thái “hiện thực giả, hư cấu thật” bởi nhẽ có *hiện thực giả* mới có *hư cấu thật*. Nghe thùng rồi...rồi cô nhòm lên con dốc và thở ra...

Chiếc xe Renault còn sót lại từ năm 1902 cũng đang leo lên dốc thở ra khói thì...tịt. Chuyện là thấy người ta ăn khoai (khoai trứng) cũng vác mai đi đào, mụ chữ tôi đào xới với bắt ngôn nhi dụ, tức *không nói ra cũng hiểu được* chuyện ở dưới kia: Nhân có “thằng cóc” (thằng mõ) đi ngang qua, lơ xe đưa cho cái tộ (cái siêu nước). Thằng mõ mang cái cái tộ đi rồi về. Lơ xe cầm cái tộ đổ xăng vào cái bát rót (cái phễu), xăng chui vào máy rồi châm xăng đốt, máy nổ “bịch...bịch” như...xe bình bịch của Tây chạy ở đường phố Hà Nội. Thế là phải đợi một giờ nữa cho nóng máy.

Từ trên dốc dòm xa xa là chùa Tây Phương, mụ chữ tôi ần khuất với khúc văn...

(...) Sau cải tạo, nhớ dạo “nín thở qua sông”, tôi (Phan Lạc Phúc) sống như cỏ cây trong một khu vườn ở Lái Thiêu. Thỉnh thoảng có bạn đi xe đồ lên thăm. Một hôm ông Cung Trầm Tưởng lên chơi. Chúng tôi ngồi dưới gốc chôm chôm, chuyện phiếm. Ông Cung Trầm Tưởng lai rai đọc thơ Quang Dũng, bài *Đôi mắt người Sơn Tây*: “[Vùng trán em vương trời quê hương - Mắt em dịu dịu buồn Tây Phương](#)”. Nhà thơ tác giả *Tiến em* vốn ngày xưa học ở bên Tây, chợt nghiêng đầu hỏi: “Sao lại buồn Tây Phương, sao lại có beauté grecque (vẻ đẹp Hy Lạp) ở đây kia”. Và tôi trả lời: “Tây Phương là chùa Tây Phương ở Sơn Tây quả có một vẻ đẹp đến từ Tây Phương thật” (...)

Cái xe thô tả Renault của Tây thở phì phò như ống bễ lò rèn từ từ khoai cũng như tới làng Kê Săn, xe bò qua làng [chả thấy con đường chính của làng Chi Quan đi ngang qua nhà chú Thiệp được gọi là Phố Săn đâu?](#) Mụ chữ tôi nhắm chừng cô vay mượn từ ông cụ thân sinh, nay ông cụ đã quá vãng nên chả biết hỏi ai.

Thôi thì giữ lại bài viết *Hoa đào* của chú cô, để tìm lại một thoáng hương xưa...

(...) Tôi sinh ra ở một làng quê miền Bắc trong gia đình trung lưu. Ngôi nhà tôi lớn lên nơi góc sân có một cây bích đào cứ theo lời Thầy tôi thì do ông nội tôi trồng từ lâu lắm. Cây đã già cỗi gốc to xù xì và vào những ngày đông tháng giá da nó lên mốc những mảng vỏ có màu xanh bàng bạc. Mỗi độ đông

về cây trổ trái lá và khoảng Tết là nở hoa. Hồi tưởng lại tôi chỉ nhớ mong manh Thầy tôi sửa soạn chờ hoa nở lo kiếm chai rượu ngon và bày tiệc cùng bạn bè thưởng hoa ngay dưới gốc cây trong cái giá lạnh của mùa đông xứ Bắc. Tôi lúc đó chỉ độ bốn năm tuổi vẫn được Thầy tôi cho ngồi trong lòng, trong khi người lớn ngâm thơ nói chuyện (...)

Đã đến lúc phải rời nơi đây, lơ xe mần chuyện là về phủ Quốc Oai xem cầu ông Nghè bắc qua chùa Thầy rời từ đây về Hà Nội gần hơn. Lơ xe hăm hụi ở làng Thanh Mai có “rượu làng Mơ, cờ Mông Phụ” và hươu vượn uống rượu mơ chỉ uống với mấy quả mơ xanh, tươi, giòn. Trộm nghĩ tích này từ truyện Tam Quốc: Tào Tháo và Lưu Bị luận thể sự, cả hai uống rượu mơ với mơ xanh. Mặt lại...xanh lè nghĩ từ chùa Hạ, chùa Trung, bò lên chùa Thượng trên đỉnh núi Sài Sơn nên về quách cho rồi.

Trên đường trở lại Hà Nội, là người hoài cổ, hoài cổ quận, mục chữ tôi mày mò về căn nhà xưa cũ của mình ở số 26 phố Chợ Đuôi, nhà có cổng bên hông, đẩy cửa vào, là cái...“xí sở”. Những ngày còn bé leo lên ba bốn bậc tam cấp ngồi trên hai hòn gạch như éch ộp, lúi húi như cóc nhảy thả cái nợ đời qua cái lỗ, vào cái thùng tôn.

Thế là cô len chân vào chuyện là theo Tô Hoài: Hà Đông từ làng Đơ mà thành, nên dấu ấn “làng” hiện rõ nét nơi phố nhỏ, nơi ngõ ngang ngõ dọc. Ngõ là nơi ẩn chứa những bất ngờ mà chưa có ai kể

cho nghe trong con ngõ uốn lượn, quanh co, ngoằn ngoèo như con đường làng sẽ bắt gặp cái... công tam quan. Nếu hát cô đầu thường thì tới phố Hàng Đồng, phố có tên này vì những nhà hát cô đầu phải treo đèn lồng đỏ trước cửa. Nhưng để hoài niệm, để lắng nghe tiếng gọi của làng từ ngàn xưa, không có gì thú bằng đi hát cô đầu trong ngõ cống Đơ hay *ngõ Noi*.. Ra khỏi ngõ ngách là gặp phu phen Kẻ Noi đẩy xe bò với những chiếc thùng tôn rỗng kêu “lạnh canh...lạnh canh”. Mụ chừ tôi xằng xớm rằng Hà Đông của cô có khi gì không ngoài “Xẩm chợ Hà Đông”. Ngược lại Hà Nội của mụ chừ tôi khác, bây giờ già rồi, trí nhớ kém cỏi, chỗ còn chỗ mất, lờ mờ như khói, lãng đãng như sương thì: Ấy là chiếc xe ba gác với một người kéo, một người đẩy. Trong đêm khuya thanh vắng, tiếng bánh xe gỗ ót ết, rền rĩ như hát, như khóc. Tới cửa nhà, trong gió lạnh phát phơ, họ không rao âm ỉ “phần sôi...phá sa” như ông Tàu già phố Cầu Gỗ. Hay “sực tắc...sực tắc” của gánh hàng mì gỗ đầu ngõ Sầm Cống. Mà trong gió heo may, sau tiếng đập cửa thành thành vọng vào nhà là hai tiếng...“đồ thùng...đồ thùng”. Lát sau trong khuya khoắt, bánh xe gỗ rền rĩ như khóc, như hát...hát khúc nam ai nam oán lạc loài, lạc lõng vào bóng đêm.

Về đến Đan Phượng, Hà Đông, bỗng cô nắng nở *làng* Kẻ Noi có gì lạ. Trong đầu đất mụ chừ tôi trộm nghĩ “kẻ” là làng thì đầu cần gọi là...*làng* Kẻ Noi nữa. Rồi cũng dục dặc với cô Kẻ Noi có ngõ

Noi vừa dài ngoằng ngoẵng, vừa ngoằn ngoèo len lỏi qua ba làng: Làng Đậu, làng Nghĩa Đô, làng Bưởi. Sau này nhiều nhà thơ trẻ ghé ngõ Noi làm thơ, như “Thương ai về ngõ vắng...” hoặc “Ngõ cũ chiều nay, em lại về...”. Thấy ngõ Noi để...gánh phân mà mục chữ tôi thơ thân tả...như thật, cô hỏi tiếp đến cầu Diễm. Thì như đã bảo với “hiện tượng giả, hư cấu thật”, vì chả nhìn thấy cầu Diễm đâu, bèn lấy cầu Phụng Trì để đẽo câu gọt chữ về Quang Dũng. Mỗi lần nhà thơ về Đan Phượng đều ghé “thượng gia hạ kiều” này uống bát chè xanh, làm cữ thuốc Lào, và làm thơ “Tiền nước trả em rồi . nắng gắt - Đường xa xa mờ mờ núi và mây”.

Thế là mục chữ tôi đong đầy với cô nều như đình làng là nơi chỗ quan viên họp việc làng, thì cầu mái ngói âm dương như mái đình là nơi dân làng nghỉ chân, tránh nắng những trưa hè gay gắt. Bởi thế trong cầu có quán nước chè xanh nên còn được gọi là *cầu quán*. Quán có cái chõng tre bày một dãy bát uống nước chè xanh, cái ang đựng bánh dày, bánh gai, lọ kẹo bột, vài quả bưởi, dăm nải chuối. Và vài gói thuốc Lào nên chả thiếu cái điều cây gác bên chõng tre. Tối khuya, khách lỡ đường ghé qua khoèo một giấc, vì vậy mới có câu dân gian “bơ vơ điểm cỏ, cầu sương”, hay “nằm cầu gối đất” là cái cảnh này đây.

Chợt nhớ nhà văn nhà thơ cây đa cây đề (Nguyễn Đình Thi) vung tay quá trán qua câu thơ: Anh bước đi đâu không ngoảnh lại - Sau lưng anh

cút đái văng đầy. Vì bị giời xiềng vào chữ nghĩa như anh tù vãn với ngôn từ, vì cho đỡ bốc mùi nên phải nhuộm mùi nho phong mực tàu giấy bản với *cầu tiêu* là “xí sở”, *hậu môn* là “cốc đạo”. Nhưng kể chuyện hoặc ngay cả viết văn...văn phải có hình ảnh và mùi vị...

Bởi nhẽ ấy nên mục chữ tôi để con chữ ngo nguậy như thế này đây...

Xe qua cầu, xa xa là chợ cút làng Kẻ Noi có từ năm 1986 trên bãi đất hoang. Để có cút mang về chợ, những chàng trai làng Cổ Nhuế với chiếc xe đạp thồ cùng hai chiếc sọt được lót lá chuối đã miệt mài đi tìm cút khắp nơi đem về bán phiên chợ đêm. Trên những con đường Hà Nội, ngay từ xa bắt gặp những chàng trai quần xắn móng lợn, đầu đội nón cối, áo bộ đội bạc màu. Chàng cầm cúi đạp xe với 2 thùng 2 bên, cây sào chọc cút dài 2 thước với một đầu là chiếc gáo hình nón bằng tôn, chàng đi đến đâu, người dân bịt mũi dạt ra đến đấy. Đó chính là chàng trai Cổ Nhuế đã lừng lững đi vào văn học: **Thanh niên Cổ Nhuế xin thề - Chưa đầy hai sọt, chưa về quê hương.**

Chợ cút không đông, chỉ có ba bốn chục người vừa mua vừa bán. Hình như họ vốn đã quen biết nhau. Tất cả đều bán mua, mua bán âm thầm. Không có ai nói to tiếng hoặc mặc cả như ở các chợ khác. Hoàn toàn im lặng và câm nín. Họ họp chợ từ hai ba giờ sáng, khi trời đất còn tối tăm nhò nhàng. Dù có đốt đèn đốt đuốc họp chợ cũng chỉ mờ nhân ảnh, người người âm thầm, lầm lũi đi lại trong bóng đêm

như những bóng ma. Như đám ma trôi của chợ âm phủ vào rằm tháng 5 ở chợ Sùi, Nam Định.

Chợ âm phủ có cây gạo cổ thụ ở ruộng dâu bày mười bát nhang, dăm nải chuối. Chợ chỉ bán hoa quả, không thấy hàng cá, hàng tôm nào cả. Người đi chợ đêm dễ gặp thân nhân đã qua đời, người cõi âm như bay là là, như lướt qua ruộng dâu trong đêm như những âm hồn về họp chợ gặp người cõi dương vào tháng năm có tên chợ Sùi.

Cho ăn gan giời trứng trâu mù chữ tôi cũng không dám kể lể với cô chợ cút theo phát triển của đô thị hóa bây giờ là chợ tình. Khách hàng tìm đến đây người đi dép lê, dắt chiếc xe đạp cà tàng, thanh thoi đi vào. Ừ thì mỗi mảnh đất đều có sinh phần của nó, như ngã ba Chú Ía với chị Tình nằm ở cái tuổi mới nhón. Chưa được nhón lắm, trộm vía cô chứ...chứ với hoài đồng vọng mù chữ tôi vẫn tiếc nuối một thời cùng cái thú “ia đồng một bãi bằng vạn đại quận công”. Bối dưới đít gió máy vi vu, thông thống...thống khoái gì đâu! Nhưng nhè lá cây mắt mèo để chùi đít thì...nát đít. Vì vậy không khoái củ tĩ bằng ù té chạy về nhà “đánh chịn”, không phải...“đánh chén” mà là rê rê đít vào cạnh bệ gạch. Giời ạ! Nó vừa ngứa ngáy, vừa đê mê làm sao ấy.

Xe về đến bến xe Kim Mã, đang ngơ ngác như Từ Thức về trần nghe lơ xe hô hoán “nhõm” rồi, mù chữ tôi biết tổng thổ đàm Sơn Tây *nhõm* là “xong” hay “hết”...Hết chuyện thì leo máy bay ngồi ôm rồ

“khoai trứng”, tỉnh giấc hoè là có mặt ở Hiu-tân. Bèn hiu hắt xa gần Hà Đông, Sơn Tây, đình chùa miếu mạo chỉ là giấc hương quan mơ luống canh dài qua đồng chiều cuống rạ ấy thôi...

Thôi thì Kè Noi cũng đã đi vào sử thi và văn học. Bời đi tìm một địa danh tự cổ chí kim, từ thời Trung cổ Hy-La đến Tam hoàng Ngũ đế đều không có một nơi chốn nào như vậy. Nếu có chăng nữa chỉ khuất tắt trong sử học. Cách rách với ngã hữ thốn tâm vô dữ ngữ là *ta có một tác lòng không biết ngỏ cùng ai*. “Ta” đây Nguyễn An sinh năm Tân Dậu (sic-theo Minh sử), thổ nơi ở Hà Đông. Năm 1407, nhà Minh sang đánh nhà Hồ đem về Tàu sư sãi, thái giám trong đó có Nguyễn An. Vì thời Trần năm 1397, ông thái giám Nguyễn An góp phần xây dựng cung điện Thăng Long. Lúc này vua Minh cho dời cố đô Nam Kinh lên Yên Kinh và đổi tên là Bắc Kinh. Vua Minh cũng đổi tên Nguyễn An là A Lưu, ông chủ trì việc xây dựng cố cung Tử Cấm Thành. Chuyện rất ít người hay biết là...là Tử Cấm Thành không có...cầu tiêu.

Ngẫu sự có thể vì ông là người Cổ Nhuế chăng?

Thêm ngẫu nhiên ông mất năm 1453, thì 16 năm sau: Năm 1469, vua Lê Thánh Tông tới miếu làng Cổ Nhuế ban cho làng câu đối: “Thân trụ nhất nhung y, năng đảm thế gian đa năng sự - Thủ trì tam xích kiếm, tạn thu thiên hạ trí nhân tâm”.

Trong văn học, người viết về đất quê như gà què ăn quần cối xay, quanh quần như “Làng cổ” hay “Làng có nhiều ông công ông nghề” với dăm bài viết ngắn tũn. Trong khi Kẻ Noi mặc dù hương đồng cỏ nội bay đi ít nhiều hoặc người và đất quê không được như: “Nhất cao là núi Ba Vì – Nhất thanh nhất lịch kinh kỳ Thăng Long”. Nhưng người viết về Kẻ Noi đông như quân Nguyên, có người dài hơi dày chữ...chữ nghĩa dày đặc bờ lởm ngòm như ruồi bu. Ấy là chưa kể Kẻ Noi có ngõ Noi, con ngõ dài nhất Bắc Kỳ nhì Đông Dương có nhà hát ả đào với ca trù. Với thơ, con ngõ đã đi vào sử thi thời Lê Trịnh và Quang Trung qua vở kịch Kiều Loan. Hoàng Cầm gửi gắm trong kịch thơ: “Tôi đứng chờ thu trong biếc ngõ – Thấy ông ôm mặt khóc Tàn phi”.

Miếu thần hoàng không còn nữa, mang theo gánh thúng, cặp đũa cả. Chỉ còn lại câu cổ thi không những đầy hào khí, hào sảng như một Kinh Kha hề Kinh Kha, mà còn như “câu” vào...lòng dạ con người ta qua câu cổ văn...văn chương thiên cổ sự: *khóac tấm áo bào giang tay gánh vác thiên hạ, vung ba thước kiếm tận thu lòng dạ thế gian...*

Ừ thì cái nợ đồng lần vừa trả xong, ít nhất thằng bạn mày tao với bách quế quy vu kỳ thất, là trăm năm bạn cũng về nhà và mục chữ tôi đang ở bên bờ đôi ngả cũng đã ít nhất một lần gặp nhau ở làng Cổ Nhuế đất Kẻ Noi.

Thạch trúc gia trang

(viết xong 2003, tựa đề: “Kẻ Noi với Lê Thiệp”
viết lại 2017 với bài khác: “Cái nợ đồng lần”



Lê Thiệp (1944- 2013)
tranh Nguyễn Thuyên

Nguồn: *Phạm Xuân Độ, Lê Minh Hà, Nguyễn Khắc Ngữ, Tạ Chí Đại Trường, Nguyễn Quốc Trụ, Hàn Sĩ, Trần Ngọc Thêm, Y Ban, Nguyễn Ngọc Tiến, Tô Hoài, Nguyễn Hưng Quốc, Lý Khắc Cung, Phan Kế Bính, Bùi Thụy Đào Nguyên.*

Chẳng đặng đừng

Sống mòn người, đem muối tiêu vãi lên đầu, muối nhiều hơn tiêu, gã biết thừa bừa thiên hạ sự thiếu giống chuyện chẳng đặng đừng với sống để bụng chết mang theo. Chuyện đây cũng vậy, gã quên tuốt từ tám kiếp nào rồi. Đùng một cái vào một ngày không có mây sao có mưa, gã nhận được điện thư của tên bạn rách giời rơi xuống với nhờ nhờ:

Tôi học Nông Lâm Súc, cùng khóa 3/72 SQTB với anh ở Nha Trang, cùng Tr/đội 1, Đ/đội 719, T/đoàn 1, Đ/đội trưởng là trung úy Thơ, T/đoàn trưởng là thiếu tá Hoàng Hữu Gia. Ngày anh được biệt phái, tôi với anh uống bia ở câu lạc bộ Đồng Đế...

Tên bạn rách giời rơi xuống dường như có một trí nhớ thần sầu, thiếu điều còn nhớ cả số quân của gã nữa nếu gã muốn hỏi. Trong khi gã đào sới cái đầu củ sắn của gã vẫn chẳng chịu nhớ cho cái tên lạ hoắc đây là ai? Gã nhảm chừng tên bạn rách giời rơi xuống này kết gã vì cả hai có cái họ tàu tàu, Lưu Bị chẳng phải Lưu Bị, Tào Tháo không ra Tào Tháo, tào lao thì có...

Thì tên bạn rách giời rơi xuống nhắc đến... hẳn làm gã sống người.

Tiếp đến, cứ theo tên bạn rách giời rơi xuống hẳn đi tù cải tạo nằm ở ven rừng biên giới, cùng với mấy người trốn trại, vượt biên rồi...biển mất luôn. Ra trại, tên bạn rách giời rơi xuống dò la những gia đình có người trốn trại, họ đều không nhận được tin tức gì về những người trên. Hiểu theo nghĩa là họ đã gặp... Khờ Me Đỏ rồi cũng nên. Thế nên như gà mắc tóc, gã làm như vô tình băng quơ về vợ con hẳn, và được trả lời chưa một lần nghe tới...

Tắt máy, gã ra ngồi ngoài vườn, và băng khuâng chiêm một điều thuốc.

Ừ thì “chuyện chẳng đặng đừng“ có đây, còn đó, lại nhè nằm mãi tận khúc cuối. Có bột mới gột lên hồ, hay là hãy bắt đầu bằng vào với Sài Gòn đầu đường cuối ngõ qua những quán cà phê, rạp ciné, hàng quán bên đường. Đường mưa ướt đất để chẳng thể thiếu vắng những chuyện tình, nào là *tình đầu, tình giữa, tình cuối*. Vì có những chuyện nằm ngủ yên trong ký ức, tạm hiểu là...quên, nhưng riêng những mảnh tình, nhất là tình giữa. Bởi tình đầu, tình cuối chỉ có một, tình giữa thì nhiều. Vì nhiều nên gã giữ như chó giữ xương, gã nhốt vào cũi ký ức, lâu lâu nhăm nháp quá khứ từng mẩu một. Vì nó được cấy vào tế bào chuyên về khoái cảm ẩn nấp trong da thịt. Bao năm rồi, các tế bào ấy vẫn nhắc lại khoái cảm chất ngất trong gã. Lúc này đóng dày thành những hoài niệm lay lắt trên những trang giấy, qua các con chữ. Những mảnh tình đã qua đó, làm gã bồi hồi, băng khuâng với quá khứ, hiện tại trộn lẫn vào nhau. Tất cả những gì gã muốn nhắc tới qua

bài viết này là một thoáng ngày cũ, một chút cảnh xưa, một phần hơi thở và nhịp sống của Sài Gòn trong trí nhớ nằm trong cái tuổi dựa cột đèn, mây giăng giăng cuối phố. Mây vẫn bay qua, ngày vẫn trôi đi, ai chẳng có một chút hoài niệm của riêng mình còn đang bồng bênh ở một nơi chốn nào đấy. Bây giờ sau cái điện thư, cùng những ngày tháng đong đưa, gã nhàn tản sắp xếp lại cho có đầu có đũa như thế này đây...

Thế nhưng trong đầu gã có cái gì vương bận với gà đẻ ra trứng hay trứng đẻ ra gà. Thế là gã bốc "cái bánh mì cầm tay" gọi cho ông bạn lang Tây chuyên ngành tâm lý học trị liệu. Gã hỏi bệnh lý về cái chân có tật của phái nữ. Vì bị khiếm khuyết nên muốn được bù đắp qua tình dục. Hoặc giả dựa theo Lâm Ngữ Đường với tục bó chân của phụ nữ Trung Hoa, tên gọi là kim liên túc "đóa sen vàng", ngoài cái đẹp của dáng đi, nó còn kích thích dục tính nữa. Bạn lang Tây ậm ừ...hình như vậy! Gã ngập ngừng hỏi về đòi hỏi sinh lý của những người đàn bà mới chớm đậu thai. Bạn lang Tây ồm ờ...cũng tùy người! Gã ngúc ngắc hỏi thẳng bạn lạm với tử vi tướng số rằng đàn bà, con gái có nốt ruồi son ở ngực, phải chăng rất ưa đa tình, đa mang. Bạn y ma thần tướng cười tưng một cái rõ to và rì rầm rằng thì là...Nhưng ấy là chuyện sau.

Vào nhà mở máy, gã viết trong cái tâm thái: *Ừ thì chuyện đã qua hãy để qua đi...*

Nhằm vào cái tuổi sinh lâm thế kỷ với tuổi trẻ phải làm một cái gì. Chưa biết làm gì cho ra hồn hãy ngồi đồng ở quán cà phê Pasteur cái đã. Và gã gặp hấn ở đấy, hấn thua gã hai, ba tuổi, ở cái tuổi mới lớn hơn nhau hai, ba tuổi là cả một khung trời cách biệt. Chẳng là gã đã qua cái tuổi một đồng ba điều Ruby và ra dáng bương trải qua một cuộc tình thuộc thể loại cô điển “làm sao em biết bia đá không đau”. Nói dối phải tội chứ, chứ với cuộc tình đây gã chưa biết hôm nay đi về đâu thì đã “ngày mai sỏi đá cũng cần có nhau”. Vì vậy ngày ấy gã ngật ngư như...cánh vạc bay, bay lên vút tận trời, từ nay xa cách mãi. Còn hấn ngật ngư với dòng nhạc mệt mỏi cỡ...đại bác đêm đêm vọng về.. Với những âm hưởng này, gã và hấn đến quán với một chút “cát bụi” qua...đàn bò vào thành phố. Cứ vậy, cả hai gặp nhau là bập môi kéo thuốc nhả khói, mà phải Basto xanh cho phong trần sương khói. Cả hai cứ như thế mà trầm ngâm...thieu đốt cuộc đời, đốt cháy thời gian. Bỗng khi không hấn biến mất tiêu.

Mùa hè đỏ lửa 72, gã già từ đèn sách và khoác áo “trây-di”. Vì là lệnh tổng động viên, quân trường Thủ Đức không đủ chỗ chứa, gã được bốc ra Đồng Đế và lại gặp hấn ở đây để thành ...bạn nhậu. Vì là trường hạ sĩ quan nên không có truyền thống huynh trưởng với đàn em, nên lè phè giống Quân sự học đường ở Quang Trung ngày nào vậy. Vì vậy vào những tối cuối tuần, gã thấy hấn đeo bi đông rượu để tòng teng bên hông ngồi ngoài sân cờ và khật khừ

ực. Dễ hiểu là trong bi đông của hấn dựng một mối sâu vạn cỏ nào đó. Gần đến ngày mãn khóa, vì gã biết vẽ và viết nên bon chen được một chân trong tờ đặc san quân trường. Hấn biết đàn và hát, có tên trong ban văn nghệ. Thỉnh thoảng cả hai kiếm cơ vù về Sài Gòn tìm cái này mua cái kia. Mà lần nào hấn cũng trễ phép. Gặp lại, tối tối cuối tuần lại cái mừng cũ, kéo nhau ra sân cột cờ “lý một lam” làm một ly và gã nghe hấn khảy đàn và hát hồng. Khổ nỗi hấn chỉ hát một bài duy nhất là bài Ngày Xưa Hoàng Thị, hấn lại hát hay nữa mới điên cái đầu. Riết rồi gã thuộc lòng với...em tan trường về, đường mưa nhỏ nhỏ, ôm nghiêng tập vở, tóc dài tà áo vờn bay...

Lần trễ phép gần ngày mãn khóa, trở về trường hấn vác khuôn mặt u nần, sầu u tìm gã ra sân cột cờ, không đàn hát mà chỉ nốc rượu đến nẫu người. Nẫu quá lắm, hấn lấy tấm ảnh vợ hấn từ trong túi áo “trây-di” đưa cho gã xem...chơi. Vừa nom nhòm thấy, gã đã muốn ứ hơi. Gã...ứ hơi, qua rượu thành...ứ họng vì gã cũng có một bức ảnh in hệt như vậy. Thế là gã buồn vêu người. Buồn thì rượu chùa có mùi nhang sẵn đây, gã tống tù tù vào cổ họng. Ngẫm ngợi lại chuyện tình của gã cũng hơn năm năm rồi, thế nên trong gã cứ nhè nhằng...năm năm trời không gặp, từ khi em lấy chồng, anh một mình phiêu lãng, đời chia hai nhánh sông... thì...

Thì khi không, hấn thở ra như trâu hạ địa : Vợ hấn mới có bầu!

Cũng giữa đêm ấy, gã mang mang với nỗi sầu vạn kiếp như hấn...

Ngoài kia bãi biển Nha Trang rì rào nhấp nhô, trong này gã đang lênh bênh *phiêu lãng quên mình lãng du* ẩn hiện một thời với *cô Bắc kỳ nho nhỏ...em có nhìn anh giữa đám đông, trong đám đông*. Ấy vậy mà gã quen cô Bắc kỳ nho nhỏ này trong một lần lượn phố đi lên đi xuống may mà có em. Tả chân, tả tình thì cô lí lắc, xinh xinh mà chữ nghĩa hiện thực, hiện sinh thời ấy tục gọi là ‘mi-nhon’ với hình tượng là Lolitta. Gặp, quen rồi yêu cuồng sống vội trong vòng hai ngày, ba bữa thì phải. Nếu ai đó hỏi sao lại yêu khôn khổ vậy, gã chỉ lơ mơ lố mớ rằng người ta tìm đến nhau qua bờ môi, đôi mắt thì con đường tình ta đi của gã vương vী ở đôi chân. Chân cao, chân thấp tí ti thôi nhưng lại bắt mắt gã trong đám đông giữa đám đông. Ôi thôi, nói về có sự gì vất vương với nhau thì kê không hết, đếm không xuể, vì gã còn bị cuốn hút từ cái tên, hớp hồn bởi giọng nói. Rồi gặp là yêu ngay. Theo diện yêu nhau đi trời hôm tối rồi. Rồi một tuần sau là hẹn hò đi ciné như tất cả những cuộc tình hiện sinh, hiện thực nào khác nhằm vào thập niên 60, 70 ngày nào năm ấy.

Ừ thì hãy bắt đầu với những rạp ‘ci-nê-ma’, những xe bán hàng qua chuyện kể ra chữ dưới đây với danh xưng ‘gã’ được gọi là... ‘nó’ cho hợp nhẽ cái tuổi lông ben. Rồi thì ngày tháng vớ cánh

như quạ bay, nhằm ở cái tuổi tập làm người nhón, nó học đòi hút thuốc lá, cuối tuần bắt phở với tâm hồn ăn uống. Cuối tuần, nó cũng nôi đuôi theo dòng người xuôi ngược với nỗi niềm đi lên đi xuống may mà có em từ đường Lê Lợi tới đường Nguyễn Huệ. Số là ngay sát bệnh viện Đô Thành có quán Thanh Bạch, nó khoáng một ổ bán mì gà, sau đấy tạt vào rạp Vĩnh Lợi xem phim. Tuần sau, lạc đường vào lịch sử với Lê Thánh Tôn, vãn tuồng từ rạp Lê Lợi ra, nó bập liên một đĩa bánh ướt, bánh cống với nem chua no căng bụng lòi rốn, và không quên hì hục húp nước mắm ngọt cay xé lưỡi. Xa hơn nữa, tới Pasteur có rạp Casino Sài Gòn, bèn tạt qua mé bên kia đường có xe nước mía mía Viễn Đông, có khô bò gan vàng cháy. Nằm trong xe thùng mặt kính, đầy ắp những đu đủ xanh bào mỏng, chai dấm trắng, tương đỏ, tương đen. Thoáng thấy xe bò búa, là món nó khoái củ tí nhất, bèn đớp liên một khi.

Ngày ấy nó chưa đủ...”trình độ” vãng lai tới Catinat cùng những cái tên đi vào văn học như Broda, La Pagode, Givral. Nơi đây có những Jean Paul Satre, Albert Camus da vàng mũi tẹt đeo kính cận vuông đôi môi to tổ bố, ngậm ống vô dài ngoằng và luận về thuyết hiện sinh hay dẫn thân...vào cái tách cà phê sữa to bằng cái bát ăn cơm. Đằng sau khung cửa kính dày, to bản và cũng đầy nhân bản ấy đối với nó tất cả là một thế giới...buồn nôn và...phi lý kể gì.

Mà biết nói gì đây, bởi những ngày ấy, nó chỉ biết lái xe bám đuôi theo gái. Còn những chuyện bắt bò lạc, hay công viên ghé đá nghe qua như chuyện hoang tưởng của chữ nghĩa đây hư cấu...hư hỏng. Một ngày cuối tuần rồ máy xe, miệng chu ra húyt gió ra dáng người Sài Gòn một thời một thuở với bài *Cầu sông Kwai* rồi lạc vào dòng đời bằng vào nó gặp...”người trong ảnh chụp” là...”em”. Ấy vậy mà đứng đoảng thế nào chả biết nữa, với yêu cuồng sống vội vừa lơu khươn ở trên, nó và em chưa kịp nói “yêu”. Thì ngay tuần sau nó có nụ hôn đầu đời, bằng cách nó đưa em vào hạ, vào rạp ciné với bóng tối đèn mù. Lần đầu tiên trong đời nó mới biết thế nào là ngứa ngáy, là bàn tay nắm ngón kiêu sa tháo mở với...xào khô, xào ướm đến ngót người. Nó đang khơi đồng tro tàn, nói đại chứ, ai muốn làm người nhón cũng phải bước qua giữa lối đi hẹp trong bóng tối đen thui lủi của rạp “ci-nê-ma”. Chữ nghĩa vung vãi cũng bằng thừa vì nó chỉ muốn lên non tìm động hoa vàng qua một vạt áo dài ngang ngang...đầu gối. Bởi nhẽ nó đang áp ủ thương hoài nghìn năm về một tà áo tiểu thư ấy thôi...

Ngày ấy gặp em, nó đang nổi trôi với...nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát, bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông. Nó ước lời...anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng. Qua hai ba lần điện thoại, sau đấy là hẹn hò. Hôm đó, em mặc áo lụa Hà Đông màu mỡ gà, vạt ngắn ngang ngang đầu gối thật và nó lui cui đứng đợi ở cái cột đèn xé rạp Majestic. Lại nữa, nếu có ai hỏi

mắc mớ gì nó chọn nơi đây, nó đành óc ách là rạp này vắng như chùa bà Đanh. Thêm nữa, nó chả dại dẫn em vào Lê Lợi...xem dăm chú chuột nhớn nhơ đú đờn giữa lối đi. Hay Vĩnh Lợi đây rầy những lại đực, lại cái, thêm cái nạn đứng dậy thấy đít quần đầy kẹo ‘sinh-gôm’. Mà chả nhẽ nó ngu ngơ dẫn em còn hơi sữa vào Long Phụng xem phim *Sữa rùng thay sữa mẹ!* Gì chứ mục ‘ci-nê-ma’ nó ăn trùm vì thuộc lòng tên tài tử như Burt Lancaster, Kirk Douglas, Nathalie Wood, Liz Taylor, v.v..Nó còn ăn đút thiên hạ cái khoản nằm lòng rạp nào chiếu phim xuất, rạp nào chiếu phim thường trực xem một nghĩ, cứ như...phim tập bây giờ vậy. Cứ lớp lang theo phim tập, thì từ hôm trước nó đã sờn tóc giống y Henry Ford. Hôm nay đây, nó đang dựa cột đèn nào có khác gì James Dean, vừa lúc nó nhìn thấy tà áo thấp thoáng bên kia đường là nó ào qua ngay.

Vào trong rạp tối mù, nó đâu có hay biết trong bóng tối còn có hiện diện của dục vọng, dục tình. Chợt thấy trên màn ảnh người ta đang hôn nhau tung tóe nó cũng biết lưỡi đá miệng:

- Nhắm mắt đi.

Em ngược mắt ngỗng nghễnh:

- Để làm gì hở?

Câu trả lời...hở hang của em làm nó líu lưỡi trông thấy, tim gan phổi phèo nó muốn thất lại. Hít một hơi dài, nó thu hết tâm can vào một cỏi và bập bập như hút thuốc lá:

- Đê...hôn.

Em cúi đầu không nói gì, nó lụi đụi:

- Không thích thì thôi.

Nói “thôi” cứ ngỡ là...xong chuyện, chả hiểu trời sui đất khiến thế nào nó hôn đại một cái. Đồ phải gió cắn răng gì đâu chả biết nữa, trong bóng tối em lại cắn răng thật mới đau. Nó lại đang há mồm. Răng nó đập vào răng em một cái cốp đến ê càng và...đau thật. Nó ngượng ngập, em ngúng nguẩy quay đi. Đang nhiều nhưng vậy, em quay lại ôm lấy nó thì thắm:

- Để anh hôn rồi. Anh lại nghĩ Như hờ một tí cho người ta hôn.

Em rúc đầu vào ngực nó. Và em nói như thoa mỡ:

- Anh cứ xem như anh vừa...hôn Như rồi đó.

Nó lại nghĩ là em đã...chịu đèn, mặc dù rạp đang tắt đèn, nên nó cúi xuống sát mặt em hơn. Xem phim thấy người ta hôn nhau dễ như ăn trứng luộc mà với nó chả thấy ngon ăn chút nào. Cùng lúc nó đang nhùng nhằng về cái hôn: Như có gì thúc đẩy không tên của cái tuổi tác máy, tay nó á náy đặt lên đùi em. Im ắng. Cái im ắng đồng lõa với cái tay đang hí hoáy với ba cái...cúc quần của em. Bỗng nghe “tách” một cái như pháo xiết của cái cúc bấm. Nó cảm thấy run run. Thêm một tiếng “tách” khô khan như con thạch sùng tặc lưỡi giữa đêm khuya...

Mà nếu giữa đêm khuya, thì phải thề trước bóng đèn hột vịt...lộn rằng trước khi đâm đầu vào đây nó cứ ngỡ là sẽ hôn như “ci-nê-ma” thôi. Chứ ông cố

nội nó cũng không biết ba cái chuyện chân tay thừa thãi chẳng biết đề đâu vừa rồi. Trở về với em, nó đang bản xúc xích làm thế nào để hôn như để. Thì em mở miệng ra cho nó đùn lưỡi nó vào. Đột nhiên, em vòng tay và ôm hôn nó chặt cứng. Nó nhả miệng ra không được vì ngộp thở muốn chết. Ngay lúc ấy, qua sự hiểu biết của nó thì em hôn rất kèn. Lưỡi em đưa đẩy tìm lưỡi nó. Mồm miệng nó cứ chẻ hoe trắng phớ với cái lưỡi cứng đơ, chả biết phải ngọ nguậy ra sao cho phải phép. Khi hai lưỡi quấn vào nhau, tim nó đập loạn xạ ngẫu vì chưa một lần trong đời nó có cái...thứ lạ đời ấy. Một quên hai nhớ cùng nụ hôn đượm mùi ngô non là tay nó luồn qua ba bốn hàng cúc vừa được tháo gỡ và chạm phải một vật thể bằng lụa mỏng tang, óng ả, mát rượi. Và nó chẳng biết nói gì, có nói cũng khôn cùng vì tay nó cứ nằm chết dí ở chỗ lạ lẫm ấy cho đến...hết phim!

Thế nhưng qua những nhá nhem trên, trước khi về nó không quên rù rì là lần sau nó muốn em mặc áo đầm. Vì nó chả thích ba cái cúc bấm kêu "tách...tách..." như thạch sùng cho mấy.

Tuần sau, đang ngó lơ qua bên đường là rạp Rex, nó láo ngáo chả hiểu sao em lại chọn cái rạp Eden cũ sì này. Và cứ ngỡ với mục "ci-nê-ma" thì nó chỉ thua cạp, vậy mà em ngỗng dẫn dò nó là nhớ mang theo cái áo lạnh. Nó chắc mẫm trong rạp máy lạnh chạy xả ga nên lạnh lẽo lắm đây, vậy thôi. Chợt thấy em vừa đi đến, bỗng dung bàn tay nó lóng

ngóng trông thấy vì bắt gặp cái áo “ốp-a” rất “à la mode”, cái “mini jupe” ngắn cũn cỡn rất Lolitta. Làm như...trông thấy cái nhòm gian gian của nó...Em chúm chim cười. Nó không biết nói gì hơn là làm thành và giắt em vào rạp. Ngồi xuống, nó dán mắt vào màn ảnh cả mấy phút mà chả thấy gì sất.

Rồi chả hiểu nghĩ sao, nó thì thào vào tai em:

- Em...
- Hờ?

Lại hờ hang nữa, cắm mắt vào khoảng sâu hun hút...Nó nhăng cuội:

- Trong bóng tối thế này nhìn...đẹp lắm!

Mặc dù cái cổ áo...hờ hang, khoét sâu hun hút, tối mù...

- Xí...! Xạo quá!
- Nói thật mà.

Nói thật là nó nâng cằm em lên để nhìn kỹ hơn. Em đau đầu nhìn nó. Nó kề môi sát môi em. Môi nó chạm vào môi em. Lưỡi nó bắt đầu tìm kiếm lưỡi em. Bất chợt em ẩy nó ra:

- Anh có yêu Như hay không mà hôn Như vậy?

Nó ngớ ra:

- Như biết rồi mà còn hỏi.
- Coi chừng người ta thấy xấu hổ lắm!

Nó không buồn trả lời, vì lưỡi nó vội luôn léo để quần chặt lưỡi em. Em cũng biết hôn đáo để lắm chứ đâu có bỡn. Em lè lưỡi cho nó mút, và bảo nó há mồm để mút lại nó. Hai cái lưỡi...hôn nhau đậm đà, tha thiết. Bỗng em rứt lưỡi lại và nhấm nhẳng:

- Chỗ này gần cửa, kinh chết! Tìm chỗ khác đi.

Khi rày em dắt tay nó và leo lên tầng hai. Tường đã yên chón, em lại dẫn nó lên tuốt tận tầng ba. Nó đảo mắt tìm hiểu thì hóa ra ở nơi chón này được chia thành từng ô riêng rẽ, và rất ư sần khấu kịch nghệ “Ô-pê-ra” như ở bên Tây vậy. Em đi trước nó đi sau, trong bóng tối mờ mờ là những bước thấp bước cao của em. Nhưng nó không biết rằng đôi chân một bên cao, một bên thấp ấy với đường đời muôn vạn nẻo dẫn nó tới một khúc quanh khác mà nó đâu có hay. Em dẫn nó vào một ô trống không. Không một ai trừ em và nó. Nó đang hãi vì không biết có phải trả tiền thêm không đây!? Thì em đã ngồi tịt xuống cái ghế bành to tổ chẳng và kéo tay nó bắt ngồi xuống. Vừa ngồi xuống là em choàng tay ôm nó khít khin khịt và hôn lấy hôn để. Bỗng em ngửa đầu ra sau cái ghế dựa to đùng, miệng nó tuốt ra khỏi miệng em. Chờ vợ, trông vắng vì cái ghế quá rộng. Nó không biết làm gì hơn là gần như bò lên người em để hôn vành tai em. Ngón tay em bấu vào đùi nó như bám víu. Em vùi đầu vào cổ nó... Nó nghe được tiếng “..hừ..hừ...” nho nhỏ. Bàn tay nó vuốt ve cổ em. Mọi việc diễn biến nhanh hơn nó nghĩ bằng vào bàn tay nó làm như vô tình chui tọt xuống ngực qua cái áo “ốp-a” rộng cổ hở hênh...

Em bậm môi, lắc đầu:

- Ở ngoài thôi, ở trong kỳ lắm!.

Bàn tay chạm vào bờ ngực. Em giữ tay nó lại, thở ra:

- Đùng...đùng...

Nó lem nhem với em:

- Tí thôi mà...

Em im lặng. Bạn bè nó dậy nó: Im lặng là...bằng lòng. Thế là bàn tay nó được thể dục dầm. Em có bộ ngực lép. Nó biết điều đó nhưng có cái khác mà nó chưa biết. Nó lần mò và tìm được cái chưa biết là cái núm ngực thun thun của em. Mấy ngón tay nó rà rà nhẹ nhẹ. Em cứ để mặc nó mân mê, gục mặt vào vai nó. Nó ve vuốt bên này rồi mon man qua bên kia. Hai ngón tay vân vê núm ngực. Em có vẻ bồn thần chờ đợi và nó cũng chẳng chờ thêm được nữa. Nó hôn gáy em, vòng qua cổ, tới cằm, rồi từ từ kéo lưỡi xuống ức của em. Xuống sâu nữa và sâu hơn nữa. Nó kéo một phần chiếc áo ngực em sang một bên và lưỡi nó chỉ còn cách núm ngực chỉ vài phân. Trong bóng tối mờ lung, nó lỗ mắt thấy núm ngực em lúm nhúm giống hai hạt ngô non. Nó ngậm núm ngực mút nhẹ và thật nhẹ...Em giật nảy người lên như đĩa phải vôi:

- Anh làm gì vậy! Anh...

Cái miệng nó đang bận bịu nên có trả lời được gì đâu. Em hôn hên:

- Đùng anh...

Miệng em nói “Đùng anh” như lại ưỡn ngực lên một chút. Tay níu đầu nó xuống. Bồng em co người lại, làm miệng nó lại tuột khỏi núm ngực em. Em ngậm ngừng qua hơi thở đứt quãng:

- Coi chừng người ta thấy!

Nó chày ra, vì có ma nào đâu! Vì vậy nó vòng tay qua vai em vừa ôm sát hơn, vừa che lphân da thịt nửa kín nửa hở và vừa vục đầu vào ngực em. Em thôn thức:

- Anh ơi...Nhu...chết mất...đủ rồi. Anh ơi...

Nó ngưng hôn em để thở. Em ôm nó và nói.

- Như yêu anh quá.

Em vừa thủ thủ vừa vò đầu nó, ngực phập phồng theo sự mơn trớn của nó. Nó lẳng lẳng mân mê ngực em. Em uốn éo như lẩn tránh. Nó ngỡ là vậy. Thế nhưng không. Em kéo đầu nó qua ngực bên phải. Nó trưng chan đở mẽ một câu chẳng đầu vào đâu:

- Nửa hả.

Em gật đầu. Nó dùng lưỡi lê, lướt qua đầu ngực. Em thở dốc, ghì chặt đầu nó. Nó lần tay rờ rờ xuống dưới...một cách không sai sót, không chệch vào đâu cả. Mặt em nhăn nhúm:

- Ở trên thôi. Như...sợ...

Nó cũng sợ, vì trong lúc miệt mài ngực em...Nó có cảm giác có cái cái gì đó đang ngo nguậy giữa hai đùi nó. Thế là không ổn rồi. Nó thần mặt ra nghĩ ngợi. Em chẳng biết nó nghĩ gì. Nhưng tay nó không biết...nghĩ nên mà mò mẫm xuống sâu hơn nữa. Có tiếng rên âm í:

- Đứng!

Em vừa nói vừa hơi ngửa ra phía sau và chườn lưng xuống ghé một chút như muốn nằm dài ra. Còn nó khom xuống hôn giữa hai môi như muốn...khóa

miệng em lại. Em lấy bẫy người khi tay nó lác lỏng ở phía dưới. Gò ngực em giờ đây nhấp nhô như gì ấy và mặt mày nhăn nhó hơn như bị...đau bụng. Em oằn người buông lời:

- Như...chết mất...!

Nó ngưng hôn, tay vẫn rờ rẫm, mồm miệng láo ngáo:

- Thích không?

Em gật đầu. Nó hỏi lại cho chắc ăn:

- Thích thật không.

- Thích.

- Thích gì?

- Thích anh..."ấy" Như.

Ngu lâu dần dai cách mấy nó hiểu là tiếng "ấy" đây, sau này lớn lên nó mới vỡ nhẽ ra.

Tiếp, em thỏn thức:

- Hừ...hừ...ấy Như đi.....Như chịu hết nổi rồi.

Nhân lúc em đang mê sảng. Nó vục mặt vào ngực bên này hôn lấy hôn để, tay kia xoắn xuýt ngực bên kia. Nó cũng lảm nhảm:

- Hôn mạnh nha....

Em nhắm tịt mắt lại và gật đầu:

- Ấy nữa đi anh.

Miệng em mấp máy...Nó nghe không ra:

- Gì?

Và em hôn hên như không ra hơi:

- Anh...anh...Như...muốn...muốn quá.

Nó cũng muốn vậy. Nó muốn luồn tay ra sau tháo nịt ngực của em ra. Lóng ngóng cả một lúc mới xong cái của nợ ấy. Bộ ngực lép em giờ đây phơi bày ra hoàn toàn. Rồi như háu đói lâu ngày, nó ngoạm cả vào miệng. Như muốn nuốt chửng cái bánh ú. Em lắc đầu thều thào:

- Nhẹ thôi...Đau anh....

Em thở dồn dập, đang trong cơn cuồng dại, đang trơ trụi nên em để nó hôn khắp người. Nó vén cái áo “ốp-a” lên và dí miệng xuống bụng em. Em dờ dẩn đến bán loạn và ghi đầu nó xuống. Được thể nó vén miệng sâu xuống nữa. Em rướn người lên. Hơi thở nó dồn dập, máu chạy rần rần trong da thịt. Nó đánh bạo luồn tay vào trong váy em. Nhưng khi gần tới nơi cần phải tới thì cái đầu bảo...cái tay ngừng lại. Em kéo tay nó vào sâu hơn nữa. Nhưng vì cái váy chật chội nên em hơi dặng chân ra thì phải. Và dường như em muốn nói gì thăm thiết lắm...

Nó không nghe được vì trong phim đang chiếu có tiếng đại bác bắn ì oành...ì oành...

Bỗng em oằn oại:

- Chết mất anh ơi...ơi...

Tại em chứ đâu phải tại nó. Em cầm tay nó đưa vào rồi lại đẩy ra trong giằng co, bán loạn. Em buông tay nó ra. Vì cái ghế rộng quá khổ hơn người em nên em chừa người xuống tí nữa. Em kéo cái váy lên một chút để cả bàn tay nó chui vào. Hai tay em buông xuôi và run lẩy bẩy như bắt chuồn chuồn. Em thở như người...hấp hối. Năm ngón tay nó

thong dong mảy mò vào sâu hơn...mò mẫm sâu...và sâu hơn nữa...Giời ạ! Và nó giật thót người vì...

Vì...trong cái váy ngắn cũn cỡn ấy. Trống trơn. Bố mẹ ơi! Em chả mặc gì sắt cả.

Cùng lúc, tay này em kéo nhẹ cái “phọc-mơ-tuya” quần nó xuống, tay kia lấy cái áo lạnh phủ lên. Tay em chui vào nắp trong áo...Hơ! Nó chợt nhớ ra cái áo mà em dặn đi dặn lại là nó phải mang theo...Nó lại muốn “hơ” thêm cái nữa. Vì bụng dạ nó ám ức quá lắm. Thế là không ổn rồi. Nó thản mặt ra...nghĩ. Vì nó...buồn. Nó nghĩ thêm một chút nữa... Hóa ra nó buồn...đái.

Cũng vừa lúc trận chiến The Longest Day trên màn ảnh vừa hiện lên hai chữ: “The End”.

Đèn phụt sáng...Hết phim, cả hai nắm tay nhau về, em cộc cạch với nó là mắc mớ gì lại dẫn em đi xem phim bắn súng đùng...đùng... Nó ó ra vì chính em chọn cái rạp Eden thổ tả này mà. Và nó chỉ biết rằng hôm ấy với phim The Longest Day cũng là...ngày dài nhất của nó.

Yêu nhanh, chia tay cũng nhanh chẳng kém, đâu đó khoảng một hai tháng đong đưa với...em tan trường về đường mưa nhỏ nhỏ thì em như cánh vạc bay...cái hạc bay lên vút tận trời, trời đất từ nay xa cách mãi. Và mãi về sau này, nhằm vào cái tuổi nhi nhĩ thuận, theo các cụ ta xưa thì các cụ bà mặc váy thì bên trong có mặc gì đâu. Vì vậy chả nên lấy đó làm lạ lắm trong cõi trần tục này. Chuyện có thể và

không hơn. Chuyện dưới đây với “gã” cũng vậy thôi.

Chuyện là sau mãn khóa Đồng Đé, được biệt phái về Sài Gòn thì một ngày, gã gặp lại “ngày mai sỏi đá cũng cần có nhau”. Quỳnh Như rủ gã hôm sau tới nhà chơi, gã gật đầu. Hình ảnh vầng vất trong gã buổi ấy là bụng của cô có hơi cần một chút. Gã nhớ ra ở sân cột cờ say bí tỉ tối hôm đó, gã mới hay vì tiền dâm hậu thú nên cô phải thuê nhà ở riêng. Cô quay lưng về, bám cứng không rời gã là đôi chân, mai này gã đi theo đôi chân hay đôi chân đẩy đưa gã? Mà có sự gì gã lại đến nhà, chỉ có ông trời mới hiểu nổi, cho đến bây giờ gã không có câu trả lời. Hoặc trả lời một cách khác là ngày ấy gã hai mươi mấy, như con thiêu thân thấy ánh đèn là lao đầu vào. Vậy chứ con thiêu thân về già thì sao đây? Đất sinh cỏ già sinh tật, già rồi gã lại đóc chứng sinh tật thích chui rúc vào những vùng kỳ bí chưa từng nếm trải để được lôi cuốn, và nhắm mắt lao vào để đi tìm cái thú đau thương. Hay luận theo mấy ông Tàu thì ấy là đại mộc lưu giang, bắt đắc hồi cố, và gã hiểu là khúc gỗ to trôi trên dòng sông, cứ xuôi theo con nước, không thể quay lại được nữa.

Mà không thể quay lại được thì gã cứ xuôi theo con nước.

Nhà cô trong một con ngõ ngoằn ngoèo với những số nhà “suyệch” trên “suyệch” dưới. Leo lên

căn gác gỗ ọp ẹp. Mà gọi nhà cũng chẳng hẳn là đúng, rõ ra chỉ là căn phòng trống trải, cuối phòng là cái bệp cũng trống trơn không kém. Vừa vào đã thấy cô ngồi trên giường đợi gã và đang đọc *Chí Trai*, tờ đặc san mãn khóa của trường Đồng Đé. Cô ngẩng lên ra dấu bằng mắt gã ngồi bên cạnh. Nhìn vào trang giấy, cô nói như không có gã ở đây. Cô nói về cái ngày xa nhau mà chẳng có lý do. Gã ngồi nghe. Nhưng cái đầu gã cứ lạng lờ bay theo mấy con chuồn chuồn khi vui thì đậu khi buồn thì bay với mưa không ướt đất, nắng không ám đầu...

Sau này gã cứ lần lần với: *Ừ thì chuyện như vậy phải như vậy!*

Quỳnh Như vẫn giữ đôi mắt tinh nghịch như ngày nào với chuỗi cười rúc rích. Vừa nói chuyện, cô vừa nhìn trang đặc san đang bỏ dở. À mà để nhớ lại xem nào? Chuyện gì đã xảy ra? Thoáng như cô nhìn vào tờ báo, nhìn mà không nhìn như che dấu một nỗi gì. Thấy lạ, gã đoán chừng cô đang đọc bài của gã, nhưng bài vở gã viết có gì để cười. Gã quơ tay giăng lấy để xem. Cô dấu tờ đặc san sau lưng, gã chòm sang giăng lại và vô tình đẩy cô nằm ngửa ra giường. Và như ngẫu nhiên, cô kéo kéo gã theo và gã nằm úp lên người cô...

Chuyện tình của ngày nào cho mình thì phải viết thật, rất ngay tình, cô ngẫu nhiên...

Hay gã... “cổ tình”, gã cũng không nhớ nữa!

Nhức nhức trong căn phòng vắng lặng là tiếng cười của cô như chuột rúc trong cát thóc...như trên người gã. Tiếng cười mỗi lúc mỗi mời gọi hơn...Hồi nhớ lại, gã nhớ như in là cô nằm dài ra giường, hai tay dang ra như chúa Giê su bị đóng đinh trên thập tự giá. Chỉ khác một nhẽ chúa Giê su bị dán chặt lên hai thanh gỗ dựng đứng, còn cô nằm thên thạng trên giường. Cô nhắm mắt như chờ đợi. Cái im ắng của căn phòng, sự im lặng của cô như đồng lõa. Gã đặt lên môi cô một nụ hôn. Tất cả trôi qua trong thoáng giây. Lại nữa, lại nếu như có ai đẩy cắc có hỏi gã chuyện gì đã xảy ra. Gã chỉ biết bặc bặc rằng giống như trời nóng, nước bốc hơi thành mây, mây thành mưa...mưa vẫn hay mưa cho đời biến động. Thế nhưng trước biển động là cơn giông, cơn giông vừa ào tới chỉ trong một chớp mắt. Cơn giông đây là cái cúc áo. Cái cúc áo bị tuột ra khi giăng co hay đã được tháo cởi tự lúc nào. Thật tình gã không biết, mà chỉ biết một khoảng ngực trắng nhẽ nhạt đang lộ lộ trước mặt gã. Bất chợt theo tiếng gọi của đòi hỏi đang râm ran, miệng gã rời miệng cô và đặt lên bờ ngực ấy một nụ hôn vội vàng. Mọi sự như bắt chợt với Sài Gòn sáng nắng chiều mưa.

Mà có mưa thật, mưa đang rơi tong tong trên mái tôn của căn gác hẹp có một cái giường.

Trên giường, cùng một lúc theo tiếng gọi của mây mưa. Tay gã lần mò cái cúc áo thứ hai. Khi không âm vang đồng vọng có tiếng kêu “tách” của cái cúc bám quần ngày nào hiện về như ám ảnh gã.

Một cái nốt ruồi hiện ra mời gọi. Cái nốt ruồi này trong rạp ciné, trong bóng tối trước kia gã không nhìn thấy. Cái nốt ruồi màu nâu đỏ như kều rêu gã. Miệng gã gắn chặt vào núm ngực có cái nốt ruồi lâu hơn. Gã nhìn lên, mặt cô lờ đờ như cá ngộp nắng, có tiếng thở...như tiếng dài, như chấp nhận. Có tiếng rên tiếng “hừ...hừ...” khe khẽ. Vẫn tiếng rên ngày trước, của hò hẹn phẳng phất đầu đây...Khi cái cúc cuối cùng được tháo bung ra. Cắm vào mắt gã là chiếc bụng tròn tròn khơi dậy thèm muốn của gã...Như một cuốn phim trắng đen quay chậm từng khúc, từng đoạn: Gã đặt lên bụng cô đang nhu nhú một nụ hôn. Trong ngần ngại, ngại ngần. Cái bụng khiêu khích, kều gọi. Cái phần đục tính của gã đang dán chặt lên cái phần đục tính của cô. Chúng nằm lên nhau sát sạt như hai chiếc lá ướt đến khó chịu. Cái phần đục tính của gã nằm trong cái quần trương nở, chật chội, vướng víu. Rồi thì cái gì đến nó phải đến, cái quần cô được kéo xuống. Cái quần nằm ngang bấp chân, chưa rời khỏi hai chân.

Bỗng gã nghe tiếng thì thào: “Đừng anh...”.

Thế nhưng không phải, cũng như tiếng “tách” của con thạch sùng. Tất cả chỉ là âm vọng của ngày tháng cũ. Gã quên mất hai chân có cái ngắn cái dài. Gã bắt gặp chân này móc cái gấu quần kéo khỏi chân kia. Đập vào mắt gã là cái “sì líp”. Nói cho đúng ra không phải cái “sì líp” óng ả, mát rượi ngày nào của lần đầu gặp gỡ. Mà là cái “sì líp” bằng vải khâu tay ở nhà. Trong gã thoáng với...cỏ

xót xa đũa, cỏ xót xa người, với biển dâu dâu biển, vì mới ngày nào với áo tiêu thư...áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc, áo nàng xanh, anh mền lá sân trường. Vậy đấy, là người nặng nợ với Sài Gòn không mưa thì nắng lại lớn vờn quanh gã...năm năm trời không gặp, từ khi em lấy chồng, anh một mình phiêu lãng, đời chia hai nhánh sông. Gã luôn tay vào nơi chốn...đời chia hai nhánh sông và xoa nhè nhè. Lại có tiếng âm ỉ đâu đó, của những ngày tháng cũ vọng về: “Đừng anh... . và tiếp: “Anh ơi...Nhu...chết mất...đủ rồi. Anh ơi...”.

Hai chữ “Anh ơi...” như là tiếng gọi của hôn thê gã. Gã nhớ ra hôn thê gã đang đi sắm quần áo cưới. Hốt nhiên hai chữ “Anh ơi...” của hôn thê ẩn hiện trong gã như bảo gã ngừng lại. Nhưng cái thân xác của gã không nghe theo gã. Thân xác này đang nằm úp lên thân xác kia nào có khác gì hai cái thìa úp lên nhau. Thân xác gã nhip nhàng nhấp nhô trên thân xác cô.

Trong khi gã vẫn mặc cái quần “dra-gông” không cần ủi cũng thẳng nếp.

Gã đang phiêu lãng, phiêu bồng thì có tiếng còn, tiếng mất: “Hừ...hừ...Áy Như đi...Nhu chịu hết nỗi rồi”. Cũng chỉ là vọng tưởng mòn mỏi của năm năm trời không gặp...đời chia hai nhánh sông...Tất cả những động tác nửa dòn dập gần gũi, nửa nhẹ nhàng nâng niu. Tiếng rên âm ỉ của cô tắc nghẹn. Tiếng rên của gã đứt quãng. Tất cả như hòa nhập với nhau. Hai tay cô vẫn dang ngang buông thả, hai chân cô

vẫn buông thõng bên thành giường ngóng đợi. Gã khoan thai, nhịp nhàng. Gã giữ gìn, yêu thương. Gã thương yêu, giữ gìn.

Bỗng, gã thở gấp rồi buông thả dòng nham thạch âm âm chan hòa trong quần gã.

Tất cả chỉ có vậy và cũng không hơn. Không hơn một lần...

Thế nhưng cũng đã hơn một lần, gã vương bận với tâm sinh lý học trị liệu qua ông bạn lang Tây với chân thấp, chân cao, thêm chuyện Lâm Ngữ Đường với tục bó chân, bó cẳng của người Tàu. Chẳng qua gã làm như con đà điểu chúi đầu trong đụn cát, bởi hỏi là để hỏi thế thôi, vì gã biết rằng chuyện gặp lại...”người đi qua đời tôi” trong một căn phòng có mưa rơi rộn rã trên mái tôn như mời gọi. Thêm những âm vọng mà gã gánh bùn sang ao là những chìm khuất ẩn ức của người xưa, hòa nhập với những thúc giục đòi hỏi trong gã. Nói cho cùng, chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ cho gã bơi trong vũng lầy ngập ngựa của một cõi nhân sinh. Cho đến lúc về già như bóng mướp đang chiều hồn quá khứ đây, với chuyện sống để bụng chết mang theo, với gã thì chạy trời không khỏi nắng là...

Là chuyện xảy ra sẽ phải xảy ra!

Ấy là chưa kể khi gặp thẳng bạn tử vi tướng số có chuyện tình ngang ngược gần gần giống như chuyện của gã. Bạn ghé nhà ngủ qua đêm, nửa khuya nghe ngoài vườn có tiếng cóc cái gọi cóc đực

“ì ộp ...ì ộp...” báo hiệu trời sắp mưa,...mưa vẫn hay mưa cho đời biến động. Thế là mất ngủ với những thao thức trần trọc, bạn và gã lụm cụm chống gậy đi tìm dĩ vãng cùng những đản vật và bạn rằm rì rằng: *Ở một quãng đời nào đó, ai chẳng một lần, ai chẳng có những chuyện chẳng đáng dừng để ân hận, để chẳng níu kéo lại được..*Được thế gã tháo ống cống để xả, đang xả nửa chừng, bạn âm ừ hỏi:

Vậy chứ có cái nốt ruồi son nào chẳng?

Chuyện của gã tưởng đã quên, mà gần quên thật cả một thời gian dài. Bất ngờ được gọi nhớ lại qua mấy vi tính. Rồi thì những chuyện đã qua, từ trong cũ kỹ ức mở cửa rủ nhau lũ lượt kéo ra đóng dày thành những hoài niệm. Gã chẳng biết gì hơn là thôi thì ít nhất cũng một lần, một lần trong đời hãy trang trải cái nợ đời bằng vào các con chữ lay lắt trên những trang giấy.

Và gã đặt tên cho bài viết cái tựa đề: *Như một lời tạ lỗi.*

Bài viết rồi cũng xong, vẫn còn ngời nán lại trước mấy vi tính và bản thân như thiếu vắng một cái gì ấy. Với cái gì ấy, gã rà rà con chuột đi tìm một truyện ngắn cũ có tên *Tình giữa* viết về những người tình một thời một thuở với Sài Gòn đầu đường cuối ngõ ngày nào năm ấy:

Tôi thoáng nghĩ viết về chuyện tình thì nên dùng tên thật, nếu không sẽ mất đi những hoài cảm, chân tình và đặng nào cũng một lần, thành thực với nhau, thành thực với chính mình: Tất cả đều gần ở

cái tuổi bóng ngả đường chiều, một mai tóc đã điểm sương, con đàn cháu đông. Nếu ai đấy, ở một góc trời nào đó, gần cũng như xa, âm hưởng được những trang giấy này xin hiểu dùm tôi là, không phải bây giờ mà mãi mãi, cho suốt những ngày tháng còn lại, tôi vẫn nhớ, vẫn thương và vẫn yêu những người tình cũ của tôi. Hỡi em yêu dấu...Hường, Ty, Thịnh, Hà, Ngà, Châu, Nam, Hạnh lớn, Hạnh nhỏ, Hậu...hãy nhận cho tôi như một lời tạ lỗi, ai cũng một lần với muôn nghìn chữ nếu, như định mệnh đã an bài...

Và gã bồi hồi đọc lại, để thấy thiếu....một cái tên.

Ừ thì bằng vào tất cả những gì gã muốn nhắc tới qua bài viết là một thoáng ngày cũ trong trí nhớ nằm trong cái tuổi dựa cột đèn, mây giăng giăng cuối phố. Mây vẫn bay, ngày vẫn trôi đi, bốn năm sau, thêm một lần gã rì mọ đắp chữ vá câu cho những trang giấy này đây.

Để rồi chẳng hiểu nghĩ sao gã đổi tên tựa đề bài viết là: *Chẳng đặng đừng*.

Thạch trúc gia trang
(viết xong năm 2010
thêm bớt năm 2014)

Vòng tử sinh

Trời hết nắng thì mưa, mưa lâm thâm, ông anh vợ ghé nhà...

Ông đồng canh, đồng tuế với người viết nên rất gần gũi những khi trà dư tửu hậu. Ông giống những bậc trưởng thượng của người viết vào thời buổi 54 mới di cư vào Nam. Trong những dịp giỗ chạp hoặc tết nhất, các cụ hay bù khú chuyện thể sự du du hề một thoáng bạch câu. Ông đây cũng vậy, gặp người viết là râm rả chuyện thể sự thăng trầm quân mạc vấn. Để rồi từ năm 54 đến nay, chuyện đâu vẫn còn đó ...

Nhưng hôm nay gặp ngày không có mây sao có mưa, ông anh vợ cứ rì mọ giấc hương quan mơ luống canh dài từ cây đa bến cũ con đò xưa, qua chợ Viêng, đến đền bà Chúa Liễu mãi tận đầu đầu đầu. Nhiều sự thêm chuyện ông cậu từ Nam Định lên Hà Nội vào Sài Gòn khiến người viết trộm hiểu là có

hiều mục để kể lể. Và thế nào chả có mục mấy cậu cháu bát phố Hà Nội mà ông anh vợ thường kể như dước đây:

“...cả nhà chạy loạn từ Nam Định lên Hà Nội. Một ngày cuối tuần ba cậu cháu như ba chàng ngự lâm pháo thủ tay cầm kiếm gỗ, miệng lảm nhảm câu trong phim “ci-nê”: *Mình vì mọi người trừ gian tặc*...Đang đi bộ tới phố Tây bị con chó Tây to như con hổ. Ba cậu cháu chạy toé khói, may mà con “bạc-dê” bị xích, không thì tiêu đời...”

Trời vẫn mưa lâm thâm...dưới “pa-ti-ô” có mái che, ông anh vợ móc điều thuốc che tay môi lửa và đảo qua ông cậu nay ở Nha Trang, hiện ngồi không chẳng làm ăn gì sất cả. Thế là xong, người viết biết ngay thế nào cũng có chuyện gom góp cho mục vợ ốm con đau chi đây. Vì vậy đành tặc lưỡi mở ra đọc cho xong...chuyện.

Bầu vào mắt người viết là cái thư giấy đã vàng ố vì viết từ năm 1976. Thư dài cả chục trang, chữ ông cậu viết ngoáy nên con chữ ngo ngoáy trên giấy như con lăng quăng. Người viết bèn đọc thoáng qua cho...thoáng đãng. Nói cho ngay nhờ nhẽ chả giống những thư...kể khổ nào. Mà rất những chuyện làng nước cùng ruộng vườn qua kẻ Bắc người Nam với *quê ta xa mãi bên kia biển, chỉ thấy toi bời mây trắng vương* dài lê thê như đoạn đường chiến binh đọc mờ cả người. Đọc lướt qua đến khúc ông cậu tả...con lợn chạy lăng quăng giữa trận chiến mù trời dấy đất mới sống động đôi chút. Vì người viết chả

dây mơ rễ má đến ông cậu vợ, mà nghĩ đại chứ...Chứ ông ngồi không búng ghét đuổi ruồi, bộ hết chuyện chồi cùn rế rách hay sao mà ông mang con lợn vào thư nhà cho...chật nhà chật cửa. Thế mới rách chuyện...

Bèn ngược mặt lên định hỏi, bắt gặp khuôn mặt ông anh vợ đang trầm ngâm được mô tả là “rất tâm trạng”, nên cúi đầu tụng tiếp. Đến giữa thư, *sau năm 75*, ông cậu vào Nha Trang. Qua cái thư đề ngày tháng viết từ năm nào năm nào...Người viết ngờ ngợ có gì không ổn, và thậm hỏi cơ sự gì đến bây giờ là *năm 2006*, sau 30 năm ông cậu mới gửi thư cho ông cháu. Lại nghệt mặt, mắt chấm máu hỏi?

Cái đầu ông anh vợ gật gù ra cái điều hãy đọc đi thì biết...Ừ thì đọc...

Tiền đưa ông anh vợ về rồi, nhòm đất trời lung liêng, trời chiều cô tịch. Nhòm ra góc vườn, hàng cây nghiêng ngả u ầu chiều tiễn biệt trong một cõi đi về...Chợt lòng dạ nao nao, nhấp một ngụm cà phê thấy đắng ở đầu lưỡi, rít một hơi thuốc lá thấy nhạt nhẽo ở đầu môi. Cùng những bồi hồi không đầu, người viết ngẫm nguội với cái thư này đây, nếu như chịu khó ăn mày chữ nghĩa của ai đó. Rồi lẫn cù ra đánh vật với chữ nghĩa có thể dựng thành truyện được. Thế là người viết vào nhà, ngồi xuống bàn gỗ. Tiện tay nhân cái nút nhạc, tiếng hát Khánh Ly lênh bênh như cánh vạc bay: “...Từ quê nghèo lên phố lớn, bàn tay ta nắm - Biển xanh sông gấm, nối liền một vòng tử sinh...”

Nha Trang ngày 17 tháng 11 năm 1976

Thân gửi cháu Phú,

Qua bác Cả, cậu biết được địa chỉ của cháu, thư này cậu cũng đã viết từ lâu lắm rồi và để đó, vì cứ đắn đo chần chừ mãi. Bao nhiêu năm giữ kín trong lòng để gặm nhấm với cậu cũng quá đủ, chả lẽ sống để bụng chết mang theo. Rồi cậu không biết làm sao hơn vì lúc này cậu cũng đã có tuổi, nay ốm mai đau, không biết ngày nào gặp lại tổ tiên, ông bà và họ hàng, nên mượn dịp này gò chép lại để gửi thư đến cháu. Cũng nhân dịp Tết Nguyên Đán cổ truyền Bính Tuất sắp tới, lời đầu tiên bao nhiêu năm xa cách, cậu thành tâm chúc thầy cháu và gia quyến cháu an khang, thành đạt trên mọi lĩnh vực.

Thế mà đã hơn năm mươi năm qua... Năm mươi năm thì ngắn nhưng nghĩ tới nửa thế kỷ thì lại quá dài. Vậy mà những hình ảnh của cái tuổi ấu thời như mới đâu đây, tất cả quây quần dưới căn nhà ngói cây mít năm gian hai chái ở một làng quê ven biển trù phú và êm ả với cái tên thật thân yêu là Ân Phú. Cũng vì vậy ông ngoại hai cháu lấy tên làng đặt cho hai anh em cháu, “Ân” là ơn trên ban cho, “Phú” là giàu có thịnh vượng.

Năm đó, thầy mẹ cháu dựng ngôi nhà gạch, ngói đều tằm tấp ở cuối ngõ, nằm núp bóng dưới cây nhãn, cây ổi im ắng. Và chỉ im ắng một nhát thôi với buổi trưa nắng oi oi. Đâu đây nghe có tiếng gà mẹ “cục cục” gọi con, ấy là thằng Ân mở cửa chuồng gà. Thế là lũ gà cuống quýt tranh nhau chạy ra. Hết con vện của cháu sữa ăng ăng trên chộc một con gà nào đó. Đến tiếng lịch kịch của anh gà trống đi đi lại lại, tuồng như anh ta đang chọn chỗ đẻ gáy. Tiếng đập cánh phành phạch. Tiếng nó kêu cục, cục như đặng háng. Hốt nhiên anh gà trống gáy đồng dục: “ó, ó, ooo...o...o...”, ắng im một chốc, rồi lại tiếng gà mẹ gọi con “cục cục” rõ đến buồn ngủ. Vậy mà chả ai chịu ngủ nghê, cậu và cháu leo lên hái ổi, hái nhãn. Hoặc rủ nhau trốn ra bờ sông câu cáy, bắt rạm hay theo đất sét nặn gà, nặn chó suốt cho tới chiều. Khi tiếng những tiếng chuông của bố già vang lên báo hiệu buổi chiều cuối ngày, mới kéo về cái sân gạch đã khuất nắng...

Riêng thằng Ân nó thích thui thui chơi một mình, nó có những trò nghịch tinh riêng khác như khâu đít chuột cho chúng bí rị rồi nổi điên cắn nhau. Hoặc giả nó bắt cả chục con cóc cụ. Nhét vào mồm chúng ít thuốc Lào, rồi khâu lại. Sắm tối thả ra vườn, bọn cóc ngấm thuốc Lào, lò đờ, nhảy lung tung như say rượu, vừa nhảy vừa ho inh lên khùng khục như người hen. Có cóc cụ tốp miệng vào thở ra nghe lịt xịt như thằng đánh rắm xịt. Hay đến giờ xua lợn về chuồng, chả hiểu nó học mót của ai, nó xoay đầu

con lộn vào cửa chuồng lợn, nắm lấy đuôi làm như kéo về hướng bờ sông. Con lợn không biết mình bị lừa, vùng vằng cắm đầu chạy vội vào chuồng và ngờ ngác như quạ vào..chuồng lợn. Biết thế bà ngoại cháu hóng hót: “Mẹ bố thằng Ân gà tồ này lạ nháy! Đúng là rô, anh em trong nhà thì không chơi lại đi chơi với lợn”.

Trở về với làng quê ta, bên kia con sông là tổ đình, bên cạnh bãi đất trống gần đây là chợ Viềng xưa cũ. Tên Viềng có nghĩa một ngày trong một năm, cứ mừng Tám tháng Giêng chợ nhóm họp để mọi người cùng mua thịt bò, thịt trâu và bán chữ, mua câu đối. Ngày ấy mấy cậu cháu được theo bà ngoại và mẹ cháu dạo chơi phiên chợ. Nhưng vì cả hai cậu cháu mình bé út ít nhất trong nhà, nên mỗi đứa được mua một con tồ he bằng đất nung. Tồ he được tô phết với phẩm màu, đuôi là một cái lông gà nhuộm màu xanh đỏ, có gắn một cái còi lưỡi gà bằng ống sậy, khi thổi vang lên những tiếng “tồ te...tồ te...”. Nghĩ lại thời gian ấy, có lúc cậu nghĩ cũng có thể vì quen thói thổi tồ he từ những ngày còn bé nên sau này cậu là văn công thổi kèn chẳng? Nhưng cậu chẳng quên được cái thú nhỏ nhoi và đơn sơ của tuổi tồ he bé tí hồi đó.

Nhắc đến câu cáy, bắt rạm, cậu muốn nhắc đến con sông ngay trước cổng nhà cháu. Những ngày nước lên, cậu là thằng đầu têu rừ rê cháu đi đặt lờ,

chỉ mấy cái lờ không thôi, hai đũa bắt được gần yển rạm, rồi mang về đưa bà ngoại lấy thưởng. Vì con rạm nhỉnh hơn con cua đồng một tí, nhưng con nào con nấy to bằng một phần mười con cua đình, bà gạn mấy con cái đem rang giòn, ăn rất bùi, rất ngậy. Những con đực bà xé ra làm chả, giã nhỏ nấu canh khế, canh me. Mấy ngày sau nước sông rút xuống, cháu lại mè nheo cậu xoay ra câu cá. Như cháu biết đấy, cá nhỏ hơn rạm, thân dày, mu màu nâu và hai cái càng đỏ chót như hai quả ớt chín. Cậu và cháu lấy cành tre, cột giây, đầu buộc mồi là cái kèn tằm hay con sâu khoai nước. Và thấy con cá thập thò ngoài cửa hang là nhử nhử, cá ham mồi dơ càng kẹp là không muốn nhả, thế được cả giỏ. Về bà ngoại giã ra, trộn muối, bột giã, thính và riềng, rồi hạ thổ lấy khí âm, khí dương, ít tuần sau có món mắm cáy thơm inh.

Đến như ông K trưởng của cậu, sau này mỗi lần về phép mang quà nhà quê trở ra đơn vị. Ông ta cứ tấm tấ khen: “Tớ chỉ khoái ăn mắm tép của bà ngoại cậu thôi”.

Và không thể không nhắc đến những ngày Tết, cậu nhớ đến cái năm cuối cùng ở quê. Khoảng 27, 28 thường thì bà ngoại và mẹ cháu cùng mấy nhà chung quanh xóm đánh đưng một chú lợn. Chú lợn ỉ, nặng hàng tạ, thịt chắc, ngọt và thơm để làm giò, gói bánh chưng, kho tàu và dùng làm món độn nấu cỗ cho ba ngày Tết.

Vậy mà năm ấy, lợn nhà có cả bầy, chả hiểu sao bà ngoại nhè con lợn của thằng Ân mà xẻ thịt làm nó “rên như lợn”. Cậu chẳng quên mỗi ngày đi học về, nó lăn vào bếp, cứ ngỡ nó mò củ khoai, củ sắn nướng. Hóa ra nó tìm mẹ cháu để phụ sắn rau, sắn bèo hay nấu cám cho mấy chị lợn của nó. Vì mấy chị lợn sắp cần đòi ăn sớm, cứ húc máng công cốc, kêu ừ ừ trong chuồng. Sống mỗi người một nét, chết mỗi người một tật, cái tật của nó là trời mưa, khi không tha lợn ra tắm tấp. Cứ theo bà ngoại thì gà, lợn sợ nước, chúng chỉ thích dầm mình vào trấu, bùn cho bản thêm thôi. Vì vậy các cụ ta dạy cấm chửi sai bao giờ, ấy là “bản như lợn” chẳng ngoa là mấy. Bà lẳng nhặng: “Đào! Mẹ bố thằng Ân gà tồ này lạ nhỉ”. Rồi bà đóng dĩa chúng mà gặp nước thì gà bị dừ, lợn bị chột. Được thế bà nói đây, thế nào có ngày cứ dúi rã họng, đến gộc tre cũng chả có mà ăn. Chưa hết, bà nhiec nó chả được tích sự gì sất, đúng là đồ cám hấp. Chẳng được như thằng em hay thằng cậu nó, đúng là cái thằng “ngu như lợn”. Ngụ đâu chẳng hay, ấy vậy mà con lợn nó dành nuôi từ lúc còn là con lợn sữa, cũng để được dầm lúra thành con nái, con sè thì bị bà ngả ra xẻ thịt cho mấy ngày tết. Mà cậu có thấy nó ngu như lợn hồi nào đâu để bà ngoại cứ đe nẹt nó mãi. Mà ở bản thì có, nhất nó.

Chiều 30 đón gia tiên, ông ngoại nghiêm trang vái một vái, rồi từ từ hạ chiếc nậm sứ nhỏ men rạn, rót ra chiếc chén bạch định mắt trâu. Sau đó là ông ngoại lúy túy với bữa rượu lòng lợn tiết canh của

thằng Ân, trong khi thằng Ân cứ khóc ỉn ỉn như lợn ấy.

Tối 30, bà ngoại lúi húi với ngọn lửa lom rom, tí tách. Bà chung món gì đó trong cái niêu đất tròn như trái bưởi đào, để làm thêm đồ nhắm cho ông tiếp bạn trong những ngày đầu xuân, còn lại cả nhà ngồi bên bếp lửa canh nồi bánh chưng đợi Giao Thừa. Sáng mừng một là mâm cỗ lớn, có đủ giò, chả, ninh, bóng, mọc. Nhưng nói gì thì nói, cậu chỉ mong đến mồng bốn, ngày đón ông Táo, rồi hóa vàng, để ngong ngóng món khoái củ tí của cậu là món măng lười trâu hầm với móng lợn, xương ống lợn. Còn thằng anh cháu, đến ngày này là quên tuốt con lợn bị ngã thịt, bị mẹ cháu củng vào đầu, nhieéc là tướng tá như trâu lẩn. Mà cháu người gầy nhằng như đánh khoai vì khó nuôi, ốm đau liên miên, khóc suốt ngày đêm, trong khi ấy nó ngáy nghe như lợn ngáy. Trở lại ngày hóa vàng, ngoài món măng lười trâu hầm với móng lợn, hai cậu cháu còn chén lòng dồi thả phanh. Riêng với chuyện ăn uống, nó đang ở tuổi ăn rộ, ăn thùng bắt như thành. Nó như dành ăn với cậu cháu mình, khoảng một cái là nhẩn hai bát, cái bụng phưỡn ra như ông thần đất ấy. Rồi téch ra hiên nhà, ngồi bệt xuống đất loay hoay với cái xương ống lợn, hít hà chút tủy ở bên trong hay mảnh thịt còn sót lại.

Ấy thế rồi khói lửa chiến tranh ập tới làng quê bé nhỏ ta, cả nhà về Nam Định ở số nhà 70 Phố Khách. Riêng chú tá điền tên Tuất ở lại trông coi

vườn tược ruộng nương. Thời gian ở tỉnh Nam với phố phường gì cũng lạ. Cuối tuần thầy mẹ cháu dẫn cả nhà đi ăn bánh cuốn ở phố Vải Màn, nghe đầu góc gác ở làng Kênh, nổi tiếng về nghề làm bánh cuốn. Cậu nghe lồm bồm bánh cuốn làng Kênh ăn đứt bánh cuốn Thanh Trì về độ mỏng, mịn và trắng, vì vậy mới có câu “**Chôi Vĩnh Trường, bánh cuốn Kênh, tương Túc Mặc, rau muống Thượng Lôi**”. Hoặ như bún chả Nam Thành của bà Lý Tư trước cửa nhà thờ Khoái Đồng, thường mười một giờ mới có. Chỉ mười xu một gấp chả quạt ướp với trứng, cuốn trong lá chuối xanh, với đầy đủ bún, rau muống chẻ, húng dũi, lại có cả đu đủ xanh ngâm dấm. Ăn xong thầy mẹ cháu thả cả ba xuống rạp Văn Hoa đường Pôn-Be, phát tiền đưa cậu làm đầu tàu. Hết châu ci-nê-ma, cậu dẫn đi ăn lục tàu xá ở gần chợ Ròng, ghé phố Hàng Mã gần phố Hàng Xũ xem mấy ông tiến sĩ giấy, con giống xanh đỏ. Trên đường về nhà qua nhà thờ Khoái Đồng, dấu tích của những nhà truyền giáo để lại, vì cháu vòi vĩnh nên phải ghé Bến Ngự sông Vị Hoàng gần đền Triều Châu xem bơi thuyền và câu cá. Cháu lúc nào cũng thế, chỉ thích ươm, cấy, tằm, cá với cá mè, cá trôi. Cha mẹ sinh con trời sinh tính nên khác hẳn với thằng Ân anh cháu...

Thế mà nghĩ cũng hay: Như thằng Ân anh cháu thích lợn chả nói làm gì. Còn như cậu đây, cậu chúa ghét lợn vì nó ở bản. Vậy mà cậu cứ dính đến lợn. Ngay cả đi bộ đội cũng thế, đúng là ghét của nào

trời cho của ấy, cậu sẽ kể chuyện cho cháu nghe sau...

Lúc này mặt trận ở vùng quê đã nặng, đêm đêm ở tỉnh nghe tiếng cà-nông ì âm xa xa vọng về, đồng bào bắt đầu rậm rịch chạy loạn. Đến cuối 53, bác Cả trai dẫn cậu theo gia đình cháu chuyển lên Hà Nội để thăm thú tình hình. Còn ông bà ngoại và gia đình bác Cả ở lại Nam Định trông coi cơ ngơi và đợi tình hình biến chuyển. Những ngày ở đây tuy ngắn nhưng thật thú vị, có những chiều cả nhà kéo lên Hồ Tây ăn bánh tôm trên đường Cổ Ngư, mà sao hồi đó cậu khoái tí với nước sô-đa sủi bọt lăn tăn của hãng con Hồ đến thế. Nhắc đến con hồ, cậu lại nhớ đến con chó béc dê ở phố Trần Hưng Đạo để ra ga Hàng Cỏ, may nhờ chàng ngự lâm Ân tụt hậu hoa hoa mấy đường kiếm gỗ không thì toi đời. Thêm chuyện nữa, cháu còn nhớ nhà thờ cổ Nam Định mà cậu cháu mình gọi là nhà thờ Khoái Đồng không. Đến khi cậu lấy vợ Nam Định, to cái đầu rồi cậu được vợ cho hay ấy là nhà thờ Khói Đồng. Thêm nữa, lúc này cậu mới hay biết phố Khách Nam Định chỉ bằng con ngõ Hà Nội, phố Hàng Xù thì ở đây họ gọi là phố Hàng Sũ và cũng bán quan tài như ở Nam Định.

Hà Nội hồi đó vì có nhiều gia đình đang khao nhau sửa soạn ri cư, họ láo nháo bán nhà bán cửa. Được ít lâu bác Cả bàn với thầy mẹ cháu hãy để bác về lại Nam Định đón cả nhà lên Hà Nội rồi vào Nam. Lúc này, quân đội Pháp đã rút khỏi thị xã, dọc đường và trên các hè phố, những chiếc tăng-xê trú

ẩn hình tròn được đào vội vã để tránh bom tránh đạn. Hàng ngày tiếng ề ề của máy bay trinh sát bà già quần trên đầu, tiếng ào ào của những chiếc B26 quần đảo phía bên kia sông Đào và phía ngoài biển. Nhưng thành Nam vẫn sinh hoạt tấp nập, dọc đường, nhất là khúc nhà thờ, người ta mang quần áo, đồ đạc ra bán chợ trời như chợ phiên. Bác Cả và cả nhà họp hành, bàn bạc dưới ánh sáng đỏ kịch của đèn dầu Hoa Kỳ, rồi ông bà ngoại dứt khoát không đi vì cơ ngơi, vì mồ mả tổ tiên. Nghi ngơi ít lâu, bác Cả gửi cậu theo người quen lên Hà Nội thì gia đình cháu đã xuống Hải Phòng rồi. Cậu khóc sụt sùi cả ngày hôm ấy. Thực tình mà nói, cậu cũng chẳng biết Sài Gòn ở đâu, mà chỉ nhớ thằng Ân và cháu. Tan đàn xẻ nghé, cuối cùng cậu không biết làm sao hơn là lần mò một mình về lại Nam Định.

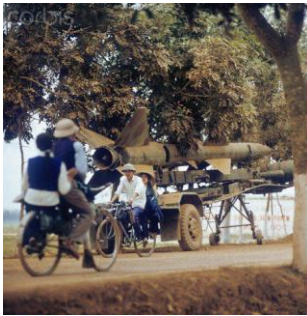
Sau 54, cả gia đình mình xuống dốc không “phanh”, kinh tế từ ông bà ngoại đến hai bác Cả thì dăm bữa cứ phải chạy qua xóm giếng láng tôi vay mượn khi bị gạo, đầu cám lộn. Vì vậy để thêm thu hoạch, ông ngoại mày mò làm đèn xếp, đèn quả, đưa cho cậu đi bỏ mối. Trăm đầu đồ đầu tầm, cậu tắt bật sáng đi học, chiều về lo đi giao hàng, kín nước cho cả nhà, phải gánh lên tầng hai. Nhưng ngại nhất là phải xếp hàng chờ ở máy nước đầu phố Hàng Xứ, hay máy nước ở đình Hội Quán. Lúc này cậu mới thấy thấm câu giàu con út, khó con út. Hồi cải cách ruộng đất, những người nhiều ruộng, lắm đất đều bị quy vào địa chủ. Đến thời hợp tác xã, đều phải góp

ruộng vào làm ăn tập thể. Nhưng may khéo là may, chú Tuất tá điền nhà ta hình như có chức phận gì đó, nên giữ được một ít đất đai vườn tược cho ông bà ngoại. Đầu năm 59, cá đuối đấm vì con nên ông bà ngoại quyết định bán phần đất hương hỏa ấy đi, dành dụm tiền để cậu lên Hà Nội học nghề. Cái khó nó bó cái khôn, đến giữa năm ông ngoại mất và ông được an táng ở nghĩa trang Cánh Phượng, ngoài thành Nam.

Năm 1964 cậu tốt nghiệp và được thi công về khu mỏ Hòn Gai. Được mấy năm, cậu xin đi học chuyên ngành than đá ở Vân Nam, nhưng bị đình lại vì Trung Quốc đang có đại cách mạng văn hóa, nên nghiên cứu sinh không quá cảnh được. Cậu đang đợi cơ may khác, cậu đành đợi cái gì đến sẽ đến, và chỉ cầu mong sau này cũng an phận ở đâu đó cùng những đổi thay của đất nước và con người. Đùng một cái, chiến sự cực kỳ ác liệt ở trong Nam, thế là tình hình đẩy đưa cậu vào bộ đội.

Sau mấy tháng quân trường học tập điều quân, cậu được nhập vào sư đoàn 316 và lên đường vào chiến trường B dài, tuyến Bình Dương. Lúc đó cậu nhớ đến con anh Đoàn Chuẩn với chiêu hồi, chiêu đãi gì gì đó, lòng dạ cậu lại rối như tơ vò, chả biết tính sao cho phải nhé. Thì trên đường di chuyển qua trung Lào bị B52 chà xát, sư đoàn cậu bị tổn thất khá nặng nên rút về Nghệ An rèn cán chỉnh quân và cơ bản là phòng thủ vùng bên này sông Bến Hải.

Nói cho ngay, ở đơn vị hậu cần, vì có văn hóa, cậu chỉ làm thợ sông, làm báo cùi, để có chút gạo, đường cải thiện nên cậu chẳng biết chuyện đánh đấm gì sốt cả. Nói dối phải tội chứ ngay cả lên cơ bằm, kéo cái cần “quy-lát” của khẩu AK 47 nặng như cái búa tạ cậu còn thở bở hơi tai nữa là.



Đến khoảng cuối năm 74, một bộ phận sư đoàn 316 cậu được lệnh điều động qua phía tây Thừa Thiên, giáp Huế giúp đỡ đồng bào trong vùng vừa được giải phóng. Nghe tin trong lòng cậu cũng phấn khởi vì yên chí như vậy thì chiến tranh có khả năng sắp chấm dứt, gia đình mình sẽ đoàn tụ một ngày không xa.

Vừa đến nơi được lệnh vào cánh rừng Đồng Lâm ẩn nấp chờ lệnh mới, gặp mùa mưa dầm dề cả ngày cả đêm, ngập đường ngập đất, ngập cả hầm giao thông hào với hầm trú ẩn. Gạo và củi bị ẩm

uớt, ẩm mốc không nấu nướng gì được sốt cả, phải nhai sống từng ôm rau môn, rau tai voi gần một tuần lễ nên ai nấy người cứ thủng ra. Lúc này cậu mới học được câu nói ở trong này là mưa thối trời thối đất chẳng ngoa tí nào. Thế nhưng không, dùng một cái, vào một bữa vào giấc trưa, trời đổ mưa rào, lúc đầu ào ào, sau lúc khoan lúc nhạt. Rồi bất thành linh tạnh mưa, vừa lúc nắng lên, nắng oai oải, thì có lệnh khẩn trương rút về bên kia Bến Hải.

Vừa kéo quân ra đến bìa rừng, đơn vị cậu phát hiện một đám lính trong này đi ngang qua, họ thả bộ không đội mũ, súng vác vai. Gã chính trị viên và cậu dùng ống nhòm dòm kỹ toán quân này để điều nghiên trận địa. Và thấy họ vừa đi vừa nói chuyện inh ỏi, vừa ca hát vang trời, lại có người vác cả đài trên vai nghe nhạc vàng nữa. Ngộ nghĩnh hơn nữa có anh lính nắm giầy thừng kéo cả con lợn theo. Sau này về lại Nghệ An dưỡng thương, học tập rút tĩa ưu khuyết điểm chiến trường, cậu mới biết họ ở trung đội 2 thuộc liên đội địa phương quân. Trước kia thời Tây ngoài Bắc mình gọi họ là lính “pạc-ti-dăng” nhưng cơ bản điều quân như bộ binh. Cũng nhờ đó cậu mới biết họ đang bỏ đồn bót rút về tỉnh vì thời cuộc lúc ấy không thuận lợi cho việc giữ cầu gác chợ nữa.

Trở lại lúc ấy gã chính trị viên vỗ vai cậu chỉ con lợn và gật đầu tấp lự.

Cũng trở lại khúc trên cậu đã ba điều bốn chuyện với cháu là cậu chúa ghét lợn vậy mà cứ

dính đến lợn. Ngay cả đi bộ đội cũng thế. Chưa hết, hồi ở Nghệ An điều cán chỉnh quân, bên phía cậu sưu tra đội ngũ và thông suốt cả tên tuổi, khả năng cấp chỉ huy của liên đội địa phương quân trên nữa kìa. Riêng cậu còn xác minh con lợn kia không phải lợn nhà mà là lợn mọi, vì nó khôn ngoan hơn cả con vện, con mực nữa. Sau đấy cậu cứ tiếc hùi hụi không có cơ hội vác một con lợn rừng về quê nuôi làm cảnh.

Sau cái vỡ vai của gã chính trị viên, cậu hiểu ý đồ gã muốn xua quân quần thảo một trận mong bắt...con lợn làm thịt để bồi dưỡng. Cậu nói với gã là sắp về hậu phương bồi dưỡng, nay vì con lợn mà đánh nhau, thế nào cũng toi đăm mạng chẳng bỏ nhét răng.

Không trả lời cậu, chẳng nói chẳng rằng gã gọi K trưởng và hai anh chiến sĩ nuôi quân nhỏ to gì ấy cậu chẳng hay. Bất thình lình K trưởng của cậu phất tay ra hiệu lệnh cho lính bung ra. Thế là lính bên cậu cứ như từ dưới đất chui lên, từ trên trời nhảy xuống, bổ nhào vào đánh giáp la cà, la hét vang trời “Hàng sống chóng chết... Hàng sống chóng chết...” và bắn xối xả, cả bìa rừng náo loạn như bị nhồi vào giữa cơn lốc. Lúc đầu, lính bên cậu bị mất chủ động vì chưa phát huy đánh bộ, lính phần nhiều là lính mới 15, 16 tuổi, ngơ ngáo lần đầu ra trận như cậu vậy. Nhưng một lúc lâu sau lính bên cậu trấn áp phía bên họ thấy rõ vì đông quân số và súng đạn hơn. Mặc dầu họ bị bắt ngờ nên nháo nhào, nhưng cũng phải

công nhận họ phản ứng nhanh và khá thành thạo. Chẳng may mới nhập trận, K trưởng của cậu đã bị tử thương, nhưng đến quá trưa thì họ gần như bị tiêu diệt toàn bộ, số nhỏ còn lại buông súng đầu hàng.

Sau chiến thắng đến không ngờ, gã chính trị viên và cậu, người đầy bùn và đất vàng khé, đầu không mũ, chân tập tễnh kiểm tra trận địa đang sặc mùi thuốc súng. Thấy con lợn đang kêu eng éc bị chọc tiết. Hai anh nuôi bỏ cả súng, tượng gạo, bình tông, nhào tới nhanh như chớp dùng tay không để túm tó con lợn.

Đột dưng có anh thương binh nọ, áo đẫm máu, tay này cầm giầy thừng buộc cổ lợn, tay kia cầm súng nhôm dấy nhắm ngay hai anh nuôi lia một tràng ròn rã. Hai anh này vừa chộp được con lợn, đang ôm khít khìn khịt, bật ra như cây bị đốn ngã vật xuống chết tươi. Cậu vừa bàng hoàng những gì xảy ra nhanh như điện xẹt trước mắt. Thì gã chính trị viên, cậu biết gã này máu và khùng lắm, y như rằng...gã cáu tiết ra lệnh tiêu diệt hết những tù binh và thương binh còn lại. Tiếng súng nổ đi đạch ròi rạc trong khoảng không, tiếng lưỡi lê, mã tấu đâm, chém từng nhát vào da thịt người, tiếng rên la thảm thiết, vang dội cả một góc rừng. Một lát sau, đất trời trở lại ắng lặng và đầy thê lương ảm đạm, chỉ có tiếng rì rào của những đám cỏ lau và cứ theo cậu đoán chừng thì không một ai sống sót. Tuyệt nhiên không còn một ai.

Chiến trường im tiếng súng... Vì tò mò cậu khập khiễng đến gần xác anh lính có con lợn. Anh ta chết nằm sấp, mặt úp xuống mớ lá rừng, hai tay vươn lên ôm mặt đất như bầu vú. Ánh nắng xế trưa xuyên qua tàng cây những tia nắng dài. Một vết nắng ánh lên vết thương bị mã tấu chém dài loằng ngoằng, máu đông lại nổi cộm như con giun đất. Một vết nắng khác chiếu vào mặt kính cái đồng hồ. Cậu như hoa mắt, đầu óc cậu rỗng rảnh thế nào ấy, chả hiểu nghĩ sao, cậu cúi xuống tháo nó ra kín đáo bỏ vào túi.

Chẳng nói cháu cũng hiểu dùm cậu là cái khó nó bó cái khôn, sống trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn mọi thứ ở miền Bắc nên cái gì của ngoại cũng thèm thường. Thêm nữa với đồng hồ chỉ cấp K trường trở lên mới có. Vì vậy trước khi nhét vào túi quần, cậu lén nhìn đồng hồ ghi thương hiệu Seiko và đập vào mắt cậu cái cửa sổ của đồng hồ...

Cậu nhớ rõ mòn hôm ấy là ngày 17.

Cậu lại khập khiễng tới gốc cây xem vết thương nhẹ ở chân. Chả dầu gì, đây là lần đầu tiên cậu dự kiến chiến trận mới biết thế nào là bắn giết nhau. Cậu không thể hình dung chiến tranh khốc liệt và tàn bạo đến như vậy. Ngồi thừ ra một mình, cậu đâm ra nghĩ quần và cứ ân hận mãi nếu mà... Nếu mà cậu nói với gã chính trị viên một vài tiếng thì anh lính ấy đã không chết. Dầu gì cậu cũng ở một tổ với gã, cậu biết gã thích cậu vì cậu có văn hóa, làm thơ, làm báo. Và cậu tự anh ủi anh lính ấy chết vì văn số. Vậy

thôi. Đang nghĩ ngợi thế đấy, thế mà có anh bộ đội lớn tiếng hát nghêu ngao: *Anh ở miền Bắc, nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt....Anh vào đây...*

Sau tuần an dưỡng ở Nghệ An, cậu xuất viện được phục viên. Về quê ăn không ngồi rồi vì làm gì có việc đóng ra, đóng vào, đầu óc cứ mụ mị đi. Ngày ngày cậu đạp xe nhè nhằng, loanh quanh trong làng, nhắm khi cậu lỉnh đĩnh lên Nam Định vừa thăm cái Gái, vừa theo dõi tin tức chiến trường trong Nam. Sau trận Buôn Mê Thuột, lính cơ động phòng thủ làm một áp-phích lớn vẽ bản đồ những tỉnh miền Nam ngay công ra vào. Mỗi khi được tin giải phóng thêm tỉnh nào lập tức được ghim một lá cờ đỏ sao vàng. Cháu không hay đấy chứ, chứ trưa cái ngày ba mươi tháng bốn...cái Gái, con bác Cả hay leo cây hái ôi, hái nhãn với cậu cháu mình ấy mà. Nó kể đang phòng thủ ở khẩu đội phòng không bảo vệ Nam Định nghe tiếng loa qua đài: "Bộ đội ta vào tới Sài Gòn rồi...".

Vậy là ngày ba mươi tháng bốn đất nước mình thống nhất. Cậu quýnh quáng vui mừng khôn tả vì sẽ gặp lại những người thân sau bao năm xa cách. Gần cuối năm bác Cả động viên cậu vào Nam tìm gia đình cháu càng sớm càng hay vì nghe nói bố mẹ cháu đang hoàn cảnh lắm. Chuyện này chẳng qua nghe đài phát sóng thông tin miền Nam đang đói kém. Bác Cả nghe sốt cả ruột gan, lúc này cũng phải nhúc nhắc thôi, chứ bố mẹ cháu sống bữa đói bữa no

như thế bao giờ mới mọc mũi sủi tăm lên được. Bác Cả tính toán thế cũng phải. Thế là cậu và mợ sáng sái đi thăm gia đình cháu xem kinh tế khó khăn thế nào. Vì cậu đã kinh qua ở miền Bắc nên vào giúp bố mẹ cháu ắt cũng khá hơn. Nói thì nói vậy nhưng trong túi cậu chẳng có xu-teng nào nên phải bán cái xe đạp cà tàng vẫn chưa đủ, vì vậy bác Cả đưa thêm ít tiền dần túi. Còn cái Gái lo phần dấm dúi cho bố mẹ cháu một tay nải gạo, ký đường cát, chõng bát sành để làm quà.

Nhờ quan hệ với ông K trưởng cũ, người mà lúc trước kia thích món mắm cáy của bà ngoại ấy mà, cậu được ông ta gửi quá giang xe tải Molotova. Xe qua cầu Hiền Lương, đường sá bị bóc từng tảng, nhà cửa, chợ búa tan hoang, còn lại chỉ là vết tích của chiến tranh. Miền Trung như vậy thì miền Nam chắc chắn khốn khổ hơn nhiều vì chiến tranh do đế quốc Mỹ để lại. Trên đường cậu thấy nhiều cán binh đi B dài nay ngược về Bắc với nước da sốt rết bọt bọt, áo quần bèo nhèo. Trên ba lô, khung xe đạp vắt vẻo linh kinh búp bê tóc vàng tóc nâu, tay còn tay mất. Tất cả chỉ có thế, những thứ quá nghèo nàn, trông vừa thương vừa tội. Nhưng ngay chính bản thân cậu, cậu cũng muốn có nhăm thứ như vậy, nhưng ước gì lành lặn hơn, để làm quà cho đám con của cháu, cho mấy đứa con của thằng Ân.

Vào đến Nha Trang, cậu nỏ mắt ra nhìn đường phố, xe cộ nhan nhản như mắc cửi trong buổi tan

tầm. Theo cậu hơn hẳn Hà Nội nhiều, nói gì đến Sài Gòn Hòn Ngọc Viễn Đông mà cậu chỉ biết qua sách vở khi còn đi học. Bây giờ cậu mới mở mắt ra, cứ nghe họ tuyên truyền thì cứ đồ thóc giống ra mà ăn. Chỉ quấy quả một nhẽ là độ rày cậu không được khỏe cho mấy, lại bị thương thành tật ở chân nên đi đường cứ hộc ra, phải nằm lại đây, tính thư giãn nhấm bữa rồi xuôi Nam. Bất ngờ gặp đồng hương đồng khối là chú Tuất, chú tá điền nhà ta hồi trước, nay chú ấy là cán bộ công quản nhà nước cũng vừa từ Sài Gòn ra công tác. Vui đâu chưa thấy đã thấy chuyện buồn, số là nghe lồm bồm chú ấy thông tin gia cảnh của thằng Ân làm cậu buồn quá. Cái vui không cõng nổi cái buồn, nên lòng dạ chẳng thiết tha gì đến chuyện vào Sài Gòn nữa. Cậu và mẹ nhất trí ở lại. Chồng bát đĩa với những xót xa đành vất xó, tâm trạng của cậu là cái tâm trạng đường đi không đến. Cậu dặn dò chú ấy đừng cho ai trong gia đình mình biết, xem như không gặp cậu ở đây. Không nói cháu cũng hay, chú Tuất là người thuần hậu ít thấy, trong thời buổi bao cấp, đại gia đình ta gượng dậy được là cũng nhờ tay chú ấy.

Năm 1988, chú Tuất điện cho hay mẹ cháu hấp hối, cậu một mình vào Sài Gòn. Cậu có nhiều chuyện đi vội vã, nhưng chưa lần nào với những nỗi canh cánh bên lòng như lần này. Y như có linh tính từ trước, cậu đến nơi không còn kịp nữa. Chả dẫu gì cháu vì những ngổn ngang trăm bề chẳng dám thổ lộ với ai. Vì vậy cậu cứ chịu trận ngòì thì lì một chỗ ở

cái quán nước trước cửa nhà bố mẹ cháu, với những canh cánh bên lòng bấy lâu nay từ ngày gặp chú Tuất ở Nha Trang năm nào với chuyện sống để bụng chết mang theo...Cứ vậy với dằng co níu kéo, nửa muốn nửa không, để rồi cậu không có can đảm, không dám vào nhà để bái tạ, để gặp chị mình lần cuối...Sau đó cậu nhờ chú Tuất chạy đi mua ít hoa quả nhang đèn và kín đáo thay mặt cậu viếng mẹ cháu.

Từ quán nước đối diện nhà cháu nhìn qua bên kia đường. Cậu cố gắng nhìn qua nhang đèn hương khói nhưng vẫn không thấy rõ khung hình mẹ cháu đặt trên cỗ áo quan ngay giữa nhà. Mà chỉ thấy thầy bố cháu và cháu đi đi lại lại tiếp khách. Và cậu cứ tư duy mãi với vật đổi sao rời, người mất người còn. Người mất như mẹ cháu như cái phúc cái phần, người còn lại cũng đã có nhiều thay đổi về hình hài, như với cháu thực tình cậu nhận không ra, ba mươi tư năm rồi chứ ít ỏi gì. Cậu bắt gặp mấy thằng con cháu đeo khăn vàng, mặt mày ngơ ngác, hình như cũng trạc tuổi với mấy cậu cháu mình ngày nào ở Ân Phú. Cậu lại bồi hồi đến sự tàn bạo, thương yêu chăm sóc của mẹ cháu với cậu. Cậu cũng không quên chính sự dữ đòn của mẹ cháu với cậu hồi nhỏ, như lười học để bị ăn thước kẻ vào lòng bàn tay, mà nay cậu đã nên người. Với mẹ cháu, ngay cả cho đến lúc ấy, ngồi ở quán bên này đường, trong đục đầy voi với âm dương cách trở, lúc nào cậu cũng là thằng em bé bỏng và nhút nhát của chị mình.

Đến quá chiều chú Tuất dẫn cậu đi ăn gần đây. Cậu cầm củi và cơm như trâu cày liếm mạ. Tự dung, những ý nghĩ mơ hồ hiện về từ trong cậu...cậu chỉ mong qua cơn mưa lúc khoan lúc nhặt. Mà lúc này thì trời oi bức quá, cái quạt con cóc của quán xá kêu “cồng cọc...cồng cọc...”. Từ cơn mưa tưởng tượng trong cậu lúc ào ào như trời đổ mưa rào đây đưa qua một hình ảnh khác. Tất cả thấy chông chéo, lộn xộn trong cậu trộn lẫn với con lợn và sợi giây thừng. Tối về ngồi lại chỗ cũ. Bên kia đường, văng vẳng tiếng tụng kinh gõ mõ từ cái máy hát vọng qua bên này, lòng cậu chùng xuống, cậu muốn bước qua bên kia đường. Nhưng sau đó, tiếng phồng bát âm dứt quãng như cản cậu lại, cậu nghe tiếng kèn như tiếng con tò he nghe rền rĩ mà mẹ cháu mua cho cậu ở chợ Viềng trong ngày giáp Tết. Khuya, cậu tới nhà chú Tuất ngủ qua đêm.

Mười giờ sáng hôm sau ngồi nấp sau xe Honda của chú ấy để đưa mẹ cháu ra nghĩa trang. Một mình tựa dưới gốc cây tự đằng xa, cậu vẫn vợ ước vọng một ngày nào đó, mặc dù cậu tự biết chẳng bao giờ thành tựu. Là cái lúc cả hai có tuổi, cậu cháu mình sẽ đưa mẹ cháu và thằng Ân về nghĩa trang Cánh Phượng để gần ông bà. Để cậu cháu mình có dịp sống lại một khoảng thời gian nào đấy những ngày tháng xưa cũ ở Ân Phú.

Cứ lần thân vậy mãi, cho đến quá trưa mọi người về hết. Cậu nhờ chú Tuất đi tìm mộ thằng Ân, thằng anh cháu đang nằm ở đâu đây. Trong khi đợi chú Tuất, cậu ngồi xuống gốc cây. Dáng dấp cây cỏ,

những tia nắng trưa xuyên qua tàng cây những vệt dài. Tất cả như có gì quen thuộc của quá vãng đầy đura, đura đầy. Cậu bàng hoàng nhìn cái đồng hồ Seiko đeo ở cổ tay mà cậu đã lấy được từ anh lính dốt con lợn bằng cái giầy thừng. Cậu chẳng nhìn cái cửa sổ xem ngày, vệt nắng sẽ trưa của ngày nào năm ấy như còn đọng trên mặt kính óng ánh...Nhắc cậu nhớ rõ mòn hôm ấy là ngày 17.

Cậu đã đến một nơi muốn đến, nhưng đường đi không đến. Đến đây cậu nghĩ cháu đã đoán chừng ra một phần nào câu chuyện qua cái thư này. Vì cậu đã gặp lại thằng Ân một lần. Một lần duy nhất và không bao giờ gặp lại nữa ở cánh rừng Đồng Lâm:

Ngày 17 tháng 11 năm 1974.

Cậu,
(ký tên)

Nắng đã tắt từ hồi nào, điều thuốc đã tàn lụi từ lâu...Những Nam Định, những Hà Nội, những Sài Gòn đang theo ông anh vợ trên đường về nhà. Người viết cũng vào nhà quay quả cùng ngày trời tháng Bụt, ngồi xuống bàn gõ qua mõ sớm sương chiều, như một thói quen một ngày như mọi ngày là bật cái máy hát. Qua những giây phút bất chợt lắng đọng của cảm hoài, cảm tác trải dài qua chữ nghĩa, rồi bài viết cũng xong. Nhìn cái thư của ông cậu vợ vẫn còn đấy, dòng nhạc *Tôi sẽ đi thăm* của người làm nhạc

họ Trịnh vẫn vắng vắng còn kia...Thêm một lần, người viết đành vay mượn âm hưởng một thời, một thưở để kết từ cho bài viết này...

“...Khi đất nước tôi không còn chiến tranh, tôi sẽ đi thăm, tôi sẽ đi thăm bạn bè dăm đứa còn xanh nám mồ. Khi đất nước tôi không còn giết nhau, trẻ con đi hát đồng dao ngoài đường. Khi đất nước tôi thanh bình, tôi sẽ đi không ngừng, Sài Gòn ra Trung, Hà Nội vô Nam, tôi đi chung cuộc mừng và mong sẽ quên chuyện non nước mình...”.

Trúc gia trang
Bính Tuất 2006

Nguồn:

Người viết ăn mày chữ nghĩa đắp chỗ này một đoạn, chỗ kia một khúc từ mọi, hai tác giả nhưng người viết vô tình đã không lưu lại danh tính...

Quan san

Một ngày bạn ghé nhà tử lạc vong bản. Khi không bạn lỉnh đến nhè thiên cổ chi mê tôi hỏi trống đồng từ lỗ nẻ nào chui lên? Bạn láp ngáp với hoa văn trên trống đồng có một người thổi khèn, hai người giã gạo là lý sự gì? Giã gạo “ục...ục...” ư? Thôi thì hãy cạn hồ trường cái đã, rồi với thiên lý cô ly, quan san cách trở, bạn và thiên cổ chi mê tôi chống cây gậy chống trời đi tìm cái trống đồng nào đó gõ lên nhằm tiếng xem sao, thưa bạn đọc.

Thời kỳ trước 1975

Năm 1924, trống đồng Đông Sơn (1) được tìm thấy tại sông Mã, trống đồng Hoà Bình (2) bên bờ sông Đáy. Tiếp đến là trống đồng Ngọc Lũ (3) đào

được ỡ bờ đê được xem là cổ nhất. Nhưng đẹp phải nói đến trống đồng Moulié (4) tìm được ở sông Đà. Năm 1937 trống đồng Hoàng Hạ (5) được mò lên ở dưới nương. Và còn nhiều nơi khác nữa về sau này như ở Bắc Ninh, Nam Định, Hải Dương, Nghệ An...Đến tao đoạn này thiên cổ chi tôi bờ mê bên lú là: Bởi gần như hầu hết trống đồng được tìm thấy ở bờ sông, bên bãi. Bắt qua ông Viễn Đông Bác Cổ thác loạn ngôn ngữ trống đồng như cái nồi úp sập, hoặc như cái chậu nên tôi nghĩ đại các cụ ta xưa dùng nó để vo gạo hay múc nước rồi lờ...để quên ở đấy.

Nhưng người Thăng Long văn vật không om thòm vậy, vì họ nhìn trống đồng qua một lăng kính khác. Vì trong cuộc khai quật một ngôi mộ cổ ở Đông Sơn, trong đó có nhiều tùy táng bằng đồng, còn có gươm đao, gương đồng thời Vương Mãng nhà Hán. Dựa theo *Mã Viện chinh Giao Chỉ* đuổi theo tàn quân của Hai Bà tới *quận Cửu Chân*. Nên họ “bản lai diện mục” là trống đồng...*Hai Bà Trưng* bởi trong mộ chí có... gương soi của Hai Bà. Với đồng thau lẫn lộn, từng ấy nhiều chuyện đã rối loạn tiền đình rồi, nhiều sự hơn nữa với chủng tộc “Giao Chỉ”. Vì vấp phải cái nạn chủng tộc và địa danh, nên thiên cổ chi mê tôi xin tung tóe với bạn đọc rằng muốn tìm về cội nguồn tộc Việt phải vật lộn với ba luận cứ khác nhau. Bởi từ lâu sử ta bén rễ sử Tàu cho rằng tộc Việt từ Động Đình Hồ, tay bồng tay bế gồng gánh nhau xuống đồng bằng Bắc Việt. Sau thêm nhà bác vật Vương Hồng Sển, nhà văn Sơn

Nam, nhà biên khảo Bình Nguyên Lộc. Họ dựa vào viện Viễn Đông Bác Cổ thì người Việt ta từ Nam Dương, Mã Lai lóp ngóp chèo thuyền tới tận Ốc Eo, Cà Mau. Nay có thêm thuyết mới qua những nhà sử học, nhà khảo cổ người Tây phương thì tộc Việt từ...*Phi Châu đi bộ tới tận vùng châu thổ sông Hồng.* nên chả biết đâu mà lần, thừa bạn.

Sông có khúc người có lúc, thôi thì hãy ăn mày cửa Phật với các cụ ta trước đã.

Qua dẫn chứng của các cụ, dựa vào tập cổ thư *Bách Việt Tiên Hiền Chí* trong bộ *Lĩnh Nam Di Thư* của người Tàu thì Việt tộc nằm trong nhóm Bách. Với nhân văn học, nhóm Lạc Việt và dân Lương Quảng được xem như cùng một huyết thống. Sau này Tư Mã Thiên là sử gia đầu tiên lập ra địa danh các lân bang: Năm 111 TTL, Vũ Đế nhà Hán chia Tượng Quận làm ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. *Giao Chỉ*, thời ấy chỉ bao gồm Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình. *Cửu Chân* có Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh với người Việt Thường. *Nhật Nam* mù mịt đâu đó tí mù ở miền nam với người Chăm.

Tương quan với địa dư, những sắc dân vừa lược qua ở trên cùng những biểu tượng của trống đồng được chia làm hai loại *cấu trúc kỷ hà học* hay *xoáy tròn theo tròn ốc*. Trên mặt trống và tang trống, hoa văn là thần mặt trời, hình người nhảy múa, chèo thuyền, nhà sàn, chim chóc, v...v...Bạn ngúc ngắc dòm tôi? Ủ thì bạn và thiên cổ chi mê tôi hãy theo

chân các cụ ta xưa vào đình chùa miếu mạo, bạn nhìn miếng phù điêu trạm chìm nổi trên cánh cửa. Hay cửa võng chạm khắc biểu tượng nghệ thuật cổ truyền của tranh thờ, hình họa trang trí cho hương ước, sắc phong, sắc chỉ. Ngay cả kiến trúc nghệ thuật cung đình của các vua chúa. Bạn có thấy hoa văn... “kỷ hà học” với... “con chim lạc” nào đâu!



Với tấm ảnh trên đây, vào cái buổi hoang sơ, thiên cổ chi mê tôi có “cảm giác” các bác phó rên ta bí rị với những đường nét tinh xảo, và đầy nghệ thuật tính trên tang trống. Bạn hãy ới các họa sĩ thời danh hôm nay với siêu thực hay ấn tượng để vẽ mặt trống đồng. Tôi chắc như bấp luộc là họ không “hình tượng” ra kỷ hà học là gì? Thưa bạn.

Với nghề rèn, đời Lý thế kỷ 11, dân cả năm làng Châu Mỹ, Đông Mai, Diên Niên, Dao Niên và Long Thượng thuộc Hưng Yên được tập trung về quanh Tây Hồ lập ra phường Ngũ Xá. Họ đúc đỉnh, vạc, tiền, quan dụng, ngự dụng cho triều đình. Vậy mà trong văn học sử không thấy nói đến...trống đồng! Thế mới hay. Hay hơn nữa để thử nghiệm, quản thủ

bảo tàng viện Hà Nội nhờ họ đúc trống đồng Ngọc Lũ. Mặc dù nay với máy móc hiện đại, họ chịu chết không thực hiện được. Với Cửu đỉnh ở cố đô Huế phỏng theo đỉnh nhà Hạ, lò đúc làng Thọ Dục thời Minh Mạng 1837 đúc 3 năm mới xong với họa tiết...cây ngô đồng của Tàu và....súng thần công của Tây. Nhưng điều tôi muốn búi bán với bạn đọc là: Những tác phẩm đỉnh đồng ấy tác giả là...ông João Da Cruz người Bồ Đào Nha. Số là vào thời chúa Hiền 1687, nhà chúa đã ới ông Da Cruz lập xưởng đúc súng ở Phường Đúc, Quảng Bình.

Sáng nắng chiều mưa với những nhà làm văn học tìm về nguồn gốc tộc Việt với chữ “lạc”. Ngoài là lúa nước, còn có nghĩa là con chim. Giống chim này chỉ bên Tàu mới có, chả ai biết là giống giuộc gì? Trong văn đàn bảo giám Thăng Long nghìn năm văn vật, họ ngờ rằng nó chân cao, mỏ dài, vì vậy mới có chuyện chim lạc là...*chim hạc* rõ ràng trên trống đồng. Ông Đào Duy Anh, khoa trưởng Sử học Đại học Hà Nội, vẽ rắn thêm chân: “Nhu thể thì chữ Lạc chính là tên vật tổ, tức chim totem hay chim hậu điều miền Giang Nam đã thấy trên trống đồng Ngọc Lũ”. Người Trần Gia Phụng, sử gia miền Nam...bay theo phóng bút: “Nếu biết là chim lạc là chim gì thì các ông đã không cãi nhau. Nếu không biết chim lạc là chim gì thì làm sao các ông biết rằng hình trên trống đồng Lạc Việt là...con chim lạc”.

Sau 75, cuộc khai quật trải rộng xuống miền Nam, trông đồng được tìm thấy ở Long Khánh, Biên Hoà, Châu Đốc... và địa điểm tận cùng là Ốc Eo trước kia thuộc đế quốc Phù Nam gắn liền với chủng tộc Indonesien. Để thêm có thuyết nguồn gốc tộc Việt từ Nam Dương di dân lên. Đường không số phố không tên, bạn và tôi hãy đảo về Sài Gòn vào thập niên 70 lần la làm quen với Bình Nguyên Lộc. Năm 1964 tại Sài Gòn có cuốn *Les Peuples la péninsule Indochinoise Histoire et Civilisation* của G. Coedès. Năm 1971, Bình Nguyên Lộc dựa vào đây để viết *Nguồn Gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*. Theo tác giả G. Coedès: Cách đây 5.000 năm, có “một sắc dân không biết từ đâu đến”, kéo tới Nam Dương. Rồi ngược lên hướng bắc. Với thuyết trên, theo các nhà khảo cổ những đồ đồng được tìm thấy từ Nam Dương lên tới Vân Nam. Dùng Carbon-14 để định tuổi, họ đã khám phá ra những đồ đồng và những chiếc rìu được đúc bằng khuôn kếp sa thạch, tuổi từ 2.300 năm đến 3.000 năm. Theo thứ tự thời gian nằm dưới lòng đất, 3.000 năm thuộc sắc dân Nam Dương, 2.500 năm thuộc sắc dân Mã Lai và 2.300 năm ở Cao Miên, Thái Lan và Việt Nam.

Thời kỳ sau 1975

“Tiếp cận” với “Văn Hòa Hòa Bình” với “Văn Minh Đông Sơn”, ắt hẳn bạn đang láo quáo với hai cụm từ hục hặc với nhau này, tôi cũng chẳng hay hóm hơn gì bạn bởi chúng phải giăng phải gió gì

đâu, họ cứ sàng chữ ra câu văn hóa Hóa Bình qua văn minh Đông Sơn, rồi sàng câu ra chữ từ văn hóa Đông Sơn tới văn minh Hòa Bình. Thảng như người trong nước tìm ra trống đồng ở Kontum, Pleiku trước...năm 54. Thì chém chết với bạn, họ chả đại dột gì gọi là ”văn hóa Kontum”, hay “Văn minh Pleiku” của...người dân tộc. Vì vậy bụng dạ tôi cứ chộn rộn chả chịu hiểu gì sất!. Hay là tôi cũng “hoi bị...thiếu văn hóa” thật cũng nên.

Thế nên góp nhặt qua sách vở với “Văn Hóa Hòa Bình”, tức *niên đại đồ đá* được chính thức đưa ra vào ngày 30-1-1932 qua Madeleine Cobanie của viện Viễn Đông Bác Cổ, khi tìm thấy những vật dụng bằng đá như lưỡi rìu ở Thảm Khuyên nên mới có Hóa Bình I (*hay Hòa Bình sớm*) với niên đại là 32.000 năm. Tiếp đến là tìm thấy rìu đá hình chữ nhật ở Xóm Trại để có Hòa Bình II (*hay Hòa Bình chính thống*) cùng niên kỷ 18.000 năm. Cuối cùng rìu có tay cầm, lưỡi đá hình thang mài vệt sắc ở cả hai mặt như rìu sắt ngày nay ở Thảm Hoi để có tên gọi là Hòa Bình III (*hay Hòa Bình muộn*) với số tuổi là 11.000 năm.

Bạn quái ngại nom ròm tôi? Ủ thì *Văn Hóa Hòa Bình*, thuộc niên đại đồ đá mà họ...đồ đồng sang niên đại đồ sắt để làm trống đồng. Ấy là chưa kể văn hóa Đông Sơn, văn hóa Hòa Bình, ăn mắm ngấm về sau do người Tây đặt tên. Qua tập khảo luận năm 1975, Dr W.G.Solheim viết: “Trên một mảnh sành vòng khoảng 1 phân thấy dấu vết của một hạt thóc.

Dùng carbon định tuổi hạt thóc và mảnh sành khoảng 3500 trước Tây lịch, hơn Tàu và Ấn Độ cả nghìn năm”. Vì vậy văn hóa Hòa Bình được ông Đoàn Thêm, cách rạch trong *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*: “Trung tâm đầu tiên trên thế giới của nền văn minh lúa nước là Đông Nam Á, chính là khu vực Hòa Bình ở Bắc Việt. Từ đó lan đi khắp thế giới, qua tận Phi Luật Tân, Nhật Bản”. Khổ nổi vùng đất Hoà Bình xưa kia của Lão Qua, tức Ai Lao. Trở lại với trống đồng Đông Sơn, Thanh Hóa của người Việt Thường, năm 890 bị Chiêm Thành xóa sổ trên bản đồ, đời Lý Nhân Tông 1103 mới sát nhập vào sổ bộ nước ta.

Thế là được thể tôi lui đui với người viết sử Nguyễn Lý Tường:

(...) Điều đó cho chúng ta biết được trên mảnh đất chúng ta đang ở, từ xưa đã có nhiều giống người làm chủ mà giống người Việt lại là giống người xuất hiện sau cùng. Những trống mới tìm được ở Thanh Hóa, Hòa Bình và cả những nơi mà cả gần một ngàn năm trước đây, không thuộc về tổ tiên chúng ta mà thuộc về một chủng tộc nào khác tùy theo địa giới. Chúng ta cũng thừa biết rằng người Việt chỉ dùng trống làm bằng gỗ, bịt da thú mà thôi nên đã nói lên rằng chúng ta không phải là chủ nhân của những chiếc trống đồng. (...)

Thấy bạn đang cú rằng có vợ rằng không với cái trống đồng là “của người phúc ta”, rất ngay tình lúc này tôi đang bơ bãi về nguồn gốc của một dân tộc

qua máy vi tính, với những tài liệu của các nhà khảo cổ học, ngôn ngữ học, nhân chủng học, hải dương học, sinh vật học, huyết thống di truyền học DNA và ADN. Nhất là môn tiền sử học, dựa trên khai quật, đào sới các di tích tiền sử các di vật như xương sấu. Vì vậy một nhà sử học đã viết:

“Trong những giai đoạn lịch sử của nước nhà, thời cổ sử là thời ít được nghiên cứu hơn nên thời gian này u ám nhất. Nếu không đào sới, người đọc khó mà thấy sự thực huy hoàng và đẹp đẽ của buổi hùng đông”.

Với buổi hùng đông qua Bình Nguyên Lộc như thế như thế này đây...

(...) Những khai quật ở Đông Sơn, quả có rọi ánh sáng vào buổi bình minh của dân tộc ta thật đỏ. Nhưng đó là một thứ ánh sáng mờ ảo, không cho rõ cho lắm, lại còn làm bối rối thêm. Cần phải nhiều năm nữa, chứ *không nên vội vàng nhận người Đông Sơn là tổ tiên của ta, hoặc chối phăng họ là tổ tiên của ta*. Phủ nhận hay nhìn nhận đều phản khoa học cả, nếu ta chỉ bằng lòng với những công trình nghiên cứu của những ông V. Gouloubew, O. Jansé v.v..., họ chỉ làm việc một giai đoạn thôi, chưa xong gì cả. (...)

Từ Bình Nguyên Lộc với “ông O. Jansé chỉ mới làm việc có một giai đoạn thôi, chưa xong gì cả”. Và không xong thật, bởi qua Tiến sĩ Trần Văn Đại ở trong nước: “Trống đồng Đông Sơn được người Pháp tìm thấy, sau đó công trình khảo cứu được nổi

tiếp bởi học giả Thụy Điển O. Jansé.”. Sau đấy ông chấm một cái. Là chấm hết. Tạm hiểu là ông tiến sĩ đây “ăn gian” để ông cố nội tôi cũng chả hiểu quái gì sất cả. Phải đợi sử gia Lê Mạnh Hùng rì mọ:

(...) Nhà nghiên cứu đầu tiên về nền văn hóa này là O Jansé cho rằng vì trang trí trên trống đồng Đông Sơn là hình những chiếc thuyền với những chiếc chèo, và hình những con chim biển có quan hệ mật thiết với biển và vì vậy có thể họ xuất phát từ biển vào. (...)

Từ biển vào..., buồn ngủ gập chiếu manh, tôi quơ cào ngay được Dr. J.Y Chu cùng thuyết cội nguồn tộc Việt từ mãi tận bên...Phi Châu. Nhưng trước khi gãi ngứa Dr Chu, bạn và tôi hãy ngừng bước chân luân lạc ghé quần đảo Andaman trong Ấn Độ Dương cận Mã Lai mà những hậu duệ của tổ tiên nhân loại, từ Phi Châu sang Á Châu có lẽ còn sống sót...

Nhà khảo cứu Erika Hagenberg thuộc đại học Cambrige và Carlos Lalueza thuộc đại học Barcelone-Tây Ban Nha sau khi lấy những sợi tóc của 42 thổ dân thử nghiệm ADN (acid desoxyribo nucléique) và hai ông đã khám phá ra trong nhân tố ADN của người Phi Châu da sạm tóc xoắn nơi đảo Aadamán còn sót lại, có những đặc tính của người tiền sử Sapiens (*người có trí khôn*). Phòng chừng một nghìn thế kỷ trước có một tập thể khoảng vài nghìn người Sapiens đã rời bỏ lục địa Phi Châu và vùng Cận Đông và chia làm hai nhóm. Nhóm thứ

nhất đi về hướng Âu Châu, ngược lên khu rừng hoang giá ở tận Tây Bá Lợi Á. Nhóm thứ hai tới Ấn Độ, Úc Châu, Trung Hoa. Trong cuộc di dân liên lục địa ấy, người Sapiens gặp người cổ cựa Homo Erectus (*hay lập nhân tức người đứng thẳng*) sinh sống ở Âu Châu và vùng Cận Đông. Giống người Sapiens bị đồng hóa bởi “người đứng thẳng” cổ cựa tới sau. “Người đứng thẳng” vì sinh tồn, họ đã làm nhà sàn, trồng lúa, thuần hóa lợn rừng thành lợn nhà và ngay cả chế biến vỏ cây làm quần áo... Và “người có trí khôn” đã biến mất khỏi trên địa cầu khoảng 6.000 tới 10.000 năm trước Tây lịch.

Tiếp đến, ba tác giả Charles O.Hucker, W.G.Solheim II, Dr B.Su đều chung một quan điểm: *Người Việt đã có mặt từ trước ở đồng bằng sông Hồng và cũng đã có mặt trên đất Trung Hoa dưới sông Dương Tử...* Nhưng phải đợi đến Dr Chu trong *The National Academy of Sciences* (USA 1998), bằng vào di truyền học DNA, ông đã chứng minh được con người cận đại (*sapiens*) ở vùng Đông Nam Á khởi nguồn từ Đông Phi Châu, khoảng 150.000 năm trước, lúc này các lục địa chưa tách rời. Họ đã đi vòng từ phía nam đến quần đảo Nam Dương rồi qua bắc Úc, khoảng 90.000 năm. Sau họ đi ngược lên vùng Đông Nam Á và *tụ lại ở miền đồng bằng Bắc Việt*, khoảng 50.000 năm. Rồi *nhóm người tiền sử này đã đi lên hướng bắc vào lục địa Trung Hoa*, khoảng 35.000 năm.

Trước đó 10 năm, Dr. Stephen Oppenheimer (London 1988) trong *The Drowned Continent of South East Asia*, qua các nhà hải dương học cho biết thêm: Khi người Phi Châu đặt chân đến Đông Nam Á, vùng này nằm trong thời kỳ biển thoái. Mực biển thấp đến 130 thước, người ta có thể đi bộ đến các hòn đảo ngoài khơi, đến tận Úc Châu. Đất liền từ Việt Nam kéo dài tới đảo Hải Nam và ông gọi vùng đồng bằng Bắc Việt là lục địa NamHailand.

Theo ông người Việt cổ di cư lên phía bắc vào đất Trung Hoa làm 2 đợt:

- Đợt thứ nhất, khoảng 40.000 năm, sau khi xảy ra đợt biến di truyền ở Đông Nam Á nói chung, ở miền bắc Việt Nam nói riêng, từ hắc chủng (*da đen, tóc xoắn*) trở thành hoàng chủng (*da vàng, tóc đen*).

- Đợt thứ hai, khoảng 8.000 năm, toàn bộ đồng bằng Bắc Việt đã bị nhận chìm dưới nước. Người Việt ở vùng đồng bằng sông Hồng lại phải di dân lên phía bắc Trung Hoa một lần nữa để tránh nạn lụt bằng hai ngã: Ngã tây bắc Vân Nam, Tứ Xuyên và ngã đông bắc Quảng Đông, Quảng Tây.

Đột dung bạn gọt gọt về cội nguồn tộc Việt, thuyết nào quả quả được đây.

Vì chúng chả muốn gốc gác mình từ Phi Châu, lại hóa đen thành vàng, nhưng tôi nghiêng về Dr Stephen. Vì ông vén mở được một phần nào những khuyết sử như người Việt ta có mặt ở Động Đình Hồ với sử Tàu. Hoặc giả như từ Nam Dương di dân lên qua Bình Nguyên Lộc với viện Viễn Đông Bác Cổ,

vì mấy ông Tây ngừng chân ở nơi này và không đi được xa hơn. Nếu bạn muốn đi xa hơn nữa với Stephen: Ông nghiên cứu về nhân chủng học khắp nơi (kể cả Việt Nam). Năm 1980, ông qua làm việc ở New Guinea, đảo phía bắc Úc Châu và đề ý các nhóm dân New Guinea có những bộ lạc nói tiếng khác nhau, nhưng *nếu có cùng chuyện cổ tích truyền khẩu thì có cùng di tổ về tiền sử, ngôn ngữ, tập quán...*

Dựa vào đây, theo nhà biên khảo Nguyễn Quang Trọng thì văn hóa người Việt khá giống văn hoá Nam Đảo (New Guinea). Yếu tố Nam Đảo trong phong tục người Việt gồm tục xăm mình, ăn trầu, và gồm cả những chuyện cổ tích gốc Nam Đảo như chuyện Trầu Cau nói về hai anh em cùng yêu một cô gái tương tự như tích hai anh em Kulabob và Manup. Theo ông, chuyện tích này nhiều tình tiết như ta, ở vùng đảo ấy người ta kể cả ngày: *Thỉnh thoảng phải ngưng kể để... ăn trầu*. Manup là anh, Kulabob là em đã nghĩ ra thuật xăm mình.

Từ “sự cố” này, một nhà văn hóa trong nước bèn hăm hụi:

(...) Sau khi Mã Viện đánh bại Hai Bà Trưng, một bộ phận người Việt đã lên thuyền ra khơi và dạt vào Eo biển Malacca nhờ gió mùa Đông Bắc. Tiếp đó, họ định cư tại khu vực phía Tây đảo Sumatra (Indonesia) và trở thành dân tộc Minangkabau ngày nay. Các nhà nghiên cứu ở Indonesia (sic) cũng tán thành giả thuyết người Minangkabau đến từ Việt Nam. Tộc người này theo chế độ thị tộc mẫu hệ

giống như người Việt cổ. Người nữ giữ quyền thừa kế trong thị tộc gọi là Turun Cicik, em gái của Turun Cicik nằm trong hàng thừa kế thứ hai là Turun Nyi. Hai danh xưng này rất giống tên của hai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị. Kiến trúc truyền thống Minangkabau có đường nét giống với nhà sàn hình thuyền trên trống đồng Đông Sơn, được gọi là Rumah Gadang. Cư dân Minangkabau cũng có tục ăn trầu nhuộm răng cùng nhiều nét văn hóa khác gần gũi với người Việt ngày nay. (...)

Từ châu Á đến châu Mỹ, quan san vạn lý với đường mưa ướt đất là đây:

- Tháng 9 năm 2004, Dr Silvia Gonzaler thuộc trường đại học Liverpool John Moores, Luân Đôn, sau khi nghiên cứu một số xương sọ cổ đại, vừa được tìm thấy ở Mexico. Giải đất này dưới miền nam California, có độ tuổi 12.700 năm, hình dáng dài và hẹp, rất khác với các xương sọ ngắn và tròn của người da đỏ địa phương. Bà tuyên bố trong buổi họp của Hiệp Hội Nhân chủng Học Anh Quốc tại Exeter. Nguyên văn không sai một chữ:

- Chúng tôi lấy DNA và kết quả sẽ trở thành "Một trái bom".

Bà dẫn giải: "Chúng giống với xương của người Nam Á (Đông Nam Á) vùng nam Thái Bình Dương hơn là người Bắc Á (bắc Mongoloid) như những giả thuyết trước đó. Họ nhập cư qua ngã Nhật và Polynesia, trước cả những thổ dân da đỏ Kennewick mà xương sọ tìm thấy ở tiểu bang Washington, chỉ

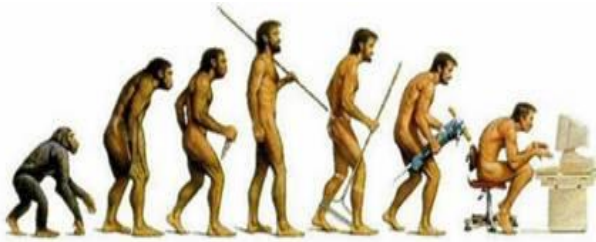
có 9.000 năm”. Điều này phù hợp với các nhà nhân chủng học Tây Ban Nha, năm 2003, họ nghiên cứu về sắc dân Pericue tại bán đảo Baja ở California, sắc dân này hoàn toàn tuyệt chủng vì bệnh dịch từ thế kỷ thứ 18, qua tài liệu để lại của các nhà truyền giáo: *Họ tìm thấy những chứng tích là sắc dân này từ Nam Á tới đây.*

Khám phá mới nhất của bà Silvia Gonzaler phù hợp với ông Stephen Oppenheimer:

Sau khi biến thái di truyền từ hắc chủng qua hoàng chủng, khoảng năm 40.000: *Họ di chuyển lên phía bắc Trung Hoa và đến Mỹ châu qua ngã Nhật và Polynesia.*

Thêm một trái bom nổ chậm nữa. Nhưng lần này từ... Việt Nam.

Năm 1960, lần đầu tiên các nhà khảo cổ VN đã tìm thấy trong hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn) đã tìm thấy một số răng người vượn. Đây là một bằng chứng về sự tồn tại của người vượn (Homo Erectus) trên đất nước ta cách đây khoảng 250.000 năm. Trải qua một thời gian lâu dài, người vượn chuyển biến thành người tinh khôn (Homo Sapiens). Tiếp đến đặc biệt là khu mộ táng Mán Bạc, Ninh Bình ở thời đồ đồng khoảng hơn 2000 năm TCN, trong đó có 30 di cốt của người Australoid và người Mogoloid phương Nam cùng trong một nghĩa địa.



*Người
Mogoloid*

Giáo sư Trần Quốc Vượng, một trong tứ trụ ngành sử và khảo cổ của Hà Nội đã kêu um thiên địa lên: “Các nhà khảo cổ ta vừa phát hiện được nhiều di cốt của những lớp cư dân Da Đen cổ đại 30.000 năm”. Ông ôm những hình người nhảy múa trên trống đồng như lên đồng và đồng thiếp rằng: “Nên nhớ rằng những nền văn hóa trước Đông Sơn và tiền Đông Sơn có sự đóng góp lớn của những lớp di dân Da Đen cổ đại này”. Với bản tin “tu hú đẻ nhờ” trên, một nhà làm văn hóa trong nước hoẵng huyết theo: “Với hình tượng đóng khó chèo thuyền, dòng nhạc dân tộc Nam Ai , Nam Bình ở cung triều Huế, từ nhạc...Jazz mà ra”.

Thêm một linh mục, triết gia qua khảo luận có tên *Tư duy biểu tượng và hệ biểu tượng Đông Sơn...* với luận thuyết: “Bốn con cóc, bốn con chim mỏ dài cùng các hình người nhảy múa chuyển dịch quanh mặt trời biểu tượng cho đông, nam, tây, bắc... và lấp láy những tín hiệu, ẩn chứa nhiều suy tư... và mỗi hình tượng đều có một ẩn ngữ riêng, tiềm tàng một triết thuyết đã bị vùi dập xuống đất đen tự mấy chục nghìn năm”. Ông “chuyển dịch quanh mặt trời” nhưng không nhìn tận mắt thấy trống đồng. Ông nhìn qua hình vẽ của họa viên Nguyễn Xuân Đồng từ năm 1933. Với cóc vào cua ra, tôi lơ mắt nhìn mà chẳng thấy bốn *con cóc* ngồi chồm hồm...”lấp láy những tín hiệu, ẩn chứa nhiều suy tư” đâu cả, thưa bạn!

Thêm nữa sau 75, trống đồng được cho là hình tượng (totem) của một dân tộc, như một điều kỵ húy (taboo) để có một nhà biên khảo lão thành ở ngoài nước đã hờn mát: *Phủ nhận trống đồng là có tội với tổ tiên*. Vì: *Trống đồng có từ thời Hồng Bàng*. Thiên biên cổ sự trống đồng với họ Hồng Bàng và vua Hùng ấy là chuyện hậu sự, thưa bạn đọc.

Quay quả trở lại với những tác giả Tây phương trên... Tôi mừng tượng lộ trình trống đồng khả dĩ có thể chấp nhận được là dòng thác di dân từ Địa Trung Hải tới Nam Dương, qua cửa ngõ Óc Eo. Những chiếc trống đồng như những bước chim di, rơi rớt rải rác khắp nẻo đường đất nước, Hà Tiên, Biên Hòa, trèo đèo lội suối lên tận Pleiku, Kontum.

Hoặc giả họ từ vùng Cận Đông đi về phía đông, ngừng chân lại ở Thanh Hóa. Nhưng có một khúc mắc là, trong đôi giày có một viên sạn nhỏ, lẩn cẩn và khó chịu: Không lẽ, họ đi đâu cũng vác chiếc trống đồng theo. BẠN lại mất lỗ đáo dòm tôi? Ủ thì khi các nhà làm văn hóa trong nước xum xoe với cái trống đồng, với đũa có đôi nồi có rế, họ quên bếng đi cái lò và cái khuôn. Cái lò đúc có thể bị chôn vùi theo thời gian để trở về với cát bụi. Nhưng cái khuôn đúc nằm chết dí ở đâu? Tôi mài óc nghĩ không ra! Chuyện là thế đấy vậy đó, thưa bạn.

Thợ rèn có đê, ông nghề có bút thì tôi muốn cái cú cái đập rằng nghề đồng cũng khó nhai lắm. Như cách đây chỉ 177 năm vào thời Minh Mạng với Cửu đỉnh khuôn đúc thời ấy là đất sét trộn trấu và giầy gió ở phần mặt khuôn giáp hiện vật. Vì Cửu Đỉnh phải đúc nguyên khối, do sự phức tạp của các hình trang trí, nên đỉnh cần phải ghép nhiều mảnh khuôn, khi đúc xong phải phá bỏ khuôn để lấy đỉnh ra. Hợp kim đồng phải được pha chế theo đúng tỷ lệ và cần nhiệt độ cao. Thợ đúc phải khuấy đều nước đồng ở mỗi nồi coi cho cạn bã nổi lên và dùng muỗng múc bỏ đi. Sau đó đổ hợp kim đồng đến khi lượng đồng trong các lò đủ đúc một đỉnh. Đất trấu chui ông để đúc mỗi chiếc đỉnh, người ta cần phải có đến 60 lò nấu đồng. Đúc đỉnh thì nồi coi được đập lại bằng vung đất trấu rậm ướt, kiêng đổ vào khuôn đúc. Do đồng chảy khắp khuôn là đồng ngay, nên khi đúc phải đổ liên tục đến khi đầy mỗi đỉnh. Thiên cổ chi

mê tôi đồ là đúc Cửu đỉnh hay trống đồng chả dễ như ăn trứng luộc bởi thời Lê, đúc tiền 10 đồng và 6 đồng (đồng tiền Vạn Lịch?) được đúc từ bèn Tàu và Nhật Bản.



Chưa hết, chuyện là vì thiên cô chi mê tôi không biết cấu trúc trống đồng Đông Sơn có giống như cái trống đồng *hiện đang trưng bày tại bảo tàng viện Serial ở Istambu*, thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ hay chằng. Nhưng bạn chả nỡ cấm tôi...”hoang tưởng” hình tượng bộ cục đường nét cái trống ấy in hệt như “Lịch Ai Cập cổ đại”. Vì người Ai Cập cổ đại đã sử dụng lịch từ hàng ngàn năm trước Công nguyên để biết khi nào lũ lụt trên sông Nile sẽ xảy ra, từ đó có phương thức canh tác phù hợp. Được thể thiên cô chi mê tôi...”*hư cấu*” thêm: Dám trống đồng Đông Sơn là : “Lịch Ai Cập cổ đại” Hay “Lịch của người Maya ở Nam Mỹ” lắm ọ?



Lịch Maya

Nhưng có một chút ánh sáng le lói cuối đường hầm...

Năm 1932, Heine Geldern là nhà nhân chủng học người Áo đã cho xuất bản một tập sách về những nét đại cương vùng Đông Nam Á thời tiền sử. Có thể vì ông là người Áo, chứ không phải người Pháp trong viện Viễn Đông Bác Cổ, lại nữa, tập sách lập thuyết chỉ mấy chục trang ngắn ngủi nên ít người hay biết. Tuy nhiên ông cho biết đại thể như sau:

(...) Nguồn gốc đồ đồng ở đây là do một cuộc di dân từ Cận Đông tới. Sắc dân này mang theo không những kỹ thuật đồ đồng, mà còn cả khái niệm mỹ thuật đề trang trí trên mặt trống, như kỷ hà học hoặc xoáy tròn tròn ốc cùng hình người và thú vật... Và họ đột nhiên biến mất đầy bí ẩn, trong khoảng trên dưới 3.000 năm trước Tây lịch, không để lại dấu vết ngoài những chiếc trống đồng mới tìm được. (...)

Ông Heine Geldern cũng chính là người đặt tên “Văn hóa Đông Sơn” đấy, thưa bạn.

Thêm chuyện đầy kỳ bí với sắc dân ở đảo Easter miền nam Thái Bình Dương. Theo một giả thuyết họ từ hành tinh khác tới rồi cũng...đột nhiên biến mất. Họ để lại những tượng đá khổng lồ đầu người (stonehage) hình thù kỳ dị dựng đứng một hàng dọc theo hoang đảo và nhìn ra biển khơi buồn hiu. Tôi hình dung thêm đến khuôn mặt buồn ra cửa biển của bạn với chuyện các nhà hải dương học, mặt biển rút xuống 130 thước, di dân thông dong đi từ nơi này qua nơi kia, lại đi từ Phi Châu tới nữa mới điền cái đầu. Tuy nhiên với thiên cổ chi mê tôi chuyện gì cũng có thể xảy ra dưới ánh sáng mặt trời.

Vì vậy mời bạn theo tôi ghé Cape Town ở nam đại lục Phi Châu....



Tôi sẽ dẫn bạn đi dọc bờ biển tới mũi Hảo Vọng, ở đây có một hòn đảo nhỏ, bạn đừng...lộ bộ mà hãy cùng tôi lấy phà qua bên kia để thăm Bảo tàng Viện Quốc Gia. Ngay trên cái bàn ở góc tiền sảnh bên trái, bạn sẽ thấy có trưng bày một chiếc thuyền thúng và một cái chèo. Bạn thoáng nhìn qua

chả thấy có gì hay hóm cho lắm, ắt hẳn là thuyền của một thổ dân nào đó đi săn... cá sấu và bị ăn thịt đó thôi. Vậy mà cũng dẹt chuyện...

Nhưng nhìn tấm bảng đồng phía dưới, bạn sẽ thấy hàng chữ ghi chú:

Thê kỷ 17, người An Nam tên Phan
từ vùng Hoi An lạc tới đây
bằng cái thuyền tre này

Bạn đang thả hồn theo mây nước biển Phi Châu với chiếc thuyền thúng thì nghe thấy tiếng “cạch, cạch”. Ấy là các nhà làm văn hóa trong nước đang cầm cái dùi gõ lên mặt trống và họ vắn vẹo còn hã hơn chuyện người hành tinh nữa: “Tùy theo hình tượng của từng con thú, rõ ràng có...ấn tượng với âm giai ngũ âm truyền thống dân gian”. Tiếp, họ nấn véo: “Ca dao, đồng dao, ngay cả cò lả, hát lý, hát chèo cũng từ trống đồng mà ra”.

Nếu nghe...tiếng trống mà chưa tỉnh thức thì bạn hãy trở về với miếu đền qua một biên khảo “sâu sắc” khác: *Đền Đồng Cổ gần Bưởi, thờ trống đồng, một biểu tượng của văn minh Việt cổ thời dựng nước*. Đúng là bị giới đày, vì họ nói có...trống đồng ở trong miếu?! Bèn tra cứu *Thăng Long cổ tích khảo* thì hóa ra: *Ở thôn Nam, phường Yên Thái, thành Thăng Long có dựng miếu thờ thần núi Đồng Cổ*”. Tiện đây, bạn thân già vác dùi nặng theo tôi về núi Đồng Cổ ở Thanh Hóa nghe ông từ giữ đền kể chuyện “thần thoại” rằng...: Rằng xưa, tương truyền vua Hùng đi đánh Chiêm Thành, trú quân ở dưới

chân núi. Đêm nằm mộng thấy thần núi hiện lên xin cho đem trống theo trợ chiến. Khi lâm trận vua Hùng nghe như có tiếng trống vang trên không trung. Thắng trận vua ban sắc phong thần núi là *Đông cổ đại vương* và lập đền thờ *Đông cổ thần từ*. Giời ạ, chỉ vì cụ vua Hùng nằm mơ thôi. Nhưng tỉnh giấc mơ hoa để thành chuyện: Hồi rày chữ Hán chưa truyền vào Giao Chỉ làm sao cụ vua Hùng có...chữ để phong cho thần là...*Đông cổ đại vương* hoặc...*Đông cổ thần từ*. Thưa bạn đọc.

Hôm hôm thì có cụ vua Hùng để chả thiếu ông Hồ, với chết kèn trống, sồng dầu đèn thè trước...đền Đông Cổ, lạy thánh mớ bái là thế này đây, thưa bạn đọc...

Năm 54, ông Hồ tới đền Hùng ở Phú Thọ để báo cáo anh, báo cáo em công thắng trận Điện Biên Phủ vừa mới xong. Ông bảo với đám lính đi theo rằng: Vua Hùng có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước. Để dựng nước có tầng lớp, chúng tích, niên kỷ, niên đại, v...v...Do đó ngành khảo cổ ra đời vì với ta ngành khảo cổ Tàu là gương mẫu. Vì Tàu có công đào bới trong việc đẩy lùi lịch sử có bằng chứng từ nhà Thương-Ân ngược lại vài thế kỷ với các ông vua thời ấy trong *Trúc thư niên kỷ*. Tiếp, họ cố tìm trong tầng đất văn hóa ở Ngưỡng Triều, Long Sơn để tìm ra họ Hồng Bàng của họ còn mịt mờ gió mây.

Từ đây các nhà khảo cổ miền Bắc dần dựng lên khoa khảo cổ học thành một phương tiện, một công

cụ gây thêm niềm tự tin dân tộc và họ chỉ làm theo định hướng. Đồng thời ngành khảo cổ là một công cụ tuyên truyền với bên ngoài để chứng minh họ cũng có một bề dày lịch sử từ thời Hồng Bàng như những nước có...văn minh, văn hóa khác. Lớp học giả Việt Nam hậu-Genève được đào tạo ở Liên-Xô và Trung Quốc. Họ được đàn anh viện trợ chuyên viên và máy móc đã lục lọi trong các tầng đất để lập ra một chuỗi tiền sử như Trung Quốc cho Việt Nam có tên Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun. Dựa trên sự khai quật, đào sới các di tích tiền sử các di vật, như xương sấu, trống đồng chẳng hạn để tạo nên môn tiền sử học cho phù hợp với một thời Hùng Vương rực rỡ. Trong chuỗi tiến trình tiến hóa lịch sử qua những khám phá kia, ít ra nó phải tương đương với thời đại khảo cổ Đông Sơn, để phù hợp với 4000 năm văn hiến đã được ca tụng từ lâu và nhiều khi còn tới...5000 năm.

Thấy người ăn khoai cũng vác mai đi đào, thiên cổ chi mê tôi bèn đeo theo nhà sử học Tạ Chí Đại Trường như đĩa bám dái trâu:

(...) Thế là có những bằng chứng đào xới từ trong lòng đất, vẽ ra một lịch sử hàng chục vạn năm của những con người-khỉ-vượn có thể kéo dài đến ngày nay qua các tên khoa học gọi nên sự tự hào dân tộc, làm nổi bật sự nối kết với *Đại Việt sử ký toàn thư* về một ông Hùng Vương, nếu có không văn minh tiến bộ lắm thì cũng không xa cách mấy với ở các trung tâm cổ đại khác trên thế giới. Loại kết luận

“đất nước ta thành lập cả hàng chục vạn năm” đã làm nền tảng tin tưởng cho những người hùng hỏ mắng mở những ai có chút hoài nghi về sự lâu dài của đất nước, có khi không phải do vấn đề sử học gọi nên mà vì đã lan qua đến tâm cảm đã định hình, được bồi đắp “trong vòng tay quyền bính hiện tại”. Thế nhưng ngoài sự vẽ vờ, ông Hùng Vương dù được các sử gia, các học giả cho mang mũ áo đại hĩa, cũng không có dạng hình cụ thể, và các lớp đất đào bới hình như cũng cạn kiệt chứng liệu, không lấp đầy các tập *Những phát hiện mới về khảo cổ học... hàng năm. (...)*

Thực ra họ chỉ tiếp tục công việc của Madeleine Cobanie từ năm 1932 khi tìm thấy những vật dụng bằng đá như lưỡi rìu ở Thẩm Khuyên, Xóm Trại, Thẩm Hoi nên mới có văn hóa Hóa Bình I, II và III. Thôi thì bạn và tôi hãy trở về Phủ Quảng, để về một vùng hoang vắng đìu hiu để gặp gỡ ông O. Jané. Ông đang “thực tế” ở một cái mộ cổ và ông tình cờ tìm thấy trống đồng không mang dấu tích của văn hóa Hán tộc mà là một nền văn hóa mà niên đại được ước tính từ thế kỷ thứ 7 trước Công Nguyên hoặc hơn nữa. Sau đây trong *Archéological Research in Indochina* của Havard University Press ông cho hay:

(...) Qua những trang trí trên trống đồng Đông Sơn, thì đây là một nền văn hóa thờ thần mặt trời. Các nhà khảo cổ Tây phương thời đó đã cho rằng một nền văn hóa cao như vậy không thể xuất sứ từ

nội địa nên họ cố gắng tìm một nguồn gốc từ bên ngoài vào. Dựa trên hình dạng một số riu đồng còn lại, họ cho rằng văn hóa Đông Sơn thoát thai từ một nền văn hóa cổ đại tại Đông Âu và được truyền từ Trung Cận Đông sang...(…)

Ừ thì hãy đón chuyện với khảo cổ học, sử học trong nước dần dựng lên môn...tiền sử học qua cụ sử thần Ngô Sĩ Liên đã ghi chép:

“Vào thời Bắc thuộc lần thứ nhất nước Việt thuộc nhà Hán. Tục người Việt ta chỉ làm nghề đánh cá, đi săn, không biết cấy cấy, Diên mới dậy dân ta khai khẩn ruộng bằng *cây bừa sắt*...”. Vậy là trong sử miền Bắc, ông Tàu Thái thú Giao Chỉ tên Nhâm Diên bị khai tử chỉ vì...cái trống đồng. Vì ông lỡ dạy dậy người Việt ta làm...cái lưỡi *cây bọc sắt*.

Từ đây các sử gia rình rình là nhồi nhét trống đồng vào sử cận đại với niềm tự hào dân tộc hay với một ẩn dụ nào đó. Thảng như một nữ sử gia...ngồi ở Hà Nội mò mẫm đi tìm mộ Triệu Văn Đế ở tận Quảng Châu (tức Triệu Muội, cháu nội của Triệu Đà). Và bà nhìn rõ ràng...cái trống đồng của ta nằm trong cổ mộ của Triệu Muội. Để rồi cả ngàn năm trước, cả trăm năm sau nữa, kẻ hậu sinh nhìn vào sử Việt thấy rành rành đồng nát, đồng thau, đồng xanh, đồng đỏ có từ nghìn năm mây bay. Bọn lại khóm róm dòm tòi. Ừ thì vì trống đồng có từ thời Hai Bà nên họ gán ghép hai bà Trưng là con cháu vua Hùng thứ 18.

Bởi chung trước nữa bằng vào truyền thuyết xa xưa kể lại rằng:

(...) Công chúa con vua Hùng Vương thứ 15 một hôm ra bờ biển du ngoạn, thấy sóng đánh dạt vào bờ “một” cái trống đồng, trống chỉ một mặt không có đáy, hình thất cổ bông. Thấy vật lạ bèn sai mang về kinh trình vua cha. Xem xong, vua Hùng ra lệnh cho gọi tất cả thợ đúc đồng về kinh đô, cứ theo trống đồng mẫu mà rập khuôn ra...1.900 cái (...).

Thế là được thế họ tổng táng trống đồng vào văn học giải mã mọi tha ma mộ địa từ nguồn gốc tộc Việt, văn hóa, văn minh, xã hội và...kinh tế: “Do đó, các loại trống đồng đã được các nhà khảo cổ học ta (đúng ra là người Pháp) tìm thấy từ cuối thế kỷ 19 đến nay đã giúp chúng ta nhận diện được bản chất của nền văn hóa, xã hội và kinh tế của người Việt trong thời đại Văn Lang, bên cạnh các phát hiện di vật khảo cổ, tài liệu, sách sử nội địa thì mức độ chính xác là tất yếu. Sự hiện diện của trống đồng tại Việt Nam đã xác minh những bằng chứng không thể chối cãi nguồn gốc và nền văn minh cổ xưa của người Lạc Việt mà người phương Bắc *cố tình nguy tạo từ thời Bắc thuộc* khởi đầu với *Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp*”.

Trong khi ấy, người dựng sử Nguyễn Lý Tường sàng chữ ra câu: “Những nền văn minh đồ đá, hay những vật biểu tượng đồ đá mà người ta tìm được trong các cuộc khai quật vào thế kỷ 20 ở vùng núi

miền Bắc không thuộc về của ta”. Ông sẩy câu ra chữ: “Với gần 300 năm lập quốc, người Hoa Kỳ không bao giờ cho rằng họ là chủ nhân của những nền văn minh của người da đỏ đã có mặt hàng ngàn năm trên mảnh đất này”. Thiên cổ chi mê tôi là người “ăn ốc nói...mò, ăn măng nói ...mọc, ăn cò nói...bay” thế nên bèn bay theo người dựng sử Nguyễn Lý Tường với: *Người Hoa Kỳ không bao giờ cho rằng họ là chủ nhân của những nền văn minh của người da đỏ đã có mặt...* Thế nhưng có đâu có đũa thì phải quang gánh trở lại với lộ trình trống đồng theo dòng thác di dân từ Cận Đông tới Nam Dương, qua cửa ngõ Ốc Eo. Những chiếc trống đồng rơi rớt rải rác khắp nẻo đường đất nước từ Hà Tiên, trèo đèo lội suối tới tận chân núi Đồng Cổ với trống đồng Đông Sơn.

Thế nhưng bởi có voi voi to, không voi bò là lớn nên tôi cũng đành theo...voi ăn bã mía với người Nam Dương: Năm 1828, họ tìm thấy trống đồng ở quần đảo East Nusa Tenggara cách Ốc Eo 2.500 km đường chim bay. Trống đồng này hiện đang trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Indonesia tại thủ đô Jakarta và in hệt như trống đồng Đông Sơn của ta. Nếu có khác là mỏ con chim dài hơn mỏ “con chim hạc” của ta hay “chim Lạc” của Tàu tí tẹo.



Một trong những trống đồng tìm thấy ở đảo East Nusa Tenggara và Selayar của Indonesia.

Và cũng như người dựng sử Nguyễn Lý Tường, ông Nguyễn Giang trong bài viết *Tiếng trống đồng... "Đông Sơn" ở Indonesia* đã khựng khiêng: “Ở đây tôi không muốn đi vào câu chuyện của giới khảo cổ người Indonesia với trống đồng đã có ở đâu, ai làm ra...mà chỉ muốn chia xẻ một chút cảm nghĩ về thái độ nhìn lịch sử của người Indonesia”.

Với dây mơ rễ má lại quay quả trở về Bình Nguyên Lộc: “Biên khảo hay lịch sử giống như sợi dây xích sắt, có cái khoen đầu, những khoen giữa và cái khoen chót. Vậy cần tìm cho ra những khoen trung gian may ra mới biết được trống đồng từ đâu mà ra bởi ai mà có”.

May quá là may, thiên cô chi mê tôi tìm được hai ba cái khoen trung gian này đây...

Sử gia đời Trần thế kỷ XIV là Lê Tắc trong *An Nam chí lược* viết trống đồng của một nhóm sắc tộc khác, nhóm Lão/Liêu Tử mà ông gọi là “người mọi” (man tử): “Lão/Liêu Tử là tên khác của người mọi.

Họ có nhiều ở Hồ Quảng và Vân Nam. Một số phục tùng Giao Chỉ (phải chăng ông muốn chỉ người Mường?). Họ xăm lên trán và khoan lỗ vào răng, sống ở hang động, thường uống rượu bằng ống sậy. Họ thích đánh nhau với kẻ thù bằng cung tên, giáo mác với khiên. Khi chiếc trống mới được hoàn thành, họ đặt ở ngoài sân cùng với rượu rồi mời đồng loại đến ăn mừng, sau đó họ để trống lại nó cho chủ nhà.

Qua sử thi Lê Tắc là người của nhà Trần đánh nhau với nhà Nguyên, bị bắt làm tù binh đưa về Lạc Dương. Ở đây ông viết sử Việt là *An Nam chí lược*: Chuyện trống đồng ông chấp vá từ nhiều nguồn khác nhau: Một là từ *Tam Quốc Chí*, chuyện Khổng Minh mang... “chiêng” đi đánh Mạnh Hoạch. Hai là theo sách *Quảng Châu ký* (Guangzhouji) chép dân Lị và Liêu đúc trống đồng. Ba là ở ngoài sân cùng trống với rượu từ sách *Tùy thư* (Suishu).

Thôi thì hãy trở về năm 1990 ở tỉnh Quảng Ngãi, không phải một mà tới tám xác tàu đã được tìm thấy chỉ trên bãi biển Bình Châu. Trong suốt hơn 2.000 năm các thương thuyền đã đi qua các hòn đảo màu mỡ quần đảo Moluccas, ở miền đông Borneo và từ đó đi tới Trung Hoa, đất nước của lụa, trà và các loại đồ gốm sứ mà người ta gọi là *Con đường tơ lụa* trên biển. Thuyền buồm Ả Rập chạy trên tuyến đường này từ thế kỷ thứ 9 hay 10.

Công ty Samantha Dissanayake tới miền Trung Việt Nam để tìm cổ vật. Trưởng nhóm là Mark Staniforth, một nhà khảo cổ hàng hải người Úc với 40 năm kinh nghiệm, nhìn một mảnh sứ vỡ, ông có thể nói niên đại hay xuất xứ của món đồ cổ ấy. Ông tin rằng đây có thể là một trong những con tàu đắm quan trọng nhất tìm thấy ở Việt Nam, hoặc ở Brunei. Theo ông con tàu được đóng vào thế kỷ thứ 9 hoặc thứ 10. Những con tàu lớn này đã khởi hành từ Trung Đông, Nam Á qua và đến Trung Hoa, trên đường đi thì gặp thiên tai và bị đắm ở bãi biển Bình Châu, Quảng Ngãi (hay ở Brunei). Trên tàu có những chậu đất sét màu nhạt với chữ Ả Rập, những chữ giống như chữ Ấn Độ, và rất nhiều trống đồng hình ngôi sao của David. Nó là bằng chứng quan trọng cho thấy thế giới đã gắn kết từ rất xa xưa.

Lọ mọ thế nào chả biết nữa, tôi vợ phải cái khoen lỏng le của sợi dây xích sắt. Thôi thì ăn vẹt ở mòn với nhà biên khảo Binh Nguyên Lộc đang lạc trong *Rừng U Minh*, ông u u minh minh: ”Biểu tượng trên trống đồng hình người đóng khó chèo thuyền, hình nhà sàn có chân...không phải là hình tượng quen thuộc của người Việt ngày xưa với nhiều khác lạ nên thiết tưởng chúng ta cần phải dè dặt”. Hoặc giả dè chừng như tác giả Trần Thị Vĩnh Tường trong *Từ huyền sử đến sự thật*: “Nếu không xác nhận được địa bàn của tộc Việt, loại tranh cãi như ai là chủ nhân trống đồng, kinh Dịch, văn minh lúa nước,

chỉ loanh quanh giữa các tác giả người Việt, những tấm lòng son cô quạnh giữa hoang phế miếu đường”.

Trở lại với khúc đầu với quan san cách trở, bạn và thiên cổ chi mê tôi chống cây gậy chống trời đi tìm cái trống đồng từ lỗ nẻ nào chui lên? Thiên cổ chi mê tôi dần dần với chuyện trống đồng như con đường vô vọng tìm cá trên cây. Vì vậy ở một góc độ nào đấy, những gì góp nhóp trong tạp bút “Quan San” chẳng thể thâm định với đúng hay sai. Nói cho ngay, tất cả chỉ là cảm nhận nhất thời của người viết. Nương bóng cửa thiên thì: “Biên giới của chủ quan hay khách quan không bằng một sợi tóc”, hoặc thẳng như “Đúng hay sai, một vài điều, mặc dù là sai, nhưng lại có thể đúng ở một thời điểm khác, nhiều khi cả...trăm năm sau”.

Thạch trúc gia trang

(viết xong Kỷ Sửu 2009
thêm bớt Ất Mùi 2015)

Nguồn:

*Nguyễn Khắc Ngữ, Tạ Chí Đại Trùng,
Ngô Đình Nhu, Hà Văn Thủy, Hoàng Dung,
Trần Bích San, Bùi Văn Bông, Tạ Ngọc Liên.*

Chú thích:

(1) Trống đồng Đông Sơn được ông L. Pajot, nhân viên thuế quan Pháp tìm thấy, khai quật ở chân đồi gần sông Mã, thuộc làng Đông Sơn, phường Hàm Rồng, cách Thanh Hoá 4 cây số vào năm 1924, sau đó công trình khảo cứu được nối tiếp bởi học giả Thụy Điển O. Jansé. 10 năm sau năm 1934, nhà khảo cổ người Áo Heine Geldern đề nghị dùng tên “Văn hóa Đông Sơn” cho nền văn hóa này.

(2) Trống đồng Hòa Bình tìm được ở Mường Dâu, bên bờ sông Đáy.

(3) Trống đồng Ngọc Lũ, năm 1894, các ông Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn Túc và một số người khác đắp đê ở xã Lý Nhân, làng Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, Hà Nam, thấy dưới độ sâu 2 mét của bãi cát bồi có một chiếc trống đồng. Các ông đem về cúng vào đình làng Ngọc Lũ, để khi có đình đám cúng tế thì mang ra đánh. Bảy, tám năm sau có một họa sỹ Pháp đến vẽ đình làng thấy cái trống, liền báo cho công sứ Hà Nam biết. Nhân có cuộc đấu xảo ở Hà Nội năm 1902, công sứ Hà Nam đã khuyến khích dân làng Ngọc Lũ mang trống lên góp vào đấu xảo. Sau đó, nhà Bác cổ Viễn Đông Hà Nội đã mua lại với giá 550 đồng.

(4) Trống đồng Moulié được phó sứ người Pháp tên Moulié lấy tại nhà góa phụ của viên quan lang người Mường ở sông Đà nên còn được gọi là trống sông Đà hay trống Moulié.

Trống được tàng trữ trong bảo tàng viện của quân đội Pháp, sau chuyển qua bảo tàng viện Guimet, Paris, và chỉ còn lại bản vẽ do F. Heger để lại.

(5) Trống đồng Hoàng Hạ tìm thấy năm 1937, tại xóm Nội, thôn Hoàng Hạ, Hà Đông, trong lúc đào mương lấy nước, tình cờ đào được trống đồng ở độ sâu 1,5m dưới lòng đất.

Mảnh đất trồng cỏ trúng ếch hoa đỏ

Dẫn nhập:

Nằm trên giường nường thêm cho béo mắt. Gã nhai mớ chữ rồi tinh tối hồi hôm. Ngủ bết con mắt rồi. Gã vào phòng vệ sinh. Đánh răng rửa mặt cạo râu. Trút bỏ mọi nguồn cơn xuống bồn cầu. Gã tháo lớp mặt giả ra. Bỏ vào ngăn kéo khoá lại. Đeo bộ mặt thật vào.

Gã đến sở hì hục kéo cày. Hết việc về nhà. Nhà nát. Tắm rửa thay quần áo đi dép. Gã ngồi ở bàn ăn. Nhai mớ con chữ ban sáng chưa kịp nuốt vào dạ dày.

Ngồi khóm róm ở bàn viết. Gỡ lớp mặt thật. Mở ngăn kéo. Lấy mặt giả đeo vào. Gã thành một con người khác. Như con bò. Gã từ tốn nhai lại. Gã nhai mớ chữ những miếng to tướng. Vừa nhần vừa nhai. Gã loáy ngoáy ngậm vằn nhả chữ. Gã nhả đám bã chữ chưa kịp tiêu hoá xuống mặt giấy. Những con chữ bò lồm ngồm trên giấy như ruồi bu.

Đến khúc cuối bài lưu cảo. Vẫn còn đeo mặt giả. Gã bỏ đám bã chữ vào áo quan. Thằng em họ đeo mặt thật lấy bút bi đào huyết. Thằng em và gã chôn quan tài chữ xuống đất.

Với hiện thực giả hư câu thật...Mảnh đất ấy nay mọc toàn cỏ trứng ếch hoa đỏ...

Về Hà Nội, sau mấy chục năm là người di tản buồn, gã gặp lại thằng em họ.

Với chuyện về thăm thổ ngơi bản quán này, gã tạt qua người anh em xã hội chủ nghĩa, dòm chừng với chân cứng đá mềm, con đường cách mạng nó đi “xuyên suốt” về đâu. Bước qua cửa, mắt gã đảo tít như rang lạc quanh nhà...Cái đầu gã đang tha ma mộ địa với cái thằng tay dùi đục, chân bàn chổi thì nó làm sao mà sinh tồn, sinh nhai trong cái thời buổi “bao cấp”.

Thì va vào mặt gã: Hai chân nó mang nguyên con...đôi dép râu.

Qua một ngày “giao lưu văn hóa” với thằng em, gã mới hay nó là phó biên tập tờ báo văn học, thuộc “điện”...phê bình văn học. Thế mới bỏ bu! Nhưng gã cứ tức anh ách vì người ngợm như nó thì bắt cóc bỏ đĩa ai đây hở giò. Số là nó ở quê, dám chưa một ngày...cấp sách đi học lắm ạ. Lại không có cái may mắn trúng tuyển nghĩa vụ quân sự để được đi B, vậy mà có đôi dép râu làm cảnh. Gã vắn óc nghĩ không ra! Với chức phó biên tập bự sự như cái mả liệt sĩ to

vật. Gã hóng hót: “Chú làm gì mà cây đa cây đề quá thế vậy?” Ấy vậy mà thằng em êm ả hoa roi của Phật: “Báu gì, phó nào có khác gì phó rền, phó cối, chuyện bình thường thôi”.

Gã nhớ đọc đâu đó có ông nhà văn khoe mẽ học khoá 2 ở cơ sở có “mặt bằng văn hoá”, bạn đọc bốc ông viết rất “văn chương chính quy”, rất “văn chương xung kích”. Gã chịu chết nghĩ không ra tiếng Việt trong sáng hôm nay gì mà...súng đạn quá vậy nên rọ mồm hỏi.

Đúng là cái thằng to mắt hay nói ngang:

- Bác hỏi đéch gì khó thế!.

Rồi nó khẽ khọt:

- Nói chung là tốt! Là tốn bao nhiêu tiền nuôi đám báo cô đấy. Tiền chứ có phải võ hén đâu, họ chỉ được cái nước hã. Đấy.

Xong, nó tươi tót:

- Chẳng là cơ sở được mô phỏng khung chương trình giảng dạy Học viện văn học Macxim Gorky của Cộng hòa liên bang Nga. May mà họ không gọi là *viện văn học*...mà đặt tên là trường viết văn để đào tạo những người làm nghề viết văn...Mà nói đại chứ, cụ Nguyễn Du, có học viết văn hồi nào đâu, thừa bác.

Tiếp đến thằng em làm bàm...

Chà dẫu gì bác, em ở nhà quê đeo bó em theo cái cày ngắm đít trâu một dạo. Học trường làng, hết phổ thông đến tuổi nhằng nhằng đăng ký vào bộ đội,

đang quản lý một trung đội đơn vị trên miền núi. Đùng một cái năm 1978 em được điều động về Hà Nội tới trường ở đê La Thành để học nghề viết văn. Trường không có... thầy. Không hiệu trưởng, không trưởng khoa, không chủ nhiệm. Không có thầy nhưng bộ phận hành chính thì có tất. Từ văn thư, tài chính thủ quỹ, lái xe, bảo vệ đều có cả. Trường có hai bảo vệ quản lý văn hóa canh gác hai đầu, đứng ra chỉ quản lý quân số thôi. Trường có khóa trình 3 năm, lớp có hơn 40 “sinh viên” hầu hết ở độ tuổi trung niên gồm khối quân đội “du thủ du thực”. Nghênh ngang nhất là Hữu Thịnh, sĩ quan tăng thiết giáp. Và Hoàng Phủ Ngọc Tường học lớp viết văn *hệ chuyên tu*.

Năm em học trường chưa có tên, chỉ được gọi là “Khoa viết văn khóa I”. Lay lắt qua năm 1979. hình như các anh cán bộ khoa đang rục rịch đề nghị nâng cấp thành Trường viết văn Nguyễn Du. Vì ở nội trú trong khu tập thể Văn Hồ hay khu nhà cấp 4 mái tranh vách đất, bị giới xiềng vào chữ nghĩa như anh tù văn nên tụi em gọi là “Nhà số 4” cho hoảng hốt.

Và thằng em cảm khái ơn bằng cái đĩa, nghĩa bằng con ruồi rằng: Ngôi trường năm xưa vẫn nằm đấy, vẫn mái ngói đỏ tươi với dướng dáp một ngôi đèn rêu phong, bến xe điện Ngã Tư Sở vẫn còn nguyên tuyến đường ray, sông Tô Lịch còn nhiều thuyền thúng thu hoạch rau muống.

Gì mà dây cà ra dây muống quá thế vậy với cán bộ quản lý quân số như quân trường? Đang bồi rồ như sư đẽ nhưng gã cũng muốn “thu hoạch” thêm...

- Chú “tiếp thu” được bao nả?.

Nó búng lưỡi tách một cái và nhả nhúm:

- Bác xá cho, ai chẳng biết khâu viết văn là nặn chữ véo câu. Chung quy là gia công những câu văn, họ đánh giá từng câu một: Câu này tốt, câu kia hay, câu này kém, câu kia bẹt, câu này trọ logic, câu kia viết lười biếng. Cứ léo xéo này kia vậy thôi.

Rầy rà thật, chợt nhớ tới Dương Thu Hương là học trò của nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh và Hoàng Ngọc Hiến ở...trường văn học này. Ba thầy trò sau đều phản tỉnh, phản kháng nên “có vấn đề nhạy cảm và tế nhị” mới đây. Gã bèn...tế nhị hỏi nó:

- Ai là...quản giáo của chú?

Nó bật rật...

Nếp tẻ đủ cả, họ đăng đàn qua quýt như Tô Hoài, Xuân Diệu...Giáo trình loanh quanh với Lỗ Tấn, Mạc Ngôn, hay Tsekhov, D. Granin. Nói chung là tốt với những giảng dạy lộn cợn, bốc mùi thoang thoảng của những thứ kiến thức chưa tiêu hoá đã cũ mèm.

Tiếp đến nó tung tóe...

Họ đến Trường viết văn Nguyễn Du như tới Trại dạy văn Tam Đảo. Chủ yếu là bồi dưỡng văn hóa, là xặng xịt rít thuốc lào, nhai kẹo lạc. Chẳng thấy ai rỗi hơi cho văn học thực sự. Vì những người

hành nghề văn học đều muốn dĩ hòa vi quý, đều muốn có những cuộc chơi đêm đẹp, chơi có thưởng.

Không để gã vun chuyện, mồm miệng nó như tép nhảy...

Ông Tô Hoài thủ khư khư cuốn *Sổ tay viết văn*, ông rao giảng: Học viết văn như thằng tập bơi. Muốn biết bơi thì trước hết đừng sợ nước. Cứ nhảy đại xuống, đập chân đập tay, uống vài ngụm nước, dấm bảy lần thế nào cũng nổi lên được. Nổi lên được thì sẽ bơi được. Nhưng từ chuyện bơi được, biết bơi trở thành một nhà bơi lội lại là chuyện hoàn toàn khác!

Đúng là cứt hàng xóm thì thối, cứt đầu gối thì thom nên nó thum thum...

Với nhà văn Kim Lân: Văn có thể người được đấy, các ông ạ. Trong văn chương thì truyện ngắn có mùi đặc biệt nhất. Hệt như mắm tôm ấy. Không ai làm giả được mắm tôm, cũng không ai làm giả được truyện ngắn.

Đang lụng bụng đến đây, làm như chặn trâu nhân thể dắt ghé nó tong tả...

Cụ Nguyễn Tuân dạy cày chữ: Người nông dân đi cày phải có cái cày, có con trâu. Nhà văn thì phải có chữ. Thế chữ của các anh đâu? Cả tập bản thảo dày đặc như ruồi bu thế này mà tôi chẳng nhìn thấy một chữ nào cả.

Rập ràng xong, nó cười sần sật. Cái thằng cười đến hay, như chó khạc xương ấy...

Còn Xuân Diệu xứng xứng đăng đàn ngâm thơ ông, kể chuyện kháng chiến nghe điếc cả lỗ đít, ăn thì thủng nổi trôi rế, ai hỏi ông cười tít: Thì đã bảo bồi dưỡng văn hóa mà.

Rồi nó rầm rẫn: 'Tụi em ngồi đồng ở dưới, mặt thuần ra như rặn ỉa vì nghe bí rị sao ấy''. Tiếp nó châm lửa đốt trời: "Mỗi lần đi trại viết, mấy ông giảng viên lãnh vài trăm ngàn, cơm nuôi, với họ là cơ may cải thiện. Ấy là chưa kể mấy ông mũ cao áo dài được đón rước chu đáo, thù lao giảng bài 3 giờ tính thành 5, cỡ 20 buổi lên lớp tính thành 30-40.

Khi không thẳng em nát bàn nền văn cách hôm nay và nó cách rách...

Tốt nghiệp trường dạy văn với tư duy lằng mạn qua truyện tình từ nhà quê lên thành phố. Các nhà văn từ cái lò bẽ cùng một khuôn đúc xuyên suốt thao tác kỹ thuật chữ nghĩa con số thiếu cảm xúc. Thẳng như với nguyên mẫu: Anh thật khá trai '27 tuổi', cao '1,78m' nhiều cơ bắp, nặng '80 kilô', ở căn hộ 'số 15'. Anh gặp chị cao '1,72m', ở căn hộ '4m' vuông.

Ha! Từ số qua chữ, gã đang búi bán đến cụ Trần Dần với "Chữ là nghĩa", tới Lê Đạt với "Phu chữ" thì...Thì thẳng dếp râu theo thọt với chữ nghĩa:

- Nói chung là tốt, là những năm 60, 70, Hà Nội thời Nga hóa sinh ngoại ngữ, nhiều mỹ từ học mới đem từ Cộng hòa liên bang Nga về trường. Tụi em

tứ quê lên phát âm tiếng Việt không chuẩn, lại bị hóc vì các phụ âm “r”, “d”, “gi” như: rờ, dờ, giờ...đọc giống nhau với chữ...“jờ” của Nga như “*rút ra*” được viết là “*jút ja*”, “*dọc*” trở thành “*jọc*”.

Ngay cả đầu sách “Sờ xoạc” của Trần Dần, cũng biến cải thành ”Jờ Joạcx” kia mà...

tôi gặp
một con nữ vận động viên
ướt ướt
tàn thân
chạy joạc vòng mưa jòng jòng
1-9-6-3 mìn mét chữ
jờ joạcx nở jòn jọtx

Tiếp đến nó dăng tiếng:

- Em nào có ngoa ngữ, thừa bác.

Rồi thằng em dếp râu hặm hụi...

Trong bài *Nhất định thắng* của Trần Dần mà Hoàng Cầm đăng trong *Giai phẩm mùa xuân*. Trần Dần sắp chữ theo hình thức “thơ nấc thang”. Một hình thức thơ của Mayakoskey, thi sĩ người Nga mà nhiều nhà thơ thời bấy giờ ngưỡng mộ và chịu ảnh hưởng. Những bài thơ tiêu biểu như Lê Đạt với *Cửa hàng* hay Hữu Loan với *Màu tím hoa sim...*

Một chiều rừng mưa

Ba người anh

từ chiến trường Đông Bắc

Biết tin

em gái mất

trước
tin
em
lấy
chồng

Với “thơ nấc thang” và ”jờ joạcx”, gã kháy khó
nó :

- Cũng tốt thôi.

Thằng em ó ra:

- Bác nói gì nhẩy?

Đột biến thằng dếp râu leo thang...

- Chuyện này cũng lôi thôi lắm! Bây giờ em mới
vỡ bọng cứt ra trường dạy chữ chính là một công nghệ
lao động đào tạo nhà văn, rồi đẻ ra Hội nhà văn ở 65
Nguyễn Du. Nhà nước ta bỏ ra cả mấy trăm tỷ đồng
nuôi hơn 1000 đám thợ viết lao động văn hóa. Vốn
liếng của họ, cái phần gọi là văn hóa cơ bản, nhất là
lịch sử và nền tảng triết học quá thấp. Thiếu ngoại
ngữ, họ chỉ có hai cửa sổ ngó qua Trung Quốc và Nga
Sô. Họ chịu ảnh hưởng của ông kênh Trung Quốc là
lẽ đương nhiên rồi, xưa nay vẫn thế. Họ quên là:
”Đừng vác trên vai mình con khỉ của người khác”,
nên suốt thời cầm bút họ chỉ ì à ì ạch. Bình thường
thôi, thưa bác.

Gã chả thấy bình thường chút nào với...lao động
cật lực văn hóa. Bởi văn hoá nào phải xây nhà xây cửa
mà...lao động sặc gạch. Thêm nữa với nắng trưa mưa
tối, dường như của ai đấy gã đã đọc qua với Trường

viết văn Nguyễn Du, tới Hội nhà văn cũng ở đường Nguyễn Du, cụ Nguyễn Du bị “tra tấn” hơi nhiều thì phải.

Đang ngẫm ngợi vậy, nó đã cảm rằm...

Chả bịa tạc tí nào, nhìn chung về nghề văn, họ viết như đang lè nhè giữa một đám chén chú chén anh. Họ nhai chữ những miếng to tướng, vừa ăn vừa nhả ra nham nhở, chẳng hề nghệ thuật vị nhân sinh tí nào. Làm như ăn cứt không biết thối, họ vãi cứt vào mặt nhau. Hay ai biết quan mót đái mà hạ võng, họ vái nhau như té sổng. Họ viết theo cái lối vót nhọn con người như vậy khó mà hay được. Cái chính là bản thân của các nhà văn, có ai ép họ đâu. Họ có thể làm việc khác, viết đề đó, sau này thời thế sang trang, họ vẫn có thể “mở bát ra” mà. Theo em, họ cứ viết cho thật hay coi, dầu sổng ra sao, người đọc cũng đón nhận hết.

Khiếp bỏ bu! Gì mà vãi cứt vào mặt nhau. Gã định “mở bát”, nó đã đụng bát đụng dũa...

Nguyễn Huy Thiệp gọi họ là bọn vô học. Cụ Nguyễn Tuân được thể viết trên báo *Người Hà Nội* của Tô Hoài: “Ông nhà văn nọ dựng chuyện các nhà văn nước ta 50% vô học. Bị phản bác, ông nhà văn xin lỗi ngay vì sai thì phải sửa và mau mắn sửa sai là...50% có học”.

Hơ! Lại chữ nghĩa con số nữa! Gã gieo gieo với tháng ngày đắp đổi, khi rày những nhà văn của trường dậy làm văn Nguyễn Du quang gánh “chuyên chở chữ nghĩa” từ làng quê lên Hà Nội hơi nhiều với

nguyên mẫu...”không gian tĩnh lặng” hay cùng một khuôn chữ... “làng phình ra. đồng co lại”, hoặc giả như một lò chữ...”đò ngang dạt vào bến sông”, v...v...Mà nhiều quá thì *huong đồng gió nội bay đi ít nhiều* (Nguyễn Bính). Đang định chuyên chở chữ nghĩa *nói ra sợ mất lòng em* bằng “xe cải tiến” đến với thằng em thì nó quẹo quạc...

Huêch gì cái ngữ ấy, vì cái sĩ bộ họ nhờ vả hai hội viên chính thức giới thiệu vào Hội nhà văn. Vào hội gặp nhau chỉ khát ai chạy giải thưởng này, ai thuông giải thưởng kia. Họ chỉ là nhà văn có cái thẻ hội viên dần túi, thỉnh thoảng đến hội điểm danh, về già có tiền hưu bổng, viết hồi ký, đời khi chết được đọc điệu văn kính thưa, kính gửi....

Xong, thằng em xăng xít:

- Để em kể chuyện nhà văn Nguyễn Quang Lập viết rõ ràng trên báo Thủ đô ấy nha:

“...Mình viết đến tám giờ sáng thì vào buồng ngủ lại, chợt có tiếng điện thoại của anh Trọng Hiếu báo anh Nguyễn Khải mất rồi. Mình gọi lung tung báo cho mọi người. Đến một giờ trưa anh Hiếu lại gọi điện nói “Anh Khải chưa chết”. Mình hỏi sao, anh nói nhà tang lễ đòi cái thẻ Hội nhà văn mới đủ thủ tục, nhưng anh Khải để đâu chẳng biết nữa, tìm không ra!... “.

Tiếp đến mồm miệng nó như như quạ cái...

Nghe biết vậy thôi, ngoài ra có tích mới dịch nên tuồng là chuyện người miền Nam tập kết được chia thành hai cụm: Cụm “Trại sáng tác B dài” cho

những nhà văn sửa soạn đi Nam, trong đó có Anh Đức, cụm “Trại sáng tác B ngắn” cho những nhà văn công tác ngay tại Hà Nội. Đến trần ai khoai củ này, gã chợt nhớ ra khúc đầu thằng em giục giặc chuyện Hoàng Phủ Ngọc Tường học lớp viết văn hệ chuyên tu khoá I trường Nguyễn Du. Bối chả hiểu “chuyên tu” là khi gì? Bèn hỏi. Thằng em óc ách là Hoàng Phủ Ngọc Tường chả tu tỉnh gì sất mà lạ bị “cải tạo” vì “hồng hơn chuyên”. Theo Nguyễn Trọng Tạo kể lại: “Trình độ của ông Tường chỉ đủ để phân biệt Má-Lê Nin là hai ông. Chấm hết. Ngoài ra không biết ông nào là ông nào. Ngày ấy ông Tường bị đi đày nên đói như ngan áp, đói vàng mắt ra. Là người nói nhiều, vậy mà ông Tường chỉ ngồi một chỗ mân mê cái nốt ruồi to đùng ở dưới cằm, mắt chớ chớp rùng rùng”.

Gã nghe nói sau khi tốt nghiệp trường Nguyễn Du, họ được bồi dưỡng ở những trại sáng tác tùy theo lập trường, Trại sáng tác Quảng Bá cho những nhà văn cần phải “cải tạo” như Nguyễn Huy Tưởng, Kim Lân...Hết Trại sáng tác văn học Đồ Sơn đến Trại viết Đồ Sơn của “Hội Văn nghệ quân đội”, trại gì như trại gà công nghiệp nên gã hỏi xem nó...cục tác ra sao...

- Thật tình em chẳng hay biết những trại sáng tác này, ngay như “Trại sáng tác B ngắn” nằm ở đâu, riêng ban Văn nghệ miền Nam trụ ở 51 Trần Hưng Đạo chỉ viết báo tường thôi. Họ cách ly Nam, Bắc thế đấy. Trừ những nhà văn chi đạo biết ngọn ngành như Nguyễn Xuân, Tô Hoài. Một lần Anh Đức

tường thuật trận mưa bom B52 trong Nam. Nguyễn Tuân lên đài Giải phóng ở 58 Quán Sứ động viên Anh Đức. Trên đường về ghé tiệm thịt chó ở phố Hàng Lược, Nguyễn Tuân vừa gặm cái móng chó hàm vừa cười cười với Tô Hoài: “Thằng này học trường dạy văn còn lảm lổ hồng, nói trên đài hệt hơi ngắn lưỡi, tiếp xúc tay bo thì rất khá. Nhưng viết ra thì không ra sao cả. Nó thích được bốc, tôi bốc nó như bia hơi vậy, cho nó chết... “.

Ăn khan nằm khăn nãy giờ, nghe nhắc đến...bia hơi, gã buồn rãnh ngửa miệng bia bọt đến...chả cá Lã Vọng. Thế là thằng dế râu được thể lây dây...

Hội nhà văn từ quán chả cá mà có. Chuyện là năm 1957, chưa có *Tạp chí Văn nghệ quân đội* mà chỉ có “phòng” Văn nghệ quân đội. “Phòng” tổ chức Đại hội văn nghệ ở Nhà Hát Lớn, chủ trì là ông Hồ và Hoàng Ngọc Phách, mục đích là đả kích ông Ngô Đình Diệm về chuyện bầu cử thống nhất hai miền. Sau đó cả đám kéo nhau ăn khao ở quán chả cá, trong đó có Nguyễn Tuân, Kim Lân...Em nghe hơi nổi chỗ qua Kim Lân thì Nguyễn Tuân vừa quạt chả vừa khoe: “Tôi đã viết xong một cái về phở. Tôi sẽ viết một cái nữa về chả cá”. Trong khi bài viết về phở mang đến Nguyễn Tuân tai họa. Bà chả cá bảo Nguyễn Tuân: “Cứ im im mà ăn nhá. Thiên hạ người ta ăn chán ra, ăn bao nhiêu cũng chẳng sao. Ông ăn được mấy tí mà đã bị mắng. Rõ khổ!”. Từ bà chả cá, từ Nguyễn Tuân “bị mắng” đến rõ khổ mới đẻ ra “Hội liên hiệp”. Từ *Hội liên hiệp*, hội Nhà văn

được thành lập tại Hà Nội năm 1957, thoạt đầu có 60 hội viên. Trong danh sách hội viên ấy có hai người trước đây vốn cầm bút và nổi tiếng tại Sài Gòn, nhờ những hoạt động nằm vùng được kết nạp rất sớm sau năm 1975 là: Vũ Hạnh và Sơn Nam.

Với phở, gỏi giã chầy giã cối cho ra ngô ra khoai:

- Theo anh thời bao cấp cụ Nguyễn Tuân bị vạ vệt vì...phở vệt, phở gà, phở ngan, phở ngỗng, phở thịt lợn, vì...“Phở không người lái” chứ còn khi gì nữa?

Thằng em phăm phở:

- Nói chung là tốt,...là năm 1970, Xuân Diệu được cử phụ trách tờ *Tác phẩm mới* của Hội nhà văn. Xuân Diệu bị phê bình vì cho đăng bài tùy bút Phở của Nguyễn Tuân là...”không thật lập trường cho lắm”. Người ta cách chức Xuân Diệu, đưa về quy chế “viết văn chuyên nghiệp”, người ta đã “tạm ngừng xuất bản” tạp chí Tác phẩm mới. Hai năm sau khi Xuân Diệu mất mới tục bản dưới tên gọi *Tạp chí Nhà văn*, thưa bác.

Thưa gửi xong, thằng em chan canh đồ mè:

- Bác không biết chứ,...chứ khoa viết văn khóa I tụi em là lực lượng nòng cốt của Văn nghệ quân đội như tiểu thuyết *Nổi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh được thai nghén trong lúc học tại trường. Vậy mà lay lắt đến năm 1979, Trường viết văn Nguyễn Du mới được thành lập. Thế mà đến năm 2004, Trường viết văn Nguyễn Du bị sát nhập vào Trường Đại học

Văn hóa Hà Nội, bị chuyển thành Khoa sáng tác và lý luận - phê bình Văn học. Đây.

Bèn ngoác mồm hỏi ”lý luận”,...lý sự gì nghe hãỉ quá thê vậy? Thăng em quơ quéo...

Nền văn học miền Bắc, tạm gọi là văn học của chiến công, nền văn học lôi cuốn người ta đi vào cuộc chiến tranh. Nếu mấy trăm năm trước trong truyền thống có mảng văn học chức năng, động viên thôi thúc con người như *Bình Ngô Đại Cáo* hay thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, thì nay văn học miền Bắc nổi tiếp truyền thống ‘động viên’ đó.

Thăng dèp râu như có gì suy nghĩ lung lăm rồi “võ vai văn hoá”...

Trước kia năm 56, ngự sử văn đàn Phan Khôi đã viết ròi: Đành rằng văn hóa phục vụ chính trị, nên chính trị lãnh đạo văn hóa. Nhưng phải hỏi: Nếu chính trị muốn đạt đến mục đích, thì cứ dùng khẩu hiệu, biểu ngữ, thông tri, chỉ thị không được hay sao, mà phải cần dùng đến văn hóa? Trả lời cho thành thật, e chính trị võ vai văn hóa mà nói rằng: “Sở dĩ tao tha thiết đến mày là vì tao muốn lợi dụng cái văn hóa của mày”.

Gã cứ rửa tai nghe nó dệt chuyện và không nghĩ xa hơn không ngoài chuyện gã cứ bí beng với tùy bút Phở của Nguyễn Tuân, với “người ta” là ai đây mà cách chức Xuân Diệu? Gã tí tê những cóc cây này cho ra nhẽ.

- Cứ như chĩnh mắm thối ấy bác ạ! Này nhá...

Chế Lan Viên ghét Nguyễn Đình Thi. Nguyên Ngọc cũng vậy vì cho Nguyễn Đình Thi là thằng giả dối. Trong hội nghị, hễ Nguyễn Đình Thi phát biểu Nguyên Ngọc bỏ ra ngoài, vì vậy Chế Lan Viên muốn đưa Nguyên Ngọc lên. Trước đó Nguyên Ngọc làm bí thư đảng đoàn Hội nhà văn, Tố Hữu rất ghét Nguyên Ngọc. Tố Hữu từng nói với Tô Hoài: “Nguyên Ngọc cứ để nó làm bí thư đảng đoàn thì nó sẽ làm vua”. Nguyên Ngọc ghét tờ *Văn nghệ* của Hữu Thịnh, tờ *Văn nghệ* đưa đến, Nguyên Ngọc vát ngay vào sọt rác. Sau thời kỳ đổi mới, tờ *Văn nghệ* phê phán Nguyên Ngọc là "chêch hướng". Nguyên Ngọc từ chức Tổng biên tập và nghỉ hưu. Hữu Thịnh lên thay, Tô Hoài làm quân sư. Hữu Thịnh vừa là Tổng thư ký Hội nhà văn, vừa ghi tên dự giải và vượt mặt ẵm luôn tiền giải thưởng. Bác thấy có thói không hờ bác.

Ngõ phở mắng cháo chửi xong, thằng em lại cạy cạy tiếp chuyện cô Trang Hạ, hội viên Hội nhà văn khai chính mắt thôi ở hội với ba điều bốn chuyện như thế này đây...

Năm 2009 em khôn nạn với các bác vì vụ em lỡ khai ra việc quan chức của Hội nhà văn “đạo văn” mang đi Đài Loan khoe mẽ. Các bác gửi đơn kiện lên tận Bộ Công An yêu cầu làm rõ con phản động Trang Hạ đang bôi nhọ các bác. Bác Thịnh gọi em lên để thương lượng dẹp vụ này vì đây là lỗi của quan chức Hội nhà văn chứ không phải lỗi của Hội nhà văn. Em nói thằng em không phải con chó mà

huýt sáo gọi tới thì dọn dẹp bãi cứt của các bác? Em nói bác Thịnh sang Đài Loan mà thương lượng. Bác bảo, bác đang ngồi tầng ba nên bác sợ Trung Quốc.

Lũn cũn đến đây là nó...tịt. Chả lẽ bụt không thèm ăn mày ma, nhờ vậy gã biết tổng thằng em giữ tịt mít trong đầu là nào ai biết ma ăn cỡ giữa quan chức Hội nhà văn với “bác Thịnh”. Với “bác Thịnh” đây chả phải bòn gio đãi sạn gì vì rành rành như canh nấu hẹ trên Wikipedia:

Ấy là 10 tuổi “bác Thịnh” chăn bò, năm 1954 mới học bổ túc văn hoá, nhờ chăn bò nên tốt nghiệp sơ cấp thú y. Sau 75, “bác Thịnh” học khoa viết văn khóa I tức Trường dạy văn Nguyễn Du. Gã nghe đâu mấy ông ”sinh viên” học văn như “bác Thịnh” này cũng góm chét: ”Nghe đồn rằng sinh viên viết văn góm lảm. Người ta bảo, bọn ấy khi chưa vào trường không biết Nguyễn Du là ai nhưng khi tốt nghiệp rồi thì coi Nguyễn Du cũng chẳng ra gì”. Góm hơn nữa “bác Thịnh” vì ngồi tầng ba nên...ba lần “đắc cử” Tổng thư ký Hội nhà văn.

Mà cứ theo Nguyễn Quang Lập thì ông tổng thư ký Hội nhà văn này quá đọa quá lảm...

“...Hữu Thịnh có máu gái nên thích à oi với những nhà văn gái. Gặp là giả đò nhìn sững nói sao em xinh thế, trẻ ra hơn...hôm qua. Vì màng gái gú nên Hữu Thịnh rất sợ ai nhìn thấy mình đầu hói. Đang nói chuyện, ai đó bật quạt, mặt Hữu Thịnh xanh như đít nhái, cuống quýt kêu tắt tắt...tắt quạt. Cái hồi ở Trường dạy văn Nguyễn Du. Mình vào

phòng bắt gặp Hữu Thịnh đang thay quần, thấy mình, Hữu Thịnh cuống quýt kêu ra...ra mau cứ như gặp đàn bà con gái không bằng. Có ba người không bao giờ đứng đái chung với đàn ông, đó là Xuân Diệu, Trần Đăng Khoa và Hữu Thịnh. Họ đều là những nhà thơ trứ danh cả. Mình kết luận:

- Họ đái kiểu gì thì mình cứ kiểu đó mà đái ắt là thành danh...”.

”Thông tin” với thằng em rôi, gã kháy khó nó...

- Cũng tốt thôi...

Lần này nó không “ó” ra nữa mà “bức xúc” với “văn hoá đều” của ông kỉnh Trung Quốc qua Trang Hạ... Và thằng em quần quả theo cô nhà văn thì Ta sợ Tàu một phép...

Năm 2006, chính xác hơn khi Thiết Ngung lên làm chủ tịch Hội nhà văn Trung Quốc. Hội nhà văn Việt Nam gửi hoa và điện mừng bà Thiết Ngung làm Chủ tịch Hội nhà văn, “hội nó” đều lăm đã lờ “hội của bác Thịnh” đi, “nó” không thèm trả lời. “Hội của bác Thịnh” gửi công văn mời giao lưu văn hóa, “nó” cũng không thèm trả lời. Hội nhà văn Việt Nam mở hẳn một hội thảo cho “nó” tại Hà Nội, “nó” đều, nó chỉ gửi một công chức bàn giấy chả biết gì về văn chương sang chiêu lệ. “Hội của bác Thịnh” gửi công văn mời tới 35 nhà văn của “nó” sang Hội nghị quảng bá Văn học Việt Nam ra thế giới. “Hội của bác Thịnh” đặc cách lo toàn bộ chi phí tàu xe đi

lại, ăn uống đủ thứ cho nó, nó càng đều nữa, nó càng lờ đi coi như câm điếc.

Nghe thủng chuyện, người gã cứ thủng ra vì “ăn uống” có ”liên hệ” đến nhà văn Nguyễn Huy Thiệp với chữ nghĩa đầu có ngon ăn như óc chó, thảng như...

Trong Hội nhà văn có tới hơn 80% là nhà thơ, là những người chỉ dựa vào "cảm hứng" để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa, nhìn chung là lãng nhãng. Giai thoại có một nhà thơ nói về tình cảnh thơ cho thực tế đó: "Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ - Hôm qua nó bảo: Dí thơ vào l...- Vợ tôi nửa dại nửa khôn - Hôm nay lại bảo: Dí l... vào thơ ". Quả thực cái danh nhà thơ nhìn chung chỉ là nhặng nhít, hữu danh vô thực, chẳng ai muốn dây vào nó: Nhà thơ đồng nghĩa với sự chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa.

Gã bèn hỏi đến cụ ty tử muội:

- Vậy chứ nhà thơ có nhiều như...tủ lạnh chạy đầy đường không chú?

Giục toáy mãi nó mới cười cái hặc một cái và thảng em gã cũng đáo để lắm:

- Bác nói hay nhê! Bác biết tổng ra đấy mà còn hỏi.

Và nó tiếp...

Thì như Nguyễn Huy Thiệp đã bàu bậu: Thực tế chẳng ai muốn dây vào nhà thơ...lên đồng. Làm thơ phải có trình độ chứ không thể tùy hứng. Phê bình cũng vậy, không phải cứ áo lương khăn lượt, kiêu

chiếu hoa một cỗi mãi được. Ăn cơm mắt ngắm về sau...sau đây nhà phê bình văn học Vương Trí Nhàn đã luận giải rạch ròi: “Tác giả *Tướng về hưu* khi bàn về người làm nghề văn, chữ của ông thường là: sơ xuất, nhầm lẫn, sự bắt chước lối bịch, vị kỷ, hư đốn, đểu cáng, bất lương - toàn những đức tính khiến người ta ghê ghê”. Một lần khác ông nói toẹt ra: “Khoảng hơn chục năm trở lại đây Việt Nam không có những nhà văn có phong độ khí phách lớn. Đến ngay cả nỗi buồn cũng không phải là nỗi buồn lớn. Qua lĩnh vực văn học, nhìn vào danh sách hơn 1000 hội viên Hội nhà văn đều thấy đa số đều chỉ là những người già nua không có khả năng sáng tạo. Hoặc họ ở trong tình trạng điên điên khùng khùng, chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn...”. Với ông Vương Trí Nhàn thì nghe cũng dễ sốc nhưng chỉ cần tự hỏi “Làm sao mà người ta có thể nói được sự thật về nhân sinh trong khi sự thật về chính cái giới văn của mình thì lảng tránh?” thì sẽ thấy Nguyễn Huy Thiệp có lý.

Nhúm được nó...làm phê bình như ông họ Vương. Trộm nghĩ thấy ai đánh rắm to ở đâu là tìm đến, bởi họ hàng hang hốc nhà gã có tổng táng ở mã hàm rộng hời nào đâu? Nay gặp mưa chiều gió sớm nó làm tới “phán quan”, tới “ngự sử văn đàn”. Bèn hỏi. Nó cúi um lên:

- Sao bác đàn thế! Thế này nhá: Người làm nghề viết văn và trong số đó một số người trở thành nhà văn. Chuyện cứt trâu để lâu hóa bùn ấy mà, bình thường thôi. Trong số các nhà văn, có một số người

trở thành nhà phê bình có...ông em bác đây. Không có chó bắt mèo ăn cứt vậy đó, chuyện không bình thường là thế đấy. Nhào! Nói chuyện với người điếc có khác!

Gã không biết làm gì là làm thỉnh. Được thể thằng em tung tẩy:

- Được mười khoá trường đổi tên với mảng chữ dài ngoằng ngoằng là “Khoa sáng tác và Lý luận phê bình văn học”. Ngoài các môn đại cương sinh viên trong khoa còn được học tập, tiếp cận các môn chuyên ngành. Phân tâm học, Văn hóa học đại cương, Tâm lý học, Lý luận phê bình văn học...thì....Thì mới...”lý luận, lý sự” như bác đây! Bác nghe rõ chưa.

Nghe kinh thật! Gã “kinh qua” cho...qua ngày đoạn tháng:

- Phê bình văn học miền Bắc, anh thầy cũng bình thường thôi?

Cái thằng hẻo thật! Hỏi có vậy thôi mà nó nặng xì lên:

- Bác dờ hơi vừa chứ...chứ bình thường thế quái nào được! Các nhà phê bình thâm tâm đều muốn mỗi nhà văn là một “mặt bằng văn hoá”, là một con vật không cựa quậy để họ dễ thọc dao. Nhưng bất cứ ai đều có thể viết bài ca tụng Tố Hữu, Nguyễn Khoa Điềm hoặc một cuốn tiểu thuyết được giải của Hội nhà văn với *hội chứng chửi có thưởng*. Không nói ra ai cũng biết, phê bình như vậy cũng có vài trăm ngàn...tiền nhuận bút. Hậu quả khâu phê bình là

trung thành và tận tụy đối với chế độ. Những nhà phê bình hầu như luôn luôn đứng ở hàng đầu trong mọi danh sách được sắc phong. Đây!

Ừ thì cũng thỏa mái thôi. Vì biết đến phê bình trong nước chỉ rất dọa nạt, mắng mỏ, đe nẹt nhau từ miếng ăn, manh áo, từ thìa đường, quả trứng. Gã “thọc dao” vào...mặt bằng nó:

- Chú đã “chửi” ai chưa?

Nó cười khùng khục như chó hóc xương:

- Úi dào, bác cứ nói thế, bác chỉ hỏi hăng lầy được...em chỉ phát biểu quan điểm trên cơ sở cảm nhận. Cho ăn gan giò trứng trâu em cũng chẳng dám bắc kiềng lên lưng ai mà đun, vì trong giới phê bình họ hay dùng từ “đánh”. Gần đây Trần Mạnh Hào...đánh Nguyễn Huy Thiệp:

“...Các anh các chị có biết thằng Thiệp là thằng phản động không? Nó đã phát biểu bêu riếu cuộc chiến tranh chống Mỹ của dân tộc ta...”.

Ha! Phê bình kiểu này nhằm thật chứ chẳng chơi, hết thằng này thằng kia. Thế là gã quấy quả với nó về nền phê bình văn học miền Bắc. Nó đánh rầm đổ cho trâu:

Trong cuộc tán gẫu quanh bàn nhậu ở Hà Nội, vào dịp một nhà phê bình văn học miền Nam (Nguyễn Hưng Quốc) về thăm nhà. Nhà phê bình văn học miền Bắc hỏi: "Nghe nói hình như anh có phê bình sách của Võ Phiến?". Nhà phê bình miền Nam gật đầu xác nhận. Nhà phê bình miền Bắc tiếp:

"Tôi không hiểu tại sao anh lại mất thì giờ như vậy. Tôi thấy Võ Phiến viết xoàng lắm". Nhà phê bình miền Nam hỏi lại: "Anh có đọc Võ Phiến nhiều không?". Và được trả lời: "Tôi chỉ đọc vài bài viết của ông ta trên báo thôi.". Nhà phê bình miền Nam nói: "Mới đây Võ Phiến cho in bộ sách văn học miền Nam...". Nhà phê bình miền Bắc lên giọng, gay gắt: "Tôi thấy Võ Phiến chỉ viết linh tinh". Nhà phê bình miền Nam ngạc nhiên: "Ừa, anh đọc rồi hả?". Nhà phê bình miền Bắc đáp đầy tự tin: "Chưa. Tôi không có bộ sách đó".

Trong chuyện tán gẫu quanh bàn nhậu ở Hà Nội của thằng em ở trên, chuyện này gã cũng góp nhặt qua sách báo. Họ thường gặp nhau trong quán nhậu văn chương, là quán ba ba, thịt rắn, thịt rừng. Kém kém một chút thì bia hơi via hè. Khướt thêm chút vài chén rượu để hột mít trước mâm thịt cày. Họ hết đứng rồi ngồi, hết đi. cha thì đi. mẹ, hết cười rang rức đến suy tư. Khi say, họ thực sự dẫn thân, họ sống giữa phố phường viết văn và...làm thơ. Trong phiêu bồng ngất ngây, gã hỏi nó dạo này còn...”chè chén” với Hội nhà văn nữa chẳng? Ý đồ gã là muốn khép cánh cửa văn học lại, đẩy văng những nhà thơ, nhà văn, nhà phê bình vào bóng tối cho gã nhờ. Khôn khổ, trong cơn đồng thiếp, nó chau văn hậu bóng:

- Nhào! Nhếch nhác lắm bác ơi, cần phải đổi mới. Không thể viết như cũ được nữa. Tất cả đã cũ mèm, Dương Tường khá hơn cả, song cũng tác rồi. Trần Đăng Khoa làm thơ bằng cách vát thơ vào rổ

rá, cối xay...là vợ vẫn lắm! Nguyễn Huy Thiệp cũng bí ngô bí khoai, một hồi họ đề cao hơi quá. Phạm Thị Hoài có khá hơn. Em không thích thơ Tố Hữu, chả có gì hay. Bác cứ phản biện đi, hay ở chỗ nào? Bác sắp ngoác mồm ra: “Thơ hay không phân tích, không giảng được!”. Nhưng với Trần Đăng Khoa không phải thế. Nếu hay là phân tích, lý giải được tất.

Rồi thằng em hoảng lên với nhà thơ thần đồng...

- Tố Hữu trong bài thơ *Ta đi tới* có câu: “Trên đường cái ung dung ta bước - Đường ta rộng thênh thang tám thước”. Trần Đăng Khoa lý giải với câu: “*Đường ta rộng thênh thanh tám thước* cần phải sửa lại. Bởi vì đã coi là thênh thang, làm gì có giới hạn. Nếu đã nói 8 thước, không thể gọi là thênh thang được”. Thế đấy thưa bác.

Chẳng đợi gã thế này thế kia, nó cú rằng có vợ rằng không:

- Lộng chữ với chữ nghĩa chả biết đâu mà lẩn, như năm 60 ông Hồ đề ra “Chữ Việt trong sáng”. Ông Phạm Văn Đồng viết một bài về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Bài ấy, theo em có thể không hay hoặc chưa đúng chỗ này chỗ khác vậy thôi. Nhưng bị “phán quan” Hoàng Ngọc Hiến phay vào mặt: “Phạm Văn Đồng viết bài ấy là thiếu văn hoá”. Rồi đến ông Hồ chê Tô Hoài viết sai chính tả! Văn hoá xung kích cứ vậy “xung đột” nhau chẳng ra làm sao cả.

Gã căng tai nghe thằng em rỉ rả...

- Về văn thì Nguyễn Khải có văn. Em có... *cảm giác* cứ tải ra chữ lại hổng, không ra sao cả. Phải có mắt xanh, Nguyễn Tuân gọi là đầu mày cuối mắt, Tô Hoài thông minh, nhưng thẳm định xoàng. Ngay cả Nguyễn Tuân. Rồi bác hóng mắt ra mà xem, mười năm nữa người ta không đọc Nguyễn Tuân nữa đâu, cũ sì rồi! Đấy.

Khỉ thật! Với tâm viên ý mã gã chữ Việt trong sáng hôm nay hay dùng từ “cảm giác” nóng, lạnh, đắng, cay để diễn đạt ”cảm nhận, cảm xúc” nghe...nhức nhối sao ấy. Bèn gã ngứa thằng em với...văn dĩ tải đạo ra sao. Nó lại hiểu...văn là người, là...*đá cá lặn dưa*. Trong phiêu hốt nó phọt ra chữ nghĩa đầy cảm xúc và vặc gã như vật thịt:

- Bác cứ nói thế, lặn tẩn làm gì cho mệt, em có nói sai bác cứ vả vào mặt em. Mấy năm gần đây em trả lại thẻ hội viên, cắt đứt những giao du với nhà văn, nhà thơ, ngữ ấy em chừa ra. Nhờ chẳng may Nguyễn Huy Thiệp lại xếp em vào trong các nhà văn “đá cá lặn dưa” thì bỏ bố! Xin lỗi bác chứ,...chứ bác có ngu thì cũng ngu một vừa hai phải thôi còn để cho người khác ngu với chứ. Nói dối phải tội, bác ngu như lợn ấy!

Gã đang ngúc ngắc với con lợn nó...ngu ở cái khổ nào? Thì thằng dếp râu gục gặc...

Đa phần quần chúng lúc này thỏa mãn văn chương qua âm nhạc, phim ảnh, xòang xòang rau cải

chợ, mớ xà lách hay mì ăn liền. Họ được ru ngủ bằng vào mở cửa cho miếng ăn, họ ngoảnh mặt với chuyện văn học và xa lạ với chữ nghĩa. Dường như chính sách nhà nước cũng muốn đề ra vậy, nên trong lĩnh vực văn học có không khí suy đồi, có những nhỏ to nhẽ ra phải phát huy đào tạo những nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình mới. Thì vài năm trở lại đây, có hơi hám bỏ đi trường viết văn Nguyễn Du, nhưng Nguyễn Huy Thiệp muốn giữ lại. Đây.

Mồ cha không khóc lại khóc tổ mối, với nắng trưa mưa tối thấy trường dậy văn như miếu đền đồ nát có những chuyện...hâm hấp, vớ vẩn. Nên gã “chết kèn trống, sống dầu đèn” với nó...

- Những ông thầy dậy văn mà trường chú “chiêu hiền đãi sĩ” chả hẳn đã là những bậc “mũ cao áo dài” in dày đặc trong danh thiếp những học hàm học vị, chức vụ to tát chả dính giáng gì đến văn chương chữ nghĩa. Vì vậy như anh “tiếp thu” thì giảng viên Phạm Vĩnh Cư dứt áo ra đi. Nhà văn Nguyễn Ngọc lắng lạng thái độ: "Tôi không chơi với các anh nữa".

Đang buồn chẳng muốn nói gọi chẳng muốn thừa, thằng em gật gù làm như đồng cảm...

- Nói chung là tốt! Ít có ai hay trường đào tạo “11 khóa chính quy”, tốt nghiệp cả tiểu đoàn có hơn 50% người trở thành hội viên Hội nhà văn. Họ bắt chước viết in hệt như nhau, mỗi nhà văn chỉ viết được 5, 6 bài, tuổi thọ văn nghiệp của họ 5, 6 năm là hết đất. Đây.

Ha! Thế thì bỏ bu Hội nhà văn rồi! Lại nữa, từ giờ mẹo trò qua giờ tý gã bị tra tấn chữ nghĩa hết “văn chương xung kích” nay tới “11 khóa chính quy”, chữ nghĩa gì mà...”lựu đạn” quá mạng! Đang lằm đằm đến đây gã thiếp đi lúc nào không hay, trong giấc mộng từ chương hôn vía gã bay về mảnh đất trồng...”chữ” gần bến xe điện Ngã Tư Sở ở đê La Thành, sông Tô Lịch.

Gã thấy thằng em gã đang đập phá ngôi đền rêu phong mái ngói đỏ tươi bỏ vào quan tài và hì hục đào 1 m x 2 mét chôn xuống đất.

Tam bách dư niên hậu sau, mảnh đất ấy mọc toàn cỏ trúng éch hoa đỏ...

Gã tháo lớp mặt giả ra. Bỏ vào ngăn kéo khóa lại. Và ngẫm ngợi bình thường sao được vì toàn gặp những nhiều chuyện gì đâu! Mở ngăn kéo. Lôi lớp mặt thật đeo vào. Với nhiều sự hơn nữa, về nhà cả tháng nay, cứ ngồi xuống bàn viết khi không chân ngứa ngứa như đi...dép râu. Thế là cái đầu cái tay gã ngứa ngứa. Vì vậy mới thành chuyện! Chuyện là sau đó gã loáy nhoáy ngậm vắn nhả chữ. Thế đấy. Thế là gã nhả đám bã chữ cũ mềm xuống mặt giấy...

(...)

Chuyện gã có thằng em ở căn hộ cấp 4. Nó học làm văn tại trường dạy văn. Thằng này thật khá trai, 50 tuổi. Vì ăn tạp có nhiều cơ bắp. Nên gã có “cảm giác” thằng em nặng 38 kilô...

Thạch trúc gia trang



Ngộ Không Phí Ngọc Hùng
(viết xong 2011 viết thêm 2017)

Nguồn:

Đình Hồng Nghi, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Hữu Quý, Mã A Lệnh, Nhật Tuấn, Phạm Thị Hoài Nguyễn Quang Thụy, Vương Trí Nhàn, Nguyễn Đăng Mạnh, Cung Tích Biền, Lý Đợi, Vương Văn Quang, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Thế Hùng, Cù Huy Hà Vũ, Nguyễn Ngọc Bảo, Lại Nguyên Ân, Nhật Tuấn, Nguyễn Quang Lập.

Ngộ Không Phí Ngọc Hùng

Một Chút

Dối Già

Tập Bốn



MỘT CHÚT DỐI GIÀ (TẬP 4) của Ngô Không Phí Ngọc Hùng, là tác phẩm thứ 42 trong Tủ Sách Điện Tử T.Vấn & Bạn Hữu, được phát hành miễn phí trên hệ thống toàn cầu của trang mạng văn học T.Vấn & Bạn Hữu (T-Van.Net).

*Bản Quyền thuộc về tác giả
và Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu*



Những Tác Phẩm của Ngô Không Phí Ngọc Hùng

Đã Xuất bản



